

ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYÊN GIÁP

**NHỮNG
CHẶNG ĐƯỜNG
LỊCH SỬ**



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

**NHỮNG
CHẶNG ĐƯỜNG
LỊCH SỬ**

**Biên mục trên xuất bản phẩm
của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Võ Nguyên Giáp

Những chặng đường lịch sử / Võ Nguyên Giáp ; Hữu Mai thể
hiện. - Xuất bản lần thứ 7. - H. : Chính trị Quốc gia, 2018. - 648tr. ;
21cm

1. Lịch sử 2. Kháng chiến chống Pháp 3. Cách mạng
tháng Tám 4. Hồi ức 5. Việt Nam
959.704 - dc23

CTF0363p-CIP

ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYÊN GIÁP

**NHỮNG
CHẶNG ĐƯỜNG
LỊCH SỬ**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2018**

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đại tướng Võ Nguyên Giáp, người anh cả của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng, một trong những học trò xuất sắc, cộng sự thân cận của Chủ tịch Hồ Chí Minh, "ông không chỉ trở thành huyền thoại mà có lẽ còn trở thành một thiên tài quân sự lớn nhất thế kỷ XX và một trong những thiên tài lớn nhất của tất cả các thời đại". Tên tuổi và sự nghiệp của ông gắn liền với Bác Hồ, với một giai đoạn lịch sử hào hùng nhất của dân tộc ta.

Từ một trí thức yêu nước, sớm giác ngộ cách mạng, được Bác Hồ dìu dắt, ông đã trở thành một vị tướng, một nhà quân sự kiệt xuất. Dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và Bác Hồ vĩ đại, từ một đội quân "đầu trần, chân đất" ra đời trong rừng sâu Việt Bắc, quân đội ta đã lớn mạnh không ngừng, lần lượt đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, giải phóng đất nước, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền của Tổ quốc.

Không chỉ là một vị tướng, một nhà chính trị - quân sự tài năng, ông còn là tác giả của nhiều công trình, bài viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh, về Đảng, về quân đội, về chiến tranh cách mạng Việt Nam, nhiều bộ hồi ký có giá trị, như *Từ nhân dân mà ra*,

* Cecil Curry: *Chiến thắng bằng mọi giá - Võ Nguyên Giáp, thiên tài của Việt Nam*, Nxb. Brassy's, Washing, 1997.

Những năm tháng không thể nào quên, Chiến đấu trong vòng vây, Đường tới Điện Biên Phủ, Điện Biên Phủ - điểm hẹn lịch sử, Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng... Những bộ hồi ký đã tái hiện một cách sinh động, có hệ thống những giai đoạn lịch sử đầy cam go, thử thách, nhưng vô cùng oanh liệt của dân tộc.

Nhân kỷ niệm 73 năm Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công và Quốc khánh 2-9 (1945-2018), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản lần thứ bảy cuốn sách *Những chặng đường lịch sử*, gồm hai tập hồi ức *Từ nhân dân mà ra* và *Những năm tháng không thể nào quên* của Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Nội dung cuốn sách đề cập đến hai thời kỳ đấu tranh cách mạng có quan hệ đến sự tồn vong của dân tộc - chuẩn bị giành chính quyền và năm đầu tiên sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Là một trong những nhà lãnh đạo chủ chốt của Đảng ở thời điểm lịch sử trọng đại đầy khó khăn thử thách ấy, tác giả đã tái hiện bức tranh lịch sử hoành tráng của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, đặc biệt là hình ảnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong một giai đoạn cách mạng mà có lúc vận nước như "ngàn cân treo sợi tóc".

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách quý cùng bạn đọc.

Tháng 6 năm 2018

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

TỪ NHÂN DÂN MÀ RA

Hữu Mai thể hiện

Nhân ngày kỷ niệm quân đội năm nay¹, theo yêu cầu của Tổng cục Chính trị, chúng tôi kể lại một số chuyện về thời kỳ mới xây dựng của Quân đội ta.

Ngay từ ngày Đảng ta mới thành lập, trong khi xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam là phải đánh đổ kẻ thù đế quốc và phong kiến, thực hiện cách mạng dân tộc, dân chủ, tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đảng ta đã chỉ rõ cho toàn dân con đường giải phóng duy nhất là con đường bạo lực cách mạng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong suốt mấy chục năm qua, nhân dân ta đã đi theo con đường đúng đắn do Đảng vạch ra, khi thì tiến hành đấu tranh chính trị, khi thì tiến hành đấu tranh vũ trang, khi thì kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và đã không ngừng đưa cách mạng tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác ngày càng to lớn hơn.

Từ những năm 1930, 1931, những đội tự vệ đỏ của

1. Hồi ký *Từ nhân dân mà ra* được xuất bản năm 1964, nhân dịp kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (BT).

quần chúng công nông trong phong trào Xôviết Nghệ - Tĩnh đã từng anh dũng đứng lên bảo vệ chính quyền xôviết, bảo vệ nhân dân. Năm 1940, tiếng súng khởi nghĩa Bắc Sơn, tiếp đó là cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ đã báo hiệu một thời kỳ mới. Với Hội nghị Trung ương lần thứ tám (5-1941), vấn đề chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa đã được đề ra thành nhiệm vụ cần kíp của toàn Đảng và của toàn thể nhân dân ta. Các đội Cứu quốc quân, Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, Du kích Ba Tơ cùng hàng ngàn đội tự vệ, tự vệ chiến đấu tại khắp các địa phương trên cả nước đã sinh ra và lớn lên trong cao trào đấu tranh cách mạng chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, lực lượng vũ trang của nhân dân đã ra đời. Quân đội của chúng ta thực sự là một quân đội của nhân dân, từ nhân dân mà ra, vì sự nghiệp của nhân dân mà chiến đấu.

Từ những hạt giống bé nhỏ nảy mầm trong khói lửa đấu tranh cách mạng của toàn dân, trải qua biết bao cơn phong ba bão táp, Quân đội ta đã lớn mạnh không ngừng và đã không ngừng chiến đấu và chiến thắng.

Mấy năm trước, nhân những ngày kỷ niệm “Ba mươi năm ngày thành lập Đảng”, “Bảy mươi năm ngày sinh của Bác”, với sự giúp đỡ của các đồng chí Tô Hoài, Trần Cư, tôi đã có dịp kể cùng các đồng chí và đồng bào ít mẫu chuyện về Bác Hồ với quân đội, về Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân tại Chiến khu Cao - Bắc - Lạng.

Năm nay, nhân ngày kỷ niệm quân đội, cùng với

những tập hồi ký về *Cứu quốc quân* của anh Chu Văn Tấn, *Du kích Ba Tư* của anh Phạm Kiệt, về các lực lượng tự vệ và tự vệ chiến đấu thời kỳ trước Cách mạng Tháng Tám, với sự giúp đỡ của đồng chí Hữu Mai, tôi muốn ôn lại cùng các đồng chí về công cuộc chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa, xây dựng căn cứ địa cách mạng tại chiến khu Cao Bằng - Bắc Kạn, nơi *Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân* đã ra đời. Tôi sẽ kể lại những chuyện từ ngày được gặp Bác, vị lãnh tụ của Đảng và của dân tộc, Người đã trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng tại Cao - Bắc - Lạng và tại Khu giải phóng trước ngày Tổng khởi nghĩa, đã ra chỉ thị thành lập và đã xây dựng, rèn luyện *Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân*. Tôi cũng muốn nhân đây kể lại một số chuyện về Khu giải phóng, nơi lực lượng vũ trang thống nhất của Đảng ta, *Việt Nam Giải phóng quân* đã nhận được bản quân lệnh đầu tiên của Ủy ban khởi nghĩa. Phong trào cách mạng tại Chiến khu Cao - Bắc - Lạng, và tại Khu giải phóng sau này, là một phong trào cách mạng rất rộng lớn; trong hoàn cảnh hoạt động bí mật, địch khủng bố gắt gao, sự liên lạc với Trung ương ở miền xuôi, và ngay giữa các địa phương với nhau cũng thường bị gián đoạn; tôi chỉ kể ở đây ít nhiều những chuyện, những việc tôi đã chứng kiến hoặc được biết trong phạm vi và trong địa phương công tác của mình, mong rằng sẽ được các đồng chí khác cùng hoạt động hồi đó có dịp bổ sung cho đầy đủ.

Nhân dân ta vô cùng vĩ đại. Quân đội ta, con đẻ của nhân dân, là một quân đội anh hùng. Từ nhân dân mà ra, được nhân dân đùm bọc, chăm sóc, thương yêu, Quân đội ta đã làm tròn và quyết sẽ làm tròn mọi nhiệm vụ nặng nề, vẻ vang mà nhân dân và Đảng giao phó.

I

Tháng 9-1939, cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

Bọn đế quốc tranh giành nhau thị trường lại lôi cuốn loài người vào thảm họa của một cuộc chiến tranh mới.

Tại Đông Dương, bọn thống trị thủ tiêu nốt chút quyền tự do dân chủ mà chúng ta đã đấu tranh giành được từ ngày Mặt trận Bình dân ở Pháp lên cầm quyền. Chúng thẳng tay đàn áp cách mạng, thẳng tay bóc lột nhân dân, đẩy hàng vạn đồng bào ta đi làm mồi cho súng đạn, chết thay cho chúng như trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất. Những sách báo công khai của Đảng đều bị cấm. Nhiều đồng chí bị bắt. Bọn mật thám dắt xe đạp đứng theo dõi trước nhà những đồng chí đã lộ mặt trong thời kỳ hoạt động nửa công khai. Cuộc khủng bố của đế quốc mỗi ngày một thêm ráo riết. Các tổ chức hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp của Đảng đều phải rút vào bí mật.

Tháng 4-1940, anh giáo Minh tới báo cho tôi đi gặp anh Hoàng Văn Thụ. Tôi lên Chèm, nghỉ lại đó một đêm. Anh Thụ truyền đạt lại những nghị quyết của Đảng tại Hội nghị Trung ương lần thứ sáu (11-1939) vừa qua.

Đảng đã nhận định, con đường sống còn duy nhất của các dân tộc ở Đông Dương hiện nay là phải đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả bọn xâm lược nước ngoài không kể là da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng, độc lập. Mặt trận Dân chủ thích hợp với hoàn cảnh trước, không còn thích hợp với hoàn cảnh hiện tại. Đảng đã chủ trương thành lập Mặt trận Thống nhất Dân tộc Phản đế Đông Dương để đấu tranh chống chiến tranh đế quốc, đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Để chống lại sự khủng bố của đế quốc, nhiều cán bộ và quần chúng của Đảng sẽ chuyển sang hoạt động bí mật. Anh Hoàng Văn Thụ cho biết, theo quyết định của Đảng, anh Phạm Văn Đồng và tôi sẽ vượt biên giới sang Trung Hoa.

Hoàn cảnh của chúng tôi khi đó cũng khó khăn. Anh Đồng từ ngày ở Côn Đảo về, vẫn yếu. Bọn mật thám đã theo dõi chúng tôi trong những hoạt động chính trị và làm báo công khai của Đảng tại Hà Nội, vẫn giám sát chúng tôi trong mọi hành động. Tuy vậy, ít ngày sau, cuộc chuẩn bị cũng đã xong, anh giáo Minh lại đến báo với tôi đi gặp anh Hoàng Văn Thụ một lần nữa, trước khi lên đường.

Một buổi chiều, sau khi dạy học, nhân lúc học sinh tấp nập ra về, tôi lên tàu điện đi về phía Hà Đông. Đến Cầu Mới, tôi xuống tàu.

Trời đã nhá nhem tối. Nhìn trước, nhìn sau, không thấy có ai theo dõi, tôi rẽ vào nghĩa trang Quảng Thiện. Một người đội khăn xếp, mặc áo dài đen, tay cầm chiếc ô, đang đứng vẩn vơ trong đó. Tôi nhận ra anh Hoàng Văn Thụ.

Bữa đó, anh Thụ đã nói với tôi: “Tình hình này, sớm muộn thế nào bọn phát xít Nhật cũng sẽ chiếm đóng Đông Dương. Như vậy, rất có thể quân Đồng minh cũng sẽ đổ bộ vào. Cách mạng ta cần phải có lực lượng quân sự. Chúng ta phải chuẩn bị nhiều mặt để phát động chiến tranh du kích thì mới kịp thời được”.

Trước khi chia tay, anh Thụ căn dặn thêm:

- Anh ra nước ngoài lần này có thể gặp đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Anh hỏi xem sự hoạt động của "Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông" hiện nay như thế nào?

Tôi biết lần này sẽ phải xa anh lâu, nhưng không ngờ đó là lần cuối cùng gặp anh.

Về đến nhà, tôi vẫn suy nghĩ đến việc chuẩn bị phát động chiến tranh du kích mà anh Thụ đã nói. Từ lâu, tất cả chúng tôi đều biết, tại Trung Hoa, Đảng Cộng sản đã phát động một phong trào chiến tranh du kích rất rộng lớn trong nhân dân nhằm đánh đổ chính quyền của bọn thống trị. Chúng tôi đã đọc nhiều sách báo về Diên An, căn cứ địa của cách mạng Trung Hoa, về những hoạt động du kích chống Nhật của Bát lộ quân, Tân tứ quân... Tôi nghĩ đến cuộc chiến đấu của nhân dân ta chống quân nhà Minh dưới thời Lê Lợi. Tôi nghĩ đến cuộc chiến đấu của nhân dân Tây Ban Nha chống lại sự xâm lăng của Napolêông. Tôi chưa tưởng tượng được tình hình sẽ diễn ra như thế nào nếu phát động chiến tranh du kích trong hoàn cảnh nước ta. Một bữa, nhân qua thư viện, tôi mượn tập *Bách khoa toàn thư* tìm phần giải thích các loại vũ khí, tôi xem kỹ những đoạn về súng trường và lựu đạn.

Một buổi chiều, vào đầu tháng 5-1940.

Đến giờ đi dạy học, ra khỏi nhà một quãng, tôi ngoái lại nhìn ngôi nhà nhỏ, biết còn lâu mới quay trở về đây, khi đó chắc có nhiều sự thay đổi rồi.

Hôm đó là thứ sáu. Tôi đã sắp xếp dạy dồn cả chương trình thứ bảy vào thứ năm và thứ sáu, để có được một khoảng cách hai ngày, thứ bảy và chủ nhật, không phải đến trường. Mấy hôm trước, tôi đã biên sẵn một lá thư cho ông giám đốc nhà trường (khi đó là anh Hoàng Minh Giám), trong đó viết là về thăm nhà rồi bị mệt nên chưa ra Hà Nội được. Thư này, gia đình tôi sẽ gửi từ Quảng Bình ra, sau khi tôi đã đi khỏi Hà Nội.

Từ ngày ra Hà Nội hoạt động, tôi đã làm nghề dạy học tại Trường Thăng Long, một trường trung học tư thục. Mấy năm qua, làm nghề này, giữa tôi và học sinh đã có nhiều gắn bó. Một số học sinh đã tìm đến với chủ nghĩa cộng sản. Cũng có đôi người biết tôi sắp ra đi.

Năm giờ chiều, tan học. Tôi lững thững đi về phía Hà Tây như một người dạo mát. Hoa phượng nở đỏ trên vòm cây. Tiếng ve sâu kêu ra rả. Tôi vừa đi vừa để ý nhìn trước, nhìn sau xem có mật thám theo dõi không. May sao, chiều hôm đó, không thấy bóng dáng bọn chúng. Từ ngày địch bắt đầu khủng bố, trước khi tôi gặp anh Hoàng Văn Thụ, các anh cũng đã cho biết là tôi sẽ chuyển vào hoạt động bí mật. Trong nhiều lần trao đổi ở gia đình, chị Thái cũng rất muốn được đi hoạt động bí mật. Nhưng chúng tôi khi đó mới có cháu nhỏ chưa đầy năm, chưa nhờ ai nuôi được. Chị Thái hẹn khi nào gửi được con, sẽ đi sau.

Đến đường Cổ Ngư, qua chùa Trấn Vũ, tôi thấy chị Thái ẵm cháu Hồng Anh đã đứng đợi ở một gốc cây vắng người. Chị Thái rơm rớm nước mắt, thỉnh thoảng lại quay về phía hồ để mọi người khỏi chú ý. Tôi nói với chị Thái, ở nhà giữ liên lạc với các anh, tiếp tục công tác, cố gửi gắm Hồng Anh để đi bí mật. Chị Thái nhắc tôi, hết sức giữ gìn sức khỏe và cẩn thận trong khi hoạt động, gắng tìm cách cho nhà biết tin. Một đôi người quen đi ngang chào hỏi, tưởng chúng tôi đang đứng hóng mát. Chúng tôi đang nói chuyện thì có tiếng người hỏi phía sau:

- Thầy có đi xe không?

Tôi quay lại thấy anh giáo Minh kéo một chiếc xe tay đứng đợi. Tôi chia tay chị Thái lên xe, không ngờ phút chia tay đó lại là phút vĩnh biệt.

Đồng chí Minh đưa tôi đến một hàng cơm nhỏ ở cuối đường Yên Phụ. lát sau, anh Đồng cũng tới. Chúng tôi nghỉ đêm tại đây để tránh sự kiểm soát giấy tờ của bọn cảnh sát.

Sáng sớm hôm sau, anh Đồng và tôi ra ga Đầu Cầu, lên xe lửa đi Lào Cai. Vé tàu đồng chí Minh lấy cho từ trước. Cả hai chúng tôi đều không đem theo hành lý. Lên tàu, mỗi người ngồi một nơi. Tôi lấy chiếc kính râm ra đeo cho mặt hơi khác đi và để quan sát.

Dưới thời Pháp đô hộ, người được đi ra nước ngoài phải là người giàu có và trung thành với chính phủ “bảo hộ”. Với những người có chí hướng hoạt động cách mạng, thì chỉ có cách trốn, một là thoát, hai là vào tù ngục. Từ hồi còn là học sinh, sau cuộc bãi khóa những năm 1926,

1927, tôi cũng đã được các đồng chí định bố trí cho đi cùng với lớp thanh niên mới giác ngộ cách mạng. Nhiều lần, tôi đã mơ mình cùng một số anh em nằm trốn trong khoang một con tàu biển lênh đênh giữa đại dương. Về sau, tham gia tổ chức bí mật, tôi ở lại hoạt động không đi nữa.

Ngồi trên con tàu ra đi, nghĩ đến lúc đã qua biên giới, cảm thấy như trời sẽ cao hơn, đất sẽ rộng hơn, cánh chim sẽ lông tha hồ vùng vẫy. Xen với niềm phấn khởi đó, cũng có những lo âu, không biết từ đây đến biên giới có thoát khỏi tay bọn Pháp không. Không hiểu điều kiện hoạt động ở bên kia ra sao. Tướng Long Vân đứng đầu chính quyền của bọn Quốc dân Đảng ở Vân Nam vốn là một tên quân phiệt nổi tiếng chống cộng. Thêm vào với những phấn khởi, lo âu đó, là sự bồi hồi khi phải xa những người thân, xa đất nước, xa quê hương.

Hai chúng tôi dừng lại một đêm ở Yên Bái, chờ đồng chí Minh, người dẫn đường vượt biên giới, đi chuyến tàu sau.

Sáng hôm sau, đồng chí Minh tới. Chúng tôi cùng lên tàu tiếp tục đi Lào Cai. Khi tàu đỗ cách thị xã một ga, chúng tôi xuống. Đồng chí Minh dẫn đi bộ vòng quanh thị xã tới bờ sông Nậm Tì. Con sông ở quãng này là ranh giới giữa Lào Cai và Vân Nam.

Chúng tôi ngồi nép trong một bụi lau bên bờ sông đợi đồng chí Minh đi chuẩn bị. Anh kiếm đâu được một chiếc bè nhỏ, chèo sang sông trước. Anh vừa lên bờ bên kia thì một chiếc canô của lính đoàn Pháp đi tuần xình xịch tới. Chúng tôi ngồi nhìn hồi hộp. Bọn lính đoàn không nhận ra có người vừa vượt sông. Chúng đi khỏi một lát, đồng chí Minh lại chèo bè trở về đón chúng tôi.

Bè nhỏ, mỗi chuyến chỉ chở được hai người. Anh Đồng bảo tôi sang trước. Đã sắp đến mùa nước. Dòng sông Nậm Ti chảy cuộn cuộn, đục ngầu. Đồng chí Minh ra sức chèo chống một lúc, đưa được tôi sang bờ bên kia. Tôi quay lại nhìn những núi non trùng điệp của Tổ quốc nằm bên kia sông, u ẩn sau màn sương. Tình cảm lúc này thật khó tả. Non sông kia là của mình, nhưng lại nằm trong tay quân địch. Lúc phải xa đất nước, xa quê hương, cũng lại là lúc cảm thấy vừa thoát được vòng tù hãm...

Đồng chí Minh đưa anh Đồng và tôi vào một gia đình người Hoa. Tại đây, chúng tôi thay quần áo mặc khi ở nhà ra đi bằng hai bộ quần áo kiểu Tôn Trung Sơn, cao cổ, màu xám sẫm. Cả hai chúng tôi đều đóng vai những người Hoa sinh trưởng ở nước ngoài mới về.

Ngày tối hôm đó, ra ga Hà Khẩu, tiếp tục đi luôn Côn Minh. Chuyến tàu chọt chọt hành khách. Lại phải tránh sao cho khỏi bị bọn Tưởng kiểm soát vé và hộ chiếu. Mỗi khi thấy bọn soát vé từ phía trên đi xuống, cả ba chúng tôi lùi dần về cuối đoàn tàu. Khi tàu đỗ, chúng tôi xuống sân ga, đi ngược một quãng, rồi lên ngồi ở toa chúng vừa kiểm soát vé xong. Bọn chúng làm ăn cũng lơ mơ; chúng tôi thoát khỏi tất cả những lần kiểm soát không khó khăn lắm.

Hai ngày sau, tới Côn Minh. Anh Vũ Anh và anh Hoàng Văn Hoan đón tại sân ga. Các anh đưa chúng tôi đi vòng đầu ghi, vượt ra ngoài để tránh bị kiểm soát vé. Chúng tôi đến chỗ ở của anh Phùng Chí Kiên. Anh Kiên là Ủy viên Trung ương của Đảng ta, công tác tại nước ngoài.

II

Côn Minh hồi đó là hậu phương chống Nhật ở phía tây nam Trung Quốc. Dân Nam Kinh, Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu... đổ về rất đông. Thành phố đầy ngập người và xe cộ. Nhiều trường đại học, nhiều nhà ngân hàng, hiệu buôn ở các tỉnh chuyển về đây. Do đó, những hoạt động kinh tế, văn hóa tại thành phố cũng trở nên nhộn nhịp. Vân Nam ở giáp Điện Biên¹, nên Côn Minh còn là nơi tiếp nhận hàng viện trợ của Mỹ qua đường Điện Biên để vào Trung Quốc. Xe vận tải nhà binh chạy âm âm suốt ngày trên các đường phố. Thời kỳ này, Quốc dân Đảng đã ký kết hợp tác với Đảng Cộng sản Trung Quốc để đánh Nhật. Trong thành phố có nhiều cửa hàng bán sách báo tiến bộ. Không khí chống Nhật khá sôi nổi. Đâu đâu cũng thấy khẩu hiệu “Đánh Nhật đến cùng”. Thành phố tuy có những biểu hiện tiến bộ, nhưng vẫn nằm dưới chế độ quân phiệt của tướng Long Vân. Pháp có đặt lãnh sự tại đây. Ảnh hưởng của Pháp với chính quyền Quốc dân Đảng tại Vân Nam vẫn còn khá mạnh.

Kiều bào ta ở Côn Minh khá đông. Đảng ta được sự

1. Tức Miến Điện (Mianma).

giúp đỡ của các đồng chí Trung Quốc, hoạt động bí mật trong kiều bào. Bọn Việt Nam Quốc dân Đảng cũng có mặt. Chúng dựa vào bọn Quốc dân Đảng Trung Hoa, hoạt động công khai.

Anh Phùng Chí Kiên ở khu du kích Sán Đầu cũng mới về Côn Minh. Căn buồng nhỏ của anh ở trong một ngõ hẻm, chỉ có một cái giường và một tấm ván kê giáp tường làm bàn viết. Chúng tôi cùng ở với anh Kiên. Anh Đồng và tôi tiếp tục đóng vai những người Hoa sinh trưởng tại nước ngoài mới về Tổ quốc. Vai này cũng không khó lắm. Thành phố rất đông người từ các nơi khác đến, màu sắc khác nhau, tiếng nói khác nhau, nên mặc dầu chúng tôi lúc đầu chỉ nói được một vài tiếng Quan Hỏa, cũng không ai để ý.

Anh Kiên nói chuyện về tình hình kiều bào, tình hình chiến tranh chống Nhật tại Trung Quốc, và dạy chúng tôi học tiếng Trung Quốc. Anh Kiên hoạt động tại Trung Quốc khá lâu và đã học ở trường đại học của Hồng quân tại khu xôviết. Anh là một người vui tính, hồn nhiên, rất tốt. Khi chúng tôi hỏi về công tác, anh Kiên nói: “Công tác của các anh phải đợi đồng chí Vương về quyết định”.

Một tuần sau khi đến Côn Minh, chúng tôi chuyển sang chỗ ở mới. Nhà này của một đồng chí Trung Quốc cho ở nhờ. Nhà có gác, sạch sẽ, cao ráo. Trước nhà có sân. Trên sân có một cây ngọc lan cao, rất nhiều hoa. Cả gia đình đồng chí Trung Quốc này đối xử với chúng tôi thân mật như người trong nhà.

Anh Cao Hồng Lĩnh mới từ Diên An về, cũng đến ở

cùng chúng tôi. Anh em thổi nấu lấy ăn. Anh Lĩnh thạo tiếng Trung Quốc, nhận phân đi chợ. Chúng tôi phân công nhau lần lượt nấu ăn. Về sau, các anh thấy tôi nấu nướng kém quá, nên chỉ phân công cho rửa bát.

Chúng tôi vẫn phải đợi đồng chí Vương về để giải quyết công tác. Hằng ngày, sau bữa cơm, lại ra Thúy Hồ ngồi học tiếng Trung Quốc. Thúy Hồ là một thắng cảnh của Côn Minh. Hồ khá rộng, có đường chạy ngang và chạy vòng quanh. Gần hồ, có Trường Giảng Võ, học sinh quân thường kéo ra đây luyện tập. Giờ nghỉ, họ hát những bài ca chống Nhật. Lần đầu, được nghe một đội quân hát những bài hát kháng chiến, tôi có ý nghĩ: Dù sao, binh sĩ ở một nước nửa thuộc địa vẫn còn hơn một nước thuộc địa.

Gần nửa tháng, vẫn chưa thấy đồng chí Vương về. Các anh ở đây không nói với tôi đồng chí Vương là người như thế nào. Nhưng qua thái độ kính trọng của các anh khi nói đến đồng chí Vương, tôi đoán được đồng chí Vương phải là một đồng chí rất quan trọng. Tôi liên tưởng đến đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

Đối với nhiều người vào lớp tuổi chúng tôi hồi đó, hình ảnh Nguyễn Ái Quốc đã trở nên một hình ảnh lý tưởng.

Khoảng những năm 1926, 1927, do ảnh hưởng cách mạng Nga và cách mạng Trung Quốc, phong trào học sinh ở Huế phát triển khá mạnh. Chúng tôi hay đến nhà cụ Phan Bội Châu để nghe nói chuyện tình hình thế giới và trong nước. Khi đó, cụ Phan mới bị đưa từ Hà Nội về Huế an trí. Trong nhà cụ, ảnh Lênin treo cạnh ảnh Tôn Dật Tiên và Thích Ca Mâu Ni. Chúng tôi là những thanh niên

háo hức đi tìm chân lý. Có khi chúng tôi ngồi hàng buổi nghe cụ Phan nói chuyện.

Nhưng rồi trong anh em bắt đầu có những lời thì thào, bàn tán về nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc. Một hôm anh Nguyễn Khoa Văn (anh Hải Triều) kiếm đâu được một quyển *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Nguyễn Ái Quốc, đem về chuyển tay chúng tôi. Ngoài bìa sách có in cả chữ **Árập**.

Anh em lượm lặt khắp nơi và kể cho nhau nghe nhiều chuyện ly kỳ về Nguyễn Ái Quốc. Những chuyện Nguyễn Ái Quốc bôn ba khắp nơi trên thế giới. Những chuyện Nguyễn Ái Quốc làm báo *Người cùng khổ* ở Pari. Những người nói chuyện đều say sưa như chính mắt họ đã nhìn thấy Nguyễn Ái Quốc trong các câu chuyện mà họ kể lại. Có một thời kỳ, bỗng nghe tin đồn Nguyễn Ái Quốc đã mất vì bệnh ho lao. Ít lâu sau, mọi người đã tìm ra, đó chỉ là tin bịa đặt của bọn đế quốc. Chúng không biết làm cách nào để ngăn chặn ảnh hưởng của Nguyễn Ái Quốc trong thanh niên, nên đã tung ra tin này. Rồi không biết anh em lại tìm đâu được một tấm ảnh Nguyễn Ái Quốc. Trong ảnh, Nguyễn Ái Quốc còn trẻ, có đôi mắt rất linh lợi, đầu đội mũ phớt đen. Tấm ảnh rất mờ. Nhưng với trí tưởng tượng và lòng kính phục của chúng tôi, đấy là hình ảnh sáng ngời của người thanh niên cách mạng đầy nhiệt tình và chí lớn.

Sau cuộc bãi khóa năm 1927 của học sinh Huế, tôi phải trở về quê. Một hôm, anh Nguyễn Chí Diểu, một người bạn rất thân ở Huế về, đưa tôi một tập tài liệu. Đó

là một cuốn sách về chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa quốc tế, có thể nói là tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản bằng tiếng Pháp, một tập tài liệu của “Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức trên thế giới” in ở Bờrúcxen (Bi), và một số văn bản về cuộc họp ở Quảng Châu, đặc biệt trong đó có bài nói chuyện của Nguyễn Ái Quốc. Tôi đem tập tài liệu ra cánh đồng vắng, trèo lên cây, ngồi đọc. Lần đầu tiên tôi được đọc một tập tài liệu có hệ thống về chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa quốc tế. Có thể nói là tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản đã được cất nghĩa lần lần qua từng trang sách. Sau đó, tôi trở lại Huế. Lần này, không phải là đi học, mà đi hoạt động cách mạng. Ở Huế, anh Phan Đăng Lưu từ Quảng Châu về, nhiều lần nói chuyện về đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

Mấy năm trước đây, trong thời gian làm báo *Tiếng nói của chúng ta* (Notre voix), một tờ báo công khai của Đảng bằng tiếng Pháp ở Hà Nội, chúng tôi thường nhận được những bài đánh máy ký tên “P.C. Lin” từ nước ngoài gửi về. Qua một vài lần, chúng tôi đoán được những bài đó là của đồng chí Nguyễn Ái Quốc... Mỗi khi nhận được bài của P.C. Lin, chúng tôi lại chuyên tay nhau đọc đi, đọc lại, và khi đăng báo thì xếp vào một mục với tên *Những lá thư từ Trung Hoa*. Đó là những ý kiến về Mặt trận Dân chủ rộng rãi, những nhận định mới về tình hình thế giới, những kinh nghiệm bổ ích về cách mạng của Trung Quốc. Nhiều bài khá dài, chúng tôi phải đăng trên báo thành nhiều kỳ. Có lần, anh em trong tòa soạn tìm mua một chiếc máy chữ gửi cho đồng chí “P.C. Lin” (chiếc máy chữ đó Bác dùng mãi về sau này).

Tất cả những câu chuyện, những hình ảnh đó đều gây cho tôi một ấn tượng rất sâu sắc. Nhớ đến lời anh Hoàng Văn Thụ nhắc trước khi ra đi, tôi tin đồng chí Vương chính là đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

Sang đầu tháng 6, một hôm, anh Phùng Chí Kiên rủ chúng tôi đi Thúy Hồ. Dọc đường, anh Kiên nói:

- Đồng chí Vương đã đến và hẹn chúng mình tới gặp ở Thúy Hồ.

Đến Thúy Hồ, tôi thấy anh Vũ Anh ngồi trong một chiếc thuyền với một người đứng tuổi, gầy gò, có đôi mắt rất sáng, mặc một bộ quần áo Tôn Trung Sơn màu xám, đội mũ phớt.

Tôi nhận ra ngay chính là đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Nếu so với bức ảnh ngày trước tôi đã được xem thì trông Bác ở ngoài linh hoạt và sắc sảo hơn nhiều (hồi đó Bác chưa để râu).

Trước khi gặp Bác, tôi đoán con người Bác chắc hẳn phải có những cái gì rất đặc biệt, khác thường. Gặp Bác, tôi thấy Bác hoàn toàn không giống như những điều mình hằng tưởng tượng. Ngay từ phút đầu, tôi đã cảm thấy như mình được ở rất gần Bác, được quen biết Bác từ lâu rồi. Con người của Bác toát ra một cái gì rất trong sáng, giản dị. Tôi không nhận thấy ở Bác có gì là đặc biệt, là khác thường cả. Chỉ có một điều làm tôi chú ý lúc bấy giờ là trong câu chuyện, Bác thường nói chen nhiều tiếng địa phương miền Trung. Không ngờ một người xa nước lâu năm như Bác mà vẫn giữ được tiếng nói quê hương.

Bác và chúng tôi rời thuyền lên bờ, vừa dạo quanh hồ vừa nói chuyện. Bác hỏi chúng tôi về những khó khăn khi đi

đường, hỏi tình hình trong nước gần đây, hỏi tình hình Mặt trận Dân chủ và hỏi chuyện chúng tôi làm báo. Bác nói:

- Các đồng chí ra được thế này là tốt. Vài ngày nữa sẽ bố trí công tác cho các đồng chí.

Tôi nói với Bác điều anh Thọ dặn dò về vấn đề “Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông”. Bác nói:

- Vẫn rất cần, nhưng điều kiện tổ chức thì hiện nay chưa chín nên chưa đặt ra.

Cho mãi về sau này, được công tác trực tiếp với Bác, tôi vẫn giữ lại nguyên vẹn cái cảm giác như ngày gặp Bác lần đầu tiên trên bờ Thúy Hồ. Ở Bác, trước sau vẫn là vẻ giản dị và trong sáng ấy. Tôi nghĩ, con người vĩ đại thường là con người lúc nào cũng giản dị.

III

Nhân dân Trung Quốc lúc đó đang tiến hành cuộc kháng chiến chống Nhật. Trước áp lực của nhân dân, bọn Quốc dân Đảng Tưởng Giới Thạch buộc phải bắt tay với Đảng Cộng sản Trung Quốc để đánh Nhật, nhưng bên ngoài thì hợp tác, bên trong thì chúng ngấm ngấm tìm mọi cách để làm suy yếu lực lượng cách mạng, và lúc nào cũng sẵn sàng giở giáo, phản bội lại những lời chúng đã cam kết.

Dựa vào những điều ký kết với bọn Tưởng, Đảng Cộng sản lập nhiều biện sự xứ ở các nơi. Đó là những cơ quan công khai của Đảng để giao thiệp với chính quyền Tưởng Giới Thạch. Mặt khác, trong khu vực của Quốc dân Đảng, Đảng vẫn có những tổ chức rất bí mật.

Bọn Việt Nam Quốc dân Đảng đang định bám gót quân đội Tưởng Giới Thạch để trở về Việt Nam khi “Hoa quân nhập Việt”¹. Chúng tìm mọi cách phát hiện các tổ chức của Đảng ta ở Trung Quốc, báo cho chính quyền Tưởng Giới Thạch, và cả bọn đại diện Pháp ở đây, tiêu diệt.

1. Túc quân đội Quốc dân Đảng Trung Quốc vào Việt Nam (BT).

Chúng ta phải hoạt động hết sức bí mật và khéo léo. Với Việt kiều, chúng ta tổ chức những hội quần chúng hoạt động hợp pháp để thu hút lực lượng, qua đó giáo dục dần dần những tư tưởng tiến bộ cho kiều bào, và chống lại những sự khiêu khích, phá hoại của bọn Việt Nam Quốc dân Đảng. Tại Vân Nam, chúng ta đã tổ chức nhiều hội quần chúng, trong đó có “Việt Nam hưởng ứng Trung Quốc kháng địch hậu viện Hội”.

Từ khi sang Trung Quốc, tôi càng nhận thấy sâu sắc mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng Trung Quốc. Các đồng chí Trung Quốc đối với chúng ta như anh em ruột thịt. Mặc dầu ở trong hoàn cảnh khó khăn, luôn luôn phải đối phó với kẻ địch và rất thiếu thốn, nhưng các đồng chí Trung Quốc đã tìm mọi cách săn sóc những người đồng chí Việt Nam, từ nơi ăn, chốn ở đến việc học tập và mọi hoạt động khác.

Sau lần gặp Bác ở Thúy Hồ, anh Phạm Văn Đồng và tôi luôn luôn được gặp Bác cùng các anh Phùng Chí Kiên, Vũ Anh. Bác thường nói nhiều đến cuộc chiến tranh chống Nhật của Trung Quốc. Bác vạch rõ cái thủ đoạn hai mặt của bọn Quốc dân Đảng. Theo Bác nói, nhiệm vụ lớn của Đảng Cộng sản Trung Quốc lúc đó là ra sức đoàn kết mọi lực lượng để chống lại cuộc xâm lăng của phát xít Nhật. Do đấy, phải đoàn kết với Quốc dân Đảng, cố gắng lôi kéo những phần tử tiến bộ để cùng đánh Nhật, vừa đoàn kết vừa phải đấu tranh, đặc biệt là phải cảnh giác với cánh hữu trong bọn đó gồm những phái thỏa hiệp, đầu hàng và thân Nhật.

Một bữa, Bác bảo anh Đồng và tôi:

- Các đồng chí sẽ đi Diên An. Lên trên ấy, vào trường Quân chính kháng Nhật học tập chính trị, cố gắng học thêm quân sự.

Mấy lần gặp sau, trước khi chúng tôi đi, Bác vẫn dặn đi, dặn lại tôi: “Cố gắng học thêm quân sự”.

Các đồng chí Trung Quốc tại Côn Minh tổ chức cho chúng tôi đi Quế Dương, từ đó sẽ đi xe tiếp lên Diên An. Sinh hoạt thư điểm giới thiệu chúng tôi với đồng chí lái chiếc xe hồng thập tự, có nhiệm vụ chuyên chở thuốc từ Côn Minh về Quế Dương. Xe này là của bọn Quốc dân Đảng, nhưng người lái xe là một đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Các anh Phạm Văn Đồng, Cao Hồng Lĩnh và tôi được bố trí ngồi trong khoang để đồ hàng. Trời nóng. Bụi đường bị hút qua miếng vải bạt che sau khoang xe, đọng thành lớp dày trên mặt, trên quần áo.

Xe nhà binh chạy trên đường này rất nhiều. Tỉnh thoảng xe chúng tôi phải dừng lại vì máy bay Nhật đến. Có lần máy bay Nhật ném bom gần chỗ trú ẩn. Khắp nơi nhan nhản những khẩu hiệu: “Chống Nhật đến cùng”, “Ủng hộ Tưởng Ủy viên trưởng”... Nơi nào có thị trấn là thấy có trụ sở của Quốc dân Đảng, của Tam dân chủ nghĩa thanh niên Đoàn, và ảnh Tôn Trung Sơn, ảnh Tưởng Giới Thạch. Ngồi trên xe, thỉnh thoảng lại nhìn thấy những thanh niên bị trói chung ở cánh tay bằng một sợi dây thừng, đi thành đoàn dài dằng dặc, có lính Quốc dân Đảng áp tải. Bọn lính vừa đi vừa chửi mắng và đánh họ bằng

báng súng. Hỏi ra mới biết đó là những người bị bắt đi lính đánh Nhật.

Xe chạy rông rã ba ngày đến Quế Dương.

Chúng tôi vào trú tại biện sự xứ của Bát lộ quân, đợi xe đi Diên An.

Biện sự xứ ở mấy nhà thấp nhỏ vùng ngoại ô thành phố. Trước nhà có một khu vườn con, các đồng chí ở cơ quan trồng đầy rau, đỗ tương và bí. Ở đây, lần đầu tôi được xem báo *Giải phóng* từ Diên An gửi về. Các đồng chí tại biện sự xứ kể cho nghe nhiều chuyện về Diên An. Trước kia, ở trong nước đã nhiều lần xem sách báo, nghe nói về Diên An, đất thánh của cách mạng Trung Quốc, giờ lại được biết rõ tình hình chính trị, quân sự, kinh tế và mọi mặt sinh hoạt của khu căn cứ. Đã nghĩ tới tiết trời rét buốt của Diên An, những buổi nghe lên lớp ngoài trời, những buổi sinh hoạt rất mới mẻ với chúng tôi: ở động, ăn bánh mì...

Cùng ở với chúng tôi, còn một số đồng chí Trung Quốc, trai có, gái có, cũng chờ để đi Diên An. Tôi nhớ lại, khi ở Côn Minh, Bác đã kể với chúng tôi: Có lần bọn Quốc dân Đảng bắt những thanh niên định trốn lên Diên An, đem về giam trong một bể nước tại một trại tập trung cho tới khi chết để khủng bố tinh thần những người khác; nhưng thanh niên cả nước vẫn nô nức kéo về nơi đất thánh của cách mạng.

Chúng tôi ở lại Quế Dương đợi xe khá lâu. Không biết Bác đã qua lại Quế Dương nhiều lần chưa, nhưng tại cơ quan, từ đồng chí phụ trách đến đồng chí cấp dưỡng, ai cũng nhắc đến đồng chí Hồ Quang (một bí danh của Bác)

bằng thái độ rất quý mến. Những đồng chí thích học tiếng Anh và tiếng Nga càng mong đồng chí Hồ Quang trở lại.

Việc tiếp tế lương thực tại một vùng nội địa sâu như Quế Dương rất khó khăn, tài chính lại eo hẹp; sinh hoạt của các đồng chí tại biện sự xứ rất kham khổ. Bữa ăn thường chỉ có rau do cơ quan tăng gia tự túc, ít đậu tương rang, một bát canh bí. Họa hoàn mới có một chút thịt. Trong khi chia ngọt sẻ bùi, bao giờ các đồng chí Trung Quốc cũng dành phần ưu tiên cho anh em chúng tôi.

Một bữa, các đồng chí Trung Quốc vui mừng báo cho chúng tôi là sắp có xe. Thấy chúng tôi chờ quá lâu, chưa có chuyến xe từ Diên An về, các đồng chí đã quyết định thuê một chuyến xe riêng. Mỗi người chúng tôi được phát một bộ quần áo của Thập bát tập đoàn quân, có băng đeo tay và phù hiệu trên túi ngực. Còn ít tiền, chúng tôi ra phố sắm áo rét và ít đồ cần dùng trước khi đi.

Giữa tháng 6, một hôm giở báo ra xem, thấy tin Pari thất thủ. Pháp đầu hàng. Cũng biết là Pháp yếu, nhưng không ngờ bọn tư bản cầm quyền Pháp lại khuất phục sớm thế. Ngay ngày hôm sau, chúng tôi nhận được điện của đồng chí Hồ Quang báo ở lại, đợi tại Quế Lâm. Chúng tôi biết là do Pháp mất nước, tình hình biến chuyển, nên có quyết định mới.

Mấy hôm sau, các anh Phùng Chí Kiên, Vũ Anh cùng đến Quế Dương. Các anh cho biết, trước tình hình mới, Pháp đã đầu hàng, tất cả chúng tôi cùng đi Quế Lâm để tìm cách về nước.

Chúng tôi tới Quế Lâm. Lần này, chúng tôi không ở

tại biện sự xứ mà thuê một căn phòng ở ngoại ô, lấy danh nghĩa Việt Nam Giải phóng Đồng minh để hoạt động.

Sinh hoạt văn hóa tại thành phố này khá hơn ở Côn Minh và Quế Dương. Đảng Cộng sản Trung Quốc có tại đây một tờ báo công khai là *Cửu vong nhật báo*. Những hiệu sách, báo tiến bộ rất nhiều. Các đồng chí Trung Quốc thường hay tổ chức những buổi nói chuyện để giáo dục thanh niên. Thanh niên học sinh tới tham gia khá đông. Chúng tôi cũng tới dự một vài lần. Cũng như ở Côn Minh và Quế Dương, các đồng chí Trung Quốc ở đây hết sức giúp đỡ chúng tôi, đã tổ chức một buổi họp báo để chúng tôi giới thiệu tình hình và phong trào cách mạng Việt Nam, lấy danh nghĩa là những người thay mặt Việt Nam Giải phóng Đồng minh.

Trước khi chúng tôi rời Quế Dương, ông Hồ Ngọc Lãm, một người Việt Nam có tinh thần yêu nước, một võ quan trong quân đội Quốc dân Đảng, đã viết thư giới thiệu chúng tôi với Lý Tế Thâm. Lý là chủ nhiệm tây nam hành dinh của Tưởng Giới Thạch. Chúng tôi lấy tư cách là những người của Việt Nam Giải phóng Đồng minh để giao dịch với Lý. Anh Đồng mang một tên mới: Lâm Bá Kiệt, chủ nhiệm biện sự xứ hải ngoại của Việt Nam Giải phóng Đồng minh. Anh Hoan thì lấy tên là Lý Quang Hoa. Tôi cũng tự đặt cho mình một tên mới: Dương Hoài Nam.

Nơi Lý ở giống như một cung điện, khi vào phải qua nhiều lần cổng có lính gác. Chúng tôi đã biết hồi ở Quảng Châu, Lý nổi tiếng về giết cộng sản. Lý làm ra vẻ niềm nở khi gặp chúng tôi. Lý hứa giúp đỡ cách mạng Việt Nam. Lý nói, nay mai theo lệnh của Đồng minh, quân Tàu sẽ

tiến vào Việt Nam, và yêu cầu chúng tôi làm giúp kế hoạch “Hoa quân nhập Việt”. Lý hỏi chương trình điều lệ của Việt Nam Giải phóng Đồng minh, rồi khuyên chúng tôi: “Muốn cách mạng thành công thì đừng đi theo con đường cộng sản”.

Được ít ngày, chúng tôi được tin về sự biến Giang Nam. Quân của Quốc dân Đảng đã thừa lúc Tân tứ quân di chuyển bộ đội, đánh úp. Đảng Cộng sản Trung Quốc lên tiếng phản đối kịch liệt. Đọc *Tân Hoa nhật báo* thấy có bốn câu thơ với cả bút tích của đồng chí Chu Ân Lai, lên án hành động phản bội này của Quốc dân Đảng. Liên sau chuyện này, chính quyền Quốc dân Đảng tại Quế Lâm cũng trở mặt. Chúng ngang ngược tịch thu sách báo tiến bộ, đóng cửa *Tân Hoa thư điểm*, niêm phong *Sinh hoạt thư điểm*. Không khí khủng bố căng thẳng.

Tháng 9-1940, chúng tôi được tin thực dân Pháp đã cúi đầu rước phát xít Nhật vào Đông Dương. Sự việc đã diễn ra đúng như dự đoán của Đảng mà anh Hoàng Văn Thụ đã nói với tôi trước khi ra đi.

Vào khoảng đó, Bác đến Quế Lâm.

IV

Chúng tôi tới gặp Bác ở một vùng ngoại ô. Bác cùng chúng tôi đi lững thững như những người nhàn rỗi dạo chơi trên cánh đồng. Tới một bãi cỏ có bóng mát, chúng tôi ngồi lại khai hội. Bác nói: “Tình hình Quốc Cộng hợp tác hiện nay đang trải qua một bước rất gay go. Tân tứ quân vừa bị bọn Quốc dân Đảng cấu kết với Nhật đánh úp. Hồng quân có bị thiệt hại nhưng vẫn giữ được các căn cứ địa ở sau lưng địch tại vùng phụ cận Nam Kinh, Thượng Hải. Từ nay kỷ luật bí mật của Đảng phải được chấp hành triệt để. Sách vở, tài liệu, phải hết sức cẩn thận. Mua sách, báo về chủ nghĩa cộng sản, đọc xong hủy đi trước khi về nhà. Trong lúc giao dịch với bọn Quốc dân Đảng tuyệt đối không để lộ mình là cộng sản”.

Khi nghe báo cáo lại tình hình giao dịch với Lý Tế Thâm, Bác nói: “Trong việc giao dịch với Quốc dân Đảng không mong chi nhiều. Điều chủ yếu là làm sao cho chúng không cản trở công việc của ta. Phải hết sức bí mật. Về chuyện “Hoa quân nhập Việt” đừng chỉ nhìn mặt thuận lợi. Hiện nay chỉ có Hồng quân Liên Xô và Hồng quân Trung Hoa mới là những đội quân anh em, mới là đồng

minh thực sự của ta. Còn quân đội Tưởng Giới Thạch dù có vào Việt Nam để đánh Nhật cũng chỉ là đồng minh tạm thời, về bản chất chúng vẫn là kẻ thù. Phải thấy hết tính chất phản động của nó, nếu không thì nguy hiểm. Chúng nó không vào Việt Nam càng tốt cho ta hơn”.

Bác nhận định, tình hình chung trên thế giới và ở Đông Dương ngày càng có lợi cho ta, không nên ở Quế Lâm lâu, phải chuyển về biên giới tìm cách trở về nước ngay để hoạt động.

Ai cũng nóng ruột muốn mau chóng trở về, nhưng chưa có liên lạc với trong nước. Việc về nước lúc này chẳng phải dễ dàng. Ở lại Quế Lâm cũng nguy hiểm. Cơ quan tập trung đông và ở đã lâu. Chỉ cần một người sơ ý để lộ tung tích là lập tức bọn địch sẽ bắt bớ, khủng bố.

Một hôm, các báo ở Quế Lâm đăng nhiều tin về cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ tại Việt Nam. Không hiểu tình hình ra sao, ai nấy đều nóng lòng sốt ruột. Trong một buổi họp, Bác nhận định: “Tình hình chung thế giới và Đông Dương ngày càng có lợi cho ta, nhưng thời cơ chưa đến, chưa thể khởi nghĩa được. Song nay đã nổ ra rồi, thì cần tổ chức rút lui cho khéo để duy trì phong trào”.

Bác viết ngay một bức điện, nhưng sau đó, không tìm ra cách nào để chuyển bức điện ấy về Đảng bộ Nam Kỳ.

Trong những ngày ở Quế Lâm, có lần Bác bàn với chúng tôi: Trước tình hình mới, vấn đề đoàn kết toàn dân giải phóng dân tộc càng quan trọng. Ta phải nghĩ đến việc lập một hình thức mặt trận thật rộng rãi, có tên gọi cho thích hợp. Việt Nam Giải phóng Đồng minh? Việt Nam

Phản đế Đồng minh? Hay là Việt Nam Độc lập Đồng minh? Có thể gọi tắt là Việt Minh cho nhân dân dễ nhớ. Những ý kiến Bác nói hồi đó, sau này, đã được thảo luận tại Hội nghị Trung ương lần thứ tám của Đảng ở Pắc Bó.

Tin tức về phong trào tại nước nhà ngày càng thúc giục, nhưng vẫn chưa tìm ra cách để liên lạc với Trung ương ở trong nước. Bác chủ trương là nên chuyển về hoạt động ở sát biên giới, rồi tìm cách về nước sau.

Lúc này, Lý Tế Thâm đã giới thiệu chúng tôi với tướng Trương Phát Khuê, Tư lệnh trưởng Đệ tứ chiến khu. Trương Phát Khuê vừa được giao nhiệm vụ lập một đội công tác biên khu, chuẩn bị đưa quân vào Việt Nam theo kế hoạch của Đồng minh. Khuê dùng Trương Bội Công, một người Việt Nam làm sĩ quan trong quân đội Tưởng, tiến hành công việc này. Trương Bội Công tập hợp một số Hoa kiều và Việt kiều để lập đội công tác. Khi chúng tôi tới Liễu Châu gặp Khuê, Khuê giới thiệu lại với Trương Bội Công. Qua tiếp xúc với Trương Bội Công một vài lần, chúng tôi đã nhìn rõ chân tướng hắn là một tên đặc vụ. Nhưng biết Trương Bội Công sẽ chuyển từ Liễu Châu về Tỉnh Tây cho gần biên giới Việt Nam hơn, chúng tôi cũng tìm cách lợi dụng hắn để mượn xe cộ đi về biên giới cho dễ dàng.

Một hôm, chúng tôi được tin Trương Bội Công về Tỉnh Tây đã đón được một số thanh niên các dân tộc ở Cao Bằng vì bị đế quốc Pháp khủng bố mạnh, phải vượt biên giới chạy ra ngoài. Bác đã nhìn thấy một cơ hội tốt để tổ chức đường liên lạc về nước. Bác nói: “Chúng ta sẽ tổ chức

một lớp huấn luyện cho các anh em, sau đó, đưa anh em trở về củng cố và mở rộng phong trào Cao Bằng và tổ chức đường liên lạc về nước”. Cũng từ lúc này, Bác đã nhận định về vị trí Cao Bằng: “Căn cứ địa Cao Bằng sẽ mở ra triển vọng lớn cho cách mạng ta. Cao Bằng có phong trào tốt từ trước, lại kề sát biên giới, lấy đó làm cơ sở liên lạc quốc tế rất thuận lợi. Nhưng từ Cao Bằng còn phải phát triển về Thái Nguyên và thông xuống nữa mới có thể tiếp xúc với toàn quốc được. Có nối phong trào được với Thái Nguyên và toàn quốc thì khi phát động đấu tranh vũ trang, lúc thuận lợi có thể tiến công, lúc khó khăn có thể giữ”.

Từ khi chưa đặt chân vào Cao Bằng, Bác đã vạch ra một cách chính xác tính chất quan trọng của căn cứ địa Việt Bắc sau này.

Cuối tháng 11-1940, chúng tôi về đến Tỉnh Tây.

Anh Đông và tôi tổ chức ngay biện sự xứ của Việt Nam Giải phóng Đồng minh để duy trì quan hệ với Quốc dân Đảng. Một mặt, các anh Vũ Anh, Cao Hồng Lĩnh cùng tôi tìm cách bắt mối với anh em ta ở chỗ Trương Bội Công. Những thanh niên này đều là cán bộ quần chúng tốt của Đảng ta trong lúc vượt biên giới còn ngô ngàng chưa biết thế nào, nghe nói bọn Trương Bội Công có tổ chức Đội công tác biên khu thì tạm dựa vào mà thôi. Chúng tôi tìm cách đưa khéo các đồng chí đó ra khỏi sự kiểm soát của Trương Bội Công. Tất cả hơn bốn chục đồng chí, trong đó có các đồng chí Lê Quảng Ba, Hoàng Sâm, Bằng Giang...

Đầu tháng 12, Bác và anh Phùng Chí Kiên về một

làng cách Tỉnh Tây 50 cây số, Bác cho người đến gọi anh Đồng và tôi về để mở lớp huấn luyện. Chúng tôi lên đường về nơi Bác hẹn gặp. Từ đó còn phải đi bộ khá xa mới đến địa điểm chọn để mở lớp. Đường đi toàn đồi núi, Bác đi bộ rất nhanh, tất cả chúng tôi không ai theo kịp. Dọc đường, thỉnh thoảng Bác lại dừng lại đứng chờ.

Lớp huấn luyện được tổ chức ở một vùng dân tộc Nùng đã từng chịu ảnh hưởng của Hồng quân Trung Hoa trong thời kỳ Hồng quân hoạt động ở Quảng Tây. Nhân dân ở đây rất quý những người cách mạng Việt Nam. Chúng tôi phân chia nhau ở trong hai làng.

Hai việc trước tiên phải lo là việc chuẩn bị lương thực và làm chương trình huấn luyện.

Nhân dân ở các làng biên giới này giàu tinh thần và tình cảm với cách mạng, nhưng đời sống thì còn rất nghèo khổ. Việc lo ăn một lúc cho 50 con người hàng nửa tháng, không phải là việc dễ. Đồng chí Cáp được giao nhiệm vụ tiếp tế lương thực, nhưng mọi người đều phải góp sức. Mỗi buổi sáng, chúng tôi đều đi lấy gạo, bắp về giã, kiếm củi để nấu ăn và để giúp đỡ đồng bào. Bác cũng bổ củi rất khỏe.

Các anh Phùng Chí Kiên, Phạm Văn Đồng và tôi được Bác hướng dẫn làm chương trình huấn luyện. Bác phân công mỗi người viết một mục: *điều tra tuyên truyền, tổ chức, huấn luyện, đấu tranh*. Khi mỗi người phác xong, tất cả họp lại, thông qua đề cương, rồi mới viết. Viết xong lại họp lại, đọc chung và sửa. Cách làm việc của Bác kiên nhẫn, chu đáo. Nội dung chính trị phải đúng đắn, lời lẽ

phải rõ ràng, ngắn, gọn, dễ hiểu, hợp với ý nghĩ quần chúng, Bác rất chú trọng đến việc thực hiện sau này. Mục nào, cuối cùng có những câu hỏi: Học xong về địa phương thì làm gì, làm thế nào? Bước thứ nhất như thế, bước thứ hai làm ra sao?...

Trong khi theo dõi học tập, Bác thường hỏi đi, hỏi lại để kiểm tra sự tiếp thu của mọi người. Nếu còn có những người chưa hiểu thì người giảng phải nói lại, học viên cũng phải trao đổi thêm.

Lần đầu làm việc với Bác, tôi đã nhận thấy cách làm việc của Bác là: cụ thể, chu đáo, đến nơi đến chốn.

Lễ tốt nghiệp tổ chức giữa một khu rừng vắng vẻ.

Sau những ngày học tập, mọi người phấn khởi, náo nức hẳn lên. Anh em chúng tôi đứng vây quanh Bác, biết rõ ông cụ mảnh khảnh mặc bộ quần áo Nùng giản dị này là người gắn liền với vận mệnh của dân tộc Việt Nam.

Lá cờ đỏ sao vàng năm cánh phấp phới bay trong gió lạnh như một ngọn lửa thiêng sưởi ấm tâm hồn chúng tôi, khi đó còn là những người dân mất nước phải sống xa quê hương. Chúng tôi ngoảnh mặt cả về phía nam, hoan hô tinh thần khởi nghĩa Nam Kỳ, thề sẽ thẳng tiến không lùi trên con đường cách mạng chông gai, một ngày kia sẽ đem lá cờ thiêng liêng này về nêu cao giữa Thủ đô.

Ngay sau đó, cả 40 đồng chí Cao Bằng lại quay về nước, tìm về những cơ sở cũ. Chúng tôi ở lại, chuẩn bị thêm cho kế hoạch công tác sắp tới.

Ngày Tết đến với chúng tôi tại biên giới. Suốt thời gian qua, bà con dân làng hiểu rõ chúng tôi hơn, càng

thêm quý mến. Gần làng có miếu thờ thành hoàng, nhân dân ai cũng đến lễ bái. Bác cũng đi cùng bà con đến viếng đền. Anh em chia nhau đi ăn Tết các nơi trong làng. Bà con ai cũng mời đến nhà, nếu không đến thì không bằng lòng. Có đồng chí trong một ngày phải đi ăn tết tới gần một chục nơi. Đến nhà ai, Bác cũng đều mang theo một tờ giấy hồng điều tự tay Bác đã viết dòng chữ: “Cung chúc tân niên”.

Nhìn Bác mặc bộ quần áo chàm, quần xắn cao, tay cầm gậy, đi chúc Tết nhân dân với dáng nhanh nhẹn, thái độ thoải mái vui vẻ, nhớ lại khi Bác ở Côn Minh mặc âu phục, cổ cồn, mũ phớt, tôi thấy Bác đã hòa vào trong hoàn cảnh mới một cách hết sức tự nhiên.

Sau Tết ấy, các anh Phùng Chí Kiên, Vũ Anh, có anh Lê Quảng Ba dẫn đường, về Cao Bằng tìm cơ sở đặt địa điểm cơ quan rồi đón Bác cùng về.

V

Anh Đồng, anh Hoan và tôi trở lại Tỉnh Tây công tác thêm một thời gian sau khi Bác về nước. Chúng tôi tiếp tục duy trì biện sự xứ của Việt Nam Giải phóng Đồng minh, và vẫn giao dịch với bọn Quốc dân Đảng.

Nguyễn Hải Thần cũng đã về Tỉnh Tây, chờ bám gót quân Tàu Tưởng trong chuyến “Hoa quân nhập Việt”. Chúng tôi để hắn cùng ở một nhà. Biết rõ bản chất của hắn, nhưng chúng tôi cố gắng giữ quan hệ, dùng hắn để che mắt bọn Quốc dân Đảng một phần nào. Mặc dầu có tránh, nhưng thỉnh thoảng vẫn có những va chạm về chính kiến. Thấy chuyện trò với chúng tôi chẳng hợp, hắn ngồi ủ rũ suốt ngày tại biện sự xứ, chẳng biết âm thầm tính toán những việc gì.

Chúng tôi nhận thấy nếu phát động vũ trang khởi nghĩa thì sẽ gặp một khó khăn là chúng ta thiếu cán bộ quân sự. Cử người lên Diên An học thì đường đi quá xa và không có điều kiện. Bàn với nhau, thấy là có thể lợi dụng bọn Quốc dân Đảng, nhờ chúng huấn luyện quân sự cho một số đồng chí. Biết trước là nếu bọn chúng làm việc này, chắc chắn chúng sẽ đưa thêm vào đó nội dung chính trị

phản động của chúng. Nhưng điều đó cũng không đáng lo ngại. Chúng ta sẽ cử một số đồng chí vững vàng đi học. Các đồng chí đó sẽ rút ra từ nội dung học tập những hiểu biết về quân sự cần cho công tác sau này, và vứt bỏ lại cho chúng phần chính trị phản động.

Tháng 4-1941, tôi được chỉ thị trở lại Quế Lâm gặp Lý Tế Thâm, yêu cầu Lý mở cho những người trong Việt Nam Giải phóng Đồng minh một lớp huấn luyện quân sự. Lý đồng ý. Nhiều đồng chí ở nước nhà được cử sang học như các đồng chí Hoàng Văn Thái, Nam Long, Quang Trung, Thanh Phong... Trương Phát Khuê cũng chỉ thị cho tên Tham mưu trưởng họ Trần mở cho chúng ta một lớp huấn luyện về công tác phá hoại tại Tĩnh Tây. Tên Tham mưu trưởng họ Trần này lúc nào cũng tỏ ra thân mật, ngọt ngào, hay nói những lời lẽ tiến bộ, nhưng thực ra là một tên đặc vụ lợi hại. Hắn theo dõi điều tra mọi hành vi của chúng tôi.

Thời gian này, chúng tôi thường đi lại giữa Tĩnh Tây và nơi làm việc mới của Bác ở trong nước, tại hang Pắc Bó, huyện Hà Quảng, Cao Bằng.

Lần đầu về nước, tôi đi cùng một đồng chí giao thông.

Qua một quả núi đất khá cao, lởm chởm đá, xuống một con đường mòn nằm quanh co giữa những nương rẫy bên sườn núi, đồng chí giao thông chỉ một phiến đá nhỏ, nói đó là cột mốc biên giới. Tôi dừng chân, đứng nhìn một lúc. Phiến đá có khắc mấy chữ Hán, dựng giữa hai nương ngô. Bên kia, bên này cây cỏ cũng như nhau. Đồng chí giao thông lại cho biết thêm, nhân dân ở cả hai bên biên giới

tại vùng này, đều là bà con dân tộc Nùng, cùng nói chung một thứ tiếng. Tôi thấy biên giới đúng là một sản phẩm của con người đặt ra.

Thấm thoát đã một năm trời xa Tổ quốc, đặt chân lên dải đất quê hương, lòng chẳng khỏi bồi hồi. Mỗi bước đi thấy trong người ấm áp hơn lên. Chỉ vừa mới đi thêm mấy bước chân mà trước đó thì thấy như còn ở rất xa, lúc này lại thấy như đã ở gần nhà.

Vùng này núi đất xen với núi đá, địa thế hiểm trở. Những chòm nhà nhỏ của đồng bào Nùng nằm thưa thớt giữa những nương ngô trên sườn núi hay bên những thửa ruộng nhỏ dưới thung lũng. Sương trắng từng dải đọng trên các đầu núi. Khung cảnh Pắc Bó hiện ra trước mắt như một bức tranh thủy mặc.

Khắp vùng này đều có cơ sở. Chúng tôi vừa đi vừa ngắm núi non, đất nước. Nhớ lại lúc vượt sông Nậm Ti hết ngó trước lại ngó sau, cảm thấy vui vui với ý nghĩ cả nước tuy còn nằm dưới ách thống trị của bọn đế quốc, nhưng ở nơi này đã có một mảnh đất tự do.

Đi chẳng bao xa, tôi đã nhận ra Bác đang ngồi trên một phiến đá. Sau bao năm xa nước, hoạt động từ Đông sang Tây, Bác đã trở về góc rừng hoang vắng của Tổ quốc với bộ quần áo chàm giản dị, rất tự nhiên trong vai một ông già người Nùng. Gần chỗ Bác ngồi, dưới chân những khối nhũ đá nhấp nhô, hình thù kỳ dị, nước từ khe núi chảy ra đọng lại trong vát.

Bác trở dòng nước rồi nói:

- Đây là suối Lênin.

Trèo qua một quả núi đá không cao lắm, lách người đi hết một đám lau rậm, thì thấy hiện ra một cửa hang. Trong hang ẩm lạnh không có đồ đạc gì ngoài chiếc sàn nằm làm bằng những cành cây nhỏ gác ngang, gác dọc. Chính ở đây vào tháng 5 năm đó, Hội nghị Trung ương lần thứ tám đã họp dưới sự chủ tọa của Bác, quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh và đề ra chủ trương chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa. Trong Hội nghị này, Trung ương đã quyết định duy trì và phát triển cơ sở du kích ở Bắc Sơn - Vũ Nhai, đồng thời ra sức củng cố và mở rộng cơ sở Cao Bằng, xây dựng hai nơi đó làm trung tâm của công cuộc chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa tại Việt Bắc. Cũng tại đây, Bác đã viết thư kêu gọi đồng bào cả nước: “Việc cứu quốc là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kê vai gánh vác một phần trách nhiệm... Hỡi các chiến sĩ cách mạng! Giờ giải phóng đã đến. Hãy phất cao cờ độc lập, lãnh đạo toàn dân đánh tan thù chung. Tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc đương vang dội bên tai các đồng chí! Máu nóng của bậc anh hùng đương sục sôi trong lòng các đồng chí!”¹.

Những lời lẽ tâm huyết của Bác đã gây một tác động lớn trong đồng bào và các đồng chí ta suốt từ Bắc chí Nam.

Cứ khoảng hai tuần lễ, anh Đồng, anh Hoan và tôi lại thay phiên nhau từ Tỉnh Tây về Pắc Bó báo cáo. Con đường đã trở nên quá quen thuộc. Đi dọc đường, gặp trời

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.3, tr.230.

tối ở đâu, cũng có thể tạt vào bên đường tìm được nhà quen và được đối đãi như bà con thân thuộc.

Có một buổi chiều, trên đường về, gần tới cơ quan thì trời sập tối. Ở miền núi, trời thường chuyển sang tối rất nhanh. Quãng này rậm, đèn đóm không có, không sao tìm ra đường. Đúng một lúc, tôi nhìn thấy có ánh lửa ở lưng chừng núi. Nhận ra đó là nhà của một đồng bào Nùng, tôi bèn cứ chiếu hướng mà leo. Khoảng một giờ sau tới nơi, cành cây và gai đâm rách cả quần áo. Vào nhà, định xin bó đuốc và hỏi thăm đường về, thì gặp lúc gia đình vừa cúng giỗ xong, nhất định giữ lại uống rượu, ăn cơm. Từ chối không được, biết không nhận lời thì đồng bào giận, tôi nán ở lại. Đi đường xa vừa mệt, vừa đói, uống chút rượu vào tôi bị say, phải nằm ra sàn. Đồng bào chạy lên hang gọi người xuống đón. Anh Vũ Anh xuống công tôi về. Khi tỉnh dậy, anh Kiên đem cháo nóng cho ăn, kể lại vừa rồi tôi nằm cứ nói luôn miệng: “Mình không biết uống rượu, chóng mặt quá, đừng có phê bình”; Bác nghe vậy đã nói: “Được rồi, tỉnh lại đi, sẽ không phê bình đâu”.

Anh Phùng Chí Kiên ở cùng Bác tại Pắc Bó một thời gian thì lên đường về Bắc Sơn.

Cuối tháng 9-1940, khi chúng tôi còn ở Trung Quốc, nhân lúc quân đội Nhật tràn vào Lạng Sơn, bọn Pháp rút chạy, nhân dân Bắc Sơn dưới sự lãnh đạo của một số đồng chí đảng viên tại địa phương đã đứng lên, khởi nghĩa giành chính quyền. Sau khi cuộc khởi nghĩa bị địch tập trung đàn áp, Trung ương đã quyết định tăng cường cán bộ, duy trì phong trào tại đây. Vào đầu năm 1941,

đội du kích Bắc Sơn được thành lập. Theo quyết định của Hội nghị Trung ương lần thứ tám tại Pắc Bó, xây dựng Bắc Sơn - Vũ Nhai và Cao Bằng thành hai trung tâm khởi nghĩa tại Việt Bắc, anh Phùng Chí Kiên được cử về cùng các anh Huy, Chu Văn Tấn mở rộng khu căn cứ và chỉ huy đội du kích Bắc Sơn¹.

Anh Vũ Anh ở lại Pắc Bó với Bác.

Sáng nào Bác cũng dậy rất sớm và gọi mọi người cùng dậy. Bác tập thể dục rất đều, tập xong lạnh mấy cũng đi tắm suối, rồi bắt đầu làm việc. Khi Bác khai hội, khi Bác nghiên cứu, khi Bác xuống làng nói chuyện với đồng bào, có khi Bác đi lấy củi. Bữa cơm của Bác chỉ có chút thịt muối hoặc con cá con vừa bắt được dưới suối.

Trời tối, trong hang rất lạnh, phải đốt lửa sưởi suốt đêm. Không có đèn, nên buổi tối ít khi làm việc. Anh em thường ngồi quây quanh đống lửa nghe Bác nói chuyện. Một lần, Bác nhắc lại những cuộc chiến tranh lớn, những cuộc cách mạng từ trước tới nay trên thế giới, rồi Bác phỏng đoán độ bốn, năm năm nữa, chiến tranh thế giới sẽ tới bước quyết định, và lúc đó là một cơ hội rất tốt cho cách mạng ta.

Khuya khuya, mọi người ngủ chung cả trên sàn. Những cành cây ngổ ngang dưới lưng, nằm vừa đau vừa lạnh.

Có lần, Bác viết một cuốn lịch sử Việt Nam bằng thơ lục bát, ghi lại tất cả những phong trào chống ngoại xâm từ trước đến nay. Bác đã viết vào cuối trang mục lục:

1. Xem tập *Một năm trên biên giới Việt - Trung*, hồi ký về Cứu quốc quân của anh Chu Văn Tấn.

“*Việt Nam độc lập 1945*”. Anh em người nói sớm, kẻ nói muộn. Bác nghe trao đổi chỉ nói: “Để rồi xem”.

Về nước một thời gian, Bác chỉ thị cho cơ quan ra một tờ báo để hướng dẫn phong trào. Chuẩn bị cho tờ báo ra đời cũng khá khó khăn. Các đồng chí ở địa phương mà mò mãi mới kiếm về được một cái bia đá. Bác cùng các đồng chí thay nhau mài mấy ngày liền mới hết những chữ nho khắc trên mặt bia. Giấy bản in báo do các chị em phụ nữ mua từng ít một trong các phiên chợ đem về góp lại. Tên báo là *Việt Nam độc lập*, gọi tắt là *Việt Lập*. Vì khuôn khổ tờ báo nhỏ, chữ, theo chỉ thị của Bác, lại phải viết to để đồng bào đọc dễ dàng, nên các bài viết phải rất ngắn. Có lần tôi ở Tỉnh Tây về, Bác phân công viết một bài về phong trào phụ nữ cho báo *Việt Lập*. Bác nói:

- Chú viết đúng một trăm chữ, viết hơn thì không có chỗ đăng đâu.

Tôi ngồi viết, cảm thấy khó quá. Thời gian qua ở Tỉnh Tây, chúng tôi cũng ra báo. Cũng chỉ là báo in thạch, nhưng giấy sẵn, khuôn khổ tờ báo rộng, bài viết thoải mái chứ không hạn chế như thế này.

Thấy tôi ngồi viết khó khăn, Bác cười rồi bảo:

- Báo của các chú có gửi về nhưng mình không xem hết, mà ở đây cũng không mấy ai xem. Báo của các chú văn hay, chữ nhiều, nhưng khó đọc, và có đọc được cũng không mấy ai hiểu. Báo *Việt Lập* tuy đơn giản, nhưng dễ đọc, dễ hiểu.

Về sau có dịp đi công tác tại các địa phương, tôi mới thấy hết tác dụng rất to lớn của tờ báo; đồng bào ở khắp các nơi đều rất hoan nghênh báo *Việt Lập*.

Ngày 22-6-1941, phát xít Đức nổ súng tiến công Liên Xô. Cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai mở rộng hơn và bước vào giai đoạn quyết liệt. Đảng ta đã phát động một phong trào ủng hộ Liên Xô, tuyên truyền, ca ngợi tinh thần chiến đấu anh dũng của Hồng quân Liên Xô. Bác đã viết nhiều bài, nhiều thơ ca trên báo *Việt Lập*, phân tích thế nào phát xít Đức cũng thua và Liên Xô sẽ thắng.

Công tác của chúng tôi tại Tỉnh Tây không tiến triển được bao nhiêu. Bọn Quốc dân Đảng miệng thì hứa hẹn, nhưng ngoài lớp học quân sự đã mở, chúng chẳng giúp đỡ được gì hơn. Chúng vẫn tiếp tục điều tra xem chúng tôi có phải là cộng sản không, và thăm dò lực lượng của ta. Tên Trần, Tham mưu trưởng yêu cầu cho người của hắn vào Việt Nam xem tình hình phong trào. Xin ý kiến ở nhà, được đồng ý, một lần về nước, chúng tôi cho hai tên sĩ quan Quốc dân Đảng đi theo. Bọn chúng được ở đây một tuần. Chúng ta bố trí một phái đoàn đi kiểm tra các nơi, cho hai tên võ quan Tưởng đi theo. Đâu đâu, chúng cũng thấy phong trào của ta rất mạnh mẽ, rầm rộ. Nhân dân họp mít tinh đông đảo, đem theo vũ khí, có cả súng, để chào mừng phái đoàn. Khi trở về nước, hai tên võ quan này yên trí là đã được đi qua một vùng rộng lớn tại khu căn cứ của ta, làm cả một bản báo cáo dài để nói về lực lượng và phong trào cách mạng lớn mạnh ở Việt Nam. Thực ra, trong suốt thời gian ở đây, để giữ bí mật cho các cơ sở của ta bọn chúng chỉ được dẫn đi ban đêm loanh quanh trong một phạm vi nhỏ. Có ít khẩu súng thì đem nay để ở địa điểm này, đem sau lại chuyển sang địa điểm khác đón phái đoàn. Sau chuyến đi thăm này, bọn

Quốc dân Đảng chuyển cho chúng ta mấy chục quả lựu đạn chày, trong đó có lẫn một số quả bị điếc. Chúng vẫn nghi ngờ chúng ta là cộng sản.

Như đã dự đoán từ trước, tại lớp học cho học sinh quân Việt Nam, bọn Quốc dân Đảng một mặt dạy quân sự, một mặt ra sức tìm mọi cách nhồi nhét thứ chính trị phản động của chúng. Các đồng chí của ta để những lời lẽ của chúng ngoài tai. Thái độ lạnh nhạt của anh em ta đối với các luận điệu của chúng, càng làm cho chúng thêm nghi ngờ.

Thỉnh thoảng, tôi lại lên Quế Lâm để thăm anh em. Tháng 11-1941, khi tới Thiên Bảo, thấy pháo nổ ran khắp thành phố. Hỏi ra mới biết nhân dân Trung Quốc đốt pháo ăn mừng vì cuộc chiến tranh giữa Nhật và Mỹ ở Thái Bình Dương đã bắt đầu. Nhật vừa đưa quân tiến đánh Trân Châu Cảng. Lần này, khi tôi đến trường, bọn phụ trách tìm cách kéo dài cuộc tiếp đãi, bao vây khéo không để có thời giờ gặp anh em. Chúng tôi đoán bọn Quốc dân Đảng khác ý.

Khi trở lại Tĩnh Tây ít ngày, chúng tôi biết là Nguyễn Hải Thần đã dò được tung tích của chúng ta, và đã tố giác với bọn Quốc dân Đảng. Chúng đã nắm được tên thực của anh Phạm Văn Đồng và tôi. Bọn Quốc dân Đảng thay đổi thái độ ngay. Các anh lập tức cử tôi về báo cáo lại tình hình với Bác.

Từ ngày Bác về nước, cơ quan đã thay đổi địa điểm mấy lần. Đồng bào Nùng tại đây rất tốt vì đã có cảm tình và liên lạc với cách mạng từ trước. Vùng này rất hẻo lánh. Nhưng bọn Tây và quân lính ở các đồn phía dưới Sóc Giang vẫn thường kéo lên, khi lùng bắt những người trong

làng nấu rượu lậu, khi tìm thổ phỉ, khi dò la tung tích cách mạng. Nơi ở đầu tiên của Bác tại Pắc Bó tuy ẩm lạnh nhưng vẫn là nơi ở tốt nhất. Tại đây, có hang, không sợ mưa nắng. Địa điểm thứ hai, là một hốc núi nhỏ ở rất cao và rất sâu trong rừng, bên ngoài chỉ rấp ít cành lau. Những khi trời mưa to rần rết chui cả vào chỗ nằm. Có buổi sáng, Bác thức dậy thấy một con rắn rất lớn nằm khoanh tròn ngay cạnh người. Về đây, Bác hay bị sốt. Nhiều lần, Bác đang họp thì lên cơn sốt, mặt tái ngắt, tay chân run cầm cập. Chúng tôi mời Bác đi nằm, nhưng Bác nói: “Nằm càng mệt, ngồi thế này có đấu tranh đỡ hơn”.

Lần này, tôi trở về nước, cơ quan đã chuyển sang một địa điểm mới. Đường đi hiểm trở hơn những lần trước. Phải lội ngược mãi một con suối nằm giữa những ngọn núi cao; gần đến cơ quan lại phải vượt qua ba thác nước, leo một cái thang qua một vách đá, mới vào đến nhà. Lán của cơ quan cất dưới lùm cây, song, mây chằng chịt, vừa tối, vừa ẩm. Bác chỉ một cái lạch nước mới khơi, tụt tay Bác đã xếp than, sỏi và cát làm chỗ lọc nước, nói:

- Chú xem, cơ quan ta chuyển về đây lại có cả nước lọc.

Ở đây, hẻo lánh âm u vô cùng. Tôi biết nhiều ngày các đồng chí trong cơ quan đi công tác, đêm khuya, chỉ có Bác với một đồng chí bảo vệ nằm nghe gió rừng cùng với tiếng beo gầm.

Sau khi nghe báo cáo tình hình, Bác quyết định, tôi không sang Tỉnh Tây nữa, tin cho anh Đồng ở bên đó cũng trở về, chỉ để mình anh Hoan ở lại duy trì biện sự xứ và liên hệ với anh em học sinh quân. Ít lâu sau, anh Hoan bị bọn Quốc dân Đảng bắt một thời gian.

VI

Cao Bằng là một tỉnh ở miền biên giới có phong trào cách mạng rất sớm.

Từ năm 1929, tại đây, đã có chi bộ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội). Khi Đảng Cộng sản Đông Dương mới thành lập, Cao Bằng đã tổ chức chi bộ đảng. Trong những năm khủng bố trắng, cơ sở của Đảng vẫn được duy trì. Đến thời kỳ Mặt trận Bình dân, phong trào cách mạng phát triển khá rộng rãi trong nhân dân. Tại mỏ Tĩnh Túc đã nổ ra nhiều cuộc đấu tranh của công nhân. Đồng bào địa phương tổ chức nhiều cuộc biểu tình hưởng ứng Đông Dương đại hội.

Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Cao Bằng ở biên giới Việt - Trung nên ảnh hưởng chiến tranh càng sâu sắc. Nhân dân Cao Bằng bị bắt đi phu, đi lính, bị áp bức, bóc lột nhiều hơn các tỉnh khác; sinh hoạt thì cực kỳ vất vả. Nhân dân phần sợ Pháp, sợ bọn quan lại, phần sợ bọn thổ phỉ, lại luôn luôn nơm nớp lo Tàu, lo Nhật kéo vào. Sau khi đầu hàng Nhật, Pháp lại quay ra đàn áp phong trào cách mạng. Cao Bằng bị địch khủng bố rất mạnh. Các cán bộ và đảng viên phải chuyển vào hoạt động bí mật, duy trì cơ sở, giữ gìn phong trào.

Chính vào thời kỳ này, vì bị địch khủng bố, truy lùng ráo riết, một số đảng viên và quần chúng trung kiên của Đảng đã phải trốn ra nước ngoài và đã được gặp Bác tại Trung Quốc.

Sau lớp huấn luyện ngắn ngày tổ chức tại gần biên giới, các đồng chí dự lớp đã trở về ngay trong nước, nắm lại các cơ sở quần chúng, tìm cách phục hồi phong trào. Từ ngày Bác trở về nước, dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp của Bác, phong trào Cao Bằng không những đã phục hồi nhanh chóng mà lại còn phát triển rất mạnh mẽ.

Về nhà được ít ngày, một buổi chúng tôi đang cùng Bác tới dự một cuộc hội nghị thì gặp một đồng chí báo tin dữ: Địch tập trung quân càn quét tại Bắc Sơn - Vũ Nhai, anh Phùng Chí Kiên và anh Huy đã hy sinh.

Sau Hội nghị Trung ương lần thứ tám, phong trào Bắc Sơn - Vũ Nhai phục hồi nhanh chóng, trở thành một căn cứ nằm sâu trong lòng Việt Bắc. Địch đưa quân từ ba mặt Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Giang tiến công vào. Anh Phùng Chí Kiên và anh Huy trong khi cùng một số đồng chí rút về Cao Bằng, đã hy sinh vì một trận phục kích của địch tại Lũng Sào thuộc Ngân Sơn. Một số đồng chí khác vẫn còn ở trong vòng vây của địch, chưa rõ tình hình ra sao.

Nghe tin, Bác đứng lặng một lúc, nước mắt ứa ra. Sau đó, Bác lại tiếp tục đi tới địa điểm Hội nghị¹.

1. Xem tập *Một năm trên biên giới Việt - Trung*, hồi ký về Cứu quốc quân của anh Chu Văn Tấn.

Tôi về nước được một thời gian thì Bác giao nhiệm vụ về châu Hòa An, còn có bí danh là châu Trần Phú, để mở lớp huấn luyện.

Trước khi lên đường, tôi đã cải trang thành một người dân địa phương với bộ quần áo chàm, chiếc mũ nồi dạ và một chiếc túi dệt bằng vải chàm đeo sau lưng. Trong túi, ngoài những tài liệu của lớp huấn luyện tại biên giới, lúc này đã được in lại thành tập với tên *Con đường giải phóng*, còn có tập *Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô* do Bác dịch và đánh máy cho mỗi chúng tôi một bản, để làm tài liệu huấn luyện các đảng viên.

Càng đi càng thấy phong trào của ta đã ăn khá sâu rộng trong nhân dân. Dịch giảng nhiều vọng gác trên dọc đường. Nhưng những anh lính đồng đứng gác không gây khó dễ cho chúng tôi, mà lại còn nhìn chúng tôi với vẻ mặt tươi tỉnh. Có nơi, đồng chí đưa đường vào ngay trạm gác của lính đồng, hỏi mua thức ăn. Phần lớn những người lính đồng này đều là hội viên của các hội cứu quốc. Biết có đoàn cán bộ đi qua, đồng bào ở các làng cơ sở ra đón đường chúng tôi, tay bắt mặt mừng. Đến bữa ăn, chúng tôi dừng chân, nghỉ lại trên đồi hoặc ven rừng, lát sau là có đồng bào đưa cơm nước lên. Qua thái độ của bà con, biết người cán bộ cách mạng tại đây được quý mến nhường nào. Quang cảnh này, tình hình này thực khác hẳn ngày chúng tôi ra đi. Thấy đồng bào đón tiếp nhiệt tình, quý trọng cán bộ, nghĩ chính mình đang đi trong sự che chở của đồng bào, chính nhờ đồng bào mà mình đang được đi trên những miền của đất nước đã mang màu sắc của ngày mai tự do.

Hết đường núi, đến cánh đồng Hòa An, phải đi đêm. Đồng chí dẫn đường đưa chúng tôi vào một làng nằm trong một thung lũng nhỏ.

Đêm ấy, ở lại gia đình đồng chí Len. Cả gia đình đồng chí Len, kể cả các cụ thân sinh, đều tham gia hội cứu quốc. Trời sáng tôi lánh ra ở một hốc núi đá ngay giáp vườn. Đến bữa ăn, lại vào nhà ăn cơm. Xã này là một xã “hoàn toàn”. Trong xã, trừ một vài phần tử tối phản động bị bao vây giám sát chặt chẽ từng bước đi, tất cả nhân dân đã được tổ chức vào các hội cứu quốc.

Lớp huấn luyện được tích cực chuẩn bị. Vùng này nhiều núi đá có cây cối rậm rạp. Các đồng chí ở địa phương đã chọn một hang đá rộng rãi, quang đãng làm địa điểm lớp học. Chừng mười đồng chí nam, nữ được lựa chọn đi học. Anh chị em mang theo nồi, gạo, thức ăn tới địa điểm với nét mặt rất phấn khởi.

Chúng tôi lấy lá về rải trong hang làm nơi lên lớp, thảo luận. Hết buổi học, các học viên cùng làm bếp, nấu nướng lấy ăn.

Nội dung huấn luyện gồm có: tình hình thế giới, tình hình trong nước, tại sao phải đánh Tây, đuổi Nhật, rồi đến công tác chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, cách tổ chức hội cứu quốc, các đội tự vệ, năm bước công tác bí mật; lại học cả cách khai hội, cách phát biểu ý kiến. Trong thời gian học tập, anh chị em còn đồng thời được tuyên truyền, giáo dục về chủ nghĩa cộng sản, về Đảng, về chế độ và đời sống tốt đẹp tại Liên Xô, nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới.

Mọi người rất ham học. Anh chị em thảo luận sôi nổi, nói lên sự áp bức, bóc lột của Tây, Nhật, của bọn quan lại, tổng lý, và những âm mưu thâm độc nhằm chia rẽ các dân tộc của bọn chúng. Tôi nhận thấy, mỗi điều hiểu biết mới về cách mạng đều tác động sâu sắc đến anh chị em. Chúng tôi tìm trong hàng ngũ hội viên trung kiên, những đồng chí đã tham gia phong trào từ lâu, bồi dưỡng thêm, chuẩn bị cho việc phát triển Đảng.

Hang đá này nằm ở một hòn độc sơn. Ngồi trong hang nhìn ra, ngay trước mặt là làng mạc, là cánh đồng. Lớp học tiến hành rất an toàn. Ngày, đêm lúc nào cũng có các anh chị em tự vệ chung quanh. Các đồng chí ở dưới xã luôn luôn lên báo cáo tình hình hoạt động của bọn phản động.

Khi học tập thì giản dị, nhưng lúc kết thúc lại khá “long trọng”. Lễ bế mạc được tổ chức tại một thung lũng. Nhiều đồng bào tới tham dự. Dưới lá cờ đỏ sao vàng, ban phụ trách lớp thay mặt đoàn thể giao nhiệm vụ. Đại biểu các hội cứu quốc ở địa phương lên hoan nghênh những đồng chí đã học xong, sắp trở về công tác. Các hội viên sôi nổi hứa hẹn với đoàn thể, với nhân dân trước khi ra về. Một không khí phấn khởi, náo nức, hùng hực khí thế cách mạng bao trùm lấy cả buổi lễ.

Sau một thời gian ở đây, tôi chuyển sang một tổng khác thuộc vùng cánh đồng của châu Hòa An. Phong trào tại vùng này rất mạnh. Nơi tôi tới công tác và những tổng ở chung quanh đều là tổng “hoàn toàn”. Lớp học mở ngay tại giữa làng. Mặc dầu ở gần Nước Hai, không xa tỉnh lỵ

bao nhiêu, nhưng chúng tôi tổ chức liên tiếp mấy lớp không gặp trở ngại gì. Tôi được bố trí ở với một gia đình nông dân. Gia đình này nghèo, nhưng hằng ngày, ngoài hai bữa cơm, khi củ khoai, khi bắp ngô, luôn luôn tìm mọi thứ đem ra mời cán bộ. Một lần, giữa lớp huấn luyện, tôi bỗng lên cơn sốt. Nằm không yên, chỉ lo cơn sốt kéo dài, lỡ việc học tập của anh em. Gia đình vội vã đi tìm hội viên biết thuốc tối. Ông cụ sờ đầu và xem mặt tôi rồi nói: “Đồng chí cán bộ à, lên ban thôi, không việc gì đâu!”. Cụ đi kiếm ít lá về sắc một chén nhỏ đưa tôi uống, rồi bảo tôi đắp chăn nằm ngủ. Buổi chiều, tỉnh dậy, thấy hết sốt. Hỏi cụ cho uống thứ lá gì cụ nói: "Lá nụ ảo".

Tôi trở về cơ quan. Bác đã chuyển từ Pắc Bó về Lam Sơn. Căn lán của Bác nằm bên một sườn núi khá quang đãng, phía sau, có một mảnh đất nhỏ, sáng sủa Bác vẫn ra để tập thể dục. Tôi báo cáo tình hình công tác tại Hòa An. Bác nhận xét làm tốt, và chỉ thị cho tôi chuyển sang châu Nguyên Bình.

Tình hình Nguyên Bình so với Hòa An có khác hơn. Hòa An là một châu có phong trào cách mạng từ lâu. Nguyên Bình trước kia, chỉ riêng mở Tỉnh Túc có phong trào khá mạnh trong công nhân, các nơi khác thì gần đây mới bắt đầu xây dựng một số cơ sở.

Từ Cao Bằng có đường cái lớn chạy về Tỉnh Túc, nhưng chúng tôi phải đi theo đường núi cho kín đáo. Ngày đầu, phải vượt qua nhiều đèo cao và những triền núi đá. Đường đi rất vắng vẻ. Chập tối tối một bản mới được tổ chức gần đây, nằm giữa một vùng hẻo lánh. Đồng chí giao

thông dẫn tôi vào nhà một hội viên. Thấy chúng tôi đến, cả gia đình đều tỏ vẻ mừng rỡ.

Sau bữa cơm, tôi được đưa vào nghỉ trong một căn buồng kín đáo. Nằm một lúc, nghe dưới nhà có nhiều tiếng lao xao. Tuy vậy, chưa nhận thấy có dấu hiệu bất trắc. Một lát, có tiếng kẹt cửa. Một người đẩy cửa buồng tôi, bước vào, rón rén đến bên giường, vén màn lên, đứng nhìn một lát rồi quay ra. Và liên tiếp sau đó, lại có những người khác đẩy cửa buồng vào làm như vậy. Hơi ngạc nhiên, tôi gọi đồng chí hội viên vào hỏi:

- Tôi ở đây mà đồng chí để nhiều người vào buồng luôn luôn như vậy thì làm sao giữ được bí mật?

Đồng chí hội viên đáp:

- Các anh, các chị ấy cũng là người trong hội cả thôi. Đồng chí “thượng cấp” từ xa đến đây đem ánh sáng cho chúng tôi, anh chị em đều mừng rỡ, nên ai cũng xem mặt một tí.

Hôm sau, chúng tôi tiếp tục đi Gia Bằng. Trước khi đi, tôi nói chuyện với các đồng chí hội viên ở đây, cần chú ý giữ bí mật trong mọi công tác của hội. Mặc dầu chỉ trú chân tại đây một đêm, nhưng khi đi, cả gia đình đều tỏ vẻ quyến luyến.

Gia Bằng là một cánh đồng hẹp nằm giữa một vùng núi đá. Tại đây, một người giao thông khác sẽ đưa tôi đi nốt đoạn đường cuối cùng trong đêm hôm đó. Khi gặp đồng chí này, tôi hơi ngạc nhiên vì thấy anh bị mù cả hai mắt. Tên đồng chí đó là An.

Năm giờ chiều, đồng chí An đưa tôi ra đi. Đường toàn

đá tai mèo, hết lên lại xuống, lại lấm khe nhiều sỏi, với người sáng mắt, đi cũng rất khó khăn. Đồng chí An chỉ dùng hai bàn chân dò dẫm và chiếc gậy trúc trong tay, khua khua vào những hòn đá, những thân cây hai bên đường là nói được với tôi ngay, nơi đó là đâu. Trời càng tối, tôi càng thấy đồng chí giao thông hỏng mắt này đi đường giỏi hơn mình rất nhiều. Dọc đường, nói chuyện, mới biết anh An trước kia mắt cũng sáng nhưng đã bị mù từ lâu, sau một trận đau mắt. Anh có một trí nhớ đặc biệt. Có lần, anh vào rừng lấy củi, khi về nhà mới nhớ ra mình đã bỏ quên con dao; anh quay trở lại rừng và tìm được con dao mang về. Anh An kể lại với tôi cuộc đời khổ cực tối tăm của mình sau ngày hỏng mắt; và nói, anh đã tìm lại được ánh sáng từ khi biết hội, anh tự nguyện sẽ đem cả cuộc đời mình để hiến cho cách mạng. Về sau, tôi biết thêm, anh là một hội viên trung kiên hoạt động rất tích cực. Tối hôm đó, vừa đi với anh, tôi vừa ngẫm nghĩ về sức mạnh kỳ lạ của phong trào cách mạng đã cuốn hút được vào cuộc đấu tranh quyết liệt này cả những người như anh An. Hình ảnh đồng chí giao thông mù trong những năm tranh tối tranh sáng đó, đã gây cho tôi một ấn tượng rất sâu sắc.

Đêm hôm đó, anh An dẫn tôi đi đến nhà đồng chí Xích Thắng, Bí thư Châu ủy.

Tôi ở lại nhà đồng chí Xích Thắng một thời gian và mở mấy lớp huấn luyện tại Nguyên Bình trong một hang núi. Sau mỗi lớp huấn luyện, tôi giúp các đồng chí Châu ủy đặt kế hoạch công tác phát triển và củng cố phong trào.

Theo chương trình đề ra từ nhà, tôi sẽ lên mở tiếp một

lớp huấn luyện tại vùng đồng bào Mán¹ trắng. Một buổi sớm, có đồng chí trên vùng Mán trắng về đón. Đồng chí này mặc quần áo chần, đầu chít khăn, một con dao rừng giắt chéo qua chiếc dây lưng thắt bó lấy người, trông như một nhà hiệp sĩ thời xưa. Đồng chí Xích Thắng giới thiệu với tôi, đó là đồng chí Hồng Trị, một trong hai đảng viên đầu tiên của Đảng Cộng sản Đông Dương tại khu Thiện Thuật, tức là vùng Mán trắng. Đồng chí Hồng Trị nói bằng tiếng Kinh:

- Chào đồng chí, đồng chí về thế này thì chúng tôi rất hoan nghênh.

Đồng chí Hồng Trị đưa tôi đi. Đúng là đi theo đường chim bay. Vừa đi chúng tôi vừa phải lách lá rừng, phát mây gai để mở đường trên những triền núi đá tai mèo. Mỗi lần tôi hỏi đi về đâu, thì đồng chí Hồng Trị lại chỉ một ngọn núi cao vọi vọi trước mặt. Buổi trưa, chúng tôi nghỉ chân một lúc tại nhà một đồng chí Mán. Rồi lại tiếp tục leo ngược núi. Vất nhiều vô kể. Đi miết cho đến chiều, mới hết triền đá, trước mặt, hiện ra một khu rừng đại ngàn, cây cối rậm rạp, song mây chằng chịt. Tôi nhìn thấy mấy đồng bào Mán đang ngồi trong một chiếc lán nhỏ làm bám vào một gốc cây cổ thụ. Đồng chí Hồng Trị nói với tôi, lớp học sẽ mở tại đây, và những người ngồi đó là các đồng chí học viên. Các đồng chí nhìn chúng tôi với vẻ mặt mừng rỡ. Đến lúc nói chuyện, mới hay không đồng chí nào biết tiếng Kinh. Lát sau, lại có thêm mấy chị đến, đầu vấn khăn

1. Tức người Dao.

tròn, áo hoa, váy trắng, mặc đẹp như những người đi hội. Các chị cũng là những đồng chí được cử đi học. Chúng tôi tươi cười gật đầu chào nhau, nhưng đến khi nói chuyện thì không bên nào hiểu. Chiều hôm đó, đồng chí Bình Dương cũng tới. Đồng chí Bình Dương là người châu Hòa An, được cử lên công tác tại vùng này. Anh nói thạo tiếng Tây, tiếng Kinh, và cũng biết một ít tiếng Mán.

Từ khi đi làm công tác huấn luyện, đã nhiều lần tôi gặp khó khăn về việc giải nghĩa những danh từ mới, nhất là những danh từ về chính trị. Đồng bào phần lớn, lần đầu làm quen với những danh từ mới này, lại phải nhớ nhiều quá trong một lúc. Chúng tôi đã có kinh nghiệm đem một số danh từ đặt tên bí danh cho các đồng chí, để học viên dễ nhớ. Từ đó đã xuất hiện nhiều tên mới: Minh Khai, Ấu Triệu, Đấu Tranh, Độc Lập, Đề Thám, Hồng Phong... Nhưng ở lớp huấn luyện đầu tiên trên rẻo cao này, thì việc giảng bài khó khăn một cách đặc biệt. Đồng chí Hồng Trị biết tiếng Kinh nhưng chỉ nói được những tiếng thông thường trong sinh hoạt hằng ngày, khi gặp những danh từ chính trị thì bản thân đồng chí cũng không hiểu. Tôi cố gắng tìm hiểu tình hình áp bức, bóc lột tại địa phương, một mặt, khai thác khả năng phiên dịch của đồng chí Hồng Trị và đồng chí Bình Dương, một mặt, dùng thêm những hình vẽ để giảng bài. Khi nói đến Tây, Nhật áp bức, bóc lột dân ta, thì tôi vẽ hình thàng Tây, thàng Nhật đánh đập đồng bào, vẽ người dân trên lưng chồng chất sưu cao, thuế nặng. Khi giảng về vấn đề đoàn kết để đánh Tây, đuổi Nhật thì vẽ người Mán, người Thổ, người Kinh

cùng nắm tay nhau... Cách này đã giúp anh chị em hiểu được dễ dàng hơn.

Đồng bào Mán trắng vốn đã có một tinh thần cách mạng rất cao, một lòng tin từ trước, hết sức cố gắng tìm hiểu những lời cán bộ nói, vì tin tưởng chắc chắn đó là chân lý. Cuối cùng, kết quả lớp học khá tốt. Trong lễ tốt nghiệp, một chị đã nói bằng một giọng cảm động:

- Chúng tôi ở núi cao, rừng rậm bao đời nay không có ánh sáng, hội đã đưa đồng chí giáo viên đến chỉ cho chúng tôi con đường độc lập, tự do. Anh chị em chúng tôi như những người thức đêm, nhà có ngọn đèn dầu đã cạn, sắp tắt, giờ cấp trên cử người đến đem dầu đổ thêm vào, làm cho đèn lại sáng ra. Đầu óc chúng tôi trước kia tối tăm, bây giờ nhờ hội đã sáng tỏ.

Đồng bào miền núi thường hay dùng hình ảnh và sự so sánh để diễn tả những ý nghĩ của mình. Cũng trong lớp huấn luyện này, tôi còn nhớ một câu nói vui của một đồng chí phát biểu về kết quả học tập:

- Chúng tôi làm nương rẫy, muốn ngô lúa tốt thì phải có phân. Đồng chí giáo viên đến đây như người đem phân bón cho ngô lúa, thế nào phong trào cũng xanh tốt.

Trước khi ra về, các đồng chí dự học tập đều được giao nhiệm vụ tuyên truyền, phát triển thêm hội viên mới để mở rộng các hội cứu quốc.

Tôi đi cùng đồng chí Bình Dương tới tham dự một cuộc mít tinh giải thích chủ trương của Việt Minh: Đoàn kết các dân tộc đánh Tây, đuổi Nhật. Đồng bào các bản kéo tới rất đông. Ai nấy đều mặc quần áo đẹp, nô nức, mừng như đi dự một ngày hội.

Qua những lớp huấn luyện tại Hòa An và Nguyên Bình, càng thấy rõ, trong khi vận động quần chúng làm cách mạng, nếu nói lên được những nguyện vọng nóng bỏng của quần chúng, những điều liên hệ mật thiết đến đời sống của quần chúng, thì quần chúng rất dễ tiếp thụ, công tác vận động sẽ trở nên có một sức hấp dẫn đặc biệt, sẽ thúc đẩy mạnh mẽ quần chúng tiến lên con đường đấu tranh. Một điều khác tôi đã nhận thấy là, với những tâm hồn rất chất phác, trong trẻ của đồng bào miền núi, khi cách mạng đã đem đến cho họ một lòng tin, thì không có sức nào lay chuyển được lòng tin đó.

VII

Sang năm 1942, trong các châu ở Cao Bằng đã có những châu “hoàn toàn”. Đây là một hiện tượng mới trong lịch sử phong trào cách mạng của ta. Ngoài ra, ở tất cả các châu khác, cách mạng đều đã xây dựng được nhiều cơ sở quần chúng.

Đồng bào Tày, Nùng nô nức tham gia các hội cứu quốc. Thanh niên dẫn đầu phong trào. Chị em phụ nữ vào hội rất đông. Các em nhi đồng cũng đều vào hội, tham gia công việc liên lạc, canh gác. Một thứ chính quyền hai mặt đã xuất hiện ở nông thôn. Trong các xã “hoàn toàn”, ban Việt Minh xã giải quyết hầu hết các vấn đề sinh hoạt hàng ngày trong nhân dân, từ việc cưới xin đến tranh chấp ruộng rẫy. Ta đã tranh thủ được phần lớn các hương lý. Những người này hoặc đã tham gia các hội cứu quốc, hoặc có cảm tình với cách mạng. Trước khi lên châu, lên tỉnh, các chức việc thường đến xin chỉ thị của ban Việt Minh xã, khi về cũng tới báo cáo lại mọi việc đã làm với “quan trên”.

Phong trào lan rộng trong hàng ngũ lính đồng. Hồi này, bọn Pháp ra lệnh tăng cường canh gác nghiêm ngặt. Mỗi xã có hai, ba điểm canh. Nhưng phần lớn các điểm

canh của địch đã biến thành trạm liên lạc hoặc nơi theo dõi tình hình của ta.

Trên những vùng cao, phong trào cũng phát triển mạnh. Đồng bào dân tộc Mán vào hội rất đông, yêu quý cán bộ như ruột thịt.

Trong khi tiến hành công tác vận động chính trị, giáo dục lòng yêu nước cho đồng bào, chúng tôi còn đồng thời giáo dục, tuyên truyền một cách rộng rãi về chủ nghĩa cộng sản, về Đảng, về Liên Xô. Ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng rất rộng. Đồng bào đã hiểu Đảng Cộng sản là Đảng lãnh đạo cách mạng, Đảng sẽ giành lại độc lập, tự do cho nước nhà, sẽ đem lại ấm no hạnh phúc cho quần chúng công nông lao khổ, cho toàn thể các dân tộc. Nhiều đồng bào đã coi Đảng như chính là của mình. Nhiều hội viên trung kiên được chọn lựa, giáo dục rồi kết nạp vào Đảng. Phần lớn các xã có phong trào đều đã thành lập chi bộ.

Phong trào cách mạng dần dần xua tan những ảnh hưởng chia rẽ dân tộc của bọn phong kiến, đế quốc tự bao nhiêu đời nay. Các dân tộc đã đoàn kết lại, kề vai sát cánh nhau trong Mặt trận Việt Minh. Nhiều cuộc đi lại thăm hỏi giữa các dân tộc vùng cao và vùng thấp đã được tổ chức. Đại biểu các dân tộc Thổ, Mán, Nùng, Kinh, Hoa... cùng nắm tay nhau trong những cuộc liên hoan cảm động.

Sau khi Bác về nước, Tỉnh ủy Cao Bằng được củng cố lại. Tháng 11-1942, Đại hội đại biểu Việt Minh toàn Cao Bằng đã họp và bầu ra ban Việt Minh tỉnh chính thức.

Hệ thống tổ chức của Mặt trận Việt Minh đã thông suốt từ xã qua các châu, huyện đến tỉnh. Trong các châu, các tổng “hoàn toàn”, các ban Việt Minh đều do bầu cử dân chủ từ xã lên. Tiếp sau đó, Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng được chỉ định, do đồng chí Lã làm bí thư. Anh Đồng, anh Vũ Anh và tôi được giao nhiệm vụ giúp Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng.

Nhiều lớp huấn luyện ngắn kỳ được tổ chức ở các châu, huyện. Để học viên khỏi phải đi xa làng, bản, vừa mất công ăn việc làm vừa dễ bị lộ, liên tỉnh đã phân phối giáo viên về các địa phương mở những lớp huấn luyện. Mỗi lớp huấn luyện hồi đầu thường tổ chức cho khoảng 10 người trong 15 ngày. Bác đã chỉ thị rút ngắn thời gian huấn luyện xuống 4, 5 ngày, và ở những nơi có phong trào mới lên, thì không cần đợi đồng bào tập trung đủ mười người, cứ vài ba người là cũng có thể tiến hành huấn luyện ngay. Ban liên tỉnh đặt kế hoạch mở những lớp huấn luyện mới với trình độ cao hơn, đồng thời cũng mở rộng phạm vi huấn luyện tới các thanh niên nam nữ không ở trong các ban chấp hành. Các lớp huấn luyện cho cán bộ, cho những phần tử trung kiên trong các hội cứu quốc mở liên tiếp khắp nơi, vẫn không sao đáp ứng được yêu cầu của quần chúng tham gia phong trào cách mạng ngày một đông.

Liên tỉnh ủy phụ trách huấn luyện cho đảng viên. Đối với một số cán bộ cấp tỉnh, thì ngoài nghị quyết của Trung ương và các chủ trương công tác của Liên tỉnh ủy, còn huấn luyện thêm sơ lược về lịch sử của Đảng Cộng sản Liên Xô.

Vào năm 1941, tại Pắc Bó, Bác đã ra chỉ thị tổ chức đội vũ trang đầu tiên ở Cao Bằng, đội gồm các đồng chí: Lê Quảng Ba, Hoàng Sâm, Bằng Giang, Lê Thiết Hùng, Đức Thanh, Thế An, v.v. do đồng chí Lê Quảng Ba chỉ huy. Đội có nhiệm vụ bảo vệ cơ quan lãnh đạo của Đảng, củng cố và giữ vững đường giao thông, đồng thời làm công tác tuyên truyền và giúp việc huấn luyện tự vệ và tự vệ chiến đấu.

Tại các nơi có phong trào, đều đã tổ chức ra các đội tự vệ và tự vệ chiến đấu.

Vấn đề huấn luyện quân sự trở nên cấp thiết. Nhưng cán bộ thì rất thiếu. Đồng chí nào biết chút ít quân sự đều phải đi huấn luyện. Bác tự tay biên soạn một số tài liệu về chiến thuật du kích, rồi cho in litô thành những cuốn sách nhỏ bỏ túi, như các quyển: *Chiến thuật du kích*, *Kinh nghiệm du kích Nga*, *Kinh nghiệm du kích Tàu*... Những cuốn sách đơn giản ấy là những tài liệu quý giá, bổ ích cho các đội tự vệ và những hội viên cứu quốc các giới. Trong thời gian này, anh Đồng cũng viết cuốn *Người chính trị viên*, tôi thì lược dịch cuốn *Chiến tranh du kích kháng Nhật* của đồng chí Chu Đức và cuốn *Công tác chính trị trong quân đội cách mạng*.

Liên tỉnh chỉ thị soạn chương trình huấn luyện quân sự và định ra các khẩu lệnh thống nhất. Mọi việc đều rất mới mẻ. Chỉ có việc như hô "một, hai" mà khi ra tập, người hô cũng chưa quen, quần chúng lại càng bỡ ngỡ. Tuy vậy, cùng với phong trào học tập chính trị, phong trào học tập quân sự cũng lên mạnh. Hễ việc đồng áng hơi rỗi là lại tập luyện. Mỗi kỳ tập từ năm đến bảy ngày. Từ phong trào tự

vệ này, qua một vài đợt củng cố, luyện tập, chúng ta tổ chức ra những đội tự vệ chiến đấu. Thành phần của đội tự vệ chiến đấu gồm những đội viên tự vệ dũng cảm nhất trong xã.

Hầu hết thanh niên nam nữ trong các xã “hoàn toàn” đều tham gia tổ chức tự vệ và đã trải qua luyện tập một hai kỳ. Mỗi một xã đều có một hay hai trung đội tự vệ chiến đấu được tổ chức và luyện tập khá chặt chẽ.

Ít lâu sau, liên tỉnh tổ chức ra những lớp huấn luyện để đào tạo cán bộ quân sự. Mỗi khóa học tập trong một tháng. Thường thường một khóa triệu tập khoảng năm, sáu chục cán bộ về học.

Ngoài công tác huấn luyện, lại phải lo sắm vũ khí, đạn dược. Vấn đề này rất quan trọng và cũng rất khó khăn. Sau phải dựa vào quần chúng để giải quyết. Mỗi đội viên tự vệ phải tự sắm một thứ vũ khí: giáo, mác, súng kíp, súng hỏa mai. Có nơi, đồng bào góp tiền mua súng thổ tạo ở bên kia biên giới. Mỗi đội viên tự vệ lại phải có một cuộn dây thừng để bắt Việt gian.

Tiểu đội vũ trang do anh Lê Quảng Ba phụ trách có một khẩu “pạc học” và một khẩu súng lục. Khẩu súng lục này là của một đồng chí Hồng quân Trung Quốc. Hồi Hồng quân ở phía nam chuyển lên phía bắc đã giao khẩu súng này cho một đồng chí ở lại. Khi anh em chúng ta đi ngang, biết chúng ta là những người cách mạng Việt Nam đang cần vũ khí, đồng chí đó đã đem khẩu súng tặng cho chúng ta.

Để góp phần giải quyết khó khăn về vũ khí, liên tỉnh quyết định lập một cơ sở lò rèn nhỏ, thí nghiệm đúc lựu

đạn, địa lôi. Đồng chí Cáp được phân công phụ trách công tác này. Nguyên liệu gồm nôi, chậu thau, mâm đồng, sắt vụn..., toàn những thứ do đồng bào ủng hộ. Đồng chí cùng năm, sáu anh em công nhân làm việc suốt ngày đêm trong một thung lũng rất sâu, sau mấy dãy núi đá ở vùng Lô cốt đỏ. Một hôm tôi đang đi ngang công tác, thì được tin anh Đồng và anh Vũ Anh nhắn về Lô cốt đỏ để dự cuộc thử quả địa lôi đầu tiên vừa chế tạo xong. Địa điểm thử ở một vùng chung quanh toàn núi đá cao. Quả địa lôi được đặt vào một hốc đá ở chân núi. Một sợi dây thừng dài khoảng gần một trăm thước buộc từ quả địa lôi kéo dài tới chỗ người giật. Các anh cho biết, khi thử từng phần, các bộ phận đều tốt. Tất cả những người đến dự, ngồi trên núi cao, nấp cẩn thận sau những tảng đá to ngó ra, đề phòng mảnh gang bắn phải. Ai này đều hồi hộp. Anh Cáp ra lệnh:

- Giật đi!

Mọi người chăm chú nhìn về chỗ đặt quả địa lôi, thấy khói phụt lên. Nhưng rồi đợi mãi, đến khi tan khói cũng không có tiếng nổ. Anh Lê Quảng Ba hôm đó cũng có mặt, phì cười, nói:

- *Te nằng du tỹ**!

Sau cuộc thí nghiệm này, anh Cáp và những anh em công nhân lại kiên nhẫn tiếp tục nghiên cứu, và cuối cùng đã thành công. Lò rèn này về sau, trong thời kỳ kháng chiến, được mở rộng thành binh công xưởng Lam Sơn. Có thể nói lò rèn ở Lô cốt đỏ là binh công xưởng đầu tiên của chúng ta.

* Nó còn ngồi đấy!

VIII

Sau một thời gian ở Nguyên Bình, tôi được chỉ thị cùng anh Thiết Hùng chuyển xuống phía nam gây phong trào tại tổng Kim Mã, một nơi chưa có tổ chức Việt Minh. Bác và Liên tỉnh ủy muốn tổ chức cơ sở ở vùng này làm chỗ đứng chân, phát triển phong trào về dưới xuôi, mở đường Nam tiến.

Chúng tôi giao nhiệm vụ cho các đồng chí ở Gia Bằng bắt mối với một vài thanh niên hăng hái ở tổng Kim Mã, đưa anh em về Gia Bằng mở lớp huấn luyện. Sau khi anh em đã học tập, chúng tôi cùng anh em thảo luận kế hoạch đưa chúng tôi về địa phương hoạt động. Mấy anh em này đều sốt sắng, hẹn về nhà thu xếp xong một thời gian ngắn, sẽ lên đón chúng tôi. Trong số các anh em đó có đồng chí Lạc.

Ít ngày sau, đồng chí Lạc trở lại Gia Bằng. Đồng chí nói mọi việc ở địa phương đã thu xếp xong. Một đêm, chúng tôi cùng vượt đường cái lớn và bắt đầu trèo núi. Dọc đường đi rất vắng lặng, đôi gianh triền miên nối tiếp nhau. Thỉnh thoảng mới nhìn thấy một bản nhỏ với dăm ba ngôi nhà heo hút trên đầu núi. Đồng chí Lạc cho biết, trên rẻo cao này là vùng của đồng bào Mán tiền. Đi cả ngày hôm sau, sẩm tối mới tới cánh đồng Kim Mã. Nhìn

cánh đồng rộng, lúa rất tốt, cảm thấy như đây đã gần miền xuôi. Chúng tôi vượt qua một quả núi nhỏ sau làng Phai Khắt rồi vào nhà đồng chí Lạc.

Sáng hôm sau, đồng chí Lạc đưa tôi đi xem địa điểm đã chọn để mở lớp huấn luyện. Tôi nhìn quả đồi chỉ có những cây con lúa thưa, nằm bên một khe suối, thấy chỗ này trống trải quá. Đồng chí Lạc nói: “Ở vùng chúng tôi chưa có cách mạng hoạt động bao giờ, mở lớp tại đây bất ngờ, không ai chú ý đâu”.

Bảy nam nữ thanh niên được các đồng chí giới thiệu đến dự lớp đầu tiên. Đồng bào tại đây ít người biết tiếng Kinh. Thời gian qua, tôi đã tranh thủ học tiếng Tày, tiếng Mán và dần dần đã nói được, nên việc giảng dạy cũng đỡ khó khăn. Tôi vừa làm công tác huấn luyện vừa tìm hiểu tình hình địa phương. Chúng tôi rút ngắn thời gian học tập để có thể nhanh chóng mở thêm nhiều lớp sau. Việc học tập ở đây không gặp gì trở ngại, duy chỉ có một lần, mấy người dân đi lấy củi tình cờ sục vào chỗ chúng tôi, họ tỏ vẻ ngạc nhiên, không hiểu tại sao ở quả đồi hoang này lại có người. Để đề phòng, tôi nói với đồng chí Lạc chuyển địa điểm vào sâu trong núi cho những lớp sau.

Qua các lớp huấn luyện, chúng tôi đã nắm được rõ tình hình địa phương. Vùng này ở xa thị trấn, tương đối hẻo lánh, từ lâu đến nay chưa có phong trào, nên bọn đế quốc ít chú ý, và những tên đại gian ác trong hàng ngũ tay sai của chúng cũng chưa lộ mặt. Ở đây, cũng như tại Hòa An hay Nguyên Bình, đồng bào đã bị bọn đế quốc, phong kiến bòn rút đến xương tủy từ bao đời nay. Với cơ sở thực

tế rất sâu sắc đó, khi được chỉ dẫn phân tích cần phải đấu tranh đánh đổ kẻ thù để giành lấy một cuộc sống độc lập, tự do, thì đồng bào nhận thức được rất nhanh chóng.

Các đồng chí đi huấn luyện trở về hoạt động rất hăng hái. Những nhận thức mới của anh em, đầu tiên, lan ra trong gia đình, rồi tỏa ra họ hàng thân thuộc. Mỗi làng chỉ có vài dòng họ lớn, người trong làng đều là bà con thân thích đã ăn ở, chung sống với nhau từ bao đời, nên rất tin nhau. Chẳng bao lâu tư tưởng cách mạng đã tràn lan khắp nơi, thu hút được cảm tình của nhiều người. Các hội cứu quốc phát triển rất nhanh.

Trong công tác huấn luyện, tôi cũng rút thêm cho mình một số kinh nghiệm.

Một lần, trong một lớp học, nhân khi giảng về tình hình thế giới, tôi đã nói cho anh chị em nghe về bốn mâu thuẫn lớn trên thế giới hiện nay. Trước kia hoạt động ở xuôi, mỗi khi làm công tác tuyên truyền, huấn luyện thường quen phát triển, mở rộng vấn đề; lên đây, dựa vào bài giảng soạn rất ngắn gọn, tôi nghĩ là mình đã nói rất đơn giản. Đến lễ tốt nghiệp, anh chị em hăng hái nói lên kết quả học tập, hứa hẹn ra về sẽ tích cực hoạt động cho hội. Khi tôi tưởng mọi người đã nói xong thì thấy đồng chí Đề Thám gơ tay xin phát biểu.

- Xin đồng chí cho em ra hội.

Đồng chí này vốn là một thanh niên tốt, hăng hái. Tôi ngạc nhiên hỏi lại:

- Vì sao đồng chí lại xin ra hội?

- Vào hội thì làm việc gì khó khăn, nguy hiểm đến đâu

em cũng làm được, chỉ có mỗi cái học như thế này khó quá, không nhớ được, sợ không làm tròn nghĩa vụ của người hội viên. Em không hiểu bốn mâu thuẫn là gì.

Tôi nhớ đến lời Bác nhận xét về tờ báo của chúng tôi làm tại Tĩnh Tây, và những yêu cầu Bác giao cho mỗi khi viết bài đăng báo *Việt Lập*.

Sau khi được giải thích, người hội viên cốt nhất là có tinh thần yêu nước, trung thành với hội, trong đấu tranh thì không sợ hiềm nghèo, không sợ hy sinh, còn học thế này là để về tuyên truyền, giác ngộ cho bà con, lần này chưa hiểu thì lần khác học tập thêm sẽ hiểu chứ hội không bắt buộc phải hiểu cả, nhớ cả ngay trong một lúc... thì đồng chí Đề Thám hết sức vui lòng. Đồng chí nói:

- Tưởng bắt buộc phải nhớ hết thì em chịu.

Về sau, đồng chí Đề Thám vào bộ đội, được kết nạp vào Đảng, trở thành một cán bộ tốt của quân đội, một chiến sĩ thi đua trong thời kỳ kháng chiến.

Lần này, bản thân tôi đã rút ra được một bài học thấm thía: một điều cơ bản trong công tác vận động quần chúng, đưa phong trào lên, thì phải hiểu rõ trình độ quần chúng, có đi sát với trình độ quần chúng thì mới đưa quần chúng lên được.

Sau những thời gian huấn luyện, anh Thiết Hùng và tôi lại cùng các đồng chí ở địa phương đi các làng, bản làm công tác vận động quần chúng, tham gia những cuộc sinh hoạt của các giới nông dân, thanh niên, phụ nữ, nhi đồng. Nhiều nơi đã bắt đầu tổ chức những cuộc mít tinh có hàng trăm người tham dự.

Phong trào tại Kim Mã phát triển tốt. Chẳng bao lâu các hội cứu quốc đã lan ra các xã trong tổng, các ban Việt Minh xã, tổng được thành lập.

Lúc này, chúng tôi đã nhận thấy, tình hình phong trào hiện nay đang tốt, nhưng Kim Mã ở cạnh đường cái, bọn địch có thể kéo đến rất nhanh; xung quanh đều là núi, trên núi lại là đồng bào dân tộc khác; nếu không tổ chức được cả đồng bào trên rẻo cao, thì khi bị địch khủng bố có thể gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, sau này còn phải mở đường về phía Bắc Kạn, Lạng Sơn, như vậy càng cần phải tổ chức đồng bào trên núi.

Khi bàn với các đồng chí hội viên, mọi người đều nhận thấy vấn đề tổ chức đồng bào trên rẻo cao cần được tiến hành ngay. Một hội viên trung kiên là đồng chí Trọng Khánh, nói mình có người anh em đồng canh, người Mán tiên ở trên xã Cẩm Lý, xin đi tuyên truyền vào hội. Từ bao nhiêu đời nay, bọn phong kiến, đế quốc đã tìm mọi cách chia rẽ các dân tộc, gây nên những mối thù hằn truyền kiếp, nhưng giữa một số người của dân tộc này với dân tộc khác vẫn có những mối quan hệ mật thiết với nhau. Chúng tôi đồng ý giao cho đồng chí Trọng Khánh đi làm nhiệm vụ này.

Sau mấy lần đi tuyên truyền, vận động, đồng chí Khánh về báo cáo, người bạn đồng ý vào hội, mời cán bộ lên để kết nạp, nhưng đòi phải làm lễ ăn thề. Tôi hỏi lại tình hình phong tục và tập quán của đồng bào Mán tiên, nhận thấy sự chia rẽ lừa lọc của bọn thống trị đã gây nên giữa các dân tộc một sự nghi kỵ sâu sắc, muốn giải quyết

được lòng tin tuyệt đối, đồng bào Mán thường dùng cách ăn thề. Tôi nói với đồng chí Khánh:

- Ăn thề để cùng tin nhau, để suốt đời trung thành với hội, thì càng tốt chứ sao!

Tôi cùng đồng chí Khánh lên Cẩm Lý và gặp người bạn của đồng chí bên bờ một con suối. Tôi trình bày mục đích, tôn chỉ của hội. Người bạn đồng chí Khánh đồng ý xin vào hội. Đồng chí Khánh đánh diêm thắp mấy nén hương và ra bờ suối múc một bát nước, rồi làm lễ ăn thề. Chúng tôi cùng nói: “Chúng tôi tên là... cùng nhau vào hội để cùng đồng bào đấu tranh đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập tự do cho nước nhà, mưu hạnh phúc cho con cháu, dù sau này, trong khi đấu tranh có thể bị đế quốc khủng bố thế nào thì cũng một lòng trung thành với hội, không phản bội, không bỏ hội... Ai trái lời thề thì sẽ như cây hương này”. Chúng tôi cùng dứng ba nén hương đang cháy vào bát nước.

Đồng chí người Mán tiên vào hội đầu tiên tại đây được đặt tên là đồng chí Đồng Minh. Đồng chí Đồng Minh quen biết rất nhiều bà con trên vùng cao. Qua đồng chí Đồng Minh, chúng tôi bắt tay vào phát triển phong trào trên rẻo cao.

Những bản ở trên này thưa thớt, hẻo lánh. Đồng bào Mán tiên rất chất phác. Cách sống của đồng bào giản dị, còn mang nhiều tập tục, tàn tích của thời kỳ bộ lạc. Kinh tế của đồng bào Mán là một thứ kinh tế tự nhiên. Đồng bào tự túc lấy hầu hết mọi nhu cầu sinh hoạt trong gia đình, từ cái ăn đến cái mặc. Bà con tự trồng bông, kéo sợi,

dệt vải và thêu thùa lấy những thứ quần áo khá đẹp. Với những công cụ sản xuất còn thô sơ, sự làm ăn sinh sống của đồng bào còn rất nặng nhọc. Sống trong một hoàn cảnh vắng vẻ, bà con phải luôn dựa vào nhau. Mối quan hệ từ đời này sang đời khác, giữa những con người thuần phác như vậy, đã tạo nên một mối tình rất khăng khít. Hết mùa làm nương rẫy, đồng bào Mán tiên thường đi săn bắn hươu, nai và vui chơi với nhau. Đồng bào rất thích hát lượn. Có những người bạn từ các bản xa tìm đến chơi nhà nhau, ở lại hàng tháng trời, thân mật, tự nhiên như người trong một gia đình. Tuy ở những nơi hẻo lánh xa xôi như thế này, nhưng bọn thống trị vẫn với tay tới. Đi đâu cũng vẫn thấy xuất hiện bóng dáng của những tên tuần tởng, những tên lính đồng. Đồng bào Mán tiên phải chịu nhiều tầng áp bức, bóc lột của đế quốc, phong kiến, của các dân tộc đồng người hơn ở vùng thấp. Mọi thứ sưu thuế đều rất nặng.

Chúng tôi hơi ngạc nhiên là mặc dầu luôn luôn nhắc nhở vấn đề giữ bí mật, nhưng đi tới bản nào, chỉ một lát sau, tất cả người quen, người lạ đều biết mình là cán bộ đi hoạt động. Tôi đoán, chính các đồng chí hội viên đã lộ bí mật với các bạn bè. Tôi hỏi các đồng chí đó tại sao không giữ bí mật? Các đồng chí trả lời: “Có việc gì mà phải giấu! Toàn là bà con, họ hàng, cùng ghét Tây, ghét Nhật, một bụng một dạ với nhau cả thôi!”.

Phong trào tại vùng cao này phát triển rất nhanh. Có nơi vào hội cả bản. Chúng tôi cùng đồng bào tổ chức những lễ ăn thề tập thể, khi thấp hương, khi chặt đầu gà,

có khi chích máu nhỏ vào rượu cùng uống để ăn thề. Chẳng bao lâu, ở làng, bản nào cũng có các tổ chức nông dân, phụ nữ, thanh niên, tự vệ, tự vệ chiến đấu. Hội viên đều được qua một lớp huấn luyện năm ngày. Cán bộ và các tự vệ chiến đấu được huấn luyện lần thứ hai. Các hội viên, rồi cả các bà con dần dần hiểu chủ nghĩa cộng sản, hiểu Đảng. Trong hàng ngũ trung kiên đã có những người được bồi dưỡng để kết nạp vào Đảng.

Một thời gian không lâu, phong trào từ Kim Mã đã lan ra các nơi chung quanh như Cẩm Lý, Khuổi Mán, Nậm Tì và nhiều làng, bản ở Ngân Sơn, Chợ Rã.

IX

Hôm đó, người tôi gây gây rét, đang gượng ngồi lên lớp cho anh chị em ở gần bản Nà Dú, thì một đồng chí hốt hải đến nói:

- Tây đưa lính về rất đông để bắt cán bộ người Kinh... Chúng nó nói ai vào hội mà ra thú thì chúng sẽ tha, nếu để phải đi lòng, bắt được sẽ đem đi tù hết.

Biết là điều chúng tôi dự kiến từ lâu nay đã đến. Đồng bào ở đây mới bị khủng bố lần này là lần đầu. Một lát, có thêm các đồng chí khác đến báo tin, dịch từ các phía đang tiến vào rất đông. Nhìn anh chị em hội viên, thấy trên mặt một số người có dấu hiệu xao xuyến. Có đồng chí giục tôi nên lánh ngay khỏi đây để tránh nguy hiểm. Tôi nghĩ lúc này mình không nên đi ngay, mặc dầu địa điểm lớp huấn luyện ở gần làng. Nhìn con suối từ phía làng sang, thấy nước lên to vì trời mưa liên mấy hôm, biết bọn địch chưa thể đến ngay được, tôi nói với anh chị em:

- Ta cứ bình tĩnh ngồi đây một lúc nữa nghe giảng cho hết bài. Chưa việc gì đâu!

Tôi nói với các chị phục vụ lớp học, tiếp tục nấu cháo. Nhưng một mặt, tôi cũng thu gọn bài giảng lại, và

vừa nói vừa nghĩ cách làm thế nào để chống sự khủng bố của quân địch.

Trong tất cả các lần huấn luyện, chúng tôi đều đã nói với anh chị em hội viên: “Mình làm cách mạng để đánh đổ đế quốc, phong kiến, thì việc chúng khủng bố để phá phong trào cách mạng là một chuyện tất nhiên”. Để đồng bào dễ hiểu và dễ nhớ, chúng tôi thường hay tìm những thí dụ trong việc làm ăn sinh sống của đồng bào tại địa phương: “Người làm nương, làm rẫy muốn có hạt thóc, hạt ngô, cũng phải đốt rừng, xới đất, gieo hạt, chăm bón, chống thú rừng, phải đổ mồ hôi, phải khó nhọc như vậy mà vẫn có mùa không được ăn. Làm cách mạng để tiêu diệt bọn đế quốc, bọn thống trị là một việc rất to lớn và khó khăn hơn rất nhiều, không thể mau chóng, dễ dàng đi đến thắng lợi. Trên rừng có con lợn, con beo phá hoại mùa màng, bắt giết trâu bò. Muốn giết được thú rừng để bảo vệ trâu bò, bảo vệ mùa màng thì những người đi săn cũng phải hết sức can đảm. Khi đi săn thú, cũng có người không giết được thú lại bị thú dữ ăn thịt. Nhưng nếu có tinh thần dũng cảm, không sợ khó khăn nguy hiểm mà trừ được thú dữ thì sẽ được tất cả dân làng biết ơn. Bọn đế quốc, phong kiến còn dữ hơn con lợn, con beo rất nhiều. Ta định tiêu diệt chúng, nhất định chúng sẽ không ngồi yên. Vậy làm cách mạng thì không thể nào tránh khỏi bị địch khủng bố. Nhưng nếu mọi người đều một lòng thương yêu nhau như ruột thịt, không sợ khó khăn, không sợ nguy hiểm, dám đấu tranh đến cùng với kẻ địch, thì thế nào cách mạng cũng sẽ thắng lợi và sẽ giành được độc lập, tự do”.

Tôi nói lại vắn tắt với anh chị em một lần nữa: “Có đấu tranh cách mạng tất nhiên là có sự khủng bố của kẻ địch”, và góp ý kiến về cách chống khủng bố để duy trì phong trào chung. Tôi dặn dò thêm một số trung kiên những việc cần làm để giữ vững tinh thần của đồng bào.

Khi đồng chí Lạc và đồng chí Khánh đưa chúng tôi ra đi thì anh Thiết Hùng và tôi đều lên cơn sốt.

Tin từ dưới làng đưa lên, bọn địch đang lùng sục ráo riết. Chúng tôi đi về hướng núi. Lúc này càng thấy rõ tầm quan trọng của việc xây dựng cơ sở trên vùng cao.

Chập tối, đến nhà đồng chí Thượng, một hội viên trung kiên người Mán. Ở đây, đồng bào đã biết tin địch đang khủng bố dưới chân núi. Gia đình đồng chí Thượng tỏ ra bình tĩnh. Ông cụ thân sinh ra đồng chí Thượng bảo chúng tôi: “Mặc chúng nó, bà con đều là hội viên một bụng một dạ cả, chúng nó không làm được gì đâu!”. Rồi cụ đi giết gà làm cơm vì biết chúng tôi yếu mệt.

Thấy ở đây gần địch quá, không lợi, hôm sau chúng tôi lại cùng các đồng chí Lạc, Khánh đi vòng sang xã Cẩm Lý. Bà con ở Cẩm Lý đã biết tin địch khủng bố dưới làng, và sắp lùng lên trên này. Một vài gia đình tỏ vẻ sợ hãi. Có người đến nói: “Cùng một bụng với nhau cả thôi, nhưng bây giờ đang lúc “nóng” như thế này, các đồng chí hãy lánh đi nơi khác. Khi nào bớt “nóng”, chúng ta sẽ lại tiếp tục việc hội”.

Cùng hôm ấy, đồng chí Quang Hưng ở ngoài vào. Bác đã được tin địch khủng bố to nên phái đồng chí Quang Hưng tới đây để đón anh Thiết Hùng và tôi. Lần này, địch chia quân từ ba mặt Nguyễn Bình, Mang Động, Gia Bằng

kéo vào bao vây Kim Mã. Máy đồng chí cùng đi cũng lo nguy hiểm cho chúng tôi, lại khuyên chúng tôi nên tạm lánh ra ngoài. Tôi bàn với anh Thiết Hùng, nhận thấy cơ sở tại vùng này mới xây dựng, đồng bào lại chưa có kinh nghiệm chống khủng bố, nếu cán bộ rút đi thì cơ sở chắc chắn sẽ dễ bị vỡ. Chúng tôi nói với đồng chí Quang Hưng về báo cáo lại với Bác, cho chúng tôi được ở lại để duy trì phong trào.

Buổi chiều, bỗng thấy mấy đồng chí người Tày ở Kim Mã tìm lên. Các đồng chí tới hỏi ý kiến về cách đối phó với địch. Khi lánh lên đây, chúng tôi không nói với ai. Cẩm Lý nằm cũng khá xa lớp huấn luyện. Tôi hỏi:

- Tại sao các đồng chí lại biết chúng tôi ở đây mà tìm tới?

Một đồng chí nói:

- Khó gì đâu. Chúng tôi đến lớp huấn luyện thấy không còn ai, biết là các đồng chí đi rồi. Chúng tôi bảo nhau cứ dò dấu gậy mà đi theo, thế nào cũng gặp các đồng chí. Thế là chúng tôi đến được đây.

Tôi thoáng nghĩ: thật là nguy hiểm, nếu kẻ địch từ ngày hôm qua cũng biết tìm chúng tôi theo dấu gậy...

Nhận thấy không nên ở lại Cẩm Lý, chúng tôi bàn bạc với đồng bào về cách đối phó với địch, và nói chúng tôi tạm lánh ra ngoài một thời gian rồi sẽ trở lại.

Chiều hôm ấy, chúng tôi từ Cẩm Lý đi về phía ngoài. Đi khuất khỏi làng một quãng xa, chúng tôi nói với đồng chí Lạc và đồng chí Khánh dẫn vòng trở lại, quay về rặng núi ở phía bắc cánh đồng.

Suốt đêm, trời tối đen, mưa tầm tã. Các đồng chí Lạc và Khánh đều không nắm vững đường, chỉ đoán chừng phương hướng, nơi nào rậm rạp thì dùng dao phát mở đường mà đi. Hết núi lại khe, hết khe lại núi. Cơn sốt đêm nay xem chừng nặng hơn. Nhiều quãng anh em phải dìu chúng tôi lên dốc.

Hết đêm, cảm thấy đi đã được khá xa. Trời sáng, chúng tôi nhận ra đang đi trên một quả đồi gianh. Bốn chung quanh là biển sương mù dày đặc. Có ánh sáng, đường đi dễ hơn, nhưng anh Thiết Hùng và tôi đều đã mệt lả. Chúng tôi bàn cùng các đồng chí đi lát nữa, tìm được khu rừng kín đáo nào, sẽ nghỉ chân. Đi mãi vẫn là đồi gianh. Sương mù vẫn trắng xóa, chẳng biết đâu là đồi, đâu là rừng. Trời mỗi lúc một oi ả. Qua nửa buổi, sương bỗng tan rất nhanh, trời hửng nắng. Chúng tôi nhìn sang bên phải, chợt nhận thấy đang ở lưng chừng một quả đồi trọc nằm ngay giáp làng. Nhìn thấy rõ bọn lính mặc quần áo vàng đang đi lại từng tốp trong làng và trên cánh đồng. Chúng tôi nhìn thấy rõ bọn chúng, trời nắng thế này, chắc hẳn bọn chúng nhìn lên cũng thấy rõ chúng tôi. Mọi người vội bảo nhau nằm ép mình xuống sườn đồi.

Nhưng chả lẽ cứ nằm mãi đây, nếu bọn địch lòng lên đồi thì sao? Phía trên, khá xa có một khu rừng. Chúng tôi bảo nhau bò dần về phía đó. Sau nhiều ngày mưa, có nắng mới, hơi nóng từ dưới đất bốc lên hầm hập. Bò như vậy, khá lâu, mới đến được khu rừng.

Lúc này, ai nấy đều mệt, cơ hồ đứng không vững. Quần áo mọi người rách toạc nhiều chỗ, bết đất và mồ hôi.

Đồng chí Lạc tìm ra một nương ngô, bẻ mấy bắp, mỗi người nhai một chút ngô sống cho lại sức, rồi lại tiếp tục đi. Ở gần làng rất nguy hiểm vì có thể kẻ địch lên đồi nhìn ra những vết bò, trườn của chúng tôi. Chúng tôi phải cố gắng đi cho xa.

Xế chiều, đến một đỉnh núi cao. Anh Thiết Hùng và tôi ngồi nghỉ lại ở một gốc cây cổ thụ. Các đồng chí Lạc, Khánh đi chặt cành cây gác lên mặt đất, làm tạm một chiếc sàn nằm cho đỡ lạnh lưng. Buổi chiều đó không có gì ăn. Con sốt kéo dài liên miên. Đồng chí Lạc và đồng chí Khánh để chúng tôi nằm nghỉ tại lán, lần mò xuống làng nắm tình hình khủng bố và kiếm ít lương thực. Cơ quan tạm đặt tại đây.

Phong trào được thử thách. Một số nhỏ dao động chạy ra đầu thú. Phần lớn đồng bào nằm yên, gắng chịu đựng cho qua cơn khủng bố. Các phân tử trung kiên xuất hiện rất nhiều. Đồng chí Lạc và đồng chí Khánh nói lại được nhanh chóng liên lạc với các đồng chí trung kiên ở trong làng. Có những tối, đồng chí Lạc mò về gần làng hẹn gặp một, hai đồng chí, khi tới địa điểm thấy lối nhớ một đám đông, tưởng địch phục, hóa ra toàn anh chị em ở trong làng nóng ruột, kéo ra để trực tiếp gặp các đồng chí liên lạc hỏi thăm tin tức các cán bộ. Đồng chí Lạc về nhà, ông cụ nói: “Con cứ đi theo cán bộ mà làm việc hội, con ở nhà chúng nó cũng không để yên, ở đâu thì phải cẩn thận”. Gia đình vét gạo, muối, cá khô, đưa cả chảo con, bát ăn để đồng chí Lạc đem lên cơ quan bí mật. Một bữa đồng chí Khánh về nhà, trời sáng một lúc vẫn chưa lên. Chúng tôi

đều lo đồng chí bị bắt, vì gia đình đồng chí Khánh ở liền nhà một tên tay sai gian ác của địch. Mọi người đang ngồi chờ rất sốt ruột chợt nghe phía chân dốc có người thì thầm. Hôm qua, đã hẹn đồng chí Khánh không đưa ai lên địa điểm bí mật, chẳng lẽ đồng chí Khánh dẫn người lên mà lại không hỏi ý kiến cơ quan. Đồng chí Lạc lấy khẩu súng kíp giương cò sẵn, chạy ra hỏi:

- Ai?

Tiếng đồng chí Khánh đáp:

- Còn ai nữa, Trọng Khánh đây.

- Máy người?

- Một thân một mình thôi, lấy đầu ra máy người.

Đồng chí Khánh đội chiếc nón rách, rẽ lau bước vào, mặt đỏ hầm, mồ hôi nhễ nhại. Chúng tôi đều hỏi, tại sao về muộn và vừa đi lại vừa nói một mình, đồng chí Khánh bực dọc thuật lại:

- Về gần làng, chờ mãi, canh ba vợ mới ra. Vợ tôi nói từ tối đến giờ chó cứ sủa, bên nhà thằng tổng đoàn Lý có nhiều tiếng động, chắc là nó rình mò nhà mình. Hôm qua, cả bố con chúng nó cùng sang nhà bảo, phải khuyên tôi ra thú không thì nhà tan cửa nát hết. Nó là tổng đoàn, nó sẽ bảo đảm cho. Rồi vợ tôi bảo tôi: “Anh về đi thú đi, không nghe em thì anh mang con đi theo anh mà nuôi”. Tôi bực quá, ngồi giải thích một thôi, rồi sợ trời sáng, vác các thứ lên vai, chạy một mạch bây giờ mới tới đây.

Đồng chí Lạc rót một bát nước đưa đồng chí Khánh. Đồng chí Khánh uống hết bát nước, nằm ngủ luôn.

Thời gian này, tôi và anh Thiết Hùng đều bị ốm nặng.

Thuốc uống chỉ có lá nọ ả. Nhưng lần này lá nọ ả đối với chúng tôi đều không có hiệu quả. Anh Thiết Hùng có lẽ bị sốt thương hàn, những lúc mê man cứ luôn mồm chửi Tưởng Giới Thạch. Mấy nữ đồng chí dưới làng lên thăm, thấy chúng tôi mỗi ngày mỗi mệt hơn, lo lắng, đòi chúng tôi đưa áo để đem đi bó, may ra khỏi bệnh. Lúc đầu, tôi từ chối vì ngại nếu đem áo đi, thầy mo nói bệnh tôi khó cứu chữa thì các đồng chí đó lại thêm lo. Sau các đồng chí cứ nói mãi, tôi đành phải đưa ra một cái áo. Nhưng rồi bệnh cũng không khỏi.

Một bữa, các đồng chí đi công tác, cơ quan chỉ còn tôi và anh Thiết Hùng. Mấy ngày hôm nay anh Thiết Hùng không ăn gì và không dậy được. Các đồng chí đã kiếm mọi thứ lá sắc cho anh uống nhưng bệnh vẫn không thuyên giảm. Chúng tôi đoán bệnh anh khó qua khỏi. Phần tôi, hơn hai tháng qua, cơn sốt vẫn kéo dài, lúc này cảm thấy trong người sức cũng đã kiệt. Tối ngồi một mình, nhìn anh Thiết Hùng nằm mê mệt trong lán, nhớ đến Bác, đến các anh, nhớ tới gia đình, tới bạn bè... Tôi nhận thấy trong thời gian qua mình cũng đã cố gắng làm tròn nhiệm vụ Đảng giao. Nghĩ vậy, bỗng thấy đầu óc thanh thản, trong lòng vui hẳn lên.

Mấy hôm sau, một buổi sớm, các đồng chí đêm qua đi công tác về đã ngủ cả, tôi ngồi gác, chợt nghe nhiều tiếng lao xao trong đám lau ở quả núi trước mặt. Nghe kỹ, đúng là tiếng chân nhiều người đang phá lối đi lại đây. Tôi lập tức đánh thức các đồng chí dậy. Mọi người vội vàng cất giấu các tài liệu, đồ đạc của cơ quan. Các đồng chí Lạc và

Khánh thì cầm súng chạy ra phía có tiếng động. Một lát sau, hai đồng chí vui vẻ đưa mấy người vào theo. Hóa ra anh Cáp ở chỗ Bác vào cùng đồng chí Quang. Chúng tôi ôm choàng lấy nhau. Nỗi mừng thật khó tả. Anh Cáp nhìn chúng tôi rất ngạc nhiên. Về sau này anh nói lại, chúng tôi lúc đó như những con ma. Anh Cáp có đem theo bốn viên ký ninh vàng. Chúng tôi chia nhau mỗi người uống hai viên. Có lẽ trận ốm cũng đã đến thời kỳ thuyên giảm, có thêm thuốc, bệnh chúng tôi đỡ dần.

Nhận thấy trong đợt thử thách vừa qua, có nhiều đồng chí tỏ rõ một tinh thần trung kiên, tận tụy đối với cách mạng, anh Thiết Hùng và tôi bàn nhau nên tổ chức một số đồng chí vào Đảng, định trong đợt đầu sẽ kết nạp đồng chí Lạc. Một buổi sáng, đồng chí Quang và đồng chí Lạc đi công tác dưới làng về, tôi nói nhỏ cùng đồng chí Quang ra một chỗ khác hội ý về việc định giới thiệu đồng chí Lạc vào Đảng. Khi quay về, thấy đồng chí Lạc ngồi mặt mày ủ rũ. Sau này mới biết, lúc đó, đồng chí Lạc thấy chúng tôi đi nói chuyện riêng, cho là có điều gì không tin ở mình, nên suy nghĩ. Khi chúng tôi nói rõ ý định muốn giới thiệu đồng chí vào Đảng, thì đồng chí Lạc thay đổi hẳn nét mặt. Trong buổi lễ kết nạp giữa khu rừng hoang vắng, ở một gốc cây cổ thụ, nước mắt đồng chí Lạc cứ trào ra. Vừa xong buổi kết nạp, đồng chí Lạc phá chạy xuống phía dưới, nhặt hai ống nứa, múa tít một hồi như người đang đấu võ.

Cơn sóng gió ở dưới làng lúc đó cũng đã tạm qua. Thực ra, lần này chỉ là một đợt khủng bố nhỏ. Địch bắt một số đồng bào, nhưng sau chúng lại thả. Chúng chỉ mới dọa

dẫn, bắt ép mọi người ra đầu thú. Tôi lại cùng các đồng chí xuống làng tiếp tục tham gia những cuộc sinh hoạt của hội, của các giới, cùng với bà con và anh chị em.

Phút đầu gặp lại bà con rất cảm động. Mọi người hết sức mừng rỡ. Có người nói: “Cán bộ còn là cách mạng còn”. Mặc dầu đã dặn giữ bí mật, nhưng người nọ thì thào với người kia, chẳng mấy lúc tin đã loang ra khắp nơi. Các hội viên tíu tít kéo đến mang theo quà bánh. Có người vừa câu được con cá cũng đem đến cho cán bộ.

Phong trào dần dần phục hồi lại, qua được thử thách này, lại lớn mạnh hơn trước. Các cán bộ, các đội tự vệ, các hội viên được rèn luyện qua đấu tranh trở nên cứng rắn hơn. Biết cuộc khủng bố của kẻ địch mới chỉ là bắt đầu, chúng tôi tiếp tục củng cố và phát triển cơ sở, đặc biệt chú trọng các đồng bào trên vùng cao. Những lớp huấn luyện lại mở. Để tiện việc tuyên truyền, chúng tôi đem chương trình Việt Minh soạn thành văn vần: *Việt Minh ngũ tự kinh*. Tôi dịch ra tiếng Tày, tiếng Mán tiên và cùng đồng chí Bình Dương dịch ra tiếng Mán trắng. Như thế chương trình Việt Minh được truyền đi rất rộng và nhanh. Có bản, đồng bào mới được tổ chức vào hội, khi chúng tôi đến khai hội, đã nghe các chị phụ nữ và các em nhi đồng vừa cán bông, giã gạo, vừa hát Việt Minh ngũ tự kinh. Nhiều bài hát lượn cách mạng bằng tiếng Thổ, tiếng Mán xuất hiện.

Một lần, trong một lớp học, các đồng chí giới thiệu với tôi, có đồng chí Đoàn Kết làm bài hát lượn rất giỏi. Đồng chí Đoàn Kết trước kia đi làm công cho một tên chánh Mán, đã làm một bài hát lượn kể lại cuộc đời khổ cực của

mình, hát lên, nhiều người nghe rớt nước mắt. Đồng chí Đoàn Kết nhà rất nghèo, nhưng khi đến lớp lại mang theo nhiều gạo, ngoài phần mình, còn đem thêm để giúp các anh em khác. Tính tình đồng chí rất tốt, hồn nhiên, vui vẻ. Tôi gợi ý đồng chí nên đem nội dung học tập làm thành bài hát. Đồng chí Đoàn Kết lấy ít tàu lá chuối vè, cắt ra từng mảnh đặt xuống mặt đất. Anh ngồi rung đùi, tay cầm con dao Mán vạch trên lá, viết những bài hát lượn bằng một thứ chữ giống như chữ nôm. Những bài hát của anh được các hội viên rất thích. Đồng chí Đoàn Kết hồi đó, là nhà thơ Bàn Tài Đoàn ngày nay.

X

Khỏi bệnh ít lâu, tôi trở về nơi Bác ở. Mỗi lần đi công tác về cơ quan cảm thấy như đang trở về với gia đình. Chuyến vừa rồi, tôi xa cơ quan tương đối lâu ngày.

Được ở gần Bác một thời gian, tôi đã nhận thấy qua cái bề ngoài vô cùng giản dị của Bác, con người Bác thật vĩ đại, và chính bản thân cách sống giản dị đó cũng là một điều vĩ đại trong con người của Bác.

Từ ngày tôi về nước, cơ quan lại thay đổi địa điểm thêm nhiều lần. Địch càng khùng bố, sinh hoạt của cơ quan càng khó khăn hơn. Khi Bác ở hang, khi ở hốc núi, khi ở trong bụi rậm. Giường nằm là dăm ba cành cây, đôi lúc chỉ một mớ lá. Sức khỏe của Bác có phần giảm sút. Bác sốt rét luôn. Thuốc men gần như không có gì ngoài ít lá rừng lấy về sắc uống theo cách chữa bệnh của đồng bào địa phương. Cái ăn cũng rất thiếu. Món ăn quý giá anh Lộc dành riêng bồi dưỡng cho Bác hằng ngày là ít nước cơm chắt. Có thời gian, cơ quan chuyển vào vùng núi đá trên khu đồng bào Mán trắng, gạo cũng không có. Bác cũng như các anh khác phải ăn toàn cháo bẹ hàng tháng ròng.

Ở bất cứ hoàn cảnh sinh hoạt nào, tôi cũng thấy Bác thích nghi một cách rất tự nhiên. Chẳng hiểu Bác được rèn luyện từ bao giờ, như thế nào, mà mọi biến cố đều không mảy may lay chuyển được. Tôi nhớ mãi một lần ở Tỉnh Tây... Hôm ấy, có cuộc hẹn gặp người tù trong nước ra. Bác và chúng tôi đều cải trang thành những người Nùng để đi tới nơi hẹn tại chợ Lộc Tùng. Đồng chí liên lạc vừa tới, trông thấy Bác nói ngay: “Thưa Bác, đồng chí X, bị bắt rồi”. Bác điềm nhiên bảo tất cả hãy vào hàng nghỉ ngơi như mọi người trong vùng này đi chợ. Khi ăn phở, ăn bún xong, ngồi uống nước, Bác mới nói: “Bây giờ chú báo cáo đầy đủ mọi việc đi. Không nên vội vã”. Bác khi nào cũng bình thản, trước mọi khó khăn. Mỗi lần về họp, cán bộ các nơi báo cáo tình hình, phong trào nơi này lên, nơi kia xuống, có khi nhiều nơi cùng bị khủng bố. Bác vẫn bình thản. Trong sự bình thản của Bác còn toát ra một tinh thần rất lạc quan. Bác đúng là hiện thân của người dân trên đất nước Việt Nam nhỏ bé, đói nghèo vì bị áp bức, bóc lột cùng cực bao đời nay, nhưng anh dũng và bất khuất, không chịu lùi bước trước bất cứ sức mạnh nào, và hoàn toàn tin tưởng ở tương lai tốt đẹp của cách mạng, của nhân dân, của dân tộc. Gần Bác, chúng tôi luôn luôn được nhắc nhở: Cách mạng phải gian khổ, việc cách mạng là việc lâu dài, cách mạng nhất định sẽ thắng.

Bác thường nói: “Muôn việc lấy Đảng làm gốc, Đảng là gia đình của người cộng sản”. Ở bên Bác, bao giờ chúng tôi cũng thấy một không khí đầm ấm, gần gũi, chỉ có được trong một gia đình cách mạng. Thái độ điềm đạm, bình

tĩnh và những sự chăm sóc, yêu thương của Bác đã giáo dục, rèn luyện và tiếp sức cho chúng tôi trên con đường hoạt động cách mạng. Qua bao biến cố có tính chất quyết định vận mệnh của dân tộc từ đó cho tới ngày nay, tôi thấy Bác vẫn vậy, vẫn như ngày chúng tôi được sống cùng Bác tại Chiến khu Cao - Bắc - Lạng.

Suốt thời gian qua, Bác luôn luôn chú ý chỉ đạo việc phát triển và củng cố phong trào. Bác rất chú trọng công tác tuyên truyền và công tác tổ chức. Bác theo dõi thật tỉ mỉ cán bộ, đảng viên và các phần tử trung kiên. Bác hay nói: “Phong trào cách mạng như nước thủy triều khi lên khi xuống, trung kiên cũng như những hàng cọc, cọc đóng có chắc thì mới giữ được phù sa, phòng khi nước xuống”. Gần như thành lệ, mỗi khi nghe báo cáo phong trào, bao giờ Bác cũng hỏi: “Đã được bao nhiêu cán bộ, bao nhiêu phần tử trung kiên, đã chọn được bao nhiêu người tốt để tổ chức vào Đảng?”. Mỗi lần Bác nhắc đi, nhắc lại như thế, giúp cho chúng tôi thấy rõ hơn giá trị của các thành phần cốt cán, nhất là các tổ chức chi bộ đối với phong trào. Và mỗi lần Bác hỏi hoặc nói lại, thì công việc và vấn đề lại được đề ra với những cách giải quyết mới, không phải cứ theo nếp cũ, mà rất linh hoạt, thích hợp với hoàn cảnh mới. Với những cán bộ ở miền xuôi lên, Bác đặc biệt hay nhắc nhở chú trọng vấn đề đoàn kết dân tộc. Vấn đề to lớn này được Bác nói tới với những việc cụ thể, thiết thực, để mọi người có thể làm được ngay. Bác nói, phải chú ý đến phong tục, tập quán của các dân tộc, phải gắng học các tiếng nói của địa phương.

Lần này về cơ quan, tôi nhận một quyết định mới.

Theo chỉ thị của Bác và quyết định của Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng, công tác Nam tiến được đặt ra một cách rất khẩn trương.

Ngay từ khi về biên giới, Bác đã luôn luôn chú trọng vấn đề liên lạc với Trung ương dưới xuôi. Hội nghị Trung ương lần thứ tám quyết định lấy miền rừng núi Việt Bắc để xây dựng căn cứ vũ trang. Sau Hội nghị, hai đồng chí Trung ương ở lại với Bác tại Cao - Bắc - Lạng. Các đồng chí khác trở về miền xuôi để lãnh đạo phong trào. Vấn đề liên lạc giữa Cao Bằng với vùng xuôi trở nên đặc biệt quan trọng. Bác thường nói: “Việc liên lạc là một việc quan trọng bậc nhất trong công tác cách mệnh, vì chính nó quyết định sự thống nhất chỉ huy, sự phân phối lực lượng và do đó bảo đảm thắng lợi”.

Trước tình hình phát triển của phong trào cách mạng trong cả nước, Bác thấy ngoài lối liên lạc thường dùng bằng giao thông bí mật, phải cấp tốc tổ chức những con đường quần chúng từ Cao Bằng về miền xuôi. Có thế, khi địch khủng bố mới giữ được liên lạc, những hoạt động vũ trang của các đội du kích mới có thể tiến hành thuận lợi, và nhất là mới tranh thủ kịp khi thời cơ biến chuyển tốt, cách mạng có thể tiến lên Tổng khởi nghĩa.

Chúng tôi được phân công như sau: anh Hoàng Văn Hoan cùng một số cán bộ có nhiệm vụ đánh thông con đường từ Đông Khê về Đình Cả; tôi và anh Thiết Hùng phụ trách ban xung phong Nam tiến, có nhiệm vụ mở con đường từ Nguyên Bình qua Ngân Sơn, Chợ Rã để nối liền với Chợ Chu, Đại Từ. Đó là bước đầu của nhiệm vụ Nam tiến.

Tôi được biết Bác chuẩn bị đi xa. Sau khi trao nhiệm vụ Nam tiến cho chúng tôi, Bác nói: “Chú Văn phải chú trọng thêm quân sự, chú Hùng chú trọng thêm chính trị”.

Khi chúng tôi quay trở về tiến hành công tác thì Bác lên đường ra nước ngoài.

Tôi về Kim Mã xúc tiến công việc. Chi bộ Nam tiến thành lập gồm các đồng chí Quang, Lạc, Thiết Hùng và tôi. Đồng chí Quang là thư ký chi bộ.

Được ít lâu thì có tin anh Chu Văn Tấn tới cơ quan liên tỉnh. Tôi quay về Lam Sơn gặp anh Chu Văn Tấn trong một hang đá giữa rừng sâu.

Các anh Phạm Văn Đồng, Hoàng Văn Hoan, Vũ Anh và anh Lã đều đã có mặt. Sau ngày anh Phùng Chí Kiên hy sinh, tin tức về khu căn cứ Bắc Sơn - Vũ Nhai rất ít, chỉ biết địch vẫn tiếp tục càn quét. Nghe chuyện về các đồng chí du kích Bắc Sơn, về các anh Huy, Chu Văn Tấn từ lâu, lần này gặp nhau sau những phút hiểm nghèo, ai nấy đều cảm động.

Chúng tôi ngồi quây quanh đống lửa nghe anh Tấn nói chuyện. Anh Tấn kể lại quá trình xây dựng, hoạt động của Cứu quốc quân, những cuộc đàn áp của địch, những tháng chiến đấu anh dũng và gian lao ở Tràng Xá - Vũ Nhai, và cuộc hành quân luồn ra khỏi vòng vây của địch đi về phía biên giới Việt - Trung. Chúng tôi cùng trao đổi với nhau những kinh nghiệm chống khủng bố, xây dựng phong trào và đều thống nhất với nhau, nếu xây dựng được cơ sở nhân dân tốt, dựa chắc vào nhân dân thì quân địch không thể nào tiêu diệt được lực lượng cách mạng.

Cuộc họp đã đi đến quyết định: Anh Chu Văn Tấn sẽ trở lại Bắc Sơn - Vũ Nhai củng cố và tổ chức quần chúng mở đường liên lạc với Cao Bằng. Tôi thì trở về tiếp tục nhiệm vụ Nam tiến.

Anh Tấn cùng tôi bàn với nhau một số đường liên lạc. Anh Tấn để lại các đồng chí Hiền, Quyền, Thơ, Thịnh giúp tôi và mấy đồng chí khác giúp anh Hoan trong công tác Nam tiến. Sau một bữa cơm liên hoan đầm ấm, chúng tôi siết chặt tay nhau, hẹn ngày gặp lại không xa, khi hai con đường đã được đánh thông.

Trước lời kêu gọi của Đảng và của Mặt trận Việt Minh, một phong trào xung phong tham gia các đội Nam tiến rầm rộ khắp nơi. Hàng trăm cán bộ, thanh niên nam nữ tình nguyện thoát ly gia đình, vào các đội Nam tiến. Mười chín đội xung phong Nam tiến được tổ chức. Những đồng chí tham gia vào các đội tự mình sắm lấy vũ khí. Với những nơi chưa có phong trào, quần chúng còn e sợ sức mạnh của quân địch, một khẩu súng, một quả lựu đạn đều có tác dụng cổ vũ tinh thần quần chúng. Anh Thiết Hùng và tôi cũng mang vũ khí. Anh Thiết Hùng mang một khẩu súng sáu, bắn phát nổ phát không. Tôi có một quả lựu đạn, một quả lựu đạn điếc nhưng đi đâu cũng đeo bên người.

Mỗi đội xung phong được phân công đi một địa phương. Các tổ xung phong phát triển đi trước, hoạt động theo lối vũ trang tuyên truyền, bắt mỗi điều tra, tuyên truyền gây cơ sở. Các tổ xung phong củng cố đến tiếp sau, chọn cốt cán trong quần chúng, mở lớp huấn luyện ngắn

kỳ, rồi dựa vào cán bộ địa phương mới được đào tạo mà phát triển phong trào. Để cho cơ sở quần chúng được rộng rãi, cùng một lúc, chúng tôi mở thông nhiều con đường tiến về phía Nam. Cách phát triển cũng không nhất định phải tiến hành tuần tự từ xã này sang xã khác, khi có điều kiện thì thực hiện phát triển cách quăng. Có những tổ xung phong được phái bí mật vượt qua những chặng đường dài, đến một địa phương quần chúng tương đối tốt gây cơ sở ở đó, rồi dần dần nối liền các cơ sở lại với nhau. Tổ xung phong phát triển do đồng chí Quang, thư ký chi bộ Nam tiến phụ trách, đi xa nhất, xuống tận vùng Chợ Đồn để gây cơ sở. Một số tổ khác có các nữ đồng chí Cẩm Hữu, Tín... cũng hoạt động rất tích cực, có khi đi rất sâu, xuống quá Phủ Thông. Chúng tôi gọi cách phát triển này là lối “nhảy dù”.

Theo tình hình phát triển của phong trào, tôi đi dần từ tổng Kim Mã qua tổng Hoàng Hoa Thám, xuống phía Ngân Sơn, để kiểm tra công tác và mở lớp huấn luyện.

Trên dọc đường, có những khu mới đã thành lập. Đồng bào dân tộc Mán tiên ở vùng giáp giới hai tỉnh Cao Bằng - Bắc Kạn, đã được tổ chức thành khu Quang Trung. Khi qua vùng này, tôi vào ở lại nhà đồng chí Hoan, người đảng viên đầu tiên của dân tộc Mán tiên. Gia đình tiếp đón rất niềm nở. Để giữ bí mật cho cán bộ, vợ chồng đồng chí Hoan đã nhường buồng riêng cho chúng tôi. Theo tục lệ lâu đời, đồng bào Mán tiên rất kiêng, không bao giờ để người lạ ở trong buồng riêng của vợ chồng. Đêm nằm nghe các em ở những nhà bên vừa giã gạo vừa ê a học *Việt Minh*

ngũ tự kinh, vui vui, thấy tư tưởng cách mạng đã được truyền đi khá xa, các ban xung phong Nam tiến đã tiến hành công tác khá tốt.

Đi quá Hà Hiệu, các đồng chí trong đội công tác Nam tiến báo cáo, đường đã chạy xuống tới gần Phủ Thông, nhưng ở vùng giáp Ngân Sơn bị bế tắc một quãng ở Khuổi Ha, tuy đã cố gắng nhiều nhưng vẫn chưa tổ chức được. Hỏi khó khăn vì đâu, anh em nói lại, khi đội xung phong đến vùng này gây cơ sở, có một đồng chí hỏi tên đồng bào rồi ghi vào một tờ giấy để nhớ, từ đó đồng bào không tin ở hội nữa. Bọn tổng đoàn, chánh Mán vốn vẫn thường đến các làng, bản ghi tên mọi người để thu sưu, thu thuế và bắt đi xây. Đồng bào nói: “Đây là “hội giả” nên mới ghi tên, nhất định không vào, đợi bao giờ “hội thật” đến thì sẽ vào”. Qua kinh nghiệm công tác, tôi biết rõ muốn giác ngộ được đồng bào Mán, trước hết phải gây được lòng tin.

Có lần hẹn đồng bào tới khai hội, sắp đi thì trời nổi mưa to, gió lớn, nước lũ đổ về dâng lên ngập suối. Việc cũng chưa gấp, có thể để lui đến ngày hôm sau. Nhưng không muốn lỡ hẹn với đồng bào, tối hôm đó, phải đội mưa, vượt suối lũ, lặn mò trong rừng, rất khuya mới tới nơi. Một số đồng bào vẫn ngồi đợi, thấy cán bộ đến hết sức mừng rỡ. Chỉ lát sau đồng bào đã gọi nhau dậy, kéo tới đây nhà. Qua lần đó, thấy rõ đồng bào tin và quý mến thêm nhiều. Tôi đã rút ra được một số điều, đối với đồng bào miền núi rất chất phác, phải hết sức chú ý giữ sao cho được lòng tin trong bất cứ việc lớn hay việc nhỏ.

Sau khi hỏi lại tình hình kỹ lưỡng, tôi nói cùng các đồng chí đưa tôi đến Khuổi Ha.

Nghe nói đường đi rất nhiều vất, trước khi đi mỗi người chuẩn bị một ống vôi. Từ hồi về công tác tại Cao Bằng, đã làm quen với những nơi nhiều vất, nhưng chưa bao giờ lại thấy ở đâu vất nhiều như ở đây. Vất ở dưới đất, vất ở trên cây. Đụng tới đâu cũng là vất. Loại vất xanh ở trên cây nhỏ hơn vất đen ở dưới đất, nhưng bám vào người rất chặt. Các đồng chí đi đường gọi vất đen là Tây và vất xanh là Nhật. Đi một quãng, chúng tôi lại dừng để gỡ vất. Kéo ống quần lên thì vất đã bám đen đặc một khoảng, như một cái lá. Phải cầm ống vôi quét cho vất rơi xuống đường. Ở những chỗ vất cắn, máu cứ rỉ rả chảy mãi.

Các đồng chí đưa tôi vào gia đình đã có đồng chí cán bộ “ghi tên” bữa trước. Chủ nhà đi vắng. Trời mưa to. Chúng tôi ngồi tại nhà đợi khá lâu, anh mới về. Anh còn trẻ, quần áo ướt sũng. Đồng chí Mán đi cùng tôi, giới thiệu với anh, tôi là cấp trên ở hội xuống. Thấy anh cứ mặc nguyên quần áo ướt, tôi hỏi tại sao không thay, mặc như vậy ngấm nước mưa không tốt. Anh nói, những quần áo khác cũng đều ướt cả. Tôi lấy bộ quần áo chàm đem theo trong túi dết, đưa anh mặc tạm, rồi ngồi thăm hỏi tình hình gia đình, nói chuyện làm ăn. Khi nói đến việc hội, anh kể lại chuyện đồng chí cán bộ đã ghi tên mình vào giấy, rồi nói:

- Đã một bụng một dạ với nhau thì còn phải ghi tên làm gì?

Tôi nói:

- Vào hội là để đấu tranh chống áp bức, bóc lột, chống thu sưu, thu thuế, đánh Tây, đuổi Nhật giành lấy độc lập,

tự do, những người có một lòng một dạ như thế thì mới được tổ chức vào hội. Biết đồng chí là người tốt, nên bữa trước mới có cán bộ đến đây để tổ chức đồng chí vào hội. Còn việc ghi tên thì không phải ghi tên thật, đã tin nhau thì ghi tên làm gì, đó chỉ là ghi cái tên bí danh, rồi đem đốt trước mặt nhau để ăn thề. Nếu đồng chí đã rõ, thì lần này chúng ta sẽ tổ chức ăn thề cùng nhau vào hội...

Được giải thích một lát, anh đồng ý và yêu cầu viết tên trên giấy bùa cúng ma. Tôi có một chiếc bút xanh đỏ, bèn lấy ra, ghi tất cả tên chúng tôi trên một lá bùa, rồi làm lễ ăn thề. Sau đó ít lâu, qua đồng chí mới được tổ chức, cả bản này và những bản gần đó cùng vào hội. Con đường thông xuống tận Phia Bioóc.

Tôi chuyển về một bản gần châu lỵ Ngân Sơn, chuẩn bị đi tiếp xuống phía nam. Bản này ở trên đỉnh núi. Từ đó nhìn xuống thấy rõ châu lỵ với những đồn bốt của quân Pháp. Tình hình công tác phát triển thuận lợi. Đoàn quân chính trị đi tới đâu là phong trào cách mạng ở đó bốc lên. Anh em chúng tôi đều rất phấn khởi. Một hôm, có đồng chí liên lạc ở chỗ anh Đồng tới, đưa một lá thư hỏa tốc. Mở thư ra, anh Đồng viết: “Anh về ngay cơ quan có việc cần bàn”. Tôi vội vã quay trở lên Cao Bằng.

Về tới cơ quan, được một tin sét đánh. Anh Đồng và anh Vũ Anh cho biết: Bác đi Trung Quốc chuyến vừa rồi bị bọn Quốc dân Đảng bắt giam và đã mất ở trong ngục. Mọi người đau đớn vô hạn. Chúng tôi biên thư báo cáo về Trung ương, rồi bàn làm lễ truy điệu, phân công anh Đồng

chuẩn bị điếu văn. Anh Cáp mang cái va li mây của Bác ra, chúng tôi cùng tìm xem còn những thứ gì có thể giữ lại làm kỷ niệm. Tuy nhiên, muốn biết một cách thật chắc chắn, chúng tôi vẫn định phái anh Cáp sang Trung Quốc lần nữa, để nghe lại tin này cho rõ ràng, và cũng để tìm xem phần mộ Bác ở đâu.

Sau mấy ngày đau đớn, bối rối ấy tôi lại quay xuống châu Ngân Sơn. Dọc đường, rẽ vào nghỉ tại cơ quan đồng chí Xích Thắng, người cú thần thờ, nhưng phải cố sao để các đồng chí chung quanh không nhận thấy.

Tại đây, có nữ đồng chí Sinh, biết chúng tôi là đoàn cán bộ xung phong Nam tiến, nhất định đòi đi theo để làm công tác. Thời gian này, phong trào Nam tiến trong nam nữ thanh niên đang rất sôi nổi. Thấy đồng chí Sinh còn ít tuổi, chúng tôi nói rõ, công tác này có nhiều khó khăn, hoạt động tại địa phương chưa bị lộ thì nên cứ ở lại địa phương hoạt động. Nhưng đồng chí Sinh nói: “Đoàn thể đã kêu gọi ai có tinh thần thì tham gia vào đội Nam tiến, nam giới đã được đi thì phụ nữ cũng phải được đi”. Thấy chúng tôi không đồng ý, đồng chí Sinh ngồi khóc. Sớm hôm sau, chúng tôi dậy để lên đường, thì đồng chí Sinh về nhà đã lên, mang theo khăn gói quần áo, ngồi đợi đó để cùng đi. Thấy đồng chí Sinh sốt sắng, anh Xích Thắng cũng đồng ý để đồng chí đi. Đồng chí Sinh sau này công tác rất tích cực và trở thành một cán bộ tốt của Đảng.

Đêm hôm ấy, đồng chí giao thông đưa chúng tôi đi qua

một chặng đường toàn núi gianh. Mọi người rất vui. Riêng tôi vẫn nghĩ về Bác. Nếu Bác mất, thì thật là một cái tang lớn, một sự tổn thất không gì bù đắp lại được cho Đảng ta và toàn thể nhân dân ta. Đi trong đêm vắng lặng và lạnh buốt, nhìn những triền núi gianh man mác kéo dài vô tận, những ngôi sao sáng như đọng trên những ngọn cỏ gianh bơ xờ, một vài chấm lửa của những ngôi nhà ở cô đơn trên các ngọn núi, lòng cảm thấy bơ vơ, buồn vô hạn, hai hàng nước mắt cứ rưng rưng.

XI

Con đường Nam tiến kéo dài trên nhiều triền núi và cánh đồng, qua các làng, bản của đồng bào Thổ, Mán tiền, Mán đỏ... Tại nhiều nơi, quần chúng được tổ chức khá rộng rãi, tinh thần lên rất cao. Một không khí chuẩn bị khởi nghĩa sôi nổi trên suốt dọc đường. Đồng bào các dân tộc đón tiếp cán bộ như những người ruột thịt đi xa lâu ngày trở về.

Từ Ngân Sơn, chúng tôi đi chín, mười đêm ròng, tiến về Phủ Thông, qua cánh đồng Hà Vĩ, vượt những vách đá dựng đứng của dãy núi Phia Bioóc, qua những triền núi, những cánh đồng nối tiếp nhau, qua Chợ Đồn, rồi đến xã Nghĩa Tá. Chúng tôi nghỉ lại nhà đồng chí Dương ở bản Bằng, đợi anh Chu Văn Tấn cho người lên đón.

Vài ngày sau, anh Tấn cử đồng chí giao thông lên. Anh Tấn chờ chúng tôi gần Chợ Chu.

Chúng tôi đi khoảng hai, ba đêm qua những vùng đồng bào Mán Ô Gang sống rất nghèo khổ. Chặng đường đêm cuối cùng phải vượt qua làng Cóc. Ở đây, địch đóng đồn ngay giáp đường. Chúng tôi bàn nhau đi vượt qua đồn ban đêm. Tối hôm đó đi cùng đồng chí Hiền và một đồng chí giao thông. Đến gần đồn, sắp qua chỗ đường ngoặt,

chợt nghe phía trước có tiếng lách cách. Liên ngay đó, nhìn thấy ánh đuốc và nghe tiếng người. Tôi đoán là bọn lính đi tuần. Chúng đã đến gần quá. Tôi kéo áo đồng chí giao thông đi trước, cùng nhảy vào một bụi cây ven đường, nằm im. Đồng chí Hiền đi sau, cũng lao theo. Vừa khi đó, năm tên lính đồng đi tuần tới, theo sau là một số đồng bào cầm đóm, đuốc. Chỉ lo vì có đuốc sáng mà bọn đồng nhận ra chúng tôi. Ánh đuốc soi vào đóm cả bụi cây. Nhưng bọn đồng ghé mắt đi qua, và đồng bào mãi nói chuyện cười xin không ai chú ý đến hai bên vệ đường.

Anh Chu Văn Tấn và đồng chí Dục Tôn đởi chúng tôi tại một cái lán của đồng bào làm để canh lúa ở ven rừng. Sau đó, những đồng chí trong đội Nam tiến do đồng chí Quang phụ trách cũng tới. Gặp nhau giữa rừng sâu, mừng vô kể. Hai con đường cùng được đánh thông, và bây giờ đã hợp lại thành một con đường quanh chúng của cách mạng ôm vòng lấy Cao - Bắc - Lạng, con đường đã được vạch ra sau Hội nghị Trung ương lần thứ tám.

Chúng tôi lấy những tàu lá cọ, rải trong rừng, ngồi họp mặt trao đổi kinh nghiệm, kể chuyện đến khuya. Tôi giới thiệu những kinh nghiệm của Cao Bằng, Bắc Kạn. Anh Tấn kể lại tình hình phong trào đang lên mạnh ở Bắc Sơn, Thái Nguyên và miền xuôi; cơ sở của chúng ta tại Bắc Sơn - Vũ Nhai đã được củng cố và đang mở rộng sang Chợ Chu, Đại Từ. Địch vẫn tiếp tục chính sách khủng bố để hòng dập tắt ngọn lửa cách mạng đã nhen nhóm khắp nơi. Anh Tấn cho tôi biết, đã bắt được liên lạc với Trung ương ở miền xuôi.

Cách đó ít ngày, các đồng chí Cứu quốc quân đã bắt

được một con nai. Anh Tấn vẫn để dành một chiếc chân nai chờ chúng tôi. Tối hôm đó, anh em thui lại chân nai để ninh làm tiệc liên hoan.

Đêm khuya, cùng rải lá cọ ngủ với nhau giữa rừng.

Để kỷ niệm lần gặp gỡ đáng ghi nhớ ấy, chúng tôi đặt tên xã Nghĩa Tá là xã Thắng Lợi.

Chúng tôi trở về Nghĩa Tá, ở lại một thời gian. Anh Tấn cho biết, đã báo cáo về Trung ương và sẽ có đồng chí ở Trung ương lên gặp. Tôi nán ở lại đợi. Trong thời gian này, tổ chức một lớp huấn luyện cho các đồng chí hội viên tại đây. Tôi tranh thủ thời giờ viết cuốn *Kinh nghiệm Việt Minh tại Việt Bắc*.

Chờ khoảng nửa tháng vẫn chưa thấy đồng chí ở Trung ương lên. Để khỏi lỡ hẹn với các anh ở nhà, tôi biên thư cho anh Tấn biết, chúng tôi trở về Cao Bằng rồi sẽ quay xuống sau.

Đọc đường đi lên, qua Đông Viên, chợ Đồn, tình hình không có gì thay đổi. Tối Nà Lùm, tôi nhận được thư của đồng chí Đức Xuân. Đồng chí Đức Xuân là đội trưởng một đội tuyên truyền xung phong Nam tiến được giao nhiệm vụ tổ chức phong trào tại tổng Hà Vĩ gần Phủ Thông. Đồng chí Đức Xuân báo cáo tình hình phong trào đang lên, đề nghị tôi xuống cánh đồng nói chuyện với một số đồng chí trung kiên và dự một cuộc mít tinh đã được chuẩn bị.

Đi hết một cái dốc dài tám cây số xuống tới cánh đồng. Đã đến bữa ăn, chúng tôi vào nghỉ tại một nhà trong làng. Đang dở bữa thì có người đến báo, đồng chí Đức Xuân đã bị địch bắn chết, chúng chặt đầu đồng chí đem về treo tại

Bác Kạn. Chúng tôi biết tình hình bắt đầu thay đổi và trở nên xấu. Lúc đó một tên chánh tổng vào nhà này chơi. Lát sau lại có một người lạ mặt đến, chủ nhà giới thiệu là hội viên, nhưng một hội viên khác lại nói nhỏ để chúng tôi biết, người này chưa vào hội. Làng này ở gần Phủ Thông. Nhận thấy cần phải rút nhanh, mọi người ăn cho chóng xong. Chúng tôi nói chuyện với các hội viên về cách đối phó khi địch khủng bố, rồi quay trở lại Nà Lùm.

Bà con tại Nà Lùm đã được tin đồng chí Đức Xuân bị hại, tỏ vẻ lo ngại. Một số đồng bào khuyên chúng tôi nên lánh vào rừng. Nà Lùm là một bản hẻo lánh ở trên triền núi Phia Bioóc cao hơn mặt biển hàng ngàn mét. Nà Lùm theo tiếng địa phương là: Ruộng bị bỏ quên. Chúng tôi rút lên rừng vắng, ở lại ít ngày, đợi điều tra rõ tin tức về đồng chí Đức Xuân. Đêm đến, trời lạnh cắt da cắt thịt. Quần áo, chăn màn thiếu thốn, đêm nằm như có muôn vạn chiếc kim từ trên châm xuống, từ dưới châm lên.

Sau vài ngày điều tra, biết đích xác đồng chí Đức Xuân đã bị địch hại, mọi người đều rất thương xót. Đồng chí Đức Xuân là một đảng viên rất tích cực, vận động quần chúng giỏi, có tài sáng tác những bài ca và bài hát lượn cách mạng, vui tính, được anh em quý mến. Chúng tôi tiếp tục đi trở về Cao Bằng. Để đề phòng sự bất trắc, chúng tôi không theo đường cũ, mà đi ngược theo dãy núi Phia Bioóc.

Đồng chí Mán dẫn đường chiếu hướng bắc, dùng dao phát cây mở lối đi dọc trên những đỉnh núi. Tiết trời đã về cuối đông, trên núi cao càng giá buốt. Nhiều lúc cả

đoàn đang đi trong mưa, rét tê tái, nhìn xuống chân núi lại thấy nắng vàng rực trải ra trên những cánh đồng. Nghĩ đến một ngày mai tươi sáng được tự do đi lại trên những nẻo đường bằng phẳng của đất nước, cảm thấy người ấm lại.

Ngày đi miết. Đêm tìm hốc đá nằm nghỉ. Có buổi sáng tỉnh dậy, sờ tay lên mặt thấy một con vắt tròn mọng nằm bám ở mi mắt.

Một buổi chiều chúng tôi nghỉ lại ở một khu rừng đại ngàn âm u toàn cây cổ thụ già cỗi, rêu xanh phủ khắp nơi, có lẽ từ xưa đến nay chưa hề in dấu chân người. Tối hôm đó, nằm khó ngủ, nghĩ đến Bác. Tôi bỗng nhiên cảm thấy, Bác chưa thể nào mất được, Bác vẫn ở đâu đây, rất gần với chúng tôi.

Nửa đêm trời nổi mưa to gió lớn. Gió hú từng hồi trên các vòm cây. Thỉnh thoảng, gió lại làm đổ một cây cổ thụ đã chết khô mục nát từ lâu, khu rừng rung chuyển, tiếng động vang âm.

Cuối cùng, cả đoàn chúng tôi đã vượt qua hết dãy núi Phía Bắc. Đồng bào ở lũng Mán dưới chân núi đón cán bộ vừa đi xung phong Nam tiến về bằng một bữa cơm rất linh đình, mặc dầu ở các vùng chung quanh địch đang lùng sục ráo riết.

Tới Hà Hiệu, rẽ vào nhà đồng chí Hoan, gia đình nói cho biết, đồng chí Hoan đã bị bắt, có lẽ chúng đã giải về Bắc Kạn.

Chúng tôi về tới nhà, thì ngày Tết cũng đã đến. Đúng tối ba mươi tháng chạp, phần lớn cán bộ của 19 đội vũ

trang xung phong Nam tiến đã đánh thông đường, đều về tập trung liên hoan mừng thắng lợi. Tổng bộ Việt Minh và Đảng bộ Cao - Bắc - Lạng trao tặng đoàn cán bộ Nam tiến lá cờ “Xung phong thắng lợi”. Cũng vừa khi đó, chúng tôi được tin con đường bị đứt nhiều quãng. Đợt khủng bố lớn của địch đã bắt đầu.

XII

Vào năm 1943, Cao - Bắc - Lạng đã trở thành một kho thuốc súng sắp bùng nổ. Tại Cao Bằng, ngoài các châu Hà Quảng, Hòa An, Nguyên Bình đã thành những châu “hoàn toàn”, ở tất cả những châu khác, phong trào cứu quốc ngày càng lan rộng và cũng đã có những xã, tổng “hoàn toàn”. Ở Bắc Kạn, phong trào đã mở rộng trong bốn châu. Ban cán sự của Đảng tại Bắc Kạn được chỉ định, do đồng chí Bằng làm Bí thư và một thời gian sau, Tỉnh ủy lâm thời được thành lập. Từ các làng, bản đồng bào Tày, Nùng dưới cánh đồng lên đến các làng, bản đồng bào Mán trắng, Mán đỏ trên vùng cao, qua các đợt khủng bố của địch, phong trào vẫn giữ vững. Tại Lạng Sơn, phong trào từ Thất Khê đang phát triển về phía Bắc Sơn - Vũ Nhai.

Tất cả những thanh niên hội viên các hội cứu quốc đều tham gia tổ chức tự vệ. Châu nào cũng có hàng chục đội tự vệ chiến đấu. Liên tỉnh ủy đã mở nhiều khóa đào tạo cán bộ quân sự.

Các châu tổ chức nhiều cuộc duyệt binh, tập trận, có những cuộc huy động đến hàng ngàn người tham dự. Những cuộc duyệt binh và tập trận này nhằm tạo điều

kiện cho cán bộ học tập chỉ huy, huấn luyện thêm cho các đội tự vệ chiến đấu, đồng thời biểu dương lực lượng cách mạng, gây tin tưởng trong quần chúng, lôi kéo những người lừng chùng và uy hiếp bọn phản động tại địa phương.

Sau vụ gặt tháng 8, tháng 9, theo kế hoạch chuẩn bị khởi nghĩa, nhân dân tích trữ lương thực trong núi, thực hiện vườn không nhà trống từng bộ phận. Hầu hết các xã đều có kho thóc du kích. Đồng bào đào những hầm bí mật trong rừng sâu, đốt củi nung đất cho thật khô rắn, lát gỗ phủ một vài lần cốt rồi mới đem chứa thóc.

Việc mua sắm vũ khí đã trở thành một cao trào. Nhiều gia đình bán cả thóc, cả trâu để mua súng của quân Tưởng bên kia biên giới. Các lò rèn mọc lên khắp nơi, rèn gươm, dao, kiếm, sửa chữa súng kíp, súng hỏa mai. Đồng bào nô nức quyên sắt, đồng, lõi cày, chậu thau, mâm đồng... để đúc vũ khí.

Chị em phụ nữ thi đua trồng rau, trồng dâu nuôi tằm, lấy tiền ủng hộ cán bộ bí mật.

Cao - Bắc - Lạng từ trước đến nay vẫn bị bọn đế quốc đặc biệt chú ý, coi là những cơ sở của phong trào cách mạng tại Việt Bắc. Trước tình hình phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng, đế quốc Pháp đã trở thành tay sai cho phát xít Nhật tại Đông Dương, quyết định ra sức đàn áp, ngăn chặn cuộc khởi nghĩa từ trước khi bùng nổ. Mặt khác, chúng cũng lo chuẩn bị một hậu phương an toàn để khi biến có thể lui quân đội thời.

Cuộc khủng bố lan rất nhanh ra khắp các nơi, tại Cao Bằng và Bắc Kạn. Khác với lần trước, địch chỉ hãm dọa và

dụ dỗ những người hoạt động ra đầu thú, lần này chúng kết hợp dụ dỗ với đàn áp dữ dội.

Sau cuộc liên hoan mừng mở đường thắng lợi, các tổ xung phong lập tức trở về cơ sở cũ để lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống khủng bố.

Quang cảnh điêu tàn hiện ra trên khắp dọc đường. Nhiều bản không còn ai. Đồng bào đã lánh vào rừng. Những ngôi nhà sàn lạnh lẽo dán đầy thông cáo, yết thị của địch. Chúng cấm nhân dân không được đi theo người Kinh, phải ở lại làng bản làm ăn, những ai trót dại đi theo Việt Minh thì trở về nhà sẽ được bảo đảm tự do, những cán bộ hoạt động bí mật nên quay về quy phục, làm việc cho “chính phủ”. Có bản, nhà bị dỡ hết chuyển đi nơi khác. Có bản đã bị đốt trụi, còn trơ lại những cột kèo đen thui trên những nền nhà đầy tro than.

Như lần khủng bố trước, đêm đêm các cán bộ lại lần về gần làng, gặp các đồng chí cơ sở, nắm tình hình và truyền lại những ý kiến chỉ đạo của cấp trên. Liên tỉnh ủy đã quyết định động viên quần chúng đấu tranh chống khủng bố. Các làng, bản đều tổ chức ban xung phong chống khủng bố, gồm những đảng viên, hội viên cứu quốc trung kiên. Mỗi lần có lính đế quốc về bắn phá, thanh niên nam nữ trong những ban chống khủng bố chia nhau đi khắp nơi giải thích, tuyên truyền, giữ vững tinh thần của đồng bào. Các cơ sở đều được nhắc nhở chú ý đề phòng bọn phản động chui vào các tổ chức cứu quốc.

Đồng bào đã được rèn luyện qua kỳ khủng bố trước, lần này có kinh nghiệm hơn. Thời gian đầu phong trào tại

các nơi vẫn vững, không ai ra đầu thú, không một cơ sở nào của cán bộ bí mật bị tiết lộ.

Địch đã nhìn thấy một sợi dây vô hình nối liền giữa nhân dân trong các làng, bản với những cán bộ bí mật bên ngoài. Chúng ra lệnh đồn làng. Các làng bản lẻ đều phải chuyển đến những địa điểm tập trung do chúng chỉ định. Ở những vùng có phong trào cao, chúng quy định những làng dưới hai mươi nhà, có nơi bốn mươi nhà, cũng phải dồn đến những chỗ tập trung. Ở miền núi, ruộng ít, người thưa, mỗi làng bản thường chỉ có từ năm đến mười óc nhà. Chỉ trong một thời gian ngắn, không biết bao nhiêu làng bản bị tàn phá. Nhiều nhà đồn không kịp đều bị đốt.

Mỗi làng tập trung đều có ba lớp lũy tre bao quanh và rất nhiều hố chông. Bọn lính đồng canh gác suốt ngày đêm. Mỗi ngày đồng bào phải điếm mặt một lần. Lệnh giới nghiêm cấm ngặt từ sáu giờ tối đến sáu giờ sáng không được một ai ra khỏi làng. Những tên phản động đại gian ác xuất hiện ở nhiều nơi.

Cuộc khủng bố của địch ngày càng quyết liệt. Đồng chí Vĩnh Quang và một số đồng chí khác bị địch bắn chết giữa lúc đang đi công tác. Trong khi khám xét một bản của đồng bào Mán, bọn địch tìm được trong nhà một hội viên một cuốn *Việt Minh ngữ tự kinh*. Đồng chí hội viên này bị bắn chết ngay. Địch chặt đầu và tay, chân đem về bêu tại châu lý Nguyên Bình. Một hôm, tôi đang giảng bài tại một lớp huấn luyện ở Cẩm Lý thì bọn địch tới. Lớp học kịp thời rút lui vào rừng. Nhưng địch bắt được một đồng chí Mán đứng gác, chúng chặt đầu đem đi. Nhiều nhà chúng tình nghi liên quan với cách mạng bị tịch thu tài sản. Có

những nơi cả làng bị triệt hạ. Không ngày nào binh lính địch không kéo về bắn phá, cướp đốt ở các làng, bắt buộc đồng bào phải đi thú và làm tờ cam kết không vào Việt Minh nữa. Từ trên núi cao, luôn luôn nhìn thấy những đám cháy dưới cánh đồng. Không riêng tại Nguyên Bình, Hà Quảng, Hòa An mà các châu khác, ở tất cả các nơi có phong trào cách mạng, cuộc khủng bố của quân thù đều diễn ra tàn khốc như vậy. Địch bêu đầu những người cộng sản tại Cao Bình, Nước Hai, Sóc Giang, thị xã... Tại Bắc Kạn, đồng chí Bằng, Bí thư Ban cán sự Đảng, bị địch bắn trong một cuộc bao vây, sau đó đã hy sinh. Đồng chí Xích Thắng và nhiều đồng chí khác chết huyệt trước mũi súng của quân địch.

Đợt khủng bố quyết liệt kéo dài. Trước những thủ đoạn tàn khốc của quân thù cũng có nơi nao núng.

Thanh niên nam nữ bỏ làng chạy vào rừng khá đông. Có nơi quần chúng yêu cầu tạm nghỉ công tác hội. Việc liên lạc với các phân tử trung kiên còn ở trong làng, trở nên rất khó khăn.

Một hôm, các đồng chí đi công tác về nói bà con ở dưới làng thắc mắc không hiểu ai đi lại trên đỉnh ngọn núi cao mà nhìn thấy rõ một vệt đường giữa đám cỏ gianh. Ngọn núi bà con nói, chính là nơi cơ quan đóng. Thời gian qua, anh em chúng tôi đi lại nhiều nên cỏ gianh đã bị xéo nát thành đường; chúng tôi chỉ xuống làng ban đêm, trời sáng đã về nấu trong lán, nên không ai nhìn thấy. Ngay ngày hôm sau, cơ quan phải rời địa điểm sang một ngọn núi khác cách xa hẳn chỗ cũ.

Lần này, vấn đề bí mật được đặc biệt chú trọng.

Chúng tôi ở tại một miếng đất bằng, kín đáo, nằm cạnh đỉnh một thác nước. Muốn vào cơ quan phải đi lại không được dùng giày và gậy. Trong khi đi dọc suối trở về cơ quan, phải tránh đặt chân lên những hòn đá có rêu, vì qua những chỗ đã bị mất rêu, địch có thể biết nơi này thường vẫn có người qua lại. Đến đoạn đường cuối cùng, trước khi vào cơ quan, tuyệt đối không ai được đi trên đất khô ở hai bên, mặc dầu trời giá lạnh thế nào cũng cứ phải lội ngược giữa thác nước để vào nhà. Mỗi lần ra vào cơ quan, quần áo đều bị ướt hết.

Thời gian này, Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng ra chỉ thị cho tất cả cán bộ, đảng viên còn hoạt động công khai tại các địa phương, phải hết sức đề phòng, không để lọt vào tay địch, và đều phải "chuẩn bị đi bí mật". Tối, không ai được ngủ nhà, ban ngày đi đâu phải có tự vệ; mỗi người tích trữ sẵn hai ba tháng lương thực, giữ liên lạc chặt chẽ với các đồng chí phụ trách, nếu động thì kịp thời rút vào bí mật.

Số đồng chí "đi bí mật" tăng lên khá nhanh. Để tổ chức các đồng chí này lại làm nòng cốt giữ vững phong trào, Liên tỉnh ủy ra chỉ thị dùng hình thức "tiểu tổ bí mật". Hình thức này vốn đã xuất hiện từ lâu tại Cao - Bắc - Lạng nhằm đối phó với những đợt khủng bố của địch. Mỗi tiểu tổ bí mật gồm các đồng chí trong một, hai xã, có cả đảng viên và những hội viên trung kiên, đã thoát ly gia đình lánh vào rừng núi. Trong mỗi tiểu tổ bí mật lại có tổ đảng. Mỗi tiểu tổ bí mật có một cơ quan riêng, tức là một chiếc lán nấu kín trong rừng sâu hay trên đỉnh núi. Từng

nơi đều tích trữ lương thực. Các đồng chí bí mật phải sống theo một quy tắc nhất định, vừa tiếp tục tiến hành công tác quần chúng vừa nghiên cứu học tập. Sinh hoạt các tiểu tổ bí mật đều triệt để “quân sự hóa” và “du kích hóa”. Tài liệu, súng đạn, quần áo bao giờ cũng phải hết sức gọn gàng, có lệnh, chỉ cần nhắc gói lên vai là di chuyển được ngay. Việc học tập quân sự được tiến hành song song với học tập chính trị. Kỷ luật đặt ra rất nghiêm khắc. Các tiểu tổ bí mật được triệt để “quân sự hóa” và “du kích hóa” đã trở thành một màng lưới vây quanh tất cả các làng, bản.

Ban ngày, học tập chính trị, quân sự và tăng gia sản xuất. Bữa cơm chiều thường ăn sớm vào khoảng bốn giờ. Mặt trời lặn khỏi đầu núi là những “người bí mật” dời cơ quan vượt qua những đoạn đường rừng hiểm trở, đi tới những địa điểm đã hẹn trước. Một tiếng huýt sáo, vài tiếng tặc lưỡi, tiếng vỗ tay, theo những quy định với nhau trước, từ một chỗ ẩn náu kín đáo, những đồng chí đảng viên hay hội viên trung kiên đáp mật hiệu rồi ra bắt liên lạc. Mặc dầu địch bắn giết, đốt phá, đồn làng, vây lũy, canh gác, giới nghiêm, các đồng chí ở dưới làng vẫn không quản hiểm nghèo, không sợ hy sinh tính mệnh, đêm đêm vẫn ra báo cáo tình hình, mang theo lương thực cho các đồng chí hoạt động bí mật và để nhận những chỉ thị của cấp trên. Trời khuya, các đồng chí trong làng trở về. Những “người bí mật” ngả mình bên dòng suối hay trên bờ ruộng chợp mắt một lúc, trời tảng rạng là trở về cơ quan. Phải làm sao vào rừng trước khi tan sương mới khỏi bị phê bình và không để ảnh hưởng tới bà con trong làng.

Những tiểu tổ bí mật, gan góc, bên bỉ bám sát lấy cơ sở, bám sát lấy quần chúng, truyền cho họ sức mạnh của đoàn thể, của cách mạng, tiếp thêm nghị lực cho họ trước những giờ phút hiểm nghèo. Nhờ đó mà phong trào vẫn được duy trì.

Đế quốc đã nhận thấy phải tìm mọi cách để tiêu diệt những người cách mạng đang bí mật hoạt động, lãnh đạo nhân dân chống lại chúng. Chúng đóng một loạt đồn trại khắp nơi, bao vây lấy những dãy núi hiểm yếu, nơi chúng đánh hơi có những người cách mạng nương náu. Thời gian này địch tăng thêm quân lính cho các đồn bốt cũ và đóng thêm một loạt đồn bốt mới ở khắp nơi trong tỉnh như: Nước Hai, Cao Bình, Hào Lịch, Nà Ngần, Phai Khắt, Phúc Tăng, Đào Ngạn, Mỏ Cát, Nậm Nhũng, Pắc Bó... Chúng tung những tên tổng đoàn và bọn chó săn đi đánh hơi tìm kiếm khắp nơi. Trời tối, binh lính chia nhau đi sục các đầu bờ, khe suối. Rồi những cuộc càn quét bắt đầu.

Địch treo giải thưởng rất to cho những kẻ đi lấy đầu người hoạt động bí mật. Đầu cán bộ, cái nào rẻ cũng đáng giá bạc ngàn với hàng trăm đấu muối, có cái hai, ba vạn đồng.

Từ chưa tan sương, những tên tuần tổng gian ác đã có mặt ở quanh làng. Chúng lần mò khắp bờ bụi, đường ngang, lối tắt, cố tìm ra vài lỗ gậy bên bờ ruộng, hoặc một vết chân trên hòn đá rêu phủ. Có tên tinh khôn lần theo những bãi cỏ đọng đầy sương đêm, những đồng chí xuống làng khi quay về cơ quan đã đi trên cỏ để giấu vết chân, nhưng không chú ý là giữa những ngọn cỏ đọng sương

đêm, chỉ cần bước chân của mình làm rớt những giọt nước trong, nhỏ, nhẹ đó, cũng đủ để vạch một con đường cho bọn địch tìm đến ven rừng nơi mình đã ra đi.

Các cuộc “sao đông”¹ bắt đầu. Bọn binh lính lừa dân làng đi đầu, che chở cho chúng trước mũi tên hòn đạn, chúng cầm súng đi theo sau. Bọn chó săn mặt người đánh hơi khắp nơi. Chúng soát từng hốc núi, từng bụi cây. Những ngày nắng hè, chúng đốt cháy từng khu rừng. Chỉ cần chúng tìm thấy một vài cái lán bí mật không có người trong rừng là các làng gần đấy có thể bị triệt hạ. Cơ quan của liên tỉnh tại vùng Lô cốt đỏ bị địch bao vây và tiến công bằng súng cối.

Phong trào quần chúng lại tạm thời bị thu hẹp. Đồng bào vẫn tốt, nhưng e ngại trước sự khủng bố tàn bạo của kẻ địch, phần lớn hẹn đến ngày khởi nghĩa sẽ nhất tề đứng dậy giết hết quân thù, còn nay thì muốn tạm ngừng hoạt động.

Tổng Hoàng Hoa Thám là nơi phong trào rất cao, hai phần ba nhân dân đã bỏ làng chạy vào rừng.

1. Lùng rừng.

XIII

Bữa ấy, tôi về cơ quan hội báo tình hình thì thấy anh Đồng, anh Vũ Anh và anh Lã đang xúm xít quanh một tờ báo. Các anh chuyển tờ báo cho tôi và hỏi tíu tít:

- Anh xem có đúng là chữ của Bác không?

Đó là một tờ báo ở Trung Quốc mới gửi về, bên mép trắng có mấy hàng chữ Hán, viết tay. Tôi nhận ra ngay đúng là chữ Bác. Bác viết:

“Chúc chú huynh ở nhà mạnh khỏe và cố gắng công tác. Ở bên này bình yên”.

Phía dưới lại có một bài thơ:

*Vân ủng trùng sơn, sơn ủng vân
Giang tâm như kính, tịnh vô trần;
Bồi hồi độc bộ Tây phong lĩnh,
Dao vọng Nam thiên ức cố nhân.*

Dịch nghĩa:

*Mây ôm dãy núi, núi ôm mây
Lòng sông như gương, không chút bụi;
Một mình dạo bước trên đỉnh núi Tây phong
Trông về trời Nam xa xăm nhớ bạn cũ.*

Tôi xem xong hết sức ngạc nhiên. Chữ viết này, lời lẽ

này, những câu thơ này, đúng là của Bác. Tờ báo này mới xuất bản.

Mọi người khôn xiết vui mừng. Trong màn đêm ảm đạm của đợt khủng bố trắng vô cùng khốc liệt tại Cao - Bắc - Lạng, tin Bác bình yên về với chúng tôi như những tia nắng rực rỡ xuất hiện ở chân trời, báo hiệu một ngày mai tươi sáng sắp đến.

XIV

Tôi quay về địa phương ít ngày thì các anh gửi cho một tờ báo Đông Pháp trong có đăng tin Hồng quân Liên Xô chiến thắng lớn tại Xtalingrát. Tối hôm ấy, cán bộ đi xuống cơ sở đã báo tin này cho các đồng chí, và bảo các đồng chí tìm cách truyền tin ngay cho đồng bào. Mỗi tin thắng lợi của Liên Xô là một sự cổ vũ cho nhân dân trong những ngày khó khăn này.

Ít ngày sau, tôi nhận được thư của các anh viết, cố tìm mọi cách để nối lại đường Nam tiến vì tình hình đang biến chuyển có lợi cho ta. Nhiều tổ xung phong công tác đã liên tiếp phải đi giúp quân chúng trên dọc đường chống khủng bố và giữ vững cơ sở. Nhưng đánh thông được quãng này thì quãng khác lại bị đứt.

Tôi cùng anh Hoàng Sâm chọn một số đồng chí trong các đội vũ trang địa phương, tổ chức thành một trung đội Nam tiến. Trong thời gian này, đồng chí Thanh Quang ở Chợ Rã lên cho biết, tại chân núi Phia Bioóc vẫn còn một số bản có cơ sở rất tốt. Chúng tôi quyết định sẽ đi hẳn về chân núi Phia Bioóc, củng cố vùng này, đặt cơ quan tại đây rồi đánh thông đường về phía nam. Chúng tôi mang theo một phiến đá in định về đó sẽ ra báo.

Trung đội Nam tiến luôn rừng bí mật đi về phía nam. Đêm đi, ngày nghỉ, đến chiều, sẩm tối lại đi. Trời dạo này, về đêm hay mưa. Nhiều đêm mưa tầm tã, đường rừng biến thành suối, mọi thứ mang trên người ướt hết. Trời tạnh, tạt vào một hang núi kín đáo, đốt lửa hơi quần áo cho khô, rồi lại tiếp tục đi. Mỗi khi qua những làng bản có cơ sở, chúng tôi chỉ cử người vào hỏi thăm tình hình đường sá, sự hoạt động của địch, rồi đi ngay.

Nhiều quăng vì đường độc đạo, không có chỗ tránh, buộc phải đi giáp những làng bản tập trung, có lính địch canh gác nghiêm ngặt. Các chốt canh của địch trên dọc đường gõ mõ lóc cóc suốt đêm. Có đêm phải lội những con suối nằm giáp với chốt canh. Cả đoàn im lặng, cẩn thận đặt từng bước chân xuống bùn, tay chống gậy phải thật nhẹ để khỏi phát ra tiếng động.

Đi khoảng sáu, bảy đêm liền, vượt qua Chợ Rã đến chân núi Phia Bioóc. Đã đến đích, ai nấy đều vui mừng. Trung đội nghỉ ở một rừng vầu. Những ngày trước, hễ đến địa điểm là mọi người tranh thủ ngay, nhưng hôm đó phấn khởi quên mệt, anh em dẫn cây làm lán xong xuôi mới đi nghỉ.

Trong khi đó, đồng chí Thanh Quang đi bắt liên lạc với cơ sở.

Buổi chiều, đồng chí Thanh Quang phờ phạc quay về cho biết, địch đang tiến hành khủng bố tại vùng này, nhiều đồng chí vừa bị bắt. Chúng tôi hỏi lại đồng chí Thanh Quang cận kề, và cử người đi tìm gặp một số trung kiên ở địa phương để nắm rõ thêm tình hình. Khi về, các

đồng chí đều nói cuộc khủng bố của địch rất gắt gao, binh lính địch vẫn đóng tại các làng bản, nhiều đồng chí bị bắt, nhiều nhà cửa bị đốt. Anh Hoàng Sâm và tôi thảo luận với nhau, nhận thấy tình hình đã thay đổi, cơ sở như vậy là không còn, đội không có điều kiện để ở lại đây.

Trung đội cử người canh gác các ngã đường. Tất cả các anh em đang ngủ được gọi dậy. Ăn xong bữa cơm chiều, cả đoàn lại lên đường quay về Cao Bằng. Trước khi đi phải đánh dấu rồi chôn phiến đá in lại ở chân núi.

Lương thực chỉ chuẩn bị cho chuyến đi, suốt dọc đường về toàn ăn cháo. Nhiều đồng chí ốm.

Về Hà Hiệu, chúng tôi dừng lại, cử người vào hỏi thăm tin đồng chí Hoan. Bà mẹ đồng chí Hoan theo đồng chí liên lạc ra rừng gặp chúng tôi. Cụ vừa khóc vừa kể lại, đồng chí Hoan bị địch bắt đem về Bắc Kạn, chúng tra tấn anh mười một lần chết đi sống lại để truy tìm tung tích cách mạng, anh vẫn không khai một lời, cuối cùng, chúng đã bắn chết anh. Cụ nhất định đòi chúng tôi phải vào nghỉ trong nhà.

Bản này chỉ có vài ba gia đình, hết thầy đều tốt. Chúng tôi theo cụ vào nhà. Chị Hoan kể lại cho chúng tôi... Trước ngày anh Hoan bị bắn, chị có lên Bắc Kạn thăm. Anh Hoan nói với chị: “Có lẽ nó sắp bắn tôi, nhưng ở nhà đừng lo, cách mạng thế nào cũng thành công. Ở nhà phải trung thành với đoàn thể, giúp đỡ anh em cán bộ hoạt động”. Rồi anh đưa lại cho chị một miếng cao và nói: “Tôi có miếng cao hỏ cốt này, đem về giữ lấy cẩn thận, gặp đồng chí Văn thì nói tôi có lời hỏi thăm, và nhớ đưa miếng

cao cho đồng chí dùng để giữ sức khỏe mà làm công tác”. Tôi nhìn miếng cao trong tay chị Hoan, nước mắt muốn trào ra.

Bà mẹ đồng chí Hoan trở cum lúa nếp để trên gác bếp, nói:

- Bây giờ Hoan đã mất, mùa màng lại kém, nhưng mùa nào mẹ cũng để dành thóc nếp cho các con đấy, cứ chờ đợi du kích mãi. Các con cố gắng giết sạch bọn Tây, bọn Nhật thì người Mán mới sống được.

Kết quả cuộc đại khủng bố của quân địch là như vậy. Càng ra sức tàn sát, địch càng khơi sâu thêm trong nhân dân mối hận thù, thúc đẩy mọi người quyết tâm đứng lên chiến đấu tiêu diệt bọn chúng để tìm lấy con đường sống.

Sau chuyến đi này về, phần lớn anh em đều ốm, có những đồng chí bị sốt thương hàn. Một bữa tôi đi công tác xuống gần làng thì bắt đầu lên cơn sốt. Các đồng chí dìu tôi ra nằm ở một chiếc lán nhỏ làm bất ngờ trong một lùm cây cạnh cánh đồng. Tôi nằm lại đây hơn một tuần lễ. Sớm sớm, các chị trong làng đem ra một nồi cháo bắp. Các đồng chí đi công tác về được tin Tây sắp càn đến vùng này, vội tới tìm, ngạc nhiên thấy tôi đang giữa cơn sốt, xé rách cả áo và bút lá đắp đây người. Các đồng chí dìu tôi vào rừng. Khi lợi suối, thấy hai chân tê dại, rét buốt lên đến tận ngực. Tôi đoán mình bị sốt ác tính. Nhưng cũng không hiểu sao, về tới cơ quan chưa uống thuốc men gì, thì bệnh đã khỏi.

XV

Địch khủng bố càng mạnh, số đồng chí “đi bí mật” ngày càng nhiều.

Việc kiếm lương thực cho một số người khá đông như vậy từ tháng này qua tháng khác, trở nên rất khó khăn. Bọn địch biết rõ những người hoạt động bí mật ẩn náu trên rừng núi, sống dựa chủ yếu vào nguồn lương thực trong các làng. Chúng ra lệnh cấm ngặt không cho ai được mang một chút thóc gạo, ngũ cốc ra khỏi làng. Có những bà con đã nghĩ ra cách, khi gặt đập lúa xong thì để lại một ít ngay tại ruộng. Chúng tôi lượm về, giã giập vỏ ngoài, sàng qua trấu, đem nấu, hạt cơm cứng và khô như rang. Từ ngày có một bà gánh gạo ra chợ bán và một chị đem thóc giống đi ngâm bị chúng bắt và bắn chết ngay tại chỗ, nhiều bà con hoảng sợ. Một số các đồng chí trung kiên, trong đó có cả những em nhi đồng, vẫn bất chấp sự tàn sát của địch, đêm đêm vượt qua mũi súng đưa gạo, đưa bắp ra ngoài làng cho chúng tôi. Nhưng do cuộc khủng bố kéo dài, bà con trong làng lúc này cũng rất thiếu thốn, một chút gạo, chút bắp đùm tùm trong người đem đến cho chúng tôi, chẳng là mấy so với miệng ăn của bao nhiêu con người.

Có tháng chỉ ăn toàn cháo bắp. Một thời gian dài thức ăn hầu như chỉ có chuối rừng. Được cái chuối rừng ở đây rất nhiều. Chặt cây chuối về, bóc lần vỏ ngoài lấy nõn trắng bên trong, thái nhỏ, bỏ lên chảo cho chút nước và muối, nấu chín là xong. Thỉnh thoảng để cho khác vị, các đồng chí lấy hoa chuối về thái nhỏ, bóp muối rồi bỏ vào ống nứa đem nướng cho hoa chuối có thêm mùi vị của nứa. Các đồng chí gọi đùa món này là “thịt lợn rừng xào mỡ thiên nhiên”. Nước uống thì nấu với lá cây ngô vàng, uống đắng đắng, nhưng các đồng chí địa phương bảo lá cây này bổ máu. Ăn uống như vậy một thời gian, nhiều khi leo núi thấy đầu gối bủn rủn. Nhiều đồng chí ốm. Nhưng bệnh phổ biến là lên ban và sốt nóng. Một buổi sáng có con tê tê chui vào nằm ngay sau lán. Một đồng chí reo lên: “Thuốc đây rồi!” và cầm khúc gỗ đập mạnh vào lưng nó. Con vật cuộn tròn ngay lại, bị anh em tóm luôn. Lâu lắm, bữa ăn của cơ quan lại mới có chút thịt. Ăn xong bữa, chúng tôi đều cảm thấy như người khỏe lên.

Xuống làng gặp quần chúng rất khó khăn, nhiều lần đi không lại về rồi, một số đồng chí bắt đầu chán nản và e ngại. Người ùn lại cơ quan khá đông. Lương thực thì hầu như không có.

Có buổi ngồi bàn bạc công tác, một số đồng chí cứ im lặng. Rồi một đồng chí nói:

- Bây giờ nên nghỉ một thời gian rồi hãy xuống làng. Chúng tôi đi lại nhiều lần nhân dân cứ lánh mặt. Cố tìm gặp được ai thì người ấy cũng nói: “Tôi vẫn một bụng một dạ với hội thôi, nhưng bây giờ “nóng” quá, đồng chí hãy trở

về cấp trên, đợi khi nào “ngồi ngội” sẽ quay trở lại. Gặp đồng chí một lát cũng chưa làm được công việc gì cho hội, mà địch biết thì hại đến cả làng”.

Chúng tôi đều biết là hầu hết bà con vẫn rất tốt, nhưng không chịu được những ngày kéo dài chờ đợi cuộc khởi nghĩa trong khi bọn địch thẳng tay tàn sát. Nhưng nếu bây giờ ngừng mọi hoạt động thì sẽ không duy trì được cơ sở quần chúng, mà không có cơ sở quần chúng thì sẽ không bao giờ khởi nghĩa được. Tôi đã nói với các đồng chí:

- Chính trong lúc này chúng ta lại càng phải bám chắc lấy cơ sở. Nếu phó mặc quần chúng cho kẻ địch, chỉ ngồi ở đây giữ bí mật thì cơ sở sẽ hẹp dần lại, quần chúng sẽ bị địch lung lạc, rồi ra cơ quan bí mật cũng sẽ khó tồn tại. Dù khó khăn đến đâu, vẫn phải nắm lấy quần chúng, giữ vững cơ sở quần chúng. Cuộc khủng bố của địch là ngọn lửa thử vàng để chúng ta thấy được những người thực sự là trung kiên đối với cách mạng.

Sau mỗi cuộc họp như vậy, chúng tôi lại chia nhau đi các địa phương. Mỗi người một túi lương khô, một ống muối nhỏ, đứng đợi gần các nương lúa, nương ngô, hoặc trên những đoạn đường đi tới chợ, đón các hội viên, các đồng bào tốt. Chúng tôi nói với đồng bào, làm cách mạng thì nhất định kẻ địch phải khủng bố, địch khủng bố điên cuồng là vì chúng thấy phong trào cách mạng lên mạnh, chúng sợ, nhưng khủng bố của kẻ địch nhất định không thể nào ngăn cản được cách mạng. Chúng tôi nói với đồng bào, phong trào dưới xuôi đang lên cao, Liên Xô và Đồng minh đang thắng lớn, bọn phát xít Đức - Nhật đang thất

bại, rồi chúng tôi hướng dẫn cho đồng bào tiếp tục công việc của hội. Mỗi lần về gặp lại nhau báo cáo tình hình và thảo luận công tác, có khi vắng đi một vài đồng chí. Thường thường những đồng chí đến hẹn mà không thấy về là đã bị hy sinh. Nhưng với ngọn lửa tin luôn luôn rực cháy trong đầu, với quyết tâm hy sinh vì sự nghiệp cách mạng, mặc thiếu thốn, mặc hiểm nghèo, ai nấy đều kiên quyết tiến tới, những lần gặp mặt nhau vẫn rất vui.

Cơ quan chúng tôi di chuyển luôn, từ đầu ngọn núi này sang đỉnh ngọn núi khác. Một lần, chúng tôi mới chuyển đến một ngọn núi gianh, bỗng thấy chung quanh tự nhiên bốc lửa. Lửa cháy giần giật mỗi lúc một gần, tàn bay khắp trên đầu, lại có tiếng người chạy, tiếng chó sủa. Mọi người vội vợ tài liệu, xách khẩu súng kíp lên cò sẵn chạy xuống chân núi. Vừa đến suối thì thấy một số đồng bào Mán đi sẵn. Những đồng bào này đều là hội viên, nhưng từ lâu không có liên lạc. Đồng bào nhận ra chúng tôi, tỏ vẻ rất mừng rỡ. Có người nói:

- Tìm các đồng chí mãi không thấy. Hôm nay biết các đồng chí ở đây rồi!

Đồng bào ngừng cuộc đi săn, quây quanh hỏi chuyện. Biết đây là những hội viên tốt, chúng tôi đặt kế hoạch liên lạc và bàn cùng bà con cách về tiếp tục công việc hội. Khi về, đồng bào nói: “Chúng tôi sẽ không cho ai biết các đồng chí ở đây đâu”.

Nhưng vẫn phải đề phòng, ngay ngày hôm sau chúng tôi lại rời địa điểm.

Một bữa, anh em trong cơ quan đi công tác gần hết, ở nhà chỉ còn có anh Thiết Hùng và tôi. Đã sắp hết mùa xuân mà tiết trời vẫn giá buốt như giữa mùa đông.

Tôi ngồi nhìn những quả núi gianh hoang vu nối tiếp nhau chạy dài, nhớ tới bao nhiêu thay đổi lớn lao đã đến trong những năm qua. Núi rừng đối với chúng tôi lúc này đã trở nên quá thân thuộc. Buổi chiều, chỉ nghe tiếng ve kêu là biết trời sắp tối. Những đêm nằm không ngủ đã phân biệt được tiếng hoẵng, tiếng nai. Mỗi khi thức giấc, chỉ qua thời tiết cũng biết là còn đêm hay trời sắp sáng. Với sự cứu mang, đùm bọc, che chở của nhân dân, núi rừng đã trở thành một giang sơn kỳ diệu của những người hoạt động cách mạng. Bọn địch biết rất rõ chúng tôi chỉ ở quanh vùng này, nhưng chúng đã bị bịt tai, bưng mắt, và đã không làm gì nổi.

Bỗng tôi nhận thấy đám cỏ gianh ở quả núi ngay trước mặt bị lay động. Rồi tôi nhìn thấy hai con gấu đen. Có lẽ là một con gấu mẹ và một con gấu con, con lớn đi trước, con nhỏ theo sau. Chúng có thể đi sang đây. Cơ quan chỉ có mỗi khẩu súng lục của anh Thiết Hùng và quả lựu đạn của tôi. Quả lựu đạn của tôi là một quả lựu đạn hỏng, còn khẩu súng của anh Thiết Hùng bắn chưa chắc đã nổ. Biết loài thú đi với con thường rất dữ, chúng tôi bàn nhau, tốt nhất là trèo lên cây. Thế là hai người cùng leo vội lên một cây cao ở gần lán ngồi nhìn. Hai chú gấu đen thản nhiên đi qua. Chúng vẫn yên trí đây chỉ là giang sơn của chúng, không hề biết tại nơi đây còn có chúng tôi, những người cách mạng sống bí mật.

Với tinh thần dũng cảm, kiên trì của các đồng chí trong các tiểu tổ, những đường dây liên lạc với các cơ sở lần lần được nối lại. Phong trào dần dần phục hồi với một khí thế mới. Cuộc khủng bố của đế quốc đã thu hẹp cơ sở cách mạng, nhưng những cơ sở của cách mạng vẫn tồn tại qua cuộc đấu tranh, rắn chắc lên rất nhiều.

Sau một thời gian, tại khắp các địa phương, những hội viên trung kiên lại tới tập đến bất liên lạc. Trong nhiều chuyến thư hỏa tốc gửi đến các tổ bí mật, mở ra toàn những thư xin cán bộ, xin người về mở lớp huấn luyện.

Những lớp huấn luyện lại được mở tiếp trong rừng. Số người xin học rất đông. Và những người đến lớp lần này ít nhiều đã được rèn luyện qua cuộc đấu tranh với kẻ địch.

Phong trào lên, tình hình sinh hoạt cơ quan cũng được cải thiện hơn. Đã bắt đầu có bắp, có gạo ăn. Thức ăn vẫn là hoa chuối, nõi chuối, nhưng đã có tí mỡ.

Trước sự đàn áp tàn khốc của quân thù, những lực lượng tự vệ chiến đấu được tổ chức tại Cao Bằng từ cuối năm 1941 phát triển rất nhanh chóng trong hai năm 1942, 1943 lúc này trải qua những thử thách, càng được tôi luyện. Hàng ngũ các đội tự vệ có thu hẹp hơn đôi chút, nhưng vẫn còn rất đông đảo, và trở nên vững chắc hơn nhiều. Tại Hà Quảng, trước khi địch khủng bố, trong năm ngàn rưỡi hội viên có trên một ngàn tự vệ, sau một thời gian dài khủng bố, vẫn còn bốn ngàn hội viên, trong đó có gần một ngàn tự vệ. Các châu đã tổ chức ra những đội tự vệ thoát ly. Châu nào cũng đã có từ một tiểu đội đến một trung đội. Các tổng cũng tổ chức ra đội tự vệ thoát ly của tổng.

Các đội vũ trang thoát ly tích cực hoạt động chống khủng bố, tiêu diệt bọn phản động đầu sỏ, phục kích các đội tuần tiểu nhỏ của giặc, bước đầu thực hiện chủ trương “làm chủ rừng núi”.

Cùng với những đợt tuyên truyền bắt mối, gây cơ sở, các đội vũ trang địa phương cũng tiến hành một loạt hoạt động: thuyết phục, cảnh cáo, tiêu diệt những tên phản động đại gian ác không chịu hối cải. Tại Hòa An, lực lượng vũ trang địa phương đã tiêu diệt hàng chục tên phản động lợi hại. Tại Kim Mã, đội vũ trang cũng quyết định hạ thủ tên tổng đoàn Lý, một tên chó săn của đế quốc đã phá nhiều cơ sở của ta. Sau hai lần phục kích trượt, các đồng chí tự vệ đã bắt gặp nó trong một buổi chợ, bắn chết ngay tại chỗ.

Các chiến sĩ của những đội vũ trang địa phương khi ẩn, khi hiện trên những đường ngang ngõ tắt của các làng, bản; những đội viên tự vệ, tự vệ chiến đấu vẫn ở cùng với bà con trong cơn giông tố, đã cổ vũ, nâng đỡ tinh thần chiến đấu của đồng bào, và đã ngăn chặn được phần nào bàn tay cường bạo của kẻ địch.

Tại các châu, huyện trong liên tỉnh, những lớp huấn luyện quân sự vẫn mở liên tiếp. Các anh Thiết Hùng, Lê Quảng Ba, Bằng Giang, anh Cáp... thời gian này rất bận rộn.

Anh Hoàng Sâm và tôi cũng mở liền mấy lớp đào tạo cán bộ quân sự địa phương. Trường học được dựng lên một cách khá quy mô tại một khu rừng thuộc tổng Hoàng Hoa Thám. Những ngôi nhà lợp lá cọ làm giảng đường, nơi ăn, nơi ngủ chứa được tới trăm người.

Chương trình học tập gồm có hai phần: chính trị và quân sự.

Về chính trị, học viên được học tập chương trình của Việt Minh, sơ giải về chủ nghĩa cộng sản, công tác chính trị trong quân đội cách mạng, công tác vũ trang tuyên truyền. Nhà trường ra một tờ báo tường, đặt tên là *Hồn nước*. Tất cả học viên, có đông các đồng chí Mán, đều tham gia viết bài, viết những câu hát; người nào không biết chữ thì đọc cho người khác viết hộ.

Về quân sự, học kỹ thuật cá nhân chiến đấu: bắn súng, đâm lê, ném lựu đạn, các chiến thuật tập kích, phục kích. Việc học tập đi đôi với những cuộc diễn tập. Chúng tôi thường chia làm hai bộ phận, một bộ phận giả làm địch, một bộ phận làm quân đội cách mạng tiến đánh. Các đồng chí người Tày, người Mán tỏ ra có những khả năng rất đặc biệt về chiến thuật tập kích trong rừng. Trong đêm khuya, giữa rừng sâu, các đồng chí có những cặp mắt rất tinh, những bước chân nhẹ. Nhiều lần, chúng tôi được phân công giả làm địch, rất chăm chú nghe ngóng phát hiện các anh em khi tiến vào, nhưng chỉ đến khi anh em đã lọt vào tận nơi, chúng tôi mới biết.

Nhiều thanh niên từ xưa nay vẫn sống rất phóng khoáng tự do nơi non cao rừng thẳm, lúc này bắt đầu làm quen với nền nếp sinh hoạt chặt chẽ trong quân ngũ. Tôi còn nhớ trong một lớp huấn luyện có một đồng chí Mán tên là Minh. Minh rất khỏe, da dẻ hồng hào, trời rét mấy, áo ngực cũng cứ để phanh. Anh bắn giỏi, có thể đi đêm trong rừng, chỉ nghe tiếng nai kêu mà bắn trúng. Ngày nào không được đi bắn thì hầu như Minh không chịu được.

Mỗi ngày, nhà trường cho Minh đi bán hai giờ, vừa để giải quyết cái “nghiện” của anh, vừa để góp phần cải thiện sinh hoạt cho lớp học. Minh nghiện thuốc lào. Nhiều bữa chúng tôi đang ngồi họp, khi quay lại đã thấy Minh ngồi bó gối bên cạnh lán tự lúc nào. Chúng tôi hỏi anh đến làm gì? Minh cười, lấy tay chỉ vào cái điếu thuốc lào. Minh thèm thuốc quá, nhưng lại biết kỷ luật đã quy định, học sinh không được vào chỗ họp khi cán bộ đang bàn bạc công tác, nên đến đây rồi, Minh cũng ngồi ở ngoài. Nhiều lần Minh gặp tôi, tâm sự là anh không thích học động tác đội ngũ: “Cấp trên, bảo làm thì phải làm thôi, chứ học thế này, gò bó, khó chịu quá!”. Tuy miệng nói vậy, nhưng Minh vẫn chịu khó học tập.

Khi lớp đào tạo cán bộ quân sự mở đến khóa thứ ba thì bọn địch đánh hơi thấy. Một sớm tinh sương, chúng từ nhiều ngả kéo quân vào bao vây. Các đồng chí canh gác đã kịp thời phi báo trước khi địch tới. Lớp học tạm giải tán. Một đồng chí trung kiên người Mán, tên là Hy Sinh, đưa anh Hoàng Sâm và tôi lánh lên đỉnh núi Thế Dục. Địch ở chung quanh chân núi. Trên này không có nước, phải chặt cây vầu lấy nước thổi cơm. Ngày hôm sau tôi bàn với các đồng chí cùng đi:

- Ta nên xuống làng xem tình hình thế nào? Đồng chí Hy Sinh bấm đốt ngón tay một lúc rồi nói:

- Giờ này đi không tốt đâu!

Tuy sốt ruột về tình hình địch dưới làng, nhưng biết không nên để các đồng chí phải làm một việc gì miễn cưỡng, tôi nói:

- Ta hãy rời sang một chỗ khác, đợi giờ tốt sẽ đi.

Khi sang chỗ trú chân mới một lúc, tôi hỏi đồng chí Sinh:

- Đồng chí thử xem đã đi được chưa?

Đồng chí Sinh lại bấm ngón tay. Lần này đồng chí nhỏm miệng cười, đáp:

- Đi được rồi!

Trời tối, chúng tôi xuống núi, đứng ở chỗ hẹn tại ven rừng chờ đồng chí Sinh về làng liên lạc.

Khuya khuya, chúng tôi đang ngồi, chợt nghe hai tiếng gõ vào thân cây, tiếng nặng tiếng nhẹ, biết là đồng chí Hy Sinh đã trở về. Chúng tôi ra đón, gặp đồng chí Hy Sinh rất tươi cười. Đồng chí thuật lại:

- Đồng bào nói, địch nó vào đến nhà trường, nó thấy nhà trường to có nhiều giá súng quá, nó chỉ đi sâu thêm một quãng nữa, đến nhà cơ quan thấy có con chó, nó bắt lấy rồi quay vội ra.

Chúng tôi cùng vào giáp làng. Đồng bào mang cơm nước ra. Có những chị lấy cả bát đũa đem cho vì sợ chúng tôi đã đánh mất hết cả đồ dùng khi đi lánh quân địch. Một lát, đồng bào nhất định đòi chúng tôi vào cả trong làng. Các cụ già, các em nhỏ thấy chúng tôi rất mừng rỡ. Có gia đình đã thổi xôi gà để chờ. Một cụ già nói:

- Các con khó nhọc quá! Cả làng không ai việc gì đâu. Nó thấy cái trường của hội to, nó sợ quá, chỉ vào qua một lúc là nó rút lui ngay.

Cũng vào thời gian này, để động viên tinh thần chuẩn bị khởi nghĩa trong nhân dân, nhân dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga, các châu, huyện ở vùng giáp giới Cao Bằng - Bắc Kạn đã tổ chức một đại hội chuẩn bị vũ

trang khởi nghĩa tại khu rừng Phan Thanh thuộc tổng Trần Hưng Đạo. Mặc dầu không khí khủng bố vẫn bao trùm các làng, bản, mấy trăm đại biểu của các dân tộc khắp các châu, huyện vẫn nô nức kéo về dự đại hội. Mười đội tự vệ chiến đấu đã tham gia cuộc biểu diễn quân sự tại đại hội.

XVI

Giữa năm 1944, cuộc khủng bố trắng tàn khốc của đế quốc Pháp đã lên đến cực điểm. Nhân dân Cao - Bắc - Lạng nóng lòng mong đợi tiếng súng của cách mạng để chặn bàn tay cuồng bạo của kẻ thù.

Trên thế giới, chủ nghĩa phát xít đã bị dồn đến bên bờ vực thẳm. Bên châu Âu, sau thất bại lớn của Đức ở Xtalingrát, cuộc phản công lớn của Liên Xô đã bắt đầu. Anh - Mỹ phải mở mặt trận thứ hai để chộp thời cơ trước phát xít Đức đã lâm vào thế cùng đường. Tại Thái Bình Dương, sau những trận đánh nhau lớn trên mặt biển ở đảo Trung Đô và quần đảo Xalômông, phát xít Nhật mất dần các căn cứ hải quân quan trọng ở ngoại vi, bắt đầu bị nguy khốn.

Đầu tháng 7-1944, Chính phủ Pháp do Pêtanh cầm đầu sụp đổ. Đờ Gôn theo sau quân Anh - Mỹ trở về Pháp lập chính phủ mới. Mâu thuẫn giữa Nhật và Pháp ở Đông Dương ngày càng nghiêm trọng. Một cuộc đảo chính để tiêu diệt thế lực của Pháp tại Đông Dương không thể tránh khỏi.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào cách mạng ở trong nước lan rộng, các tổ chức của Việt Minh ngày càng

phát triển. Nhân dân đã thấy rõ thế nào cũng có và phải có một cuộc thay đổi.

Trong thời gian qua, do địch khủng bố dã dội, sự liên lạc với Trung ương ở miền xuôi rất khó khăn, có lúc bị gián đoạn. Trước tình hình đã trở nên rất khẩn trương, tháng 7-1944, Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng triệu tập một cuộc Hội nghị cán bộ để thảo luận về vấn đề khởi nghĩa. Đây là cuộc hội nghị đông đủ nhất từ ngày địch tiến hành khủng bố. Cán bộ phụ trách các địa phương, các đồng chí trong Liên tỉnh ủy: anh Lã, anh Tông, anh Ba... đều về họp. Anh Đồng, anh Vũ Anh cũng có mặt. Điềm lại các mặt quen thuộc, thấy là sự nỗ lực của đế quốc không có kết quả bao nhiêu, hầu hết các cán bộ lãnh đạo của ta đều bảo toàn được.

Hội nghị họp trong một hang núi cao, rộng, giữa một khu rừng đại ngàn. Hội trường được bố trí rất chu đáo. Từ ngoài vào có cổng chào, cột cờ. Bên trong là những dãy bàn họp, nơi ăn, chốn ngủ thơm mát. Các đội vũ trang của các châu đã được điều về phối hợp với các đồng chí Mán ở địa phương canh gác trên khắp các ngã đèo, thành ba lớp ở chung quanh để bảo vệ hội nghị.

Sau bao nhiêu tháng chống chọi với địch, cùng vào sinh ra tử, bây giờ được họp mặt để bàn về một vấn đề mong đợi từ lâu, niềm hân hoan của mọi người thực không có bờ bến. Trong niềm hân hoan đó có lẫn đôi chút tự hào, tự hào cho nhân dân ta, tự hào cho Đảng ta: Rõ ràng sự khủng bố của kẻ địch đã không thể nào thắng được cách mạng.

Bản báo cáo chính trị đọc tại Hội nghị nhận định: “Cần cứ vào tình hình thế giới, tình hình trong nước và tình hình phong trào Cao - Bắc - Lạng, các điều kiện đã chín muồi để phát động chiến tranh du kích trong liên tỉnh”.

Chúng tôi thảo luận về chủ trương khởi nghĩa rất sôi nổi, mặc dù còn những vấn đề công tác cụ thể chưa có cách giải quyết như: Những nơi đã được giải phóng, nếu sau đó lại bị địch chiếm lại thì chống giữ như thế nào, phải có những biện pháp và làm những công tác gì để đánh lâu dài..., những cuộc thảo luận vẫn nhanh chóng đi tới nghị quyết khởi nghĩa. Nhận định của bản báo cáo chính trị đã phù hợp với nguyện vọng nóng bỏng của nhân dân, của cán bộ lâu nay và tình hình chung đang phát triển thuận lợi cho ta. Một đại biểu Nùng thốt ra: “Con đói sữa đã bao lâu rồi, bây giờ mẹ mới cho bú. Phen này nhất quyết tiêu diệt quân thù”.

Để đề phòng những nhận thức sai trong cán bộ và quần chúng, sau khi thảo luận, Hội nghị quyết định dùng danh từ: “phát động du kích chiến tranh” thay cho mấy tiếng “khởi nghĩa”. Mọi công tác chuẩn bị được quy định phải gấp rút tiến hành trong khoảng thời gian hai tháng.

Các địa phương phải hoàn thành chương trình huấn luyện cho các đội trưởng và chính trị viên theo kế hoạch của Liên tỉnh ủy. Ngoài số đội trưởng và chính trị viên hiện đã ở trong hàng ngũ các đội vũ trang, phải huấn luyện thêm một số đội trưởng và chính trị viên để làm lực lượng hậu bị. Tất cả các đồng chí bí mật là nam nữ thanh niên khỏe mạnh đều phải qua lớp huấn luyện. Liên tỉnh

ủy phụ trách huấn luyện cho các trung đội trưởng và đại đội trưởng.

Mỗi xã lựa chọn từ ba đến năm hội viên trung kiên, có uy tín trong quần chúng để dự lớp huấn luyện công tác hậu phương chống Nhật và công tác chính quyền, chuẩn bị khi phát động sẽ thành lập chính quyền nhân dân lâm thời.

Toàn thể lực lượng tự vệ chiến đấu đều gia nhập các đội du kích. Các đội du kích chia làm hai bộ phận: một bộ phận tham gia ngay lúc phát động, một bộ phận làm hậu bị. Tất cả đều ghép sẵn thành tiểu đội, trung đội ráo riết luyện tập; vũ khí, lương thực sẵn sàng.

Phong trào mua sắm và chế tạo thêm vũ khí, nhất là lựu đạn, lại càng sôi nổi. Mỗi khẩu súng kíp dự trữ sẵn 150 liều đạn. Lương thực tích trữ đủ sáu tháng, một phần làm thành lương khô, đủ ăn từ mùa lúa năm nay đến mùa lúa năm sau.

Các châu ủy và huyện ủy chỉnh đốn lại những đường giao thông bí mật, các ban trinh sát tiến hành huấn luyện tình báo phổ thông cho nhân dân.

Nhân dân Cao - Bắc - Lạng trong suốt mấy năm qua trước sự khủng bố dã man của giặc, đã có nhiều kinh nghiệm làm vườn không nhà trống ở miền rừng núi cũng như ở miền đồng bằng thung lũng. Nhiều nơi đồng bào đã tìm ra cách giấu thóc dưới hầm hai năm liền không bị mục. Lần này, Liên tỉnh ủy đã chỉ thị, chỉnh đốn lại các ban vườn không nhà trống hàng xã và hàng tổng. Các tổ chức này sẽ nắm tình hình người và của tại địa phương, chuẩn bị chu đáo trước một kế hoạch vườn không nhà

trống triệt để khi phát động. Một nguyên tắc đề ra cho việc tản cư nhân dân là phải tổ chức sao cho đồng bào có điều kiện tham gia sản xuất và ủng hộ mặt trận.

Các đội vũ trang nhận lệnh đánh lui những cuộc tấn công của địch, thực hiện nghị quyết *làm chủ các vùng rừng núi*.

Liên tỉnh thành lập Ủy ban quân sự để đôn đốc công việc chuẩn bị, thu thập tài liệu về địch tình, và nghiên cứu kế hoạch phát động.

Cán bộ và đảng viên đều dốc sức vào công việc chuẩn bị.

Cách mạng quả là ngày hội của những người bị áp bức. Nhân dân các nơi reo mừng khi nghe phổ biến nghị quyết phát động chiến tranh du kích. Một luồng gió phấn khởi nổi lên khắp Cao - Bắc - Lạng. Trước mắt quân địch, các làng bản, các rừng núi vẫn yên lặng, âm thầm cam chịu những đau thương, tai họa do chúng gây nên. Nhưng bên trong, từng làng, từng bản, mọi công việc chuẩn bị đang được tiến hành rất khẩn trương, sôi nổi. Đồng bào góp thóc cho du kích vượt quá mức dự định. Có bà cụ bán phần lớn gia sản để mua súng cho con trai và con gái. Ở nhiều châu, huyện, các cụ cao tuổi họp lại biểu quyết toàn thể thanh niên nam nữ phải tòng quân lúc đoàn thể kêu gọi, phụ nữ và người già ở lại hậu phương sẽ đảm đương nhiệm vụ tăng gia sản xuất.

Nhân dân sống những giờ phút hy vọng, hồi hộp của thời tiền khởi nghĩa.

Tại Kim Mã, chúng tôi đã họp nhiều cuộc mít tinh để giải thích cho đồng bào rõ, phát động không phải sẽ thành công ngay, mà còn phải phấn đấu, còn phải hy sinh, lắm khi từng nơi sẽ gặp những thất bại tạm thời, sau khi phát động, nhân dân sẽ gặp nhiều khó khăn thiếu thốn trong đời sống, sẽ còn phải lâm than khổ sở nhiều.

Tháng 9.

Mùa gặt sắp xong.

Kế hoạch chuẩn bị đã thực hiện được một phần lớn. Tiếng súng vũ trang hành động đã nổ ở nhiều nơi. Nhân dân Cao - Bắc - Lạng đang ở trong một tình trạng chờ đợi căng thẳng. Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng đang trù tính một cuộc hội nghị cuối cùng để quyết định ngày giờ phát động cuộc chiến tranh du kích, thì lúc ấy có tin Bác về nước.

XVII

Tôi cùng anh Vũ Anh lên Pắc Bó. Những ngày qua đã được tin chắc chắn Bác thoát khỏi tù ngục của bọn Quốc dân Đảng Tưởng Giới Thạch, và đã trở về nước. Nhưng trên đường đi vẫn hồi hộp. Khi được nhìn thấy Bác ở trong căn lán nhỏ trên sườn một quả đồi, mới thật tin là sự thực.

Bác vẫn như xưa với bộ quần áo chàm của đồng bào Nùng. Nhìn lâu, thấy Bác có gầy và già hơn trước. Không biết lấy gì so sánh với nỗi mừng khi được gặp lại Bác.

Hai năm trước đây, Bác lấy danh nghĩa là người đại diện của Việt Nam Độc lập Đồng minh sang Trung Hoa để gặp nhà đương cục Quốc dân Đảng, nhưng thật ra là Bác đi gặp Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Dọc đường, bọn Quốc dân Đảng khám xét, thấy đồng chí Trung Quốc đi cùng Bác không có giấy tờ, chúng bắt cả hai người. Chúng buộc cho Bác tội Hán gian. Trong hơn một năm trời rơi vào tay bọn Tưởng, chúng đã chuyển Bác qua hàng chục nhà giam, bắt Bác phải chịu đựng mọi sự hà khắc của chế độ nhà tù Quốc dân Đảng. Có thời gian mắt Bác mờ đi, chân bước không vững. Sau nhờ những kinh nghiệm đấu tranh dày dặn của Bác, kết hợp với phong trào đấu tranh của các đoàn thể trong nước và của Việt

kiều, bọn Tưởng cũng không tìm được chứng cứ gì để buộc tội, đành phải trả lại tự do cho Bác. Từ Liễu Châu, Bác tìm cách trở về nước.

Những chuyện về thời kỳ Bác bị bắt, sau này chúng tôi mới biết nhiều, lúc đó Bác chỉ kể qua rồi hỏi ngay về tình hình cách mạng ở trong nước.

Anh Vũ Anh báo cáo về phong trào trong liên tỉnh, nói rõ những khó khăn rất lớn trong việc liên lạc với Trung ương ở miền xuôi, và ngay cả với khu căn cứ Bắc Sơn - Vũ Nhai từ sau khi anh Tấn tới Lam Sơn liên lạc trở về; sau đó, báo cáo về nghị quyết vũ trang khởi nghĩa của liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng. Tôi cũng báo cáo tình hình con đường Nam tiến bị gián đoạn sau ngày gặp anh Tấn tại vùng giáp giới hai tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang, rồi trình bày về tình hình đấu tranh chống khủng bố trong thời gian qua, cơ sở đảng, cơ sở quần chúng, cơ sở vũ trang lúc đó.

Chúng tôi báo cáo xong, Bác nói: “Phong trào lên, địch khủng bố là chuyện tất nhiên, nhưng có phần vì ta bộc lộ lực lượng”. Bác nhắc lại những cuộc duyệt binh huy động đến hàng ngàn người.

Sau đó, Bác nhận xét nghị quyết của liên tỉnh: “Chủ trương phát động chiến tranh du kích ở Cao - Bắc - Lạng là mới chỉ căn cứ vào tình hình địa phương mà chưa căn cứ vào tình hình cụ thể trong cả nước, mới chỉ thấy bộ phận mà chưa thấy toàn cục. Trong điều kiện bây giờ, nếu phát động ngay nhân dân nhất tề nổi lên đánh du kích theo quy mô và phương thức đã định trong nghị quyết, thì

sẽ gặp nhiều khó khăn, có thể còn khó khăn hơn thời kỳ bị khủng bố vừa rồi. Bởi vì, các địa phương khác trong toàn quốc tuy phong trào cách mạng đang lên cao nhưng hiện chưa nơi nào có điều kiện vũ trang chiến đấu để sẵn sàng hưởng ứng: tình hình khu căn cứ Bắc Sơn - Vũ Nhai ra sao, cũng chưa nắm được. Quân khởi nghĩa Cao - Bắc - Lạng đơn độc dấy lên, nhất định đế quốc sẽ mau chóng tập trung lực lượng đàn áp. Riêng về mặt quân sự, thì cũng không theo đúng nguyên tắc tập trung lực lượng; cán bộ, vũ khí đều phân tán, thiếu hẳn một lực lượng nòng cốt”.

Những nhận xét của Bác đã giúp chúng tôi nhìn rõ vấn đề. Thực ra, trong những ngày qua, tiến hành chuẩn bị phát động chiến tranh du kích, tuy mọi người đều phấn khởi, nô nức, nhưng cũng đã thấy xuất hiện khá nhiều câu hỏi quan trọng chưa giải đáp được. Cho đến nay, cuộc đàn áp của binh lính địch vẫn nhằm chủ yếu vào những người hoạt động cách mạng và những người chúng nghi có liên quan với cách mạng; nói chung, trong khi chúng khủng bố, nhân dân vẫn ở lại làng bản làm ăn. Nhưng nếu phát động chiến tranh du kích toàn dân, chúng sẽ tiến công vào từng làng, từng bản, từng địa phương, khi đó sẽ giải quyết vấn đề bảo vệ nhân dân, tản cư nhân dân ra sao? Nếu đưa nhân dân vào rừng thì tổ chức cuộc sống mới tại đây như thế nào? Làm cách nào để nhân dân có thể tiếp tục tăng gia sản xuất nếu cuộc khủng bố kéo dài ngày?... Những vấn đề này tại hội nghị lên tỉnh đều chưa được bàn bạc kỹ lưỡng và chưa đề ra những giải pháp cụ thể.

Bác nhận định: “Bây giờ thời kỳ cách mạng hòa bình phát triển đã qua, nhưng thời kỳ toàn dân khởi nghĩa chưa tới. Nếu bây giờ chúng ta vẫn chỉ hoạt động bằng hình thức chính trị thì không đủ để đẩy mạnh phong trào đi tới. Nhưng phát động vũ trang khởi nghĩa ngay thì quân địch sẽ tập trung đối phó. Cuộc đấu tranh bây giờ phải là từ hình thức chính trị tiến lên hình thức quân sự. Song hiện nay chính trị còn trọng hơn quân sự. Phải tìm ra một hình thức thích hợp thì mới có thể đẩy phong trào tiến lên. Nếu phát động đấu tranh mà mỗi khi địch đến, nhân dân lại phải tản cư vào rừng núi, thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Phải làm sao, cứ hoạt động vũ trang mà dân ở đâu cứ ở đấy sản xuất, chỉ cần tăng cường canh gác đề phòng không để địch bắt, hại những người hoạt động...”.

Rồi Bác đề ra một cách giải quyết: “Lực lượng vũ trang của ta hiện nay đã ít lại phân tán quá. Bây giờ nên tập hợp những cán bộ, chiến sĩ anh dũng nhất, những vũ khí tốt nhất, tổ chức thành một đội vũ trang tập trung để hoạt động. Ta sẽ dùng hình thức vũ trang để gây ảnh hưởng cách mạng sâu rộng trong quần chúng. Tác chiến nhằm gây được ảnh hưởng tốt về chính trị, do đó mà mở rộng cơ sở, phát triển lực lượng vũ trang. Chúng ta sẽ lập đội quân giải phóng...”.

Ngay trong buổi họp đó, tôi được chỉ định đảm nhiệm công tác này.

Rồi Bác hỏi:

- Việc này chú Văn phụ trách, chú Văn có thể làm được không?

Tôi đáp:

- Có thể được.

Tôi trình bày cơ sở chính trị và vũ trang tại vùng giáp giới hai tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, từ Nguyên Bình đến Ngân Sơn, Chợ Rã, từ Tĩnh Túc, Phia Uắc đến Phia Bioóc. Cơ sở quần chúng tại vùng này rất tốt, qua suốt thời kỳ khủng bố của địch vẫn vững vàng, cơ sở lực lượng vũ trang cũng tốt.

Trước khi quyết định, Bác hỏi:

- Có thể tìm được một căn cứ “tiến khả dĩ công, thoái khả dĩ thủ”, mình còn yếu, địch mạnh, nhưng nhất định không để địch tiêu diệt, có thể như thế được không?

Tôi đáp:

- Có thể. Nhất định quân địch không thể tiêu diệt ta được.

Khi trả lời Bác như vậy, tôi đã nghĩ đến sức mạnh vô cùng to lớn của đồng bào, nghĩ đến lòng yêu nước tha thiết, có thể hy sinh tất cả vì Tổ quốc, của những người dân đã được Đảng giác ngộ. Lòng yêu nước và tinh thần hy sinh đó, tôi càng thấy rõ hơn sau những ngày khủng bố đẫm máu của quân thù.

Đêm hôm ấy, chúng tôi nằm nghe Bác nói chuyện rất khuya. Trên núi cao, cái rét của mùa đông đến sớm hơn. Trong căn lều lạnh giá, không đèn đóm, Bác và chúng tôi, mỗi người gói đầu lên một khúc gỗ cứng. Bác phác ra những nét chính về đội Việt Nam Giải phóng quân, từ tổ chức đến phương châm hành động, và vấn đề cung cấp lương thực, đạn dược. Bác hướng dẫn cho tôi làm một bản

kế hoạch. Bác dặn đi dặn lại nhiều lần: “Phải dựa vào dân, dựa chắc vào dân thì kẻ địch không thể nào tiêu diệt được. Tổ chức của đội phải lấy chi bộ đảng làm hạt nhân lãnh đạo”. Chuyện trò hào hứng đến hai, ba giờ sáng.

Sáng hôm sau, tôi cùng anh Lê Quảng Ba lên mỏm núi sau cơ quan trao đổi kế hoạch. Chúng tôi thấy lúc đầu nên tổ chức ra một trung đội gồm ba tiểu đội. Lực lượng sẽ rút ra từ các đội vũ trang các châu Hà Quảng, Hòa An, Nguyên Bình. Chúng tôi trao đổi từng tên các chiến sĩ. Phần lớn các học sinh quân ở Trung Quốc sắp về cũng sẽ được đưa vào đội. Cán bộ phụ trách thì chọn trong các đội vũ trang châu và học sinh quân. Những hoạt động đầu tiên của đội sẽ nhằm đánh vào một vài đồn địch, cướp súng đạn của giặc, phải đánh thắng thật giòn giã để khuếch trương thanh thế. Nguồn cung cấp sẽ dựa vào nhân dân.

Buổi chiều, cuộc họp lại tiếp tục. Chúng tôi báo cáo lại kế hoạch đã dự tính. Nghe xong, Bác nói:

- Được. Tình hình quốc tế đang có nhiều điều kiện thuận lợi. Trong vòng một tháng phải có hoạt động. Trận đầu nhất định phải thắng lợi.

Đúng vào dịp này, anh chị Tống Minh Phương và bà con Việt kiều ở Côn Minh lại mới gửi về một số vũ khí: 1 khẩu tiểu liên Mỹ *Sub Machine gun* và 150 viên đạn, 6 quả bom lửa, 1 hộp bom nổ chậm. Cùng với số vũ khí này, chúng tôi còn được nhận thêm 500 đồng để chi phí về quân nhu.

Sau khi suy nghĩ, Bác đề nghị thêm hai chữ “tuyên truyền” vào tên đội quân giải phóng cho đúng với nhiệm vụ hiện tại của nó.

Chúng tôi được giao trách nhiệm điều động tất cả 34 đội viên và cán bộ trong các đội vũ trang địa phương, 2 khẩu súng thập, 17 khẩu súng trường, vừa giáp năm, giáp ba, vừa khai hậu và súng Tàu chế tạo, 14 khẩu súng kíp.

Thế là Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân ra đời.

Như vậy, trong toàn khu Cao - Bắc - Lạng sẽ có ba hình thức tổ chức của lực lượng vũ trang: Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân là đội chủ lực, các châu có đội vũ trang của châu, tại xã có những đội tự vệ nửa vũ trang.

Chúng tôi có hỏi Bác: “Đội tuyên truyền hoạt động theo kế hoạch của liên tỉnh, khi tới một địa phương thì quan hệ giữa đội chủ lực và các lực lượng vũ trang địa phương ra sao?”.

Bác nói: “Thống nhất chỉ đạo cả chủ lực và địa phương. Ba lực lượng ấy đoàn kết phối hợp chặt chẽ với nhau. Đội chủ lực có nhiệm vụ dìu dắt, giúp đỡ các đội địa phương trưởng thành”. Điều Bác nói đó, chính là phương châm xây dựng lực lượng vũ trang của Đảng, chúng ta đã thực hiện trong suốt cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ của toàn dân và đã thấy được những hiệu lực vô cùng mạnh mẽ.

Anh em trong cơ quan mấy ngày trước đã nghe ngóng thấy Bác không đồng ý với nghị quyết phát động chiến tranh du kích của Liên tỉnh ủy, kém phần phấn khởi, lúc này được biết quyết định mới của Bác, vui hẳn lên.

Một buổi sớm đầu tháng chạp, chúng tôi từ già Bác, trở về. Bác căn dặn chúng tôi một lần nữa: “Nhớ bí mật: ta ở đông, địch tưởng ta ở tây. Lai vô ảnh, khứ vô tung”.

Trong đầu chúng tôi đã hiện lên một viễn ảnh huy hoàng về tương lai của đội quân cách mạng, và thấy cần làm sao cho viễn ảnh đó sẽ trở thành sự thật chứ không phải chỉ là một hình ảnh nằm trong mơ ước. Dọc đường, tôi nghĩ đến những lời tuyên thệ đội quân giải phóng sẽ đọc dưới cờ. Tôi nhớ tới những lời thề danh dự của đội du kích Pháp chống phát xít Đức do Đảng Cộng sản Pháp lãnh đạo.

Qua Hà Quảng, ghé vào gặp đội vũ trang châu để điều động một số đồng chí theo kế hoạch đã định tại Pắc Bó. Tại đây, chúng tôi gặp anh Hoàng Văn Thái và một số học sinh quân mới từ Trung Quốc về nước. Những đồng chí được điều động rất phấn khởi. Anh em gặp nhau trong một khu rừng già. Chúng tôi ngồi cả trên một phiến đá lớn và phẳng, dưới một vòm cây cổ thụ, nói chuyện. Một đồng chí đi bán mấy con khỉ, đem về làm thức ăn cho bữa cơm liên hoan.

Số người đã hơi đông, đi cả đoàn không tiện, chúng tôi chia thành mấy nhóm nhỏ cùng về liên tỉnh.

Trong thời gian tiến hành công cuộc chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa, liên tỉnh cũng đã nhìn thấy những khó khăn, khi nghe chúng tôi phổ biến quyết định của cuộc họp tại Pắc Bó, các đồng chí đều hoan nghênh và rất vui mừng. Chúng tôi cùng Liên tỉnh ủy trao đổi kế hoạch về việc điều động lực lượng. Liên tỉnh ủy lập tức ra chỉ thị cho các châu

tích cực đóng góp, giúp đỡ mọi mặt trong việc xây dựng đội tuyên truyền, và gấp rút điều tra tình hình các đồn địch tại địa phương.

Khi chúng tôi về qua Lam Sơn, vào gặp đội vũ trang để điều động một số đồng chí, thì các đồng chí ở đây biết tin từ trước, đã sẵn sàng đón đợi chúng tôi đến để cùng lên đường.

XVIII

Chúng tôi trở về tổng Hoàng Hoa Thám. Các đồng chí đi trước đã chọn một địa điểm trú quân tại trong rừng. Anh em làm cấp tốc mấy cái lán. Đồng bào địa phương giúp đỡ hoàn toàn về lương thực, cơm nước. Ba, bốn trạm đón tiếp được tổ chức trên mấy đỉnh núi, giáp giới Cao Bằng, Bắc Cạn để đón cán bộ, đội viên từ các châu tiếp tục về tập trung.

Chi bộ đảng của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân thành lập, lúc đầu gồm các đồng chí: Xích Thắng, Hoàng Sâm, Hoàng Văn Thái và tôi. Đồng chí Xích Thắng làm thư ký chi bộ.

Ban chỉ huy đội được chỉ định: Đồng chí Hoàng Sâm, đội trưởng; đồng chí Xích Thắng, chính trị viên.

Để thi hành đúng chỉ thị của Bác: “Trong vòng một tháng phải có hoạt động để gây tin tưởng cho các chiến sĩ và gây truyền thống hành động tích cực nhanh chóng cho bộ đội”, chúng tôi họp bàn kế hoạch tác chiến, và quyết định sẽ chiến đấu ngay sau khi thành lập đội.

Vấn đề đặt ra là đánh đâu? Có ý kiến nêu lên là không nên đánh vào những nơi có cơ sở của ta để tránh cho cơ sở bị địch khủng bố. Nhưng khi bàn, thấy đánh vào nơi

không có cơ sở thì chuẩn bị sẽ rất khó khăn, không nắm được địch tình, khi đánh thiếu sự giúp đỡ của nhân dân, khó bảo đảm thắng lợi. Chúng tôi nhận thấy trận đánh đầu tiên chỉ có thể thành công nên đánh vào những nơi có cơ sở nhân dân thật tốt, giúp đỡ cho đội chuẩn bị thật chu đáo. Các đồng chí tại các địa phương có địch đóng, đều yêu cầu cứ đánh, còn đối với sự khủng bố của kẻ địch, chỉ cần có một kế hoạch đề phòng cho nhân dân.

Một điều rất quan trọng khác phải bàn bạc là đánh cách nào? Trong trận đầu chúng ta phải giành được thắng lợi mà không để bị tổn thất nặng nề về người cũng như về vũ khí. Lực lượng của ta trong thời kỳ trứng nước còn rất mỏng manh. Vũ khí đã thiếu, đạn dược càng thiếu hơn. Mỗi khẩu súng trường chỉ có trung bình hai mươi viên đạn. Chỉ cần đánh một hai trận, là sẽ bắn đến viên đạn cuối cùng, và khi đó khẩu súng trường, thứ vũ khí chủ lực của đội, sẽ trở nên vô dụng. Khi bàn bạc thấy, nếu đánh phục kích các đội quân lưu động của địch thì tương đối dễ đạt thắng lợi và bộ đội cũng đỡ bị tổn thất. Nhưng cũng lại thấy, đánh phục kích thì chỉ có thể thu được một số súng mà không giải quyết được vấn đề đạn dược. Bọn chỉ huy người Pháp vốn không tin ở binh lính người Việt, khi đi tuần tiễu chúng chỉ phát cho mỗi tên lính từ năm đến mười viên đạn. Về vũ khí lúc này, súng chưa quan trọng bằng đạn dược. Mặt khác, muốn đánh phục kích phải có thời gian mới gặp hoặc tạo nên được cơ hội, như vậy sẽ khó hoàn thành nhiệm vụ trong vòng một tháng. Cuối cùng chúng tôi đi đến quyết định, trong mấy trận đầu phải tập

kích vào đồn trại của địch để chiếm lấy đạn dược, mặc dầu đánh tập kích khó khăn hơn.

Một số đồn trại địch đóng trên dưới một trung đội trong vùng Kim Mã và Cẩm Lý được chọn để tiến hành công tác điều tra: đồn Phai Khắt và đồn Nà Ngần.

Các đồng chí Hồng Quân, Đức Long được phái đi trinh sát. Thực ra, các làng địch đóng đồn là quê của nhiều đồng chí trong đội. Địch ở Phai Khắt đóng chính ngay tại nhà đồng chí Lạc. Anh em có thể vẽ lấy sơ đồ đồn địch, rồi phái một số đồng chí đến nơi đối chiếu lại, là biết rõ địa hình. Việc khó khăn hơn là làm sao đột nhập đồn địch, điều tra cách bố trí, sắp đặt bên trong, và mọi quy luật hoạt động, sinh hoạt hằng ngày của chúng. Người trinh sát đầu tiên của đội lọt vào đồn là em bé Hồng.

Hồng mới mười hai tuổi. Ngày ngày, em phải mang bánh và rượu vào cho tên quan Tây trong đồn. Em đã lân la trò chuyện với lính địch, xem kỹ kho lương, kho đạn, nơi ăn ngủ, nơi canh gác, giờ giấc sinh hoạt, tập hợp của địch. Đêm đêm, em luôn ra khỏi lũy tre làng đến báo cáo với đội.

Căn cứ vào những quy luật hoạt động của địch tại vùng này, chúng tôi bàn nhau thấy có thể tìm cách cải trang làm lính đồng để đột nhập đồn địch.

Các đồng chí trung kiên dưới làng đi tìm gặp những hội viên là lính đồng hoặc trước kia đã đi lính đồng, mượn ba chục bộ quần áo. Cũng phải tìm một số hội viên là cựu binh sĩ, mượn thêm mấy bộ quần áo kaki cải trang thành lính tập vì những đoàn lính đồng đi tuần bao giờ cũng có

lính tập đi kèm. Ngoài ra, còn phải chuẩn bị một số nón lính. Các chị ở dưới làng lên, mang theo vải chàm và kim chỉ để khâu áo nón. Nón của đồng bộc vải chàm, có viền vành trắng và điểm một miếng tròn trắng trên chóp. Khi qua cơ quan in báo *Việt Nam độc lập*, tôi đã mượn máy chữ ngồi đánh tờ “giấy đi tuần” giả. Các đồng chí tại cơ quan đã cắt củ khoai, trở một con dậu rất khéo, đóng đở chót bên cạnh chữ ký. Hồi đó, những giấy giới thiệu đánh bằng máy chữ là loại giấy có giá trị.

Ba chiếc lán trên sườn núi đã làm xong. Các đồng chí nhận lệnh điều động đã về đầy đủ. Bà con hội viên ở dưới làng có nhiệm vụ đi lại nơi trú quân để giúp đỡ đội, lần đầu thấy quân cách mạng tập trung đông đảo như vậy, súng ống lại nhiều, đều hết sức phấn khởi. Không khí tấp nập như ngày hội.

Chúng tôi tiếp tục hoàn thành việc thảo những lời thề và những điều kỷ luật của đội.

Mọi việc chuẩn bị đã xong.

Một ngày trước lễ thành lập đội, chúng tôi nhận được một bức thư nhỏ của Bác đặt trong một bao thuốc lá. Giở ra, đó là chỉ thị của Bác về việc thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.

“1. Tên *Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân* nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự. Nó là đội tuyên truyền. Vì muốn hành động có kết quả thì về quân sự, nguyên tắc chính là nguyên tắc tập trung lực lượng, cho nên, theo chỉ thị mới của Đoàn thể, sẽ chọn lọc trong hàng ngũ những du kích Cao - Bắc - Lạng số cán bộ và

đội viên kiên quyết, hăng hái nhất và sẽ tập trung một phần lớn vũ khí để lập ra đội chủ lực.

Vì cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến của toàn dân cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân, cho nên trong khi tập trung lực lượng để lập một đội quân đầu tiên, cần phải duy trì lực lượng vũ trang trong các địa phương cùng phối hợp hành động và giúp đỡ về mọi phương diện. Đội quân chủ lực trái lại có nhiệm vụ diu dắt cán bộ vũ trang của các địa phương, giúp đỡ huấn luyện, giúp đỡ vũ khí nếu có thể được, làm cho các đội này trưởng thành mãi lên.

2. Đối với các đội vũ trang địa phương: đưa các cán bộ địa phương về huấn luyện, tung các cán bộ đã huấn luyện đi các địa phương, trao đổi kinh nghiệm, liên lạc thông suốt, phối hợp tác chiến.

3. Về chiến thuật: vận dụng lối đánh du kích, bí mật, nhanh chóng, tích cực, nay Đông mai Tây, lai vô ảnh, khứ vô tung.

Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân là đội quân đàn anh, mong cho chóng có những đội quân đàn em khác.

Tuy lúc đầu quy mô của nó còn nhỏ, nhưng tiền đồ của nó rất vẻ vang. Nó là khởi điểm của giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 3, tr. 507-508.

XIX

22-12-1944.

5 giờ chiều. Lễ thành lập đội cử hành trong một khu rừng nằm giữa hai tổng Trần Hưng Đạo và Hoàng Hoa Thám. Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đã ra đời dưới sự che chở của anh linh hai đấng anh hùng dân tộc.

Giữa mùa đông, khí trời nơi non cao lạnh buốt. Trong khu rừng đại ngàn với những hàng cây cao thẳng tắp, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, lần đầu tập hợp đội ngũ chỉnh tề, dưới lá cờ đỏ sao vàng tươi thắm.

Đại diện Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng cùng với rất đông đại biểu nhân dân Tày, Mán, Nùng của hai tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn đến tham dự, đứng thành hai hàng bên bộ đội.

Tôi được ủy nhiệm thay mặt Đoàn thể tuyên bố thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân và vạch rõ nhiệm vụ của đội đối với Tổ quốc:

“Các đồng chí!

Nhiệm vụ mà Đoàn thể ủy thác cho chúng ta là nhiệm vụ quan trọng và nặng nề. *Chính trị trọng hơn quân sự,*

tuyên truyền trọng hơn tác chiến, nhiệm vụ ấy có tính chất là một nhiệm vụ giao thời. Vận dụng vũ trang tuyên truyền để kêu gọi toàn dân đứng dậy, chuẩn bị cơ sở chính trị và quân sự cho cuộc khởi nghĩa sau này.

Thế là từ phút này trở đi, chúng ta cùng nhau tiến lên con đường vũ trang tranh đấu. Chúng ta nêu cao tinh thần anh dũng hy sinh. Chúng ta quyết tiến tới để làm tròn nhiệm vụ. Bao nhiêu căm hờn của dân tộc, bao nhiêu sự tàn khốc thê thảm đang chờ đợi một cuộc thanh toán. Chúng ta nguyện đem xương và máu ra làm công việc đó. Chúng ta sẽ vạch cho toàn dân con đường sống duy nhất là con đường đoàn kết để vũ trang đứng dậy. Quân Giải phóng sẽ tỏ rằng mình là một đội quân của dân, của nước, đi tiên phong trên con đường giải phóng của dân tộc.

... Quân giải phóng là một đội quân rất trọng kỷ luật, tuyệt đối phục tùng thượng lệnh, là một đội quân giàu tinh thần đoàn kết, đồng cam cộng khổ. Kinh nghiệm chúng ta còn non, nhưng có làm mới có kinh nghiệm và làm tất nhiên sẽ có kinh nghiệm. Chúng ta tin tưởng ở thắng lợi.

... Theo chỉ thị của Đoàn thể, dưới lá cờ đỏ sao vàng năm cánh, tôi xin tuyên bố: Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân thành lập và hạ lệnh cho các đồng chí tiến lên con đường vũ trang tranh đấu.

Từ giờ phút này, các đồng chí sẽ noi theo ngọn cờ, tiến lên trên con đường máu. Chúng ta tiến, tiến mãi cho đến ngày giải phóng của toàn “dân”.

Đồng chí đại diện Liên tỉnh ủy đọc thư chúc mừng tin tưởng đội sẽ hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang mà Đoàn thể giao phó. Đại diện các tổ chức nông dân, thanh niên, phụ nữ, các đội vũ trang địa phương đều lên chúc mừng đội quân giải phóng bằng những lời lẽ cảm động, đầy tin tưởng và thương yêu.

Rồi đến lễ tuyên thệ.

Đứng dưới cờ, lòng tràn đầy tin tưởng, chúng tôi đồng thanh đọc mười lời thề danh dự:

“Chúng tôi, đội viên Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, xin lấy danh dự của một người chiến sĩ cứu quốc mà thề dưới lá cờ đỏ sao vàng năm cánh.

Xin thề:

1. Hy sinh tất cả vì Tổ quốc Việt Nam, chiến đấu đến giọt máu cuối cùng để tiêu diệt bọn phát xít Nhật, Pháp và bọn Việt gian phản quốc, làm cho nước Việt Nam trở nên một nước độc lập và dân chủ, ngang hàng với các nước dân chủ trên thế giới.

2. Tuyệt đối phục tùng mệnh lệnh của cấp chỉ huy, khi nhận được mệnh lệnh gì, sẽ tận tâm, tận lực thi hành cho nhanh chóng và chính xác.

3. Bao giờ cũng kiên quyết chiến đấu, dù gian lao khổ sở cũng không phàn nàn, vào sống ra chết cũng không sờn chí, khi ra trận quyết chí xung phong, dù đầu rơi máu chảy cũng không lùi bước.

4. Lúc nào cũng khẩn trương, hoạt bát, hết sức học tập để tự rèn luyện thành một quân nhân cách mạng, xứng đáng là một người chiến sĩ tiên phong giết giặc cứu nước.

5. Tuyệt đối giữ bí mật cho bộ đội về nội dung tổ chức, về các cấp chỉ huy, tuyệt đối giữ bí mật cho tất cả các đoàn thể cứu quốc.

6. Khi ra trận nếu bị quân địch bắt được, thì dù bị cực hình tàn khốc thế nào cũng cương quyết một lòng trung thành với sự nghiệp giải phóng của toàn dân, không bao giờ cung khai phản bội.

7. Hết sức ái mộ bạn chiến đấu cũng như bản thân, hết lòng giúp đỡ nhau lúc thường cũng như lúc ra trận.

8. Hết sức giữ gìn vũ khí, không bao giờ để vũ khí hư hỏng hay rơi vào tay quân thù.

9. Khi tiếp xúc với dân chúng sẽ làm đúng ba điều răn: không lấy của dân - không dọa nạt dân - không quấy nhiễu dân, và ba điều nên: kính trọng dân - giúp đỡ dân - bảo vệ dân để gây lòng tin cậy đối với dân chúng, thực hiện quân dân nhất trí, giết giặc cứu nước.

10. Bao giờ cũng nêu cao tinh thần tự phê bình, giữ tư cách cá nhân mô phạm, không làm điều gì hại đến thanh danh Giải phóng quân và quốc thể của Việt Nam”.

Sau từng lời thề, những tiếng hô “*Xin thề!*” lại đồng thanh cất lên mạnh mẽ, vang động cả khu rừng.

Tâm tư của chúng tôi trong những giờ phút thiêng liêng đó thực khó tả. Bao nhiêu chiến công oanh liệt của ông cha đời trước, của các chiến sĩ cách mạng, của nhân dân ta, phút chốc hiện ra rục rĩ trong ký ức. Nợ nước, thù nhà, oán hờn dân tộc, căm thù giai cấp, làm cho máu nóng trong người như sắp sôi lên. Chúng tôi quên đi chúng tôi là ba mươi tư con người với những súng ống thô sơ, mà

thấy đây là cả một đoàn quân gang thép, rắn chắc, không sức mạnh nào khuất phục nổi, sẵn sàng quật nát kẻ thù. Tin tưởng, náo nức, cảm động.

Nhân dân và các đoàn thể đem tới rất nhiều quà ủy lạo. Nhưng bữa chiều hôm đó, theo yêu cầu của số đông anh em, chúng tôi ăn một bữa cơm nhạt, không rau không muối, để nêu cao tinh thần khắc khổ của những người chiến sĩ cách mạng.

Tối hôm đó là đêm du kích đầu tiên. Cùng tham gia với chúng tôi, ngoài những đồng chí trong biên chế của đội, còn có nhiều đồng chí đại diện cho các đội tự vệ vũ trang và các đoàn thể nhân dân địa phương.

Bộ đội và đồng bào quây quần chung quanh ngọn lửa hồng đỏ rực giữa khu rừng đầy sương mùa đông với những trận gió heo may lạnh lẽo. Cuộc liên hoan bắt đầu trong một không khí đầm ấm và cảm động. Các chiến sĩ Giải phóng quân và một số đồng chí đại biểu khác lần lượt giới thiệu bí danh, tiểu sử của mình và phát biểu nguyện vọng đầu tiên trong giờ phút mới tòng quân.

Thực là một đội quân kỳ lạ. Không người nào là không mang một mối hận thù với đế quốc. Hoặc nhà cửa bị đốt, của cải bị tịch thu, hoặc cha anh chị em bị bắt, bị bắn, còn chính mình nếu chưa trải qua lao tù thì cũng là những kẻ đang bị truy nã, đầu bị treo thưởng hàng vạn đồng, hàng trăm đấu muối.

Đội trưởng Hoàng Sâm, thoát ly gia đình từ nhỏ tham gia hoạt động cách mạng, đã qua Xiêm La¹, Trung Quốc

1. Thái Lan bây giờ.

rồi lại trở về nước hoạt động. Qua nhiều năm bị đế quốc truy nã, anh vẫn lăn lộn trong đồng bào Kinh, Thổ, Mán, Nùng, nhiều lần vũ trang chiến đấu đánh vào các đội quân tuần tiễu của Pháp, làm cho bọn thổ phỉ cũng phải kinh sợ.

Chính trị viên Xích Thắng, con của một gia đình nông dân, dân tộc Thổ, hoạt động từ lâu trong phong trào bí mật, nhà cửa bị tịch thu, gia đình bị truy nã, đã nhiều lần chết hụt trước mũi súng của quân đội đế quốc.

Đồng chí Hoàng Văn Thái, xuất thân từ một gia đình nông dân, một đồng chí cách mạng lâu năm đã hoạt động trong vùng Đình Cả - Bắc Sơn, phụ trách học sinh quân ở nước ngoài mới về.

Đồng chí Lâm Cẩm Như, vốn là cháu đích tôn của cụ Nguyễn Thượng Hiền, sinh ra và lớn lên nơi đất khách, mặc dầu chưa thạo tiếng Việt, nhưng tấm lòng vẫn gắn liền với Tổ quốc Việt Nam.

Các đồng chí Xuân Trường, Thu Sơn, Quốc Chung, Vũ Lập... những thanh niên lúc nào cũng tươi cười, vui vẻ, không hề nao núng khi nghe tin làng mạc bị đốt phá, nhà cửa bị tan, sẵn sàng xung phong giết giặc cứu nước. Cùng trong hàng ngũ những thanh niên trung dũng này còn các đồng chí Nam Long, Quang Trung, Nam Tuấn đến sau vài ngày.

Các đồng chí Lương Quân, Nam, dân tộc Thổ, là những người sống sót của những gia đình bị địch tàn sát hoặc truy nã.

Đồng chí Quý, dân tộc Mán tiên, một cán bộ của tổng Hoàng Hoa Thám, nơi bị đế quốc khủng bố ghê gớm nhất,

bao nhiêu làng mạc bị đốt trụi, một đồng chí có tiếng là giỏi chính trị được mọi người yêu mến.

Lão đồng chí Văn Tiên, một nông dân miền núi, được phân công làm quản lý cho đội, yêu quý các đồng chí trong đội như con, như em, coi trọng từng đồng xu, từng hạt gạo của công quỹ, chỉ có một nguyện vọng là được trao lại nhiệm vụ quản lý cho đồng chí khác để trực tiếp cầm súng chiến đấu.

Các nữ đồng chí Cẩm, Loan, Thanh là những đồng chí đã thoát ly hoạt động bí mật từ lâu, đã có mặt trong phong trào xung phong Nam tiến, đã được thử thách qua nhiều lần khủng bố gắt gao của kẻ thù.

Lời tự thuật của từng người là một bản cáo trạng về bọn đế quốc. Lòng căm giận quân thù bốc lên cao độ. Ai cũng thấy chỉ còn cách dùng lưỡi gươm, viên đạn để thanh toán món nợ nước, thù nhà với bọn chúng. Từ trước đã cùng chung chí hướng, lúc này lại thấy rõ thêm là cùng chung cảnh ngộ, một thứ tình cảm thiêng liêng đã đúc chúng tôi thành một khối rắn chắc không thể nào tách rời. Cuộc liên hoan mỗi lúc một thêm mặn nồng tha thiết.

Nguyện vọng của 34 con người đều thống nhất. Mong sao giết được nhiều giặc, lấy được nhiều súng Tây thay súng kíp, mong sao Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân chóng trở nên một đội quân mạnh mẽ, mong sao ngọn cờ đỏ sao vàng trong tương lai gần đây sẽ phấp phới bay giữa Thủ đô.

Một nữ đồng chí chúc đội một câu rất thiết thực và rất có ý nghĩa:

- Nhân dân trong toàn thể hai tổng đều mong sao từ giờ đến Tết, đội từ một trung đội sẽ lớn lên thành một đại đội và sẽ chiến thắng trở về ăn Tết vui vẻ với nhân dân Trần Hưng Đạo và Hoàng Hoa Thám.

Cuộc liên hoan kéo dài đến nửa đêm.

Suốt đêm, các tiểu đội thay phiên nhau túc trực dưới cờ, tâm niệm mười lời thề danh dự.

Trong mấy hôm đó, dưới cánh đồng Kim Mã và trên khắp những ngọn đồi xã Cẩm Lý, các đội quân tuần tiễu của đế quốc do tên quan hai đồn Nguyên Bình và tên bố chánh Nguyễn Văn Tông đích thân chỉ huy, đang đi từ làng nọ sang làng kia, đốt nhà, cướp của, tiếp tục khủng bố.

Giữa rừng sâu, tràn ngập gió heo may, trong đêm đông giá lạnh và hùng tráng của Cao - Bắc - Lạng, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đã ra đời.

XX

Chiều 24 tháng chạp, hai ngày sau khi thành lập, bộ đội được lệnh lên đường đi chiến đấu.

Mấy ngày qua, sau khi hiểu rõ ý nghĩa quan trọng “Trận đầu nhất định phải thắng” và nghiên cứu kỹ lưỡng kế hoạch tác chiến, tất cả các tiểu đội đều xin nhận nhiệm vụ xung phong đầu tiên vào đồn địch.

Nắng chiều vàng rực trên các ngọn núi. Một lá cờ đỏ sao vàng tươi thắm dẫn đầu hàng quân. Bộ đội trang bị tề chỉnh đi hàng một theo đội hình chiến đấu trên con đường quanh co khúc khuỷu ở sườn núi. Tôi đi sau tiểu đội đầu tiên. Mặc dầu chỉ có một trung đội, nhưng từ trước tới nay chưa bao giờ có bộ đội tập trung đông như thế này, tôi nhìn trước, ngó sau, thấy đoàn quân dài tít tắp.

Trước khi xuống cánh đồng, chúng tôi tạt vào một khu rừng thay đổi quần áo, cải trang thành một đội lính đồng. Trời tối, bộ đội tiến xuống cánh đồng Kim Mã. Cơm nước xong, mọi người ngả lưng ngủ một giấc trên bờ ruộng mới gặt còn thơm mùi lúa. Nửa đêm, chúng tôi trở dậy, lặng lẽ kéo lên ẩn náu trên một quả núi ở phía sau đồn địch, cách đồn khoảng một cây số.

Đêm ấy, tôi nằm thao thức khó ngủ. Kế hoạch đã chuẩn bị chu đáo, nhưng vẫn phải tính đến những chuyện bất ngờ có thể xảy ra.

Làng Phai Khắt thuộc xã Tam Lộng có khoảng mười nóc nhà, nằm bên cạnh một con suối, phía trước là cánh đồng rộng, sau lưng là những núi đồi lúp xúp. Đây là một làng “hoàn toàn”, tức là một làng mà tất cả nhân dân đều tham gia các hội cứu quốc. Từ ngày địch khủng bố đến nay, không một ai bị địch lung lạc, lôi kéo. Đồng bào vẫn giữ liên lạc và tích cực tiếp tế lương thực cho các cán bộ hoạt động bí mật. Địch đã chiếm nhà đồng chí Lạc để đóng quân. Bọn địch đóng ở trong làng nên từ ngoài vào đồn, phải qua hai lần rào. Vòng ngoài, địch bắt nhân dân thay phiên canh gác. Vòng trong, là hàng rào của chính đồn địch, do binh lính canh gác. Địch có tại đây gần hai chục tên đặt dưới quyền chỉ huy của một tên đồn trưởng người Pháp.

Chúng tôi đã nắm được kỹ lưỡng cách bố trí trong đồn, kho súng, buồng tên chỉ huy, nhà ngủ, nhà ăn và các hoạt động hằng ngày của địch. Em bé Hồng cho đội biết, trong khi ăn bọn địch gác cả súng vào giá.

Đội đã đặt kế hoạch, cải trang thành một toán lính đồng ở châu đi tuần về để đột nhập đồn địch; khi lọt vào đồn sẽ chiếm luôn kho súng, bắt tất cả bọn địch đầu hàng, nếu chúng chống cự sẽ dùng vũ khí tiêu diệt. Chúng tôi nhận thấy thời cơ hoạt động tốt nhất là vào khoảng 5 giờ chiều, khi địch đang ăn cơm. Lúc đó trời còn sáng, ta cải trang đi ban ngày, bọn địch ít nghi hoặc. Và khi giải quyết xong đồn, trời đã tối, nếu bọn Việt gian có phi báo lên

Nguyên Bình, cũng phải sáng hôm sau địch mới điều binh lính đến kịp, chúng ta có hẳn một đêm để thu dọn chiến trường, chuẩn bị cách đối phó cho đồng bào, và rút xa hẳn nơi đã hoạt động.

Suốt ngày hôm sau, bộ đội vẫn ở trên quả núi nhỏ sau làng Phai Khắt. Một số giải phóng quân mặc giả dân, đứng canh gác các ngã đường. Các đồng chí tự vệ địa phương dàn ra thành một mạng lưới quanh vị trí trú quân. Một số trường hợp có thể xảy ra... Nếu địch đem quân sục lên núi, chúng ta phải bí mật rút lui, không để lộ vết tích. Nếu gặp dân làng lên núi kiếm củi, dẫn gỗ, các đồng chí tự vệ địa phương có nhiệm vụ đưa đồng bào đi sang một hướng khác.

Sáng sớm, các chị dưới làng đã đem cơm nước lên. Buổi trưa, đúng như đã dự kiến, một vài người dân định lên núi lấy củi. Các đồng chí tự vệ đã khéo léo hướng cho họ đi sang một quả núi khác.

Mấy đồng chí trinh sát luôn luôn báo cáo tình hình địch. Em Hồng cho biết, thằng Tây đồn đã đi ngựa lên châu. Chúng tôi đã hụt mất một đối tượng.

Buổi chiều, mới hơn hai giờ các chị dưới làng đã đưa cơm lên. Sau bữa cơm, đảng viên, cán bộ chia nhau đi gặp chiến sĩ, dặn dò lại tỉ mỉ nhiệm vụ và động viên quyết tâm hoàn thành tốt đẹp cuộc chiến đấu đầu tiên của đội.

Năm giờ chiều hôm ấy, nhân dân làng Phai Khắt bỗng nhiên thấy toán lính đồng, đầu đội nón bọc vải xanh, vàng, trắng, mình mặc quần áo chàm, chân cuốn xà cạp, đi đầu là một viên đội “xếp” và hai lính khố xanh, từ phía

châu Nguyên Bình tiến vào làng. Đến cổng làng, một người chìa giấy cho tên gác xem, rồi chia thành ba toán đàng hoàng đi thẳng vào đồn của quan Tây.

Anh chị em hội viên trong xã ngỡ rằng địch tăng quân và nay mai lại có khủng bố lớn. Có những người đã cùng nhau bàn tính cách đi báo tin cho các đồng chí bí mật.

Tiểu đội trưởng Thu Sơn, mặc bộ kaki lính tập, xách tiểu liên đi đầu, đến trước mặt tên lính gác cổng đồn địch, hỏi bằng một giọng hách dịch:

- Quan Tây có nhà không? Chúng tao đi tuần.

Anh rút mảnh giấy, chìa trước mặt tên gác cho hắn xem cái dấu đỏ chói, rồi gạt luôn hắn sang bên, đi thẳng vào đồn. Cả tiểu đội 1 đi đầu bám sát sau anh. Đồng chí Thu Sơn dẫn tiểu đội tiến thẳng vào kho địch để súng. Tiểu đội 2 cũng đi liên sau đó, vừa lọt vào đồn lập tức bao vây lấy chung quanh nhà binh lính ở.

Binh lính địch, đũa ăn cơm trong nhà, đũa thu dọn quần áo phơi ngoài sân.

Tiểu đội trưởng Thu Sơn hô đồng dạc bằng tiếng Pháp:

- *Rátsämmäng*¹!

Anh ra lệnh cho binh lính trong đồn tập hợp để đón quan ở châu về.

Mười bảy tên lính và một tên cai tập hợp lại giữa sân. Đồng chí Thu Sơn lập tức chia ngang tiểu liên, hô lớn:

Chúng tôi là quân cách mạng, anh em giơ tay đầu hàng sẽ không giết ai hết, giơ tay lên!

1. *Rátsämmäng*: (Rassemblement!): Tập hợp!

Tất cả các nòng súng đều chĩa vào quân địch.

Hoàn toàn bị bất ngờ, không kịp đối phó, tất cả binh lính địch trong đồn giờ tay đầu hàng.

Giữa lúc đó, một đồng chí trong tổ canh gác cách đồn 3 kilômét, trên đường đi Nguyễn Bình, phóng ngựa vào tới nơi báo cáo, tên đồn trưởng người Pháp đang đi ngựa trở về, đi theo hắn có mấy tên lính không mang súng.

Chúng tôi nhận thấy phải xử trí nhanh và bất ngờ tên Tây đồn này. Một bộ phận nhận lệnh đưa binh lính bị bắt về phía sau đồn và buộc chúng phải yên lặng. Anh em cất dọn những vũ khí đạn dược, quân dụng chiến lợi phẩm để ngổn ngang trên sân. Các tổ cảnh giới được lệnh ẩn nấp kín đáo. Một tổ mai phục ngay ở dưới mái hiên, đợi khi tên đồn trưởng vào tận nơi, sẽ chĩa súng buộc hắn đầu hàng, quyết định bắt sống, trừ trường hợp địch chống cự thì mới nổ súng. Các tổ bố trí ở ngoài đồn được lệnh, nếu tên Tây đồn nhận ra ta, bỏ chạy, thì lập tức đuổi bắn.

Tôi nằm cùng các đồng chí Hoàng Sâm, Thu Sơn và Luận ở dưới mái hiên. Tôi nói nhỏ với các đồng chí:

- Khi nó vào thì tôi sẽ hô “giờ tay lên”. Nếu nó giờ tay, các đồng chí lập tức xông ra bắt sống. Có lệnh thì mới nổ súng.

Tên đồn trưởng người Pháp ngồi trên mình con ngựa hồng cao lớn, đứng đĩnh đi vào đồn như ngày thường. Hắn định xuống ngựa thì nghe tiếng hét:

- Giờ tay lên!

Bỗng một loạt đạn nổ. Cả tên đồn trưởng và con ngựa đều trúng đạn, lăn xuống sân. Đồng chí Luận đã nổ súng.

Điều chúng tôi chưa dự kiến được hết, là các đồng chí ta sẽ khó nén được căm thù lúc nhìn thấy mặt quân địch.

Đồng bào ở chung quanh khi nghe thấy tiếng súng mới biết có chuyện đã xảy ra trong đồn, bảo nhau chạy tới, nhận ra chúng tôi, vừa ngạc nhiên vừa hết sức mừng rỡ. Nhiều người reo lên, nắm lấy tay các chiến sĩ. Bà con nhìn xác thằng Tây và con ngựa nằm giữa sân tỏ ra rất hả dạ. Nhưng cũng có một số người lo lắng, địch sẽ khủng bố dân làng để trả thù.

Kể ra nếu bắt sống tên đồn trưởng, sau khi làm công tác địch vận, giải thích kỹ lưỡng, rồi tha thì có thể gây ảnh hưởng chính trị và hạn chế một phần nào phản ứng của kẻ địch. Nhưng sự việc đã xảy ra rồi phải tìm cách giải quyết tình hình cụ thể này.

Anh em được lệnh thu dọn chiến lợi phẩm, quét sạch chiến trường - quét thực sạch không để lại một thứ gì có thể dùng được. Lợn, gà, chăn, màn, bát đĩa... thì đem phân phát hết cho đồng bào. Mặt khác cho khiêng xác thằng Tây và con ngựa đi chôn, và xóa sạch vết máu trên sân.

Chúng tôi giải thích và động viên đồng bào, đặt kế hoạch cho đồng bào khai khi để quốc đưa lính về tra hỏi, chỉ cần nói: “Thấy có một toán lính ở trên châu về vào trong đồn, rồi thấy tất cả lính trong đồn kéo theo toán lính này đi đâu không biết”. Cùng bàn thêm với đồng bào: Trong thời gian này các thanh niên nam nữ nên tạm lánh khỏi làng, đề phòng trước sự khủng bố của kẻ địch.

Chúng tôi bảo tất cả binh lính trong đồn, họ sẽ tới một địa điểm khác nghe nói chuyện, sau đó, ai muốn đi theo quân cách mạng sẽ được chấp nhận, ai muốn trở về quê quán sẽ cấp giấy cho về.

Sau khi để lại trước cửa đồn một mảnh giấy viết bằng tiếng Pháp: “Chúng tôi đã cùng Việt Minh đi đánh Nhật rồi”, toàn đội ra khỏi đồn, dong theo tù binh và mang theo chiến lợi phẩm. Tất cả các đồng chí mang súng kíp đã đổi lấy súng trường và trao súng kíp lại cho tự vệ ở các địa phương. Số chiến lợi phẩm thu được trong trận đầu này, về súng ống cũng khá khá, đủ để trang bị cho nửa trung đội. Nhưng có một điều làm cho mọi người không vui lắm, tại đồn này địch cũng chỉ có rất ít đạn. Một nhiệm vụ mới đã đặt ngay ra: làm sao trận sau phải lấy được thật nhiều đạn.

Trận chiến đấu đã diễn ra hết sức mau lẹ, kết thúc trong vòng mười phút. Nửa giờ sau, đội đã giải quyết xong mọi công việc, kéo ra ngoài đồn địch.

Một số đồng chí đi thẳng về phía Nguyên Bình, đến một nơi khá xa làng mới đi vòng trở lại, để làm lạc hướng theo dõi của kẻ địch. Đại bộ phận kéo xuống cánh đồng Kim Mã thì trời sập tối. Tại các trạm dọc đường, các chị em hội viên trung kiên, gánh cơm nước đứng chờ, rất vui mừng thấy chúng tôi chiến thắng trở về. Cơm và thức ăn đã gói từng phần một. Chúng tôi chỉ dừng lại vài phút nhận phần cơm, uống hộp nước rồi tiếp tục đi ngay. Những đồng chí tự vệ trung kiên đã tổ chức một mạng lưới trên dọc đường chuyển quân ngăn chặn tất cả những người không có nhiệm vụ không được đi vào con đường này, để phong tỏa tin tức, giữ bí mật hành tung của bộ đội.

Nửa đêm, chúng tôi tới một quả đồi thuộc xã Cẩm Lý cách Phai Khắt khoảng 15 kilômét. Cả đơn vị dừng lại đây để chấn chỉnh đội ngũ, kiểm điểm vấn đề cuộc chiến đấu ban chiều, nêu gương các đồng chí hoàn thành tốt nhiệm vụ. Sau đó, ban chỉ huy phổ biến lại kế hoạch tác chiến, nhắc nhở toàn đội quyết tâm tiếp tục giành thắng lợi trong cuộc chiến đấu vào buổi rạng đông ngày hôm sau. Chiến thắng đầu tiên làm cho mọi người hết sức phấn khởi.

Ngoài những thứ súng đạn đã được phân phối, tất cả các chiến sĩ không ai giữ lại riêng cho mình một viên đạn, một mảnh giấy, hoặc một thứ đồ dùng nhỏ nào đã thu được trong đồn địch. Các đồng chí tự vệ ở địa phương chuyển vận nốt những chiến lợi phẩm về nơi an toàn.

Trừ tổ cảnh giới, tất cả bộ đội được lệnh đi ngủ.

Ba giờ sáng, chúng tôi lại tiếp tục cuộc hành quân chiến đấu. Riêng đồng chí Trọng Khánh phải ở lại Cẩm Lý cùng hai chục tù binh. Anh sẽ chọn một số người tốt trong những người tình nguyện xin ở lại để bổ sung vào đội, giải thích cho một số người khác rồi cho về quê hương, và giữ lại đây một số trong vài ngày để phong tỏa tin tức, khi nào bộ đội đi thật xa mới thả cho về.

XXI

Mục tiêu của cuộc chiến đấu thứ hai là đồn Nà Ngần, cách Phai Khắt khoảng 25 kilômét. Đồn này có 22 lính khố đỏ do hai tên sĩ quan người Pháp chỉ huy. Chúng tôi hy vọng bổ sung đạn dược cho đội tại đây.

Địch đã chọn nhà của tên lý trưởng, ngôi nhà kiên cố nhất trong làng này, đào hào, đắp lũy, rào kín mấy lớp xung quanh biến thành đồn. Chúng tôi đến cách Nà Ngần nửa kilômét, trời vẫn còn tối. Để bọn địch không nghi ngờ, ban chỉ huy ra lệnh cho anh em dừng lại hút thuốc, và phái người đi trước theo dõi tình hình hoạt động của địch.

Đội sương sớm tan hẳn, trời sáng rõ, cả đội tiến thẳng về phía đồn. Còn xa, đã nhìn thấy chòi canh của địch.

Toàn đội đã thay quần áo cải trang từ chiều hôm trước bằng những bộ quần áo lính đồng và lính tập, mới lấy được tại Phai Khắt. Lão đồng chí Toàn, một đồng chí người Mán rất tốt, còn có bí danh là “Phạm Ngũ Lão”, cùng hai hội viên trung kiên khác, đóng vai ba đồng bào Mán bị bắt với sợi dây thừng trói ở khuỷu tay.

Vị trí địch ở trên một đỉnh đồi. Đường đi chạy men theo sườn một quả đồi trước đồn địch, đổ xuống một con

suối rồi lại từ bờ suối bên kia chạy ngược lên đỉnh đồi tới cửa đồn.

Khi tới quả đồi trước đồn, trông thấy rõ tên lính gác đứng trên chòi, và binh lính địch đi lại trong sân. Các chiến sĩ được lệnh nói chuyện âm lên, để bọn lính trong đồn chú ý đến y phục của đội và những người bị bắt được dẫn đi trước. Toàn đội ung dung qua suối tiến lên đồn.

Tiểu đội trưởng Thu Sơn đi với tổ xung phong đầu tiên, chìa giấy cho tên lính gác xem. Đồng chí Đắc đi sau anh, rút một điếu thuốc lá mời tên gác và đánh diêm châm lửa cho hẵn. Bọn gác và bốn năm tên lính ở trong đồn chạy ra, trở mắt nhìn mấy người bị trói, hỏi tút tút:

- Lại bắt được Mán cộng sản à?

Tiểu đội trưởng Thu Sơn và tiểu đội trưởng Mậu tiến thẳng vào đồn. Đồng chí Đắc và một đồng chí khác đứng lại trước cửa đồn, dềnh dàng nói chuyện với hai tên lính gác.

Hôm ấy, cả hai tên Pháp đều mới lên tỉnh, giao quyền chỉ huy lại cho một tên quản khố đồ nổi tiếng phản động.

Khi bộ đội tiến vào, một số binh lính đang thu dọn chăn màn tại nhà ngủ, một số đang đi rửa mặt. Súng còn gác tại giá. Tên quản khố đồ dậy sớm, đã ngồi ở bàn làm việc.

Bốn chiến sĩ Giải phóng quân tiến lại án ngữ cửa kho súng. Đồng chí Thu Sơn và đồng chí Mậu đang nói chuyện với một tên đội, bắt thần chĩa ngang súng, hô lớn:

- Chúng tôi là quân cách mạng đến lấy súng của Tây, tất cả giờ tay lên, không thì bắn!

Ngoài cổng đồn đồng chí Đắc giật luôn khẩu súng trường trong tay tên gác. Anh chĩa súng lên chòi canh, bắt tên gác thứ hai đứng trên đó phải thả ngay súng xuống.

Nghe tiếng hô, cả đồn nhốn nháo. Phần lớn hoảng hốt giơ tay, đưa quỳ, đưa đứng. Máy tên nhảy qua hàng rào định chạy trốn. Riêng tên quản chụp ngay khẩu súng ngắn đặt trên bàn, lên đạn bóp cò. Khẩu tiểu liên trong tay đồng chí Thu Sơn nổ giòn, kết liễu đời hắn.

Tiểu đội 2 vào sau đã chẹn các cửa đồn và chia thành từng tổ bao vây bắt tù binh. Sáu phát súng nổ giết luôn bốn tên lính cố ý kháng cự. Tiểu đội 3 cũng xông vào tiếp viện vừa bắn chỉ thiên, vừa kêu gọi binh lính địch đầu hàng. Anh Hoàng Văn Thái giương lá cờ đỏ sao vàng, phát mệnh giữa đồn địch.

Trận đánh kết thúc trong vòng dăm phút. Toàn bộ binh lính địch đầu hàng. Về phía ta, đồng chí Bê bị thương ở ngón tay vì viên đạn của tên quản.

Bộ đội nhanh chóng thu thập súng đạn, tài liệu, phát truyền đơn và dán biểu ngữ. Tù binh được tập hợp lại giữa sân. Chị Loan, chị Cẩm và chị Thanh giải thích cho họ bằng tiếng Thổ. Họ rất ngạc nhiên khi thấy hai nữ chiến sĩ vai mang súng, lưng đeo đạn, nói năng rất lưu loát, phân tích cho họ về tình hình trong nước và nghĩa vụ của những người dân, kêu gọi toàn thể binh sĩ quay súng lại giết giặc.

Phần lớn binh lính xin trở về quê quán. Các chiến sĩ trả lại túi dết, chăn màn, đồ đạc thu nhậm của họ. Mọi người đều được cấp giấy. Những người ở xa, ai thiếu tiền ăn đường thì được cấp thêm. Hôm đó, đội đã chi mất mấy trăm đồng. Số tiền này vay của một đồng chí hội viên, hẹn sẽ trả lại bằng chiến lợi phẩm.

Binh lính đều rất cảm kích về lượng khoan hồng và thái độ đối xử tốt của bộ đội cách mạng. Chúng tôi giảng giải cho họ rõ, mỗi khi gặp Giải phóng quân thì nên làm thế nào để khỏi bắn giết lẫn nhau, để cùng nhau giết giặc cứu nước. Họ đều thề sẽ không bao giờ nổ súng vào quân cách mạng.

Chúng tôi nói chuyện với đồng bào trong làng, dặn đồng bào khi quân địch tới thì nói, quân cách mạng đến, binh lính đã giao súng cho họ và kéo đi cả rồi.

Hai mươi phút sau, bộ đội rút khỏi đồn, mang theo chiến lợi phẩm. Mỗi người mang hai ba khẩu súng. Lần này, thu được khá nhiều đạn. Anh em vừa đi vừa hát bài *Tiếng súng reo*. Núi rừng vang vọng lại những tiếng ca hùng tráng như muốn chia vui cùng đội quân chiến thắng. Đi ngang quả đồi trước đồn, ngoảnh lại thấy nhân dân và binh lính giơ cao tay chào tiễn biệt.

Những hội viên trung kiên ở cơ sở đã được giao nhiệm vụ giữ đồng bào lại làng, không để đi theo bộ đội. Đoàn quân đi về phía nam. Nhưng đi khuất khỏi làng, chúng tôi vòng lại, đi ngược lên phía bắc. Bây giờ phải rút sao cho thật nhanh. Hai trận đánh liên tiếp chắc đã làm rung chuyển bọn địch và chúng sẽ có phản ứng. Ánh nắng vừa lên, ngày mới bắt đầu. Phải thực hiện lời Bác đã dặn: “Lai vô ảnh, khứ vô tung”. Các đồng chí trung kiên đón đường đưa cơm. Mỗi người nhận một nắm cơm, một phần thức ăn, rồi tiếp tục đi ngay. Toàn đội đi ngược lên khu Mán trắng. Lão đồng chí Tiên như biết trước yêu cầu của anh em, nấu một nồi nước nóng, đón đợi giữa đường. Chúng tôi

không để lại một dấu chân trên những đường mòn hẻo lánh. Buổi chiều, dừng chân bên rẫy nghỉ một lát lại tiếp tục đi. Tối vượt qua đường Cao Bằng - Nguyên Bình đến triển núi đá vôi Gia Bằng. Ngày hôm đó, chỉ ăn có một bữa. Nhưng không hề một ai kêu ca. Có đồng chí đã thốt ra những lời lẽ rất tự hào: “Quân cách mạng chúng tôi, ăn thì mỗi ngày một bữa, đánh thì mỗi ngày hai trận”.

Bộ đội đi suốt đêm đó trên những núi đá tai mèo. Trưa hôm sau, đội tới vùng đồng bào Mán trắng, quê hương của đồng chí Hồng Trị.

Hai ngày sau khi đồn Phai Khắt bị diệt, địch mới kéo quân tới. Chúng dọa dẫm truy hỏi đồng bào, để tìm hiểu vì sao tất cả binh sĩ cùng mọi thứ quân trang quân dụng trong đồn bỗng nhiên biến mất. Đồng bào trong làng, già trẻ lớn bé, ai cũng nói một lời. Cuối cùng, chúng đành chịu, chỉ điều bọn lính khác thay thế và cũng không bắt bố một ai.

XXII

Địa điểm trú quân mới của đội nằm trong một thung lũng tại vùng núi đá tổng Thiện Thuật. Lòng thung lũng khá bằng phẳng có thể san làm bãi tập. Chung quanh là những ngọn núi cao vút hiểm trở, những khu rừng già âm u chỉ có tiếng chim rừng kêu và vượn hú. Đồng bào địa phương gọi lũng này là Lũng Dẻ (nghĩa là lũng thành) và đã có những lần lợi dụng bức thành thiên nhiên này để chống bọn thổ phỉ. Mấy trăm năm về trước, nhà Mạc đã từng nương náu ở đây để chống cự với nhà Lê. Quân Cờ Đen cũng đã đóng quân tại đây trong thời kỳ đánh nhau với Pháp.

Chúng tôi viết thư về báo cáo với Bác và Liên tỉnh ủy những chiến thắng đầu tiên của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, đề nghị với Liên tỉnh ủy chỉ thị cho các châu, chọn lựa một số đồng chí bổ sung cho đội tuyên truyền sẽ phát triển thành một đại đội.

Anh em được phổ biến sẽ ở lại đây mười ngày nghỉ ngơi, kiểm điểm và tiếp tục luyện tập. Các chiến sĩ dẫn gổ làm lán, sửa soạn bãi tập, vét sạch các mỏ nước.

Vài ngày sau, đội nhận được thư của anh Đồng chúc mừng thắng trận. Thư từ và quà ủy lạo từ khắp các nơi tới

tấp gửi đến: khăn vuông thêu khẩu hiệu, quần áo, giày, chăn, màn, gạo, thịt, bánh trái. Anh Lã, Bí thư Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng đích thân tới thăm đội, đem theo thư chúc mừng của Liên tỉnh ủy cùng với một số quà quý: Máy tấm chăn len, máy hộp sữa cho các đồng chí yếu mệt, và một số đạn Mỹ vừa mới mua được.

Cùng trong lúc ấy, cán bộ, chiến sĩ được các châu tuyến lựa bổ sung cho đội, tấp nập kéo về. Nghe các đồng chí thuật lại mới biết ở các địa phương, trong hàng ngũ du kích đang có một phong trào rầm rộ, yêu cầu “đi giải phóng”; người nào được cấp trên chuẩn y, đều coi đó là một điều vinh dự và cũng là một điều may mắn.

Chỉ trong một tuần, việc bổ sung đã xong. Đại đội đã hình thành.

Đại đội trưởng: đồng chí Hoàng Sâm.

Chính trị viên: đồng chí Xích Thắng.

Ban công tác chính trị đại đội do đồng chí Xích Thắng phụ trách.

Đồng chí Hoàng Văn Thái phụ trách công tác tình báo và chuẩn bị kế hoạch chiến đấu. Ban quản lý đại đội cũng được tổ chức.

Ban chỉ huy các trung đội gồm các đồng chí: Quang Trung, Nam Long, Quốc Chung, Vũ Lập, Nam Tuấn, Mai Trung Lâm.

Chẳng còn bao lâu nữa là đến Tết. Chúng tôi chủ trương chỉ nghỉ ngơi, luyện tập một thời gian ngắn, rồi lại lên đường đi chiến đấu. Một chương trình hoạt động trong dịp Tết được đề ra với cái tên “Mùa Tết chiến đấu” của đội.

Tổ chuẩn bị chiến trường khẩn trương lên đường đi về phía châu Bảo Lạc, gần biên giới Việt - Trung.

Mấy ngày trước khi xuất phát, toàn đơn vị tập trung dưới cờ, làm lễ chính thức thành lập đại đội. Đại diện các hội cứu quốc và nhân dân tới dự lễ rất đông. Dưới lá cờ đỏ sao vàng tươi thắm, bộ đội đã đông đảo hơn, sau hai cuộc chiến đấu, súng đạn khá đầy đủ, lưỡi lê tuốt trần sáng quắc trên đầu súng. Màu cờ như rực rỡ hơn, khung cảnh núi rừng càng thêm hùng vĩ. Bằng những lời lẽ đanh thép, cán bộ, chiến sĩ hứa hẹn trước các đại biểu và trước nhân dân, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ. Nhớ tới công ơn của Bác và Đoàn thể, toàn thể đại đội quyết nghị kính tặng Bác thanh kiếm Nà Ngần, thanh kiếm đầu tiên đoạt được của giặc, để nói lên lời hứa hẹn kiên quyết thực hiện chỉ thị của Bác, nỗ lực chiến đấu đến cùng để giành thắng lợi. Nhân dân và bộ đội hết sức phấn khởi.

Vài ngày sau, chúng tôi lại lên đường.

Một bộ phận do anh Thái phụ trách, đi về phía Nậm Tì hoạt động mở rộng cơ sở.

Đại bộ phận đi về phía Bảo Lạc, tiến hành một cuộc tập kích mới.

Cuộc hành quân chiến đấu lần này khá gian khổ. Đường xa, phải qua nhiều triền núi đá tai mèo và nhiều bản làng có bọn phản động canh gác. Toàn đi đêm. Những đêm tối trời, cả đoàn quân, vũ khí, hành trang buộc chặt vào người, nín lặng vượt qua những điểm gác. Tiếng mõ cầm canh của bọn đồng phản động lốc cốc khua trên đầu. Một đêm trời tối như mực, đi luôn trong rừng, người sau không nhìn thấy người trước, lại được lệnh không nói to,

em bé Hồng đã nghĩ ra một sáng kiến, lượm một cái lá mục có lân tinh, gài vào lưng người đi trước. Sáng kiến của em được phổ biến cho toàn đội, và có một tác dụng thật đặc biệt không những trong đêm đó mà còn cho các cuộc hành quân đêm về sau. Trời về đạo này mưa luôn. Đi đêm trên núi đá tai mèo đã khó khăn, qua núi đất, đường lầy lội, đi cũng chẳng dễ dàng hơn.

Sau một đêm hành quân, trời sáng, tôi hỏi đồng chí Mán đưa đường, sắp tới nơi có cơ sở của ta chưa. Đồng chí vui vẻ đáp:

- Sam cây thình, nửa ngải¹.

Đi miết tới trưa vẫn chưa đến. Bộ đội dừng lại nghỉ giữa vùng núi đá tai mèo. Biết không nên làm người đưa đường rối trí, tôi nói với đồng chí nên bình tĩnh, nhớ kỹ lại đường. lát sau, đoàn quân lại tiếp tục đi. Đến gần chiều, mới ra khỏi vùng núi đá, đến những đồi đất. Nhìn phía trước, thấy thấp thoáng có làng. Tôi hỏi:

- Có phải làng cơ sở đây rồi không?

- Chưa phải đâu. Làng này có phản động.

- Đồng chí đã nhận ra đường chưa?

- Đi qua làng này thì biết đường rồi.

Như thế là đội buộc phải vượt qua làng. Thấy sương chiều đang xuống nhiều, chúng tôi quyết định đi vòng qua những quả đồi, vượt nhanh sang bên kia làng để đồng chí giao thông nắm lại đường.

1. Ba kilômét thôì, ăn cơm sáng là vừa.

Bộ đội đi được một quãng, bỗng sương tan hết. Cả đoàn quân lộ ngay ra trước làng. Không thể quay lại cũng không thể tránh sang lối khác. Ban chỉ huy hạ lệnh cho bộ đội đi thẳng qua làng, làm như một đội quân đế quốc đi tuần tiễu. Máy chiến sĩ vào nhà tổng đoàn, vờ xét hỏi người lạ mặt và hàng buôn lậu. Bộ đội cứ ung dung qua làng. Đồn địch ở cách 3 kilômét. Về sau, chúng tôi biết, năm hôm sau, trong một phiên chợ, người làng thuật chuyện cho nhau nghe, bọn Tây trên đồn mới biết là có bộ đội cách mạng đi qua và bấy giờ mới cho quân tuần tiễu.

Qua khỏi làng này, đồng chí giao thông nhận ra đường. Gần tối, chúng tôi đến một bản Mán cơ sở. Đồng bào ở đây rất thiếu thốn. Không có ruộng nương, phải đi xa lấy đất về đổ vào những hốc đá để trồng ngô. Nhưng thái độ tiếp đón bộ đội cách mạng thì đặc biệt ân cần. Đồng bào chia sẻ cùng bộ đội những bữa ăn chỉ có bột ngô dẻo, với canh rau.

Vài ngày sau, chúng tôi đến gần Đồng Mu, mục tiêu của trận tập kích lần này. Tổ trình sát tiến hành điều tra đồn địch lần cuối.

So với các đồn Phai Khắt, Nà Ngần, đồn Đồng Mu rắn hơn. Địch đóng trên một ngọn đồi cao, nằm chơ vơ giữa cánh đồng. Vì ở giáp biên giới Việt - Trung thường phải đối phó với bọn thổ phỉ, nên địch xây dựng công sự khá vững chắc. Đồn có nhiều lô cốt, tường trình dày với lỗ châu mai, giao thông hào và dây thép gai bọc quanh. Quân địch gồm hơn bốn chục tên khố đỏ do ba tên sĩ quan Pháp chỉ huy.

Lần này, không thể cứ dùng cách cải trang để vào đồn vì bọn địch chắc chắn đã rút được kinh nghiệm.

Chúng tôi chủ trương bí mật đột nhập đồn trong đêm tối để tiêu diệt địch.

Khi nắm lại tình hình, thấy có khó khăn. Các đồng chí ở địa phương báo cáo, cách đây ít ngày bọn địch được tin sắp có thổ phỉ bên kia biên giới tràn qua, nên chúng đã tăng cường thêm binh lính, báo động bộ đội và đề phòng cẩn mật. Nhưng sau đó, cơ sở của ta ở trong đồn ra báo cáo lại, địch đợi thổ phỉ một thời gian không thấy, cho là hoang báo, việc đề phòng đã bắt đầu chểnh mảng. Ban chỉ huy đại đội quyết định đánh.

Đêm 22-12 ta, bộ đội xuất kích. Khi đi ngang cánh đồng, chớ trong làng sủa ran. Nhờ điều tra kỹ lưỡng từ trước, cán bộ và các chiến sĩ đã nắm vững địa hình đồn địch. Bộ đội chia làm hai mũi, vượt qua những mô đá sắc nhọn, tiến lên đỉnh đồi. Theo kế hoạch đã định, chúng ta sẽ bí mật đột nhập, chiếm nhà bọn chỉ huy, các mặt cùng đánh vào, kết hợp với nội ứng tiêu diệt quân địch.

Hai tổ xung phong đi đầu, im lặng vượt qua rào dây thép gai, đến sân đồn trước cửa trại lính.

Tổ các đồng chí Quang Trung, Nam Long, Xuân Trường... đang tiến vào, bỗng nghe từ lô cốt có tiếng một tên lính hỏi:

- Ai?

Đồng chí Nam Long nói nhỏ:

- Im đi! Chúng tôi là Việt Minh đến lấy súng của Tây, không đánh các anh em đâu.

Trường hợp này, không bàn với nhau ở nhà trước khi đi.

Địch lập tức ném lựu đạn xuống tới tấp và bắn ra một loạt đạn. Đồng chí Quang Trung hội ý với tôi.

- Lộ rồi, đề nghị anh và anh Hoàng Sâm hãy ở lại vị trí chỉ huy. Chúng tôi vào đồn sẽ cử người bắt liên lạc.

Địa điểm chỉ huy đã quy định ở sau một bờ đất, sát đồn địch. Một lát sau, một chiến sĩ liên lạc dò dưới làn đạn của địch từ trong đồn ra báo cáo, các tổ xung phong đã lọt vào đồn.

Trên đồn, tiếng súng nổ rất, điểm những tiếng lựu đạn. Các chiến sĩ chiến đấu giáp lá cà quyết liệt với kẻ địch.

Anh em trong đồn tiếp tục báo cáo, quân địch tại nhà tên chỉ huy và chỗ ở của bọn lính bắn súng ra như mưa. Cuộc chiến đấu diễn ra từ 11 giờ đêm đến 2 giờ sáng. Các chiến sĩ vừa chiến đấu vừa hát. Tiếng hát lúc này có tác dụng động viên sĩ khí và giúp cho việc bắt liên lạc dễ dàng, nhưng đồng thời cũng làm lộ các vị trí chiến đấu của ta, để cho quân địch phát hiện được mục tiêu.

Chúng ta đã diệt được khoảng hai chục tên địch, nhưng bọn còn lại vẫn dai dẳng chống cự. Thấy kéo dài cuộc chiến đấu không lợi, Ban chỉ huy hạ lệnh rút khỏi đồn trước khi trời sáng, mặc dầu nhiều chiến sĩ yêu cầu tiếp tục xung phong để tiêu diệt toàn bộ.

Trong trận chiến đấu rất anh dũng này, tiểu đội trưởng Xuân Trường hy sinh. Một mình đồng chí Quang Trung đã dùng súng và dao giết năm tên địch. Địch thiệt hại rất nặng. Chúng ta thu năm khẩu súng, một số đạn dược, và bắt ba tù binh.

Bộ đội rút dần ngang cánh đồng về một khu rừng có những cây nhỏ, cách đồn địch khoảng ba trăm thước. Tảng sáng, mọi người có mặt đông đủ. Quân địch từ Bảo Lạc có

thể tiếp viện lên. Bộ đội lợi dụng các lùm cây, đi sâu vào phía trong, nghỉ một lát bên sườn núi, rồi chuyển hướng về phía nam.

Trận tập kích đêm vào Đồng Mu tuy không thắng lợi theo như kế hoạch đã định, nhưng đã rèn luyện cho đội rất nhiều, và đã xây dựng cho đội một truyền thống anh dũng chiến đấu. Qua bọn tù binh, mới biết vì sao ta đã gặp khó khăn. Buổi trưa hôm ta tập kích, tên đồn trưởng người Pháp bắt được một lá thư của bọn thổ phỉ biên giới dọ, tối hôm ấy, chúng sẽ kéo đến hạ đồn. Vì vậy, bọn chỉ huy đã báo động binh lính chuẩn bị đối phó, súng lên đạn sẵn, quần áo nai nịt gọn gàng. Đêm đó, một nửa binh lính địch thức để đề phòng. Trường hợp bất ngờ và đặc biệt này, anh em binh sĩ nội ứng không kịp báo cho chúng tôi biết trước.

XXIII

Đại đội đi về hướng nam. Các chiến sĩ được lệnh tuyệt đối giữ bí mật, hết sức tránh để lại dấu vết trên dọc đường. Đi qua các đồn trại địch hoặc các làng mạc không có cơ sở của ta, phải im lặng hoàn toàn, tránh để lộ một tiếng ho, một dấu gậy. Ở những nơi trú quân, bộ đội thường lấy lá về rải nằm; trước lúc đi, mọi người phải xóa sạch vết tích chỗ ăn, ngủ, nấu nướng. Ngay cả khi dừng lại dọc đường để ăn cơm hoặc ngồi nghỉ, lúc đi, cũng phải nhặt từng chiếc lá gói thức ăn, từng hạt cơm rơi, không để lại dấu chỗ ngồi trên bờ cỏ. Đến trú quân ở một địa phương nào, cán bộ và chiến sĩ lập tức chia nhau đi giáo dục nhân dân vấn đề giữ bí mật, phải thực hiện đúng ba không: “không có, không biết, không thấy”; dặn đi dặn lại cận kề từ người già đến các em, và kiểm tra lại xem đồng bào đã thực hiểu chưa.

Một số đồng bào gần biên giới thoáng thấy bộ đội, tưởng nhầm là thổ phỉ, hoảng hốt bỏ chạy. Bộ đội đã thu thập tất cả những đồ đạc, của cải nhân dân bỏ rơi dọc bờ ruộng, đem trả lại. Đồng bào rất cảm kích vì từ xưa tới nay chưa hề thấy một bộ đội nào lại tốt như vậy.

Nhiệm vụ của trận đánh chưa hoàn thành, lần đầu trong đội có đồng chí hy sinh. Anh em không khỏi có những suy nghĩ. Cán bộ đã giải thích cho các chiến sĩ: “Trong cuộc chiến đấu dài lâu, tất nhiên là phải có lúc thành lúc bại, qua trận đánh lần này, chúng ta đã rút được nhiều kinh nghiệm để sau này chiến thắng lớn hơn”.

Tiết trời về cuối mùa đông, rét cắt da thịt. Nhiều đồng chí bị đau chân. Các cán bộ đã nêu cao tinh thần thương yêu săn sóc chiến sĩ. Đồng chí Vũ Lập cởi chiếc áo ấm của mình, đưa cho một chiến sĩ bị mệt. Nhiều cán bộ nhường giày cho những anh em đau chân. Có đồng chí cán bộ bị thương ở chân, cũng nhịn đau, vui vẻ hành quân, cố gắng theo kịp bộ đội, do đó đã có tác dụng động viên các chiến sĩ.

Một tối, chúng tôi tới một bản Mán có cơ sở của ta. Các cụ già chạy ra cầm tay bộ đội nói:

- Bây giờ các con mới đến, các mẹ đội đã bao lâu nay rồi. Phải ở lại đây vài ngày.

Anh em chúng tôi đáp:

- Chúng con chỉ ở lại một đêm nay, sớm mai phải đi công tác rồi.

- Các con khổ cực quá! Phải ở lại đây nghỉ ngơi ít hôm để dân bản chăm nom.

Tại vùng này, đồng bào sợ thổ phỉ, của cải đều cất giấu rất sâu trong rừng. Đồng bào biết là không thể giữ chúng tôi lại lâu, ngay đêm đó, cùng nhau vào rừng sâu bắt lợn, bắt gà về. Sáng hôm sau, khi chúng tôi thức giấc, thì lợn đã thịt, cơm canh đã xong xuôi. Sự săn sóc của nhân dân vùng biên giới hẻo lánh xa xôi này, đã làm cho cả đội rất cảm động.

Khi đã đi khá xa châu Bảo Lạc, cuộc hành quân biến thành một cuộc vũ trang tuyên truyền. Chúng tôi tung truyền đơn, dán biểu ngữ, viết khẩu hiệu lên các đền chùa, đình, chợ, nhà trường và họp mít tinh tuyên truyền các tin chiến thắng.

Về đến vùng Thông Nông vào ngày cuối năm. Cơ sở vùng này rất tốt. Biết bộ đội về, anh em tự vệ canh gác khắp nơi. Năm giờ chiều, bộ đội đã hành quân, chỉ cách đồn địch vài ba kilômét. Dọc đường, đồng bào bày cỗ, đốt đuốc đón bộ đội, đem cả ghế ra cho bộ đội ngồi nghỉ. Anh em chúng tôi ai nấy đều thấy rõ, mình là con đẻ của nhân dân, đang sống trong sự chăm nom, bảo vệ của nhân dân.

Nửa đêm, chúng tôi trú quân lại trên một đỉnh núi ở gần làng. Đồng bào hẹn sáng sớm hôm sau sẽ đưa cơm nước lên. Sáng 30 Tết, bất chợt có người lên báo, Tây kéo về cần. Toàn thể bộ đội phải bố trí chiến đấu. Tây sục sạo dưới làng.

Một lát, nghe có tiếng súng nổ, tưởng như đánh nhau to ở đâu. Trong đội, có đồng chí Đức Cường đem qua hành quân đau chân tụt lại sau, chưa về, mọi người đều sốt ruột. Buổi sáng hôm đó, không có cơm nước gì. Đồng bào dưới làng vẫn luôn luôn lên báo cáo tình hình. Đến chiều, đồng chí chủ nhiệm Việt Minh xã lên nói, Tây vào rừng lũng đến một cái hang thì thấy bên trong có người. Thành quan hai cho lính vào định bắt, nhưng ở trong hang bắn ra. Chúng ở ngoài bắn vào. Hai bên bắn nhau một lúc. Thành quan hai bảo lính về làng lấy rơm chất đầy cửa hang, rồi đốt. Bên trong lại bắn dữ, và có người xông ra,

thế là tất cả chúng nó bỏ chạy. Chính thằng quan hai Tây hốt hoảng chạy đến ôm lấy cổ đồng chí chủ nhiệm Việt Minh xã, nói: “Ê... ê... công quan lớn!”. Ít hôm sau, đồng chí Đức Cường về, chúng tôi biết, chính đồng chí Đức Cường đã bị vây ở trong hang, đồng chí đã chiến đấu với mười hai tên lính do thằng quan hai chỉ huy, bắn bị thương hai tên và đuổi chúng chạy toán loạn. Lần ấy, đồng chí Đức Cường bị đội phê bình vì hành quân chậm trễ, nhưng lại được đồng bào địa phương tặng rất nhiều quà vì tinh thần chiến đấu dũng cảm.

Để bù lại bữa sáng hôm đó không ăn..., các chị dưới làng đem lên rất nhiều bánh trái.

Tối 30, bộ đội tới vùng rẻo cao của đồng bào Mán trắng. Đồng bào được tin bộ đội về, đã chuẩn bị bò, lợn để khao quân. Ngày mồng 1, đang liên hoan cùng đồng bào thì anh Đồng tới. Anh Đồng suốt thời gian qua bị sốt luôn, nước da xanh tái, thay mặt cơ quan chúc Tết, mừng bộ đội liên tiếp thắng trận, và nói cho anh em nghe tình hình phong trào các nơi. Mọi người hết sức phấn khởi.

Sáng mùng 2 Tết, trở về tổng Hoàng Hoa Thám, nơi khoảng hai tháng trước đây đội đã làm lễ thành lập. Bộ phận của anh Hoàng Văn Thái đi hoạt động mở rộng cơ sở vùng Nậm Ti, từ Tĩnh Túc về Phía Uất, cũng vừa về tới nơi. Đồng bào đã mổ trâu, giết lợn từ mấy hôm trước. Đúng như lời chúc mừng của một đồng chí trong ngày thành lập đội, Trung đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đã lớn lên thành một đại đội, đã lập nên được chiến công, và bây giờ trở về đây ăn Tết với đồng bào.

Phong trào tại hai tổng Trần Hưng Đạo, Hoàng Hoa Thám đã sôi nổi hơn trước nhiều. Trên dọc một con suối trong rừng sâu, đồng bào đã cất sẵn mấy ngôi nhà vầu, mái lợp lá chuối, có sàn nứa cao ráo, chờ bộ đội, và chuẩn bị sẵn bò, lợn, bánh trái. Quà của nhân dân gửi về tặng bộ đội do các trạm chuyển đến rất nhiều. Những gói giò, những thanh chè lam, những ống tre đựng đầy thịt muối để làm lương khô, những đôi giày vải do tự tay các mẹ, các chị khâu, cùng với gạo, ngô, vải vóc. Mỗi món quà đều mang nặng tình thương yêu của đồng bào với những người con bộ đội cách mạng. Những ngày đầu Xuân năm đó thật tưng bừng, phấn khởi.

Thi hành chỉ thị của Bác, đội luôn luôn nhớ đến nhiệm vụ của mình: “Chính trị trọng hơn quân sự, tuyên truyền trọng hơn tác chiến”. Cho nên, trước khi đánh đã nghĩ đến mục đích tuyên truyền; sau khi đánh lại tận dụng thắng lợi để mở rộng công tác tuyên truyền. Bây giờ, tin thắng lợi của đội đã đồn ra khắp các châu, huyện. Nhận thấy, nếu cuộc thắng lợi ấy chỉ có một trăm người biết thì chỉ có ảnh hưởng đối với một trăm người; nhưng nếu làm cho một nghìn người biết, thì về mặt chính trị, chẳng khác gì ta đã thu được mười cuộc thắng lợi hay là một cuộc thắng lợi lớn gấp mười. Chúng tôi cùng liên tỉnh đặt một kế hoạch mở rộng tuyên truyền đi đôi với một kế hoạch mở rộng tổ chức cơ sở chính trị và lực lượng vũ trang. Trên báo *Việt Nam độc lập*, mấy số liên đều có những bài đặc biệt thuật lại các trận đánh của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.

Vả lại, không phải chỉ đánh mới tuyên truyền được. Ngoài tác chiến ra, chúng tôi còn trực tiếp tiến hành công tác vũ trang tuyên truyền trong nhân dân. Vũ trang tuyên truyền là dùng lực lượng vũ trang để tuyên truyền chính trị, làm cho nhân dân tin tưởng ở sức mạnh của cách mạng, rồi từ đó đưa đến chỗ giác ngộ chính trị. Nhân dân khi thấy quân cách mạng có vũ khí, thì hay tin tưởng vào vũ khí. Các cán bộ, chiến sĩ đã chú ý dùng những lời lẽ đơn giản để nói cho đồng bào hiểu, sức mạnh của vũ khí chỉ là một sức mạnh phụ thuộc, sức mạnh tinh thần của toàn dân đoàn kết mới là sức mạnh quyết định. Chúng tôi đã coi đó là một yêu cầu cơ bản của công tác vũ trang tuyên truyền. Nếu không làm cho nhân dân hiểu rõ điều đó, thì không đạt được mục đích của công tác vũ trang tuyên truyền.

Nhân dịp Tết, đội đã in những thiệp mừng trên giấy hồng, gửi cho các hội cứu quốc, các trường học, các thân hào thân sĩ, chúc sang năm mới, nhân dân được hưởng muôn sự tốt lành, nước nhà sẽ giành được độc lập, tự do. Đoàn thể tổ chức nhiều cuộc mít tinh đông đảo để báo tin thắng lợi, hô hào nhân dân ủng hộ đội quân cách mạng. Từ chợ đến quê, đâu đâu cũng đầy khẩu hiệu của Giải phóng quân “*Kính trọng dân, giúp đỡ dân, bảo vệ dân*”, những tờ biểu ngữ “*Mỗi viên đạn một tên giặc*”. Truyền đơn hô hào binh lính “*Quay súng lại bắn vào đầu quân giặc, đi theo Giải phóng quân*” được phát khắp nơi.

Ảnh hưởng của các cuộc chiến thắng khá sâu rộng. Bọn Tây đồn, binh lính ta trong quân đội Pháp đâu đâu

cũng bàn tán, phục tài dùng binh của cán bộ cách mạng, sợ lực lượng hùng hậu của quân đội cách mạng. Binh lính nhắc nhiều đến các nữ chiến sĩ du kích bằng một thái độ đặc biệt khâm phục. Họ khuyên nhau, nếu gặp quân cách mạng thì không nên chống cự, cứ theo hàng là tức khắc được đổi đãi tử tế. Nhiều tên Việt gian phản động mới trước đây còn ra sức khủng bố cách mạng, nay bảo nhau kéo đến tìm cán bộ Việt Minh để ký giấy nhận tội, nguyện đem trả lại những tiền bạc, lễ vật đã đục khoét của nhân dân. Những người lừng chừng, phần lớn ngã về phía cách mạng và ủng hộ cách mạng. Bà con hội viên thì hăng hái bội phần. Số cán bộ tình nguyện đi công tác thoát ly ngày càng tăng. Phong trào đấu tranh vũ trang sôi nổi trong nhân dân.

Đến mỗi địa phương, sau khi tiến hành tuyên truyền, đội bắt tay ngay vào công tác tổ chức. Đội chọn một số thanh niên hăng hái tiến hành huấn luyện, rồi giao nhiệm vụ cho họ tiếp tục công tác tại địa phương. Ngoài ra, đội còn lựa chọn một số thanh niên để đưa vào đội. Các anh em này sẽ được giáo dục, rèn luyện dần trong quá trình ở bộ đội để sau này, khi cần thì sẽ đưa trở về địa phương công tác, làm nòng cốt cho phong trào.

Chúng tôi quyết định: Đi đôi với việc tác chiến phải dùng vũ trang tuyên truyền trực tiếp để gây dựng một khu vực rộng rãi, từ các vùng rừng núi giáp giới Hòa An, gần tỉnh lỵ Cao Bằng cho đến các châu Nguyên Bình, Ngân Sơn, Chợ Rã, vùng phụ cận các triền núi Phia Uắc, Phia Giã, Phia Bióc.

Sau mấy ngày Tết ngắn ngủi, đội gấp rút tiến hành công tác huấn luyện một thời gian, rồi phân tán đi hoạt động ở các nơi, vừa xây dựng cơ sở, vừa tranh thủ tác chiến với địch. Anh Hoàng Văn Thái đi về Phía Uất, điều tra mỏ Tĩnh Túc. Một trung đội ở lại vùng Benle (Belair) chờ cơ hội tiêu diệt địch. Một trung đội bố trí phục kích tại vùng Khâu Áng, Ngân Sơn. Tôi tranh thủ thời gian viết lại những kinh nghiệm của các cuộc chiến đấu tại Phai Khắt, Nà Ngần, Đông Mu để trao đổi với các nơi.

Các hoạt động của chúng tôi phần lớn hướng về phía nam.

XXIV

Bước sang đầu năm 1945, cuộc giao chiến giữa Đồng minh và bọn phát xít xâm lược đã đi vào giai đoạn cuối cùng. Phát xít Đức đang ngắc ngoải giữa hai gọng kìm siết chặt của Hồng quân Liên Xô và quân đội Anh - Mỹ, tại Thái Bình Dương, sau khi mất Phi Luật Tân, đường liên lạc trên mặt biển của Nhật đã hầu như bị cắt đứt. Trước tình hình quân đội Đồng minh sớm muộn cũng sẽ vào Đông Dương, Nhật phải tiêu diệt Pháp để trừ một mối lo về sau. Phong trào cách mạng ở miền xuôi và trên cả nước ngày càng sôi nổi. Nhưng do sự khủng bố của địch, liên lạc giữa căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng với Trung ương ở miền xuôi thường bị gián đoạn.

Liên tỉnh ủy gấp rút kêu gọi nhân dân chuẩn bị đón lấy thời cơ, và chỉ thị cho các đội vũ trang, các đội tự vệ sẵn sàng mở rộng đấu tranh vũ trang.

Để kịp với sự phát triển của tình hình, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân tích cực thi hành kế hoạch tiến về phía nam. Một bộ phận đi trước khôi phục và mở rộng những cơ sở trên dọc đường từ Ngân Sơn, qua Chợ Rã, Chợ Đồn tiến về phía Chợ Chu.

Trong khi đợi củng cố đường giao thông, đại bộ phận đầy mạnh hoạt động tại khắp vùng tiếp giáp hai tỉnh Cao Bằng - Bắc Kạn. Những hoạt động vũ trang tuyên truyền đã đi vào nền nếp, phát triển thuận lợi. Nhiều nơi, trên những bản làng tan nát, phong trào phục hồi nhanh chóng, trở lại sôi nổi, phấn khởi như trước thời kỳ địch khủng bố. Nhưng việc tác chiến trở nên khó khăn hơn. Thanh thế của bộ đội cách mạng đã lớn, buộc kẻ địch phải đề phòng cẩn mật. Với những trang bị thô sơ và trình độ bộ đội mới bước đầu xây dựng, còn nhỏ bé, ta chưa thể cườn tập tiêu diệt đồn địch. Trong khi di chuyển, bọn địch cũng rất tinh khôn, biết tìm cách né tránh các cuộc phục kích của ta. Có lần, một trung đội do đồng chí Quang Trung chỉ huy, bắt gặp một bọn lính đi tuần, đã sẵn sàng nổ súng tiêu diệt quân địch, nhưng vì địch biết lợi dụng sương mù để di chuyển, nên ta nghe rõ tiếng giày đinh của chúng mà không nhìn thấy, đành để chúng đi thoát.

Một hôm, tôi mở cuốn *Chiến tranh du kích kháng Nhật* của đồng chí Chu Đức ra đọc lại chương “Nguyên tắc căn bản của chiến thuật du kích”, thấy đồng chí có viết một câu đại ý như sau: “Phải hành động cho thật tích cực mà bị tổn thất ít nhiều, cũng còn hơn là hành động không tích cực”, tôi đã có cảm tưởng như câu nói đó, đồng chí đã viết để tặng riêng cho chúng tôi. Đã nhiều lần, các đơn vị rất quyết tâm tiêu diệt địch lập công, nhưng hoặc tìm không thấy giặc, hoặc có lúc được tin giặc đến thì quân ta chưa chuẩn bị sẵn sàng, hành quân chậm trễ, thành thử cũng không đánh được giặc. Lúc này càng thấm thía phương châm Bác đã chỉ thị ngay từ ngày mới thành lập

đội: “bí mật, nhanh chóng, tích cực...”. Bộ đội ta mới chỉ là một lực lượng du kích tập trung nhỏ bé, vũ khí ít, lương thực không có nhiều, nếu không hết sức tích cực, chủ động tìm địch mà đánh, thì không thể nào tiêu diệt được lực lượng địch, bồi dưỡng được lực lượng ta. Đơn vị quyết tâm thực hiện phương châm “tích cực”, lúc nào cũng sẵn sàng vũ khí, lương thực, tìm nơi đóng quân thuận lợi, tăng cường công tác tình báo, thông tin nhanh chóng, liên lạc kịp thời, hành quân nhẹ nhàng... để không bỏ lỡ thời cơ tiêu diệt địch.

Đội đã điều tra quy luật di chuyển của quân địch trên đường từ Nà Ngần đi Benle và chuẩn bị đánh địch trên con đường này. Khi được tin chắc chắn có đội vận tải của địch sắp đi qua, một trung đội do đồng chí Hoàng Sâm chỉ huy, đã hành quân cấp tốc cả một buổi sáng và suốt một đêm đến địa điểm phục kích. Trung đội được bố trí kín đáo trên quãng đường, một bên là thành vai, cây cối rậm rạp, một bên cỏ gianh mọc um tùm. Anh Hoàng Sâm và tôi đã chọn địa điểm chỉ huy ở trên một quả đồi có thể nhìn xa khoảng ba kilômét, theo dõi sự vận chuyển của địch. Bố trí từ sáng đến ba giờ chiều địch mới về tới nơi. Địch lọt vào giữa vòng vây, anh Hoàng Sâm bắn một phát súng ra hiệu xung phong. Quân địch không tên nào kịp chống cự. Trận này, ta bắt sống gần một trung đội địch, thu 16 khẩu súng và khá nhiều lương thực, đạn dược.

Bộ đội ta tuyên truyền giải thích cho tù binh, rồi thả một số cho trở về đồn Nà Ngần. Quân địch còn đóng tại đây hết sức hoang mang. Ngay đêm ấy, bộ đội ta tiến theo đường núi tới bao vây đồn. Tiếng súng, tiếng hô xung

phong xen lẫn với tiếng loa kêu gọi. Tinh thần binh lính địch trong đồn tan rã, một số bỏ chạy, một số mang súng ra hàng. Chúng ta thu được gần 30 khẩu súng. Trời tảng sáng, bộ đội vào chiếm đồn, thu tất cả đạn dược và đồ quân dụng.

Sau mỗi lần chiến thắng, đội lại điều động một số cán bộ và phân phối những vũ khí thu được về các châu để xây dựng lực lượng vũ trang địa phương. Châu Hòa An đã thành lập trung đội Giải phóng quân. Các châu, huyện khác cũng đều sửa soạn thành lập những trung đội Giải phóng quân.

Thượng tuần tháng 3, anh Phạm Văn Đồng và anh Vũ Anh tới thăm bộ đội tại tổng Hoàng Hoa Thám. Các anh nói: Tình hình rất khẩn trương, nhiều triệu chứng Nhật sắp lật Pháp, đội phải đi xuống phía nam sớm, mở nhanh đường liên lạc với vùng xuôi.

Hai ngày sau, đồng bào đi chợ Nguyễn Bình về nói chuyện, xe Nhật chở quân từ tỉnh lỵ đến đánh chiếm đồn Nguyễn Bình và bắt Tây làm tù binh.

Chúng tôi đoán có xung đột lớn. Nếu đời thảo luận với các anh em thì sợ lỡ thời cơ, theo kế hoạch Nam tiến đã bàn bạc bữa trước, chúng tôi quyết định cho Giải phóng quân xuất phát ngay.

Cả đại đội từ trong rừng Phan Thanh, tổng Hoàng Hoa Thám kéo xuống cánh đồng Kim Mã giữa ban ngày. Lần đầu, lá cờ đỏ sao vàng ngang nhiên phấp phới tung bay giữa cánh đồng, đồng bào trong các làng, bản đổ ra đón chào hoan hô bộ đội.

Sau bao năm hoạt động bí mật, sinh sống trong rừng sâu, núi hiểm, mỗi khi qua các làng mạc đều phải đi đêm, nén từng tiếng ho, nhẹ từng bước chân, đến bây giờ, chúng tôi bỗng ra khỏi rừng, giữa ban ngày ung dung đi trên con đường cái, trên cánh đồng, được đồng bào nhiệt liệt đón mừng, ai nấy đều hết sức cảm động, sung sướng. Các cổng làng, các điểm gác biển mất hẳn dáng vẻ kinh sợ ngày xưa. Những làng, bản, những mái nhà lúc này như mới trở về tay nhân dân. Trời như cao hơn, nắng như ấm hơn, ngọn tre, nhành lúa đều có vẻ tươi sáng hơn mọi ngày. Hương vị tự do, độc lập tràn khắp núi rừng, làng mạc. Thực không thể nào tả được cái không khí thơm nhẹ, cái cảm tưởng hớn hở của những người lần đầu được hưởng những hương vị độc lập, tự do.

Chúng tôi tổ chức mít tinh, giải thích với đồng bào: “Nhật Pháp đã đánh nhau, đây là thời cơ tốt để đứng dậy chuẩn bị khởi nghĩa”, và hạ lệnh cho tất cả các lính đồng phải nộp súng.

Ngày hôm sau, chúng tôi biên thư báo cáo, rồi kéo thẳng theo đường cái, tiến xuống châu Ngân Sơn. Đọc đường, một trung đội do đồng chí Sơn Cương chỉ huy được phân công ở lại tổng Hoàng Phài, bắt tên tổng đoàn phản động, tịch thu vũ khí của các lính đồng, và tuyên truyền giải thích cho nhân dân. Có tin, tên Pháp chỉ huy đồn Ngân Sơn không chịu rút quân ra khỏi đồn, hình như muốn nấn ná ở lại, đợi Nhật đến. Chúng tôi lập tức biên thư cho hắn: “Nếu muốn cùng hợp tác với Việt Minh để đánh Nhật thì phải kéo quân vào ngay khu du kích, sẽ được giúp đỡ, trái lại, nếu ở lại để nộp khí giới cho Nhật thì Việt Minh sẽ đánh lấy đồn”.

Chiều hôm ấy, tên chỉ huy đồn cùng vợ to béo, đưa theo toàn bộ binh sĩ đóng tại đồn Ngân Sơn, đến một địa điểm được chỉ định gần nơi bộ đội đóng quân. Chúng tôi tiếp nhận bộ phận binh lính này.

Các anh Hoàng Sâm, Quang Trung cùng một đơn vị theo dọc đường quốc lộ tiến xuống Phủ Thông, đi về phía Bắc Kạn tước vũ khí lính đồng, phát triển bộ đội và chiến đấu với Nhật.

Đại bộ phận tiến về phía Chợ Rã.

Trên suốt dọc đường, đồng bào tấp nập đổ ra đón mừng, hoan hô bộ đội. Thấy các lý trưởng, quản chiếu trước kia hàng ngày vẫn lên đồn trình bẩm, bây giờ mang gà, gạo đến úy lạo bộ đội, gọi chúng tôi là “đồng chí”, viên Tây đồn hết sức kinh ngạc, hỏi:

- Những người này đối với các ngài là thế nào?

Chúng tôi đáp:

- Đó là những hội viên ở trong các hội cứu quốc của Việt Minh.

Tên Tây đồn ngăn người ra rồi nói:

- Đất đai dưới chân tôi biến mất từ bao lâu nay mà tôi không hề hay biết! Không ngờ Việt Minh lại có lực lượng to lớn như thế này!

Hắn nói không hiểu tại sao quân đội Pháp trước kia đi đến đâu nhân dân cũng trốn tránh, mà bộ đội Việt Minh đi đến đâu, nhân dân cũng đón chào.

Chúng tôi đã nắm được tình hình tư tưởng binh lính tại đồn Ngân Sơn, chỉ một số rất ít muốn đi theo bộ đội cách mạng, phần lớn muốn trao súng lại để trở về nhà. Tôi

Chợ Rã, tên quan đồn ngõ ý muốn chia tay chúng tôi để kéo quân sang Trung Hoa, nhưng toàn thể binh lính không ai chịu theo hấn, xin nộp khí giới cho bộ đội cách mạng rồi trở về nhà. Hai vợ chồng tên Pháp xin ta cấp giấy để đi về phía biên giới Việt - Trung.

Bộ đội ta gửi thông tri cho tên tri châu và tên đồn trưởng người Pháp đang lẫn lút ở chung quanh Chợ Rã biết, chúng ta sẽ vào giải phóng Chợ Rã. Tên tri châu này nổi tiếng là phản động, chạy trốn định đi báo tin cho Nhật, lập tức bị đuổi bắt lại và tuyên án xử bắn trước nhân dân. Tên chỉ huy đồn xin nộp lại bốn trung đội lính khổ xanh cùng toàn bộ vũ khí cho quân cách mạng.

Quân đội Pháp còn trong địa hạt tỉnh Bắc Kạn lúc bấy giờ khoảng trên dưới năm trung đội, trong đó có một số sĩ quan Pháp, do một tên quan năm chỉ huy. Các đơn vị này được lệnh cấp trên của chúng, tiến hành những hoạt động quấy nhiễu Nhật trong khi còn ở lại đợi lệnh mới. Có tin, bọn chỉ huy Pháp định tập trung quân ở miền sông Thao, gây căn cứ du kích đánh Nhật, và đang liên lạc với Bộ tham mưu Đồng minh ở Trung Hoa.

Chúng tôi viết thư cho tên chỉ huy Pháp khuyên hấn cùng Việt Minh đánh Nhật với các điều kiện: 1 - Phải tôn trọng chủ quyền của ta. 2 - Binh lính của hấn không được quấy nhiễu nhân dân. 3 - Ta sẽ để nhân dân bán cho hấn lương thực. Nhưng thực ra bọn chỉ huy Pháp không có ý muốn chống cự với Nhật, chúng chỉ mong thoát thân. Hầu hết binh sĩ của chúng đến gặp ta, nộp súng, rồi xin trở về quê quán.

Sau này, chúng tôi biết, bọn Pháp mặc dầu có hàng vạn quân trong tay, nhưng khi bị Nhật lật, chỉ làm có

hai công việc: chạy trốn và đầu hàng. Đại bộ phận quân Pháp ở Cao Bằng rút chạy sang Trung Hoa, một bộ phận dồn về phía Bắc Kạn. Bọn tàn quân ở Lạng Sơn kéo về Bắc Kạn, hợp nhất với bọn ở đây, rồi chạy về Pắc Nặm, qua Nặm Quét sang Trung Hoa. Binh lính của chúng ở Bắc Giang, Thái Nguyên, Sơn Tây... đều rút lên Tuyên Quang, men theo đường rừng dọc sông Gâm, đến Nặm Quét hay tới Hà Giang để vượt biên giới. Chúng đi hốt hoảng, vội vã, quên cả dặn dò những tên tay chân tổng đốc, tuần phủ đón chúng ở dọc đường. Nhưng chúng không quên dùng hơi ngạt giết chết những người cách mạng bị giam giữ tại Cao Bằng, Yên Bái. Trên dọc đường rút lui, chúng cướp bóc nhân dân hết sức tàn tệ. Có nơi, đồng bào bỏ chạy vào rừng; một tháng sau, cán bộ Việt Minh đến giải thích rồi, vẫn chưa dám trở về làm ăn. Hầu hết các binh lính người Việt bị dồn theo, đều bỏ rơi chúng, đem vũ khí nộp cho bộ đội cách mạng, rồi trở về làng. Một số xin gia nhập hàng ngũ Quân giải phóng để chống Nhật.

Khi chúng tôi vào Chợ Rã thì cờ đỏ sao vàng đã đỏ rực trên suốt dọc phố, trên mái đình, trên trường học. Nhân dân trông chờ bộ đội, nhà nào cũng chuẩn bị cơm nước để đón bộ đội.

Lâu lắm mới thấy lại đường phố. Chợ Rã chỉ là một châu lỵ nhỏ ở miền thượng du, nhưng trước mắt chúng tôi lúc này phố xá, nhà cửa đã có vẻ to lớn. Các đồng chí liên lạc đưa chúng tôi vào nghỉ tại một gia đình cơ sở ở trong phố. Chủ nhà là một người miền xuôi, trước kia là độc giả của báo *Tin tức* trong thời Mặt trận Bình dân.

XXV

Chúng tôi ở lại Chợ Rã một hôm, tổ chức mít tinh để tuyên truyền, giải thích những chính sách của Việt Minh, tước súng của lính đông, tổ chức lực lượng vũ trang châu, tuyển mộ một số thanh niên để mở rộng bộ đội và nhằm đào tạo cán bộ cho địa phương về sau. Chính quyền địch đã hoàn toàn tan rã. Mọi việc từ tổ chức các đoàn thể cứu quốc, chống cự với Nhật khi chúng kéo lên, cho tới việc tranh chấp ruộng, rẫy... nhân dân đều đến hỏi cán bộ. Đội giao nhiệm vụ cho đồng chí Mai Trung Lâm ở lại địa phương, rồi tiếp tục tiến về phía nam. Anh Hoàng Văn Thái chỉ huy một đơn vị đi về phía Lục An Châu. Đại bộ phận anh em trong đội đi xuống Chợ Đồn.

Bộ phận tiến xuống phía Chợ Đồn phải qua hồ Ba Bể là một thắng cảnh. Lần này, lại được đến nơi trong những ngày đất nước bắt đầu đổi mới, thấy thật là một thắng cảnh tuyệt vời. Hồ Ba Bể do ba cái hồ rất lớn hợp thành. Giữa những núi non hùng vĩ đột ngột hiện ra một dải nước mênh mông, rất nhiều ngòi, lạch tia ra xung quanh, giống như một vịnh Hạ Long thu nhỏ ở ngay giữa đất liền. Tại vùng này, việc giao thông chủ yếu phải dùng thuyền, bè, hay canô, vì đường qua núi rất ít nẻo đi thông.

Giữa hồ có một dải đất nổi lên như hòn đảo. Tại đây, thực dân Pháp trước kia đã xây một khách sạn khá lớn để phục vụ cho những “ông tây, bà đầm” đi nghỉ mát và xem cảnh đẹp. Tây từ lâu không đến, nhưng những người phục vụ tại khách sạn vẫn còn. Chúng tôi điều tra xem Pháp có cất giấu súng đạn ở chung quanh đây không. Anh chị em làm việc tại khách sạn dẫn chúng tôi đi lấy được một số đạn giấu ở hốc đá. Đội triệu tập đại biểu nhân dân các xã chung quanh tới để tuyên truyền, giải thích chính sách và tuyển một số thanh niên vào đội. Nhân dân nô nức đến chào mừng bộ đội, mang theo nhiều lương thực, và sốt sắng cho con em gia nhập hàng ngũ Giải phóng quân. Đội quyết định tịch thu mọi thứ đồ đạc của bọn thực dân còn để tại khách sạn như chăn, màn, vải vóc... chia cho đồng bào nghèo, và tặng lại những gia đình có con em đi Giải phóng quân.

Sáng hôm sau, chúng tôi dậy sớm, chuyển vào một làng ở ven hồ. Mặt trời đỏ thắm nhô dần lên khỏi mặt nước. Một đoàn thuyền độc mộc chở bộ đội nối theo nhau lướt trong gió mát lạnh ban mai. Chúng tôi thấy rõ ràng mình đang đi giữa một kỳ quan của thiên nhiên. Đồng bào đang quăng chài, kéo lưới, đều ngừng làm việc để nhìn bộ đội đi qua. Máy chị người Tày đem những con cá tươi vừa đánh được, tặng bộ đội.

Từ khi ở Chợ Rã ra đi, có một điều làm tôi hết sức suy nghĩ. Cho đến lúc đó, vẫn chưa nắm được rõ ràng tình hình chung. Bọn Pháp có nói Nhật đã đánh chúng, nhưng chính chúng cũng không rõ tình hình tại Hà Nội ra sao.

Tuy vậy, chúng tôi vẫn đoán chắc chắn là có sự biến chuyển lớn. Vấn đề chính làm tôi băn khoăn là: Pháp đã bỏ chạy, chính quyền cũ hoàn toàn tan rã, lúc này đã nên thành lập chính quyền cách mạng chưa? Trường hợp này, khi chúng tôi còn ở cơ quan chưa có dịp bàn đến. Tôi nghĩ đến những điều đã đọc trong các tác phẩm của Lênin: đại ý như: “Khi tình thế cách mạng trực tiếp đã xuất hiện thì phải kiên quyết đứng lên... Phải luôn luôn tiến công... Phải hết sức cân nhắc những điều kiện khởi nghĩa, nếu đã chín muồi thì phải hành động ngay, nhưng nếu manh động thì thất bại...”. Điều kiện như thế này là đã chín muồi chưa? Vấn đề này chưa có chỉ thị của Trung ương mà Liên tỉnh ủy cũng chưa có nghị quyết. Lại nhớ đến lần Bác phê bình những nghị quyết về khởi nghĩa của Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng. Rồi lại nghĩ, ngày đó Bác phê bình là rất đúng, nhưng hiện nay tình hình đã khác hẳn trước rồi. Năm trước, chúng tôi xuống Chợ Rã, phải đi lén lút trong rừng sâu, e ngại từng vọng gác nhỏ của địch; lần này, cả đoàn quân kéo đi trên đường cái, giữa ban ngày, không gặp sức mạnh nào cản trở. Cuối cùng, tôi nhận thấy, với chủ trương chung cho tất cả các nơi thì phải đợi chỉ thị của trên, nhưng riêng trong vùng này thì nên thành lập chính quyền cách mạng.

Tôi quyết định để đại bộ phận tiếp tục tiến về Chợ Đồn, mình cùng một số đồng chí quay lại Chợ Rã.

Khi họp để trao đổi về ý định này tại Chợ Rã, các cán bộ đều nhất trí. Tại châu lỵ Chợ Rã và mấy xã lân cận, cơ sở cũ của ta không có mấy. Chúng tôi tiến hành điều tra,

một số người từ trước đến nay vẫn tỏ ra có cảm tình đối với cách mạng, được nhân dân tại đây tin cậy, thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời Chợ Rã. Cán bộ triệu tập mít tinh, giới thiệu ủy ban ra mắt nhân dân. Chính quyền mới tuyên bố sẽ thực hiện *Mười chính sách lớn* của Việt Minh đã ban hành. Chúng tôi cùng thảo luận với cán bộ địa phương kế hoạch tuyên truyền, tổ chức ủy ban nhân dân lâm thời tại các xã trong toàn châu, kế hoạch xây dựng các hội cứu quốc, các đội tự vệ, chia công điền, và chuẩn bị trước một địa điểm ở nơi an toàn để tạm rút nếu quân Nhật kéo lên đông, ta chưa đủ sức chống cự. Tôi biên thư cho đồng chí Sơn Cương, nêu ý kiến cần thành lập ngay chính quyền nhân dân ở trên đó.

Ngày hôm sau, chúng tôi lại quay xuống Chợ Đồn. Bộ đội dừng lại ở bản Chi Án, một nơi chưa có phong trào. Sau khi chúng tôi tước vũ khí của lính đồng, thành lập ủy ban nhân dân lâm thời, nhân dân địa phương hỏi ngay đến vấn đề ruộng đất. Cán bộ, bộ đội đã tiến hành điều tra vấn đề ruộng đất, nợ lãi tại đây, sau đó đem chia tất cả những công điền cho dân.

Đến Chợ Đồn, thì nhận được thư của các anh.

Ngay sau khi Nhật đảo chính Pháp, Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng đã ra nghị quyết:

1. Đánh đổ chế độ thống trị của Pháp ở hương thôn, rồi tùy nơi, sẽ thành lập chính quyền nhân dân từ cấp xã đến cấp châu, huyện, phủ, hoặc đến cấp tỉnh.

2. Phân phối cán bộ của đội tuyên truyền về cùng các đội vũ trang địa phương tổ chức thêm những đơn vị Giải phóng quân mới, chuẩn bị trực tiếp đánh Nhật.

3. Phá hoại đường sá, cầu cống, dân chúng tích cực làm vườn không nhà trống khắp nơi.

4. Đối với quân đội Pháp bị Nhật đánh đuổi, chủ trương không khiêu chiến với họ trong lúc họ rút lui, mà tích cực kêu gọi họ cùng nhau thành lập mặt trận chống Nhật.

Các đội Giải phóng quân ở Cao Bằng đã được lệnh đi về nhiều hướng khác nhau. Anh Thiết Hùng chỉ huy một đơn vị tiến sang chiến đấu tại phía Bảo Lạc, sau đó tiến về mạn Thất Khê, Bình Gia cùng các đồng chí Đàm Ninh Viễn, Hoàng Minh Thảo đẩy mạnh mọi hoạt động. Anh Lê Quảng Ba đã chỉ huy một đơn vị tiến về biên giới Việt - Trung, phía Sóc Giang, sau khi giao nhiệm vụ chiến đấu lại cho anh Bằng Giang, tiếp tục tiến sang phía Bắc Quang.

Các đơn vị vũ trang tại Cao Bằng đã hạ một loạt đồn trại, thu súng của lính đồng, gọi tước vũ khí của các đoàn quân Pháp nối tiếp nhau vượt qua biên giới Việt - Trung từ Trùng Khánh đến châu Bảo Lạc, đã thu được hàng ngàn súng, trong đó có nhiều súng máy, có cả súng cối và đại bác; ngoài ra còn thu được khá nhiều lừa ngựa. Một số sĩ quan Pháp không đáp lời kêu gọi của ta cùng hợp tác chống Nhật, còn quay lại bắn vào ta, như ở Trà Lĩnh, Mã Phục, đã bị các lực lượng vũ trang của ta đánh bại, phải nộp toàn bộ vũ khí.

Với những lực lượng cách mạng không ngừng được tôi luyện trong suốt mấy năm qua, trong tình hình chuyển biến mới có lợi, phong trào cách mạng Cao Bằng như nước vỡ bờ tràn lan nhanh chóng khắp nơi. Không đầy một tháng sau khi Nhật đảo chính, toàn bộ các châu Hòa An,

Nguyên Bình, Hà Quảng, tại Thạch An và một phần các châu Bảo Lạc, Quảng Uyên, Trùng Khánh... chính quyền đã về tay nhân dân ta. Các bạn Việt Minh tổng và xã đều ra công khai; mọi thứ thuế má cũ đều bãi bỏ; ra đường mọi người đều chào nhau bằng “đồng chí”. Thanh niên, đặc biệt là những người ở trong các đội tự vệ, tự vệ chiến đấu nô nức tòng quân. Với những vũ khí đoạt được của địch, các châu tại Cao Bằng đã dần dần thành lập trên mười đại đội Giải phóng quân. Anh Vũ Anh cùng một đơn vị tiến xuống phía Bắc Sơn, Đình Cả. Những đại đội Giải phóng quân mới được tổ chức di chuyển về phía nam, sẵn sàng đợi lệnh.

XXVI

Cuối tháng 3-1945, chúng tôi về tới Chợ Chu.

Ngay sau ngày Nhật đảo chính, các đơn vị Cứu quốc quân đã nổi lên hoạt động, chặn đánh quân Pháp tại Đèo Khế, tước khí giới, đoạt những vũ khí quân đội Đồng minh thả dù tiếp tế cho Pháp bao vây hạ một loạt đồn bốt châu lỵ: La Hiên, Chợ Chu, Chiêm Hóa, Đại Từ... Đảng bộ Thái Nguyên và Ủy ban quân chính Thái - Tuyên đã lãnh đạo nhân dân ở các xã giành chính quyền từng bộ phận. Cuối tháng 3-1945, chính quyền ở các xã trong tỉnh hầu hết đã về tay ta.

Về phía Tuyên Quang, Cứu quốc quân hạ đồn Đăng Châu, chiếm đóng huyện Sơn Dương. Chính quyền nhân dân đã thành lập ở nhiều châu, huyện từ bờ sông Lô đến đường quốc lộ số 3, và về phía nam tới gần tỉnh lỵ Vĩnh Yên.

Trong khi chúng tôi gặp nhau tại Chợ Chu thì các đơn vị Cứu quốc quân, Giải phóng quân khác cũng gặp nhau tại Đại Từ (Thái Nguyên), Chợ Đồn (Bắc Kạn), Đầm Hồng, Bản Thi, Chiêm Hóa, Sơn Dương (Tuyên Quang), Văn Mịch (Lạng Sơn).

Những người bạn chiến đấu gặp nhau lần này trong

vận hội mới của cách mạng, tay bắt mặt mừng giữa ban ngày tại phố xá đông đúc, khác hẳn lần gặp trước trong rừng sâu, đêm khuya cách đây hơn một năm. Chúng tôi kể lại cho nhau nghe tình hình phong trào cách mạng trong những vùng đã công tác từ ngày đó đến nay. Anh Chu Văn Tấn cho biết phong trào tại Thái - Tuyên đang phát triển mạnh, và đã bắt được liên lạc với Trung ương ở miền xuôi.

Bộ đội đóng quân ngay tại chợ. Công việc dồn dập. Cuộc hàn huyên không thể kéo dài. Sau một đêm liên hoan tưng bừng, cán bộ chiến sĩ Cứu quốc quân, Giải phóng quân chia nhau đi làm công tác dân vận.

Về đến đây, chúng tôi biết, ngay sau khi Nhật bắt đầu đảo chính, Trung ương Đảng đã ra bản chỉ thị: *Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*, ấn định đường lối, sách lược của Đảng trước tình hình mới. Khẩu hiệu: “Đánh đuổi Nhật, Pháp” nay thành: “Đánh đuổi phát xít Nhật”. Đảng chủ trương: “phát động một cao trào kháng Nhật, cứu nước mạnh mẽ, làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa”.

Ít ngày sau, tôi nhận được thư của anh Trường Chinh triệu về họp Hội nghị quân sự Bắc Kỳ. Tôi viết thư lên Cao Bằng báo cáo tình hình với các anh, rồi lên đường đi họp.

Hết đường rừng, phải bỏ ngựa lại, bắt đầu đi bộ. Các đồng chí đã kiếm cho tôi đủ bộ, quần trắng, áo the, khăn xếp, làm hành trang đi đường. Qua Đại Từ, Cát Nê, Kỳ Phú, Phố Nỉ... mỗi lúc một thấy gần miền xuôi. Đã mấy

năm nay mới lại nhìn thấy cánh đồng xanh chạy dài tít tắp đến chân trời. Chưa kịp vui vì được nhìn lại những cánh đồng quê hương thì lòng đã se lại khi thấy đồng bào lam lũ, đói rách quá chừng. Người đói từ miền xuôi kéo lên, nằm rải rác suốt dọc đường, da bọc lấy xương. Mấy năm qua ở Cao - Bắc - Lạng trong thời gian dài địch khủng bố, đồng bào cũng sống rất thiếu thốn, nhưng không đến nỗi cơ cực như thế này. Nghe nói, ở miền xuôi nạn đói còn hoành hành dữ dội hơn nhiều. Có những làng ở Thái Bình, Nam Định dân bỏ đi hết không còn ai. Tại Hà Nội, mỗi sáng, xe chở rác đầy chặt những xác người nhặt trên các hè phố. Cùng với những tội ác đẫm máu của giặc tại Cao - Bắc - Lạng mấy năm qua, lại còn tội ác tày trời chúng đang gây nên ở đây. Sự bóc lột của giặc đã lên tới mức cùng cực. Với lòng căm phẫn tột độ, nhân dân đã đứng dậy cả rồi. Cách mạng không thể nào đi bước một. Tình hình đã cấp bách đòi một sự đổi thay đến tận gốc rễ.

Đến Bắc Giang, thấy mình thật đã đặt chân lên cánh đồng màu mỡ kéo liền một dải của đồng bằng. Từ đây về đến Hà Nội chẳng còn đèo dốc nào. Cảm thấy đã gần nhà quá chừng.

Đồng chí giao thông đưa chúng tôi qua những quả đồi thông xanh xán, tới một làng cơ sở. Tại đây, chúng tôi gặp các anh Trường Chinh, Trần Đăng Ninh, Lê Thanh Nghị, Văn Tiến Dũng...

Cuộc họp kéo dài bốn ngày dưới sự điều khiển của anh Trường Chinh. Anh Chu Văn Tấn báo cáo trước Hội nghị

tình hình phong trào và những hoạt động của Cứu quốc quân tại Thái Nguyên, Tuyên Quang. Tôi báo cáo tình hình phong trào và những hoạt động của Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân tại Cao Bằng, Bắc Kạn. Qua Hội nghị, biết rõ một cao trào kháng Nhật đang lên mạnh từ Bắc chí Nam. Nhiều nơi trên Việt Bắc đã thành lập chính quyền công khai. Nhiều vùng tại trung du đã có Ủy ban Giải phóng dân tộc, tức là một hình thức chính quyền nửa công khai của cách mạng. Tại miền xuôi cũng đã diễn ra nhiều cuộc tuần hành vũ trang rầm rộ. Ngoài những lực lượng vũ trang của Đảng tại Việt Bắc, còn rất nhiều những đội tự vệ, tự vệ chiến đấu ở trung du, ở miền xuôi và ngay ở trong lòng các thành phố lớn. Tại miền Trung, du kích đã nổi dậy ở Quảng Ngãi (sau này chúng tôi mới biết là Đội du kích Ba Tơ)¹. Tại Nam Kỳ những hoạt động của Việt Minh đang phát triển mạnh ở Mỹ Tho và miền Hậu Giang.

Hội nghị nhận định trong tình thế hiện nay, cần phải phát động chiến tranh du kích và chuẩn bị Tổng khởi nghĩa.

Về quân sự, Hội nghị quyết định chia toàn quốc ra bảy chiến khu, đề ra nhiệm vụ xây dựng Việt Bắc thành căn cứ địa chống Nhật kiểu mẫu để mở rộng chiến tranh du kích: thống nhất Cứu quốc quân và Giải phóng quân lại, đồng thời thành lập Bộ Tư lệnh miền Bắc. Hội nghị quyết định sáp nhập một số tỉnh trung du vào căn cứ địa Việt Bắc

1. Xem *Từ núi rừng Ba Tơ*, hồi ký về du kích Ba Tơ của đồng chí Phạm Kiệt.

để làm vùng hoạt động du kích ngoại vi, bảo vệ cho căn cứ. Nhiệm vụ vũ trang Nam tiến được chú ý đặc biệt: một đơn vị bộ đội tinh nhuệ được lệnh tiến gấp về hướng nam. Hội nghị bầu ra một Ủy ban quân sự cách mạng để trực tiếp điều khiển công việc cho đến lúc khởi nghĩa.

Về chính trị, Hội nghị đề ra nhiệm vụ đoàn kết toàn dân, lôi cuốn cả các thành phần tầng lớp trên vào phong trào cứu quốc, đẩy mạnh phong trào đi tới bằng cách kêu gọi nhân dân vũ trang tuần hành trong những vùng chưa phát động du kích. Theo chỉ thị của Bác, Hội nghị ra nghị quyết đề nghị triệu tập một cuộc đại hội đại biểu gồm các giới, các đảng phái, các thân sĩ trong toàn quốc để thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam và tiến tới thành lập Chính phủ lâm thời.

Từ ngày lên đường đi họp, tôi hy vọng về đây gặp các anh sẽ được biết tin nhà. Mấy năm qua, không được tin tức gì về gia đình. Tôi có đôi lần gửi thư về nhà nhưng không rõ có đến nơi hay không. Tôi cảm thấy ngày chúng tôi gặp lại nhau không còn xa nữa.

Buổi đầu, gặp lại anh Trường Chinh và các anh sau bao năm xa cách, thật là vui mừng khôn xiết. Tôi đang ngồi nghe các anh kể chuyện địch khủng bố gặt gao dưới xuôi, cơ quan luôn phải di chuyển địa điểm, thì anh Trường Chinh nói:

- Chị Thái chỉ vì gửi cháu chưa được, chưa kịp đi bí mật thì bị chúng bắt. Cũng không ngờ chị lại bị mất ở trong tù...

Tôi lặng người đi.

Lát sau, tôi hỏi:

- Anh nói sao, Thái mất rồi ư?

Anh Trường Chinh có vẻ ngạc nhiên, hỏi lại:

- Anh chưa biết tin à?

Khi ở Cao Bằng, các anh cũng đã có lần nghe tin đầu như chị Thái bị bắt, nhưng vẫn giấu chưa muốn cho tôi biết. Tôi bàng hoàng đi sang buồng bên, vẫn chưa tin hẳn điều các anh nói là sự thật.

Tôi nằm nhớ lại ngày chúng tôi mới gặp nhau ở Huế trong khi cùng hoạt động bí mật, nhớ đến những lời hứa hẹn sẽ cùng nhau phấn đấu trọn đời cho chủ nghĩa cộng sản, nhớ lại những điều đã dặn dò nhau khi chia tay, nghĩ đến Hồng Anh. Sau này tôi mới biết trong thời gian tôi đi xa, Thái vẫn tiếp tục hoạt động, làm liên lạc cho Trung ương; sau chuyến đi Sài Gòn để gặp chị Minh Khai lần cuối cùng trước lúc chị bị đế quốc đem xử bắn, trở về nhà được ít lâu thì bị bắt. Trong nhà tù, bọn đế quốc đã dùng mọi cực hình tra tấn để truy tìm mối dây liên lạc với anh Hoàng Văn Thụ. Thái đã quyết không khai một lời, giữ trọn khí tiết của người đảng viên cộng sản, và đã mất tại nhà giam Hỏa Lò, Hà Nội.

Liên hôm đó, cuộc họp lại tiếp tục. Các anh hết sức tìm cách an ủi tôi. Cho đến mãi về sau, trong không khí nô nức của những ngày tiền khởi nghĩa, mỗi lúc nghĩ đến Thái, tôi vẫn không tin được là chúng tôi sẽ không bao giờ gặp lại nhau. Nợ nước, thù nhà, oán hờn giai cấp, đối với

người đảng viên cộng sản chỉ có thể trả bằng cách: vượt lên những khó khăn, đau thương, kiên quyết tiến lên trên con đường Đảng đã chỉ rõ, dốc hết sức mình chiến đấu tiêu diệt quân thù, hy sinh tất cả cho sự nghiệp của Đảng, của nhân dân, của dân tộc.

XXVII

Về đến Chợ Chu đúng vào ngày 1-5, chúng tôi dừng lại đây làm mít tinh kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động. Một số tin mừng đến. Bên chiến trường châu Âu, phát xít Đức sắp hoàn toàn gục ngã trước Hồng quân Liên Xô và Đồng minh. Cũng lúc ấy, được tin Bác đi xa mới về, đang từ biên giới xuống với chúng tôi. Trước đó, có tin Bác định về dưới này, chúng tôi đã đề nghị Bác đi theo con đường Nam tiến Bác đã vạch ra cho đội tuyên truyền ngày trước.

Tôi vội vã đi đón Bác. Dọc đường, ngựa phóng nhanh quên nghỉ. Lên Đèo Re, qua Nghĩa Tá, tới Nà Kiên thì vừa gặp Bác đang đi về. Bác ngồi trên mình ngựa, có vẻ mệt sau một chặng đường xa, mặt võ, râu để dài, duy đôi mắt Bác vẫn tinh anh như bất cứ lúc nào.

Từ ngày Bác giao nhiệm vụ xây dựng Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đến bây giờ tôi mới được gặp lại Bác. Tôi không nén được xúc động, báo cáo với Bác:

- Vùng giải phóng đã mở rộng...

Tôi trình bày với Bác tình hình phong trào nhân dân trong những vùng rộng lớn mà chúng tôi đi qua, từ ngày

Bác chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân. Tôi báo cáo đã liên lạc được với Trung ương, đã gặp anh Trường Chinh và các anh, phong trào cách mạng ở miền xuôi đang lên mạnh. Bác chăm chú nghe, bình tĩnh, điềm đạm, trong đôi mắt Bác có ánh vui.

Bác kể chuyện tình hình bên ngoài, thời cơ cũng đang có lợi cho ta. Bác nói, cần chọn ngay trong vùng Cao - Bắc - Lạng hoặc Tuyên Quang, Thái Nguyên một địa điểm có dân tốt, có cơ sở cách mạng tốt, địa hình tốt, có thể thuận tiện làm một trung tâm liên lạc với miền xuôi, miền ngược và ra nước ngoài.

Tôi trở về Kim Quan Thượng bàn với anh Song Hào. Chúng tôi nhận thấy nên chọn vùng Tân Trào. Tân Trào là một vùng rừng núi hiểm trở, nằm giữa Tuyên Quang và Thái Nguyên, rất xa đường cái lớn. Từ ngày các anh Song Hào, Tạ Xuân Thu... thoát ngục Chợ Chu, đã về đây cùng các đồng chí Dục Tôn, Lê Trung Đình... xây dựng cơ sở và thành lập chính quyền cách mạng. Nhân dân và cơ sở tại đây rất tốt.

Anh Chu Văn Tấn mấy hôm trước tưởng Bác về theo đường Chợ Đồn, đã đưa bộ đội lên bố trí tại Đèo So để đón Bác, được tin Bác đi đường khác, vội vã quay về Sơn Dương.

Bác về đến Tân Trào vào một buổi trưa, anh Chu Văn Tấn và anh Song Hào cùng một số đồng chí cán bộ đón Bác trước đình Hồng Thái.

Bác ở lại ít ngày tại một gia đình cơ sở xóm Kim Lộng rồi chuyển lên một chiếc lán nhỏ làm trên sườn một quả

đôi. Tiếng đồn bay đi khắp nơi: “Có ông Cự đã cao tuổi, sao mà nhanh nhẹn, tài giỏi, tốt đến thế. Dân mình lắm người tài, phen này nhất định lấy lại được nước”.

Thời gian này anh Cả¹ ở xuôi lên và anh Hoàng Quốc Việt ở nước ngoài mới về, cũng đến Tân Trào. Tôi báo cáo lại với Bác và các anh những nghị quyết của Hội nghị quân sự Bắc Kỳ. Bác nhận xét Hội nghị tiến hành rất tốt, nhưng Bác nói: Chia các tỉnh ra làm nhiều chiến khu như thế rườm rà quá, không lợi cho việc chỉ huy chung. Nay vùng giải phóng ở miền ngược đã bao gồm các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên, địa thế nối liền với nhau, nên lập thành một khu căn cứ lấy tên là *Khu giải phóng*. Thống nhất các lực lượng vũ trang lại là rất đúng, nên đặt tên là *Quân giải phóng*. Bác bàn với chúng tôi làm dự thảo nghị quyết về việc thành lập Khu giải phóng và quyết định triệu tập Hội nghị cán bộ toàn khu để thống nhất lãnh đạo và triển khai công tác.

Theo Nghị quyết của Hội nghị cán bộ ngày 4 tháng 6 năm 1945, được triệu tập theo chỉ thị của Bác, Khu giải phóng phải trở thành một căn cứ địa vững chắc về mọi mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa để làm bàn đạp Nam tiến, giải phóng toàn quốc.

Tân Trào được chọn làm thủ đô của Khu giải phóng.

Ủy ban chỉ huy lâm thời Khu giải phóng được thành

1. Đồng chí Nguyễn Lương Bằng.

lập. Tình hình cụ thể của các chiến khu, các địa phương trong Khu giải phóng bấy giờ rất khẩn trương. Ủy ban chỉ huy lâm thời khu chưa kịp họp lần nào. Tôi được chỉ định làm thường trực của Ủy ban, một mặt giữ liên lạc với Trung ương dưới xuôi, với các anh Lê Thanh Nghị, Trần Đăng Ninh tại Bắc Giang, một mặt giữ liên lạc với Cao Bằng, Bắc Sơn.

Trên đất nước còn mang đầy vết thương và những bóng đen ảm đạm sau gần một trăm năm bị đô hộ, đã xuất hiện hình ảnh tươi sáng của nước Việt Nam ngày mai.

Chính quyền nhân dân trong toàn Khu giải phóng được chính đốn lại bằng bầu cử, theo phổ thông đầu phiếu.

Lần đầu, người dân được trao lại những quyền tự do dân chủ đã bị cướp đoạt, tự mình lựa chọn những người đứng ra đại diện bảo vệ quyền lợi cho mình. Ý nghĩa của việc bầu cử được tuyên truyền, giải thích sâu rộng. Ngoài những cuộc mít tinh hàng châu, hàng tổng, hàng xã để nghe cán bộ giải thích, còn có những đội kịch đi khắp các nơi làm công tác tuyên truyền. Đồng bào Khu giải phóng là những người đầu tiên được cầm lá phiếu của tự do. Nhân dân bầu ra người đại diện và cũng chính nhân dân phế truất những người không còn xứng đáng để đại diện cho mình. Tại châu Sơn Dương, một ủy viên châu làm trái phép, nhân dân đã vận dụng quyền bãi miễn; các xã cử đại biểu đi họp hội nghị, biểu quyết cách chức ủy viên ấy.

Về kinh tế, cũng có nhiều biến chuyển tốt. Trong vòng khói lửa ngày nào cũng nghe tiếng súng nổ nhưng công

việc tăng gia sản xuất vẫn tiến hành đều đặn. Những đám đất hoang đều được vỡ. Các bà, các chị đua nhau phát rẫy tập thể. Tại Chợ Chu đã mở một cuộc hội nghị tăng gia sản xuất, bàn kế hoạch phát nương, trồng rau, nuôi gà, lợn... của đại biểu các nhà nông, có một kỹ sư canh nông cùng tham gia bàn bạc. Nhiều hợp tác xã mua bán được tổ chức. Các hợp tác xã tại Chợ Rã chuyển vải xuống, các hợp tác xã từ Tuyên, Thái tải muối lên.

Những hoạt động văn hóa cũng triển khai mạnh mẽ. Phong trào chống nạn mù chữ phát triển rất nhanh chóng, phần lớn các xã đều có trường dạy quốc ngữ. Lần đầu, các cụ già, các bà mẹ cấp sách đến trường. Nhiều châu mở trường cứu quốc sơ cấp. Chợ Đồn mở trường sư phạm. Chiêm Hóa mở hội nghị văn hóa. Châu, huyện nào cũng bắt đầu có tờ báo của địa phương. Cao - Bắc - Lạng vẫn ra tờ *Việt Nam độc lập*. Toàn khu có tờ *Nước Nam mới* và *Quân giải phóng*.

Mỗi xã đều có một nhà hội đồng cứu quốc. Nhân dân thường đến họp để nghe tình hình và bàn bạc những công việc chung.

Nghĩ lại thấy bộ máy thống trị của tên đế quốc cáo già Pháp thật là khát khe, độc ác và tinh vi. Nó đã chằng bủa khắp đất nước ta biết bao tầng lưới sắt chằng chịt. Từ thành thị đến nông thôn các cội rễ của nó ăn sâu một cách lạ thường. Bây giờ, cái cây già cỗi bao năm che lấp cả ánh sáng mặt trời, phút chốc bỗng đổ nhào trước cơn gió lốc. Cửa nhà, làng mạc như lúc này mới được hiện ra dưới ánh

sáng ấm áp. Rừng sâu, núi cao, đêm tối không phải là nơi làm việc tốt nhất nữa. Trên các đường lớn, ngõ hẻm, bỗng dưng khôi phục lại cái quyền ung dung đi lại, không phải lấm lét xa gần để tránh người lạ mặt. Nhớ lại lúc đi giày, đi dép chẳng được đã đành, ngay đi chân không cũng còn e sợ để lại dấu vết trên rêu xanh, sỏi trắng... Cả bộ máy thống trị đàn áp ghê gớm của kẻ địch xây dựng từ gần một thế kỷ nay, lúc này đã tan tành trước sức mạnh của nhân dân.

Trong thời gian này, mỗi chiến sĩ Giải phóng quân đều trở thành một cán bộ chính trị. Hầu hết các chiến sĩ trước khi gia nhập bộ đội đều đã hoạt động công tác quần chúng tại địa phương, bây giờ thành những cán bộ tuyên truyền, tổ chức đặc lực. Các chiến sĩ đã giúp vào việc lập ủy ban nhân dân, tổ chức đội vũ trang địa phương, thành lập các hội quần chúng thanh niên, nông dân, phụ nữ; đào tạo cán bộ địa phương. Một số cán bộ Giải phóng quân được phép ra quân để tham gia vào công tác chính quyền hay công việc các hội cứu quốc.

Về quân sự, theo Nghị quyết của Hội nghị ngày 4 tháng 6, Giải phóng quân Việt Nam và các lực lượng tự vệ đều được chỉnh đốn lại về các mặt: biên chế, huấn luyện, kỷ luật; tổ chức chính trị viên trong quân đội được quy định.

Việc xây dựng các lực lượng vũ trang được tiến hành hết sức khẩn trương.

Với sự thống nhất các lực lượng vũ trang, Giải phóng

quân lúc này khá đông đảo, đã tổ chức thành những chi đội. Hầu hết các đội viên của những đơn vị Giải phóng quân, Cứu quốc quân trước đây, bây giờ đều trở thành những cán bộ chỉ huy.

Vấn đề đào tạo, huấn luyện cán bộ trở nên rất khẩn thiết. Chúng tôi đã mở những lớp huấn luyện ngắn hạn để bổ túc cho cán bộ tiểu đội, trung đội. Các đồng chí chỉ huy đơn vị thay phiên nhau đi học. Đầu tháng 7 năm 1945, theo nghị quyết của Hội nghị quân sự Bắc Kỳ, trường Quân chính kháng Nhật ra đời.

Nhà trường được dựng lên ở một làng Mán, bên bờ một con suối, gần Tân Trào. Học sinh được tuyển lựa trong hàng ngũ Giải phóng quân và những thanh niên ở miền xuôi được các đoàn thể cứu quốc giới thiệu lên. Trường do anh Hoàng Văn Thái phụ trách, nhằm đào tạo các trung đội trưởng và chính trị viên trung đội. Trong học tập lấy việc rèn luyện tinh thần cách mạng làm đầu. Học sinh quân sống ở nhà trường như những chiến sĩ trong một đội du kích lúc đi hoạt động. Anh em tự mình giao dịch với nhân dân. Anh em cùng dân làng đi đẵn gỗ, chặt lá, xây dựng trường. Anh em tự san lấy bãi tập, tự đi chuyển vận thóc gạo về, nấu nướng lấy mà ăn. Trong lúc học tập, mọi việc học sinh đều phải tham gia, phải suy nghĩ, phải tìm cách giải quyết.

Lúc đầu, đã có những người tiếc rằng: thời giờ học tập quá ít. Nhưng sau này anh em mới thấy rõ, cách học tập thực tế ấy, trong khoảng thời gian rất ngắn, đã rèn

luyện cho anh em trở thành những người cán bộ tốt của quân đội cách mạng.

Trong việc xây dựng quân đội, công tác chính trị được coi là linh hồn của quân đội cách mạng, bước đầu đi vào nền nếp. Từ cấp trung đội trở lên bên cạnh người chỉ huy quân sự có chính trị viên là người chăm nom về mặt tinh thần, tư tưởng của bộ đội. Các chiến sĩ được giáo dục *Mười lời thề danh dự, Năm điều kỷ luật* của quân đội. Trước mỗi cuộc chiến đấu, chính trị viên họp đơn vị vạch rõ mục đích, nêu những điều kiện thắng lợi và khó khăn để động viên tinh thần bộ đội. Khi gặp những bước hiểm nghèo, chính trị viên thuật lại những gương quyết tử, nhắc nhở mọi người làm đúng nhiệm vụ và tự mình đứng ra làm gương. Sau mỗi cuộc chiến đấu thắng lợi cũng như gặp khó khăn, đều tiến hành kiểm điểm, khen thưởng, kỷ luật, làm cho bộ đội nuôi giữ nhuệ khí, thắng không kiêu, bại không nản.

Chính trị viên là người giáo dục đoàn kết đơn vị, làm cho những anh em khá có trách nhiệm dìu dắt anh em kém, những chiến sĩ tích cực có trách nhiệm lôi cuốn mọi người cùng hăng hái hoàn thành mọi nhiệm vụ của đội, làm cho các cán bộ, chiến sĩ mặc dầu thuộc các dân tộc, các tầng lớp, các lứa tuổi khác nhau, đều thương yêu nhau như anh em ruột thịt. Chính trị viên là người có trách nhiệm duy trì, thực hiện các chính sách dân vận, địch vận.

Các chính trị viên thường được nhắc nhở là phải làm cho công tác chính trị trở thành một công tác quần chúng,

tất cả mọi người cùng tham gia thì mới phát huy được hiệu lực mạnh mẽ; phải tiến hành công tác chính trị không ngừng trong mọi trường hợp; phải nhớ lúc cần làm công tác chính trị nhất cũng là lúc khó làm nhất, những khi bộ đội tác chiến khó khăn, hành quân mệt mỏi, người chính trị viên phải hết sức tự rèn luyện mình.

So với ngày nay thì quan niệm về công tác chính trị khi đó còn đơn giản, nhưng cũng đã góp phần vô cùng lớn lao vào việc rèn luyện tư tưởng và tinh thần quân đội cách mạng trong những ngày đầu.

Bộ đội phát triển nhanh chóng. Có những đơn vị chưa đủ điều kiện để thành lập chi bộ. Công tác đảng thời kỳ này chú trọng bồi dưỡng những đồng chí trong hàng ngũ trung kiên đã được thử thách, rèn luyện trong công tác và trong chiến đấu để kết nạp vào Đảng. Các đảng viên rất gương mẫu, đi đầu trong chiến đấu cũng như trong mọi công tác, sinh hoạt hằng ngày.

Đồng thời với việc xây dựng bộ đội, công tác củng cố lực lượng tự vệ và các tiểu tổ du kích ở xã được đặc biệt coi trọng. Các chiến sĩ Giải phóng quân luôn luôn nhớ rằng, tổ chức tự vệ, du kích tại địa phương là một lực lượng vô cùng quan trọng để bổ sung cho chủ lực, để bảo vệ nhân dân và góp phần với chủ lực chiến thắng quân địch. Thái Nguyên, Cao Bằng... là những địa phương có cách đánh du kích nổi tiếng, có một nguyên nhân là vì ở các nơi đó tự vệ và du kích địa phương rất mạnh.

Cách bổ sung vũ khí, đạn dược duy nhất vẫn là phải

giành lấy ở trong tay quân địch. Mỗi chiến sĩ Giải phóng quân đều chú trọng giữ gìn vũ khí và ghi nhớ khẩu hiệu: “Mỗi viên đạn là một tên giặc”. Nguồn cung cấp lương thực vẫn hoàn toàn dựa vào nhân dân.

Chiến đấu liên tục tại rừng núi trong một hoàn cảnh cực kỳ thiếu thốn, sức khỏe của các chiến sĩ bị giảm sút nhiều. Bệnh sốt rét hoành hành dữ dội.

Có đơn vị, số người sốt rét lên tới một phần ba, có khi lên đến một nửa. Túi thuốc của các đồng chí y tá, chỉ toàn lá và rễ cây, thỉnh thoảng nhận được tiếp tế của vùng xuôi, mới có ít viên ký ninh vàng. Trước tình hình đó, phòng bệnh hơn là chữa bệnh, kỷ luật vệ sinh đề ra rất nghiêm ngặt. Phương châm giữ gìn vệ sinh để phòng ngừa bệnh tật có kết quả rất lớn. Các chiến sĩ tự bắt tay vào việc tăng gia sản xuất để giải quyết một phần vấn đề lương thực. Nền nếp tăng gia này đã có từ ngày địch khủng bố lớn, tại các cơ quan bí mật.

Trong khi mọi mặt công tác xây dựng của Khu giải phóng cùng một lúc triển khai, thì ở nhiều nơi, Giải phóng quân đã trực tiếp chiến đấu với quân Nhật.

Ngay từ hạ tuần tháng 3, quân đội của phát xít Nhật đã từ các tỉnh lỵ Việt Bắc đột nhập vào nhiều châu, huyện. Lúc đầu, địch phái những toán quân nhỏ đi do thám, tuần tiễu từng địa phương một; chúng chỉ đi qua rồi trở về tỉnh. Những toán quân lẻ tẻ đó thường bị chúng ta chặn đánh, như ở Phủ Thông (Bắc Kạn), Tỉnh Túc (Cao Bằng), Văn Lãng, Đèo Khế (Thái Nguyên)... Chúng bị phục kích nhiều

lên trên con đường từ Thái Nguyên sang Tuyên Quang. Sau những cuộc tuần tiễu không có hiệu quả, quân đội Nhật một mặt kêu gọi “anh em Việt Minh” hợp tác, một mặt cho máy bay rải nhiều truyền đơn của Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim nói xấu cách mạng và tuyên truyền cho chính quyền thân Nhật.

Trung tuần tháng 5, địch mở một cuộc tiến công tương đối lớn.

Chúng chia quân làm ba mặt, tiến sâu vào khu căn cứ ở giữa sông Lô và đường quốc lộ số 3. Một mặt từ Bắc Kạn tiến lên Chợ Rã, sang Chợ Đồn; một mặt từ Vĩnh Yên, Thiện Kế tiến lên Sơn Dương, từ Tuyên Quang tiến vào rồi cùng nhau kéo lên hướng Thanh La; một mặt từ Thái Nguyên, Phấn Mễ và Chợ Mới tiến đánh Chợ Chu.

Tất cả mấy đường tiến quân của Nhật đều bị bộ đội và du kích địa phương bố trí phục kích, làm cho quân địch bị tổn thất khá nặng. Trong trận Đèo Chấn gần Thanh La, chúng ta chỉ có một tiểu đội phối hợp cùng một trung đội dân quân, tất cả chỉ có mấy khẩu súng trường, nhưng vì biết lợi dụng địa hình nên đã tiêu diệt 60 tên địch.

Bấy giờ, có một số đồng chí chủ trương cứ để Nhật yên, không đánh, mong rằng Nhật sẽ để ta yên. Nhưng thật ra, chủ trương như vậy sau khi Nhật đã diệt Pháp thì chỉ là một ảo tưởng, một sai lầm nghiêm trọng, không nhận rõ bản chất của kẻ địch. Ủy ban chỉ huy lâm thời Khu giải phóng đã kịp thời ra một chỉ thị: “Quân sự chính trị đi đôi, củng cố phát triển đi đôi”.

Bộ đội Giải phóng quân được lệnh tiến công ráo riết

quân Nhật ở khắp các tỉnh Việt Bắc, nhất là ở Thái Nguyên và Bắc Kạn. Giặc ở Bắc Kạn bị bao vây trong tỉnh lỵ, ra khỏi tỉnh lỵ nửa kilômét là đã chạm vào vị trí của quân du kích. Quân ta thường đột nhập vào thị xã. Bộ phận quân địch tiến lên chiếm Chợ Chu, bị ta quấy rối năm đêm liền, đường tiếp tế bị cắt đứt, địch phải rút về Thái Nguyên. Giải phóng quân tiến công vào quân địch đóng ở Đình Cả, chiếm được đồn sau một trận huyết chiến, truy kích quân địch đến khỏi La Hiên. Những nơi cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt nhất, ngoài Bắc Kạn, Chợ Chu ra, là dọc đường số 3 từ Thái Nguyên lên Bắc Kạn, rồi đến bến đò Bình Ca, và vùng lân cận ven bờ sông Lô.

Giải phóng quân tiếp tục đánh chiếm Lục An Châu, phố Bình Gia, Yên Thế, đồn Mẹt, tràn về Bắc Giang. Sang tháng 7, hạ đồn Tam Đảo, tiêu diệt quân Nhật đóng tại đó, giải phóng một số thường dân Pháp bị cầm giữ. Đội Nam tiến do đồng chí Lê Hiến Mai và đồng chí Phong chỉ huy tiến về Phủ Đoan đến gần Phú Thọ. Một bộ phận Giải phóng quân tiến sang Đông Triều, Lục Ngạn, hướng về phía Cẩm Phả, Hồng Gai. Một số cán bộ của Giải phóng quân được phái về Hà Đông, Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa liên lạc với các cơ sở vũ trang của chiến khu Quang Trung do các anh Văn Tiến Dũng, Trần Tử Bình, Vương Thừa Vũ đang ra sức xây dựng.

Cuộc chiến đấu chống phát xít Pháp, Nhật của Giải phóng quân ngày càng vang dội khắp nước, đồng thời đã vang dội ra nước ngoài. Một số phi công Đồng minh sang đánh Nhật tại Đông Dương, bị nạn được chúng ta cứu

thoát. Sách lược của ta lúc bấy giờ là khôn khéo sử dụng những kẻ đồng minh tạm thời vào công cuộc kháng Nhật. Cuối tháng 6, một sĩ quan Mỹ đã được phép nhảy dù xuống một địa điểm trong Khu giải phóng. Máy bay Đồng minh đã thả dù một ít vũ khí cho ta. Lúc đó Mỹ coi Việt Minh là một tổ chức chính trị có thế lực gồm những người có tinh thần dân tộc, đứng lên chống Nhật nên muốn có liên lạc. Chúng cũng đã bắt đầu có mưu đồ cùng bọn Quốc dân Đảng Trung Hoa gạt Pháp Đờ Gôn ra khỏi Đông Dương khi chiến tranh đi đến thắng lợi.

Khu giải phóng ngày càng củng cố và phát triển. Giải phóng quân không ngừng chiến thắng, làm cho bọn Nhật bắt đầu e sợ. Thanh thế của Việt Minh và Giải phóng quân ngày càng lớn. Thanh niên từ vùng xuôi lên xin gia nhập Giải phóng quân mỗi ngày mỗi đông. Liên lạc với Trung ương ở miền xuôi đã giữ được rất đều. Mỗi chuyến giao thông, ngoài những tài liệu bí mật còn có rất nhiều sách báo của Trung ương và các địa phương, những báo công khai xuất bản tại Hà Nội. Từ ngày lên Việt Bắc về, anh Cả luôn luôn gửi cho đồ tiếp tế của vùng xuôi, đặc biệt là thuốc men. Thời gian này, tại cơ quan của Ủy ban chỉ huy lâm thời Khu giải phóng đã có máy chữ, và một số máy điện thoại, chiến lợi phẩm thu được trong trận hạ đồn Tam Đảo.

XXVIII

Tôi làm việc ở dưới làng, hằng ngày vẫn lên cơ quan của Bác để báo cáo.

Các đồng chí ở địa phương đã làm cho Bác một căn lán khá xinh xắn, náu kín trong khu rừng nửa ở sườn đồi. Lán chia làm hai gian nhỏ, một bên là nơi Bác nằm nghỉ, một bên vừa là chỗ làm việc, vừa là chỗ để tiếp khách.

Bác làm việc không mấy lúc nghỉ ngơi. Lần nào tôi lên cũng thấy Bác đang cặm cụi với công việc. Mọi giấy tờ, chỉ thị, Bác đều tự tay đánh máy và đánh số cẩn thận, rõ ràng.

Cao trào kháng Nhật, cứu nước bấy giờ đã cuộn cuộn từ Bắc chí Nam. Ngay ở các đô thị lớn, như ở Hà Nội, thợ thuyền, học sinh, các giới trí thức, người buôn bán đều tham gia rất đông đảo vào công cuộc kháng Nhật. Ảnh hưởng của Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim ngày càng tiêu tan, không thể giúp Nhật ngăn cản phong trào. Toàn thể nhân dân đang hướng về Việt Minh, trông chờ một cuộc chuyển biến lớn. Phát xít Nhật ngày càng thua lụn bại. Không khí khởi nghĩa nóng rực.

Trung ương đã quyết định cần tích cực chuẩn bị cho

cuộc họp Hội nghị toàn quốc của Đảng và Quốc dân Đại hội đại biểu. Bác giục chuẩn bị cho kịp họp hai hội nghị quan trọng này từ tháng bảy. Tình hình đã khẩn trương lắm. Bác nói: “Có thể còn thiếu một số đại biểu nào đó chưa về kịp cũng họp, nếu không thì không kịp được với tình hình chung”. Nhưng, dù chuẩn bị rất gấp, các đại biểu của Đảng và các đảng phái dân chủ trong Mặt trận Việt Minh ở toàn quốc vẫn không thể về đúng hạn.

Giữa lúc công việc bề bộn như thế, Bác bỗng bị mệt. Đã mấy hôm liền, Bác sốt nóng. Song Bác vẫn gượng làm việc. Mỗi khi tôi tới thảo luận công việc, hỏi thăm sức khỏe, Bác chỉ nói: “Chú cứ xuống làm công tác, tôi không việc gì”. Nhưng tôi thấy Bác yếu nhiều, người hốc hác hẳn. Có hôm tôi đến, Bác đang lên cơn sốt, miệng toàn nói mê. Thuốc men chẳng có, chỉ kiếm được vài viên thuốc cảm và ký ninh, Bác đã uống, mà không thấy đỡ. Thường khi, nếu không phải lúc nghỉ, không bao giờ Bác nằm, thế mà bây giờ Bác phải chịu nằm, lại mê sảng luôn. Bấy giờ, trong các đồng chí thường gần Bác, chỉ còn lại mình tôi ở Tân Trào. Hôm ấy Bác mệt lắm tôi rất lo. Tôi nói: “Hôm nay tôi cũng thông thả, xin ở lại với Bác đêm nay”. Bác mở mắt và hơi gật đầu.

Đêm ấy, tôi nghỉ lại với Bác trên cái lán ở giữa rừng. Lúc nào tỉnh, Bác chỉ nói chuyện tình hình: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”. Mỗi lúc nhớ ra điều gì, Bác lại dặn. Bác lúc ấy chắc cũng thấy mình yếu quá, có ý muốn dặn lại công việc. Chỉ

có công việc! Bác nói về công tác củng cố phong trào: “Lúc nào cũng phải chú trọng xây dựng chi bộ, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên và phần tử trung kiên. Trong chiến tranh du kích, lúc phong trào lên, ta phải hết sức phát triển, vừa phát triển vừa chú trọng xây dựng căn cứ cho thật vững chắc, để đề phòng lúc khó khăn mới có chỗ đứng chân được”.

Suốt đêm ấy, Bác vẫn lúc tỉnh, lúc mê. Hôm sau, tôi viết thư hỏa tốc về Trung ương. Tôi lại tìm hỏi bà con địa phương xem có thứ thuốc men gì không. Bà con nói gần đây có một ông lang quen trị bệnh sốt nóng. Tôi cho người cưỡi ngựa đi đón ông thầy về. Ông cụ lang già người Tày xem mạch, sờ trán Bác, rồi đốt cháy một thứ củ vừa đào trong rừng về, hòa vào cháo loãng đưa Bác ăn. Sau đó Bác tỉnh. Hôm sau, Bác ăn thêm vài lần với cháo loãng nữa, cơn sốt nhẹ dần. Bác lại gượng dậy tiếp tục làm việc ngay.

Mặc dầu Bác đã chỉ thị viết nhiều thư hỏa tốc, tung giao thông đặc biệt đi các hướng để thúc giục các đại biểu, nhưng vì đường sá trắc trở, liên lạc khó khăn, nhiều đại biểu đã cố gắng đi cho chóng, mà mãi tới ngày 13, 14-8 mới lên tới Tân Trào. Có những đoàn đại biểu ngày 16, 17, 18 mới đến kịp.

Trung ương và Tổng bộ Việt Minh quyết định không thể đợi lâu hơn nữa.

Ngày 11, 12, tin vô tuyến điện cho biết có hiện tượng nguy ngập tan rã trong quân đội Nhật.

Ngày 13-8, có tin Nhật đầu hàng Đồng minh, quân đội Nhật ở hầu khắp các nơi đã ngừng chiến đấu.

11 giờ đêm 13, Ủy ban chỉ huy lâm thời Khu giải phóng hạ mệnh lệnh khởi nghĩa cho nhân dân và bộ đội. Mệnh lệnh khởi nghĩa có mấy điểm chính:

1. Tập trung lực lượng đánh vào các đô thị mỗi khi có điều kiện thắng lợi, đánh chặn những đội quân rút lui của Nhật.

2. Sau mỗi một cuộc chiến đấu, lập tức bổ sung và củng cố bộ đội, để lại một phần ba hoạt động trong địa phương; hai phần ba thì chuẩn bị sẵn sàng, đợi lệnh điều động đi tác chiến nơi khác.

3. Củng cố các căn cứ bí mật; quân lương, quân giới đều lập kho tàng, có xưởng bí mật; chuẩn bị kháng chiến một khi quân Pháp trở lại.

Nửa đêm nhận lệnh, bộ đội và nhân dân reo mừng, sẵn sàng chiến đấu hy sinh để thực hiện nhiệm vụ lớn. Các đơn vị Giải phóng quân đóng tại Chợ Chu, Tuyên Quang được lệnh chuyển gấp về tập trung tại Tân Trào.

Ngày 14-8, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp. Bác vừa dứt cơn sốt, gượng tới họp, người còn võ vàng. Hội nghị nhận định: “Cơ hội rất tốt cho ta giành quyền độc lập đã tới”. Hội nghị quyết định mục đích của cuộc chiến đấu là giành quyền độc lập hoàn toàn cho đất nước, thành lập chính quyền nhân dân, thi hành *Mười chính sách lớn* của Việt Minh, định chính sách ngoại giao đối với Đồng minh. Để đạt mục đích đó, phải huy động toàn thể nhân dân, gồm tất cả các giới, các đảng phái tham gia phong trào cứu quốc, phải gấp rút vũ trang nhân dân chống Nhật và mở rộng Giải phóng quân Việt Nam. Hội nghị định ra nhiệm

vụ quân sự cần kíp, những nguyên tắc của kế hoạch tác chiến, thống nhất các lực lượng vũ trang thành Giải phóng quân Việt Nam; gấp rút củng cố và phát triển bộ đội, thống nhất biên chế, kỷ luật, tăng cường công tác chính trị; tổ chức Đảng trong quân đội lấy trung đội làm đơn vị cơ sở; củng cố các tổ chức chiến đấu và tiểu tổ du kích để lập những đơn vị Giải phóng quân mới ở ngoài Khu giải phóng.

Sang ngày 15, được tin đích xác Nhật hoàng đã ra lệnh cho quân đội Nhật đầu hàng, Hội nghị toàn quốc của Đảng đang họp quyết định thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc để lãnh đạo Tổng khởi nghĩa và lập Bộ Tư lệnh Giải phóng quân Việt Nam.

Một số chúng tôi ngừng họp và nhận nhiệm vụ mới. Tôi sẽ cùng Giải phóng quân tiến về phía nam. Anh Song Hào về phía Tuyên Quang cùng các đồng chí ở đấy lãnh đạo nhân dân cướp chính quyền các tỉnh phía tây.

Chiều 16-8, một đơn vị Giải phóng quân tập hợp dưới cờ làm lễ xuất phát tiến về nam. Các đại biểu về dự Quốc dân Đại hội đều có mặt dưới cây đa cổ thụ, cạnh ngôi nhà Hội đồng cứu quốc xã Tân Trào để đưa bộ đội lên đường chiến đấu. Chưa bao giờ Tân Trào lại đón tiếp một đoàn người nhiều màu sắc như vậy. Cùng với màu chàm rừng núi quen thuộc, còn có màu nâu dày dặn của đồng bằng, và những màu sắc tươi sáng của đô thị. Những chiến sĩ Giải phóng quân, quần áo đủ kiểu, mang trên người dấu vết của những cuộc vật lộn ác liệt với quân thù trên các

nẻo đường rừng, trên các triền núi đá Việt Bắc, tề tựu nghiêm trang dưới cờ nghe đọc bản Quân lệnh số I¹ của Ủy ban khởi nghĩa:

"Hỡi quân dân toàn quốc!

12 giờ trưa ngày 13-8-1945, phát xít Nhật đã đầu hàng Đồng minh, quân đội Nhật đã bị tan rã tại khắp các mặt trận. Kẻ thù chúng ta đã ngã gục.

Giờ Tổng khởi nghĩa đã đánh!

Cơ hội có một cho quân dân Việt Nam vùng dậy giành lấy quyền độc lập của nước nhà!

Mang nhiệm vụ lãnh đạo cuộc khởi nghĩa toàn quốc cho đến toàn thắng, Ủy ban khởi nghĩa đã thành lập.

Hỡi các tướng sĩ và đội viên Quân giải phóng Việt Nam!

Dưới mệnh lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, các bạn hãy tập trung lực lượng, kíp đánh vào các đô thị và trong trận của quân địch; đánh chẹn các đường rút lui của chúng, tước vũ khí của chúng! Đạp qua muôn trùng trở lực, các bạn hãy *kiên quyết tiến!*

Hỡi nhân dân toàn quốc!

Dưới mệnh lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, đồng bào hãy đem hết tâm lực ủng hộ đạo Quân giải phóng, sung vào bộ đội, xông ra mặt trận đánh đuổi quân thù.

Chúng ta phải *hành động cho nhanh*, với một tinh thần vô cùng quả cảm, vô cùng thận trọng!

1. Quân lệnh số I của Ủy ban khởi nghĩa do anh Trần Huy Liệu khởi thảo.

Tổ quốc đang đòi hỏi những hy sinh lớn lao của các bạn!
Cuộc thắng lợi hoàn toàn nhất định sẽ về ta!

Ngày 13 tháng 8 năm 1945, 11 giờ đêm
ỦY BAN KHỎI NGHĨA"¹

Trong lòng chúng tôi khi đó rạo rực lạ thường. Trước mắt chúng tôi là lá cờ đỏ sao vàng rực rỡ hào quang, xa xa là nền trời xanh cao lồng lộng, tươi sáng vô cùng của nước Việt Nam giải phóng.

Đoàn Quân giải phóng, áo vải chân đất, rầm rập tiến về phía nam trước những bàn tay vẫy chào chúc mừng thắng lợi, cất cao lời ca hùng tráng.

Cờ giải phóng phát cao, mau thắng tiến!

Trời phương Nam, dân chúng đang ngóng chờ...

Tại Tân Trào, lần đầu từ khi về, Bác ra mắt các đại biểu đồng bào Trung, Nam, Bắc. Quốc dân đại hội đã lập ra Ủy ban Dân tộc giải phóng toàn quốc, chuẩn bị khi cần có thể trở thành Chính phủ nhân dân lâm thời.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr. 421-422.

XXIX

Giải phóng quân tiến về Thái Nguyên, đô thị đầu tiên nằm trên đường tiến quân về Hà Nội. Tình hình đã đổi khác, cần tranh thủ thời gian, đoàn quân bỏ lại sau lưng những đồn trại lẻ tẻ của Nhật. Đồng thời với đơn vị Giải phóng quân xuất phát từ Tân Trào, các đơn vị đóng ở vùng lân cận đều được lệnh tiến về phía nam, cùng gặp nhau trên đường về tỉnh Thái Nguyên.

Giải phóng quân đến thời kỳ này không phải chỉ có nhiều hơn về số lượng, trang bị cũng đã khá hơn; ngoài những súng trường, tiểu liên, trung liên đoạt được của địch còn có thêm một số vũ khí khác như badôca, súng cối. Trưa ngày 19 tháng 8, bộ đội tới làng Thịnh Đán, phía tây tỉnh Thái Nguyên, tổng số đã đến trên một chi đội khoảng 450 người.

Trên khắp các tỉnh thuộc Khu giải phóng, thi hành Quân lệnh số I của Ủy ban khởi nghĩa, các đơn vị Giải phóng quân đều gấp rút hành động. Giải phóng quân ở Cao Bằng tiến đánh thị trấn Cao Bằng và Hà Giang, Giải phóng quân Bắc Kạn tiến đánh vào thị xã. Bộ đội mặt Lục An Châu, Yên Bình, Bắc Mực, tiến đánh Tuyên Quang, rồi được lệnh kéo về Phú Thọ.

Thái Nguyên là một vị trí có ý nghĩa chiến lược, nằm ở phía nam Việt Bắc, giữa triền núi Tam Đảo và triền núi Đình Cả, Yên Thế, là một bàn đạp để tiến về đồng bằng Bắc Bộ. So với lực lượng của Giải phóng quân lúc đó, quân địch tại đây khá mạnh. Địch gồm hai bộ phận: Một bộ phận là bảo an binh, quân số độ 400 với 600 súng trường và một số súng máy, đóng tại trại lính Tây cũ, gần bến Tượng, cạnh dinh tỉnh trưởng; một bộ phận là lính Nhật, theo tin tình báo thì tất cả độ 120 tên, trong đó có từ 60 đến 70 lính chiến đấu, đóng tại trại khố xanh cũ và dinh công sứ cũ, giáp cầu Gia Bẩy.

Mặc dầu về mặt số lượng, Giải phóng quân không đủ để tiêu diệt địch, lại lần đầu tập trung tương đối đông, đánh vào một thị trấn quân địch có nhiều công sự kiên cố, nhưng căn cứ vào tình hình đặc biệt lúc bấy giờ, vào tinh thần bối rối, tan rã của kẻ địch, chúng tôi quyết định hành động.

Cờ đỏ sao vàng đã xuất hiện trên bờ tre, mái đình những làng dọc đường tiến quân. Nhân dân nô nức vui mừng như đang đón chào một ngày hội lớn. Lúc này chỉ còn có một công việc: Tổng khởi nghĩa. Mọi công việc khác hầu như đã ngừng hẳn lại.

Chúng tôi đến Thịnh Đán thì được tin một đội tuyên truyền xung phong từ Vũ Nhai tiến xuống hôm trước, đã đột nhập thị xã, tổ chức quần chúng tuần hành thị uy. Một đội dân quân của Phú Bình, Phổ Yên cũng đã vào thị xã lùng bắt một số tay chân của địch. Tình hình bảo an binh đang hết sức hoang mang.

Gần Thịnh Đán, một số thanh niên và công chức tỉnh Thái Nguyên đang tổ chức một cuộc mít tinh nhỏ. Bộ Chỉ huy Giải phóng quân một mặt ra lệnh cho tất cả những người nào là dân ở tỉnh điều đến gặp tại trụ sở xã, một mặt ra lệnh không cho người ở ngoài vào tỉnh để phong tỏa tin tức. Chúng ta tiến hành điều tra tình hình thị xã qua hơn hai chục thanh niên và công chức đến trụ sở. Mấy người làm việc tại sở công chính tình nguyện vẽ giúp những bức địa đồ tỷ mỉ của thị xã.

Mười giờ đêm, Bộ Chỉ huy ấn định xong kế hoạch tác chiến.

Mười hai giờ đêm, bộ đội được lệnh xuất quân. Sương đêm phủ trắng xóa các núi đồi. Chúng tôi đi trên những con đường bằng phẳng, rộng rãi, tiến về phía thị xã Thái Nguyên đang nằm yên trong ánh đèn điện, nhiều lúc tưởng như đang tiến quân giữa đồng bằng. Nhiều chiến sĩ từ lâu lắm mới nhìn thấy ánh đèn điện của đô thị.

Theo đúng kế hoạch đã định, 4 giờ sáng, toàn thể bộ đội đều đến các địa điểm và bố trí xong xuôi. Đồn trại địch rất yên lặng. Những ngôi nhà gạch cao, thấp nhấp nhô, cửa vẫn đóng im lìm, ngủ say trong đêm. Các đầu phố, tự vệ, thanh niên Thái Nguyên nhận nhiệm vụ đắp chiến lũy để ngăn quân địch. Những đội dân quân từ các huyện lân cận tiếp tục kéo về mang theo dao, kiếm, giáo, mác, cả những chiếc búa đinh và những chiếc gậy vát nhọn. Tảng sáng, cuộc chiến đấu sẽ bắt đầu, một cuộc chiến đấu đặc biệt mới mẻ đối với chúng tôi. Nhưng chúng tôi tin chắc sẽ thắng. Khắp bốn chung quanh tỉnh Thái Nguyên nhân dân đều đã nổi

dậy. Chúng tôi không phải chỉ có bốn, năm trăm người đương đầu với trên năm trăm quân địch. Quân địch đã trở nên bé nhỏ giữa vòng vây trùng trùng điệp điệp của nhân dân.

Chi đội Giải phóng quân đặt dưới quyền chỉ huy của Chi đội trưởng Lâm Cẩm Như. Đại đội Vy bố trí chung quanh trại bảo an binh. Đại đội Quang Trung, được trang bị các thứ vũ khí tốt, siết chặt vòng vây xung quanh trại Nhật, từ Đồi Thông đến cầu Gia Bẫy. Đại đội Quốc Chung làm dự bị đội. Sở chỉ huy của Giải phóng quân đặt tại tòa thị chính của thị xã.

Năm giờ rưỡi sáng, một cán bộ của Giải phóng quân tiến vào gặp viên tỉnh trưởng Thái Nguyên, đưa tối hậu thư, đòi trao chính quyền lại cho Ủy ban khởi nghĩa và khuyên binh sĩ bảo an phải nộp khí giới cho quân cách mạng; nếu chống cự, Giải phóng quân sẽ tiến công tiêu diệt. Bộ đội ta đã bao vây chặt quanh trại bảo an binh, sẵn sàng nổ súng. Viên tỉnh trưởng buộc phải chấp nhận tất cả các yêu cầu của Ủy ban khởi nghĩa. Trước áp lực của Giải phóng quân và của nhân dân, toàn thể lính bảo an đều phục tùng lệnh, trao lại khí giới. Một số xin gia nhập hàng ngũ Giải phóng quân. Số đông xin trở về quê quán. Phái viên của Bộ chỉ huy Giải phóng quân đưa các thanh niên tự vệ Thái Nguyên vào trại thu gần 600 khẩu súng. Các chiến lợi phẩm đều được chuyển về địa điểm thứ hai của Bộ chỉ huy đặt tại Nhà máy điện Thái Nguyên do anh Trần Đăng Ninh phụ trách. Tại đây, anh Ninh lo việc tuyên truyền, động viên nhân dân trong thị xã tiếp tế đạn dược, lương thực cho bộ đội đang chiến đấu, và tổ chức, trang bị những chi đội tân binh vừa thành lập.

Cũng vào thời gian này, trời vừa rạng sáng, đại đội trưởng Quang Trung hạ lệnh nổ súng vào đám quân Nhật tụ tập trong sân trại. Một số địch bị chết ngay tại chỗ, sau loạt súng đầu tiên. Lập tức từ bốn phía, liên thanh, phóng lựu, badôca cùng bắn vào. Sau những phút hoang mang, bọn Nhật lập tức chống trả dữ dội.

Tám giờ, Giải phóng quân được lệnh ngừng bắn.

Chúng ta dùng loa báo cho bọn chỉ huy Nhật biết sẽ có người mang thư của Giải phóng quân vào nói chuyện. Từ trong trại, mấy sĩ quan Nhật cầm cờ trắng ra đón đại biểu Giải phóng quân, và nhận lá thư của Ủy ban khởi nghĩa.

“Các bạn quân quan và binh sĩ Nhật Bản!

Chính phủ Nhật đã đầu hàng Đồng minh. Quân đội Nhật đã lần lượt bị tước khí giới tại khắp các mặt trận.

Trước khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương, các bạn hãy trao khí giới lại cho Việt Minh, cho Giải phóng quân Việt Nam.

Giờ phút cuối cùng định đoạt số phận của các bạn đã đến! Các bạn chớ trù trừ. Trù trừ sẽ không có lợi cho các bạn. Chúng tôi đợi thư trả lời của các bạn đến ... giờ.

GIẢI PHÓNG QUÂN VIỆT NAM “VIỆT MINH”.

Bọn Nhật cử hai phái viên ra một địa điểm ở gần Bộ Chỉ huy của ta để thảo luận các điều kiện. Cuộc đàm phán kéo dài hơn một giờ đồng hồ. Chúng tôi hiểu rõ bọn Nhật muốn tranh thủ thời gian, đợi quân từ Hà Nội tiếp viện lên. Chúng tôi nói:

- Nếu muốn được an toàn, các ông chỉ có một cách duy nhất là trao toàn bộ vũ khí cho Giải phóng quân. Từ giờ

đến hai giờ chiều nếu Bộ Chỉ huy quân đội Nhật tại đây không trả lời dứt khoát, cuộc tiến công sẽ tiếp tục.

Tại thị xã Thái Nguyên, ngoài trại Nhật, quân Nhật còn đóng thêm ba điểm lẻ trong những ngôi nhà gạch lớn. Từ những vị trí bí mật, trên một mái nhà hay sau một cửa sổ, bọn địch bắn xuyên suốt dọc phố, cản trở sự giao thông tại một số nơi. Bộ Chỉ huy phái trinh sát đi điều tra đích xác các vị trí địch, sử dụng những tổ xung phong dùng badôca và lựu đạn lửa tiêu diệt cả ba tổ tác chiến của quân địch. Sau đó, sự đi lại trong thị xã mới được dễ dàng.

Hai giờ chiều, bọn chỉ huy Nhật chưa trả lời. Giải phóng quân thông báo cho nhân dân biết cuộc tiến công sắp bắt đầu.

Ba giờ chiều, đại đội Quang Trung được lệnh sử dụng toàn bộ hỏa lực gồm cả một số súng cối, bắn vào trại Nhật. Địch cũng lập tức bắn trả. Tiếng liên thanh ran ran, đạn súng cối của ta, của địch nổ liên tiếp làm rung chuyển cả thị xã.

Nhân dân dựng chiến lũy khắp các đường phố, bắt chập đạn địch, mang cơm nước, đạn dược đến cho bộ đội. Tiếng súng đạn không làm đồng bào khiếp sợ, mà trái lại làm cho mọi người đều hớn hở vui mừng. Lần này không phải là tiếng súng đạn của quân thù tàn sát nhân dân, mà lại là súng của Giải phóng quân nổ vào đầu bọn phát xít xâm lược.

Chiều 20-8, trong khi trận đánh vẫn tiếp diễn, Ủy ban khởi nghĩa tổ chức mít tinh tuyên bố bãi bỏ chính quyền của Nhật, thành lập chính quyền nhân dân, và bắt đầu thi

hành chính sách của Chính phủ lâm thời trong thị xã và trong toàn tỉnh.

Bấy giờ, nước lụt đang tràn ngập từ Phúc Yên sang Bắc Giang, ngăn cản tất cả sự đi lại từ Hà Nội lên Thái Nguyên. Quân tiếp viện của Nhật không thể kéo lên được.

Cuộc chiến đấu tiếp diễn suốt bảy ngày sau. Giải phóng quân tiếp tục bao vây quân địch cho đến khi phái viên của Bộ Tham mưu ta và phái viên của Bộ Tư lệnh quân đội Nhật ở Hà Nội lên. Quân Nhật tại Thái Nguyên buộc phải nhận các điều kiện ta nêu ra, trao lại toàn bộ vũ khí cho Giải phóng quân, còn binh sĩ thì được chúng ta đưa về Hà Nội.

XXX

Chúng tôi không đợi được đến khi trận đánh Thái Nguyên kết thúc. Sang ngày thứ ba thì tin khởi nghĩa ở Hà Nội đã truyền đến. Làn sóng khởi nghĩa không những chỉ có ở Hà Nội mà còn dấy lên trên khắp đất nước từ Mục Nam Quan cho đến mũi Cà Mau. Thấm nhuần chủ trương của Đảng từ trước, thấy thời cơ đến, đảng bộ tất cả các địa phương đã phát động ngay toàn thể nhân dân đứng lên khởi nghĩa. Đồng bào tại Thủ đô Hà Nội, dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy Bắc Kỳ đã giành được chính quyền ngày 19-8. Nhiều thành phố lớn trên toàn quốc cũng đã giành được chính quyền. Trung tâm công việc bấy giờ không còn ở Thái Nguyên nữa. Các anh Trường Chinh, Lê Đức Thọ, Nguyễn Văn Trân từ Tân Trào đến Thái Nguyên bàn với chúng tôi, nên về ngay Hà Nội, cùng các đồng chí ở Hà Nội chuẩn bị đón Chính phủ lâm thời. Một bộ phận Giải phóng quân được lệnh ở lại bao vây Thái Nguyên, còn chúng tôi thì tiến thẳng về Hà Nội.

Đêm ấy, từ ngoại ô Thái Nguyên ra đi, qua các cánh đồng bát ngát về Lũ Vân, ngược trông lên đầu những hàng cột điện cao liên tiếp ven đường là một vòm trời sao sáng, tưởng như đang đi trong đêm hội tung bồng đón chào

ngày giải phóng của dân tộc. Trời sáng, nhìn lại núi rừng Việt Bắc hùng vĩ, đã khuất sau màn sương, nhớ đến đồng bào ở những nơi chúng tôi đã công tác mấy năm qua. Những người nông dân nghèo khổ đủ các dân tộc, chất phác mà dũng cảm lạ thường, không biết sợ hãi là gì trước quân thù hung bạo, thương yêu những người cách mạng nhiều khi hơn cả ruột rà.

Suốt các phố xá, các làng mạc ven hai bên đường đi, đâu đâu cũng rực rỡ cờ đỏ sao vàng. Lá cờ đỏ chói như ngọn lửa tin của những người chiến sĩ cách mạng, xuất hiện lần đầu trong cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ và sau đó lại tung bay trên núi rừng Việt Bắc, bây giờ đã tô thắm cho cả đất nước, báo tin cách mạng thành công.

Tới Thị Cầu, nước lụt mênh mông. Cả thị xã chìm trong làn nước trắng. Đê Trung Mậu bị vỡ. Cùng với nạn đói vừa cướp đi của chúng ta hai triệu người, đây cũng là một di sản bọn thống trị để lại cho nhân dân ta ngày mới giành chính quyền. Chúng tôi phải chuyển sang đi thuyền.

Cầu sông Cái đây rồi. Nước sông Hồng lên rất to, sắp ngập hết con bờ giữa sông. Bên kia là Thủ đô chói chang cờ đỏ. Nhìn quang cảnh nước nhà đổi thay, nhân dân vừa thoát ách đau thương của gần một trăm năm bị đô hộ, nô nức đón chào ngày giải phóng dân tộc, vui sướng trào lên trong người chúng tôi, mừng muốn ứa nước mắt.

Anh Trường Chinh và nhiều anh đã về cả Hà Nội. Trong những ngày đầu, chúng tôi ở một căn nhà tại phố Hàng Đào. Trung ương liên tiếp nhận điện các địa phương báo cáo đã giành được chính quyền. Đến ngày 25-8, đã có tin giành được chính quyền tại các tỉnh

Hà Đông, Phú Lý, Nam Định, Hưng Yên, Tuyên Quang, Phúc Yên, Việt Trì, Bắc Giang, Kiến An, Hà Tĩnh, Nghệ An, Quảng Ngãi... Vài ngày sau tiếp tục nhận được tin Huế, Sài Gòn cùng một số tỉnh ở Nam Bộ cũng đã cướp được chính quyền.

Ngày 26-8, chi đội Giải phóng quân đầu tiên tiến vào Thủ đô, giữa tiếng reo mừng dậy đất của đồng bào. Các nam, nữ chiến sĩ lần đầu mặc quần áo đồng phục, chân bước chưa đều, nước da phần lớn tái xám, nhưng tràn đầy khí thế chiến thắng của một đoàn quân dày dạn trong chiến đấu. Điều đó mang lại cho đồng bào niềm tin, đội ngũ vũ trang của hàng ngàn chiến sĩ tự vệ của Thủ đô đã có một chỗ dựa vững chắc.

Bác từ Tân Trào về Hà Nội. Chúng tôi ra đón Bác tại làng Phú Thượng. Bác còn yếu sau trận sốt nặng vừa qua, vẫn giản dị với bộ quần áo vải vàng cũ và đôi giày vải. Đến ngày 30-8, trên cả nước, chính quyền đã về tay nhân dân, trừ một đôi nơi bọn phản động Quốc dân Đảng gây khó khăn như ở Vĩnh Yên.

Ngày mùng 2-9, Bác ra mắt trước mấy chục vạn đồng bào Thủ đô tại Quảng trường Ba Đình với bản *Tuyên ngôn độc lập* lịch sử. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Cờ cách mạng nền đỏ sao vàng trở thành cờ của Tổ quốc. Hà Nội trở thành Thủ đô của nước Việt Nam độc lập. Các đội quân giải phóng Việt Nam, sau ngày cách mạng thành công, đã xuất hiện trên khắp các miền của đất nước. Bên cạnh những chiến sĩ Cứu quốc quân, Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, Du kích Ba Tơ và hàng vạn chiến sĩ tự vệ, du kích của phong trào cách mạng

tại khắp các chiến khu, đã có thêm hàng trăm ngàn thanh niên tình nguyện đứng dưới cờ làm người chiến sĩ bảo vệ Tổ quốc.

Ngày vui chưa đến hẳn, cuộc chiến đấu gian khổ còn phải dài lâu. Phía Bắc, quân Tàu Tưởng tiến vào Việt Nam. Nguyễn Hải Thần bám theo đoàn quân phù thũng đang rêu rao 13 điều thảo phạt, định dâng đất nước ta cho bọn Quốc dân Đảng Trung Hoa. Miền Nam, thực dân Pháp bám gót sau quân Anh, đã trở lại Sài Gòn. Tiếng súng xâm lược lại nổ. Cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân miền Nam đã bắt đầu.

Các chiến sĩ Giải phóng quân ở miền Nam, những người con yêu của khởi nghĩa Nam Kỳ, của Cách mạng Tháng Tám đã đứng ở hàng đầu cùng nhân dân, với những chiếc gậy tầm vông vát nhọn, kiên quyết thực hiện lời thề của người chiến sĩ Giải phóng quân: Chiến đấu đến giọt máu cuối cùng để tiêu diệt bọn xâm lược...

Không một chút nghỉ ngơi, những chiến sĩ Giải phóng quân ở miền Bắc, lại cùng hàng ngàn thanh niên ưu tú lên đường tiếp tục cuộc Nam tiến. Cuộc Nam tiến lần này đã khác hẳn, không còn là vài trung đội, hoặc mấy chục người đi lén lút trong rừng sâu, giữa đêm khuya, mà đây là những đoàn tàu dài dằng dặc, chật ních những chiến sĩ, đi giữa tiếng hoan hô và hàng vạn cánh tay vẫy chào của đồng bào.

“Nam Bộ là thịt của thịt Việt Nam, là máu của máu Việt Nam”, lời nói của Bác Hồ luôn luôn vang dội bên tai mọi người. Kẻ thù đụng vào Nam Bộ là đụng đến lẽ sống còn của toàn dân Việt Nam, xúc phạm đến tình cảm

thiên liêng của mỗi người dân Việt Nam. Quân thù đã trở lại. Cuộc chiến đấu của nhân dân ta ở miền Nam đã bắt đầu. Đồng bào miền Bắc và đồng bào cả nước quyết không thể ngồi yên. Trên khắp miền Bắc, những người nông dân tạm gác tay cày, những thanh niên học sinh tạm xếp bút nghiên, nô nức tòng quân, xin tiếp tục lên đường Nam tiến.

Trong cuộc chiến đấu lâu dài, bên bĩ của Đảng ta và nhân dân ta mấy chục năm qua, cuộc chiến đấu của Giải phóng quân Việt Nam, sau này là Quân đội nhân dân Việt Nam, khi đó mới chỉ là bắt đầu.

Từ đó đến nay, mới 20 năm qua. Dưới ngọn cờ tất thắng của Đảng Lao động Việt Nam quang vinh đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với truyền thống đấu tranh bất khuất, với tinh thần triệt để cách mạng của giai cấp công nhân và của nhân dân ta, chúng ta đã viết nên những trang sử kỳ diệu.

Cách mạng Tháng Tám đã chấm dứt chế độ đô hộ kéo dài suốt gần một thế kỷ của thực dân đế quốc. Cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp xâm lược và bọn can thiệp Mỹ, đã kết thúc với chiến thắng vĩ đại Điện Biên Phủ; nửa nước Việt Nam hoàn toàn giải phóng đang kiến thiết chủ nghĩa xã hội; xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân và đang trở thành căn cứ địa vững mạnh của nhân dân cả nước trong cuộc đấu tranh nhằm giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ và bọn Việt gian bán nước để tiến tới hoà bình thống nhất Tổ quốc. Những đội tự vệ đồ trong phong trào Xôviết Nghệ - Tĩnh, những tổ chức nửa vũ trang và vũ trang bé nhỏ năm trước, nay đã trở thành lực

lượng vũ trang hùng mạnh, một quân đội gang thép của nhân dân đã cùng với nhân dân đánh bại mọi hành động khiêu khích, phá hoại của kẻ thù và luôn luôn sẵn sàng đập tan mọi hành động, mọi âm mưu xâm lược đen tối của đế quốc Mỹ và bè lũ.

Hiện nay, trên một nửa đất nước, tiếng súng chống xâm lăng vẫn tiếp tục nổ. Suốt hai mươi năm qua đồng bào miền Nam ruột thịt dũng cảm và kiên cường, đã không ngừng chiến đấu chống bọn đế quốc xâm lược. Nhân dân anh hùng nơi Thành đồng Tổ quốc, Quân giải phóng miền Nam anh hùng với sự ủng hộ hết lòng của mười bảy triệu đồng bào miền Bắc ruột thịt, được sự ủng hộ, đồng tình của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em và của loài người tiến bộ trên toàn thế giới, đã liên tiếp giáng cho quân thù những thất bại ngày càng nặng nề và đang đẩy chúng đến bên bờ vực thẳm.

Nhìn lại chặng đường mà nhân dân ta và các lực lượng vũ trang của ta đã trải qua, chúng ta tin tưởng sắt đá:

Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta nhất định thành công.

Sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước của nhân dân ta nhất định thắng lợi.

Tương lai thuộc về chúng ta.

Thắng lợi cuối cùng nhất định sẽ về tay chúng ta.

**NHỮNG NĂM THÁNG
KHÔNG THỂ NÀO QUÊN**

Hữu Mai thể hiện

Ngày 19 tháng 5 lại đến với chúng ta.

Hôm nay, cả dân tộc ta đang tưởng nhớ đến Người.

*Tôi muốn ghi lại một số hình ảnh của Bác trong **Những năm tháng không thể nào quên** của thời kỳ đầu mới giành được chính quyền, khi vận mệnh của Tổ quốc đã có lúc như "ngàn cân treo sợi tóc".*

Bàn tay chèo lái của Bác, sự lãnh đạo tài tình của Trung ương Đảng ta do Bác đứng đầu, khí thế của nhân dân ta từ thành thị đến làng quê, từ Bắc chí Nam..., tất cả những điều lớn lao đó cùng với tình hình "thù trong giặc ngoài" cực kỳ rối ren phức tạp, những chương sau đây chắc là chỉ nói lên được một phần nào.

Nhân kỷ niệm lần thứ tám mươi ngày sinh của Bác, đây là những dòng thành kính để góp phần cùng đồng bào và các đồng chí hồi tưởng đến Người, đến công ơn to lớn của Người đối với dân tộc và đất nước, đến những lời Người dặn lại chúng ta trước lúc ra đi¹.

1. Cuốn sách này bắt đầu viết từ mùa xuân năm 1970 và hoàn thành vào mùa xuân năm 1972.

PHẦN THỨ NHẤT

**“... CON THUYỀN CÁCH MẠNG ĐANG LUÔN
NHỮNG MỎM ĐÁ GHÈNH ĐỂ LƯỚI TÓI”**

**Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng
ngày 9-3-1946**

I

Về Hà Nội, chúng tôi ở phố Hàng Ngang. Thành ủy đã bố trí cho chúng tôi ở tại một gia đình cơ sở. Ít hôm sau, có tin Bác đã về. Mấy ngày trước đó, một trung đội Quân giải phóng thuộc chi đội Quang Trung chiến đấu tại Thái Nguyên, đã được lệnh quay gấp lại Tân Trào để đi bảo vệ Bác. Đồng chí đến báo tin nói dọc đường có những lúc Bác phải dùng súng. Như vậy, chắc Bác còn yếu lắm. Bác vốn không bao giờ muốn làm phiền đến người khác ngay cả những khi yếu mệt.

Tình hình đang khẩn trương. Các anh rất mừng. Anh Thọ được cử lên chiến khu đón Bác thì Bác đã về. Anh Ninh và tôi cùng đi lên Phú Thượng gặp Bác.

Xe nhanh chóng ra khỏi thành phố. Rặng ỏi ven đê quen thuộc. Những làng quanh Hồ Tây phấp phới cờ đỏ. Nhớ lại ngày đi đón Bác ở Đèo Gie. Khi đó, Bác ở Cao Bằng về Tân Trào. Ít ngày sau, Tân Trào đã trở thành thủ đô của cách mạng.

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Bác, lênh đênh góc bể chân trời, Người đã có những ngày vui lớn. Đó là ngày Bác tìm thấy con đường giải phóng dân tộc khi đọc *Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin*. Đó là ngày thành lập Đảng Cộng sản Pháp năm 1920 mà Bác là một thành viên. Và ngày lịch sử mùng 3-2-1930, ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam...

Đây lại là một ngày vui lớn nữa đang đến với Bác, đang đến với cách mạng Việt Nam.

Mới đêm nào còn ngồi bên chiếc giường tre, trong căn lán nhỏ, những ngày Bác mệt nặng tại Tân Trào. Vào những giây phút đó mới thấy hết được tấm lòng khát khao cháy bỏng của Bác đối với nền độc lập, tự do của dân tộc. Không phải chỉ ở những lời Bác dặn dò về công tác cán bộ, cách giữ vững phong trào, “dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”. Tấm lòng của Bác còn hiện lên rất rõ qua mỗi cử chỉ nhỏ, qua cái nhìn khi Bác chợt tỉnh giữa những cơn sốt, qua sự đấu tranh với bệnh tật hiểm nghèo để giành từng phút, từng giây cho cách mạng.

Theo lời hiệu triệu của Đảng, của Bác, suốt mấy ngày nay, cả dân tộc ta từ Bắc chí Nam đã vùng dậy với một sức mạnh như triều dâng, thác đổ. Tại Hà Nội, quần chúng

cách mạng đã vượt qua hàng rào sắt, xông vào chiếm Bắc Bộ phủ. Đồng bào già, trẻ, gái, trai, lớn, bé đã siết thành đội ngũ, giương cờ Việt Minh, tiến vào trước họng đại bác, xe tăng Nhật ở trại bảo an binh. Xe tăng, súng máy và lưỡi lê của quân Nhật phải lùi. Bọn Nhật đành phải trao cho cách mạng toàn bộ vũ khí của bảo an binh đóng tại đây. Tin khởi nghĩa thắng lợi ở khắp các địa phương đang dồn dập bay về...

Chúng tôi vào làng Gạ.

Bác ở một ngôi nhà gạch nhỏ nhưng sạch sẽ. Chúng tôi bước vào, nhìn thấy ngay Bác đang ngồi nói chuyện với cụ chủ nhà.

Ngày nào ở Việt Bắc, Bác còn là một ông Ké Nùng. Bữa nay, Bác đã trở thành một cụ nông dân miền xuôi, rất thoải mái, tự nhiên trong bộ quần áo nâu. Bác vẫn gầy nên đôi gò má cao. Những đường gân hằn rõ trên trán và hai thái dương. Nhưng với vầng trán rộng, bộ râu đen, và đôi mắt, nhất là đôi mắt, luôn luôn ngời sáng, một sức mạnh tinh thần kỳ lạ toát ra từ hình dáng mảnh dẻ của Bác. Dù sao, so với những ngày dự hội nghị ở Tân Trào, Bác đã khá hơn nhiều.

Cụ chủ nhà thấy chúng tôi tới, giữ ý, mời thế nào cũng không ngồi lại, nói vài câu chào hỏi rồi lánh đi chỗ khác.

Bác tươi cười nhìn chúng tôi, nói:

- Trông các chú bữa nay ra dáng người tỉnh thành rồi.

Chúng tôi sôi nổi báo cáo với Bác tình hình khởi nghĩa ở Hà Nội và các tỉnh. Bác ngồi lắng nghe, vẻ mặt điềm đạm. Tính Bác như vậy, khi vui khi buồn đều vẫn bình thản.

Chúng tôi nói với Bác ý Thường vụ muốn tổ chức sớm lễ ra mắt của Chính phủ. Theo quyết định của Hội nghị toàn quốc họp tại Tân Trào, Ủy ban dân tộc giải phóng do Bác làm Chủ tịch sẽ trở thành Chính phủ lâm thời.

Với một vẻ vui vui, Bác nói như hỏi lại chúng tôi:

- Mình làm Chủ tịch à?

Thực ra, một thời kỳ rất vẻ vang nhưng cũng cực kỳ hiểm nghèo của dân tộc đã bắt đầu. Bác đã nhận sứ mệnh khó khăn: lái con thuyền quốc gia Việt Nam vừa mới hình thành, vượt qua những thác ghềnh nguy hiểm. Bác đã đón nhận nhiệm vụ đó trước lịch sử, trước nhân dân đúng như Bác đã trả lời các nhà báo nước ngoài ba tháng sau đó: “Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận”¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.187.

II

Chúng tôi trở về Hàng Ngang trước để chuẩn bị. Anh Nhân¹ lên sau, ở lại đến chiều cùng về với Bác.

Đây là lần đầu tiên Bác đến Hà Nội. Chặng đường ba trăm kilômét từ ngôi nhà tranh nhỏ hẹp tại làng Kim Liên tới đây, Bác đã đi mất hơn ba mươi lăm năm.

Con đường Bác đã đi không giống bất cứ con đường của một người Việt Nam yêu nước nào đã đi trước Bác.

Bác đã một mình lặn lội, xông pha trên những nẻo đường của hầu khắp các miền khác nhau trên trái đất. Chủ nghĩa tư bản đã bước vào giai đoạn phát triển tột cùng của nó, trở nên vô cùng xấu xa. Nó tìm mọi cách xóa nhòa ranh giới giữa trắng, đen, giữa thiện, ác. Nó xuyên tạc mọi giá trị tinh thần chân chính mà loài người đến đó đã đạt được. Nó đang bưng bít mọi ánh sáng của công lý, tự do.

Bác đã đi giữa những ngày đông ảm đạm, vom trời châu Âu, châu Á bị những đám mây đen chiến tranh của chủ nghĩa đế quốc che phủ.

1. Đồng chí Trường Chinh.

Thế gian hỗn loạn đau thương; tội ác của chủ nghĩa đế quốc chồng chất. Giữa lúc vàng thau lẫn lộn, giả thật khó phân, Bác đã nhanh chóng nhìn thấy ánh sáng của chân lý. Bác đã đến với chủ nghĩa Lênin. Bác đã thấy học thuyết Lênin chính là “mặt trời đưa lại nguồn sống tươi vui”. Bác đã thấy ngọn cờ Lênin là “tượng trưng cho lòng tin và đức sáng của hy vọng”. Từ năm mươi năm trước đây¹, người yêu nước Việt Nam vĩ đại đã tìm được ở chủ nghĩa Mác - Lênin cho đồng bào ta và những người cùng hội cùng thuyền - những dân tộc bị đọa đày vì chủ nghĩa đế quốc - một con đường giải phóng duy nhất: “*Đường kách mệnh*”.

Một sự đổi thay lớn lao đã đến trong đời sống của dân tộc.

Mấy ngày trước đây, Hà Nội còn giữ nguyên vẹn bộ mặt một sản phẩm của chế độ thực dân thối nát thời chiến. Cả thành phố chìm đắm trong những hoạt động chợ đen. Cuộc sống tính từng ngày. Những chiếc xe chở rác không đủ để đưa xác những người chết đói ra vùng ngoại ô, đổ xuống những hố chung. Trong khi đó, ở các cửa ô, người đói khắp làng quê vẫn ùn ùn kéo vào. Họ đi vật vờ như những chiếc lá khô buổi chiều đông. Nhiều khi, chỉ một cái gạt tay của viên cảnh sát, cũng đủ làm họ ngã xuống không bao giờ trở dậy.

Lại thêm tháng 8 năm nay, nước các triền sông đều lên to. Con “hồng thủy” đã phá vỡ những đê điều từ lâu không được bọn thống trị nhòm ngó tới. Sáu tỉnh đồng

1. 1920-1970.

bằng, vựa thóc của cả miền Bắc bị chìm dưới làn nước trắng. Dịch tả hoành hành. Bao nhiêu tai họa của chế độ thực dân cùng một lúc dồn đến.

Cùng với bọn đầu cơ kinh tế, bọn đầu cơ chính trị cũng đua nhau nổi lên. Chúng vừa hô “Việt Nam độc lập”, vừa hô “Đại Nhật Bản vạn tuế”. Thay vào những tên đội xếp Pháp mang dùi cui là những tên hiến binh Nhật đeo kiếm dài, lật xẹt đôi ủng đi trên các hè phố.

Không phải chỉ riêng Hà Nội mà cả dân tộc ta đang sống những giờ phút đau thương.

Thắng lợi vĩ đại của Hồng quân Liên Xô đánh tan đạo quân Quan Đông của Nhật vào giữa tháng Tám, đã đưa lại cho dân tộc ta một thời cơ lớn.

Cách mạng nổi lên như một cơn lốc.

Chỉ trong vài ngày, những vết nhơ, những nỗi nhục nhằn, khổ đau của chế độ nô lệ đã được quét đi khá nhiều.

Sức hồi sinh của cách mạng thật lạ thường. Hôm trước, cả thành phố còn tê liệt vì nạn đói, vì bệnh dịch, vì sự khủng bố. Hôm sau, tất cả những đường to, ngõ hẻm đã sôi lên. Hàng vạn, hàng vạn con người âm âm kéo đi với sức mạnh như những dòng thác.

Chính quyền nhân dân cách mạng vừa mới thành lập. Phần lớn đồng bào còn chưa biết những ai là người thay mặt cho chính quyền mới. Nhưng mọi người đã tự động tạo nên một trật tự mới, trật tự của cách mạng. Nạn cướp giết mất hẳn. Trộm cắp hầu như không xảy ra. Những người ăn xin cũng không còn. Hoạt động buôn bán, hoạt động chủ yếu của thành phố, đã nhường chỗ cho một hoạt động mới: hoạt động cách mạng.

Một người đi xe đạp đến đầu phố cầm loa hô lớn: “Mời đồng bào đến tập trung ở địa điểm X, tham gia biểu tình”. Không biết người đó là ai, nhưng lời hô hào lập tức được truyền đi. Nhiều người dân tự động vác loa ra đứng giữa đường, làm công tác thông tin.

Ai đang làm dở việc gì cũng để lại đấy. Tất cả ào ào kéo đi. Chỉ chốc lát, hàng vạn người đã có mặt ở địa điểm biểu tình. Họ sẵn sàng làm bất cứ việc gì mà cách mạng cần đến.

Không khí Hà Nội trở nên trong lành, náo nức. “*Đoàn quân Việt Minh đi, chung lòng cứu quốc...*”, những bài ca cách mạng vang lên rộn ràng từ sớm tới khuya. Cờ đỏ sao vàng mỗi lúc một nhiều hơn, đẹp hơn. Cờ bay đỏ nhà, đỏ phố. Cách mạng đúng là ngày hội của những người bị áp bức.

Chập tối, Bác đến nhà. Chúng tôi ra đón, nhận thấy trên nét mặt của Bác những dấu hiệu xúc động.

Bác đã về đến Hà Nội. Ít ngày nữa, Hà Nội sẽ trở thành Thủ đô của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Hà Nội chưa được cùng san sẻ với chúng tôi hôm nay niềm vui đón Bác trở về. Ngay cả đồng chí lái xe bữa ấy cũng vậy. Mấy ngày sau, anh xin phép nghỉ, lên Thái Nguyên dẫn bố về dự Tết Độc lập để xem mặt cụ Chủ tịch nước. Đến Quảng trường Ba Đình, anh mới biết Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là cụ già bữa trước mình đã đánh xe đi đón ở làng Gạ.

III

Tại Hội nghị Póttxdam cuối tháng 7 năm ấy, Đồng minh đã quyết định chia Đông Dương thành hai khu vực để tiến vào tước vũ khí quân đội Nhật Bản khi Nhật đầu hàng. Việc giải giáp quân đội Nhật từ vĩ tuyến 16 trở vào, do quân đội Anh phụ trách, từ vĩ tuyến 16 trở ra, sẽ do quân đội Tưởng Giới Thạch chịu trách nhiệm. Đương nhiên, trong việc hệ trọng đó, dân ta không được hỏi ý kiến. Do áp lực của Mỹ, Pháp đã bị gạt ra ngoài.

Bọn Tưởng chưa tới thì chiều ngày 22-8, đã thấy xuất hiện một số võ quan Pháp bên cạnh phái bộ Mỹ vừa đáp máy bay xuống Hà Nội.

Các viên võ quan Pháp được bọn Nhật đưa tới khách sạn “Métrôpôn”. Nhiều kiều dân Pháp còn trú ngụ tại đây. Đồng bào ta nhận ra chúng qua bộ quần áo nhà binh Pháp, lập tức ủa tới phản đối. Người kéo đến mỗi lúc một đông. Bất chấp lưỡi lê của bọn lính Nhật đứng gác, những dây chần trước khách sạn bị phá đứt tung. Trước sự phẫn nộ của quần chúng, những tên hiến binh Nhật vội vã hộ tống bọn võ quan Pháp trở về Phủ toàn quyền cũ, lúc đó còn là Tổng hành dinh của quân đội Nhật.

Từ mấy tháng trước, khi còn ở chiến khu, chúng tôi đã nghe tin Đờ Gôn đưa ra một bản tuyên bố về quy chế mới cho chế độ chính trị của Pháp tại Đông Dương. Theo bản tuyên bố này, Đông Dương sẽ trở thành một liên bang gồm năm “nước” khác nhau (ngoài Lào, Campuchia, chúng chia Việt Nam ra làm ba “nước”: Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ). Các nước này sẽ được hưởng một chế độ gọi là “chế độ tự trị ở bên trong”. Liên bang này sẽ có một chính phủ liên bang đứng đầu là một “quan toàn quyền” đại diện cho nước Pháp, có cả quyền hành pháp lẫn quyền lập pháp. Qua bản tuyên bố này, chính sách thực dân của đế quốc Pháp đối với ta vẫn không thay đổi.

Nghe tin Nhật hoàng sắp đầu hàng, Chính phủ Pháp đã lập tức có những hoạt động để trở lại Đông Dương. Nhiều toán gồm những võ quan, những quan cai trị, những tên tình báo ở Trung Hoa, ở Tây Lan¹, ở Madagátxca được lệnh tìm mọi cách đột nhập Đông Dương. Chúng nhảy dù xuống nhiều địa điểm ở khắp Trung, Nam, Bắc. Có bọn vào ta bằng đường biển. Chúng chưa biết những đổi thay sâu sắc đã diễn ra ở đây trong thời gian qua. Nhiều tên còn đi tìm các quan lại, hương lý cũ để xem giấy tờ. Hầu hết bọn chúng đã rơi vào tay ta, một số vào tay Nhật.

Về Hà Nội ít ngày, chúng tôi được tin: ngay khi Nhật đầu hàng, Chính phủ Pháp đã ra lệnh cho đạo quân viễn chinh Pháp ở Viễn Đông, được tổ chức từ khá lâu trước đó,

1. Tức Xri Lanca.

lên đường gấp sang Đông Dương, Lơcléc, một viên tướng có tên tuổi trong cuộc chiến đấu giải phóng nước Pháp, được chỉ định làm tổng chỉ huy, Đácgiăngliơ, thủy sư đô đốc, một thầy tu phá giới, người thân cận của Đờ Gôn, được bổ nhiệm chức cao ủy. Những chiếc tàu chiến của Pháp còn lại sau cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, hướng mũi về Đông Dương. Từ đầu bên kia trái đất, những nòng súng đã chĩa về phía cách mạng.

Sự xuất hiện của một phái đoàn gồm trên một chục võ quan người Pháp ở Hà Nội, là một điều làm cho Bác và các anh rất quan tâm. Tại sao bọn Pháp tới được đây trước cả khi quân Tưởng vào. Thái độ của Đồng minh, đặc biệt là của Mỹ và Tưởng đối với Pháp trong vấn đề Đông Dương ra sao? Đó là điều chúng ta đang cần biết.

Chúng tôi nhân danh một phái đoàn của chính quyền nhân dân gặp phái bộ Mỹ. Qua cuộc gặp này, chúng ta biết dứt khoát việc giải giáp quân đội Nhật ở phía bắc vĩ tuyến 16 vẫn do quân Tưởng đảm nhiệm. Chúng ta lại nhận thấy nhóm người Mỹ và nhóm người Pháp ở Hà Nội dường như không ưa nhau. Trong khi Pháp đang ráo riết tìm cách quay lại Đông Dương thì viên sĩ quan người Mỹ Pátty với một động cơ nào đó còn chưa hiểu được lại bày tỏ cảm tình với cuộc chiến đấu chống Nhật của Việt Minh.

Trước cao trào khởi nghĩa của toàn dân từ Bắc chí Nam, bọn Nhật thua trận hoang mang. Những trận đánh của ta ở Việt Bắc, ở các nơi làm cho chúng phải suy nghĩ. Nếu chống lại cách mạng, số phận chúng sẽ ra sao sau khi chúng đã bị quân Đồng minh tước khí giới?

Bọn Nhật đã thấy chẳng có lợi gì cho chúng, nếu chúng cản trở cách mạng.

Tại Huế, ngày 23 tháng 8, hàng vạn đồng bào nội, ngoại thành tuần hành thị uy trên các đường phố, Ủy ban khởi nghĩa đưa thư đòi Bảo Đại thoái vị. Các lực lượng vũ trang khởi nghĩa chiếm các công sở và lùng bắt bọn Việt gian. Trước áp lực to lớn của cách mạng, Bảo Đại tuyên bố sẵn sàng từ giã ngôi vua.

Ngày 25-8, cuộc khởi nghĩa bùng ra trên phần lớn các tỉnh ở Nam Bộ. Hàng mấy chục vạn đồng bào Sài Gòn, Chợ Lớn xuống đường. Viên khâm sai của Bảo Đại vừa phái vào mấy ngày trước đó, buộc phải từ chức. Trước sức mạnh của quần chúng, mấy vạn quân Nhật phải ngóảnh mặt làm ngơ.

Anh Trần Huy Liệu, anh Nguyễn Lương Bằng và anh Cù Huy Cận được cử vào Huế. Ngày 30 tháng 8, của Ngọ Môn tại Hoàng thành mở rộng đón phái đoàn của cách mạng. Bảo Đại đọc chiếu thoái vị, trao lại ấn, kiếm để trở thành người công dân của một nước tự do. Hàng vạn đồng bào hân hoan chứng kiến những giờ phút cuối cùng của triều Nguyễn.

Thế là dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương lúc bấy giờ có khoảng năm ngàn đảng viên, Mặt trận Việt Minh được toàn dân ủng hộ, đã giành thắng lợi vĩ đại trong cuộc Tổng khởi nghĩa suốt từ Bắc chí Nam. Cách mạng Tháng Tám đã thành công rực rỡ. Chỉ trong khoảng mười ngày, chính quyền cách mạng đã được thành lập trên cả nước. Chế độ thực dân kéo dài hơn tám mươi

năm cùng với chế độ phong kiến hàng ngàn năm sụp đổ tan tành. Người ta nhớ những lá cờ quẻ ly vàng úa, một sản phẩm của thời kỳ Nhật thuộc ngắn ngủi, như bứt đi những chiếc lá sâu. Nó chìm nhanh vào sự lãng quên không để lại một dấu vết.

IV

Anh chị chủ nhà ở phố Hàng Ngang đã dành cho chúng tôi tầng gác hai. Bác được mời lên tầng ba làm việc cho tỉnh. Nhưng Bác không thích ở một mình, cùng ở với chúng tôi. Lúc đó, theo sự phân công của Bác, anh Tô¹ và anh Hoan còn ở lại Tân Trào ít lâu. Đối với những người giúp việc trong gia đình và hàng xóm thì Bác và chúng tôi là “các cụ và các ông ở nhà quê ra chơi”. Anh Ninh hồi đó có bộ râu rậm lười cạo nên cũng được coi lầm là một “ông cụ”.

Tầng gác này vốn là phòng ăn và buồng tiếp khách nên không có bàn viết, Bác ngồi viết ở cái bàn ăn rộng thênh thang. Chiếc máy chữ của Bác được đặt trên cái bàn vuông nhỏ, mặt bọc nỉ xanh, kê ở góc buồng.

Hết giờ làm việc, mỗi người kiếm một chỗ nghỉ luôn tại đó. Người nằm ở divăng. Người ngủ trên những chiếc ghế kê ghép lại. Bác nghỉ trên một chiếc ghế xếp bằng vải trước kia vẫn dựng ở góc buồng.

Ngay từ hôm Bác mới về, những toán quân Tưởng đầu

1. Đồng chí Phạm Văn Đồng.

tiên đã xuất hiện ở Hà Nội. Đó là những tên thám báo và tiên trạm. Đứng trên bao lơn, chúng tôi nhìn thấy những toán quân Tưởng lẻ tẻ vẫn tiếp tục kéo đến.

Thật khó mà tin được đây lại là một quân đội vừa chiến thắng. Mặt mũi chúng bủng beo, ngơ ngác. Những bộ quân phục màu vàng nghệ rách rưới, bẩn thỉu. Chúng gồng gánh lễ mễ. Có những toán đem theo cả đàn bà và trẻ con. Nhiều đứa kéo lê không nổi cặp chân voi. Chúng xuất hiện như những vết nhơ trên thành phố vừa quét sạch được mùi hôi tanh của bọn thực dân. Nhìn chúng lần này thảm hại hơn nhiều so với lần chúng tôi đã nhìn thấy chúng năm năm trước tại Côn Minh, Quế Lâm.

Bác chủ tọa phiên họp đầu tiên của Thường vụ tại Hà Nội. Cách mạng đã thành công ở hầu khắp các tỉnh. Nhưng chính quyền cách mạng Trung ương vẫn chưa thành lập. Tình hình trong, ngoài lại rất khẩn trương. Thường vụ nhận thấy phải sớm công bố danh sách Chính phủ lâm thời và tổ chức lễ ra mắt của Chính phủ. Những việc này cần làm ngay trước khi đại quân của Tưởng kéo vào.

Các tỉnh ở phía trên nhận được chỉ thị nhân lúc nước lụt, lấy có huy động thuyền bè khó khăn, làm chậm việc chuyển quân của Tưởng thêm ngày nào hay ngày ấy.

Một số chi đội Quân giải phóng đã được lệnh điều động gấp từ Thái Nguyên về Hà Nội. Nước lụt làm hỏng nhiều đoạn đường nên anh em về chậm. Hà Nội giành chính quyền đã hơn một tuần lễ. Nhưng lực lượng vũ trang cách mạng mới chỉ có những đơn vị tự vệ chiến đấu và một số

lính bảo an vừa theo cách mạng. Đó cũng là một điều phải quan tâm.

Sáng ngày 26, có tin hai chi đội Quân giải phóng đã về đến Gia Lâm. Anh Nguyễn Khang cùng anh Vương Thừa Vũ sang đón.

Phải trải qua một cuộc dàn xếp khó khăn, bọn Nhật mới đồng ý để các đơn vị Quân giải phóng vào Hà Nội.

Đội nhạc binh cử những khúc quân hành khi đoàn quân vượt cầu Long Biên. Các chiến sĩ dàn thành hai hàng dọc hai bên đường, súng cầm tay, đạn lên nòng, đi theo tư thế sẵn sàng chiến đấu.

Sự có mặt ở Hà Nội của những lực lượng vũ trang cách mạng đã trải qua tôi luyện, thử thách làm cho mọi người phấn khởi. Một cuộc duyệt binh của Quân giải phóng và tự vệ thành được tổ chức tại Quảng trường Nhà hát Lớn trước niềm hân hoan, tin tưởng của đồng bào.

Ngày 28, danh sách Chính phủ lâm thời được công bố trên các báo chí tại Hà Nội. Thành phần của Chính phủ nói lên chủ trương đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân của Mặt trận Việt Minh trong công cuộc xây dựng đất nước.

Hôm trước đó, Bác đã gặp các vị Bộ trưởng trong Chính phủ lâm thời tại Bắc Bộ phủ. Ông Nguyễn Văn Tố, Bộ trưởng Bộ Cứu tế xã hội, nhìn thấy ở phòng khách một cụ già, mặc chiếc quần “soóc” nhuộm nâu, đội cái mũ bọc vải vàng đã móp, đứng chống cây gậy, tươi cười gật đầu chào mình. Lát sau, ông mới biết đó chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thường vụ đã quyết định ngày ra mắt của Chính phủ lâm thời cũng là ngày nước Việt Nam chính thức công bố giành quyền độc lập và thiết lập chính thể dân chủ cộng hòa. Ngoài đường lối, chính sách của Chính phủ, phải chuẩn bị cả những lời thề để đưa ra trước nhân dân. Bác và Thường vụ trao đổi về một việc hệ trọng cần bắt tay vào làm ngay: thảo bản *Tuyên ngôn độc lập*.

Trong căn buồng nhỏ thiếu ánh sáng của ngôi nhà sâu thẳm, nằm giữa một trong ba mươi sáu phố phường cổ kính của Hà Nội, Bác ngồi làm việc, khi thì viết, khi thì đánh máy.

Những người giúp việc trong gia đình không biết ông cụ có cặp mắt sáng, chiếc áo nâu bạc thường để hở khuy ngực, hay hút thuốc lá, ngồi cặm cụi đó làm gì. Mỗi lần họ tới hỏi cụ có cần gì, cụ quay lại mỉm cười, chuyện trò đôi câu. Lần nào cụ cũng nói không có gì cần phải giúp đỡ. Họ không biết là mình đang chứng kiến những giờ phút lịch sử.

Một buổi sáng, Bác và anh Nhân gọi anh em chúng tôi tới. Bản Tuyên ngôn lịch sử đã thảo xong, Bác mang đọc để thông qua tập thể. Như lời Bác nói lại sau này, đó là những giờ phút sáng khoái nhất của Người.

Hai mươi sáu năm trước, Bác đã tới Hội nghị hòa bình Vécxây, nêu lên những yêu cầu cấp thiết về dân sinh, dân chủ cho những người dân thuộc địa. Cả những yêu cầu tối thiểu đó cũng không được bọn đế quốc mảy may chấp nhận. Người đã thấy rõ một sự thật là không thể trông chờ ở lòng bác ái của các nhà tư bản. Người biết chỉ còn trông

cậy vào cuộc đấu tranh, vào lực lượng của bản thân dân tộc mình.

Giờ phút này, Người đang thay mặt cho cả dân tộc, hái quả của hơn tám mươi năm đấu tranh.

Bữa đó, chúng tôi đã nhìn thấy rõ niềm vui rạng rỡ trên khuôn mặt còn võ vàng của Người.

V

Mồng 2-9-1945.

Hà Nội tung bừng màu đỏ. Một vùng trời bát ngát cờ, đèn và hoa. Cờ bay đỏ những mái nhà, đỏ những rặng cây, đỏ những mặt hồ.

Biểu ngữ bằng các thứ tiếng Việt, Pháp, Anh, Hoa, chằng khắp các đường phố: “Nước Việt Nam của người Việt Nam”, “Đả đảo chủ nghĩa thực dân Pháp”, “Độc lập hay là chết”, “Ủng hộ Chính phủ lâm thời”, “Ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh”, “Hoan nghênh phái bộ Đồng minh”...

Các nhà máy, các cửa hiệu buôn to, nhỏ đều nghỉ việc. Chợ búa không họp. Mọi hoạt động buôn bán, sản xuất của thành phố tạm ngừng. Đồng bào Thủ đô già, trẻ, gái, trai đều xuống đường. Mọi người đều thấy mình cần phải có mặt trong ngày hội lớn đầu tiên của đất nước.

Những dòng người đủ mọi màu sắc, từ khắp các ngã tuôn về Quảng trường Ba Đình.

Đội ngũ của những người thợ quần xanh, áo trắng, tràn đầy sức mạnh và niềm tin. Người lao động bình thường hôm nay đến ngày hội với tư thế đường hoàng của những người làm chủ đất nước, làm chủ tương lai.

Hàng chục vạn nông dân từ ngoại thành kéo vào. Những chiến sĩ dân quân mang theo côn, kiếm, mã tấu. Có những người vác theo cả những quả chùy đồng, những thanh long đao rút ra từ những giá vũ khí bày để trang trí trong các điện thờ. Trong hàng ngũ của các chị em phụ nữ nông thôn với những bộ quần áo ngày hội, có những người vấn khăn vàng, mặc áo tứ thân, thắt lưng hoa lý. Cũng chưa bao giờ người nông dân ở những làng xóm nghèo quanh Hà Nội, đi vào thành phố với một niềm tự hào như ngày hôm ấy.

Những cụ già vẻ mặt nghiêm trang. Những cô gái Thủ đô hơn hở, áo màu rực rỡ.

Rộn ràng là các em thiếu nhi. Dù sự giàu nghèo của mỗi gia đình chưa đổi khác, nhưng từ ngày hôm nay, tất cả các em đều trở thành những người chủ nhỏ của đất nước độc lập. Theo nhịp còi của các anh, các chị phụ trách, các em khua rền trống ếch, giậm chân bước đều, hát vang những bài ca cách mạng.

Những nhà sư, những ông cố đạo cũng rời nơi tu hành, xuống đường, xếp thành đội ngũ đến dự ngày hội lớn của dân tộc.

Nắng mùa thu rất đẹp trên Quảng trường Ba Đình từ giờ phút này đã đi vào lịch sử. Đội danh dự đứng nghiêm trang chung quanh lễ đài mới dựng. Các chiến sĩ Quân giải phóng bĩa trước theo Quân lệnh số I của Ủy ban khởi nghĩa, từ Tân Trào tiến về phía nam “đánh vào các đô thị và trọng trấn của quân địch”. Hôm nay, họ đã đứng sát cánh cùng các đội tự vệ của công nhân, thanh niên và lao động Thủ đô bảo vệ Chính phủ lâm thời.

Sau bao năm bôn ba khắp thế giới, mang án tử hình của đế quốc Pháp, qua mấy chục nhà tù và những ngày dài gỏi đất nằm sương, Bác đã trở về ra mắt trước hàng chục vạn đồng bào. Sự kiện lịch sử này mới hôm nào còn ở trong ước mơ.

Ba tiếng Hồ Chí Minh không bao lâu đã vang đi khắp thế giới với những truyền thuyết mà người ta thường dành cho các bậc vĩ nhân. Nhưng vào ngày hôm ấy, cái tên mới của Bác vẫn còn mới lạ với nhiều đồng bào. Số người biết Bác chính là đồng chí Nguyễn Ái Quốc khi đó không nhiều.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị Chủ tịch của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đã ra mắt đồng bào như một lãnh tụ lần đầu xuất hiện trước đông đảo quần chúng.

Đó là một cụ già gầy gò, trán cao, mắt sáng, râu thưa. Cụ đội chiếc mũ đã cũ, mặc áo kaki cao cổ, đi dép cao su trắng.

Mấy ngày hôm trước, một vấn đề được đặt ra là phải có một bộ quần áo để Bác mặc khi Chính phủ ra mắt đồng bào. Cuối cùng, Bác đã chọn bộ quần áo này. Hai mươi bốn năm làm Chủ tịch nước, trong những ngày lễ lớn của dân tộc, trong những cuộc đi thăm nước ngoài, Chủ tịch Hồ Chí Minh bao giờ cũng xuất hiện với một hình ảnh giản dị, không thay đổi. Vẫn bộ quần áo vải, trên ngực không một tấm huân chương, y như lần đầu Bác đã ra mắt đồng bào.

Ông cụ có dáng đi nhanh nhẹn. Dáng đi này cũng làm cho đôi người lúc đó hơi ngạc nhiên. Họ đã không nhìn thấy ở vị Chủ tịch dáng đi trang trọng của những người

“sang”. Giọng nói của ông cụ phảng phất giọng nói của một miền quê đất Nghệ An.

Bác đã xuất hiện trước mấy chục vạn đồng bào ngày hôm đó như vậy.

Lời nói của Bác điềm đạm, đầm ấm, khúc chiết, rõ ràng. Không phải là cái giọng hùng hồn người ta thường được nghe trong những ngày lễ long trọng. Nhưng người ta tìm thấy ngay ở đó những tình cảm sâu sắc, ý chí kiên quyết: tất cả đều tràn đầy sức sống; từng câu, từng tiếng đi vào lòng người.

Đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* đến nửa chừng, Bác dừng lại và bỗng dừng hỏi:

- Tôi nói, đồng bào nghe rõ không?

Mấy chục vạn con người cùng đáp, tiếng dậy vang như sấm:

- Co-o-ó!

Từ giây phút đó, Bác cùng với cả biển người đã hòa làm một.

Đây là bản Tuyên ngôn của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa giành được độc lập bằng cuộc chiến đấu suốt hơn tám mươi năm của dân tộc. Đây còn là những lời lẽ tâm huyết, đầy cảm kích của đội tiên phong giác ngộ nhất của giai cấp cách mạng nhất, có những người con tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp và của dân tộc, trước máy chém, trước miệng súng của quân thù, đã từng giết tấm băng đen bịt mắt, hô lớn: “Việt Nam độc lập muôn năm!”.

Buổi lễ kết thúc bằng những lời thề độc lập:

- Chúng tôi, toàn thể dân Việt Nam xin thề: “Kiên quyết một lòng ủng hộ Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh”.

- Chúng tôi xin thề: “Cùng Chính phủ giữ nền độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc, chống mọi mưu mô xâm lược, dù có phải chết cũng cam lòng”.

- Nếu Pháp đến xâm lược lần nữa thì chúng tôi xin thề:

“Không đi lính cho Pháp.

Không làm việc cho Pháp.

Không bán lương thực cho Pháp,

Không đưa đường cho Pháp!”.

Mấy chục vạn con người, mấy chục vạn tiếng hô cùng hòa làm một. Đó là lời thề của toàn dân kiên quyết thực hiện lời Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa đọc để kết thúc bản Tuyên ngôn:

“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”¹.

Bản án chế độ thực dân Pháp đã có từ ba mươi năm trước đây. Nhưng hôm nay mới chính là ngày chế độ thực dân Pháp bị đưa ra cho toàn dân Việt Nam công khai xét xử.

Lịch sử đã sang trang. Một kỷ nguyên mới bắt đầu: Kỷ nguyên của Độc lập, Tự do, Hạnh phúc.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.557.

Bản đồ thế giới phải sửa đổi lại vì sự ra đời của một nhà nước mới: Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Cùng với cuộc Tổng khởi nghĩa nổ ra trong suốt hạ tuần tháng 8, Ngày Độc lập mùng 2-9 đã có một ý nghĩa cực kỳ trọng đại trong đời sống chính trị, tinh thần của dân tộc.

Điều lo lắng của Bác trước đây ba mươi năm: “Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ nguy mất nếu đám thanh niên già cỗi của người không sớm hồi sinh”, hôm nay, không còn là điều khiến cho Người phải băn khoăn. Cả dân tộc đã hồi sinh.

Độc lập, tự do đã đến với mỗi người dân. Mỗi người đã thấy được giá trị thiêng liêng của nó, thấy trách nhiệm phải bảo vệ. Vô vàn khó khăn còn ở trước mắt. Nhưng đối với bọn đế quốc, muốn phục hồi thiên đường đã mất, mọi việc cũng không còn dễ dàng như xưa.

VI

Đối phó với quân Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật là một khó khăn lớn lúc này mà Đảng ta phải đương đầu. Ở miền Bắc, có tin Tưởng Giới Thạch sẽ đưa vào một số quân rất đông. Căn cứ vào Nghị quyết của Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào, Thường vụ đã bàn sách lược đối với bọn Tưởng.

Đã tâm của bọn Quốc dân Đảng Trung Hoa, chúng ta đã rõ. Chúng là kẻ thù không đội trời chung của cách mạng. Ta phải cảnh giác đề phòng chúng lật ta để thay thế bằng bọn tay sai. Tuy nhiên, lúc này cần phải hòa hoãn với chúng, phải khôn khéo, tìm mọi cách tránh xung đột. Chính quyền cách mạng vừa thành lập đang cần có thời gian để củng cố và xây dựng lực lượng. Khẩu hiệu đề ra là “Hoa - Việt thân thiện”.

Thực hiện đối sách này với bọn Tưởng thật không dễ dàng. Đồng bào ta được sự giáo dục của Đảng từ lâu, đã biết Hồng quân Trung Hoa mới là bạn của ta. Quân đội Quốc dân Đảng của Tưởng Giới Thạch chính là kẻ thù của nhân dân và cách mạng Trung Quốc; chúng cũng là kẻ thù của nhân dân và cách mạng Việt Nam. Đồng bào ta vốn

rất căm ghét chúng. Quân Tưởng lại là một đội quân mang nhiều tính chất thổ phỉ. Chắc chắn, khi tràn vào ta, chúng sẽ có nhiều hành động khiến cho đồng bào phần nộ, dễ xảy ra xung đột. Thường vụ đã phải cử người lên các tỉnh phía trên, phổ biến chủ trương, cùng các đồng chí lãnh đạo ở địa phương chuẩn bị tư tưởng cho cán bộ và nhân dân trước khi quân Tưởng kéo vào.

Sau khi Nhật đầu hàng, Hà Ứng Khâm, Tổng Tham mưu trưởng quân đội Quốc dân Đảng Trung Hoa, một tên chống cộng khét tiếng, đã thúc Lư Hán điều quân vào miền Bắc Việt Nam cho thật nhanh. Kế hoạch “Hoa quân nhập Việt” đã được chuẩn bị từ lâu. Bọn quân phiệt Quốc dân Đảng tin rằng đây là một thời cơ rất thuận lợi để thôn tính miền Bắc Việt Nam. Chúng tính ít nhất cũng đặt được từ vĩ tuyến 16 trở ra một chính quyền tay sai ngoan ngoãn thực hiện mọi chỉ thị của chúng.

Bọn quân phiệt Quốc dân Đảng sắp sẵn những con bài, gồm những tên tay sai người Việt ở Trung Hoa như: Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam... Chúng thuộc hai tổ chức: Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội và Việt Nam Quốc dân Đảng, sống từ lâu ở nước ngoài, không có liên hệ gì với phong trào trong nước. Chúng tự nhận là những người Việt Nam yêu nước theo chủ nghĩa quốc gia, nhưng thực ra là một bọn phản động mưu toan dựa vào Quốc dân Đảng Tưởng Giới Thạch và mũi súng quân Tưởng để kiếm sống. Quân Tưởng đi vào Việt Nam bằng hai đường, nên bọn này cũng chia làm hai bộ phận đi theo chúng.

Vì tổ chức luộm thuộm, thiếu phương tiện vận chuyển phải đi bộ, không có hậu cần đi cùng, đến đâu cũng phải xoay ăn, lại thiếu cả quân số, vừa đi vừa vét quân lính dọc đường, nên chúng tiến khá chậm.

Phía Vân Nam, Quân đoàn 93 thuộc Đệ nhất phương diện quân của Lư Hán, theo kế hoạch sẽ đi dọc sông Hồng đến Hà Nội. Cuối tháng 8 mới tới Lào Cai. Phía Quảng Tây, Quân đoàn 62, lực lượng của quân đội Quốc dân Đảng trung ương, có tướng Tiêu Văn đi cùng, sẽ đi đường Lạng Sơn, Cao Bằng, xuống Hà Nội, mãi đầu tháng 9 mới vượt qua biên giới.

Hai quân đoàn khác, Quân đoàn 52 của trung ương và Quân đoàn 60 của Vân Nam đi tiếp theo, sẽ chia nhau xuống Hải Phòng, vào Vinh và Đà Nẵng.

Tổng quân số của chúng vào miền Bắc là mười tám vạn người. Các quân đoàn Vân Nam nhiều binh lính ốm đau, ô hợp, kém huấn luyện. Những quân đoàn của trung ương mạnh hơn, về tổ chức cũng đỡ luộm thuộm. Bốn quân đoàn này được đặt dưới quyền chỉ huy chung của tướng Lư Hán. Tiêu Văn, một phó tướng của Trương Phát Khuê, từ lâu theo dõi vấn đề Việt Nam, lãnh trách nhiệm với bọn quân phiệt Quốc dân Đảng trong việc sắp xếp chế độ chính trị tại miền Bắc.

Nguyễn Hải Thần theo Quân đoàn 62 vào Lạng Sơn, thì được tin Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ra mắt trước mấy chục vạn đồng bào tại Thủ đô Hà Nội.

Những tên chỉ huy Quân đoàn 62 đòi tước vũ khí các

lực lượng vũ trang ta tại Lạng Sơn, Cao Bằng. Bộ đội ta không chịu. Chúng đem quân tới chiếm các doanh trại của Quân giải phóng. Bọn Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội núp sau luỡi lê quân Tưởng, xông vào trụ sở của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Để tránh xô xát lớn, các cơ quan chính quyền, đoàn thể và các lực lượng vũ trang ta phải tạm giãn ra vùng chung quanh. Nhân dân lập tức thực hiện “vườn không, nhà trống”. Thị xã trở nên vắng ngắt.

Bọn Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội đi lùng khắp nơi không kiếm ra đủ số người để làm một cuộc mít tinh nhỏ cho Nguyễn Hải Thần ra mắt. Chúng đành in một số truyền đơn phản đối việc Việt Minh thành lập Chính phủ lâm thời và nêu lên mười ba điều thảo phạt Chính phủ Hồ Chí Minh. Không có ai mà phân phát, chúng đem truyền đơn rải khắp đường ngang lối tắt.

Bọn Việt Nam Quốc dân Đảng do Vũ Hồng Khanh và Nguyễn Tường Tam cầm đầu, đi theo Quân đoàn 93 Vân Nam. Cũng dựa vào mũi súng của quân Tưởng, chúng tới đâu là tìm cách lật đổ chính quyền của nhân dân ta tại đó. Chúng lập trụ sở, tập hợp bọn phản động ở địa phương, quấy nhiễu, phá phách, cướp của, giết người. Thầy nào tó ấy, bọn quân ô hợp của Long Vân hoạt động giống y như những tên thổ phỉ.

Tại một số nơi chưa được phổ biến kỹ chủ trương, những cuộc xung đột giữa các lực lượng vũ trang của nhân dân ta với quân Tưởng đã xảy ra.

Các cơ quan chính quyền và bộ đội ta được lệnh tạm

rút ra ngoài một số thị trấn, thị xã ở vài tỉnh miền biên giới và dọc đường xe lửa từ Vân Nam về.

Trong nửa đầu tháng 9, gần hai chục vạn quân Tưởng đã tràn ra hầu khắp các tỉnh miền Bắc như một bệnh dịch. Theo gót chúng là những bọn tay sai tức tối vì thấy khó có cơ hội kiếm ăn to. Trước mắt chúng là lực lượng cách mạng rất lớn mạnh, một chính quyền rất đàng hoàng với những cơ sở chính trị vững chắc, được nhân dân hết lòng ủng hộ. Chúng càng trở nên trơ tráo, lộ rõ nguyên hình bọn lưu vong mất gốc, được che chở bằng lưỡi lê quân đội phản động nước ngoài.

Ngày 11-9, tướng Lư Hán đáp máy bay đến Hà Nội.

Mấy hôm sau, những bản bố cáo dài dằng dặc được dán khắp nơi. Bọn quân phiệt Quốc dân Đảng Trung Hoa coi như chúng tới một nơi không có chính quyền. Chúng tự cho chúng quyền giữ trị an trong thành phố. Chúng quy định giá trị của tiền Quan kim, tiền Quốc tệ, những thứ tiền giấy từ lâu đã trở thành mớ giấy lộn. Chúng đề ra cả những quy định để kiểm soát xe cộ đi lại trong thành phố.

Lư Hán tới được vài ngày thì Aléxhăngđrô cũng xuất hiện ở Hà Nội. Viên tướng chỉ huy quân đội lê dương Pháp tại Bắc Kỳ, đã đem bọn tàn quân chạy trốn sang Côn Minh trước cuộc tấn công của quân đội Nhật đêm mùng 9 tháng 3 năm nay, tại sao cũng đến được đây? Tình ý giữa bọn Tưởng và bọn Pháp ra sao là vấn đề cần chú ý.

VII

Sáng mồng 3-9.

Một ngày sau lễ ra mắt, các vị bộ trưởng trong Chính phủ lâm thời tới dự phiên họp Hội đồng Chính phủ đầu tiên.

Ngôi nhà thâm nghiêm nằm trong hàng rào sắt sơn màu xanh lá cây trước vườn hoa Cúc phun, nguyên là dinh thự của viên thống sứ người Pháp tại Bắc Kỳ. Hôm nay, đôi cánh cổng hình vòng cung mở rộng đón chào những người đại biểu của nhân dân. Đúng nửa tháng trước đó, nhân dân Hà Nội khởi nghĩa đã kéo tới đây. Bất chấp mũi súng của binh lính bảo an, một bác công nhân già đã vượt qua rào sắt, leo lên nóc nhà, nhổ lá cờ quẻ ly, thay vào đó bằng lá cờ đỏ sao vàng của cách mạng.

Gian phòng họp trên tầng gác trống trải. Trên dãy bàn ngôi họp không có một lọ hoa. Những người đại biểu cho chính quyền mới biết là mình đang bắt tay vào một công việc không dễ dàng gì. Chưa bao giờ lời giáo huấn của Lênin có ý nghĩa như bây giờ: “Giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền còn khó hơn”.

Chế độ kinh tế thuộc địa của chủ nghĩa thực dân Pháp, suốt hơn tám mươi năm đô hộ, đã bóc lột tận xương

tửy mỗi người dân lao động. Thêm vào đó là những năm Chiến tranh thế giới thứ hai, một tên đế quốc hung bạo nữa là đế quốc Nhật ập vào. Cả hai tên đế quốc đều cùng thi nhau gấp gáp bòn rút. Chúng đã hút của dân ta tới giọt máu cuối cùng. Trên một triệu nông dân kiệt sức vì đói, ngã ngay trên biển lúa tươi xanh của mình. Gần một triệu người nữa chết đói sau khi đã thu hoạch xong mùa lúa chín. Tiếp đó là nạn lụt. Một nạn đói không kém phần trầm trọng đang là nguy cơ trước mắt. Người dân vừa được sức mạnh thần kỳ của ánh sáng độc lập, tự do vực dậy, không thể đứng vững mãi với cái dạ dày lép kẹp.

Gia tài cách mạng vừa giành lại trong tay bọn thống trị thật là tiêu điều: mấy ngôi nhà trống rỗng, gạo không, tiền cũng không.

Cùng với di sản về kinh tế như vậy, một di sản khác của bọn thống trị để lại về mặt văn hóa cũng rất nặng nề: 95% nhân dân còn mắc nạn mù chữ. Đó là kết quả của chính sách “nhà tù nhiều hơn trường học”, chính sách ngu dân.

Nhưng những điều đó vẫn chưa phải là những khó khăn lớn nhất.

Khó khăn lớn nhất lúc này là các quân đội nước ngoài từ bốn phương cùng dồn dập kéo tới. Bọn ở gần, bọn ở xa. Chúng khác nhau về màu da, về tiếng nói, nhưng rất giống nhau ở một dã tâm: muốn thôn tính đất nước chúng ta, muốn đẩy chúng ta trở về với cuộc sống nô lệ.

Đúng giờ làm việc, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ căn phòng bên đi ra.

- Chào các cụ, chào các chú.

Lời chào của Bác đã mở đầu một không khí thân mật cho phiên họp.

Sớm nay, Bác đi một đôi giày vải nâu chàm đem từ chiến khu về. Đôi giày này, đồng bào Nùng đã khâu tặng Bác và được Bác dùng trong nhiều buổi tiếp khách nước ngoài. Bác nhanh nhẹn đi đến bên bàn làm việc. Bằng một cử chỉ cỏi mở quen thuộc, Bác giơ rộng hai tay mời các đại biểu cùng ngồi.

Cuộc họp không có diễn văn khai mạc. Bác lấy trong túi ra một mảnh giấy nhỏ ghi những ý kiến đã chuẩn bị. Phá bỏ những nghi thức thông thường, Bác đi ngay vào nội dung của cuộc họp.

- Thưa các cụ và các chú.

Sau tám mươi năm bị áp bức, bị bóc lột, và dưới chính sách ngu dân của thực dân Pháp, các bạn và tôi, chúng ta đều chưa quen với kỹ thuật hành chính.

Nhưng điều đó không làm cho chúng ta lo ngại. Chúng ta vừa làm vừa học, vừa học vừa làm. Chắc rằng chúng ta sẽ phạm khuyết điểm, nhưng chúng ta sẽ sửa chữa, chúng ta có can đảm sửa chữa khuyết điểm.

Với lòng yêu nước và yêu nhân dân sâu sắc, tôi chắc chúng ta sẽ thành công.

Hiện nay những vấn đề gì là vấn đề cấp bách hơn cả. Theo ý tôi có sáu vấn đề...

Vấn với những lời lẽ rất giản dị như vậy, Bác nêu lên trước Hội đồng Chính phủ những vấn đề cấp bách nhất. Bác nói:

Một là phải phát động một phong trào tăng gia sản xuất để chống nạn đói. Trong khi chờ đợi thu hoạch ngô,

khoai khoảng ba bốn tháng, sẽ mở một cuộc lạc quyền. Mười ngày một lần, tất cả đồng bào nhịn ăn một bữa. Gạo tiết kiệm được sẽ góp lại phát cho người nghèo.

Thứ hai là mở một phong trào chống nạn mù chữ.

Thứ ba là tổ chức càng sớm càng hay cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu, thực hiện quyền tự do, dân chủ cho nhân dân.

Thứ tư là mở một phong trào giáo dục cần, kiệm, liêm, chính để bài trừ những thói hư tật xấu do chế độ thực dân để lại.

Thứ năm là bỏ ngay ba thứ thuế: thuế thân, thuế chợ, thuế đò; tuyệt đối cấm hút thuốc phiện.

Thứ sáu là ra tuyên bố tự do tín ngưỡng và lương giáo đoàn kết...

Tất cả mọi vấn đề được Bác nêu ra trong vòng nửa tiếng. Những khó khăn chồng chất, phức tạp của chế độ thực dân để lại suốt hơn tám mươi năm, những vấn đề sinh tử, cấp bách của dân tộc đã được Bác nêu lên một cách ngắn gọn, rõ ràng, cùng với những phương hướng, đôi lúc cả những biện pháp để giải quyết. Những đồng chí đã có dịp gần Bác đều thấy đây là nếp làm việc quen thuộc của Người.

Các bộ trưởng thảo luận những điều Bác đã nêu lên, và đều vui vẻ tán thành. Có những điều Bác nêu ra từ phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời hôm đó, đến nay vẫn là những chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta.

Phiên họp đã kết thúc trong buổi sáng. Không khí giản dị, tự nhiên, thân mật của buổi họp đã rất mới lạ và gây

một ấn tượng sâu sắc với một số người lần đầu làm việc với Bác.

Ít ngày sau, Bác viết một bức thư gửi đồng bào cả nước: “Từ tháng giêng đến tháng bảy năm nay, ở Bắc Bộ ta đã có hai triệu người chết đói.

Kế đó lại bị nước lụt, nạn đói càng tăng thêm, nhân dân càng khốn khổ.

Lúc chúng ta nâng bát cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ, chúng ta không khỏi động lòng.

Vậy tôi xin đề nghị với đồng bào cả nước, và tôi xin thực hành trước:

*Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa. Dem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo...”*¹.

Bác viết thư gửi các nhà nông: ““Thực túc” thì “binh cường”, cấy nhiều thì khỏi đói. Chúng ta thực hiện “tác đất, tác vàng” thì chúng ta quyết thắng lợi trong hai việc đó.

Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa! Đó là khẩu hiệu của ta ngày nay. Đó là cách thiết thực của chúng ta để giữ vững quyền tự do, độc lập...”².

Đầu tháng 9, Chính phủ ra sắc lệnh hạn trong một năm tất cả mọi người Việt Nam đều phải biết chữ quốc ngữ. Bác viết lời kêu gọi chống nạn thất học: “Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết đi. Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không biết thì con bảo... Phụ nữ lại càng cần phải học...”³.

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr. 33, 134-135, 41.

Tháng 9 còn là tháng khai trường. Bác gửi thư căn dặn các em “hãy cố gắng siêng học tập, ngoan ngoãn, nghe thầy, đua bạn”.

Tháng 9 cũng là tháng có Tết Trung thu của các cháu nhỏ. Thư Bác Hồ viết cho các cháu nhân dịp Tết Trung thu năm độc lập đầu tiên, chan hòa niềm vui: “Cái cảnh trăng tròn gió mát, hồ lặng trời xanh của Trung thu lại làm cho các em thêm vui cười hơn hở.

Các em vui cười hơn hở, Già Hồ cùng vui cười hơn hở với các em. Đố các em biết vì sao? Một là vì Già Hồ rất yêu mến các em. Hai là vì Trung thu năm ngoái nước ta còn bị áp bức, các em còn là bầy nô lệ trẻ con. Trung thu năm nay, nước ta đã được tự do, và các em đã thành những người *tiểu quốc dân* của một nước độc lập...

Đến Trung thu năm sau, chúng ta sẽ tổ chức một cuộc vui, cả già lẫn trẻ. Các em nghĩ thế nào?

Trung thu này, Già Hồ không có gì gửi tặng các em. Chỉ gửi tặng các em một trăm cái hôn thân ái”¹.

Các cháu nhỏ năm ấy chắc chắn không biết ngoài niềm vui của Bác trong thư, Bác Hồ đang có trăm ngàn công việc, vô vàn những mối lo toan vì dân tộc, vì đất nước.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.15.

VIII

Từ ngày về Hà Nội, Bác chưa bị sốt trở lại lần nào. Nhưng người Bác vẫn gầy. Những vết nhăn trên vầng trán và ở đuôi mắt ngày càng nhiều và đậm.

Ở Bắc Bộ phủ, sáng nào Bác cũng dậy từ 5 giờ tập thể dục. Bác đã viết một bức thư kêu gọi tất cả đồng bào gắng tập thể dục. Cuối thư, Bác viết: “Tự tôi ngày nào tôi cũng tập”.

Hết giờ làm việc, đến bữa, Bác xuống nhà ăn với chúng tôi và các chiến sĩ cảnh vệ. Bác cháu ngồi cùng bàn, có gì ăn nấy. Một hôm, Bác bận việc về muộn. Anh em người nọ tưởng người kia, quên để phần thức ăn. Mọi người đều băn khoăn. Bác vẫn vui vẻ ngồi vào bàn, ăn đủ mấy bát cơm thường lệ.

Sau bữa trưa, Bác ngả đầu trên chiếc ghế ở phòng khách, chợp mắt mười lăm phút. Tỉnh dậy, Bác đọc báo, xem tin.

Hồi còn ở chiến khu, không có dầu đèn, buổi tối, Bác đi nằm sớm. Về đây, Bác hay làm việc khuya. Các chiến sĩ nhiều đêm đứng gác, thấy trên buồng Bác, đèn vẫn sáng. Bác dùng thời giờ ban đêm để đọc sách, xem tài liệu.

Giờ làm việc buổi sáng của Bác bắt đầu bằng cuộc hội ý của Thường vụ. Bác rất coi trọng nếp làm việc tập thể. Bác nói với các đồng chí Thường vụ hằng ngày, sáu giờ, tới chỗ Bác, có gì trao đổi rồi đi đâu hãy đi.

Hai buổi làm việc của Bác thường là khẩn trương. Việc Đảng, việc nước bê bộn. Lo giải quyết giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm. Lo đối phó ở miền Bắc, lo kháng chiến ở miền Nam. Lo việc nội trị. Lo việc ngoại giao.

Các cơ quan Chính phủ mới tổ chức, còn rất đơn sơ, chưa đi vào nếp. Bác thường trực tiếp nghe các đồng chí phụ trách từng mặt công tác, hoặc cán bộ ở địa phương lên báo cáo tình hình để bàn cách giải quyết. Đội ngũ cán bộ còn mỏng lại chưa quen công việc. Nhiều việc Bác nghĩ và thảo ra, tự mình đánh máy, rồi làm phong bì gửi đi.

Bác viết nhiều thư, nhiều lời kêu gọi, nhiều bài báo để giải thích, động viên, cổ vũ các tầng lớp nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Chính phủ lâm thời, tham gia vào các tổ chức cứu quốc.

Mọi việc Bác nêu ra đều thiết thực, ngắn gọn, cụ thể. Lời lẽ của Bác là những lời lẽ quen thuộc, mộc mạc, nhân dân thường dùng từ xưa đến nay trong sinh hoạt hằng ngày. Chỉ có khác ở chỗ Bác đã đưa vào đó một nội dung mới. Nhưng dù mới đến đâu, người nghe vẫn thấy dễ hiểu, hợp lý, hợp tình.

Các việc Bác nêu lên để yêu cầu đồng bào thực hiện đều là những điều Bác đã làm bên bỉ trong suốt cuộc đời. Nếu là những điều bây giờ mới đề ra thì Bác gương mẫu làm trước. Ví dụ như việc hô hào nhân dân mười ngày

nhịn ăn một bữa để cứu đói. Mỗi tháng ba lần, đến bữa không ăn, Bác tới lấy phần gạo của mình, tự tay đổ vào hòm gạo chống đói. Một hôm, đúng vào bữa cơ quan nhịn ăn để gom gạo thì Tiêu Văn mời Bác đến dự chiều đãi. Khi Bác về, anh em báo cáo đã đem gom phần gạo của Bác rồi, Bác vẫn quyết định nhịn ăn một bữa vào ngày hôm sau.

Đối với Bác, việc lớn, việc nhỏ, việc nào cũng có tầm quan trọng của nó. Bác thường dặn cán bộ “tự mình phải làm gương mẫu cho đồng bào”, “miệng nói tay phải làm”, “chớ vác mặt làm quan cách mạng cho dân ghét, dân khinh, dân không ủng hộ”.

Bác dành nhiều thời giờ đi thăm các nơi xa gần. Nhiều cuộc đi thăm, Bác không cho báo trước. Khi Bác đi thăm hội nghị thanh niên, khi thăm cơ quan Ủy ban hành chính Hà Nội, Trường Quân chính Việt Nam... Khi Bác đi Nam Định thăm Nhà máy dệt, khi đi Bắc Ninh, Thái Bình. Ngoài việc động viên, giáo dục, Bác còn muốn tìm hiểu tình hình đời sống, tư tưởng, tình cảm của nhân dân và cách thức làm việc của cán bộ.

Hằng ngày, Bác phải tiếp rất nhiều khách.

Những người khách đó rất khác nhau. Những ông tướng của quân đội Tưởng đến để đòi gạo, đòi rất nhiều gạo. Nhưng không phải chỉ có gạo. Chúng còn đòi tiền, đòi nhà ở, đòi từ chiếc bóng đèn, cân đường đến cả thuốc phiện, đòi tất cả những gì chúng còn chưa cướp được của nhân dân ta.

Có khi đó chỉ là một tên liên trưởng¹. Hấn khẩn khoản

1. Chức vụ trong quân đội Tưởng, tương đương với đại đội trưởng.

yêu cầu được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh vì một việc riêng mà hẳn nhất định không chịu nói với người khác. Việc riêng mà hẳn chỉ có thể trình bày với Bác đó là: hẳn muốn bán vài trăm khẩu súng.

Có khi là đại biểu của những phái đoàn Đồng minh, Mỹ có, Anh có. Các cuộc đến thăm này mang những mục đích khác nhau. Nhưng tất cả đều không phải là thiện ý.

Có khi là những nhà báo nước ngoài đến xin gặp để tìm hiểu phong trào Việt Minh, tìm hiểu đường lối, chính sách của Chính phủ ta. Cũng có khi là những kẻ giả danh nhà báo đến mượn cơ phỏng vấn để thăm dò thái độ, điều tra tình hình.

Nhiều nhất vẫn là khách trong nước. Đó là đại diện của các đoàn thể cứu quốc: công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ... Đó là những người đại biểu các tôn giáo, các tầng lớp công thương hoặc các nhân sĩ. Một đoàn cán bộ, chiến sĩ vừa ở Nam Bộ ra, xúc động đến trào nước mắt trong buổi đầu gặp Bác, mang theo tình cảm dạt dào của hàng triệu đồng bào ruột thịt đang chiến đấu. Một đoàn đại biểu của đồng bào các dân tộc miền núi đã san sẻ cháo bẹ, rau măng với cách mạng, ở Khu giải phóng về thăm Thủ đô... Có khi là một cụ già râu dài “nay về nước nhà đã được độc lập, đến để góp vài ý kiến xây dựng quốc gia”. Có khi chỉ là một người kiếm cố đến xin giải thích một điều gì về chính sách để được gặp Bác.

Nhiều buổi Bác mải tiếp khách, quá bữa mới xuống nhà ăn. Thấy Bác mệt và bận quá, có lần anh em chúng tôi đề nghị với Bác bớt những cuộc gặp gỡ không thật cần thiết. Bác nói:

- Chính quyền ta mới thành lập. Đồng bào, cán bộ có nhiều điều muốn biết cần hỏi. Đây cũng là dịp để nói rõ chủ trương, chính sách của Chính phủ, của đoàn thể cho mọi người rõ. Ta không nên để đồng bào cảm thấy gặp những người trong Chính phủ bây giờ cũng khó khăn như đến cửa quan ngày trước.

Các chiến sĩ Quân giải phóng làm nhiệm vụ cảnh vệ ở Bắc Bộ phủ, các đồng chí lái xe ở gần Bác là những người được hưởng nhiều sự chăm sóc. Đối với anh em, Bác không chỉ là đồng chí Chủ tịch nước, Bác còn là một người cha. Anh em đều thấy phần mình giúp đỡ được cho Bác quá ít so với phần Bác đã dành cho mình.

Mặc dù bận, Bác vẫn dành thời giờ chuyện trò, hỏi han anh em, từ bữa ăn có đủ no không, đến những vui, buồn trong gia đình. Bác hay chú ý đến trật tự nội vụ, việc giữ vệ sinh của các chiến sĩ.

Buổi tối, cơ quan không làm việc. Thấy các chiến sĩ nằm dưới nhà nóng, Bác bảo lên gác ngủ cho mát. Một hôm, anh em vật nhau làm vỡ chiếc mặt bàn đá. Đồng chí quản trị bực mình, bắt tất cả xuống dưới nhà. Bác về thấy vậy, lại gọi anh em lên, Bác nói:

- Các chú là bộ đội, là thanh niên, phải sinh hoạt cho vui, cho khỏe. Chơi vật cũng tốt. Nhưng muốn vật nhau phải tìm bãi cỏ, chỗ rộng. Người ngã không đau và không làm đổ vỡ, thiệt hại đến của công. Lần này đã lỡ, phải rút kinh nghiệm cho lần sau. Hôm nào các chú có chơi vật dưới vườn, nói Bác đến coi cho vui.

Đồng chí lái xe ít xem sách báo. Những buổi anh rỗi việc, Bác gọi lên, bảo ngồi ở buồng bên, rồi đưa sách báo

cho đọc. Thỉnh thoảng, Bác qua kiểm tra. Có lần Bác vào, thấy tờ báo mở trên bàn, đồng chí lái xe tựa lưng vào ghế ngủ. Bác nhẹ nhàng đi ra. Lúc khác, Bác nói: “Mới đọc chưa hiểu, dễ buồn ngủ. Đọc ít lâu hiểu rồi sẽ ham. Ham rồi sẽ không buồn ngủ nữa”.

Mùa đông tới. Đoàn thể phụ nữ ở nhiều nơi đã nghĩ tới áo ấm của Bác trong những ngày gió lạnh. Những cô gái Hà Nội, các chị phụ nữ cứu quốc ở Quảng Yên... mang đến Bắc Bộ phủ những chiếc áo len dày dặn. Lần nào cũng vậy, Bác đều cảm ơn và bảo hãy mang hộ về cho một người già nhất và nghèo nhất ở địa phương.

Một buổi sớm, trời rét. Một đồng chí đến làm việc với Bác, chỉ có chiếc áo mùa hè phong phanh. Bác vào buồng, lấy chiếc áo len của mình đem ra đưa cho đồng chí cán bộ.

Về Hà Nội ở Bắc Bộ phủ, trong cương vị Chủ tịch nước, cuộc sống của Bác vẫn giản dị, thanh đạm như những ngày hoạt động bí mật ở chiến khu.

IX

Tại Nam Bộ, tình hình đã trở nên căng thẳng từ đầu tháng 9.

Mồng 2-9, hơn một triệu đồng bào Sài Gòn, Chợ Lớn rước cờ và giương cao những biểu ngữ chào mừng Ngày Độc lập. Bọn khiêu khích người Pháp đã bắn vào đoàn biểu tình.

Bốn ngày sau, phái bộ Anh bắt đầu đến Sài Gòn. Chúng ra lệnh cho bọn Nhật làm nhiệm vụ cảnh sát trong thành phố, và đòi các lực lượng vũ trang của ta phải nộp vũ khí. Ngay từ ngày đầu, quân Anh đã lộ rõ bộ mặt can thiệp.

Những đơn vị quân Anh, Ấn đầu tiên thuộc Sư đoàn 20, dưới quyền chỉ huy của viên tướng Anh Graxây, lục tục kéo đến bằng máy bay.

Ngày 20-9, tướng Graxây ra bản thông cáo số 1. Y khẳng định quyền duy trì trật tự của quân Anh. Y ra lệnh cấm mang vũ khí và tuyên bố những ai vi phạm các quy định của y sẽ bị trừng trị nghiêm khắc, kể cả xử bắn. Bọn Anh tới chiếm trại giam, thả tất cả những tên Pháp nhảy dù xuống Nam Bộ sau ngày khởi nghĩa bị ta bắt và giữ tại đó. Một ngàn rưỡi lính lê dương Pháp của Trung đoàn bộ

binh thuộc địa số 11, đã được bọn Anh đưa ra khỏi trại tù binh Nhật và trang bị lại.

Sáng sớm ngày 23 tháng 9, bọn lính Pháp của Trung đoàn 11 cùng một đơn vị lê dương mới từ Pháp sang, được quân Anh, quân Nhật yểm trợ, đổ xô ra các ngã đường. Chúng đánh chiếm các đồn cảnh sát của ta và bắn giết đồng bào. Bọn quan cai trị cũ và những kiều dân Pháp cũng được trang bị vũ khí. Những tên lính lê dương ở thuộc địa và những tên thực dân Pháp trước đây mấy tháng, ngoan ngoãn đầu hàng quân Nhật, đã tỏ ra vô cùng dã man trong việc tàn sát, ngược đãi những người dân tay không.

Cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc ta chống thực dân Pháp xâm lược đã bùng nổ trên chiến trường Nam Bộ.

Đồng bào Nam Bộ vừa giành được chính quyền chưa tròn một tháng, đã anh dũng đứng lên chống kẻ thù. Đó là những người dân đầu tiên của đất nước tự do đã đem xương máu thực hiện những lời thề trong Ngày Độc lập. Cuộc chiến đấu thần thánh của nhân dân miền Nam đến nay kéo dài suốt một phần tư thế kỷ, đã bắt đầu từ đó.

Chiều ngày 23-9, nhân dân Sài Gòn triệt để tổng đình công, bất hợp tác với giặc Pháp. Các công sở, hãng buôn, nhà máy đều đóng cửa. Chợ búa không họp. Xe cộ ngừng chạy. Chướng ngại vật mọc lên khắp nơi.

Trong không khí căm thù sôi sục, các chiến sĩ tự vệ và đồng bào Sài Gòn với mọi thứ vũ khí có trong tay, gậy tầm vông, súng khai hậu, súng bắn chim, lập tức chiếm các vị trí chiến đấu, kiên quyết đánh trả bọn xâm lược.

Tại Hà Nội, cả ngày 25-9 cho đến thâu đêm, Bác và Thường vụ đã theo dõi từng giờ tình hình Nam Bộ, nhận

được những báo cáo đầu tiên và ra những chỉ thị kháng chiến đầu tiên cho Đảng bộ và đồng bào Nam Bộ.

Từ ngày 24 trở đi, một loạt nhà máy, kho tàng của địch ở Sài Gòn bị đánh phá. Điện, nước bị cắt. Các đội tự vệ, xung phong công đoàn đột nhập sân bay Tân Sơn Nhất, đốt cháy tàu Pháp vừa cập bến, phá Khám Lớn, giải thoát cho đồng bào bị giặc giam giữ.

Ngày 26-9, đứng trên vị trí chiến đấu của mình giữa thành phố, quân và dân Sài Gòn đã nghe những lời thống thiết của Chủ tịch Hồ Chí Minh được Đài Tiếng nói Việt Nam từ Thủ đô Hà Nội truyền đi:

“Tôi chắc và đồng bào cả nước đều chắc vào lòng kiên quyết ái quốc của đồng bào Nam Bộ.

... “Thà chết tự do hơn sống nô lệ”.

Tôi chắc và đồng bào Nam Bộ cũng chắc rằng Chính phủ và toàn quốc đồng bào sẽ hết sức giúp những chiến sĩ và nhân dân hiện đang hy sinh tranh đấu để giữ vững nền độc lập của nước nhà.

... Chúng ta nhất định thắng lợi vì chúng ta có lực lượng đoàn kết của cả quốc dân.

Chúng ta nhất định thắng lợi vì cuộc tranh đấu của chúng ta là chính đáng...”¹.

Cuộc chiến đấu để bảo vệ thành phố Sài Gòn đã mang một ý nghĩa mới. Không bao lâu, một khẩu hiệu được nêu lên: “Chiến đấu để bảo vệ Thành phố Hồ Chí Minh”, và

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 29.

rất nhanh chóng trở thành quyết tâm, thành hành động của mỗi người. Chính là từ tấm lòng, từ hành động của các chiến sĩ, của đồng bào tại mặt trận Sài Gòn - Chợ Lớn mà thành phố bắt đầu mang một tên mới quang vinh: *Thành phố Hồ Chí Minh*.

Đầu tháng 10, những đơn vị của Trung đoàn bộ binh thuộc địa số 9 tiếp tục đến bằng đường biển. Mồng 5-10, tướng Lơcléc tới Sài Gòn giữa lúc tiếng súng tạm im. Bọn thực dân Pháp, Anh đang dùng kế hoãn binh để chờ quân tăng viện. Chúng đã phải yêu cầu gặp đại diện của ta để điều đình. Theo sau Lơcléc, một binh đoàn xe bọc thép thuộc Sư đoàn thiết giáp số 2 của Pháp đổ bộ vào Sài Gòn. Bọn thực dân lại nổ súng. Chúng cố đánh rộng ra vùng ven.

Trung ương quyết định tăng cường lực lượng vào Nam Bộ để cùng quân và dân Nam Bộ chiến đấu, giành những thắng lợi đầu tiên cho cuộc kháng chiến chống xâm lược.

Các đội quân Nam tiến được tổ chức nhanh chóng. Nhiều đơn vị Quân giải phóng cùng với những đồng chí chỉ huy ưu tú nhận lệnh lên đường. Nhiều đoàn cán bộ cũng được tăng cường cho Nam Bộ.

Chủ trương của Đảng là triệt để áp dụng chiến tranh du kích, làm thất bại bước đầu âm mưu “đánh nhanh, thắng nhanh” của kẻ thù.

Đi đôi với việc tăng cường lực lượng cho Nam Bộ là việc phát động một phong trào ủng hộ kháng chiến Nam Bộ sôi nổi trên cả nước, tích cực chuẩn bị đề phòng kẻ thù mở rộng chiến tranh.

Cả nước hướng về Sài Gòn, sự sôi ý chí chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc.

Trong những ngày cuối tháng 9, tại Hà Nội, trước những loa phóng thanh, lúc nào cũng đồng nghịt đồng bào đón đợi từng tin tức của Nam Bộ.

Thanh niên nô nức tòng quân để được vào Nam chiến đấu tiêu diệt kẻ thù. Có những gia đình, hai cha con cùng một lúc viết đơn xin vào bộ đội. Có những nhà sư cũng cởi bỏ áo tu hành đòi được đi giết giặc. Lực lượng Quân giải phóng phát triển rất nhanh.

Từ các tỉnh miền duyên hải đồng bằng Bắc Bộ đến các tỉnh miền núi thuộc căn cứ địa Việt Bắc, từ Hà Nội, Thủ đô của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa thành lập đến Huế, kinh đô cũ của nhà Nguyễn, các chiến sĩ sôi nổi ra đi. Riêng tại miền Bắc, nhiều chi đội Quân giải phóng cùng một lúc lên đường.

Thắng lợi mới của cách mạng đã làm cho những cuộc ra quân Nam tiến lần này rất khác trước. Không phải là những đội quân áo vải, chân đất được lệnh tiến về phía nam ngày Tổng khởi nghĩa. Chính quyền mới và nhân dân đã chăm sóc chu đáo cho những người con hôm nay lên đường ra trận: những vũ khí tốt nhất của chúng ta lúc bấy giờ, quân trang mới, mũ ca nô rực rỡ sao vàng, áo trấn thủ, giày da.

Biển người đưa tiễn tràn ngập các sân ga. Đồng bào miền Bắc, miền Trung cống hiến những giọt máu của mình cho miền Nam, gửi gắm vào những người con ra đi nghĩa tình ruột thịt.

Cuộc Nam tiến vì miền Nam của cả dân tộc đã bắt đầu. Những chuyến tàu tốc hành chạy ngày đêm không nghỉ. Những chi đội Quân giải phóng Nam tiến đầu tiên đã đến kịp thời. Họ được giao nhiệm vụ giữ mặt trận đông bắc Sài Gòn. Cả đất nước đã sát cánh với đồng bào Sài Gòn, đồng bào Nam Bộ trong những ngày kháng chiến đầu tiên của dân tộc.

Với sự trợ lực của quân Anh, Ấn và quân Nhật, bọn thực dân Pháp dự tính bình định Nam Bộ trong ba tuần.

Quân và dân Sài Gòn mặc dầu không có thời gian chuẩn bị, được sự giúp đỡ của đồng bào các tỉnh Nam Bộ và sự chi viện của cả nước, đã anh dũng chiến đấu, kìm chặt kẻ địch suốt một tháng trong thành phố, gây cho chúng những tổn thất nặng nề.

Ngày 25-10, Hội nghị toàn xứ Đảng bộ Nam Kỳ họp tại một địa điểm thuộc tỉnh Mỹ Tho. Bác Tôn, anh Ba¹ và một số đồng chí vừa thoát nhà ngục Côn Đảo trở về, đã có mặt. Đây là cuộc hội nghị lớn của Đảng bộ Nam Bộ. Anh Hoàng Quốc Việt được Trung ương và Tổng bộ Việt Minh cử vào Nam từ trung tuần tháng 8, đã dự hội nghị. Hội nghị đã quyết định nhiều vấn đề quan trọng để lãnh đạo đồng bào Nam Bộ đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống xâm lược, và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các lực lượng vũ trang.

1. Đồng chí Lê Duẩn.

X

Khi những tên “lam y” đầu tiên của quân Tưởng đến Hà Nội, chúng tìm tới cơ quan chính quyền ta, xin cấp giấy phép mang vũ khí. Trật tự nghiêm ngặt của thành phố đã làm chúng phải e nề. Anh em hỏi ý kiến Bác xem có nên cấp giấy cho chúng không. Bác nói: “Làm một con dáo, cấp giấy cho chúng thôi. Sắp đến lúc chúng không cần đến giấy tờ của ta nữa đâu”.

Lư Hán tới được vài ngày, lập tức đòi ta phải báo cáo quân số và tổ chức quân đội. Để che giấu lực lượng của ta, Bác chỉ thị đổi tên Quân giải phóng thành Vệ quốc đoàn. Chữ “Đoàn” gọi cho chúng nghĩ đến những tổ chức vũ trang nhỏ của địa phương, làm cho chúng bớt chú ý.

Một số chi đội Vệ quốc đoàn được lệnh giãn ra vùng chung quanh Hà Nội để tránh va chạm với quân Tưởng. Những chiến sĩ làm nhiệm vụ canh gác tại các cơ quan chính quyền và công sở thỉnh thoảng lại bị quân Tưởng tới khiêu khích. Có lúc chúng đến định tước vũ khí. Anh em rất căm tức, chống lại. Cuối cùng, ta phải giải quyết bằng cách cho anh em đứng lui vào phía trong hàng rào.

Cuối tháng 9, Lư Hán tuyên bố thời gian quân đội

của hắn làm nhiệm vụ ở Việt Nam sẽ không có hạn định. Rõ ràng là bọn Tưởng vào đây không chỉ để giải giáp quân đội Nhật.

Đầu tháng 10, Hà Ứng Khâm cùng Mác Lơơ, viên chỉ huy lực quân Mỹ tại Trung Hoa, từ Trùng Khánh đáp máy bay đến Hà Nội.

Cuộc diễu hành hoan nghênh phái bộ Đồng minh, với mục đích chính là để biểu dương lực lượng, chỉ kịp báo cho nhân dân biết trước vài giờ. Nhưng ba chục vạn người, đội ngũ tề chỉnh, với những băng cờ, biểu ngữ rợp trời, đã rầm rộ kéo qua phủ toàn quyền cũ, hô vang các khẩu hiệu: “Nước Việt Nam của người Việt Nam”, “Ủng hộ Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”, “Ủng hộ Việt Nam Độc lập Đồng minh”, “Ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh”...

Sự đón tiếp khá bất ngờ. Đứng trên bậc thềm đáp lễ đồng bào ta, viên Tổng Tham mưu trưởng mồ hôi nhỏ giọt.

Sau này, bọn tay sai đã để lộ ra: Hà Ứng Khâm đến Hà Nội với chủ trương “diệt cộng cầm Hồ” của Trùng Khánh. Nhưng tới đây, viên Tổng Tham mưu trưởng biết không thể dùng sức mạnh của hai chục vạn quân để thực hiện ý định này trong chốc lát. Hà Ứng Khâm rời Hà Nội vài ngày sau khi đã dặn dò bọn tướng lĩnh Tưởng ở Hà Nội những việc cần làm.

Tiêu Văn bắt đầu công việc của hắn. Hắn đặt vấn đề phải cải tổ lại Chính phủ, đòi ta phải dành nhiều bộ và chức vụ quan trọng cho Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt nam Cách mệnh Đồng minh Hội.

Bọn tay sai thấy không thể lập lại được ở Hà Nội tất cả những việc chúng đã làm ở một số tỉnh ly miền biên giới. Việc đầu tiên của chúng là lập trụ sở, treo cờ, ra sức lôi kéo các phần tử phản động trong giai cấp địa chủ, bọn quan lại cũ và những tên côn đồ lưu manh. Chúng khống chế đồng bào Ngũ Xã và gọi đó là “khu tự trị”.

Nguyễn Hải Thần cho người đi rải truyền đơn và dùng loa phóng thanh nói Việt Minh là độc tài, đã làm trái những điều thỏa thuận của các đoàn thể tại Liễu Châu.

Ba năm về trước, trong một chuyến đi ra ngoài để tìm gặp các đồng chí lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc, Bác đã bị bọn Quốc dân Đảng Trung Hoa bắt giữ. Chúng đã đưa Bác qua hơn ba chục nhà tù. Các đoàn thể chính trị trong nước đã kịp thời đấu tranh, đòi bọn Quốc dân Đảng phải thả nhà hoạt động cách mạng Việt Nam. Tuy vậy, Bác vẫn bị chúng giữ tại Liễu Châu. Bác đã tìm ra vì đâu bọn Tưởng không trả lại tự do cho mình. Chính là vì ở Liễu Châu, bọn chúng có một tổ chức chính trị tay sai là Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội, do Trương Bội Công và Nguyễn Hải Thần cầm đầu. Bọn này đã vu cho Bác sang đây để phá tổ chức của chúng.

Sau một thời gian khá lâu, Bác mới được trả lại tự do. Bác đòi về nước và đưa theo một vài hội viên của Cách mệnh Đồng minh do mình lựa chọn. Trương Phát Khuê đồng ý. Nhưng Trương Bội Công và Nguyễn Hải Thần phản đối. Do đó, khi Bác trở về nước, không có người của bọn này đi theo.

Nguyễn Hải Thần tuyên bố hấn được quân Tưởng nâng đỡ, nếu ta không cải tổ Chính phủ hiện thời, hấn sẽ dùng sức mạnh lật đổ. Để biểu dương sức mạnh đó, lão thầy đoán số tử vi này xuất hiện trên đường phố Hà Nội trong một chiếc xe ô tô con. Trên nóc xe, hai tên tay sai nằm phủ phục với khẩu trung liên. Ở đầu xe, hai tên khác ngồi trên chần bùn với khẩu tiểu liên kẹp ở nách.

Hoạt động của bọn Việt Nam Quốc dân Đảng có phần nguy hiểm hơn. Dựa vào bọn tướng tá của Tưởng ở Hà Nội, chúng kiếm được một nhà máy in; chúng tập hợp một nhóm bồi bút, xuất bản tờ báo *Việt Nam*. Tiếp sau đó, là một loạt những tờ báo khác: *Liên hiệp*, *Thiết thực*... xuất hiện. Bằng những luận điệu trắng trợn, láo xược, chúng kích động, chia rẽ nhân dân với tổ chức lãnh đạo của mình. Chúng tập trung mũi nhọn đả kích vào chính quyền ta, công kích mọi chủ trương, chính sách của Việt Minh và của Chính phủ. Chúng bắc một chiếc loa lớn ngay trước tòa báo *Việt Nam* tại đường Quan Thánh; mặc dầu không ai buồn nghe, chúng vẫn nói ra rả suốt ngày. Đi đôi với hoạt động tuyên truyền vu cáo đó là những hoạt động thô phỉ: giết người, bắt cóc, tống tiền.

Dần dần bọn Mỹ đã nhận ra chúng ta không phải là những người “quốc gia” thân phương Tây như chúng chờ đợi, Mắc Lơ đã ra lệnh cho tất cả các võ quan Mỹ ở Hà Nội không được tham dự vào những cuộc hội họp đông người do Việt Minh tổ chức. Nhiều toán người Mỹ khác lục tục tới. Chúng viện lý do đến hỏi cung bọn tù binh Nhật và tìm xác những người Mỹ chết trong chiến tranh. Nhưng

thực ra, chúng tìm cách thăm dò tình hình chính trị, tài nguyên của ta, nghiên cứu các đường giao thông chiến lược và những sân bay, bến cảng.

Phái bộ Pháp được sự đồng ý của Mỹ và Tưởng đã kiếm được một trụ sở không chính thức tại Hà Nội. Thời gian đó, người Pháp đã nhiều lần gặp Nguyễn Hải Thần và tìm cách liên lạc với bọn Việt Nam Quốc dân Đảng. Phái bộ Pháp cũng tìm gặp Vĩnh Thụy nhiều lần. Vì e ngại ta, Vĩnh Thụy đã lánh mặt.

Quân Tưởng đóng rải khắp Thủ đô. Chúng bố trí những trạm canh gác, những trạm kiểm soát trên khắp các đường phố, các đầu ô. Tất cả xe ô tô qua lại đều phải mang giấy phép của chúng. Chúng ngang nhiên coi như tôi để chiếm đóng thành phố.

Một bữa, tôi có việc phải đi về phía Hà Đông. Mặc dầu trên kính chắn gió phía trước xe đã dán một tờ giấy phép đóng con triện đỏ rất to do chúng cấp, đến Ngã Tư Sở, một tên lính Tưởng vẫn ra đứng ngang đường, giơ súng chặn lại. Chúng lật đật xe lên, lục soát. Chúng tìm thấy trong người đồng chí vệ sĩ một khẩu súng ngắn. Chúng lập tức giữ chiếc xe lại và đưa cả hai người vào một nhà dân chúng đã chiếm làm trạm gác. Chúng hỏi tôi làm việc ở đâu. Không muốn nói rõ với chúng công tác của mình, tôi đáp:

- Ở Ban liên lạc Hoa - Việt.

Khi đó có một người quen đi qua. Đồng chí này vội tìm người công tác tại Ban liên lạc Hoa - Việt tới. Hai giờ sau, bọn lính Tưởng mới để chúng tôi đi.

Hầu như đêm nào cũng có thư của bọn tướng tá quân đội Tưởng gửi cho chính quyền ta, khi thì hạch sách, khi thì dọa dẫm.

Bắc Bộ phủ không còn là một nơi thật an toàn. Bác phải thay đổi chỗ nghỉ, thay đổi quy luật đi lại. Có hôm Bác nghỉ ở ngôi nhà số 8 Bờ Hồ, hôm Bác nghỉ ở Bưởi, hôm Bác nghỉ ở một ngôi nhà phía Ngã Tư Sở. Cả ba ngôi nhà này sau chiến tranh đều không còn nữa.

Một buổi tối, xe của Bác vừa ra khỏi Bắc Bộ phủ một quãng, thì đồng chí vệ sĩ báo cáo có một chiếc xe lạ theo sau. Bác bảo đồng chí lái xe:

- Chưa ra ngoài vội. Cho xe chạy vòng quanh Bờ Hồ.

Xe đi một vòng quanh Bờ Hồ. Nhìn lại phía sau, chiếc xe lạ vẫn bám sát. Bác bảo đồng chí lái xe cho xe đột ngột rẽ ngoặt sang một con đường ngang, trở về Bắc Bộ phủ.

Các đồng chí cảnh vệ mở cửa đón, không hiểu tại sao Bác vừa đi lại quay về. Tối đó, Bác nghỉ lại Bắc Bộ phủ.

Thù trong giặc ngoài, tình hình hết sức rối ren.

Bác và Thường vụ đã nhìn thấy qua số quân đông và sự hung hăng bề ngoài của quân đội Tưởng, những chỗ yếu bên trong của chúng. Khó khăn lớn nhất của bọn chúng là trước sức mạnh đoàn kết nhất trí của nhân dân ta, chúng không thể tạo ngay được một chỗ dựa về chính trị. Chúng muốn lật ta, nhưng vẫn nhận thấy nếu không có sự giúp đỡ của chính quyền ta, chúng không thể nào giải quyết được những nhu cầu rất lớn về vật chất cho đội quân đông đảo bị nhân dân ta xa lánh, căm ghét. Chúng còn phải tính đến cả những nguy cơ nghiêm trọng khác có thể xảy ra cho chúng.

Một hôm, Bộ Tư lệnh quân đội Tưởng đề nghị Bác đến gặp. Bác về muộn, lặng lẽ ngồi vào bàn ăn. Bữa ấy, Bác buông đũa sớm hơn thường lệ. Thái độ đó chúng tôi ít thấy ở Bác. Bác nói:

- Về quá bữa, ăn mất ngon.

Bác kể lại sáng nay bọn Tưởng đòi Bác ký giấy nhận cung cấp cho chúng một số gạo rất lớn. Bác đã từ chối. Chắc chúng còn tiếp tục làm rầy về chuyện gạo. Bác nói:

- Gạo đâu mà đưa chúng nhiều thế. Dân mình có đủ gạo ăn đâu!

Thấy vẻ bất bình của chúng tôi, một lần nữa, Bác nhắc lại cần phải biết kiên nhẫn chịu đựng, giữ hòa hoãn với quân Tưởng để có thể tập trung mũi nhọn vào kẻ thù chính.

Bác kiên quyết trong nguyên tắc và linh hoạt về sách lược. Và khi sách lược đã định ra rồi, Bác cũng rất kiên quyết thực hiện sách lược.

XI

Khi một sự việc đã xảy ra rồi, người ta thường dễ nhìn thấy những gì tất yếu đã dẫn dắt nó từ chỗ còn là khả năng đến chỗ trở thành hiện thực. Ta cũng dễ nói một cách đơn giản: Đúng là nó phải xảy ra như thế, không thể khác được.

Thực ra, trong lĩnh vực xã hội, trong cuộc đấu tranh giữa những con người có ý thức, mỗi đổi thay đều phải trải qua những quá trình diễn biến thường là phức tạp. Người lãnh đạo cách mạng phải tìm ra được quy luật chung và quy luật riêng của sự vật giữa một mớ hỗn độn những hiện tượng giả, thật khó phân, giữa vô vàn mối liên hệ chằng chịt, tất cả đều vận động phát triển không ngừng. Việc dự kiến chính xác, khoa học chiều hướng phát triển của sự vật, những tình huống lớn sẽ xảy ra trong tương lai, vô cùng quan trọng trong công tác cách mạng. Thực tế cùng với thời gian sẽ là nhà kiểm nghiệm nghiêm khắc. Những điều *tiên tri* đó thuộc về những thiên tài.

Cuối năm 1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bắt đầu. Quân đội phát xít Đức tràn qua nhiều nước châu Âu. Chúng ngốn gọn nước Pháp trong vài tuần. Nước Anh toi

bồi dưới những trận mưa bom của các máy bay mang chữ thập ngược. Tại châu Á, quân phát xít Nhật đã chiếm đóng một phần đất đai rộng lớn trên lục địa Trung Hoa mênh mông. Chính vào thời kỳ cường thịnh nhất đó của chủ nghĩa phát xít, Bác Hồ và Đảng ta đã tiên đoán sự thất bại của chúng và nhìn thấy cơ hội cho nước Việt Nam giành lại độc lập đang tới. Bác đã quyết định tìm cách trở về.

Mùa xuân năm 1941, trong hang rừng ẩm lạnh Pắc Bó, Hội nghị Trung ương lần thứ tám họp dưới quyền chủ tọa của Bác. Hội nghị đã nhận định: “Nếu cuộc đế quốc chiến tranh lần trước đã để ra Liên Xô, một nước xã hội chủ nghĩa thì cuộc đế quốc chiến tranh lần này sẽ để ra nhiều nước xã hội chủ nghĩa, sẽ do đó mà cách mạng nhiều nước thành công”¹.

Trung ương Đảng và Bác đã đặt vấn đề giải phóng dân tộc thành nhiệm vụ cách mạng cần kíp. Trung ương đã chỉ ra những điều kiện khách quan thuận lợi cho cuộc khởi nghĩa thành công, trong đó có trường hợp quân Đồng minh tràn vào Đông Dương, và nêu lên: “Chuẩn bị tổng khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và dân ta trong giai đoạn hiện tại”.

Mùa hè năm đó, phát xít Đức bất thần tiến đánh Liên Xô. Sức mạnh của chúng như vũ bão. Trong vài tuần, chúng tiến sâu vào quê hương Cách mạng Tháng Mười hàng trăm kilômét.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t. 7, tr. 100.

Sang mùa đông, phát xít Nhật tung quân ào ạt đánh ra vùng Thái Bình Dương. Trên nước Trung Hoa, Hồng quân đang cùng một lúc vừa phải chiến đấu với quân phát xít Nhật xâm lược, vừa phải đối phó với quân đội Quốc dân Đảng của Tưởng Giới Thạch phản bội. Cờ mặt trời mọc đã cắm trên Đông Dương thuộc Pháp, trên Hương Cảng, Miến Điện, Mã Lai thuộc Anh, trên Phi Luật Tân được “Hoa Kỳ bảo trợ”. Trong những đêm đông lạnh, tránh bọn lính dõng đi lùng càn tại vùng Pắc Bó, Bác Hồ đã tiên đoán ngày cách mạng thành công:

45, sự nghiệp hoàn thành.

Đó là câu thơ kết thúc tập *Việt Nam lịch sử diễn ca* Bác đã làm, và được in đá từ hồi đó. Gần đây, các đồng chí sưu tầm của Viện bảo tàng Cách mạng đã kiếm được một tập trong ống bương của một ngôi nhà sàn ở vùng Pắc Bó. Chủ nhà vốn là một hội viên cứu quốc ngày trước.

Bác không bao giờ nhắc lại câu thơ này. Từ đó đến nay, bị lôi cuốn vì công việc, anh em chúng tôi cũng chưa ai có dịp hỏi lại Bác vì sao Bác đã có được một sự tiên đoán như vậy. Điều đó đã trở thành một trong những điều ta chưa hiểu hết được về con người và cuộc đời hoạt động cách mạng vĩ đại gần sáu mươi năm của Bác.

Hôm nay giở lại những văn kiện của Đảng trong thời kỳ lịch sử này, chúng ta lại tìm thấy những lời *tiên tri*.

Từ cuối năm 1941 và đầu năm 1942, nhiều thông báo, chỉ thị của Đảng đã bắt đầu nêu lên những sách lược đối với “Anh - Mỹ - Trung Hoa” và những thuận lợi, khó khăn khi quân Đồng minh kéo vào.

Tháng 2-1943, Thường vụ Trung ương chỉ thị “phải gấp chuẩn bị khởi nghĩa” để “cơ hội đến kịp thời đưa quần chúng nhân dân ra chiến đấu”.

Một đêm mùa xuân năm 1945, cuộc đảo chính Nhật - Pháp nổ ra. Cơ đồ tám mươi năm của thực dân Pháp ở Đông Dương phút chốc tan tành. Điều bất ngờ làm cho Pháp trở tay không kịp, Đảng ta đã dự đoán trước đó một năm. Báo *Cờ giải phóng* số ra ngày 15 tháng 2 năm 1944 đã viết: “Nhật sẽ hành động để truất quyền giặc Pháp”, sẽ “làm đảo chính bắt bọn thực dân Pháp và bọn Việt gian thân Pháp, giam lại”.

Ba ngày sau cuộc đảo chính, Thường vụ Trung ương trong bản Chỉ thị *Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*, đã vạch rõ thời cơ Tổng khởi nghĩa khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương và những trường hợp “dù quân Đồng minh chưa đổ bộ, cuộc Tổng khởi nghĩa của ta vẫn có thể bùng nổ và thắng lợi”.

Nghị quyết của Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ họp hồi trung tuần tháng 4, trong khi nêu lên nhiệm vụ quân sự là quan trọng hàng đầu và những chủ trương cụ thể để chuẩn bị cuộc Tổng khởi nghĩa, đã vạch ra việc quân Đồng minh vào Đông Dương là không thể tránh khỏi.

Đảng ta đã xác định đường lối ngoại giao là phải “lợi dụng sự mâu thuẫn của Trung Quốc - Mỹ và Anh - Pháp Đờ Gôn”. Trong khi đó, về nội bộ, “phải tích cực chuẩn bị thực lực, không được ỷ lại vào người”.

Nghị quyết của Hội nghị toàn quốc Đảng Cộng sản

Đông Dương họp tại Tân Trào ngày 14, 15 tháng 8 năm 1945 khẳng định: “Cơ hội rất tốt cho ta giành quyền độc lập đã tới”.

Về vấn đề “quân Đồng minh sắp vào nước ta”, Trung ương chủ trương: “chống lại mưu mô của Pháp định khôi phục địa vị cũ ở Đông Dương và mưu mô của một số quân phiệt Tàu định chiếm nước ta”.

Đảng ta nhấn mạnh thêm việc cần phải lợi dụng mâu thuẫn giữa hai phe đồng minh Anh - Pháp và Mỹ - Tưởng về vấn đề Đông Dương, nhưng đồng thời cũng chỉ ra:

“Sự mâu thuẫn giữa Anh, Mỹ, Pháp và Liên Xô có thể làm cho Anh, Mỹ nhân nhượng với Pháp và để cho Pháp trở lại Đông Dương”.

Đảng chủ trương cần tránh trường hợp một mình đối phó với nhiều lực lượng Đồng minh cùng tràn vào và nhắc lại: “Dù sao chỉ có thực lực của ta mới quyết định được sự thắng lợi giữa ta và Đồng minh”.

Như lời Lênin đã nói: “Lịch sử nói chung và lịch sử cách mạng nói riêng luôn diễn ra một cách phong phú hơn, nhiều vẻ hơn, nhiều mặt hơn, sinh động hơn, “tài giỏi hơn” so với sức tưởng tượng của các chính đảng ưu tú nhất”, cuộc cách mạng trên đất nước ta, sau đó đã diễn ra đúng như vậy. Điều đáng cho chúng ta tự hào hôm nay là Đảng ta đã nhìn thấy trước chiều hướng phát triển cơ bản của tình hình. Những dự đoán kịp thời và những chủ trương chính xác của Đảng đã đưa cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám đến thắng lợi, đưa nước

Việt Nam Dân chủ Cộng hòa còn trứng nước vượt qua những khó khăn to lớn buổi đầu. Tại miền Nam, âm mưu “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp và bọn can thiệp Anh đã bước đầu thất bại. Trên miền Bắc và miền Trung, bọn quân phiệt Tưởng Giới Thạch và nhóm tay sai, với một số quân máy chục lần đông hơn các lực lượng vũ trang của ta, trang bị bằng vũ khí Mỹ, đã không làm được việc lật đổ chính quyền cách mạng non trẻ như chúng đã dự tính.

Tuy vậy, khó khăn, nguy hiểm còn nhiều. Trước ngày giành chính quyền, trên đất nước chỉ có một quân đội nước ngoài là sáu vạn quân Nhật. Ta vừa giành được độc lập thì gần hai chục vạn quân Tưởng đổ xuống, hàng vạn quân Anh, Ấn kéo vào, mấy vạn quân viễn chinh Pháp vẫn đang tiếp tục đồn sang. Hàng ngàn binh lính thực dân Pháp thua trận ở Đông Dương đang được trang bị lại; bọn lẩn trốn ở Trung Hoa cũng đang kéo về. Mấy vạn quân Nhật vẫn còn và cũng là một mối lo. Nước Nhật đã đầu hàng, nhưng quân Nhật tại Đông Dương chưa hề bị tổn thất nặng. Còn quân Tưởng, quân Pháp, quân Anh thì dù sao cũng là những đội quân vừa chiến thắng.

Vào hạ tuần tháng 11, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã nhận định tình hình và quyết định chủ trương trước tình thế mới. Trung ương đã ra bản chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc* đề ngày 25 tháng 11 năm 1945.

“... việc giành chính quyền càng dễ bao nhiêu thì việc giữ chính quyền càng khó bấy nhiêu. Chính phủ Dân chủ

Cộng hòa mới thành lập đã phải đối phó với một tình thế vô cùng phức tạp¹.

Trung ương đã nêu lên những nhiệm vụ trong nước lúc này là “phải củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân”².

Trong hoàn cảnh hết sức rối ren của đất nước, thù trong giặc ngoài bốn bề như rươi, việc xác định đâu là kẻ thù chủ yếu trở nên vô cùng quan trọng. Đảng đã phân tích tình hình của kẻ địch. Mỹ tuy miệng nói giữ thái độ trung lập trong vấn đề Đông Dương, nhưng đã ngầm giúp Pháp bằng cách cho mượn tàu chở quân sang ta. Trong quan hệ với Pháp, Anh - Mỹ gặp phải mâu thuẫn: một mặt muốn tranh giành quyền lợi ở Đông Dương và ở Đông Nam Á, một mặt lại muốn hòa hoãn để cùng lập mặt trận bao vây Liên Xô. Bọn Tưởng kéo quân sang ta với âm mưu lúc đầu là lật đổ chính quyền do Đảng ta tổ chức ra, thay vào đó một chính phủ bù nhìn tay sai. Nhưng chúng thấy toàn dân đoàn kết ủng hộ Chính phủ, chúng đành phải đặt quan hệ với ta. Chúng vẫn sợ ta là cộng sản và sợ “cộng sản Đông Dương liên minh với cộng sản Tàu xích hóa Hoa Nam”³, nên chúng âm mưu cải tổ Chính phủ lâm thời, đưa tay chân của chúng vào.

Trung ương đã nêu lên một nhận định mới:

“... Trước sau, Trùng Khánh sẽ bằng lòng cho Đông

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđđ*, t.8, tr. 23, 26-27, 25.

Dương trở về tay Pháp, miễn là Pháp nhượng cho Tàu nhiều quyền lợi quan trọng”¹.

Từ những phân tích, nhận định trên, nhiệm vụ của giai cấp vô sản và của dân tộc đã được xác định, đối tượng chủ yếu của cách mạng đã được chỉ ra rõ ràng:

“Khẩu hiệu vẫn là “Dân tộc trên hết”, “Tổ quốc trên hết”.

Kẻ thù chính của ta lúc này là *thực dân Pháp xâm lược* phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng”.

Nhiệm vụ của Đảng đề ra là:

“Động viên lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến, tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến lâu dài; phối hợp chiến thuật du kích với phương pháp bất hợp tác tác đến triệt để”².

Tình hình còn đang diễn biến phức tạp và rất khẩn trương.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.8, tr. 25, 27.

XII

Tôi viết những dòng này vào những ngày tháng 5 năm 1970.

Đã rất xa, cái ngày mà người nước ngoài không sao tìm ra nước Việt Nam trên những tấm bản đồ. Tổ quốc với hàng ngàn năm lịch sử của chúng ta cùng với hai nước láng giềng Campuchia, Lào khi đó chỉ là một dải đất ở ven Thái Bình Dương, giữa Ấn Độ và Trung Hoa, mang một cái tên mơ hồ do bọn thực dân đặt ra: Indochina thuộc Pháp.

Cũng đã xa rồi, cái ngày nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa còn là một hòn đảo của tự do, hiện lên giữa những lớp sóng cồn, trên biển cả mênh mông của chủ nghĩa tư bản ở Đông Nam Á. Anh em bè bạn còn chưa mấy ai nhận ra ta. Cũng chưa mấy khi thấy hết ý nghĩa quan trọng của sự kiện lịch sử này.

Thời kỳ làm mưa làm gió của chủ nghĩa đế quốc đã qua.

Ngày nay, mỗi hành động kẻ cướp của chúng trên bán đảo Đông Dương này, đều trở thành những bước đi phiêu lưu và không tránh khỏi bị trừng phạt. Mỗi tội ác của chúng gây ra tại đây đều động tới lương tri, tới tình cảm của hàng trăm triệu con người, ở các miền khác nhau trên

trái đất. Mọi cách tô son trát phấn cực kỳ tốn kém của chủ nghĩa thực dân đối với bọn ngụy quyền tay sai đều hoài công, vô ích. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời giữa lửa đạn ác liệt, lập tức được sự hân hoan chào đón của cả loài người tiến bộ từ lâu đã trông chờ. Chính phủ Vương quốc đoàn kết dân tộc Campuchia vừa công bố thành lập, đã được hàng chục nước gần xa công nhận.

Ngày nay, khi mấy trăm vạn quân Quốc dân Đảng Trung Hoa chỉ còn là những bóng ma trong dĩ vãng, Tưởng Giới Thạch đang sống nốt những ngày tàn trên đảo Đài Loan, ta thật khó hình dung lại những giờ phút hiểm nghèo khi gần hai chục vạn quân Tưởng từ mấy ngả ập vào miền Bắc.

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới sinh, nằm giữa bốn bề hùm sói, phải tự dốc sức mình đấu tranh dũng cảm, mưu trí, phải tìm mọi cách để sống còn. Trước hoàn cảnh gay go và cấp bách ấy, như Bác đã nói sau này, theo cách nói riêng của Người: “Đảng phải dùng những phương pháp - dù là những phương pháp đau đớn - để cứu vãn tình thế”. Ở Người, mọi vấn đề, mọi chuyện của Đảng, của nước, của dân đều trở thành những rung động sâu xa trong tình cảm.

Đảng của giai cấp công nhân mới mười lăm tuổi đã giành được chính quyền. Trên dải đất của ông cha để lại, mùa xuân của dân tộc từ hôm nay, đã bắt đầu. Tin vui lớn lao đó, chưa thể báo với bè bạn xa gần một cách trọn vẹn.

Tháng 8 năm 1945, Bác viết thư kêu gọi Tổng khởi

nghĩa. Đầu tháng 9, Bác ra mắt nhân dân với danh hiệu Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó là một bí danh Bác đã dùng mấy năm trước để che mắt bọn Quốc dân Đảng Trung Hoa. Những người cách mạng đã qua thời kỳ ẩn náu, lẩn tránh, về sống giữa đồng bào. Nhưng mọi hoạt động của Đảng vẫn tiến hành theo phương thức bí mật. Những cán bộ của Đảng chưa ra làm việc công khai. Hầu hết các đảng viên đều công tác dưới danh nghĩa những cán bộ Việt Minh. Đảng ta chủ trương hết sức tránh kích thích kẻ thù của dân tộc và của giai cấp. Nhưng kẻ thù vẫn nhận ra ta.

Chính quyền cách mạng thành lập nhiều ngày, vẫn chưa được nước nào công nhận. Bọn tướng lĩnh Tưởng buộc phải giao dịch với ta để có lương thực, có nhà cửa. Khi tới gặp Bác, trong lúc xưng hô, chúng phải dùng danh hiệu và chức vụ của Bác là Hồ Chủ tịch. Nhưng, trong mọi giấy tờ gửi Bác, chúng chỉ đề là: “Hồ Chí Minh tiên sinh” (Thưa ngài Hồ Chí Minh). Chúng coi chính quyền ta là một chính quyền chỉ tồn tại trên thực tế, không phải là một chính quyền tồn tại về pháp lý.

Tình hình kinh tế hết sức khó khăn. Phần lớn ruộng đất ở Bắc Bộ bỏ hoang. Hết nạn lụt, đến nạn hạn hán kéo dài. Một số nhà máy Nhật trao trả chưa thể hoạt động được. Việc buôn bán với nước ngoài đình trệ. Nạn khan hiếm hàng hóa nghiêm trọng.

Về tài chính, ta chưa phát hành được tiền Việt Nam. Kho bạc giành được từ tay chính quyền cũ, chỉ có một triệu bạc rách. Một triệu bạc tiền giấy đang xuống giá để xây dựng chính quyền và cuộc sống mới! Chưa kể đến

Ngân hàng Đông Dương của bọn Pháp luôn luôn gây rối loạn về mặt tiền tệ. Lại thêm quân Tưởng tung rất nhiều tiền Quan kim trên thị trường, làm cho tài chính và việc buôn bán của ta càng nguy ngập.

Đời sống của nhân dân rất thấp. Số người không có công ăn việc làm tăng nhanh. Nhiều nơi, đồng bào phải ăn cháo. Lác đác, lại có người chết đói. Dịch tả đã phát sinh. Quân Tưởng vào, đem thêm dịch chầy rận.

Cuộc xâm lăng của giặc Pháp nổ ra rất sớm tại Nam Bộ, làm cho tất cả những khó khăn trên càng thêm trầm trọng.

Trong hoàn cảnh như vậy, ta phải làm những gì để xây dựng xã hội mới, một công việc còn khó khăn hơn là phá bỏ nền móng của xã hội cũ. Công việc đó, giai cấp công nhân lại chỉ mới bắt tay làm lần đầu.

Dù sao, tình hình cũng đã khác trước. Cách mạng đã giành được chính quyền. Chính quyền đã cung cấp cho cách mạng những phương tiện, những khả năng mới để giữ gìn lấy nó.

Vấn đề đặt ra cấp bách lúc này là phải củng cố và giữ vững chính quyền cách mạng.

Từ thượng tuần tháng 9, nhiều sắc lệnh, nghị định của Chính phủ lâm thời được ban hành.

Hệ thống quan lại cũ bị giải tán. Bộ máy chính quyền của thực dân, phong kiến bị hoàn toàn đập tan. Chính phủ quyết định sẽ mở tổng tuyển cử trong cả nước để bầu ra Quốc dân Đại hội. Tiếp theo đó, là sắc lệnh tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính các cấp theo lối phổ thông đầu phiếu. Hội đồng nhân dân sẽ do chính nhân

dân lựa chọn, trực tiếp bầu ra. Đó là cơ quan thay mặt cho dân. Ủy ban hành chính do hội đồng nhân dân bầu ra là cơ quan hành chính vừa thay mặt cho dân, vừa thay mặt cho Chính phủ. Qua những cuộc bầu cử này, chính quyền nhân dân được củng cố vững chắc ở cơ sở, vừa mở rộng khối đoàn kết của toàn dân, vừa bảo đảm sự thực hiện công nông chuyên chính.

Bản dự án Hiến pháp được công bố, để mỗi công dân đều có thể đóng góp ý kiến của mình vào Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Chính phủ quyết định địa chủ phải giảm tô 25%. Tất cả những món nợ lâu đời ở nông thôn đều xóa bỏ.

Chế độ lao động ngày làm tám giờ được ban hành. Chủ xí nghiệp, chủ hãng buôn phải báo trước khi thải công nhân; tiền phụ cấp cho công nhân bị thải hồi được ấn định. Công nhân có quyền theo học các lớp huấn luyện quân sự và được hưởng lương trong thời gian học tập.

Việc học chữ quốc ngữ trở thành bắt buộc và không mất tiền. Một sắc lệnh đặt ra bình dân học vụ trong toàn cõi Việt Nam, lập cho thợ thuyền và nông dân những lớp học bình dân buổi tối, bỏ tiền thi và tiền học ở tất cả các bậc.

Ngay từ đầu tháng 9, thuế thân, thứ thuế thực dân Pháp đánh hằng năm vào mỗi đầu người từ mười tám tuổi trở lên, cùng với nhiều thứ thuế vô lý khác bị bãi bỏ.

Trong tình hình kinh tế, tài chính khó khăn, Chính phủ làm thế nào có tiền để giải quyết các khoản chi phí cần thiết, nhất là những chi phí to lớn về quốc phòng?

Trước mắt, chỉ còn trông vào sự đóng góp tự nguyện của đồng bào.

Ngày 4 tháng 9, Chính phủ lập Quỹ Độc lập.

Một tuần lễ sau, Bác kêu gọi đồng bào cả nước tích cực hưởng ứng Tuần lễ vàng. Nhiều người sốt sáng đem tới góp cả những vật kỷ niệm thân thiết nhất của mình. Đó là đôi khuyên của một bà cụ đã sấm từ ngày còn con gái. Đó là hai chiếc nhẫn cưới của một cặp vợ chồng. Một cụ già tám mươi tuổi mang tới một gói lụa điều, bên trong là nén vàng gia bảo nặng mười bảy lạng. Có gia đình quyên góp toàn bộ tư trang của những người trong gia đình.

Chỉ trong một thời gian ngắn, các tầng lớp nhân dân đã quyên góp vào Quỹ Độc lập và Tuần lễ vàng được hai mươi triệu đồng và ba trăm bảy mươi kilôgam vàng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc xác định mối quan hệ giữa những người làm việc trong bộ máy chính quyền mới với nhân dân. Tháng 10, trong bức thư gửi cho các ủy ban nhân dân ở các kỳ, tỉnh, huyện và làng, Người viết: “các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân”.

Ngày xưa, Trần Hưng Đạo khuyên vua chước giữ nước hay hơn cả là “lúc bình thời, khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc”. Nguyễn Trãi chê Hồ Quý Ly để mất nước vì chỉ biết đóng cọc ngăn sông cản giặc, mà không biết lấy sức dân làm trọng. Các đấng anh hùng dân tộc lập nên công lớn, đều rất coi trọng sức dân để giữ nước, chống giặc.

Ngày nay, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi: “Diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm”. Người nói: Phải

“dựa vào lực lượng của dân, tinh thần của dân”. Khác với người xưa, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: Làm những việc đó là “để mưu hạnh phúc cho dân”.

Trong thư gửi cho các ủy ban nhân dân, Người viết: “Nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì”.

“Hạnh phúc cho dân”, đó là điều Người đã nêu lên trong bản *Tuyên ngôn độc lập*: “dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”.

Hạnh phúc mà Người muốn đem lại *cho dân* là một niềm hạnh phúc trọn vẹn. Hạnh phúc đó không chỉ ở những thành quả mà hôm nay cách mạng vừa đem lại cho toàn dân. Hạnh phúc đó còn đang tiếp tục đến với nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh để tiêu diệt tận cùng nguồn gốc mọi nỗi khổ đau của con người, xây dựng nên một xã hội mà mọi hiện tượng người bóc lột người đều hoàn toàn bị xóa bỏ. Trong cuộc đấu tranh vĩ đại ấy, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chọn cho nhân dân ta một con đường ngắn nhất.

“Hạnh phúc cho dân”, đó là mục đích của việc giành lấy chính quyền và giữ vững, bảo vệ chính quyền ấy. Đó là lý tưởng của Người. Đó cũng là tấm lòng của Người.

Trong bức thư gửi cho các ủy ban nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra một số khuyết điểm của những người làm việc tại các cơ quan chính quyền như là: Trái phép, cậy thế, tư túng, kiêu ngạo...¹. Người kết thúc lá thư:

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr. 66, 67.

"Vì hạnh phúc của dân tộc, vì lợi ích của nước nhà, mà tôi phải nói Chúng ta phải ghi sâu những chữ "công bình, chính trực" vào lòng"¹.

Đầu năm 1946, Bác cho đăng bài *Tự phê bình* do Người viết trên các báo.

"Vì yêu mến và tin cậy tôi, mà đồng bào giao vận mệnh nước nhà, dân tộc, cho tôi gánh vác. Phận sự tôi như một người cầm lái, phải chèo chống thế nào để đưa chiếc thuyền Tổ quốc vượt khỏi những cơn sóng gió, mà an toàn đi đến bờ bến hạnh phúc của nhân dân...

Tuy tranh được quyền độc lập đã năm tháng, song các nước chưa công nhận nước ta.

Tuy các chiến sĩ ta rất oanh liệt, song kháng chiến chưa thắng lợi.

Tuy nhiều người trong ban hành chính làm việc tốt và thanh liêm, song các tệ tham ô, những lạm chưa quét sạch.

Tuy Chính phủ ra sức sửa sang, song nhiều nơi chính trị vẫn chưa vào lề lối...

Có thể cho rằng: những khuyết điểm đó là vì thời gian còn ngắn ngủi, vì nước ta còn mới, hoặc vì lẽ này, lẽ khác.

Nhưng không, tôi phải nói thật: Những sự thành công là nhờ đồng bào cố gắng. Những khuyết điểm kể trên là lỗi tại tôi..."².

Người dân lao động bình thường đã nhận thấy rõ Nhà nước hôm nay đúng là Nhà nước của mình. Đây là một điều hết sức mới lạ. Trong lịch sử đất nước, những triều

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 66, 191-192.

đình phong kiến, những bộ máy đô hộ bao giờ cũng là công cụ của một số ít, những kẻ cầm quyền thuộc giai cấp bóc lột, để thực hiện sự thống trị với số đông là dân, là những người lao động. Nó bao giờ cũng chỉ mang lại lợi ích cho số ít, và đem lại khổ nhục cho số đông. Ngày nay, nhà nước đã trở thành của số đông, của nhân dân lao động. Nó đang hằng ngày, hằng giờ bảo vệ quyền lợi và mang lại hạnh phúc cho dân. Những gì hiện nay nó chưa làm được, thì nhất định nó sẽ làm được trong tương lai.

Đồng bào ta đã nhận thấy ở *Bác Hồ*, hình ảnh tượng trưng cao đẹp nhất của dân, của nước, của cách mạng, của chính quyền mới, chế độ mới.

XIII

“Đây là Tiếng nói Việt Nam, phát thanh từ Hà Nội, Thủ đô nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa...”.

Mùa thu năm ấy, câu nói đó mỗi lần vang lên từ máy thu thanh, cứ ngân nga mãi, đọng lại mãi một dư âm.

Nước Việt Nam đã tái sinh. Những đám mây mù nặng trĩu của chế độ thực dân đã bị xua tan. Trời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa xanh ngắt. Thủ đô Hà Nội bội phần đẹp hơn Thăng Long, Đông Đô xưa, tung bừng khí thế cách mạng, sẵn sàng đương đầu với sóng gió.

Những quyền tự do, dân chủ mới ban bố, giống như trận mưa rào tưới xuống cánh đồng khô hạn lâu ngày. Đồng bào ta đón những trái chín đầu mùa của cách mạng, như người “đang khát mà có nước uống, đang đói mà được cho ăn”. Trước kia, chỉ nhật một tờ truyền đơn, hô một khẩu hiệu đấu tranh cũng đủ để bọn thống trị nhốt vào tù. Hôm nay, treo lá cờ của Tổ quốc trước mái nhà, ngẩng cao đầu đi trên các đường phố đã là của ta, hát thật vang một bài ca cách mạng đã là những niềm vui, có khi đến trào nước mắt.

Ngày nào Bác và Đảng nhen ngọn lửa cách mạng, nay

nó đã bùng cháy mãnh liệt trên cả nước. Người dân đã nhận thức được trách nhiệm đối với việc củng cố và bảo vệ chính quyền mới. Đó cũng chính là để bảo vệ lấy thành quả cách mạng, những quyền tự do vừa có được hôm nay, giữ gìn lấy những hy vọng, những ước mơ tươi sáng nhất của mình.

Trong cao trào cách mạng sôi nổi đó của toàn dân, vấn đề lúc này là tiếp tục tổ chức quần chúng, tiếp tục đưa đông đảo quần chúng vào những cuộc đấu tranh ngày một cao hơn. Bác rất chú trọng tới công tác vận động, tổ chức công nhân, nông dân và trí thức. Ngay cả trong những bức thư gửi các cụ phụ lão ở Thủ đô, gửi giới công thương, gửi các cháu học sinh nhân ngày khai trường, Bác đều nhấn mạnh sự cần thiết phải tổ chức giới của mình, phải tham gia vào các đoàn thể cứu quốc.

Chỉ sau một thời gian ngắn, hàng chục triệu đồng bào già, trẻ, gái, trai trên cả nước đã thành đội ngũ. Ngay cả ở những thành phố có quân Tưởng đóng, trước mũi súng của chúng, những tổ chức cứu quốc của ta vẫn rầm rộ phát triển. Từ thành thị đến làng quê, đâu đâu cũng cờ mở trống giông, ngày mít tinh, đêm khai hội. Vùng nông thôn Việt Nam lâu đời yên tĩnh chưa bao giờ sôi nổi, rộn ràng như vậy.

Đất nước nằm giữa vòng vây của bọn đế quốc, từ các phía đều bị kẻ thù đe dọa. Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào đã nhận định: “chỉ có thực lực của ta mới quyết định được sự thắng lợi”. Trong chỉ thị viết từ tháng 12 năm 1944, Bác đã nêu rõ tính chất cuộc chiến đấu để

bảo vệ đất nước của ta “là cuộc kháng chiến của toàn dân”, do đó “cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân”. Chỉ thị của Người đã đề ra những điều cơ bản nhất trong đường lối kháng chiến và xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng. Hội nghị Tân Trào trước ngày Tổng khởi nghĩa, đã đồng thời nêu ra nhiệm vụ “Vũ trang nhân dân” và nhiệm vụ “Phát triển Quân giải phóng Việt Nam”.

Qua thực tiễn của hai cuộc kháng chiến lâu dài chống đế quốc Pháp và đế quốc Mỹ, đường lối kháng chiến, đường lối tổ chức lực lượng vũ trang của ta, trong đó có mối quan hệ giữa các lực lượng vũ trang của quần chúng và bộ đội tập trung, đã góp phần quyết định vào thắng lợi của dân tộc. Ngày nay, ôn lại những nghị quyết, chỉ thị về các vấn đề này, chúng ta nhận thấy Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra những phương hướng, chủ trương đúng ngay từ đầu.

Việc quân sự hóa các đoàn thể cứu quốc trước ngày Tổng khởi nghĩa, chỉ mới thực hiện ở các chiến khu, nay được mở rộng ra cả nước. Các hội viên cứu quốc, đặc biệt là thanh niên, ngày đêm hăng hái học quân sự, luyện tập côn quyền.

Phong trào tìm kiếm, chế tạo, mua sắm vũ khí rất sôi nổi. Những lò rèn ở nông thôn trở thành nơi sản xuất giáo mác, mã tấu cho các đội tự vệ, dân quân. Các em nhỏ đua nhau đi lượm nhặt sắt, thép vụn. Người lớn đem tới góp những đồ dùng hàng ngày trong nhà như mâm thau, nồi đồng..., cả những đồ thờ cúng như lư hương, đỉnh đồng để đúc thành vũ khí.

Dưới thời đô hộ, mọi thứ vũ khí đều bị coi là đồ quốc cấm. Trong những cuộc lùng tìm cách mạng của bọn thống trị, một con dao găm để trong nhà có thể dẫn tới việc cả gia đình bị chúng tàn sát. Nói sao cho rõ được nỗi khát khao của mỗi người dân có được một vũ khí để bảo vệ nền độc lập vừa giành lại được.

Với thanh mã tấu, ngọn giáo dài trong tay, tinh thần, khí phách thượng võ của dân tộc đã trở dậy mạnh mẽ hơn bao giờ hết trong anh tự vệ hôm nay, đứng bên trống canh tại trạm gác đầu làng.

Các tổ chức *tự vệ*, *du kích* có từ trước Cách mạng Tháng Tám, đã phát triển rất nhanh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã coi đó là “bức tường sắt của Tổ quốc”, vô luận kẻ địch hung bạo thế nào đụng vào cũng phải tan. Những ngày Tổng khởi nghĩa vừa qua, nó đã là lực lượng xung kích hỗ trợ cho nhân dân các địa phương nổi dậy giành chính quyền. Khi cuộc kháng chiến nổ ra ở Nam Bộ, và sau này, bùng lan ra cả nước, nó đã biến mỗi đường phố, mỗi làng mạc thành một pháo đài.

Đến cuối năm 1945, hầu hết các thôn xã, đường phố, nhà máy đều có lực lượng tự vệ. Nơi nhiều thì một, hai đại đội; nơi ít cũng có một trung đội. Lực lượng tự vệ được sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, được chính quyền giúp đỡ huấn luyện về quân sự, nhưng hoàn toàn tự cấp và tự túc về sinh hoạt và trang bị vũ khí.

Tại những nơi chiến tranh chưa xảy ra, đó là một công cụ chuyên chính đặc lực của chính quyền cách mạng để bảo vệ các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận, các cơ sở

kinh tế, quốc phòng, giữ gìn trật tự, trị an, trấn áp bọn phản động. Ở phần lớn vùng nông thôn, nạn trộm cắp không còn. Một cảnh tượng rất đẹp: những ngôi nhà ban ngày, người đi làm vắng, ban đêm, mọi người yên giấc ngủ say, cửa vẫn để ngỏ, cánh cổng chẳng cài then.

Ở Hà Nội, tổ chức tự vệ thành thu hút đông đảo các tầng lớp thanh niên của Thủ đô. Anh em đã khéo tìm cách tự túc được khá nhiều loại vũ khí khác nhau, từ dao găm, súng săn đến bom ba càng, đại liên Nhật.

Làm nòng cốt cho tự vệ thành có những đơn vị tự vệ chiến đấu. Đó là những chiến sĩ tuyển lựa từ những công nhân, dân nghèo, học sinh, sinh viên trong hàng ngũ thanh niên cứu quốc. Anh em được Bộ Quốc phòng trang bị vũ khí và trong tình hình lúc bấy giờ, phần lớn đều ở tập trung. Những nhu cầu về mặt sinh hoạt vật chất của tự vệ chiến đấu đều phải dựa vào đồng bào. Đi đôi với công tác bảo vệ chính quyền cách mạng, trấn áp bọn phản động, các chiến sĩ tự vệ chiến đấu còn làm công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Mặt trận, Nhà nước, tổ chức và huấn luyện những đội tự vệ thành.

Tự vệ ở Hà Nội có một trường huấn luyện là Trường Tự vệ Hồ Chí Minh. Bác tới thăm trường nhiều lần. Anh Nhân và chúng tôi thường đến đây giảng bài. Nhiều đồng chí tự vệ chiến đấu sau này trở thành những cán bộ ưu tú của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Đồng thời với việc phát triển các lực lượng vũ trang của quần chúng rộng khắp, chúng ta ra sức đẩy mạnh việc xây dựng *lực lượng vũ trang tập trung*.

Các đội Cứu quốc quân, Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, Du kích Ba Tơ... thống nhất thành Quân giải phóng Việt Nam, đã trải qua một bước phát triển nhảy vọt, đã được tổ chức thành những chi đội, đại đội, phân đội trước ngày Tổng khởi nghĩa. Với chủ trương của Đảng, trong tình hình mới, bộ đội ta tiếp tục phát triển rất nhanh. Chỉ trong vòng một tháng, số lượng quân đội ta đã đông gấp mười lần Quân giải phóng ngày cách mạng vừa giành được chính quyền.

Tất cả các đơn vị Vệ quốc đoàn đều đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, thông qua tổ chức của Đảng trong quân đội, thông qua các chi bộ và những cán bộ là đảng viên giữ những vai trò quan trọng.

Những cán bộ, đội viên các đội vũ trang đầu tiên của Đảng ngày trước, nay trở thành nòng cốt của các đơn vị Vệ quốc đoàn ở Trung ương và ở địa phương.

Trường Quân chính kháng Nhật mở từ hồi ở chiến khu, chuyển thành Trường Quân chính Việt Nam, quy mô rộng hơn, mỗi khóa huấn luyện tập trung hàng mấy trăm cán bộ. Bác thường đến trường nói chuyện. Để che mắt bọn Tưởng, Bác cho đổi tên trường thành Trường Cán bộ Việt Nam.

Phong trào tòng quân sôi nổi khắp cả nước. Các hội cứu quốc tấp nập đưa những hội viên của mình vào bộ đội. Các đội tự vệ bổ sung cho Vệ quốc đoàn những chiến sĩ ưu tú của mình; ở một số địa phương, đã chuyển toàn đơn vị thành Vệ quốc đoàn. Tại Hà Nội, nhiều khu phố lập bàn thờ Tổ quốc, đón nhận những người muốn tòng quân.

Không riêng thanh niên, mà có nhiều người lớn tuổi cũng tới ghi tên.

Ngày Tổng khởi nghĩa, đã có những đơn vị bảo an binh đi theo cách mạng. Chúng ta chủ trương thu nhận những cá nhân sĩ quan, binh lính có tinh thần yêu nước, tự nguyện tham gia quân đội cách mạng. Nhiều người sau này đã trở nên những chiến sĩ, cán bộ tốt của quân đội ta.

Tại phần lớn các nơi, việc nuôi dưỡng bộ đội vẫn phải dựa vào đồng bào. Đoàn thể phụ nữ cứu quốc đóng một vai trò đặc biệt trong việc chăm sóc các chiến sĩ.

Ta chủ trương tìm mọi cách để có được thêm nhiều vũ khí cho bộ đội. Ngoài số súng thu được tại các trại bảo an binh, hoặc của binh lính Nhật trong một số trận chiến đấu, chúng ta dùng tiền và vàng nhân dân đã quyên góp, mua thêm súng của Nhật và của quân Tưởng. Tuy vậy, vẫn không sao đáp ứng được những nhu cầu rất lớn về vũ khí và trang bị của quân đội đang phát triển từng ngày. Có được thứ nào thì dùng thứ ấy, nên súng đạn đã ít, lại rất nhiều loại. Cùng với những khẩu súng tiểu liên nhỏ, nhẹ mới ra đời trong Chiến tranh thế giới thứ hai, do các quân đội nước ngoài vừa đem vào, là những khẩu súng trường nòng dài lâu ghê, chế tạo từ hồi vua Nga còn trị vì, những khẩu súng kíp sản xuất trong những lò rèn thủ công. Nếu như ngày nay, bộ binh ta đã được trang bị khá hiện đại với ba thứ súng bắn thẳng cùng một cỡ đạn thống nhất, thì hồi đó chúng ta đã phải dùng đến trên bốn chục thứ súng trường, một bản thống kê đã nêu lên tới hai mươi loại súng do tám nước chế tạo:

Việt Nam:

- Súng trường Phan Đình Phùng không có khương tuyền,
- Súng kíp.

Pháp:

- Súng Mútcotông giáp ba,
- Súng Mútcotông giáp năm,
- Súng Anhđôsinôa,
- Súng khai hậu,
- Súng Mát 7 ly 5,
- Súng Mát nửa tự động,
- Súng trường tởngbolông phóng lựu đạn,
- Súng săn cỡ 12,
- Súng săn cỡ 16,
- Súng săn cỡ 20.

Nhật:

- Súng trường Nhật nòng ngắn, dùng cho kỵ binh,
- Súng trường Nhật nòng dài, dùng cho bộ binh.

Anh:

- Súng trường Anh 7 ly 7.

Mỹ:

- Súng Romanhtông 1903,
- Súng Romanhtông 1917.

Nga (thời Nga hoàng):

- Súng trường Nga nòng dài, 7 ly 9.

Trung Hoa (thời Tưởng Giới Thạch):

- Súng Thất cứu.

Đức (quốc xã):

- Súng Môde.

Trên thao trường, mặc nắng cháy, mưa dầm, anh Vệ quốc, gậy nhiều hơn súng, say sưa ngày đêm luyện tập. Các mẹ, các chị khi mang nước, lúc đem cơm, hoa quả địa phương mùa nào thức ấy. Dọc đường hành quân ra trận, bộ đội đi dân nhớ, ở dân thương, tới đâu cũng được săn sóc, chăm nom với tình nghĩa ruột thịt.

Một quân đội mới lần đầu xuất hiện trong lịch sử của dân tộc, quân đội con em của nhân dân, từ nhân dân mà ra, được nhân dân nuôi dưỡng, vì nhân dân mà chiến đấu. Quân đội ấy do Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, nên ngay từ những ngày đầu, nó đã mang đậm đà bản chất của Đảng và những đức tính của Người. Ngày nào, khi nói đến Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dịch hai câu thơ của Lỗ Tấn:

*Trợn mắt xem khinh nghìn lược sĩ,
Cúi đầu làm ngựa các nhi đồng.*

Và Người giải thích: “Nghìn lược sĩ” có nghĩa là những kẻ địch mạnh, thí dụ: lũ thực dân Pháp, bọn can thiệp Mỹ; cũng có nghĩa là những sự khó khăn, gian khổ. “Các nhi đồng” nghĩa là quần chúng nhân dân hiền lành, đông đảo; cũng có nghĩa là những công việc ích quốc lợi dân.

Đó cũng chính là hình ảnh của quân đội ta. Anh Vệ quốc rất xứng đáng với những tiếng thân thiết mà đồng bào cả nước đã sớm dành cho mình: *Bộ đội Cụ Hồ*.

Quân đội ta và các lực lượng vũ trang quần chúng ra đời trong ngọn lửa đấu tranh cứu nước của dân tộc, vừa xây dựng vừa chiến đấu, vừa nâng cao phẩm chất chính trị bằng sự giáo dục của Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vừa tôi luyện trong lửa đạn ác liệt của chiến trường. Các lực lượng vũ trang đó đã lớn lên từng ngày và đã đáp ứng kịp thời những đòi hỏi lớn lao, cấp bách của đất nước.

XIV

Trong thời gian ở nước ngoài, Bác đã sống nhiều năm tại Trung Quốc. Mạng lưới dày của bọn đặc vụ Quốc dân Đảng luôn luôn bủa vây quanh Người, Bác đã có mặt trong những ngày đau thương, hàng chục vạn đảng viên cộng sản và quần chúng cách mạng bị bọn Tưởng Giới Thạch tàn sát ở Quảng Châu. Người đã trải qua những ngày sống trong ngục tù của chúng. Sau khi Nhật đầu hàng, Mỹ thúc bọn quân phiệt Tưởng thanh toán gấp mối nguy cơ đối với chúng, là lực lượng Hồng quân ngày càng lớn mạnh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Tưởng Giới Thạch đang chuẩn bị trận đánh cuối cùng, một mất một còn, hòng tiêu diệt cách mạng.

Bác hiểu sâu sắc bản chất giai cấp của bọn Quốc dân Đảng. Hơn ai hết, Người thấy rõ mối nguy cơ cho cách mạng Việt Nam khi quân Tưởng tràn vào miền Bắc. Chúng là những tên chống cộng cực kỳ tàn bạo. Trong khi cũng để giải giáp gần ba vạn quân Nhật tại miền Nam, Anh chỉ cần đến dăm ngàn quân, thì cũng với công việc ấy, ở miền Bắc, bọn Tưởng đã đưa vào mười tám vạn quân. Đã tâm của quân Tưởng đã rõ ràng. Chúng muốn tiêu diệt chính quyền cách mạng, muốn thôn tính nước ta.

Sách lược của ta lúc này là hòa hoãn với Tưởng, chĩa mũi nhọn vào bọn thực dân Pháp cướp nước. Nhưng hòa hoãn với Tưởng không phải dễ dàng.

Bác nhiều lần dặn cán bộ: “Phải hết sức tránh khiêu khích, không để xảy ra xung đột với quân Tưởng. Nếu đã xảy ra xung đột thì phải biến xung đột lớn thành xung đột nhỏ, xung đột nhỏ thành không có xung đột”. Không phải mọi người đều thấy hết ý nghĩa quan trọng của chỉ thị đó.

Một số cán bộ của Đảng cũng chưa nắm vững được sách lược lúc này. Cũng vì vậy mà những vụ va chạm đáng lẽ không xảy ra, vẫn xảy ra. Những vụ này đã gây cho ta khá nhiều khó khăn trong việc dàn xếp. Bác có thái độ rất nghiêm đối với những tư tưởng và hành động sai lầm chỉ thấy bộ phận, không thấy toàn cục, trong việc thực hiện sách lược của Đảng.

Một mặt, ta cố tìm mọi cách hòa hoãn, hạn chế những hoạt động phá hoại của kẻ thù. Mặt khác, phát hiện những mâu thuẫn, những vết rạn nứt dù nhỏ trong hàng ngũ của chúng lúc này để lợi dụng, là rất quan trọng.

Trong Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh kiêm thêm công tác ngoại giao. Ngoại giao khi đó là một công việc cực kỳ khó khăn và phức tạp.

Bọn tướng lĩnh Quốc dân Đảng Trung Hoa vào miền Bắc, thuộc nhiều phe cánh khác nhau. Có những tên thuộc tập đoàn địa phương Vân Nam. Có tên thuộc tập đoàn địa phương Lương Quảng (Quảng Đông, Quảng Tây). Nhiều tên thuộc tập đoàn trung ương của Trùng Khánh. Chúng giống nhau ở chỗ cùng chống cộng. Nhưng, vì bên trong

chúng có mâu thuẫn, nên thái độ phản động của chúng đối với cách mạng Việt Nam cũng ít nhiều khác nhau.

Ngoài ý định can thiệp vào Việt Nam, Trùng Khánh còn muốn nhân dịp này, thanh toán một số tên quân phiệt cứng đầu ở Tây Nam và Hoa Nam. Ngay từ khi Lư Hán kéo quân sang ta, Bác đã nói: “Đây là kế “điệu hổ ly sơn” của Tưởng Giới Thạch. Nội bộ chúng không ổn định là một điều ta có thể lợi dụng”, Tưởng Giới Thạch từ lâu muốn trị Long Vân, tỉnh trưởng Vân Nam.

Chỉ sau đôi lần gặp Bác, Lư Hán đã tỏ ra cảm phục. Y ngạc nhiên về sự hiểu biết sâu rộng của Bác. Bác trao đổi với y về tình hình chính trị ở Việt Nam, ở Trung Hoa và trên thế giới. Bác làm cho y hiểu cuộc đấu tranh giành độc lập và chủ trương Hoa - Việt thân thiện của ta. Đôi lúc, Bác cũng nói cho y biết phần nào những hoạt động xấu xa của bọn Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội.

Lư Hán gọi Bác một cách trân trọng là Hồ Chủ tịch. Nghe tin Bác tới, y ra đón. Khi Bác về, y tiễn chân đến tận cửa. Dường như đã cảm thấy số phận bấp bênh của mình, y thường có vẻ tư lự.

Tiêu Văn là chủ nhiệm chính trị của chiến khu thứ tư do Trương Phát Khuê chỉ huy. Y nắm một vai trò chủ chốt trong cái gọi là “Việt Nam cách mạng chỉ đạo thất” (Phòng chỉ đạo cách mạng Việt Nam) do Trương lập ra.

Tưởng Giới Thạch vốn không ưa Trương và phe cánh của y. Nhưng Tưởng vẫn phải dùng Tiêu Văn, vì Tiêu Văn theo dõi tình hình Việt Nam từ lâu, và đang nắm bọn tay sai Nguyễn Hải Thần.

Tiêu Văn vào Việt Nam với một sư đoàn quân Quảng Tây. Sư đoàn quân Quảng Tây vừa vượt biên giới thì được lệnh của Trùng Khánh quay trở về. Tiêu Văn hết quân, phải đi với các quân đoàn trung ương của Chu Phúc Thành. Theo sự chỉ định của Trùng Khánh, Tiêu Văn có trách nhiệm giải quyết những vấn đề chính trị ở miền Bắc Việt Nam.

Tối Hà Nội, chính quyền cách mạng đã thành lập, viên tướng “lam y” thấy mình bị đặt trước một việc đã rồi. Y rất bực bội.

Bác đã bảo chọn cho Tiêu Văn một ngôi nhà sang trọng. Lúc đầu, y không chịu tối, đưa bọn tay sai về đóng tại nhà một viên bang trưởng ở phố Cửa Đông.

Thấy Bác định đi thăm Tiêu Văn, nhiều anh ngăn. Y mới đến, ta chưa biết thái độ ra sao. Bác nói: “Nó vừa tối, chưa rõ tình hình, ta đến cũng có cái hay”. Trong việc giao tiếp, Bác thường hay chủ động và chú ý đến cái ấn tượng lúc ban đầu.

Bác chỉ định mấy đồng chí cùng đi. Thấy một đồng chí mang dép, Bác bảo về nhà thay giày. Bác nói: “Khi nào gặp “người ta”, tôi ăn mặc thế nào cứ mặc tôi, nhưng các chú thì phải cho tề chỉnh”.

Mấy đồng chí theo Bác tới phố Cửa Đông. Đến nơi Tiêu Văn ở, Bác bảo hai đồng chí đợi bên ngoài, rồi cùng hai đồng chí đi vào. Qua hàng rào sắt, mọi người nhận ra ở đây ngoài bọn lính Tưởng, còn có thêm mấy tên tay sai Việt Nam Quốc dân Đảng. Chúng mặc quân phục, đeo súng, vào ra với vẻ mặt lăm lè.

Tiêu Văn đang ở nhà trong. Nghe báo Chủ tịch Hồ Chí Minh tới, y lật đật đi ra. Chỉ sau vài câu thăm hỏi của Bác, y đã tỏ ra vui vẻ, niềm nở như gặp lại một người quen biết lâu ngày. Thái độ kính nể của Tiêu Văn đối với Bác làm cho mấy tên tay sai Việt Nam Quốc dân Đảng ngạc nhiên.

Bác nhắc lại những chuyện ở Liễu Châu, rồi bảo Tiêu Văn hãy bỏ qua những hiểu lầm trước đây, hợp tác với ta để cùng giải quyết mọi vấn đề trong mối quan hệ Hoa - Việt, Tiêu Văn hứa sẽ đặt quan hệ với Chính phủ ta. Sau lần gặp này, Tiêu Văn dọn đến ở tại ngôi nhà ta đã dành cho y, gần hồ Bảy Mẫu. Bác đã dùng y để giải quyết một phần nào những va chạm, rắc rối với quân Tưởng.

Lư Hán đến Hà Nội được vài tuần thì Tưởng Giới Thạch đem quân đánh úp Vân Nam và lừa bắt Long Vân. Trùng Khánh tuyên bố: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ ở Việt Nam, Lư Hán trở về Vân Nam, sẽ thay Long Vân làm tỉnh trưởng. Nhưng chúng lại điều hai quân đoàn của Lư Hán về trước, đưa lên đông bắc đánh nhau với Hồng quân. Các quân đoàn này được quân trung ương sang thay thế. Cuộc tranh giành quyền lực trong nội bộ bọn quân phiệt Tưởng diễn ra quyết liệt.

Bọn tướng lĩnh trực thuộc với Trùng Khánh, đứng đầu là Chu Phúc Thành, là những tên phản động nhất. Chúng đã trực tiếp điều khiển lũ tay sai trong những hoạt động phá hoại. Nhiều lần, chúng ra mặt bắt giữ một số cán bộ của ta. Tuy vậy, trong bọn chúng, vẫn có những tên không thể bịt mắt trước thực tế to lớn của cách mạng Việt Nam. Viên sư trưởng Sư đoàn 2 đóng quân tại Nam Định, có lần bày tỏ sự đồng tình với cuộc kháng chiến chống Pháp của

nhân dân ta. Khi Bác về Nam Định, Bác ghé thăm y. Một viên sư trưởng khác đến nhờ ta cung cấp tài liệu, giúp đỡ y viết một cuốn sách về phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của Việt Nam.

Trong hàng ngũ quân đội Tưởng, nhiều tên chỉ giữ chức phó quan hoặc xứ trưởng, là những chức thấp, nhưng lại có quyền hành và thế lực. Có tên nhờ người vợ đẹp, lịch thiệp, tiêm thuốc phiện khéo, các tướng lĩnh thường lui tới nhà nên trong nhiều việc, y đều có thể trở thành người môi giới đắc lực. Không hiểu tại sao Bác phát hiện ra rất sớm những viên quan nhỏ thuộc loại này. Bác chỉ thị cho các cán bộ làm công tác ngoại giao có đối sách thích hợp với từng tên. Chính nhờ bọn này mà một số vụ va chạm với quân Tưởng đã được giải quyết.

Với Bác, chân lý cách mạng là cụ thể. Vận dụng sách lược, cũng là cụ thể. Tuy tất cả bọn Tưởng đều là những tên phản động, nhưng với từng đối tượng cụ thể, ta cần có cách đối xử cụ thể. Đương nhiên, thực lực cách mạng là cơ sở của việc vận dụng mọi sách lược. Đây là một kinh nghiệm quan trọng Bác thường nhắc nhở cho cán bộ.

Cao trào cách mạng đang dâng lên mạnh mẽ trên khắp nước Trung Hoa. Quân Tưởng tiến đánh các khu giải phóng với ý định tiêu diệt Hồng quân, đã vấp phải những thất bại liên tiếp. Bọn quân quan được lệnh điều động về nước tỏ ra lo lắng. Những tên ở lại hoặc mới kéo sang, đều mang tâm trạng không ổn định.

Với một sự nhạy cảm lạ thường, Bác dường như thấu hiểu mọi trạng thái tư tưởng, tình cảm của kẻ thù. Bác đã vận dụng một cách vô cùng sắc bén những đối sách cụ thể với từng loại kẻ địch, với từng tên.

Con người Bác là hiện thân sức mạnh của chính nghĩa. Nhiều chính khách nước ngoài gặp Bác hồi đó, cũng như sau này, đều nói lên ý nghĩ cảm phục. Ngay cả những kẻ thù, những tên khét tiếng chống cộng, khi tiếp xúc với Bác, đều phải tỏ ra kính nể. Đứng trước Bác, dường như chúng cũng bớt hung hãn đi nhiều.

Nhiều người nước ngoài đã bàn về sức cảm hóa kỳ lạ trong con người của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Có người cho đó là do sự hiểu biết sâu rộng, do tài trí thông minh tuyệt vời, do ý chí nghị lực phi thường của Người. Có người nói đó là do đức khiêm tốn, giản dị, do sự lạc quan, tin tưởng, do tính tình thẳng thắn, cởi mở, do sự từng trải, lịch thiệp của Người.

Những điều ấy đều đúng. Nhưng bao trùm lên tất cả ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, chính là sự quên mình vì mọi người, chính là sự ham muốn, ham muốn duy nhất, “ham muốn tốt bậc” của Người là làm sao mang lại thật nhiều hạnh phúc cho dân, cho nước. Cuộc sống hoàn toàn không một chút bận riêng tư, đã tạo nên ở Người một cái gì vô cùng trong sáng.

Với tấm lòng nhân ái bao la, ngay cả trong khi thực hiện sách lược, Người vẫn mong muốn thức tỉnh lại phần lương tri dù còn ít ỏi ở một số con người.

Sức mạnh chính trị, tinh thần của nhân dân ta cùng với sự vận dụng tài giỏi đường lối sách lược của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm tê liệt một phần ý chí xâm lược của bọn quân phiệt Tưởng, có dưới tay gần hai chục vạn quân.

XV

Không đầy một tuần sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập, Chính phủ lâm thời đã ra Sắc lệnh tổ chức Tổng tuyển cử trên cả nước, để bầu ra Quốc dân Đại hội.

Trong lịch sử của các dân tộc vừa đấu tranh giành độc lập, chưa bao giờ một sắc lệnh về tổng tuyển cử được ban hành sớm như thế.

Trước hết, đây là lòng tin của Đảng vào tinh thần yêu nước, vào trình độ giác ngộ của nhân dân. Đồng bào ta vừa trải qua gần một thế kỷ sống dưới ách độ hộ của thực dân Pháp. Tổng tuyển cử sẽ là một cuộc vận động chính trị rộng lớn và sâu sắc. Qua việc thực hiện quyền làm chủ của mình, mỗi người dân sẽ nâng cao thêm ý thức trách nhiệm đối với đất nước. Ở vào một tình hình trong, ngoài đều phức tạp, rối ren, một Quốc hội do nhân dân chính thức cử ra, một Chính phủ chính thức thành lập theo đúng nguyên tắc dân chủ sẽ có đủ uy tín, danh nghĩa và sức mạnh động viên tinh thần, lực lượng của nhân dân để kháng chiến, kiến quốc, để giao dịch với các nước ngoài.

Sắc lệnh ngày 8-9 của Chính phủ lâm thời đã ấn định cuộc tổng tuyển cử sẽ được mở trong vòng hai tháng.

Pháp trở lại Nam Bộ. Chiến tranh mỗi ngày một lan rộng. Trở ngại lớn không phải chỉ có riêng cuộc xâm lược của giặc Pháp. Trên miền Bắc, bọn Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội chống phá Tổng tuyển cử một cách điên cuồng. Chúng ngày càng biết rõ một cuộc tổng tuyển cử công bằng sẽ không mang lại gì cho chúng.

Báo chí của bọn phản động đòi Chính phủ lâm thời phải từ chức ngay. Chúng lớn tiếng rêu rao chính quyền hiện nay là chính quyền độc tài của cộng sản. Chúng tìm mọi cách kích động một số tư sản, quan lại cũ, địa chủ, phú nông, hòng lôi kéo họ theo chúng chống lại ta. Chúng hy vọng Trùng Khánh sẽ mạnh tay với ta hơn.

Nhóm quân phiệt Tưởng ở Hà Nội đã nhận thấy việc dùng sức mạnh để lật đổ chính quyền trung ương của ta lúc này, là không thể nào thực hiện được. Tiêu Văn đề nghị với Bác tổ chức một chính quyền gồm ba lực lượng: Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội, Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Minh. Ý muốn có một chính phủ trong đó, bọn tay sai chiếm số đông.

Ta đã nhiều lần nói rõ cho những người cầm đầu Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội và Việt Nam Quốc dân Đảng, tổng tuyển cử là một việc nhất thiết phải làm. Đó là nguyện vọng và cũng là quyền lợi của quốc dân. Người của các đảng phái ra ứng cử, sẽ được tạo mọi điều kiện dễ dàng để trình bày đường lối chính trị của mình. Ta cũng nêu rõ sự mong muốn đoàn kết với mọi lực lượng để xây dựng đất nước, và đẩy mạnh cuộc kháng chiến đang diễn ra ngày càng ác liệt ở miền Nam.

Hạ tuần tháng 11, một cuộc họp liên tịch giữa các đảng phái được tổ chức. Những người cầm đầu Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội và Việt Nam Quốc dân Đảng đến họp đã đồng ý: Sẽ thành lập chính phủ thống nhất quốc gia; sẽ thực hiện thống nhất quân đội; chấm dứt mọi xung đột; ngừng đả kích nhau trên báo chí.

Nhưng chỉ vài ngày sau, chiếc loa mắc tại tòa báo *Việt Nam*, đường Quán Thánh, lại kêu ra rả ngày đêm, đòi Chính phủ lâm thời phải từ chức. Chắc các quan thầy Tướng đã chỉ cho bọn phản động là chúng không được lợi gì qua những điều mới thỏa thuận. Cùng với những hoạt động bắt cóc, giết người, tống tiền, chúng tiến lên tổ chức những cuộc biểu tình, gây hỗn loạn trong thành phố.

Đồng bào Thủ đô căm phẫn, muốn Chính phủ thẳng tay trừng trị bọn phản động. Nhiều người viết thư, gửi bài đăng báo, tố cáo những hành động phá hoại và bất lương của chúng. Nhiều đơn vị tự vệ chiến đấu và tự vệ thành làm kiến nghị, ra tuyên bố quyết tâm trừng trị bọn chúng khi được lệnh.

Lũie lê của quân Tướng và những khẩu pháo học của những tên cảnh bị có mặt khắp nơi trong thành phố, là chỗ dựa cho bọn phản động. Cho tới đó, vì đồng bào và các lực lượng vũ trang của ta cố tránh khiêu khích, nên bọn chúng chưa bị những vụ trừng trị nào đáng kể.

Trước tình hình đó, Thường vụ chủ trương: hết sức tránh khiêu khích, nhưng phải đưa quân chúng ra đấu tranh, vạch mặt và cô lập bọn phản động, làm cho những tên cầm đầu quân Tướng nhận rõ: chúng càng dùng bọn tay sai phá phách thì bọn này càng bị nhân dân chống lại.

Anh Trần Quốc Hoàn cùng tôi bàn kế hoạch thực hiện chủ trương trên, nhằm ngăn chặn những hoạt động phá hoại đang hằng ngày gây rối loạn trong thành phố.

Làm việc này phải cân nhắc kỹ. Bọn biểu tình bao giờ cũng có những tên mang vũ khí đi kèm. Chúng có chỗ dựa là binh lính Tưởng. Quân Tưởng lại đang tự cho chúng quyền giữ gìn an ninh trong thành phố. Ta phải trừng trị bọn phá hoại, nhưng nhất thiết phải hết sức tránh khiêu khích, tuyệt đối không để dẫn đến xung đột lớn.

Chúng tôi thấy có thể huy động lực lượng tự vệ chiến đấu cùng một số hội viên các đoàn thể cứu quốc làm công việc này. Tự vệ chiến đấu khi hoạt động sẽ mặc thường phục, hòa lẫn vào đồng bào, giữ bí mật các vũ khí mang theo. Tốt nhất, ta nên tổ chức những cuộc đấu tranh xa nơi có binh lính Tưởng.

Nhiệm vụ đánh một trận nhỏ đầu tiên để rút kinh nghiệm, được trao cho một tổ tự vệ chiến đấu.

Bữa đó, anh em đang làm việc ở trụ sở chính của tự vệ chiến đấu tại phố Trần Hưng Đạo, thì có tin bọn khiêu khích vừa tập trung ở phố Hàng Đậu. Ba đồng chí được phân công, lập tức giắt vũ khí vào người chạy đi làm nhiệm vụ.

Tổ tự vệ chiến đấu tới Hàng Giấy, thì gặp bọn chúng. Chúng đông chừng vài chục tên, đang dùng loa kêu gọi và phân phát báo trước chợ Đồng Xuân. Hai đầu đường có bọn lính Tưởng đứng gác.

Một đồng chí tự vệ xông vào giữa bọn chúng, hỏi một tên khiêu khích.

- Báo gì đấy?

Nó đáp:

- Báo *Việt Nam*.

- Việt Nam gì? Báo của chúng mày là báo Việt gian!

Đồng chí tự vệ giật chông báo trong tay nó, quẳng xuống đất.

Cuộc xung đột bắt đầu. Đồng bào cũng chỉ chờ có thế, lập tức đổ xô lại. Bị trùng trị bất ngờ, bọn chúng chạy tán loạn. Nhiều đứa lao cả vào nhà dân để trốn. Một đồng chí tự vệ rượt theo một tên. Người trong nhà đưa mắt, chỉ cho anh chỗ nấp bên xó cửa. Anh tới lòi nó ra. Nó lạy van xin tha. Ông chủ nhà bảo nó:

- Lần sau thì phải chừa đi! Cứ phá phách, nói xấu Chính phủ như thế thì dân phố người ta không để yên đâu!

Những tên lính Tưởng đứng gác thấy náo động, gương súng lên trời bắn đoànng đoànng. Không đứa nào rời khỏi ụ cát.

Bọn khiêu khích bị đánh tan. Mấy đồng chí tự vệ chiến đấu hoàn thành nhiệm vụ, làm như người đang dạo chơi, ung dung đi ngang các trạm gác của bọn Tưởng.

Qua vụ này, ta đánh giá được tinh thần của bọn phản động. Ta cũng đo được chừng nào mức độ can thiệp của bọn lính Tưởng. Trước những hành động căm phẫn mà chúng tưởng là phản ứng tự phát của nhân dân đối với bọn tay sai, chúng đối phó một cách bị động và tiêu cực.

Vài ngày sau, bọn phản động lại tổ chức một cuộc biểu tình lớn tại Bồ Hồ. Lần này, lực lượng của ta huy động đông hơn. Chúng ta phát hiện ra chúng sớm. Nhưng bọn

phản động cũng đã chuẩn bị đối phó. Chúng bắn một đồng chí tự vệ. Tội ác của chúng đã gây một sự phẫn nộ lớn. Đồng bào âm thầm đổ tóit. Ai nấy gặp cái gì, vớ cái ấy làm vũ khí, có người giật cả những chiếc khung xe đạp sơn dở trong cửa hàng, xông vào trừng trị bọn phản động. Chúng phải giấu súng, rút cờ biển và loa, chạy tháo thân.

Những cuộc biểu tình thưa đi.

Nhưng bọn phản động lại tăng thêm những vụ bắt cóc, ám sát. Chúng nhằm những người sắp ra ứng cử, những đảng viên cộng sản, cán bộ Việt Minh; những người thuộc tổ chức của chúng nhưng lại tỏ ra có cảm tình với ta, hoặc đã tách khỏi bọn chúng, đi theo cách mạng.

Bọn quân phiệt Tưởng, sau những lần đề nghị không kết quả với ta về việc cải tổ Chính phủ, cũng ra mặt gây thêm áp lực.

Cuối tháng 11 một Pháp kiều bị bắn chết trước Nhà máy Avia. Ta cho mở ngay cuộc điều tra. Từ trước, Chính phủ ta vẫn có một chính sách nhân đạo và khoan hồng đối với Pháp kiều. Trong bức thư gửi cho những người Pháp ở Đông Dương hồi tháng 10, Bác đã nói rõ những người Pháp làm ăn lương thiện và sống yên ổn sẽ được coi như bè bạn.

Ngày hôm sau, Bộ Tư lệnh quân đội Tưởng gửi thư mời Bác tới. Các anh bàn xem Bác có nên đi không. Bác nói:

- Nó đã mời mình, mình cứ tới. Lúc này chúng chưa dám làm gì ta đâu!

Chín giờ sáng, Bác lên xe đi cùng mấy đồng chí bảo vệ.

Bác đến nhà Tiêu Văn. Chu Phúc Thành đã cho người

đón, mời Bác tới chỗ làm việc của hắn ở phía nhà thương Đồn Thủy. Đến nơi, bọn sĩ quan Quốc dân Đảng yêu cầu các đồng chí bảo vệ ngồi đợi phía ngoài, và mời Bác lên gác gặp Chu.

Chúng tôi ở nhà đợi, đến bữa trưa, vẫn chưa thấy Bác về. Chúng tôi tin vào kinh nghiệm ứng phó của Bác, nhưng vẫn lo.

Quá trưa, một đồng chí bảo vệ mang thư của Bác về. Thư để ngỏ. Bác viết vắn tắt bằng chữ Hán: “Anh em ở nhà cứ làm việc. Tôi còn bận một chút!”.

Rõ ràng là có chuyện rắc rối. Bác biết ở nhà sốt ruột, nên tìm cách báo cho chúng tôi hiểu qua tình hình. Đồng chí cầm thư về, nói Bác vẫn ngồi trên gác với Chu.

Chúng tôi bàn cách đối phó trong trường hợp cần thiết, và cử người đến chỗ Chu theo dõi xem sao.

Lát sau, các đồng chí cùng đi với Bác gọi điện thoại về, bảo đưa một chiếc xe đến đón. Không hiểu tại sao lại như vậy? Chiếc xe Bác đi sáng nay đâu?

Mãi đến gần hai giờ chiều, Bác mới về. Mọi người mới hết lo lắng.

Sự việc xảy ra cũng khá rắc rối. Sáng hôm đó, Chu Phúc Thành khăng khăng vu cho một cán bộ của ta đã bắn chết tên Pháp kiều. Người mà chúng buộc tội là anh Sơn, một cán bộ của ta, có chân trong Ban lãnh đạo Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội từ hồi ở Liễu Châu. Bọn tay chân của Chu còn trắng trợn hơn, chúng quả quyết rằng chiếc xe mà “hung thủ” đã dùng chính là chiếc xe của Bác.

Bác đã vạch rõ những chỗ vô lý trong các lời vu cáo của bọn chúng. Người chúng nói là hung thủ thì từ bốn hôm nay, đã về Nam Định công tác. Chu chuyển sang trách cứ chính quyền ta không bảo đảm được trật tự, an ninh. Rồi hấn lại mang chuyện cung cấp gạo nước ra, phàn nàn ta không chịu giải quyết đủ số gạo hấn đã yêu cầu. Chu tìm cách dây dưa hết chuyện này đến chuyện khác, gây một không khí căng thẳng.

Cuối cùng, Chu đuối lý, phải kết thúc câu chuyện. Muốn cho đỡ bẽ mặt và cũng để kéo dài tình hình căng thẳng, hấn đặt vấn đề giữ lại chiếc xe và cả anh Hảo, lái xe, viện lẽ đó là những chứng cứ để tìm ra hung thủ. Mặc dầu ta liên tiếp đấu tranh, mãi đến ba tháng sau, chúng mới chịu thả đồng chí lái xe, còn chiếc xe thì chúng vẫn giữ.

XVI

Bác và Thường vụ thấy cần có một giải pháp với bọn Tưởng. Chúng không hy vọng gì nếu đưa lũ tay sai ra ứng cử. Như vậy, nhất định chúng sẽ còn chống phá tổng tuyển cử đến cùng. Chúng đang đòi ta cải tổ Chính phủ. Ta có thể đồng ý thành lập một Chính phủ liên hiệp lâm thời với sự tham gia của một số người trong bọn chúng. Điều kiện của ta đặt ra là: Chính phủ này phải tổ chức tốt cuộc tổng tuyển cử, thống nhất các lực lượng vũ trang lại và sẽ từ chức khi triệu tập Quốc dân Đại hội. Còn việc Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội không dám ra ứng cử, thì ta sẽ đề nghị với Quốc hội sau này dành một số ghế.

Ta nêu những điều kiện này với Tiêu Văn. Đang bí cách giải quyết, Tiêu Văn ưng thuận. Nguyễn Hải Thần cũng phải bằng lòng. Riêng bọn Việt Nam Quốc dân Đảng, lúc đầu không nghe. Nhưng rồi khi ý kiến của tất cả các quan thầy đã là như thế, chúng cũng phải theo. Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội và Việt Nam Quốc dân Đảng hứa sẽ không phá tổng tuyển cử nữa.

Ngày 19-12, Chính phủ lâm thời công bố tổng tuyển cử sẽ được tiến hành vào mồng 6-1-1946.

Chúng ta đã vượt qua một khó khăn lớn. Nhưng một số cán bộ không hoàn toàn thông suốt với cách giải quyết này. Có đồng chí khi nghe tin Nguyễn Hải Thần sẽ giữ một chức vụ cao trong Chính phủ, vội chạy tới, xin được gặp Bác, nêu thắc mắc. Bác không giải thích nhiều, chỉ hỏi:

- Phân có dơ không? Nhưng dùng bốn lúa tốt, thì có dùng không?

Mồng 1-1-1946, danh sách Chính phủ liên hiệp lâm thời được công bố trên các báo chí. Nguyễn Hải Thần giữ chức Phó Chủ tịch. Người của Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội giữ hai bộ: Bộ Kinh tế và Bộ Vệ sinh.

Chiều hôm đó, Chính phủ mới làm lễ tuyên thệ nhậm chức tại Nhà hát Lớn thành phố.

Bác đọc bản tuyên ngôn đoàn kết của các đảng phái, và nêu lên những chính sách của Chính phủ, trong đó có các điểm:

- Làm cho cuộc tuyển cử trên toàn quốc đạt được kết quả mỹ mãn.

- Thống nhất các cơ quan hành chính theo nguyên tắc dân chủ.

- Thống nhất các bộ đội vũ trang dưới quyền chỉ huy của Chính phủ. Các đảng phái không được có quân đội riêng...

Trong lời tuyên bố ra mắt, Nguyễn Hải Thần nói: “Là một người lãnh đạo quốc dân mà ngày nay mới đoàn kết thực là có lỗi với quốc dân”. Y hứa “sẽ mang quân bản bộ vào Nam Bộ cùng đồng bào chống xâm lăng”.

Ba vạn nhân dân Thủ đô đã kéo tới tập trung kín cả Quảng trường Nhà hát Lớn. Bác mời các vị trong Chính phủ, cùng ra gặp đồng bào. Những tiếng hô “Hồ Chủ tịch muôn năm” vang lên không ngớt, khi Bác xuất hiện ở bao lớn.

Bác chúc mừng đồng bào nhân ngày đầu năm dương lịch và nói về việc thành lập Chính phủ liên hiệp lâm thời. Sau đó, Bác giới thiệu với đồng bào Phó Chủ tịch mới.

Nguyễn Hải Thần bước ra nói chuyện. Không hiểu lúng túng thế nào, y buột miệng tuôn ra mấy tiếng bạch thoại.

Tôi đứng gần đó, giật áo y, hỏi:

- Cụ nói cái gì thế?

Anh Trần Huy Liệu cũng đứng đấy, kéo tay tôi, nói nhỏ: “Anh mặc hấn! Hấn nói gì cứ để cho hấn nói”.

Bác chỉ thị tìm ngôi nhà thật tốt cho Nguyễn Hải Thần. Bác nhường luôn cả cho y chiếc ô tô Bác vẫn dùng hằng ngày.

Mấy hôm sau, Chính phủ liên hiệp lâm thời ra mắt các viên chức nhà nước tại Bắc Bộ phủ.

Nguyễn Hải Thần đi xe tới. Theo sau y là một trung đội lính hộ vệ, súng cầm tay, đạn đeo đầy người, chân cũng quấn xà cạp y như quân của Lư Hán.

Trong buổi tiệc trà liên hoan, bằng một giọng thân mật, Bác nói:

- Hôm nay, tôi trân trọng giới thiệu với gia đình ta một cô dâu mới: Cụ Phó Chủ tịch Nguyễn Hải Thần...

Nguyễn Hải Thần đứng lên với vẻ thỏa mãn hiện ra mặt.

- Tôi bôn ba hải ngoại mấy chục năm, giờ về đây, có cái nhà cao, cái cửa rộng thế này, thật sung sướng quá...

Đang lúc say sưa, dường như cũng muốn mua vui cho mọi người, y lại nói:

- Tới đây... tôi cũng ra mắt làm một quẻ bói giúp Cụ Hồ Chí Minh xem hậu vận ra sao.

Không một ai hưởng ứng câu nói lạc lõng của y.

XVII

Hà Nội từng bừng chuẩn bị cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên trong lịch sử đất nước.

Các đoàn thể chính trị mở những cuộc tuyên truyền rầm rộ cho những ứng cử viên của mình. Khẩu hiệu vận động xuất hiện trên tường, trên các băng vải chằng khắp nơi. Những chiếc xe hoa làm rộn ràng cả thành phố. Trên xe, các nam nữ thanh niên mặc quần áo trá hình đánh trống, hòa nhạc, gọi loa giới thiệu các ứng cử viên với đồng bào. Báo chí liên tiếp ra những số đặc biệt vận động tuyển cử.

Từ nhiều nơi, đồng bào viết thư về, đề nghị Bác không cần ra ứng cử ở một tỉnh nào, nhân dân cả nước sẽ bỏ phiếu cử Bác vào Quốc dân Đại hội. Ai cũng muốn được ghi tên Bác đầu tiên trên lá phiếu của mình. Bác đã viết một bức thư ngắn trả lời đề nghị này: "... Tôi là một công dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nên tôi không thể vượt khỏi thể lệ của Tổng tuyển cử đã định.

Tôi ra ứng cử ở Hà Nội, nên cũng không thể ra ứng cử ở nơi nào nữa.

Xin cảm tạ các đồng bào đã có lòng yêu tôi và yêu cầu toàn thể đồng bào hãy làm tròn nhiệm vụ người công dân trong cuộc Tổng tuyển cử sắp tới".

Sáng mồng 6-1-1946. Thành thị, xóm thôn, đâu đâu cũng rực rỡ cờ, đèn và hoa.

Nhân dân không phân biệt giàu, nghèo, già, trẻ, gái, trai nô nức đi tới các nơi bỏ phiếu.

Chẳng phải một sớm một chiều mà có được lá phiếu hôm nay. Lá phiếu của tự do, giành được từ cuộc đấu tranh lâu dài, bằng biết bao máu và nước mắt. Cho tới ngày hôm qua, vì những lá phiếu này, máu vẫn còn phải đổ. Bốn mươi hai cán bộ đã hy sinh tại miền Nam, trong công tác vận động tổng tuyển cử.

Đó là ngày mà những người chủ mới của đất nước sử dụng quyền làm chủ thực sự của mình. Tại thị xã Phúc Yên, một cụ già ngót 100 tuổi bảo cháu dắt tới nơi bầu cử. Cụ yêu cầu ban tổ chức kể cho nghe lai lịch và thành tích của từng ứng cử viên. Cụ nâng niu lá phiếu, cân nhắc hồi lâu, rồi mới quyết định bỏ cho những ai. Những người trẻ tuổi thấy giá trị lá phiếu của mình ở chỗ nó chứa đựng những hy vọng, những ước mơ, ở tất cả những gì nó sẽ đem lại trong tương lai. Người già còn biết thêm ý nghĩa sâu sắc của lá phiếu tự do với những nỗi tủi nhục của những năm dài sống cuộc đời nô lệ.

Có người mù vẫn đòi đưa tới tận nơi bầu cử, để hưởng trọn vẹn niềm vui hạnh phúc tự tay bỏ vào hòm phiếu, lá phiếu của mình.

Tổng tuyển cử thực sự là ngày hội của mọi người. Nhiều nơi, đồng bào tổ chức những cuộc rước đèn, rước đuốc, rước ảnh Bác Hồ, diễn kịch, liên hoan.

Tuy vậy, các lực lượng tự vệ vẫn phải ráo riết đề phòng bọn phá hoại.

Ngay tại Hà Nội, mặc dầu đã có những thỏa thuận, bọn Việt Nam Quốc dân Đảng vẫn mang cả tiểu liên đến Ngũ Xã, ngăn không cho đặt hòm phiếu. Chúng cấm cả nhân dân treo cờ. Đồng bào Ngũ Xã đã kéo sang khu phố Nguyễn Thái Học ở gần đó để bỏ phiếu.

Tại Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ, cuộc tuyển cử diễn ra dưới bom phá, bom lửa và đạn liên thanh của quân thù. Ở các vùng tạm chiếm như Sài Gòn, Chợ Lớn, Mỹ Tho, cũng đều có người ra ứng cử. Một số đồng bào ở Tân An, Khánh Hòa bị thương và bị chết vì máy bay địch ném bom vào nơi bỏ phiếu. Ngay cả nhiều nơi địch khủng bố, trên dưới chín mươi phần trăm cử tri vẫn dũng cảm thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ công dân của mình.

Bác bỏ phiếu ở một ngôi nhà trước Trường Hàng Vôi, phố Bắc Ninh¹, Hà Nội.

Buổi sáng, trời lạnh se.

Bác xuất hiện với bộ kaki giản dị giữa những cử tri mặc quần áo mùa đông ngày hội. Người bước vào phòng bỏ phiếu, nét mặt tươi vui. Sau 35 năm cùng với cả dân tộc lao mình vào cuộc đấu tranh quyết liệt với kẻ thù, hôm nay, Người cùng với đồng bào nhận lá phiếu đầu tiên của người công dân một nước độc lập.

Nghe tin Chủ tịch Hồ Chí Minh đến, chỉ phút chốc, nhân dân ở chung quanh đã kéo tới, đứng kín trước phòng bỏ phiếu. Khi Người ra, tiếng vỗ tay và hoan hô nổi lên hồi lâu. Bác giơ tay vẫy chào đồng bào, rồi tiếp tục đi thăm một

1. Nay là phố Nguyễn Hữu Huân.

số nơi bầu cử tại các phố Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Trống và làng Hồ Khẩu ở ngoại thành. Người muốn hòa mình vào với đồng bào trong một ngày vui lớn của đất nước.

Quyền lợi và nghĩa vụ công dân đó, Bác rất coi trọng. Tháng Ba năm ngoái¹, Hà Nội tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân. Mặc dầu hồi đó Bác đã yếu, Bác vẫn cố gắng đi đến nơi đặt hòm phiếu tại khu phố Ba Đình. Mọi người ùa cả lại. Trước khi viết phiếu, Bác tươi cười nói đồng bào hãy lui ra để bảo đảm nguyên tắc bí mật đã quy định. Người đã bỏ lá phiếu để tuyển lựa những đại biểu Hội đồng nhân dân khu phố vào mùa xuân lần thứ 79 của Người.

Trong cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên của đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ứng cử tại Hà Nội và đã thu được 98,4% số phiếu.

Nhân dân cả nước từ Bắc chí Nam, đã cử ra 333 đại biểu vào Quốc dân Đại hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

1. Năm 1969.

XVIII

Giữa tháng 1, tôi được Chính phủ phái vào Nam công tác một chuyến ngắn ngày. Để bảo vệ chính quyền còn non trẻ của ta, Trung ương nhận thấy cần phải đẩy mạnh kháng chiến chống Pháp tại Nam Bộ và Nam Trung Bộ, giành cho được những thắng lợi quan trọng. Đồng thời, nhân dân ta trong cả nước phải chuẩn bị thật tích cực cho một cuộc kháng chiến lâu dài, đề phòng kẻ thù mở rộng chiến tranh. Chuyến đi này cũng là để truyền đạt quyết tâm lớn của Trung ương.

Báo chí ở Hà Nội vừa ra số đặc biệt về một trăm ngày kháng chiến.

Trước ngày 23-9, bọn quan cai trị cũ tại Sài Gòn quá quyết: cứ nổ súng là dân “bản xứ” mà chúng biết rõ từ lâu, sẽ tan tác như bầy chim sẻ. Cũng với ý nghĩ đó, những tên lính bộ binh thuộc địa vừa ra khỏi trại tù của Nhật, lập tức xả súng bắn vào đồng bào ta. Một số tướng lĩnh thực dân coi cuộc hành quân tại bán đảo Đông Dương này chỉ là một cuộc diễu binh.

Sự thử thách rất quyết liệt.

Một bên là đội quân nhà nghề của một tên đế quốc già

đòi, do một trong những viên tướng có tiếng tăm của nước Pháp chỉ huy. Chúng có đủ vũ khí hiện đại: máy bay, tàu chiến, xe bọc thép, đại bác, liên thanh. Cái “đội quân viễn chinh đẹp đường kia” như lời Đácgiăngliô đã nói, lại được bọn can thiệp Anh và mấy vạn quân Nhật giúp sức.

Một bên là những người dân chỉ có vũ khí thô sơ và một quyết tâm chiến đấu đến cùng, để bảo vệ đất nước.

Qua 100 ngày trong lửa đạn, Nam Bộ và Nam Trung Bộ vẫn đứng vững. Gậy tầm vông vát nhọn đã tỏ ra mạnh gấp bội những khẩu súng thần công của vua quan triều Nguyễn.

Trong cuộc cướp nước lần trước, quân Pháp chỉ cần dùng những viên đại bác bắn thủng mấy bức thành, là có thể thu phục cả một vùng đất đai. Lần này, chúng đã vấp phải bức tường thép không thể phá vỡ của những người dân không chịu trở lại cuộc đời nô lệ.

Với sức mạnh của những đoàn xe bọc thép, chúng có thể đi đến một số tỉnh tại Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ. Nhưng điều quan trọng: cuộc kháng chiến không hề bị dập tắt. Nó vẫn nổi lên mạnh mẽ khắp nơi, nó tiếp diễn ngay ở trong lòng các thành phố, thị trấn mà địch tưởng là đã thu phục được.

Trước giờ phút sống còn của Tổ quốc, nhân dân ta đã nhanh chóng tìm ra cách đánh của mình. Kẻ thù ngỡ ngác trước những hiện tượng mới của chiến tranh. Đó là những thành phố, thị trấn do chính bàn tay những người đã xây dựng nên phá trụi, những xóm làng dân cư thực hiện bất hợp tác triệt để, chỉ còn vườn không nhà trống, những chiếc cầu bị sập, những con đường bị băm nát. Đó là

những chiến sĩ quyết tử chiến đấu bằng bất cứ thứ vũ khí gì họ có trong tay, mìn bom rơi, đạn nổ, vẫn bám sát từng góc phố, từng chiến hào. Điều khó chịu nhất đối với chúng là những địch thủ thường là vô hình, luôn luôn ở chung quanh, có thể bất cứ lúc nào kết liễu đời chúng.

Vùng nông thôn rộng lớn ở Nam Bộ vẫn nằm trong tay ta. Nhiều khu căn cứ du kích được xây dựng. Ta đã có những căn cứ lớn tại vùng Đồng Tháp Mười và rừng U Minh. Một số căn cứ ở sát ngay các thành phố, đô thị.

Quân địch đổ bộ ra Nha Trang hồi cuối tháng 11 bị bộ đội và nhân dân địa phương cùng một số chi đội Nam tiến vây chặt trong thành phố. Âm mưu địch định tấn công ra Khánh Hòa bị chặn đứng.

Đồng bào Kinh, Thượng cùng với các đội quân Nam tiến đã giành giật từng buôn, làng với địch tại Tây Nguyên. Bộ đội ta đã chiếm lại thị xã Buôn Ma Thuột trong tay giặc Pháp, làm chủ suốt mười ngày vào trung tuần tháng 12.

Chiến tranh du kích diễn ra khắp nơi, ở mỗi làng, mỗi xóm, dọc các đường giao thông chiến lược, ở ngay cả những thành phố, thị trấn nằm sâu trong lòng địch.

Một số nhà quân sự thực dân trước đây rất lạc quan đối với tiền đồ của cuộc chiến tranh xâm lược. Chúng đã cả tin vào một bài toán số học: “Những người kháng chiến chỉ có rất ít súng. Về đạn dược, họ càng có ít hơn. Khi họ bắn hết đạn - chắc là chỉ trong một thời gian ngắn - thì mọi cuộc chống cự sẽ kết thúc”. Qua hơn 3 tháng trời chiến đấu của nhân dân ta, tương lai đối với bọn xâm lược đã ngã

sang màu xám. Chúng bắt đầu nhận ra thế nào là sức mạnh của cả một dân tộc vùng lên chiến đấu cho sự sống còn của đất nước.

Kẻ địch đã nhìn thấy nguy cơ của một cuộc chiến tranh kéo dài. Chúng đang xin gấp viện binh từ Pháp sang. Từ đầu năm 1946, địch liên tiếp mở những cuộc càn quét dữ dội vào vùng cơ sở của ta tại Nam Bộ. Chúng đang dồn sức để lấn chiếm thêm một số tỉnh ở Nam Trung Bộ, chuẩn bị thực hiện những âm mưu mới.

Tôi rời Hà Nội ngày 18-1, một buổi chiều có nắng ấm. Trước khi chúng tôi lên đường, một lần nữa, Bác dặn nhỏ chuyển lời thăm của Bác tới đồng bào chiến sĩ, cán bộ, hện khi có dịp, Bác sẽ vào thăm. Bác dặn phải cảnh giác và giữ bí mật. Đó cũng là điều Bác thường nhắc nhở chúng tôi trước mỗi lần đi công tác.

Ra khỏi Hà Nội, đã thấy không khí đổi khác. Vắng bóng lưỡi lê của quân Tưởng, đất nước hiện ra trong lành, rạng rỡ, chan hòa ánh sáng độc lập, tự do. Biểu ngữ, khẩu hiệu “Ủng hộ cuộc kháng chiến anh dũng của đồng bào Nam Bộ” xuất hiện khắp nơi. Mặc dầu không phải ngày hội, nhưng các làng xóm, phố xá, trên cả những cánh đồng, đâu đâu cũng thấy cờ đỏ sao vàng. Ở mỗi ngã ba, thị trấn dọc đường đều có trạm gác của dân quân.

Lâu ngày lại mới có dịp trở về phần đất ở phía nam của Tổ quốc. Chuyến đi này khác với những chuyến vào Nam trước đây, hồi còn hoạt động bí mật. Cùng với cả nước, miền Nam đã đổi mới và đang chiến đấu. Xe phóng nhanh, trên quốc lộ số 1. Mùi xăng, tiếng còi xe gọi nhớ

những chặng đường xa. Nghĩ đến đồng bào, chiến sĩ đang lao vào cuộc chiến đấu quyết liệt với kẻ thù phía trước, mà lòng rộn ràng.

Đọc đường, gặp nhiều đoàn quân Nam tiến. Những người con của miền Bắc, miền Trung vẫn tiếp tục ra đi. Cán bộ, chiến sĩ nhiều lứa tuổi khác nhau. Hầu hết các chiến sĩ mặt trẻ măng. Với số đông, đây là lần đầu đi chiến đấu. Và chắc đây cũng là lần đầu, nhiều người được đi tới những miền xa xôi của đất nước. Những giờ phút quan trọng này đối với cuộc đời của mỗi con người, chắc chắn sẽ trở thành những kỷ niệm không bao giờ phai nhạt. Trên đường tới các sân ga, các chiến sĩ, súng đạn, hành lý trĩu nặng trên vai, vừa đi vừa hát. Những đoàn tàu tốc hành chở đầy bộ đội, âm âm chạy về phía nam, mang theo tiếng hát, tiếng cười và những bàn tay vẫy gọi. Những ngày vui ra trận đang sống lại trong đời sống của dân tộc. Nhiều lần, tôi dừng xe lại dọc đường, nói chuyện với anh em các đoàn quân Nam tiến.

Hôm sau, tới Nghệ An, sông Lam, núi Hồng Lĩnh đẹp như tranh. Khắp thành phố Vinh, đâu đâu cũng thấy tập quân sự, múa đại đao, ném lựu đạn, bắn súng, già, trẻ, gái, trai, súng gõ trên vai, sắp hàng đi đều “một hai”. Phải chăng đây là những người xích vệ mười lăm năm trước, hôm nay, đang đứng chung hàng với con em mình.

Các đồng chí ở Nghệ An đều hỏi thăm bao giờ Bác vào.

Bác có một tình cảm rất sâu sắc đối với quê hương. Người yêu từ chiếc quạt lá tro đến hàng rào bông bụt của quê nhà. Chúng ta có thể thấy được tình yêu đó, qua lần Bác

trở về làng Sen. Sau 52 năm đàng đẵng xa quê, Bác vẫn tìm thấy ngay con đường cũ, cái cổng ngày xưa giữa xóm làng, nhà cửa đã đổi mới. Bác nhớ từ cây cột treo chiếc võng trong nhà, mẹ vẫn thường nằm, đến vị trí của từng cây chanh, cây bưởi ngoài vườn.

Tất cả chúng tôi khi đó không ai nghĩ phải tới 12 năm sau, Bác mới có dịp trở lại quê nhà.

Hôm sau, lên đường sớm. Qua Đèo Ngang, lại nhìn thấy những cánh đồng quen thuộc, dài và hẹp, những cồn cát trắng của Quảng Bình, những cồn cát rất đẹp, rất miền Trung.

Đồng Hới nhỏ xinh, nhiều kỷ niệm, nằm bên dòng Nhật Lệ, đang rộn ràng tiếp đón những đoàn quân Nam tiến đi vào, và tiễn đưa chính những con em của mình ra trận. Tại đây, gặp lại rất đông anh em, bà con, chuyện nước, chuyện nhà suốt chiều và tối không dứt.

Ngày 20, vô Huế.

Vùng ngoại ô của thành phố hiện ra với những ngôi nhà xinh xắn, những vườn chè tươi tốt. Xe chạy giữa hai rặng cây ngô đồng mọc rất đều và thẳng, như sắp hàng bên đường nhựa.

Đi khỏi quãng thành ngoài ở mặt Tây môn, đã nhìn thấy sông Hương êm đềm dưới ánh nắng chiều. Núi Ngự cao cao sau khu người Âu ở cũ. Sông núi này đã là của ta. Cờ đỏ sao vàng tung bay trên đỉnh cột cờ cao ngất ở thành nội, sau Phú Văn Lâu. Vệ quốc quân đứng gác trước cửa thành.

Trong thành, những dinh thự, những ngôi nhà trọ của

các quan thị lang, tham tri ngày trước, đã trở thành những cơ quan của chính quyền, mặt trận. Tôi gặp anh Nguyễn Chí Thanh tại trụ sở Việt Minh. Tôi nói lại anh Thanh rõ chủ trương của Bác và Thường vụ. Hai anh em cùng trao đổi ý kiến, bàn bạc công việc, hàn huyên kể lại cho nhau nghe những đổi thay của đất nước từ sau ngày gặp nhau lần đầu, ở Đại hội Tân Trào.

Huế phong kiến đã trở thành dĩ vãng. Những đám rêu xanh trên tường lục bộ vẫn còn, nhưng cách mạng đã đem đến biết bao thay đổi. Cái hủ bại, cái bê trệ đã nhường bước cho cái mới, cái tiến bộ. Huế độc lập xinh đẹp, tươi sáng.

Tối đây, đã thấy hùng hực không khí kháng chiến. Huế lúc này là hậu phương trực tiếp của nhiều mặt trận. Cán bộ ở mặt trận Nam Bộ, Nam Trung Bộ, mặt trận Lào về. Người ra công tác. Người ra chữa bệnh. Thương binh cũng được chuyển về đây. Nhiều người bệnh chưa thực khỏi, vết thương chưa lành hẳn, đã nặng nề đòi trở ra mặt trận. Vệ quốc quân luyện tập ngày đêm, tranh thủ từng giờ, từng phút trước khi chiến đấu. Ở bất kỳ cơ quan nào, nhà nào, người nào, cũng thấy sự bận rộn chăm lo cho kháng chiến. Tại đây, bọn đảng phái phản động không có đất để hoạt động. Các quan quân Tưởng cũng tỏ ra biết điều hơn, không dám giở những trò ngang ngược.

Anh chị em xúm quanh hỏi thăm sức khỏe của Bác, tin tức miền Bắc, tình hình chống phá của quân Tưởng và bọn phản động tại Thủ đô. Nhiều người nói lại khi được tin Bác trúng cử tại Hà Nội với số phiếu cao nhất, đồng bào Huế rất phấn khởi.

Huế là nơi Bác đã ở trong những ngày thơ ấu và buổi thiếu thời.

Vào những năm cuối của thế kỷ trước, khi còn là một cậu bé để trái đào, Bác đã tới Huế với gia đình. Cụ phó bảng sinh ra Bác ngày đó mới thi đỗ, được gọi vào kinh đô. Cũng tại đây, năm 1900, trong một căn nhà nhỏ trước Viện đô sát, cậu Cung - tên gọi của Bác lúc còn nhỏ - đã chứng kiến những phút cuối cùng của bà mẹ. Sau khi mẹ mất, cậu Cung trở về Nam Liên.

Năm năm sau, trở lại Huế, cậu Cung đã trở thành anh thanh niên Nguyễn Tất Thành.

Vào thời kỳ này, phong trào đấu tranh tại Huế rất sôi nổi. Pháp buộc Thành Thái phải nhường ngôi cho con là Duy Tân, khi đó mới lên 8 tuổi. Đồng bào các nơi kéo về Huế biểu tình mấy ngày liền, đòi giảm thuế. Pháp đưa lính Tây từ đồn Mang Cá lên, xả súng bắn vào những người dân tay không. Nhiều người bị đẩy xuống sông. Máu đỏ đỏ loang trên cầu Tràng Tiền.

Ở đây, anh thanh niên Nguyễn Tất Thành bắt đầu ra đi chặng “đường xa muôn dặm”.

Trước ngày tới Huế một tháng, anh Lê Văn Hiến cũng được Chính phủ phái vào Nam công tác, đã qua Huế. Theo lời căn dặn của Bác, anh Hiến đã tới thăm bà Thành Thái và bà Duy Tân.

Hai bà vợ của những ông vua nhà Nguyễn bị thực dân Pháp truất phế, rất bất ngờ và cảm kích trước sự quan tâm của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bà Thành Thái nói từ khi Chính phủ ta lên, hằng ngày tụng kinh, bà đã thay những

lời cầu chúc hoàng tộc bằng lời cầu chúc cho Chính phủ Cự Hồ. Người con dâu của bà, vợ vua Duy Tân, nói là từ ngày chồng bị Pháp đưa đi đày đến giờ, bà không hề được hoàng tộc nhòm ngó tới.

Tôi ở lại Huế hai ngày, bàn bạc với các anh việc thi hành những chỉ thị của Trung ương, thực hiện quyết tâm đẩy mạnh cuộc kháng chiến ở Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ, ráo riết chuẩn bị trường kỳ kháng chiến, đề phòng giặc Pháp mở rộng chiến tranh ra cả miền Trung.

XIX

Suốt dọc đường đi vào, đâu đâu đồng bào cũng yêu cầu nói về tình hình sức khỏe và những hoạt động của Bác, tỉnh nào cũng hỏi thăm bao giờ Bác về. Các đồng chí lãnh đạo địa phương thì băn khoăn về sự chống phá của quân Tưởng và bọn tay sai ở Hà Nội, e ngại những nguy hiểm có thể xảy đến với Bác và Trung ương. Trong các buổi mít tinh, nơi nào cũng có những thanh niên và thiếu niên hỏi vì sao đơn vị mình chưa được lệnh Nam tiến.

Càng đi về phía Nam, không khí kháng chiến càng sôi nổi.

Tinh thần của đồng bào hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi rất cao. Ai cũng nói quyết tâm đánh Pháp, cũng đòi ra mặt trận diệt quân thù. Các cô gái đều cắt tóc ngắn. Hoạt động của kẻ địch, của bọn phản động, cái tơ cái tóc cũng không qua mắt nhân dân.

Tại Quảng Nam, cứ 100 Vệ quốc quân thì đã có 37 người đi chiến đấu ở miền Nam.

Quảng Ngãi là nơi bộ đội đi chiến đấu đạt tỷ lệ cao nhất. Cứ một trăm chiến sĩ thì có 85 người đã đi các mặt trận, chỉ còn 15 người ở lại tỉnh.

Tiếp sau buổi làm việc với các đồng chí lãnh đạo

Quảng Ngãi, là cuộc mít tinh rất sôi nổi của đồng bào tại sân vận động. Tối hôm ấy, tôi ghi vào nhật ký đi đường: “Đó là tinh thần độc lập bất tử của dân Việt. Với một dân khí như thế, nước Việt Nam ta nhất định phải hoàn toàn độc lập và thống nhất”.

Quảng Nam và Quảng Ngãi rất phấn khởi khi nghe truyền đạt những chỉ thị mới của Bác và Trung ương. Đồng thời với việc tích cực chuẩn bị kháng chiến lâu dài khi chiến tranh lan tới, các đồng chí lãnh đạo ở hai tỉnh bàn bạc ngay việc gửi thêm bộ đội ra mặt trận.

Mỗi làng xóm nhỏ nhỏ bên đường đều như trỗi dậy, quật cường hẳn lên với những hoạt động của dân quân.

Đâu đâu cũng thấy dân quân. Áo vải, quần nâu bình dị. Trong tay khi thì khẩu súng, khi là thanh mã tấu, khi chỉ một cây tre vát nhọn, nhưng khí thế lạ thường.

Ngày 23, tôi tiếp tục từ Quảng Ngãi đi vào cùng anh Dục. Gần tới Bình Định, thoáng thấy một đồng chí dân quân đứng chia súng bên đường. Chắc là ở đây có trạm gác. Xe đang chạy nhanh. Cũng nghĩ là qua lại đã quen, anh Dục bảo đồng chí lái xe cứ tiếp tục đi. Chợt nghe đạn réo và tiếng súng nổ phía sau. Biết không thể vội được chúng tôi cho xe dừng lại.

Mọi người vừa xuống xe thì hai anh dân quân chạy tới, hỏi tại sao dám vượt qua trạm gác, và đòi xem giấy tờ. Chúng tôi nhận khuyết điểm. Anh Dục đưa giấy giới thiệu, trong đó có ghi chức vụ của anh là Chủ tịch Ủy ban hành chính Trung Bộ. Đồng chí dân quân cầm giấy xem hồi lâu, rồi hỏi với một giọng đường đường như vẫn còn bực:

- Xã “Trung Bộ” ở mô?

Chúng tôi phải giải thích một lúc. Khi nghe xong, anh dân quân mới dịu nét mặt, trả lại giấy tờ để chúng tôi đi. Lên xe vừa vui vừa cảm phục. Để nâng cao trình độ học vấn cho những người dân vừa thoát khỏi chế độ nô lệ, cách mạng còn phải có thời gian. Nhưng về mặt tinh thần, khí phách cho những người chủ mới, thì đúng là nó làm được khá nhiều.

Phong trào tòng quân tại Bình Định rất sôi nổi. Trong thành phố Quy Nhơn, có cả một đơn vị thủy quân gần một trăm chiến sĩ. Nhiều thanh niên gái cũng vào bộ đội. Bình Định có hai xưởng chế tạo, sửa chữa vũ khí, một trăm rưỡi công nhân làm việc ngày đêm.

Tôi đi Ninh Hòa với anh T.2 (Tđo)¹. Ở Ninh Hòa đã thấy không khí mặt trận. Giặc Pháp vừa huy động một vạn rưỡi quân, trong đó có binh đoàn xe bọc thép, từ hai phía Sài Gòn và Buôn Ma Thuột tiến đánh Di Linh và Đà Lạt.

Tôi tới trụ sở Ủy ban quân sự Khu VI giữa lúc đồng chí Khu trưởng ra lệnh cho một đội dân quân cảm tử lên tăng viện cho mặt trận Madrắc. Suốt ngày hôm đó, địch tấn công. Những xe bọc thép của chúng đang định thọc qua Madrắc, tiến xuống Ninh Hòa. Các đơn vị ở mặt trận báo cáo về bằng điện thoại. Các đồng chí Nam Long và Hữu Thành đang chiến đấu tại Madrắc. Nghe tin tôi tới đây, đồng chí Nam Long gọi điện thoại về. Chúng tôi chưa kịp nói chuyện thì địch đánh tới, đường dây bị cắt.

1. Đồng chí Phạm Kiệt.

Hai ngày sau, chúng tôi tới Khánh Hòa vào buổi chiều.

Giặc Pháp đang tấn công phía Nha Trang. Máy bay địch lượn ở Khánh Hòa, thả bom và bắn liên thanh xuống thành phố. Pháo cao xạ ta bắn lên. Các đồng chí chỉ huy mặt trận về báo cáo tình hình, bàn kế hoạch tác chiến, rồi lại vội vã ra đi. Nhà bên cạnh, một phân đội Vệ quốc đoàn hát *Tiến quân ca*. Trẻ con vẫn nô đùa trên sân. Chỉ những khi máy bay địch rít ngay trên đầu, các em mới chịu nhảy xuống những hố cá nhân đào còn nông hoản. Những chiếc xe vận tải ngụy trang bằng lá cây, chở bộ đội ra tăng viện. Các chiến sĩ ngồi trên xe hô vang khẩu hiệu: “Quyết chiến! Quyết chiến!”. Phía Nha Trang, đại bác địch vẫn nổ âm âm, xen lẫn những tiếng súng cối của ta bắn trả. Ở Khánh Hòa, chúng tôi đã nhận được thêm nhiều tin tức về tình hình khẩn trương của mặt trận Nam Bộ.

Đúng là địch đang tìm cách giải vây cho Nha Trang, cố gắng đánh chiếm thêm một số tỉnh dọc bờ biển Nam Trung Bộ, cắt con đường tiếp viện từ miền Bắc vào.

Ở đây, đã thấy rõ vì sao Nam Bộ và Nam Trung Bộ đã đứng vững qua bốn tháng trời trước lửa đạn. Về cách đánh địch, chúng ta đã rút ra được, và dĩ nhiên còn phải tiếp tục rút thêm, những kinh nghiệm xương máu. Nhưng điều đã thấy được rõ ràng, là cái tinh thần “thà chết tự do hơn sống nô lệ” ở mỗi người dân. Nam Trung Bộ đang ở vào những giờ phút khó khăn. Với tinh thần đó, nhất định Nam Trung Bộ sẽ cùng Nam Bộ mãi mãi đứng vững và sẽ chiến thắng.

Tôi chỉ mới tới được Khánh Hòa thì có điện của Bác gọi quay ra.

Trở lại Sông Cầu, tới Quy Nhơn, chúng tôi rẽ lên thăm mặt trận Tây Nguyên.

Tới An Khê, một vùng cao nguyên mênh mông hiện ra trước mắt. Nơi đây, xưa kia, Nguyễn Huệ đã dựng cờ khởi nghĩa.

Qua đèo Mang Giang, đến Plâyku. Đồng bào tỉnh Plâyku phần lớn là người dân tộc Gia Rai. Tại tỉnh lỵ, có nhiều người Kinh. Bộ đội đã chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, đóng quân dã chiến ngoài thị xã. Chúng tôi dừng lại Plâyku nói chuyện với đồng bào và bộ đội. Các chiến sĩ đều sục sôi khi nghe kể những gương chiến đấu ở mặt trận, và tỏ vẻ nóng lòng chờ đến giờ phút được tiêu diệt quân thù.

Buổi trưa, đi tiếp lên Kon Tum. Một năm trước, vùng núi non hiểm trở này còn là nơi giặc Pháp giam cầm những người hoạt động cách mạng. Đồng bào Kon Tum thuộc các dân tộc Ê Đê, Gia Rai, Xê Đăng... Bộ đội đóng quân một phần trong thị xã, một phần ở ngoài. Đồng bào các dân tộc kéo tới gặp đại biểu Chính phủ ở tòa sứ cũ tại thị xã, cạnh một con suối. Trong những người đến dự mít tinh, có cả một linh mục. Mọi người đều nói đến *Bác Hồ* và hỏi thăm sức khỏe của Bác. Hình ảnh Bác Hồ đã đến sớm với đồng bào Tây Nguyên chất phác, và sẽ ngày càng sâu đậm trong lòng các dân tộc.

Tại đây, tôi gặp lại đồng chí Đức Thanh, một thanh niên dũng cảm của núi rừng Pác Bó, đã từng được Bác Hồ trực tiếp dạy dỗ. Anh tới Tây Nguyên với bộ đội Nam tiến. Ít lâu sau, được tin đồng chí Đức Thanh đã hy sinh trong một trận chiến đấu để cùng với đồng bào các dân tộc ở đây bảo vệ rừng núi Tây Nguyên.

Chúng tôi nghỉ lại Kon Tum đêm hôm đó; sáng sau, quay ra sớm theo đường An Khê.

Tối 30 Tết, xe đến chân đèo Hải Vân. Nhìn qua cửa kính, là biển, là sương. Giữa cảnh biển trời bao la vô định, lập lòe ẩn hiện một ánh đèn. Không biết đó là ánh đèn của một chiếc thuyền chài ra khơi về muộn hay là ngọn đèn của một túp lều tranh trên đảo Sơn Trà.

Xe lên đèo, trời bắt đầu mưa. Một bên là vực sâu. Một bên là vách đá dựng đứng. Gió rừng hun hút. Đèo này nổi tiếng hiểm trở: “Một người giữ ải, muôn người khó qua”. Trong thế kỷ trước, Nguyễn Xuân Ôn, Nguyễn Thông, những sĩ phu yêu nước Việt Nam ôm hận chống Pháp không thành, khi qua đây đã đề thơ. Một tên lính Tưởng hiện ra bên đường, yêu cầu dừng xe lại để kiểm soát. Xem giấy xong, chúng để xe đi. Ở các tỉnh miền Trung này, các quan Tưởng đều giữ một thái độ phải chăng.

Sương mù dày đặc. Trời mưa mỗi lúc một to. Đèn pha ô tô rọi không quá mũi xe năm, sáu mét.

Chỉ mấy tháng trời mà biết bao đổi thay. Một người nước ngoài biết những hoạt động của ta tại chiến khu trước ngày Tổng khởi nghĩa, đã nói: “Cuộc đời của các anh thật là ly kỳ, đẹp đẽ. Một tuần trước còn là những người bí mật, len lỏi trong chốn rừng xanh. Một tuần sau, đã về giữa Thủ đô, người làm việc này, người làm việc kia. Nếu tôi có tài viết văn, tôi sẽ viết câu chuyện của các anh”. Bánh xe lịch sử dường như quay tít. Đối với mỗi người cách mạng, mỗi ngày, mỗi giờ lúc này sao quá ngắn. Bước chân của thời gian đang vội vã. Mùa xuân đến với chúng tôi cập rập trên lưng đèo, trong đêm mưa.

Không biết giờ này, Bác và các anh đang làm gì. Tết Độc lập đầu tiên ở Thủ đô chắc là vui lắm. Mười ngày trước, đã nghe thư Bác kêu gọi đồng bào và các đoàn thể làm thế nào chia sẻ cuộc vui chung với các chiến sĩ ngoài mặt trận, với gia đình các chiến sĩ. Chiều hôm nay, khi qua Đà Nẵng, được đọc thư chúc Tết của Bác, Bác đã dành những tình cảm thắm thiết cho các chiến sĩ đang “đốt” thuốc súng để giữ gìn Tổ quốc trong khi đồng bào đốt pháo mừng xuân. Trong thư, Bác có mấy câu thơ:

*Bao giờ kháng chiến thành công,
Chúng ta cùng uống một chung rượu đào.
Tết này ta tạm xa nhau,
Chắc rằng ta sẽ Tết sau sum vầy.*

Lá thư đầu xuân Bác viết chung cho cả nước đó, mỗi người đọc, đều tưởng Bác viết cho chính mình.

Hôm sau, ra tới Huế. Chúng tôi cùng dự buổi mít tinh lớn đón xuân với đồng bào tại bến Thương Bạc. Rừng người, cờ và biểu ngữ rực rỡ. Chiều xuân chan hòa nắng ấm. Tất cả Huế đều có mặt. Đồng bào Huế sôi nổi khi nghe nói tình hình mặt trận, quyết tâm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ là đẩy mạnh kháng chiến, tích cực chuẩn bị kháng chiến lâu dài để phòng địch mở rộng chiến tranh. Những khẩu hiệu “Việt Nam độc lập muôn năm!”, “Hồ Chủ tịch muôn năm!”, “Chuẩn bị trường kỳ kháng chiến!”, “Ủng hộ kháng chiến Nam Bộ!” vang lên như sấm dậy, kết thúc buổi mít tinh. Lần đầu trong lịch sử của Huế, đồng bào ta đón chào mùa xuân bằng những lời hô “Quyết chiến”.

XX

“Một năm mở đầu bằng mùa xuân”. Bác đã viết 3 lá thư gửi đồng bào, chiến sĩ, thanh niên và nhi đồng nhân dịp xuân Bính Tuất. Xuân này lại là xuân mở đầu của những mùa xuân độc lập, tự do trên đất nước. Tết này, theo ý Bác, là Tết thực hành đời sống mới, Tết chia sẻ niềm vui chung của mọi người từ giàu đến nghèo, từ già đến trẻ, Tết nghĩ đến các chiến sĩ đang chiến đấu ngoài mặt trận.

Tối 30 Tết, tại Hà Nội, như thường lệ, những đêm cuối năm, hai bên hè phố, các ngôi nhà, cửa đều khép kín. Đời sống vật chất còn nhiều khó khăn. Nhưng không khí của Tết Độc lập đã đến với mỗi căn nhà.

Dù giàu hay nghèo, nhà nào cũng đều có một bàn thờ Tổ quốc, có cờ nước, chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh, có đèn và hoa. Không còn ai phải lo đến chuyện lễ Tết các “quan trên”, các nhà chức trách, một mối lo phổ biến của những người dân thành thị dưới thời Pháp thuộc. Sau bữa cơm cúng gia tiên, câu chuyện ở mỗi gia đình đã là những câu chuyện mới, chuyện chính trị, chuyện về cuộc mít tinh lớn toàn thành để mừng xuân ngày mai, chuyện kháng

chiến ở miền Nam. Mấy hôm trước, các khu đội tự vệ đã viết những bức thư chúc Tết, nhắc nhở đồng bào luôn luôn nhớ tới các chiến sĩ đang đem xương máu hy sinh chiến đấu ở tiền tuyến, ăn Tết Độc lập thật tươi vui nhưng tiết kiệm, dành tiền gửi cho các ủy ban ủng hộ kháng chiến Nam Bộ.

Đồng chí Chủ tịch Ủy ban hành chính thành phố vừa ăn cơm tối ở nhà riêng xong, thì Bác tới. Bác đến đột ngột, không báo trước. Bác muốn đi chúc Tết đồng bào Thủ đô nhân dịp đầu năm.

Trời mưa lâm thâm. Đường phố lúc này vắng vẻ, thơm mùi thuốc pháo. Những lá cờ ban đêm thắm lại dưới ánh đèn.

Anh Hưng đưa Bác tới một gia đình ở phố Cửa Nam. Chủ nhà là đại đội trưởng tự vệ. Cả gia đình này đều hằng hái tham gia các hoạt động cứu quốc.

Ở nhà này ra, Bác muốn đến thăm một xóm lao động. Bác nói hãy đưa Bác tới một gia đình thật nghèo. Người nghèo trong thành phố còn nhiều lắm, nhưng đưa Bác đến nhà ai bây giờ?

Bác bảo dừng xe trước một ngõ nhỏ ở phố Sinh Từ: ngõ Hàng Dũa. Những ngõ, xóm này là cái mặt sau của thành phố mà bọn thực dân gần 100 năm qua, chưa bao giờ nghĩ đến chuyện sửa sang, dù chỉ là xây một chiếc máy nước, hay bắc một ngọn đèn.

Trời tối. Đường mấp mô, lầy lội vì mưa. Những lá cờ treo trước các mái nhà lụp xụp, đung cả vào đầu khách qua đường. Bác đi sâu vào trong ngõ. Một căn nhà cửa để ngõ, có ánh đèn dầu. Bác dừng chân, rồi rẽ vào.

Nhà khá đông người. Đây là nơi ở chung của mấy gia đình. Giữa nhà, trên vách có treo quốc kỳ, ảnh Bác và những dây hoa giấy. Mọi người đang ngồi nói chuyện vui vẻ. Câu chuyện tạm ngừng khi một ông cụ mặc chiếc áo kaki cao cổ, chống gậy bước vào.

Thoạt đầu, ai nấy nhìn nhau, người gia đình này tưởng ông cụ là khách của gia đình kia. Bác hỏi thăm việc chuẩn bị Tết. Những người trong nhà trả lời Bác vui vẻ. Nồi bánh chưng đặt ở góc sân, nước đang sôi. Đôi mắt Bác hiện lên ánh vui, Bác nói mấy lời chúc Tết. Mọi người bỗng nhận ra cụ già hồn hậu đến với các gia đình họ tối nay, chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đúng như là một giấc mộng đẹp: Người từ trên bức ảnh treo kia, bước ra, đứng giữa ngôi nhà nghèo nàn của họ. Khác với khi Bác tới, lúc này không ai nói nên lời. Mọi cặp mắt đều ngược nhìn Bác. Người nói:

- Nước nhà mới được độc lập. Miền Nam còn đang kháng chiến. Đồng bào lao động ta làm ăn bây giờ còn vất vả. Nhưng có độc lập rồi thì sẽ có tất cả.

Bác đi ra giữa lúc những người trong nhà còn bàng hoàng vì xúc động. Họ đã quên cả mời Bác và các đồng chí cùng đi uống nước. Tất cả đổ ra cửa, đứng trông theo.

Tối hôm đó, Bác đi thăm khá nhiều nơi. Xuân độc lập đầu tiên, Người muốn mang lại niềm vui cho nhiều gia đình trong thành phố. Khi Bác tới nhà một viên chức nghèo ở phố Hàng Lọng, thì trời đã khuya. Người trong nhà sửa soạn đi ngủ. Những chiếc màn đã được căng lên. Chiếc dây thép chằng giữa nhà, đầy quần áo. Không ai trong gia đình nghĩ có khách tới vào giờ này, và đó lại là Cụ Chủ tịch nước.

Chương trình đi chúc Tết đồng bào của Bác đêm 30 đã xong. Ngày mai, mồng 1, Bác còn rất nhiều công việc. Bác sẽ tiếp các đồng chí trong Trung ương, trong Chính phủ và các đại biểu đoàn thể tới chúc Tết. Bác sẽ đi dự cuộc mít tinh đầu xuân của nhân dân toàn thành tổ chức tại Nhà hát Lớn. Bác sẽ đến thăm và nói chuyện với một đơn vị Vệ quốc đoàn, vui chơi với các cháu thiếu nhi tại Ấu trĩ viên, dự bữa cơm liên hoan với các chú cảnh vệ tại Bắc Bộ phủ...

Tiến Bác về xong, đồng chí Chủ tịch Ủy ban quay trở lại nhà. Sắp đến giao thừa, anh ra Hồ đón xuân. Phố xá lúc buổi tối vắng vẻ, giờ đã trở nên rất đông đúc. Người nào cũng muốn được hưởng không khí trong lành của mùa xuân độc lập đầu tiên. Chưa bao giờ, ở Hà Nội lại có một đêm giao thừa đông vui, nô nức như vậy.

Tiếng pháo đón xuân bắt đầu nổ ran khắp thành phố. Vui chân theo những người hái lộc, anh Hưng đến trước cổng đền Ngọc Sơn. Đang đi vào chùa, anh chợt nhìn thấy trong đoàn người tấp nập trên cầu Thê Húc, có một cụ già mặc áo dài, quần chiếc khăn len quanh mặt. Chỉ thoáng nhìn đôi mắt sáng của ông cụ, anh đã nhận ngay ra đúng là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bác bước đi chậm chậm giữa những người đang chen chúc nhau vào chùa. Đồng chí Chủ tịch Ủy ban lại nhìn thấy một người đứng gần đó, đưa mắt ra hiệu cho mình. Đó là đồng chí bảo vệ của Bác. Bác không muốn để người chung quanh nhận ra.

Bác đã thấy mùa xuân tại một gia đình hăng hái tham gia công tác cách mạng. Bác đã thấy mùa xuân ở một xóm lao động, ở gia đình một viên chức nghèo. Bác còn muốn biết

những giờ phút đón xuân độc lập tại đây, giữa đồng bào, trên đường phố, trong một ngôi chùa rất thân thuộc với người Hà Nội, nằm giữa hồ Hoàn Kiếm.

Đồng bào đi đón giao thừa ở đền Ngọc Sơn đêm ấy, có thấy những cảnh xuân của mình hái năm nay đầy lộc?

Những chuyện này khi trở về Hà Nội, tôi được biết qua lời thuật lại của các đồng chí cùng đi với Bác đêm 30 Tết. Và hầu như nhiều đêm 30 Tết sau này của Bác, cũng đều như vậy. Bác vẫn đi chúc Tết đồng bào. Những nơi Bác tới, vẫn là những gia đình có công với cách mạng, có con em đi bộ đội, những gia đình lao động, thường là những nhà neo đơn. Những cuộc đến thăm của Bác bao giờ cũng bất chợt. Người muốn đem lại cho các gia đình niềm hạnh phúc mà họ không chờ đợi. Người còn muốn hiểu không khí thật sự ở mỗi gia đình trong những ngày vui. Tất cả những việc làm đó đều đã trở thành những thói quen bình dị trong đời sống rất mực bình dị và vô cùng vĩ đại của Người.

XXI

Tôi trở lại Hà Nội giữa lúc đồng bào đang xôn xao, cảm phẫn vì quân Pháp tràn vào Lai Châu. Đây là đám tàn quân của Alécxăngđri chạy Nhật hồi đảo chính mồng 9-3 năm trước. Từ đó, bọn chúng vẫn bị Chính phủ Tưởng Giới Thạch giữ ở một vùng gần biên giới Hoa - Việt. Thực ra, đám quân này đã qua biên giới từ cuối tháng 1-1946. Ngay trong những ngày Tết âm lịch, một số đơn vị Vệ quốc đoàn đã nhận được lệnh tiến gấp lên Tây Bắc, ngăn chặn quân địch.

Vào thời gian này, ngày càng có nhiều lời đồn đại tại Trùng Khánh, Pháp và Tưởng đang đàm phán về vấn đề Đông Dương. Tin đó do các hãng thông tấn phương Tây tung ra. Trùng Khánh vẫn giữ thái độ im lặng, không hề dấn động đến chuyện đàm phán, nhưng cũng không cải chính.

Các báo ở Hà Nội kéo tới phỏng vấn Lư Hán. Lư Hán tuyên bố: Số binh lính Pháp vào Lai Châu đã được Trùng Khánh cho phép. Y nói thêm: Quân Pháp phải đi theo đúng một con đường đã được ấn định. Khi các báo hỏi những tin tức về cuộc điều đình Hoa - Pháp là thực hay hư, Lư Hán trả lời: Không biết gì về chuyện này.

Cũng vào lúc bấy giờ, phái bộ Pháp ở Hà Nội nhờ một người trung gian đến đề nghị ta cho gặp lại.

Đầu tháng 9 năm trước, một hôm có một người nước ngoài đến trước cửa Bắc Bộ phủ, xin vào. Các đồng chí cảnh vệ tưởng là nhân viên trong phái bộ Mỹ. Khi được đưa tới phòng thường trực, người ấy tự giới thiệu là sĩ quan Pháp, có việc xin gặp một đại diện của Chính phủ ta. Anh Hoàng Minh Giám đã ra tiếp.

Viên sĩ quan chuyển lời của Xanhtony đề nghị được nói chuyện với một người thay mặt có thẩm quyền trong Chính phủ. Anh ta than phiền là phái bộ Pháp gần như bị quân Nhật giam giữ tại phủ toàn quyền; anh ta đã phải tìm mọi cách mới ra được đến đây.

Ta cũng thấy cần tìm hiểu thêm về thái độ của Pháp. Anh Giám đã tới tổng hành dinh của quân đội Nhật để gặp Xanhtony. Ý nghĩ ý muốn trình bày với Chính phủ ta lập trường của Chính phủ Pháp về vấn đề Đông Dương.

Ít lâu sau, theo lời đề nghị của Xanhtony, anh Giám đưa y tới Bắc Bộ phủ. Bác và các anh chỉ định tôi ra tiếp.

Xanhtony đã nêu lên những ý kiến về mối quan hệ Pháp - Việt. Trong thái độ, y tỏ ra mềm mỏng, biết điều. Nhưng nội dung các lời lẽ thì vẫn không khác gì mấy so với những điều Đờ Gôn đã tuyên bố trước đây. Bữa ấy, Xanhtony có phần nản là khi đi qua cổng Bắc Bộ phủ, người chiến sĩ đứng gác đã có một cử chỉ không thân thiện. Thực ra, đây là kiểu chào bằng súng có lấp lườm lê của bộ đội ta lúc ấy.

Từ đó, những cuộc trao đổi ý kiến giữa phía ta và phía Pháp thỉnh thoảng lại tiếp tục.

Lập trường của ta là: Nước Pháp phải công nhận nền độc lập và sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam trước khi bàn đến các vấn đề khác.

Pháp trở lại xâm lăng Nam Bộ; chiến tranh ngày càng lan rộng. Có những lần, cuộc nói chuyện trở nên căng thẳng. Bác thường nhắc nhở: cần giữ lập trường chính nghĩa của ta, nói rõ lý lẽ phải trái, nhưng nên có thái độ ôn tồn. Các cuộc trao đổi không đi đến sự thỏa thuận nào, và đã bị gián đoạn.

Lần này gặp lại ta, phái bộ Pháp báo tin một bản Hiệp ước Hoa - Pháp về vấn đề Đông Dương sắp được ký kết nay mai. Họ nói muốn thương lượng với ta một giải pháp chính trị; nếu ta không chấp thuận thì có thể xảy ra những chuyện phương hại đến mối quan hệ Việt - Pháp sau này.

Ngày 20-2, tại Pari, Mutê, Bộ trưởng Bộ nước Pháp ở hải ngoại, công bố những điều khoản của Hiệp ước Pháp - Hoa sắp ký. Điều khoản quan trọng nhất là: Trùng Khánh bằng lòng cho Pháp đem quân ra miền Bắc Đông Dương, thay thế quân Tưởng sẽ rút đi. Hãng Roito đưa tin này kèm thêm một lời dọa dẫm: “Có lẽ Chính phủ Pháp sẽ không ngần ngại gì mà không dùng đến vũ lực, nếu Việt Nam không chịu nhận một bản thỏa hiệp”.

Điều đã rõ là kẻ thù bắt đầu hòa hoãn với nhau. Việc Tưởng để cho một số quân Pháp trở về Lai Châu là một biểu hiện cụ thể.

Chính phủ Pháp và cả phái bộ Pháp ở Hà Nội mong dùng Hiệp ước Hoa - Pháp - đến lúc đó vẫn chưa được ký kết - để gây sức ép với ta trong khi nói chuyện.

Bọn Việt Nam Quốc dân Đảng đột nhiên có những hoạt động chống phá dữ dội.

Chúng tung người đi rải truyền đơn khắp các phố, hô hào đồng bào Hà Nội tổng đình công, tổng bãi thị để phản đối Chính phủ. Chúng đã nhận ra trong việc mua bán hiện nay, cả Trùng Khánh lẫn Pháp đều không đếm xỉa gì tới chúng. Chúng lại đánh hơi thấy Pháp muốn dàn xếp với ta. Trước tình hình mới, số phận tay sai của chúng đang bị đe dọa. Chúng giãy giụa bằng cách chĩa mũi nhọn về phía chúng ta. Đây còn là ý muốn của nhóm quân phiệt Tưởng trực tiếp chỉ huy bọn tay sai ở Hà Nội.

Sáng ngày 20-2, bọn côn đồ đứng chặn ở một số cửa ô. Chúng ngăn không cho bà con nông dân ngoại thành mang hàng vào bán trong thành phố. Có tên nhảy lên tàu điện, khóa máy lại, cấm người lái không được cho tàu chạy. Có tên tới công sở, giật chùm chìa khóa từ tay người gác, không cho mở cửa để các viên chức vào làm việc. Một số tên xông vào chợ Đồng Xuân. Chúng leo lên đứng trên những quầy hàng, hô hào mọi người đang mua bán hãy giải tán. Các chị em bán rau, quả rút đôn gánh đuổi đánh, khiến chúng phải tháo chạy.

Cũng sáng hôm đó, chừng một trăm tên đầu trâu mặt ngựa tập hợp tại đường Quán Thánh. Chúng trương lên một lá cờ vàng có hai chữ “dân chúng”. Rồi chúng vừa đi vừa hò hét. Những tên mặc quần áo kaki, đeo kính râm, dận ủng, giơ súng bắt những người ở dọc đường phải đi theo. Chúng hô “Đả đảo Chính phủ”, “Đả đảo Việt gian thân Pháp”, “Thành lập chính phủ mới dưới sự lãnh đạo

của cố vấn Vĩnh Thụy”... Chúng lảng mạt những người đứng ở các nhà hai bên hè phố, đang nguyên rửa chúng hoặc nhìn chúng bằng cặp mắt khinh bỉ.

Bọn phản động kéo ra Bờ Hồ, đi về phía Tòa thị chính.

Đồng bào từ các ngã đường, đổ về quanh Bờ Hồ rất đông.

Một anh thanh niên tới rút lá cờ đỏ sao vàng treo trước nhà Việt Nam thông tấn. Anh giương lá cờ lên. Mọi người ùa lại, tự động sắp thành đội ngũ. Một cuộc biểu tình hình thành, đông hàng ngàn. Đồng bào vừa đi vừa vung tay hô vang những khẩu hiệu ủng hộ Chính phủ.

Những tên ác chiêu bài “dân chúng” đã tới trước cửa Tòa thị chính. Chợt ngay trong đám người này, vang lên những tiếng hô: “Ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh!”, “Đả đảo bọn phá hoại”. Đồng bào đứng chung quanh, lập tức hưởng ứng các khẩu hiệu này bằng những tiếng hô vang dậy. Một cuộc ẩu đả nổ ra ngay trong hàng ngũ của chúng. Những người bị bọn phản động bắt ép đi theo, được đồng bào giúp sức, đã quay lại trừng trị chúng.

Cùng lúc đó, đoàn biểu tình của đồng bào rầm rộ kéo tới. Bọn phản động hốt hoảng cuốn băng cờ, bỏ chạy. Đồng bào đi ngang Tòa thị chính, đến đầu phố Duy Tân¹, rồi tiến về Bắc Bộ phủ. Thiếu niên, nhi đồng các phố quanh đó, cũng đã tập hợp kịp thời. Các em khua trống ếch, dẫn đầu đoàn người vừa chiến thắng.

Đoàn người biểu tình dồn đến trước Bắc Bộ phủ mỗi lúc một đông.

1. Nay là phố Hàng Bài.

Bác Hồ xuất hiện ở cửa sổ. Bác giơ tay vẫy chào đồng bào. Những tiếng hô “Hồ Chủ tịch muôn năm!” nổi lên như sấm rền không ngớt.

Ngày 21, bọn Quốc dân Đảng lại tổ chức một cuộc biểu tình nữa, khoảng vài trăm người. Chúng tiếp tục la hét, đòi Vĩnh Thụy lên nắm chính quyền. Chúng kéo tới trước cửa nhà Vĩnh Thụy tại phố Trần Hưng Đạo. Bọn phản động cử người vào xin yết kiến cố vấn để bày tỏ nguyện vọng của “dân chúng”. Vĩnh Thụy tránh không gặp.

Tại các phố bọn phản động kéo qua, đồng bào đều treo cờ trước nhà và đóng cửa sầm sầm để tỏ thái độ. Những người đi đường hô những khẩu hiệu phản đối chúng. Các em thiếu nhi tự động rủ nhau chạy trước đám biểu tình, hô: “Hồ Chủ tịch muôn năm!”. Chốc chốc lại xảy ra một cuộc xô xát giữa đồng bào và những tên khiêu khích. Từ những ngõ hẻm, những tầng gác, từng lúc, gạch, đá lại bay vụt tới những tên đeo kính râm, dận ủng, đang giơ tay hò hét.

Cũng có thể bấy giờ Vĩnh Thụy đã ấp ủ những ý đồ mờ ám, nhưng, đáp lại lời bọn phản động yêu cầu mình lên nắm chính quyền, ngày hôm sau, Vĩnh Thụy nói với các nhà báo: “... Tôi tưởng một nhóm người không phải là toàn thể dân chúng. Việc bầu Chủ tịch cho nước Việt Nam sẽ do Quốc hội định đoạt vì chỉ Quốc hội mới chính thức là đại biểu của dân chúng cả nước. Không phải một nhóm người muốn cho ai là Chủ tịch là người ấy được làm Chủ tịch ngay”.

XXII

Những hoạt động để chuẩn bị kháng chiến về mọi mặt đã được tiến hành từ trước, lúc này càng được đẩy mạnh.

Khó khăn nhất hiện thời là làm thế nào cho nhân dân hiểu rõ hoàn cảnh hiểm nghèo mà không ảnh hưởng tới chí khí chiến đấu? Làm thế nào để động viên một tinh thần chuẩn bị kháng chiến thật cao mà vẫn tránh được những hành động khiêu khích đối với quân đội Tưởng? Làm thế nào cho nhân dân không hoang mang trước những luận điệu tuyên truyền xảo trá, rất nguy hiểm của kẻ thù từ bốn phía bay tới, vẫn vững tin ở Chính phủ và bình tĩnh ứng phó trước mọi tình hình rối ren, thậm chí nghiêm trọng, có thể xảy ra?

Dưới hình thức *Lời hiệu triệu* giữ vững và đẩy mạnh cuộc kháng chiến Nam Bộ đăng trên báo *Sự thật* ra ngày 27-2-1946, Bác viết:

“Hiện nay, ngoài chiến tranh bằng quân sự, bọn thực dân Pháp đang dùng cách chiến tranh bằng tinh thần, chúng giả danh dân ta phát truyền đơn, dán khẩu hiệu, phao tin nhảm, mong cho dân ta hoang mang nghĩ ngợi, lo ngại. Đó là nó tấn công tinh thần chúng ta.

Người xưa có nói rằng: “đánh vào lòng là hơn hết; đánh vào thành trì là thứ hai”. Vậy một dân tộc đương vận động như dân ta bây giờ ắt phải luôn luôn chuẩn bị, đồng thời phải luôn luôn trấn tĩnh, kiên quyết sẵn sàng đối với mọi tình thế...

Quân địch sắp tới đâu thì dân vùng đó triệt để làm vườn không nhà trống khiến quân địch không có thức ăn, không có chỗ ở, không có đường đi mà phải tiêu hao mòn mỏi. Còn một tác đất, còn một người dân thì còn tranh đấu, lúc nào cũng sẵn sàng và không bao giờ do dự hoang mang...”¹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn nêu lên các vấn đề cơ bản: cuộc kháng chiến phải lâu dài, toàn dân; ta phải đánh địch bằng cả quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao... Người nhấn mạnh: “Trước hết là bằng tinh thần: bại không nản, thắng không kiêu, thua trận này đánh trận khác..., chung sức, đồng tâm, nhất trí, giữ gìn trật tự, tuân theo mệnh lệnh của Chính phủ”².

Đây chính là lời Bác hiệu triệu đồng bào cả nước chuẩn bị sẵn sàng đi vào một cuộc chiến đấu trường kỳ, toàn dân, toàn diện chống mọi kẻ thù ở trước mặt, ở sau lưng và ở cạnh nách chúng ta.

Các báo ở Hà Nội tới phỏng vấn Chủ tịch Hồ Chí Minh về bản Hiệp ước Hoa - Pháp. Bác trả lời: “một là Trung Quốc chưa tuyên bố, hai là do Hăng thông tin Roitơ tuyên bố, nên chưa có thể phê bình...”³. Người nhắc đến chủ nghĩa

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 4, tr. 214, 215, 212.

tam dân của Tôn Trung Sơn và cuộc kháng chiến của nhân dân Trung Quốc để bảo vệ độc lập dân tộc. Tuy không trực tiếp lên án Chính phủ Tưởng Giới Thạch, nhưng Người đã vạch cho nhân dân ta thấy rõ việc làm lật lọng và phản động của Trùng Khánh.

Trong những giờ phút khó khăn, báo chí của ta đã làm tốt nhiệm vụ hướng dẫn dư luận. Về cuộc đàm phán với Pháp, báo *Cứu quốc*, cơ quan ngôn luận chính thức của Tổng bộ Việt Minh viết: “Chúng ta có được hoàn toàn độc lập hay không là do sức chiến đấu của chúng ta ở mặt trận... Lúc Pháp đang muốn điều đình là lúc chúng ta phải chiến đấu kịch liệt, càng phải chuẩn bị chiến đấu cho đầy đủ để đòi hoàn toàn độc lập... Chúng ta không từ chối một cuộc điều đình, nhưng chúng ta quyết không nên để cho cuộc điều đình trở thành một kế hoãn binh có lợi cho quân địch. Chúng ta cũng quyết không để cho cuộc điều đình trở thành một bài hát ru ngủ chí phấn đấu của dân tộc... Vận mệnh của dân tộc bao giờ cũng do sức chiến đấu của ta định đoạt...”.

Tại Hà Nội, lực lượng tự vệ chiến đấu, các đội tuyên truyền của thành bộ Việt Minh và thanh niên cứu quốc chia nhau tới các khu phố. Anh chị em làm công tác giải thích cho nhân dân và cùng các đội tự vệ thành tiến hành chuẩn bị chiến đấu. Trong khi quân Tưởng có mặt ở khắp nơi, mọi hoạt động đều phải kín đáo. Ta chưa thể ào ào, đập lũy trước mặt chúng. Các chiến sĩ tự vệ học cách dùng mìn, để có thể nhanh chóng tạo nên những vật chướng ngại trong thành phố nếu chiến tranh nổ ra.

Các đơn vị Vệ quốc đoàn được lệnh kiểm tra lại mọi công việc chuẩn bị chiến đấu.

Ủy ban hành chính Hà Nội vận động người già và trẻ em tạm rời khỏi thành phố. Báo chí và các đoàn thể lên tiếng kêu gọi đồng bào nông thôn có thái độ thân ái và hết sức giúp đỡ những người ở thành phố tản cư về địa phương của mình.

Cùng với công cuộc chuẩn bị kháng chiến ở khắp nơi, ta vẫn xúc tiến việc thành lập Chính phủ liên hiệp để phát huy thắng lợi của Tổng tuyển cử. Cho tới đó, những cuộc hiệp thương với các đảng phái phản động vẫn không đạt kết quả. Bọn Việt Nam Quốc dân Đảng đòi ta phải dành cho chúng bảy trong mười bộ của Chính phủ mới, cùng với nhiều chức vụ quan trọng khác. Ngay cả các quan thầy của chúng cũng nhận thấy những yêu sách này là quá đáng.

Ngày triệu tập Quốc dân Đại hội sắp tới. Mặc dầu bọn phản động hàng ngày chống phá quyết liệt, ta vẫn nhẫn nại, cố gắng hạn chế những hoạt động khiêu khích của chúng. Tình hình hết sức khẩn trương. Một cuộc chiến tranh rộng lớn có thể bùng nổ nay mai. Bác đã gặp Tiêu Văn và tìm cách thuyết phục y. Ta nêu ra cần phải tổ chức ngay một Chính phủ liên hiệp kháng chiến gồm những người của các đảng phái và những người không đảng phái. Cuối cùng, Tiêu Văn cân nhắc thiệt hơn, thấy cũng chẳng còn cách giải quyết nào có lợi, bèn bắt ép bọn tay sai phải nhận giải pháp của ta.

Chỉ còn không đầy một tuần là đến ngày họp Quốc dân Đại hội. Khi đó bọn phản động mới chịu thỏa thuận thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến. Chính phủ mới sẽ gồm mười bộ. Hai bộ quan trọng là Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng sẽ trao cho những người trung lập. Mặt trận Việt Minh và Đảng Dân chủ sẽ giữ bốn bộ. Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội và Việt Nam Quốc dân Đảng giữ bốn bộ. Ngoài ra, bọn chúng cũng đồng ý với ta thành lập Ủy ban kháng chiến toàn quốc và Đoàn cố vấn quốc gia.

Cụ Huỳnh Thúc Kháng được mời từ trong miền Trung ra để tham gia vào Chính phủ mới.

Tôi được biết cụ Huỳnh từ hồi còn làm báo *Tiếng dân ở Huế*. Cụ là một nhà Nho có tinh thần yêu nước cao, có khí tiết, nhưng chưa hoàn toàn tin tưởng ở đường lối cách mạng của Đảng ta. Khi chúng ta cử người tới mời, lúc đầu, cụ tỏ ra ngần ngại. Một phần, vì cụ thấy mình tuổi đã quá cao. Một phần, vì cụ chưa hiểu những người lãnh đạo mới “thuộc lớp trẻ này” ra sao. Đến lúc nghe nói rõ Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là đồng chí Nguyễn Ái Quốc, cụ mới quyết định ra Hà Nội. Cụ muốn biết nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc mà cụ đã nghe tiếng từ lâu là người như thế nào.

Tới Hà Nội, gặp chúng tôi, cụ Huỳnh tỏ ý lo lắng về cái mà cụ gọi là tình hình “đảng tranh” hiện thời. Theo ý của cụ thì Việt Minh, Việt Nam Cách mệnh Đồng minh đều tranh đấu cho dân, các vị lãnh đạo đều là những người yêu nước đã bôn ba hải ngoại, giờ phải đặt quyền lợi quốc gia lên trên, phải đoàn kết lại, không nên xung đột vì chuyện đảng phái.

Giây phút gặp gỡ đầu tiên giữa Bác và cụ Huỳnh thật là cảm động. Hai người đều bước vội tới, ôm lấy nhau; cả Bác và cụ Huỳnh bỗng dưng đều ứa nước mắt. Bác và cụ Huỳnh đã nhắc tới cụ Phó bảng ngày xưa, bao phen lặn lội ra Bắc vào Nam giữa những năm dài đen tối. Và ngay từ phút đầu, cụ Huỳnh đã thấy ở nhà cách mạng lừng danh mà từ lâu mình khát khao được gặp, một người rất thân thiết. Sau buổi gặp Bác, cụ Huỳnh đã nói với một người bạn: “Dân ta có được Cụ Hồ, quả là hồng phúc”. Cụ đã đặt vào Người một sự tin cậy hoàn toàn. Mặc dầu cụ hơn tuổi Bác nhiều, nhưng mỗi khi nhắc tới Chủ tịch Hồ Chí Minh, cụ thường nói đó là vị “cha già của dân tộc”.

Cụ Huỳnh đã nhận giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong Chính phủ liên hiệp kháng chiến sắp thành lập.

XXIII

Những chuyển biến sâu sắc của xã hội Việt Nam cùng với cuộc kháng chiến anh dũng của đồng bào ta ở Nam Bộ, dần dần đã làm thay đổi những suy nghĩ của một số người thức thời trong hàng ngũ các tướng tá Pháp. Những người này cảm thấy bản tuyên bố của Đờ Gôn ngày 24-3-1945 đã lạc hậu hàng chục năm so với tình hình tại đây.

Theo tài liệu của Pháp, sau khi chiếm được một số tỉnh ở Nam Bộ, cơ quan tham mưu Pháp tại Sài Gòn đã dự thảo một kế hoạch quân sự để trở lại miền Bắc. Kế hoạch đó về đại cương như sau: dùng các đơn vị xe bọc thép của Mátxuy, những đơn vị khinh quân của Valuy, với sự yểm hộ của pháo binh, đổ bộ vào Hải Phòng. Dùng lính nhảy dù chiếm một số địa điểm xung yếu tại Hà Nội, làm tê liệt chính quyền trung ương của ta, giải thoát năm ngàn binh lính Pháp bị cầm tù trong thành, nhanh chóng vũ trang lại cho chúng, giao cho chúng nhiệm vụ cùng với lính dù giữ Hà Nội đến khi các đơn vị xe bọc thép kéo lên; rồi từ đó, chiếm đóng tất cả các vị trí chiến lược...

Nhưng Bộ chỉ huy Pháp tỏ vẻ e ngại trước kế hoạch này.

Nó mang nhiều tính chất mạo hiểm. Số quân viễn chinh Pháp tại Nam Bộ đã lên tới ba vạn rưỡi người. Nhưng thực tiễn của cuộc chiến tranh đã chứng tỏ: dù các tướng lĩnh Pháp có một số quân đông gấp mấy lần, họ cũng không thể làm cho Nam Bộ trở lại tình trạng những ngày trước khi Pháp bị lật đổ.

Trong tình hình đó, nếu mở rộng chiến tranh ra toàn cõi Việt Nam tức là phải đương đầu với sức mạnh của cả một dân tộc. Các tướng tá Pháp còn biết chắc chắn là sẽ gặp trên miền Bắc những lực lượng kháng chiến lớn mạnh gấp bội những lực lượng họ đã gặp ở miền Nam. Để khôi phục lại nền thống trị thực dân tại đây, Locléc dự tính phải cần tới một đạo quân viễn chinh ba mươi lăm vạn, gồm toàn người da trắng. Đó là một điều mà nước Pháp kiệt quệ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, không thể nào có được. Và dù cho có một đội quân lớn như vậy, thì Locléc cũng vẫn nhận thấy việc xây dựng lại cơ đồ này sẽ đòi hỏi nhiều thời gian và còn gặp nhiều khó khăn, trở ngại lớn.

Mặt khác, tại miền Bắc, hiện còn có mười tám vạn quân Tưởng đang làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật. Đưa quân ra Bắc, Pháp rất có thể đụng đầu với quân Tưởng. Như vậy sẽ hết sức nguy hiểm.

Những tướng tá ít nhiều thức thời của Pháp đã nhận thấy giải pháp thích hợp với tình hình Đông Dương, phải là một giải pháp chính trị: Thương lượng với Trùng Khánh để Tưởng rút quân đi, cho quân Pháp vào thay thế; điều đình với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để tránh một cuộc chiến tranh lâu dài, khó tìm ra lối thoát.

Chính phủ Pháp cũng đã sớm tìm cách thương lượng với Trùng Khánh. Làm việc này tuy gian khổ nhưng không phải chỉ toàn là khó khăn.

Trước kia, Trung Hoa vốn cũng là một nạn nhân của đế quốc Pháp. Ngày nay, Trung Hoa về danh nghĩa đã trở thành một trong năm nước mạnh trên thế giới. Nhưng trên thực tế, chính quyền Tưởng Giới Thạch vẫn phụ thuộc vào Mỹ về nhiều mặt, Pháp với Mỹ không ưa nhau. Nhưng cả Mỹ, Anh, Pháp đang có chung một mối lo: đó là sự phát triển hùng mạnh của Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Nguyên nhân của mối “hiểm họa” này, nhiều nhà chiến lược phương Tây đã chua chát cho là do quân Đồng minh đã chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Mỹ đang ra sức tập hợp lực lượng các nước tư bản ở châu Âu để đối phó với cái gọi là “nguy cơ Nga”. Như vậy, Mỹ không thể quá thờ ơ với những quyền lợi của Pháp.

Cuối tháng 8-1945, Đờ Gôn qua Mỹ đã gợi ý Truman giúp đỡ Pháp trong vấn đề Đông Dương.

Mặt khác, nội tình Trung Hoa cũng đang làm Tưởng bối rối. Sau khi phát xít Nhật đầu hàng, trước phong trào cách mạng đang dâng lên mạnh mẽ, bọn quân phiệt Quốc dân Đảng buộc phải ký với Đảng Cộng sản Trung Quốc bản “Hiệp định mông 10 tháng 10”. Đòi bên thỏa thuận: Tránh nội chiến, lấy thống nhất, đoàn kết, dân chủ, hòa bình làm cơ sở, mở Hội nghị chính trị hiệp thương. Hiệp định ký chưa ráo mực, Tưởng Giới Thạch đã tung một triệu tám mươi vạn quân ào ạt tiến đánh các khu căn cứ của cách mạng. Bằng hành động phản bội bất ngờ này,

chúng hy vọng nhanh chóng đè bẹp lực lượng Hồng quân. Nhưng, chúng đã vấp phải sự phản công quyết liệt ở khắp các mặt trận. Chiến sự diễn ra trên mười một tỉnh. Trong vòng một tháng, mười một vạn quân Tưởng đã bị tiêu diệt. Ngọn lửa cách mạng bùng cháy trên khắp lục địa Trung Hoa. Tưởng lại buộc phải tìm kế hoãn binh để tiếp tục chuẩn bị lực lượng bằng cách ký Hiệp định đình chiến mồng 10-1-1946 và bắt đầu Hội nghị chính trị hiệp thương.

Tướng Giới Thạch đang gặp nhiều khó khăn. Có thể trong tình hình này, hắn sẽ phải rút một phần lớn số quân ở miền Bắc Đông Dương về, để lo củng cố hậu phương.

Vào đầu tháng 1-1946, Lơcléc đã cử người thương lượng đến Trùng Khánh. Đó là tướng Xalăng, người được chỉ định thay thế Aléxăngđri, chỉ huy quân đội Pháp ở miền Bắc Đông Dương. Xalăng đã đạt được kết quả đầu tiên, xin Trùng Khánh cho số quân Pháp bị cầm giữ tại Trung Hoa trở về Lai Châu.

Vào khoảng trung tuần tháng 1, nhân một phiên họp của Liên hợp quốc, Chính phủ Pháp đã phái Mutê đến gặp đại diện của Tưởng Giới Thạch để đưa ra các điều khoản thương lượng cụ thể. Tưởng Giới Thạch nhận được báo cáo, tỏ vẻ ưng thuận. Pari lập tức cử viên đại sứ mới, Meriê, tới Trùng Khánh. Meriê nhận chỉ thị của Chính phủ Pháp cố gắng đạt thỏa thuận trong thời hạn ngắn nhất. Nhưng Trùng Khánh lại muốn kéo dài cuộc điều đình, làm sao để kiếm thêm lời.

Điều đình với Tưởng, thì tất cả bọn thực dân Pháp đều nhất trí tán thành. Nhưng điều đình với ta, thì nhiều tên

thực dân ra mặt phản đối. Đờ Gôn vẫn muốn duy trì đế quốc Pháp trong tình trạng gần như cũ. Ông ta không thể nghe lọt tai lời khuyên nhủ của những người có khuynh hướng gọi là “tự do”. Đácgiăngliơ, cao ủy, là một tên tướng thực dân rất thủ cựu, trung thành với chủ trương, chính sách của Đờ Gôn, muốn giữ nguyên mọi đặc quyền đặc lợi của nước Pháp. Những tên thực dân Pháp có quyền lợi ở Đông Dương, đặc biệt là bọn quan cai trị cũ, đều tức tối khi nghe nói đến chuyện điều đình với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đối với chúng, chỉ có một vấn đề đặt ra là phải phục hồi chủ nghĩa thực dân cũ trước ngày mồng 9-3-1945. Chúng coi việc điều đình với ta là một sự đầu hàng nhục nhã.

Ngày 20-1-1946, tình hình chính trị ở nước Pháp có sự thay đổi. Đờ Gôn từ chức. Phêlich Goanh, một đảng viên Đảng Xã hội, lên thay. Kế hoạch của Lơléc về một cuộc thương lượng với Chính phủ Việt Nam được Pari coi là thích hợp. Đácgiăngliơ thấy cản trở về Pháp để bảo vệ chủ trương của mình. Ngày 13-2, y rời Sài Gòn. Trong khi tạm thời thay thế Đácgiăngliơ, Lơléc đã chỉ thị cho phái đoàn Pháp ở Trùng Khánh cố gắng thỏa thuận sớm với Tưởng, mặt khác, thúc Xanhtony xúc tiến cuộc điều đình với Chính phủ ta.

Lập trường thương lượng của Chính phủ Pháp do phái bộ Pháp tại Hà Nội trình bày với ta lần này, đã có phần nào khác trước. Tuy nhiên, Pháp vẫn chưa chịu nhận những yêu cầu cơ bản của ta là: độc lập và toàn vẹn lãnh thổ. Thái độ trước sau như một, ôn tồn nhưng rất kiên

quyết của Bác, đã làm cho những nhà thương lượng Pháp phải suy nghĩ.

Tại Trùng Khánh, cuộc mặc cả giữa Chính phủ Pháp với bọn Tưởng Giới Thạch cuối cùng đã ngã giá.

Pháp đồng ý trả lại cho Tưởng các tô giới ở Thượng Hải, Thiên Tân, Hán Khẩu, Quảng Đông, trả lại đất mượn Quảng Châu Loan, bán lại đường sắt ở Vân Nam. Không đếm xỉa gì đến chủ quyền của ta, chúng nhận với bọn Tưởng là Hải Phòng sẽ trở thành một cảng *tự do*, hàng hóa của Tưởng chuyển vận qua miền Bắc sẽ được miễn thuế. Để đổi lấy những quyền lợi đó, Tưởng Giới Thạch đồng ý cho quân Pháp thay thế quân đội Tưởng tại miền Bắc Đông Dương, trong khoảng thời gian từ mồng 1 đến 15-3, chậm lắm là 31-3-1946.

Đó là nội dung bản Hiệp ước Hoa - Pháp được ký kết ngày 28-2-1946. Hiệp ước ký xong, Xalăng vội vã quay về Hà Nội, chuẩn bị cho quân Pháp trở lại miền Bắc. Crêpanh ở lại Trùng Khánh, tiếp tục bàn với phía Tưởng về các thể thức tiến hành việc thay quân.

Ngày 1-3, Lơléc nhận được tin từ Trùng Khánh báo về là mọi việc đều đã được thỏa thuận.

Hạm đội Pháp đã đợi trên bến nhiều ngày.

Cũng theo những tài liệu của Pháp mà sau này ta được biết, Lơléc lập tức đặt bọn lính dù trong tình trạng báo động và ra lệnh cho đoàn tàu nhỏ neo rời bến.

XXIV

Sáu tháng trước, Trùng Khánh đưa quân ào ạt vào miền Bắc. Sức mạnh chính trị, tinh thần của nhân dân ta cùng với đường lối, sách lược của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm thất bại bước đầu âm mưu xâm lược của kẻ thù. Chúng vẫn là một nguy cơ. Nhưng chính quyền cách mạng đã không ngừng được củng cố. Hòa hoãn được với Tưởng, về một mặt nào, ta đã biến quân đội của chúng thành một bức rào để tạm thời ngăn quân Pháp trở lại miền Bắc.

Trong khi chuẩn bị đề phòng Pháp mở rộng chiến tranh, Bắc và Trung ương đã chủ trương huy động sức mạnh cả nước để cùng với đồng bào miền Nam vượt qua những giờ phút khó khăn đầu tiên của cuộc kháng chiến. Nhân dân ta đã triệt để làm theo điều đã chỉ rõ trong Hội nghị toàn quốc tại Tân Trào: “Chỉ có thực lực của ta mới quyết định được sự thắng lợi”. Giành cho được những thắng lợi quan trọng trên mặt trận, đó là cách tích cực nhất để bảo vệ chính quyền cách mạng.

Cùng một thời gian, kẻ địch mở một loạt những cuộc tấn công trên các mặt trận khác nhau. Về quân sự, chúng tăng cường những hoạt động “bình định” ở Nam Bộ, lấn

chiếm thêm các tỉnh ở Nam Trung Bộ để giành lợi thế, đồng thời chuẩn bị kế hoạch trở lại miền Bắc. Về ngoại giao, chúng cố mặc cả với Tưởng, âm mưu đặt nhân dân ta trước một việc đã rồi. Trong khi nói chuyện với ta, chúng luôn luôn tung ra những tin tức về Hiệp ước Hoa - Pháp, hòng lung lạc tinh thần nhân dân ta. Bọn phản động Việt Nam Quốc dân Đảng với những ý đồ đen tối riêng của chúng đã phối hợp với hoạt động chiến tranh tâm lý của Pháp một cách khá chặt chẽ.

Tình hình bắt đầu đổi khác.

Trước kia, ta tìm mọi cách lợi dụng mâu thuẫn giữa Pháp và Tưởng để tập trung mũi nhọn chĩa vào Pháp. Nay, hai kẻ thù đã tạm dàn xếp. Chúng đã bắt tay với nhau trong một âm mưu mới chống lại ta.

Cách mạng đang đứng trước một tình thế khó khăn và cấp bách.

Ngay sau khi Hiệp ước Hoa - Pháp được công bố, Thường vụ đã nhận định, đây không phải là chuyện mua bán riêng giữa Tưởng và Pháp. Đây chính là sự nhân nhượng giữa Mỹ, Anh, Tưởng với Pháp về vấn đề Đông Dương. Chúng tạm dẹp mâu thuẫn bộ phận để cứu vãn quyền lợi chung, đang bị những cao trào cách mạng mới đe dọa.

Tưởng sẽ ép nhân dân ta phải nhận những điều khoản chúng đã ký kết với Pháp. Trước khi rút quân đi, chúng sẽ cố thay đổi thành phần trong Chính phủ ta, đưa bọn phản động tay sai của chúng vào. Mặt khác, nhóm tướng lĩnh của Tưởng tại đây, sẽ tìm cách ngăn cản cuộc đàm phán giữa ta với Pháp, để dây dưa ở lại miền Bắc, tranh thủ vợ vét.

Rất nguy hiểm lúc này là bọn Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội. Chúng làm ra bộ những người cách mạng hăng hái nhất. Chúng cố tìm cách kích động quần chúng bằng những khẩu hiệu: “Không điều đình với ai hết. Thắng hay là chết”... Chúng muốn phá cuộc đàm phán giữa ta và Pháp. Âm mưu của chúng là cố đẩy ta chống lại Hiệp ước Hoa - Pháp. Đó chính là cái cớ cho cả Tưởng và Pháp câu kết với nhau để diệt cách mạng. Chúng sẽ vu cho ta là chống Đồng minh, chống hòa bình. Trong lúc ta ngăn quân Pháp tiến vào miền Bắc, bọn phản động sẽ nhanh chóng lập một chính phủ bù nhìn chống chúng ta, và tùy cơ thay thầy, đổi chủ. Quân Tưởng cũng sẽ nhân đó, nán ở lại Đông Dương¹.

Tình hình đổi thay mau lẹ.

Nhưng, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh với tầm nhìn xa, rộng đã thấy trước sự biến chuyển này. Từ hạ tuần tháng 11-1945, trong bản chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc*, Trung ương đã nhận định là bọn đế quốc sẽ nhân nhượng với nhau, cho Pháp trở lại. Và sớm hơn nữa, điều này đã được nêu ra từ Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào, trước ngày Cách mạng Tháng Tám thành công.

Đối với Bác và Trung ương, đây chỉ là một tình hình diễn ra đúng như ta đã dự kiến. Trong thời gian ngắn ngủi vừa qua, Đảng ta đã tích cực chuẩn bị để đối phó với tình thế đó. Dù muốn hay không, đế quốc Pháp cũng phải nhìn thấy

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t. 8, tr. 43.

một thực tế mới: cả dân tộc Việt Nam đã đoàn kết đứng dậy trong cuộc chiến đấu một mất một còn chống lại kẻ thù xâm lược. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã có một Chính phủ có đầy đủ sức mạnh để động viên, tổ chức toàn dân kháng chiến, có đầy đủ thẩm quyền, uy tín và khả năng quyết định mọi vấn đề thuộc về chủ quyền, tương lai, vận mệnh của dân tộc mình.

Và thực dân Pháp đã không thể nhắm mắt làm ngơ trước sự thật đó, ngay cả khi cuộc đàm xếp của chúng với Tưởng đã xong. Một dấu hiệu rõ rệt là phái bộ Pháp ở Hà Nội, đã nhiều lần xin gặp chính quyền ta.

Vấn đề lúc này là *đánh* hay *hòa* với Pháp.

Câu trả lời đã được Bác và Thường vụ nêu ra:

“Có thể nói phứt ngay rằng: nếu Pháp giữ chủ trương cho Đông Dương tự trị theo bản Tuyên ngôn ngày 24-3-1945, thì nhất định đánh, và rất có thể đánh lâu dài theo lối du kích, nhưng nếu Pháp công nhận Đông Dương tự chủ thì có thể hòa, hòa để phá tan thâm thù của bọn Tàu trắng, bọn phản động Việt Nam và bọn phát xít Pháp còn sót lại, chúng định hãm ta vào tình thế cô độc, buộc ta phải đánh với nhiều kẻ thù một lúc...”¹.

Lập trường của ta trong cuộc đàm phán là giành cho được *độc lập*, đồng thời có thể *liên minh* với Pháp. Pháp phải thừa nhận quyền dân tộc tự quyết của ta và sự thống nhất quốc gia của ta. Ta có thể đồng ý cho Pháp tạm thời đưa một số quân vào miền Bắc để làm nhiệm vụ tiếp

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 43.

phòng, thay quân đội Tưởng rút đi. Nhưng quân Pháp chỉ được phép ở lại trong một thời hạn nhất định.

Hòa với Pháp, ta sẽ “Dành được giây phút nghỉ ngơi để sửa soạn cuộc chiến đấu mới phối hợp với các cuộc chiến đấu của nhân dân Pháp, tiến tới giành độc lập hoàn toàn”¹.

Một điều quan trọng được Thường vụ nhấn mạnh:

“Điều cốt tử là trong khi mở cuộc đàm phán với Pháp, không những *không ngừng một phút công việc sửa soạn, sẵn sàng kháng chiến bất cứ lúc nào và ở đâu*, mà còn hết sức xúc tiến việc sửa soạn ấy, và nhất định không để cho việc đàm phán với Pháp làm nhụt tinh thần quyết chiến của dân tộc ta”².

Từ những tư tưởng chỉ đạo đó của Trung ương, trong suốt quá trình đàm phán, quân và dân miền Nam đã không ngừng đẩy mạnh cuộc kháng chiến trên các mặt trận. Đồng bào cả nước đã ráo riết chuẩn bị về cả tinh thần và tổ chức để đi vào một cuộc kháng chiến lâu dài, kể cả trong trường hợp xấu nhất, hai kẻ thù Pháp, Tưởng câu kết với nhau hòng tiêu diệt cách mạng.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t. 8, tr. 45, 46.

XXV

Quốc dân Đại hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được triệu tập vào ngày mồng 2 tháng 3. Đại hội họp sớm hơn một ngày so với thời gian đã định từ trước.

Tình hình rất khẩn trương, Ban tổ chức Đại hội đã chuẩn bị một địa điểm họp thứ hai tại Đình Bảng, tỉnh Bắc Ninh. Cuối cùng, Thường vụ quyết định Đại hội cứ họp ở Hà Nội. Bác đã nói với các đồng chí trong Ban tổ chức phải làm cho tốt và gọn, hoàn thành được chương trình đề ra và kết thúc trong một buổi.

Đêm trước, Bác thức khuya, hút thuốc lá nhiều. Sáng nay, ngồi trong xe, Bác vẫn hút thuốc. Nét mặt Bác lặng lẽ, bình thản. Riêng đôi mắt Bác, rất sáng, nói lên Người đang suy nghĩ. Từ ngày Bác về Hà Nội, đồng bào đã bàn nhiều về đôi con mắt của Bác. Đôi con mắt mà người ta đã nhìn thấy có hai chấm sáng qua các tấm ảnh. Bác đang đem cả nghị lực, cả thiên tài để cống hiến cho đất nước một quyết định trước một bước ngoặt lịch sử. Ngày nào khi còn ở trong nhà ngục, Bác đã làm những câu thơ:

*“Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ,
Kiên quyết, không ngừng thế tấn công;*

*Lạc nước, hai xe đàn bả phí,
Gặp thời, một tốt cũng thành công*¹.

Con thuyền Tổ quốc đang lao tới một ngọn thác cực kỳ nguy hiểm. Người cầm lái không được phép sai lầm dù chỉ là tơ tóc.

Nhà hát Lớn rục rờ cờ nước. Lá cờ xuất hiện từ cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, thấm máu bao nhiêu chiến sĩ cách mạng, đã trở thành thiêng liêng, tượng trưng cho tinh thần đấu tranh quật cường của cả dân tộc. Mấy ngày vừa qua, trong những cuộc hiệp thương, bọn phản động vẫn lớn tiếng đòi phải thay đổi quốc kỳ và quốc ca. Ta đã cự tuyệt yêu sách của chúng.

Quốc dân Đại hội đã cử hai người thay mặt, một đại biểu cao tuổi nhất, cụ Ngô Tử Hạ và một đại biểu ít tuổi nhất, anh Nguyễn Đình Thi, đứng chờ đón Bác trước cửa Nhà hát Lớn.

Những người của Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội, Việt Nam Quốc dân Đảng còn ở cả buồng chờ. Một đám người quần áo sang trọng, đứng ngồi lổ nhổ, ngơ ngác như những con dê lạc bầy. Họ phải chờ sự ưng thuận của Đại hội mới được phép vào phòng họp. Đây chính là những kẻ đến tận ngày hôm qua, vẫn tiếp tục gây rối loạn khắp nơi. Họ cố vơ vét đưa đến đủ số người, lấp hết 70 ghế ta đã định đề nghị với Quốc hội dành cho họ.

Bác mỉm cười, gật đầu chào, rồi dẫn đầu Chính phủ lâm thời bước vào hội trường. Nguyễn Hải Thần cáo ốm

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 3, tr. 326.

không đến họp. Không hiểu có phải vì y ngại nổ ra những cuộc tranh cãi tại Đại hội, buộc y phải dùng đến tiếng mẹ đẻ.

Khóa họp Quốc hội lịch sử này vắng mặt các đại biểu của Nam Bộ đang chiến đấu chưa ra kịp.

Gần 300 đại biểu cùng với nhiều khách và các nhà báo trong nước, ngoài nước, đứng dậy hoan hô không ngớt. Trăm cặp mắt đều đổ dồn về phía ông cụ trán cao, mặc bộ đồ kaki. Nhiều đại biểu chưa được gặp Bác bao giờ, nhưng đã nhận ngay ra Người. Tiếng vỗ tay và tiếng hoan hô chỉ dứt khi ban âm nhạc Vệ quốc đoàn mặc đồng phục trắng, bắt đầu cử quốc ca.

Bác bước đến trước máy phóng thanh. Người đứng im lặng một lát, đưa cặp mắt trù mẫn nhìn các đại biểu thay mặt cho các tầng lớp nhân dân miền xuôi, miền ngược về họp Đại hội. Bằng một giọng xúc động, Người nói:

- Quốc dân đại biểu Đại hội này là lần đầu trong lịch sử của nước Việt Nam ta. Nó là kết quả của cuộc Tổng tuyển cử ngày mùng 6-1-1946, mà cuộc Tổng tuyển cử lại là kết quả của sự hy sinh tranh đấu của tổ tiên ta. Nó là kết quả của sự đoàn kết toàn thể đồng bào không kể già, trẻ, lớn, bé, gồm tất cả các tôn giáo, tất cả các dân tộc trên bờ cõi Việt Nam đoàn kết chặt chẽ thành một khối, không sợ hy sinh nguy hiểm tranh lấy nền độc lập cho Tổ quốc...

Bác chuyển lời đề nghị của Chính phủ với Đại hội xin mở rộng số đại biểu thêm 70 người nữa, số ghế này dành cho Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách

mệnh Đồng minh Hội. Lời đề nghị này được Đại hội chấp thuận.

Đại biểu của Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội lục tục kéo vào. Họ ngồi ở những ghế còn trống. Trong khi chuẩn bị Đại hội, có ý kiến đề nghị chia chỗ ngồi thành hai bên tả, hữu, và để nhóm 70 người này ngồi sang bên hữu, Bác đã nói là không cần thiết.

Chờ những người mới vào ngồi yên chỗ, Bác nói tiếp:

- Trước hết tôi xin thay mặt Chính phủ lâm thời cảm ơn Quốc hội đã chuẩn y lời thỉnh cầu của Chính phủ. Hai là tôi xin thay mặt Chính phủ hoan nghênh tất cả các đại biểu các nơi. Trong cuộc toàn quốc đại biểu Đại hội này, các đảng phái đều có đại biểu, mà đại biểu không đảng phái cũng nhiều, đồng thời phụ nữ và đồng bào dân tộc ít người cũng đều có đại biểu. Vì thế cho nên các đại biểu trong Quốc hội này không phải đại diện cho một đảng phái nào mà là đại biểu cho toàn thể quốc dân Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh báo cáo lại với Quốc hội những công việc Chính phủ đã làm. Người nói:

- Vừa giành được chính quyền, vừa lập nên Chính phủ thì chúng ta gặp nhiều sự khó khăn, miền Nam bị nạn xâm lăng, miền Bắc bị nạn đói khổ. Song nhờ sự ủng hộ nhiệt tình của toàn thể đồng bào và lòng kiên quyết phấn đấu của Chính phủ, chúng ta đã làm được đôi việc:

Việc thứ nhất là ra sức kháng chiến.

Việc thứ hai là giảm bớt sự đói kém bằng cách thực hiện tăng gia sản xuất.

Việc thứ ba là Chính phủ đã tổ chức cuộc Tổng tuyển cử.

Việc thứ tư là do kết quả của cuộc Tổng tuyển cử ấy mà có Quốc hội hôm nay...

Những việc làm to lớn của Chính phủ suốt trong sáu tháng trời đầy biến động vừa qua, đã được Bác nói gọn trong mấy câu. Người chuyển sang nói về nhiệm vụ quan trọng trước mắt:

- Việc hệ trọng nhất bây giờ là kháng chiến. Từ tháng 9 năm ngoái xảy nạn xâm lăng miền Nam, một mặt Chính phủ đã hô hào quốc dân sẵn sàng chuẩn bị cuộc trường kỳ kháng chiến, và một mặt đã điều động bộ đội để tăng viện cho những nơi bị xâm lăng. Từ giờ về sau, Quốc hội và Chính phủ còn có những gánh nặng nề, phải bước qua nhiều sự khó khăn, nhưng tôi chắc rằng quốc dân sẽ nhất trí, dựa vào sức đoàn kết mà làm việc, và như thế thì dù khó khăn đến đâu, kháng chiến sẽ thắng lợi và kiến quốc sẽ thành công. Bây giờ Chính phủ lâm thời xin giao lại quyền cho Quốc hội để tổ chức một Chính phủ mới: một Chính phủ kháng chiến kiến quốc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh kết thúc bản báo cáo cô đọng và hết sức giản dị của Người giữa những tràng pháo tay nổ ran.

Từ ngày Bác về Hà Nội, chưa bao giờ có một cuộc gặp mặt đông đảo các đại biểu trong nước - kể cả những người thuộc các đảng phái phản động - và nhiều khách khứa nước ngoài như lần này. Ngay ở cuộc gặp mặt này, Người vẫn giữ nguyên những lời nói, những cử chỉ quen thuộc thường ngày. Phong thái đó mà chỉ riêng Người mới có, đã tạo cho Đại hội một không khí đặc biệt, không khí đoàn kết, đầm

ấm, thân mật như ở gia đình. Đó là điều rất khó có trong một cuộc họp đông đảo lần đầu của các đại biểu cả nước, lại rất phức tạp vì sự có mặt của bọn phản động. Không khí đó cũng là không khí của những phiên họp Quốc hội về sau và trong tất cả những cuộc họp mỗi lần Bác xuất hiện.

Đại hội chấp nhận lời xin từ chức của Chính phủ lâm thời và nhất trí cử Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Chính phủ liên hiệp kháng chiến, Nguyễn Hải Thần làm Phó Chủ tịch.

Quốc hội nhiệt liệt tán thành khi cụ Chủ tịch tạm thời của Quốc hội đề nghị mời Chủ tịch Hồ Chí Minh thành lập Chính phủ mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh đi qua phòng Hội đồng giữa những tiếng hoan hô vang dậy.

Đại hội tạm nghỉ một lát, rồi họp trở lại. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra mắt cùng với các vị trong Chính phủ mới. Người nhanh nhẹn đi đến bên máy phóng thanh. Người nói:

- Bây giờ tôi xin báo cáo về việc thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến. Chắc Quốc hội cũng biết rằng Chính phủ này ra mắt gồm có đại biểu các đảng phái và anh em không đảng phái trước đây đã thương lượng và thỏa thuận với nhau, vì vậy, sự tổ chức mới được nhanh chóng như thế...

Bác giới thiệu danh sách của Chính phủ. Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng được trao cho những người trung lập. Hai bộ dành cho Nam Bộ, vì các đại biểu của Nam Bộ chưa ra kịp, nên tạm trao cho các đảng phái. Mặt trận Việt Minh và Đảng Dân chủ giữ bốn bộ: Tài chính, Giáo dục, Tư pháp, Giao thông; Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam

Cách mệnh Đông minh Hội giữ bốn bộ: Ngoại giao, Kinh tế, Xã hội, Canh nông.

Bác nói tiếp:

- Phó Chủ tịch do Quốc hội cử ra là cụ Nguyễn Hải Thần. Còn Chủ tịch là tôi đây.

Tiếng hoan hô lại nổi lên.

Danh sách Chính phủ được Quốc hội thông qua.

Bác giới thiệu tiếp với Quốc hội việc thành lập Ủy ban kháng chiến toàn quốc chịu trách nhiệm điều khiển quân và dân đánh giặc, cứu nước và thành lập đoàn Cố vấn quốc gia do Vĩnh Thụy đứng đầu.

Chính phủ liên hiệp kháng chiến, Ủy ban kháng chiến và đoàn Cố vấn lần lượt đứng ra tuyên bố nhậm chức.

Đại hội chuyển sang thảo luận về quyền hạn của Ủy ban Thường trực Quốc hội. Cuộc tranh cãi bắt đầu diễn ra giữa những ý kiến khác nhau của các đại biểu. Giải quyết được các vấn đề này là một khó khăn trong khi còn chưa có Hiến pháp.

Bác ngồi nghe chăm chú. Thỉnh thoảng Bác giơ tay xin phát biểu. Đôi lúc, một đại biểu có ý kiến khác. Bác lắng nghe, và khi cần, Người từ tốn nói rõ thêm. Bao giờ cũng vậy, trong công việc, Bác luôn luôn tạo một không khí thoải mái, khuyến khích mọi người mạnh dạn nói lên ý kiến của mình.

Hạm đội Pháp đang rong ruổi trên biển Đông với những nòng đại bác hướng về miền Bắc.

Nhiều đại biểu chưa hiểu được giá trị của từng phút, từng giây trong lúc này. Bác đã nhiều lần nhắc nhở cho

người điều khiển những vấn đề nên rút ra để sớm đi đến biểu quyết.

Một giờ chiều, Đại hội kết thúc. Trong vòng bốn tiếng đồng hồ, Đại hội đã thông qua việc lập Chính phủ mới, lập Ủy ban kháng chiến, lập đoàn cố vấn của Chính phủ, quyết định quyền hạn của Ủy ban Thường trực Quốc hội, và thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp.

Các đại biểu cần trở về địa phương ngay để tiếp tục công việc chuẩn bị kháng chiến. Giờ phút chia tay đã tới. Bác trở lại máy phóng thanh, kết thúc Đại hội bằng mấy lời nhắn nhủ:

- Bây giờ Quốc hội tạm thời bế mạc để cho tất cả anh em chúng ta đem một không khí đoàn kết, một không khí kháng chiến, một không khí kiên quyết, một không khí nhất định thành công về các địa phương mà công tác. Trước khi bế mạc, tôi xin thay mặt Chính phủ cảm ơn các đại biểu. Đồng thời, chúng ta cùng hứa với nhau rằng: Quốc hội họp lần này là Quốc hội kháng chiến mà Chính phủ cử ra là Chính phủ kháng chiến. Tôi mong rằng Quốc hội họp lần sau sẽ là Quốc hội thắng lợi, mà Chính phủ sẽ là Chính phủ thắng lợi.

Vào những giờ phút khó khăn, Bác muốn truyền cho tất cả mọi người một tinh thần đoàn kết, kiên quyết chiến đấu. Bác còn muốn truyền tới mọi người niềm lạc quan, niềm tin tưởng vào thắng lợi, vào tương lai.

XXVI

Những ngày đầu tháng 3, cuộc đàm phán giữa ta với Pháp vẫn chưa đi tới thỏa thuận.

Bọn thực dân Pháp vẫn ngoan cố, không chịu nhận những yêu cầu cơ bản của ta. Những tên thực dân mù quáng còn cho rằng, với những hoạt động quân sự mấy tháng vừa qua, chúng đã chiếm lại được phần lớn Nam Bộ. Mặt khác, chúng còn tin, với Hiệp ước Hoa - Pháp, chúng đã có cơ sở pháp lý và điều kiện thuận lợi để trở lại miền Bắc.

Tướng Lœcléc và những người thương lượng Pháp ở Hà Nội có thể hiểu biết tình hình thực tế ít nhiều, thấy hiểm họa của một cuộc chiến tranh kéo dài, nếu cuộc điều đình thất bại. Nhưng họ vẫn đàm phán theo những chỉ thị của Chính phủ Pháp ở Pari; tại đó, những xu hướng ngoan cố của chủ nghĩa thực dân cũ vẫn chiếm ưu thế.

Về phía ta, nếu cuộc kháng chiến toàn quốc nổ ra vào lúc này, thì ta sẽ gặp khó khăn lớn, cùng một lúc phải đương đầu với nhiều kẻ thù. Nhưng ta không thể nhân nhượng trên những vấn đề có tính nguyên tắc. Nay mai, nếu chưa đi đến một hiệp nghị, mà quân Pháp đổ bộ vào cảng Hải Phòng, thì dù chúng đã được phép của quân

Tướng, bộ đội và nhân dân ta nhất định sẽ kiên quyết kháng chiến. Tình hình sẽ trở nên rất phức tạp.

Sau khi Hiệp ước Hoa - Pháp được chính thức công bố, các báo tại Hà Nội tới xin gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh, đề nghị Người cho biết ý kiến. Chủ tịch Hồ Chí Minh trả lời: “Hiệp ước này có thể chia làm hai phần. Một phần là Pháp chịu trả lại các đặc quyền ở Trung Hoa. Một phần khác liên quan đến nước ta. Với phần trên, không những dân chúng Trung Hoa bằng lòng mà dân Việt Nam chúng ta cũng hoan nghênh. Còn phần dưới thì hiện giờ chưa phải là lúc phê bình”. Rồi Bác nói: “Dù sao mặc lòng, hầu hết người Trung Quốc từ nhỏ tới lớn, từ trước tới nay, đều biểu đồng tình với phong trào quốc gia của ta”.

Khi các báo hỏi về tình hình kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói vắn tắt: “Điều mà chúng ta chú trọng đến nhất là chuẩn bị, bình tĩnh, giữ vững tinh thần”.

Các báo đều công khai tỏ thái độ với Hiệp ước Hoa - Pháp bằng một loạt bài phản đối.

Báo *Cứu quốc* viết: “Không ai có thể mặc cả nên độc lập của Việt Nam”. Về những quyền lợi kinh tế mà Pháp hứa sẽ dành cho Tướng tại miền Bắc Việt Nam, một bài báo viết: “Chỉ có Chính phủ Việt Nam mới đủ tư cách để định đoạt những quyền lợi này”. Chúng ta đã công khai nói rõ cho kẻ thù biết: “Từ chỗ hiệp ước đó ký đến chỗ hiệp ước đó thi hành, còn có dân tộc Việt Nam đang chiến đấu...”.

Toàn thể các lực lượng vũ trang, đặc biệt là ở những nơi quân Tướng đóng hoặc quân Pháp có thể tiến vào,

được lệnh sẵn sàng chiến đấu và hết sức cảnh giác. Các cơ quan trọng yếu đều đã chuẩn bị chu đáo.

Tại Hà Nội, một số đông người già và trẻ em đã rời khỏi Thủ đô. Những chiến sĩ tự vệ thành đã đục lỗ đặt mìn ở các thân cây và chuẩn bị đánh gãy những cột đèn, lật đổ những toa xe điện khi có lệnh. Việc điều tra các vị trí đóng quân trọng yếu của Tưởng tại Hà Nội cũng đã tiến hành. Những đội tự vệ chiến đấu đều có kế hoạch tác chiến.

Trong khi đó, tại Trùng Khánh, một chuyện lúng củng đã xảy ra giữa Pháp và Tưởng.

Tối mùng 1-3, viên đại tá Crêpanh tới Bộ Tổng tham mưu quân đội Quốc dân Đảng để ký kết những thể thức về việc thay quân. Bọn cầm đầu Bộ Tổng tham mưu Quốc dân Đảng đã lánh mặt. Một viên phụ tá báo cho phái đoàn Pháp biết: Quân đội Tưởng chỉ có thể chấp nhận việc thay quân nếu có lệnh của tướng Mắc Ácơ*.

Những người thương lượng Pháp ở Trùng Khánh đã ký được bản Hiệp ước Hoa - Pháp với sự thỏa thuận của Tưởng Giới Thạch và Bộ Ngoại giao của Tưởng. Nhưng việc thay quân lại do Bộ Tổng tham mưu của Tưởng thi hành. Hà Ứng Khâm và bọn tướng lĩnh tại đây có quyền lực riêng của chúng. Chúng thấy chả đại gì mà cho quân đội chúng vội vã rời khỏi miền Bắc Đông Dương. Lư Hán khi ấy vừa được gọi về họp, đang có mặt tại Trùng Khánh. Có người nói chúng muốn nấn ná ở lại qua vụ thu hoạch thuốc phiện.

* Tư lệnh lực lượng Đồng minh ở Thái Bình Dương.

Hạm đội Pháp đang trên đường ra Bắc. Ngày mồng 2, Crêpanh vội cử người về, báo cáo tình hình mới cho Xalăng biết. Xalăng lập tức đến thương lượng với bọn Tưởng ở Hà Nội.

Chu Phúc Thành thay Lư Hán vắng mặt, nói hẳn chưa hề nhận được lệnh để quân Pháp vào thay thế tại miền Bắc, nếu quân Pháp đổ bộ vào Hải Phòng thì hẳn sẽ ra lệnh nổ súng. Ngoài ra, hẳn còn bịa thêm một cố khác: phía Pháp chưa đạt được thỏa thuận với Chính phủ Việt Nam, nên hẳn không thể cho quân Pháp vào. Vì nếu làm như vậy, khi quân đội Tưởng rút đi, những Hoa kiều ở lại miền Bắc có thể bị người Việt Nam trả thù (!).

Cuộc thảo luận giữa bọn quân phiệt Tưởng với các tướng tá Pháp kéo dài cả đêm mồng 4-3, vẫn không kết quả.

Ngày mồng 5, hạm đội Pháp do Lơcléc chỉ huy đã tới vịnh Bắc Bộ.

Lơcléc bảo viên trung tá Lơ Côngtơ viết cho Xanhtơny một bức thư với giọng hốt hoảng:

“... Biết rằng tình hình đang nghiêm trọng và cuộc xung đột có thể xảy ra sẽ rộng lớn... Tôi yêu cầu ông làm mọi việc ông có quyền làm để đi đến một hiệp ước trong thời gian nhanh nhất...”.

Các tướng tá Pháp lại tới gặp Chu Phúc Thành và bọn cầm đầu cơ quan tham mưu của quân đội Tưởng tại Hà Nội. Cuộc thảo luận, mặc cả giữa hai bên tiếp tục. Nếu không thỏa thuận được, ngày mai, hạm đội Pháp vào Hải Phòng chắc chắn bọn chúng sẽ có va chạm.

Cũng trong ngày mồng 5-3, Ủy ban kháng chiến toàn quốc vừa được thành lập, ra lời kêu gọi:

“Đồng bào hãy đứng dậy chống giặc!”.

“... Giờ nghiêm trọng của Tổ quốc đã đến!”.

“... Toàn quốc kháng chiến ủy viên hội gồm có đủ đại biểu các đảng phái có trách nhiệm thống nhất quân đội, điều khiển quân dân xông ra giết giặc, chống giữ bờ cõi cho Tổ quốc”.

“Đồng bào hãy nhiệt liệt ủng hộ nó, sẵn sàng nghe theo mệnh lệnh của nó, để đem thắng lợi cho quân dân, giành độc lập cho Tổ quốc”.

XXVII

Ngày tối hôm đó, bọn Tưởng đến xin được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Chúng tin cho ta biết, hạm đội Pháp đã vào vịnh Bắc Bộ. Lần đầu, chúng hỏi vì sao ta và Pháp chưa thỏa thuận với nhau. Chúng khuyên ta không nên quá gắng. Chúng nói nếu ta ký một bản thỏa ước để Pháp đưa quân vào làm nhiệm vụ tiếp phòng, thì chúng sẽ ủng hộ.

Bọn Tưởng ra về, thì tới lượt những người thương lượng Pháp kéo đến. Họ đề nghị được thảo luận tiếp về những điều còn vướng mắc. Phái bộ Pháp bày tỏ nguyện vọng muốn thỏa thuận với Chính phủ ta ngay trong tối hôm đó để đi đến một bản hiệp định sơ bộ.

Rõ ràng là có chuyện gì mới xảy ra giữa Tưởng và Pháp.

Từ khi Hiệp ước Hoa - Pháp ký kết, quan hệ giữa Tưởng và Pháp ở Hà Nội đã có lúc căng thẳng. Bọn Tưởng cho quân lính chuẩn bị. Chúng nói với ta là sẽ không rút quân. Có những tên sư trưởng tuyên bố, nếu Pháp đổ bộ vào miền Bắc, thì chúng sẽ đánh. Mặt khác, chúng tung lũ tay sai đi tìm mọi cách phá những cuộc nói chuyện giữa ta và Pháp. Trong khi đó, người Pháp vẫn luôn luôn lui tới cơ quan chỉ huy của quân đội Tưởng ở Hà Nội.

Với cái nhìn sâu sắc của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thấy rõ sự căng thẳng trong bọn chúng lúc này có chăng cũng chỉ là rất tạm thời. Những tên cầm đầu đã mua bán với nhau xong ở Trùng Khánh. Dù thế nào, cũng không thể có xung đột lớn giữa Pháp và Tưởng. Sớm muộn, chúng cũng sẽ dàn xếp với nhau. Tuy nhiên, chừng nào mà những mâu thuẫn, dù nhỏ, của chúng vẫn còn, thì ta vẫn cần lợi dụng.

Đến nay, quả nhiên giọng lưỡi của bọn Tưởng đã đổi khác. Điều làm Bác chú ý là thái độ vội vã trong cùng một lúc ở cả Tưởng và Pháp.

Cuộc trao đổi giữa ta và Pháp tối hôm đó lại xoay quanh hai vấn đề lớn: độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam.

Tiếng *độc lập* đối với nhà cầm quyền Pháp là một điều đáng sợ. Bọn thực dân lo nó sẽ gây một phản ứng dây chuyền, làm nổi lên một phong trào đấu tranh đòi độc lập trên toàn bộ các nước thuộc địa. Chính phủ Pháp chỉ đồng ý thừa nhận ta là một nước “tự trị”. Pháp muốn kìm ta trong một khuôn khổ nhất định của chủ nghĩa thực dân.

Về vấn đề thống nhất ba “kỳ”, thực dân Pháp có thái độ rất phản động. Bản Tuyên ngôn của Đờ Gôn trước đây đã chia Việt Nam làm ba “nước”: Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ. Trước mắt, chúng đang cố khôi phục lại nền thống trị thực dân ở Nam Bộ và tìm mọi cách tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam.

Đối với chúng ta, *độc lập* và *thống nhất* là nguyện vọng thiết tha, là tình cảm sâu sắc của cả dân tộc. Ta

không thể nhận “tự trị”, vì như thế có nghĩa là từ bỏ một phần những quyền tự do chúng ta đã đổ bao máu xương mới giành lại được, là chấp nhận ở một mức độ nào đó, trở về cuộc sống nô lệ. Nam Bộ là một phần đất của Việt Nam - là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam - không thể để bất cứ kẻ thù nào có thể cắt rời. Dù ở hoàn cảnh hiểm nghèo hiện nay, tất cả những mục tiêu đấu tranh cơ bản đó đều không thể nào nhân nhượng.

Lập trường trước sau của ta là phải đi tới một giải pháp toàn bộ: Pháp phải thừa nhận nền độc lập và sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Lập trường có tính nguyên tắc đó đã được Bác khẳng định lại một lần nữa, tối hôm đó.

Trong suốt quá trình cuộc đàm phán, Pháp đã nhiều lần tìm cách né tránh thảo luận vấn đề Nam Bộ. Chính phủ Pháp chỉ mới chịu công nhận nước Việt Nam là một quốc gia có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính của mình. Cuối cùng, về vấn đề thống nhất ba kỳ, Pháp cam kết là sẽ thừa nhận kết quả của một cuộc trưng cầu ý dân.

Nhưng Pháp vẫn chưa chịu thừa nhận nền độc lập của ta. Vấn đề này lại dẫn cuộc thảo luận tối hôm đó tới bế tắc.

Đến khuya, những người thương lượng Pháp ra về. Trước khi từ biệt, họ ngỏ ý mong Chủ tịch Hồ Chí Minh cân nhắc thêm về những đề nghị của họ. Thái độ của họ tỏ ra rất lo lắng.

XXVIII

Ngày 6-3-1946.

Sáng sớm, hạm đội Pháp từ vịnh Bắc Bộ bắt đầu tiến vào cảng Hải Phòng. 8 giờ 30, chiếc tàu đổ bộ đầu tiên của chúng xuất hiện trên sông Cửa Cấm, quân Tưởng đóng ở dọc sông nổ súng. Mười lăm phút sau, bọn Pháp bắn trả. Kho đạn của quân Tưởng ở cảng bốc cháy. Một số tàu Pháp bị bắn thủng. Nhiều lính Pháp chết và bị thương. Cuộc đấu súng kéo dài đến gần 11 giờ trưa.

Bọn quân phiệt Tưởng và lũ tay sai muốn lợi dụng sự xung đột giữa ta với Pháp. Nhưng trở trêu, kẻ đầu tiên xung đột với Pháp lại chính là chúng. Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội đã chuẩn bị những hoạt động phá phách lớn, nếu ta và Pháp đi đến dàn xếp. Nhưng sự dàn xếp giữa ta và Pháp lúc này, đã trở thành một yêu cầu của chính quan thầy chúng. Sáng hôm đó, bọn Tưởng lại đề nghị với ta một lần nữa, nên sớm thỏa thuận với Pháp để tránh một cuộc chiến tranh rộng lớn có thể xảy ra.

Trước mắt, vẫn là bế tắc lớn: Ta kiên quyết gạt bỏ chữ “tự trị” của Pháp đưa ra; nhưng *độc lập* còn là một điều mà Chính phủ Pháp chưa chịu thừa nhận.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thấy đã đến lúc cần đi đến một quyết định. Sau khi hội ý với Thường vụ, Người đưa ra cách giải quyết: “Nước Pháp công nhận nước Việt Nam là một quốc gia tự do...”.

Phái bộ Pháp ưng thuận.

Những người thương lượng Pháp sau này kể lại: đó là những giây phút chờ đợi rất căng thẳng họ đã phải chịu đựng.

Thế là trong tình hình hết sức rối ren, phức tạp lúc bấy giờ, cuộc đàm phán giữa ta và Pháp đã đạt được một hiệp định sơ bộ. Đây là bản hiệp định quốc tế đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký với một nước ngoài.

Lễ ký kết được cử hành vào lúc 4 giờ chiều tại ngôi nhà số 38 phố Lý Thái Tổ.

Những người thay mặt cho nước Pháp, những người đứng đầu Bộ Tư lệnh quân đội Tưởng ở miền Bắc Đông Dương, đại diện phái bộ Mỹ, lãnh sự Anh lục tục kéo đến ngôi biệt thự ở cách Bắc Bộ phủ một khu vườn hoa.

Gian phòng nhỏ bài trí đơn giản, không có cờ.

Chủ khách đều đứng chung quanh một chiếc bàn lớn.

Có đủ mặt tại đây, những người thuộc tất cả những “cường quốc” của thế giới tư bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Hình dáng một cụ già mảnh khảnh, râu đen, mặc bộ kaki đã phai màu, đi đôi giày vải chàm, nổi bật lên giữa đám người to béo, sang trọng, số đông là quân nhân. Một hình ảnh thu gọn: nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa giữa vòng vây trùng điệp của chủ nghĩa đế quốc.

Anh Hoàng Minh Giám lần lượt đọc to bản Hiệp định sơ bộ và bản phụ khoản.

Nội dung tóm tắt như sau:

- Nước Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một nước tự do, có chính phủ, có nghị viện, có quân đội, tài chính của mình, ở trong Liên bang Đông Dương và khối Liên hiệp Pháp.

- Chính phủ Pháp cam kết sẽ thừa nhận những quyết định của cuộc trưng cầu dân ý về vấn đề thống nhất ba kỳ.

- Nước Việt Nam thuận để 15.000 quân Pháp vào Bắc Việt Nam làm nhiệm vụ thay thế quân đội Trung Hoa. Số quân Pháp này sẽ phải rút hết sau một thời gian được quy định.

- Hai bên đình chiến để mở một cuộc đàm phán chính thức. Trong khi đàm phán, quân hai bên ở đâu vẫn cứ đóng ở đấy.

Bản Hiệp định và các phụ khoản được đọc xong.

Mọi người đều hướng về phía Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người nhìn lướt các điều khoản của bản Hiệp định. Với cương vị là Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký đầu tiên.

Sau đó, Người chuyển bản Hiệp định cho Vũ Hồng Khanh đứng gần đấy. Trước áp lực của quan thầy Tưởng, Vũ Hồng Khanh phải ngậm bồ hòn làm ngọt, ký tiếp theo, dưới danh nghĩa người đại diện đặc biệt cho Hội đồng Chính phủ.

Xanhtony, người được ủy quyền thay mặt Chính phủ nước Cộng hòa Pháp, ký sau cùng.

Sáu mươi ba năm trước đây, với ít cỡ đại bác và mấy ngàn quân xâm lược, một tên Hác măng nào đó, đã đưa cho nhà Nguyễn bản dự thảo hòa ước gồm 27 điểm, buộc triều

đình Huế hoặc chấp nhận cả, hoặc bác cả, chứ không được thay đổi điểm nào. Vua tôi nhà Nguyễn đã phải cúi đầu nhận bản Hòa ước sĩ nhục năm 1883. Một năm sau, triều đình Huế ký tiếp bản Hòa ước Patơnốt. Đó là bản hòa ước bán nước, đặt nước ta hoàn toàn dưới sự đô hộ của chủ nghĩa thực dân Pháp. Từ đó, mọi quyền tự do, độc lập của dân tộc đã mất, kể cả quyền bang giao với nước ngoài.

Cách mạng Tháng Tám đã mang lại những đổi thay kỳ lạ. Cả dân tộc Việt Nam từ bùn lầy, ngục tù, đau thương đứng dậy. Người Việt Nam nô lệ tạo thành người Việt Nam tự do. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới sinh ra đã đứng vững trong bão táp phong ba.

Hôm nay, kẻ thù có sau lưng những đội quân đông đảo với đủ máy bay, tàu chiến, xe bọc thép, đã phải tiến hành đàm phán với ta một cách bình đẳng. Chính phủ Pháp đã buộc phải chấp nhận cả những điều mà thâm tâm họ không muốn.

Kể từ đầu tiên thừa nhận nước Việt Nam tự do, lại chính là kẻ 63 năm trước đây đã tước mọi quyền tự do của nước ta.

Ta nhận cho 15.000 quân Pháp vào miền Bắc Việt Nam trong một thời gian được quy định, để tống đi khỏi đất nước 18 vạn quân Tưởng tàn ác, đã từng tuyên bố ở lại đây vô thời hạn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt nhân dân ta bày tỏ với nhân dân thế giới nguyện vọng chân thành mong muốn có hòa bình, một nền hòa bình chân chính, trong độc lập và tự do. Và nếu hòa bình chưa thể có ngay được vì lòng tham và sự mù quáng của chủ nghĩa đế quốc, thì đây

là những giây phút hòa hoãn để chuẩn bị cho một cuộc kháng chiến lâu dài, mà chúng ta tin chắc rằng nhất định sẽ giành được thắng lợi.

Lễ ký kết đã xong.

Đại diện nước Pháp nâng cốc chúc mừng Chủ tịch Hồ Chí Minh ngỏ ý vui mừng vì đã đẩy lùi được bóng ma của một cuộc xung đột vũ trang. Bằng một giọng điềm đạm mà kiên quyết, Người nói: “Chúng tôi không thỏa mãn vì chưa giành được hoàn toàn độc lập, nhưng rồi chúng tôi sẽ giành được độc lập hoàn toàn”. Kẻ thù đã chịu lùi một bước cơ bản. Nhưng với ta, thắng lợi này mới chỉ là thắng lợi đầu tiên. Bền bờ thành công vẫn còn xa. Người đã nói cho đối phương biết là cuộc chiến đấu của chúng ta sẽ tiếp tục cho đến thắng lợi cuối cùng.

PHẦN THỨ HAI
**“CỔ RÁN SỨC QUA KHỎI MÙA ĐÔNG
LẠNH LÈO THÌ TA SẼ GẶP MÙA XUÂN”**

“Công việc khẩn cấp bây giờ”

Bút ký của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 5-11-1946

I

Sau buổi lễ ký Hiệp định sơ bộ, Bác trở về Bắc Bộ phủ.

Các nhà báo trong và ngoài nước được tin này đã kéo đến khá đông. Thấy Bác về, mọi người đổ xô tới chung quanh. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho biết ta đã ký một bản Hiệp định sơ bộ với Pháp. Bằng một giọng chậm rãi, Người thông báo vắn tắt những điều khoản chính của bản hiệp định. Người nhấn mạnh đây mới chỉ là những thỏa thuận bước đầu; cuộc đàm phán chính thức giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Pháp sẽ được mở nay mai tại Hà Nội, Sài Gòn hoặc Pari. Người cho các nhà báo biết là đại biểu Mỹ, Anh và Trung Hoa đã có mặt tại buổi ký kết.

Cách mạng lại chuyển sang một chặng đường mới. Cuộc đấu tranh tiếp tục chắc chắn sẽ không kém phần gay

go, phức tạp. Hàng loạt công tác mới mẻ cùng một lúc đòi hỏi nhanh chóng được triển khai.

Thường vụ trao đổi thêm ý kiến về việc giải thích bản hiệp định trong Đảng và trong nhân dân. Cần phải làm cho toàn Đảng và toàn dân hiểu rõ đường lối đúng đắn của ta, thắng lợi của cách mạng, đồng thời nhận thấy tình hình còn hết sức phức tạp, nêu cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng đối phó ngay nếu quân Pháp giở giáo. Chiều hôm đó, Bác và các anh bàn cử người đi các nơi để thực hiện thỏa thuận ngừng bắn. Anh Hoàng Quốc Việt sẽ dẫn đầu một phái đoàn vào Nam Bộ khi có phương tiện giao thông. Sáng hôm sau, anh Hoàng Minh Giám đáp máy bay đi Đà Nẵng. Tôi được phân công xuống Hải Phòng ngay tối hôm đó. Lơcléc đã đề nghị cho gặp người thay mặt Chính phủ ta. Theo ý Bác, tôi sẽ dự buổi mít tinh giải thích hiệp định tại Hải Phòng, nơi quân Pháp được phép đổ bộ đầu tiên trên miền Bắc.

Hà Nội vắng hơn mọi ngày vì lệnh tản cư. Tối hôm đó, trên các đường phố im lặng bỗng vang lên những tiếng loa. Các đội viên tuyên truyền xung phong hô hào đồng bào đón đọc báo *Cứu quốc* sáng hôm sau có đăng những tin quan trọng. Quá nửa đêm, tiếng gõ cửa làm thức giấc những nhân viên tòa soạn báo *Cứu quốc*. Máy anh tự vệ đi tuần tra ghé vào yêu cầu cho biết tin quan trọng vừa loan báo đó là tin gì.

Đồng bào ta nói chung còn chưa biết rõ về cuộc thương lượng giữa ta và Pháp. Máy hôm đó, những làn sóng mít tinh nổi lên ở các tỉnh; thư và điện tối tấp bay về Thủ đô

nhật liệt hoan nghênh việc thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Một khí thế chiến đấu hùng hực dâng lên khắp nơi. Ai nấy đều bày tỏ quyết tâm sẵn sàng hy sinh đến giọt máu cuối cùng để bảo vệ đất nước.

Mở sáng mùng 7, nhiều người đã đứng ở các ngã đường chờ mua báo. Tin về bản Hiệp định sơ bộ vừa ký giữa Chính phủ ta và Chính phủ Pháp được đưa trên tờ *Cứu quốc* bằng những hàng chữ lớn. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do. Đồi bên sẽ ngừng chiến. Một đội quân gồm 10.000 người thuộc quân đội Việt Nam sẽ cùng 15.000 quân Pháp làm nhiệm vụ tiếp phòng thay cho 180.000 quân Tưởng rút về nước.

Cũng trên tờ báo hôm đó, có đăng lời hiệu triệu của Ban thường trực Quốc hội nhân dịp thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến. Ban Thường trực kêu gọi đồng bào đã chuẩn bị càng phải chuẩn bị hơn nữa, đã đoàn kết càng phải đoàn kết hơn nữa, cần trấn tĩnh, tránh mọi sự khiêu khích, triệt để tuân theo mệnh lệnh của Chính phủ. Trong tình hình mới, những lời kêu gọi này vẫn giữ nguyên giá trị.

Hành động xâm lăng của thực dân Pháp tại Nam Bộ đã gây căm phẫn từ lâu trong nhân dân. Mọi người đều mong mỗi cơ hội chiến đấu tiêu diệt lũ giặc nước. Tin mười lăm ngàn quân Pháp sẽ tới miền Bắc có phần ngọt đối với đồng bào ta. Và mặc dầu có chữ ký của Vũ Hồng Khanh ở bên dưới, bản hiệp định vẫn bị bọn Việt Nam Quốc dân Đảng xuyên tạc. Tuy nhiên, không hề có dấu

hiệu của một sự xao xuyên lớn trong nhân dân. Đồng bào đã thấy người thay mặt chính của nhân dân ta ký hiệp định này là Chủ tịch Hồ Chí Minh. “Chắc là Cụ Hồ đã tính kỹ rồi”, đó là ý nghĩ đầu tiên của đồng bào.

Buổi sáng, Xanhtony lấy tư cách người thay mặt Chính phủ Pháp tới Bắc Bộ phủ thăm Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây là cuộc thăm viếng chính thức phản ánh mối quan hệ mới giữa nước Việt Nam và nước Pháp.

Một cuộc mít tinh lớn toàn thành được triệu tập vào 4 giờ chiều.

Tôi từ Hải Phòng về, tới địa điểm mít tinh trước cửa Nhà hát Lớn thì thấy đồng bào đã đứng tràn khắp các ngã đường chạy vào quảng trường. Các đồng chí công an, tự vệ giữ trật tự phải khá vất vả mới mở được một lối cho đoàn xe của Chính phủ. Khác với mọi lần, trên nét mặt những người dự mít tinh đều biểu lộ vẻ chờ đợi. Thực ra không mấy ai hiểu rõ hết tình thế phức tạp và hiểm nghèo của đất nước vào lúc đó. Mặc dù đã đặt một niềm tin tuyệt đối vào người lãnh đạo của mình, đồng bào ta vẫn có những băn khoăn, suy nghĩ. Tại sao Pháp mới chỉ công nhận nước ta là một “Quốc gia tự do”? Liên bang Đông Dương là thế nào?... Liệu quân Tưởng có chịu rút thật hay không? Từ trước tới giờ chúng làm như sẽ ở lại mãi mãi trên đất nước này... Những băn khoăn đó đều chính đáng và cũng dễ hiểu.

Biển người im lặng. Tin tức về cuộc xung đột ở Hải Phòng sáng hôm qua đã bay về Hà Nội. Có những người biết lúc này đây, hạm đội Pháp đã thả neo trên sông Cửa Cấm. Cũng có tin Lư Hán đã rời Trùng Khánh đáp máy

bay sang Việt Nam. Mọi người đều hướng về phía bao lớn Nhà hát Lớn, chờ đoàn chủ tịch buổi mít tinh ra mắt. Bỗng phía bên trái quảng trường xôn xao. Một tên phá hoại đã tung ra một trái lựu đạn. Vì hoảng hốt, nó quên mở chốt hãm. Thủ phạm bị tóm ngay tại chỗ. Theo lời khai của hắn, bọn phản động đã đưa tới bốn nhóm tay sai để phá cuộc mít tinh. Thấy một tên trong bọn vừa hành động đã bị bắt quả tang, những tên kia vội vàng lẩn trốn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thường vụ nhận thấy cần nói rõ với đồng bào vì sao chúng ta đã ký Hiệp định sơ bộ mồng 6-3. Đại diện của Chính phủ trình bày trước cuộc mít tinh những thuận lợi và những khó khăn của ta trong hoàn cảnh quốc tế rất phức tạp lúc đó. Do cuộc chiến đấu anh dũng của đồng bào ta, bọn thực dân phải từ bỏ ý định trước đây chỉ coi Việt Nam là một nước tự trị. Chính phủ Pháp buộc phải thừa nhận nước ta là một “Quốc gia tự do”. “Tự do” khác nhiều với “tự trị”. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tự do có Chính phủ, Quốc hội, tài chính và quân đội của mình. Có thể nói là chúng ta đã giành được những quyền cơ bản về nội trị. Một khi quyền tự do đã giành được, chúng ta sẽ tiến tới giành độc lập, giành lấy độc lập hoàn toàn. Pháp muốn chiếm giữ Nam Bộ, coi đó là một chuyện đã rồi. Chính phủ ta đã vạch trần âm mưu này và kiên quyết lên án. Cuối cùng, Pháp chịu sẽ mở một cuộc trưng cầu ý dân về vấn đề thống nhất ba kỳ và cam kết sẽ thừa nhận những kết quả của nó. Chúng ta đặt lòng tin vững chắc vào nhân dân ta, vào những người đang cầm vũ khí anh dũng đánh trả bọn cướp nước. Cuộc đấu tranh còn phải tiếp tục. Nhưng Nam Bộ nhất định sẽ trở về

trong lòng Tổ quốc. Việc quân Pháp vào miền Bắc thay thế quân Tưởng là một điều được thỏa thuận giữa các nước Đồng minh. Ta không muốn có bất cứ một quân đội nước ngoài nào trên đất nước ta. Nhưng hơn một vạn quân Pháp vào thì gần hai chục vạn quân Tưởng sẽ phải rút đi. Và quân Pháp cũng sẽ phải rút khỏi nước ta. Chúng ta điều đình với Pháp để tạo những điều kiện thuận lợi mới cho cuộc đấu tranh sẽ còn phải lâu dài, chúng ta sẽ tìm mọi cách củng cố và phát triển vị trí chính trị, lực lượng quân sự và kinh tế của ta để tiến tới giành độc lập và thống nhất hoàn toàn cho đất nước.

Đồng bào nghe giải thích rõ chủ trương ký Hiệp định sơ bộ mong 6-3 đã biểu lộ sự đồng tình bằng những tràng vỗ tay kéo dài.

Sau đó, đến lượt Vũ Hồng Khanh phát biểu ý kiến. Y chậm chạp bước ra trước máy phóng thanh. Đứng trước đồng bào, Khanh buộc phải hô hào dân chúng ủng hộ những hoạt động ngoại giao của Chính phủ. Giọng nói của y rời rạc, nhạt nhẽo. Người nghe đáp lại bằng những tiếng vỗ tay lẻ tẻ, chiếu lệ.

Đột nhiên, tiếng hò reo vang dậy cả quảng trường. Chủ tịch Hồ Chí Minh với vầng trán cao, chòm râu đen, dáng người mảnh khảnh, vừa xuất hiện trên bao lơn Nhà hát Lớn. Trong chương trình, không báo trước sự có mặt của Người. Tiếng vỗ tay, hoan hô kéo dài rất lâu. Người phải nhiều lần giơ tay ra hiệu đề nghị đồng bào im lặng.

Người chỉ nói ít lời ngắn gọn:

- Nước ta đã độc lập thực sự từ tháng 8-1945. Nhưng tới nay, chưa một cường quốc nào công nhận nền độc lập

của ta. Cuộc điều đình với nước Pháp sẽ mở ra con đường làm cho quốc tế thừa nhận ta. Nó sẽ dẫn ta đến một vị trí ngày càng chắc chắn trên trường quốc tế. Đó là một thắng lợi lớn về mặt chính trị. Chúng ta đã trở thành một quốc gia tự do trên thế giới. Theo hiệp định thì quân Pháp sẽ lần lượt rút hết khỏi Việt Nam. Điều đình với Pháp là chúng tỏ sự khôn ngoan về chính trị của chúng ta. Đồng bào hãy nên bình tĩnh, đoàn kết, trọng kỷ luật. Chúng ta luôn luôn coi người Trung Hoa là anh em. Chúng ta có nhiều bè bạn... Và trên hết, chúng ta có một Chính phủ được toàn dân ủng hộ. Tuy vậy, chúng ta phải cảnh giác và sẵn sàng...

Người im lặng giây lát rồi nói tiếp:

- Tôi, Hồ Chí Minh, suốt cuộc đời cùng đồng bào chiến đấu cho độc lập của Tổ quốc. Tôi thà chết chứ không bao giờ bán nước.

Đồng bào chăm chú lắng nghe từng lời của Bác. Nhiều người ứa nước mắt. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói trước dân tộc một lời thề. Cuộc đấu tranh vô cùng phức tạp, có quan hệ lớn đến vận mệnh của dân tộc đang còn tiếp diễn. Những người lãnh đạo không thể nói công khai tất cả mọi tình hình, mọi chủ trương. Trước một hoàn cảnh như vậy, vấn đề chủ yếu là giữ vững lòng tin.

Đồng bào ta đã biểu lộ một niềm tin tuyệt đối ở Chủ tịch Hồ Chí Minh. Những tiếng hô khẩu hiệu dồn dập vang lên trên quảng trường: “Kiên quyết tranh đấu giành độc lập và thống nhất hoàn toàn”, “Kiên quyết tuân theo mọi mệnh lệnh của Chính phủ và Hồ Chủ tịch”, “Hồ Chủ tịch muôn năm”...

II

Tối mồng 6 tôi xuống Hải Phòng.

Thành phố Cảng còn khét mùi thuốc súng. Kho đạn của quân Tưởng ở bến tỉnh thoảng vẫn phát ra tiếng nổ. Buổi sáng, khi cuộc xung đột bắt đầu, đồng bào đã tự động khiêng giường, tủ, bàn ghế ra chặn các ngã đường. Ở vùng ngoại ô, các đội tự vệ đã chặt cây cối, dựng vật chướng ngại. Xe chúng tôi chạy qua những phố vắng lặng. Nhiều ngôi nhà, cửa đóng im lìm. Tự vệ mặc quân phục màu nâu, đứng gác ở đầu phố. Hải Phòng sẵn sàng đi vào cuộc chiến đấu.

Chúng tôi về Thành bộ Việt Minh. Bí thư Thành ủy hồi đó là anh Lê Quang Đạo. Các đồng chí ở Thành ủy cho biết buổi chiều, bọn Quốc dân Đảng tại trụ sở xé cửa Nhà hát thành phố Hải Phòng đã treo cờ và dùng loa phóng thanh om sòm quảng cáo “chiến công” của quan thầy Tưởng.

Tại đây cũng giống như ở Hà Nội, từ hồi tháng 9 năm trước, để tránh va chạm với quân Tưởng, các đơn vị Vệ quốc đoàn đã tạm giãn ra vùng chung quanh. Trong thành phố chỉ có những đồng chí cảnh vệ và các đội tự vệ. Lực lượng tự vệ phần lớn gồm anh em công nhân và dân

nghèo, được tổ chức theo từng khu phố. Nơi nhiều, có một đại đội. Nơi ít, có một trung đội. Vũ khí do anh em tự xoay sở, mua của Nhật, của Tưởng hoặc tìm cách lấy của chúng. Có những đội tự vệ được trang bị khá mạnh như đội tự vệ khu Bảy. Các đoàn thể công nhân cứu quốc, thanh niên cứu quốc... cũng tổ chức ra những đội vũ trang tự vệ. Toàn thành có một đại đội tự vệ chiến đấu gồm hai trăm người, ở tập trung. Ngoài ra, nhiều đồng bào không đứng trong các tổ chức tự vệ, cũng tự động mua súng ngắn, lựu đạn phòng khi giặc đến.

Hải Phòng nhận được thông báo của Thường vụ về tình hình nghiêm trọng từ mấy ngày trước. Nhiều người già và trẻ em đã tản cư. Thành ủy chuẩn bị kế hoạch đưa toàn bộ đồng bào ra ngoài và tiến hành tiêu thổ khi có lệnh. Những mũi súng đã sẵn sàng ở khắp nơi chờ đợi quân địch xuất hiện. Khi cuộc xung đột Tưởng - Pháp nổ ra, thái độ mọi người rất bình tĩnh. Anh em tự vệ ở Cảng đã nhân lúc kho đạn của quân Tưởng bị cháy, kiếm thêm một số vũ khí.

Sáng mồng 7, phía Pháp chưa tổ chức kịp cuộc tiếp xúc giữa đại diện Chính phủ ta với tướng Locléc, đề nghị chuyển đến chiều. Nhưng tôi mắc dự mít tinh với đồng bào Hải Phòng và sau đó phải trở về ngay Hà Nội theo lời dặn của Bác, nên hẹn hôm sau. Anh Phan Mỹ ở lại làm công việc chuẩn bị.

Cuộc mít tinh của đồng bào Hải Phòng được tổ chức tại bến xe cạnh sông Lấp. Một lễ đài khá cao đã được dựng lên. Thành phố vắng vẻ nhưng người đến dự mít tinh

rất đông. Đây là những người có nhiệm vụ ở lại để bảo vệ thành phố. Dân Hải Phòng gồm phần lớn là những người lao động. Đội ngũ của những người đến dự mít tinh ít màu sắc nhưng rắn chắc và đầy khí thế chiến đấu. Tôi trình bày với đồng bào vì sao Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ đã đồng ý mở cuộc điều đình với Pháp, giải thích nội dung bản hiệp định và yêu cầu đồng bào đoàn kết chặt chẽ, hết sức cảnh giác, triệt để chấp hành mọi mệnh lệnh, chính sách của Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Những tiếng hô “Hồ Chủ tịch muôn năm” vang tới sông Cửa Cấm, nơi có những tàu chiến Pháp. Vũ Hồng Khanh cùng đi với tôi xuống Hải Phòng, hôm đó cũng đến dự mít tinh. Khanh được mời phát biểu, nhưng y từ chối với có ít thời giờ.

Chiều hôm đó, anh Phan Mỹ gặp Locléc. Viên tướng này đã nói một cách ngạo mạn: “Chúng tôi đã ra đi và chúng tôi vẫn cứ đến mặc dầu có sự ưng thuận của các ông hay không”. Y nói bọn Tưởng tại đây đã đồng ý cho quân Pháp đổ bộ và yêu cầu phía Việt Nam cũng làm như vậy. Anh Phan Mỹ đã từ chối trả lời mọi đề nghị của Locléc.

Ngày mồng 8, tôi trở lại Hải Phòng.

Một số quân Pháp đã được bọn Tưởng thỏa thuận cho lên bờ, căng lều ở dọc sông. Chúng đổ bộ nhiều xe tăng và xe bọc thép. Hầu hết trang bị của quân Pháp đều do Mỹ chế tạo, từ xe bọc thép, pháo lớn đến quần áo, ba lô. Rồi đây nếu cuộc kháng chiến nổ ra, chúng ta sẽ đánh với quân đội viễn chinh Pháp được trang bị bằng vũ khí Mỹ.

Một viên tướng đứng tuổi, dáng người to lớn, thái độ

mềm mỏng, lịch thiệp lên bến đón đại diện của Chính phủ ta. Đó là Valuy.

Một chiếc tàu nhỏ đưa tôi ra gặp Locléc. Viên Tổng Chỉ huy của quân đội viễn chinh Pháp là một trong số những viên tướng hiếm hoi nổi tiếng ở nước Pháp trong mấy năm vừa qua. Báo chí Pháp ca ngợi y đã cầm đầu một sư đoàn xe bọc thép đổ bộ vào bờ biển Noóc măngđi và sau đó đã chiến đấu tại Đức. Y là người được Đờ Gôn trao trách nhiệm mang quân chiếm lại các thuộc địa cũ của Pháp ở Đông Dương.

Locléc đứng đợi trên boong con tàu Xê nê gale được thả neo ở sông Cửa Cấm. Viên tướng bốn sao này từ dáng dấp đến lời ăn tiếng nói đều biểu thị một phong cách nhà binh chuyên nghiệp. Locléc cao và gầy trong bộ quân phục đã chiến. Trên khuôn mặt xương xương, một cặp mắt sâu, một bộ râu mép lấm tấm điểm bạc. Nét mặt tươi cười của y dường như dễ nhanh chóng chuyển sang cau có.

Sau cái bắt tay và mấy câu nghi lễ xã giao, với một giọng không lấy gì làm nhã nhặn, Locléc nói:

- Tôi yêu nước Pháp. Tôi muốn bất kỳ ở đâu danh dự của nước Pháp cũng được tôn trọng.

Tôi thấy khó chịu, tự kiềm chế, đáp:

- Tôi là một người cộng sản chiến đấu cho độc lập của đất nước chúng tôi. Tôi nghĩ rằng những người yêu nước chân chính thì bao giờ cũng biết tôn trọng lòng yêu nước của những người khác.

Không khí cuộc nói chuyện dịu dần. Tôi nhắc đến cuộc chiến đấu cực kỳ anh dũng của nhân dân ta chống phát xít Nhật để tự giải phóng khỏi xiềng nô lệ, rồi nói tiếp:

- Ông đã từng chiến đấu chống phát xít Đức, tất nhiên cũng có chỗ để chúng ta hiểu nhau.

Lơcléc đưa tôi vào căn buồng khách của con tàu. Y giới thiệu những sĩ quan có mặt. Cuộc trao đổi ý kiến tiếp tục. Lơcléc hứa sẽ cố giữ vững tình giao hảo Pháp - Việt. Y hay nhấn mạnh đến vai trò cá nhân của mình. Chúng ta bàn với Lơcléc việc thi hành Hiệp định sơ bộ về mặt quân sự. Trong lúc chờ đợi một hiệp nghị chính thức giữa hai chính phủ, cần phải xác định những địa điểm, ấn định số quân Pháp được tới ở từng nơi khi quân Pháp cùng bộ đội Việt Nam tiếp phòng quân Tưởng.

Qua cuộc gặp này, chúng ta và Bộ Chỉ huy quân đội Pháp đã đồng ý sẽ mở những phiên họp liên tịch để đi tới thỏa thuận về tổ chức, hoạt động của các lực lượng làm nhiệm vụ tiếp phòng và vấn đề thực hiện ngừng bắn.

III

“*Con thuyền cách mạng đang luôn luôn những mỏm đá ghềnh...*”. Những dự kiến đề ra trong bản chỉ thị *Tình hình và chủ trương* ngày 3-3 đã được thực tế chứng minh là hoàn toàn chính xác. Với Hiệp định mồng 6-3, cách mạng lại đứng trước một khúc ngoặt. Ngay sau khi ký hiệp định, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp để đánh giá lại tình hình và đề ra chủ trương mới.

Những nguyên nhân nào đã dẫn tới việc Pháp phải từ bỏ bản Tuyên ngôn ngày 24-3-1945 của Đờ Gôn để ký hiệp định này?

Trước hết là do sức mạnh đoàn kết chiến đấu của nhân dân ta. Đó là nhân tố quyết định quan trọng nhất. Những năm đánh Nhật của ta, cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám vĩ đại và cuộc kháng chiến anh dũng tại Nam Bộ gần sáu tháng qua đã làm cho kẻ thù nhận thấy sức mạnh mới đó. Đứng trước cả một dân tộc đã vùng dậy khởi nghĩa giành lấy chính quyền, cầm vũ khí quyết tâm chiến đấu bảo vệ độc lập, tự do, ngay cả những viên tướng của thực dân như Locléc cũng phải suy nghĩ trước khi có những hành động phiêu lưu quân sự mới. Mặt khác, cần kể tới những khó khăn của bản thân chủ nghĩa đế quốc Pháp.

Giai cấp tư sản Pháp đã bị suy yếu sau những năm Chiến tranh thế giới thứ hai. Trong nước, chúng phải đương đầu với phong trào đấu tranh ngày càng lớn mạnh của các lực lượng dân chủ. Tại Đông Dương, mâu thuẫn giữa Pháp và Tưởng nhìn chung có chiều dịu đi, nhưng vẫn làm cho Pháp e ngại. Tình hình trên đã buộc Pháp trước mắt phải tìm một giải pháp mới với chúng ta.

Hiệp định mông 6-3 đối với chúng ta mới chỉ là thắng lợi bước đầu. Cuộc đàm phán giữa ta và Pháp đang tiếp tục. Toàn Đảng, toàn dân cần phải làm gì trong lúc này?

Pháp chưa chịu công nhận nền độc lập của các nước Đông Dương. Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc tại các nước Đông Dương chưa hoàn thành. Mục tiêu của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn này vẫn là hoàn toàn giải phóng Tổ quốc, thống nhất đất nước, củng cố chế độ dân chủ cộng hòa. Muốn hoàn toàn giải phóng Tổ quốc, phải chống chủ nghĩa thực dân. Nay Chính phủ Pháp đã ký Hiệp định sơ bộ, tình hình có chỗ khác. Về sách lược, chúng ta cần xác định rõ kẻ thù cụ thể lúc này để tập trung mũi nhọn vào chúng.

Ba tháng trước đây, trong bản chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc* ngày 25-11-1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng sau khi phân tích tình hình đã xác định: kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược. Trong tình hình mới, Thường vụ chỉ ra: kẻ thù cụ thể trước mắt lúc này là bọn phản động Pháp. Bọn phản động này đang tìm mọi cách chống phá phong trào dân chủ tại Pháp. Chúng chủ trương câu kết với đế quốc Mỹ và đế quốc Anh

để bao vây Liên Xô. Chúng vẫn mưu toan đặt lại nền thống trị thực dân tại Đông Dương. Trước mắt, chúng đang phá hoại sự thống nhất của Việt Nam, ngăn cản cuộc đấu tranh giành độc lập hoàn toàn của nhân dân ta.

Từ khi Pháp quyết định dùng vũ lực để đánh chiếm Nam Bộ, ta đã nêu lên việc tổ chức Mặt trận Dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược. Trước tình thế mới, Mặt trận Dân tộc thống nhất phải chia mũi nhọn vào bọn phản động Pháp.

Một số khẩu hiệu mới được nêu lên: “Liên hiệp và bình đẳng với nước Pháp mới”, “Hai dân tộc Việt - Pháp liên hiệp chống bọn phản động Pháp”.

Về quân sự, chúng ta phải ra sức giữ vững và bồi đắp thực lực, đề phòng mọi bất trắc. Đồng thời, ta phải đẩy mạnh cuộc đấu tranh trên các mặt trận mới: chính trị, kinh tế và văn hóa.

Từ sự chuyển hướng về chiến thuật nói trên, Ban Thường vụ dự kiến những điều có thể xảy ra và nêu lên một số công tác.

Cần phải giải thích thật sâu rộng để cho đồng bào hiểu rõ ký Hiệp định sơ bộ là một chủ trương đúng đắn, thấy đây là một thắng lợi của ta. Lại phải chống tư tưởng cho rằng ký xong với Pháp là đã hết mọi khó khăn, lơ là việc chuẩn bị chiến đấu.

Ta phải thiết thực đề phòng thực dân Pháp bội ước.

Chúng có thể không chịu thi hành những điều khoản đã cam kết hoặc xuyên tạc nội dung của bản hiệp định. Cũng có thể là sau khi quân Pháp đổ bộ, đóng tại một số

căn cứ rồi, bọn thực dân sẽ trở mặt kiếm chuyện tấn công ta nhằm lật đổ chính quyền nhân dân. Bảo vệ những thành quả mà cách mạng đã giành được là một nhiệm vụ cơ bản hết sức trọng yếu. Thường vụ nhấn mạnh phải tiếp tục những việc chuẩn bị kháng chiến lâu dài. Ở những nơi quân Pháp đến đóng, ta nên giữ thái độ bình tĩnh và tổ chức ra ủy ban liên lạc để giải quyết những vấn đề có liên quan giữa hai bên. Ta phải nhanh chóng tổ chức, giáo dục nhân dân địa phương luôn luôn cảnh giác đề phòng, đồng thời đẩy mạnh cuộc vận động binh lính Pháp làm cho quân Pháp hiểu được cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta.

Đối xử với bọn Tưởng lúc này cần hết sức khéo léo. Hiệp định mong 6-3 đã đặt chúng trước một tình thế mới. Chúng thấy sẽ không duy trì được như cũ các quyền lợi của chúng ở Đông Dương. Ta phải chống lại mưu mô của chúng nhằm kéo dài thời gian đóng tại đây, muốn biến Đông Dương thành một xứ nằm dưới quyền quản trị của quốc tế.

Bọn phản động trong nước đang có những thủ đoạn và mưu đồ mới. Chúng ra sức xuyên tạc việc ký hiệp định. Chúng tìm cách gây ra những vụ khiêu khích, tạo điều kiện cho thực dân Pháp kiếm cớ lấn bước ta hoặc xóa bỏ những điều đã ký kết. Bọn Quốc dân Đảng, tay sai của Tưởng vẫn mưu toan tiến hành một cuộc đảo chính phản cách mạng. Nhân lúc bọn chúng hoang mang vì cảm thấy sắp bị Tưởng bỏ rơi, ta cần tìm cách phân hóa chúng, kéo những người lầm đường quay trở về với nhân dân. Bọn Việt gian thân Pháp có thể ngóc đầu dậy, câu kết với Pháp

phá hoại cuộc đấu tranh giành độc lập của ta. Ta phải tìm mọi cách có hiệu lực ngăn ngừa không để chúng làm hại sự nghiệp chung.

Ban Thường vụ đã chỉ ra dã tâm của thực dân Pháp đối với vấn đề Nam Bộ.

Chúng sẽ cho rằng Hiệp định mông 6-3 chỉ áp dụng cho Bắc Bộ và phần lớn Trung Bộ. Chúng sẽ xúc tiến trò hề “đòi tự trị”, cố gắng tạo nên một chính phủ bù nhìn ở Nam Bộ nhằm tiếp tục chia cắt nước ta, đặt chúng ta trước một “việc đã rồi”.

Đối với cuộc trưng cầu ý dân ở Nam Bộ đã nêu trong hiệp định, chúng sẽ tìm cách kéo dài thời gian trước khi tiến hành để đàn áp phong trào kháng chiến, tăng cường lực lượng của bọn nguy quân, nguy quyền. Đồng bào ta sẽ không còn được tự do bày tỏ nguyện vọng của mình trong một cuộc trưng cầu ý dân dưới lưỡi lê của bọn xâm lược.

Chúng sẽ lợi dụng tình hình tranh tối tranh sáng trước khi hiệp định đình chiến được thực tế thi hành trong Nam Bộ mà lấn bước về quân sự và tiến công về chính trị. Chúng sẽ làm cho đồng bào ta chán nản, tạo cơ hội cho bọn phản cách mạng hoạt động.

Chủ trương của ta là kiên quyết đòi Pháp phải thi hành nghiêm chỉnh hiệp định đình chiến, phải thừa nhận quyền hoạt động của Việt Minh ở các vùng do quân Pháp tạm chiếm trong khi chờ đợi hiệp ước chính thức giữa ta và Pháp. Tại các thành phố tạm chiếm, sẽ dấy lên một phong trào đấu tranh chính trị mạnh mẽ đòi thống nhất đất nước.

Việc ký Hiệp định sơ bộ đã tạo ra một thời kỳ hòa hoãn. Ta cần hết sức lợi dụng thời gian quý báu này để củng cố và phát triển lực lượng về mọi mặt làm cơ sở cho cuộc đấu tranh lâu dài.

Những điều trên đây đã được đề ra trong bản chỉ thị “*Hòa để tiến*” của Ban Thường vụ Trung ương ngày 9-3-1946. Bản chỉ thị kết thúc bằng câu:

“Các đồng chí!

Tổ quốc gặp những khó khăn. Nhưng con thuyền cách mạng đang luôn luôn những mỏm đá ghênh để lướt tới. Chúng ta “hoà” với nước Pháp để giành thời gian, bảo toàn thực lực, giữ vững lập trường đặng mau *tiến tới độc lập hoàn toàn*”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 56.

IV

Đácgiăngliơ trở về Pháp trung tuần tháng 2. Trong giới cầm quyền Pháp đã có những thay đổi trái với mong muốn của y. Tướng Đờ Gôn, quan thầy của Đácgiăngliơ, người trao cho y chức cao ủy ở Đông Dương, đã từ chức. Phêlich Goăng, một đảng viên Đảng Xã hội được trao nhiệm vụ làm Chủ tịch Chính phủ lâm thời. Bộ thuộc địa trước kia do một người thân cận của Đờ Gôn nắm giữ, đã trở thành Bộ nước Pháp ở hải ngoại và chuyển sang tay Mariuyt Mutê cũng là người của Đảng Xã hội. Chính phủ Goăng với thành phần đa số là người thuộc Đảng Xã hội đã chấp thuận kế hoạch điều đình với Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Locléc đề nghị. Đácgiăngliơ hoạt động ráo riết, tìm cách câu kết với những phần tử thuộc phái hữu trong giới cầm quyền mới của Pháp. Đến đâu, y cũng rêu rao: “Việt Minh là một đảng bài Pháp, không thể tin cậy; ông Hồ Chí Minh và các lãnh tụ Việt Minh đều là những kẻ phiến loạn cộng sản”. Đầu tháng 3, viên cao ủy trở lại Sài Gòn.

Ngay sau khi Hiệp định sơ bộ mồng 6-3 được công bố, Đácgiăngliơ tung ra trên đài Sài Gòn một bài diễn văn. Viên cao ủy ca ngợi tinh thần quân đội Pháp trong những ngày Nhật làm đảo chính. Y nói Nhật chính là thủ phạm

đã gây nên “những dục vọng xấu xa của những người dân bản xứ”; y muốn nói đến nguyện vọng đấu tranh giành độc lập của nhân dân Đông Dương. Viên cao ủy bày tỏ lòng biết ơn quân đội Anh đã giúp đỡ Pháp trở lại Nam Bộ. Y buộc phải nhắc tới điều đã ghi trong hiệp định: “Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có chính phủ, quốc hội, tài chính và quân đội của mình”. Nhưng y lại nói thêm: “Tôi xin nhắc là Cao Miên cũng có chính phủ riêng, quân đội riêng, tài chính riêng và sắp có nghị viện riêng”. Đắcgiăngliơ ca tụng những việc người Pháp làm ở Nam Bộ như là đã lập một hội đồng tư vấn. Cuối cùng, y “chúc các giới ở Đông Dương sinh con đẻ cái nhiều và làm ăn thịnh vượng”.

Bài diễn văn sắc mùi thực dân này lập tức bị các báo chí của ta đập lại mạnh mẽ.

Mồng 9-3-1946, tại Pari, Mutê - Bộ trưởng Bộ nước Pháp ở hải ngoại, trình Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp lên Hội đồng Chính phủ. Bản Hiệp định được Hội đồng Chính phủ Pháp phê chuẩn. Nhưng chỉ mấy hôm sau, ngày 14 tháng 3, chính Mutê lại tuyên bố là xứ Nam Kỳ sẽ có hiến pháp tự do và sẽ được “hưởng một chế độ riêng như nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”. Điều này cho thấy ta không nên trông chờ gì nhiều ở những người mệnh danh là đảng viên Đảng Xã hội đang nắm giữ quyền hành trong Chính phủ Pháp.

Đối với bản Hiệp định mà Chính phủ Pháp vừa phê chuẩn, người Pháp tại Đông Dương có những lời nói và việc làm rất trái ngược nhau.

Ngày 13-3, Lơcléc ra lời kêu gọi quân đội Pháp và người Pháp cần tỏ thái độ thân thiện với người Việt Nam.

Xanhtony viết trên báo *L'entente* xuất bản tại Hà Nội: “Không phải với sự tiếc thương vô ích một quá khứ đã lỗi thời mà có thể xây đắp được một tương lai tốt đẹp đầy đủ”. Nhưng cùng thời gian đó, tại Nam Bộ, Pháp cho máy bay rải truyền đơn đòi quân đội Việt Nam phải mang vũ khí tới nộp. Ngày mùng 9 tháng 3, Pháp tập trung quân ở Cà Mau, Rạch Giá... Chúng đem quân đánh úp nhiều vị trí của bộ đội ta. Các lực lượng vũ trang của ta kiên quyết chiến đấu để tự vệ. Tiếng súng vẫn tiếp tục nổ ở Nam Bộ. Trên miền Bắc, bọn Pháp vừa được đổ bộ ở Hải Phòng đã có những lần tự ý di chuyển không xin phép ta.

Trung tuần tháng 3, những người cầm đầu Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội và Việt Nam Quốc dân Đảng thỏa thuận với ta ra bản Thông lệnh về việc thống nhất hành chính và thống nhất quân đội. Các đảng phái sẽ thành thật hợp tác, không công kích, bắt bớ lẫn nhau, không dọa nạt dân, tự do tuyên truyền trong vòng pháp luật và tuyệt đối tuân theo mệnh lệnh của Chính phủ.

Bản Thông lệnh vừa được công bố trên các báo hôm trước thì ngay hôm sau, 16-3, bọn Quốc dân Đảng cho một lũ tay sai kéo đi trên đường phố hò la những khẩu hiệu phản đối và xuyên tạc việc ký Hiệp định sơ bộ. Khi chúng tới vườn hoa Hàng Đậu thì cảnh sát của ta bắt giải tán. Ba đồng chí công an bị thương trong khi làm nhiệm vụ. Quốc dân Đảng vẫn tiếp tục tổ chức những vụ bắt cóc trong thành phố.

Tình hình diễn ra không ngoài những điều Thường vụ đã dự kiến trong chỉ thị *Hòa để tiến*. Một giai đoạn

đấu tranh mới phức tạp và không kém phần quyết liệt đã mở đầu.

Hai ngày sau khi ký Hiệp định sơ bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh gặp các khu trưởng và đại đội trưởng tự vệ thành Hà Nội tại Tòa thị chính. Bác nói: “Ký hiệp định đình chiến này không phải là đã hết chiến tranh đâu. Thái độ ôn hòa, nhã nhặn của ta đối với quân đội Pháp không phải là thái độ nhu nhược, thụ động. Trái lại, hơn bao giờ hết, ta phải luôn luôn chuẩn bị để bồi dưỡng lực lượng, nâng cao tinh thần kháng chiến của toàn dân để đối phó với những việc bất ngờ bất cứ lúc nào cũng có thể xảy ra. Tinh thần kháng chiến, sự chuẩn bị chu đáo phải là thường trực, tiếp tục không một giây, một phút nào ngừng...”. Người đã nói chuyện với anh em trong suốt một giờ rưỡi.

Trong thư gửi cho đồng bào và các chiến sĩ Nam Bộ ngày 10-3, Bác viết: “trong thời kỳ đình chiến này, nhất là trong lúc quân đội hai bên cần phải đứng lại trên vị trí hiện thời, sự chuẩn bị, sự củng cố lực lượng, sự tôn trọng kỷ luật là cần thiết hơn lúc nào hết. Và rồi đây, sau khi hòa bình đã thỏa hiệp được, thì tinh thần phấn đấu của anh em vẫn là những lực lượng quý báu để bảo đảm cho nền độc lập hoàn toàn của nước nhà sau này”¹.

Ngày 11-3, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi gửi đồng bào, gửi các chính phủ và nhân dân thế giới tố cáo phía Pháp có những hành động trái với tinh thần hiệp định. Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào bình tĩnh, sẵn sàng chờ lệnh. Người kêu gọi nhân dân và các chính

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 228-229.

phủ trên thế giới, nhất là nhân dân Pháp hãy ủng hộ chính nghĩa, đấu tranh đòi Chính phủ Pháp phải thi hành hiệp định. Cùng ngày, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thông điệp nhắc phía Pháp về việc mở cuộc đàm phán chính thức, vì theo như đã thỏa thuận thì cuộc đàm phán sẽ phải bắt đầu ngay.

Những làn sóng mít tinh lại nổi lên khắp các nơi. Tại Hà Nội, mười vạn người họp mặt ở Việt Nam học xá yêu cầu Pháp phải đình chỉ những hành động trái hiệp định, phải lập tức mở cuộc đàm phán chính thức ở Pari. Quần chúng hô vang những khẩu hiệu: “Ủng hộ Hồ Chủ tịch”, “Sẵn sàng tuân theo mệnh lệnh của Chính phủ”, “Nam Bộ là đất Việt Nam”...

Mặc dầu những hoạt động chống phá của bọn phản động, ta vẫn kiên trì chính sách đoàn kết các đảng phái. Một cuộc liên hoan lớn giữa Việt Minh, Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội và Việt Nam Quốc dân Đảng được tổ chức tại Nhà hát thành phố ngày 17-3. Anh Đồng thay mặt cho Việt Minh trình bày lại sự cần thiết phải đoàn kết chung quanh Chính phủ liên hiệp kháng chiến và bày tỏ nguyện vọng đoàn kết của Việt Minh. Giữa buổi liên hoan thì Bác tới. Tiếng hoan hô vang động cả hội trường. Toàn thể đại biểu đều đứng dậy. Ban âm nhạc Vệ quốc đoàn cử bài “Hồ Chí Minh muôn năm”.

Những phần tử phản động của Việt Nam Quốc dân Đảng trong Chính phủ liên hiệp chủ trương nên tìm chỗ dựa ở Tưởng và Mỹ. Ngày 12-3, Nguyễn Tường Tam tới Bộ Ngoại giao nhậm chức, tuyên bố: “Trung Hoa và Mỹ có nhiệm vụ duy trì nền hòa bình ở Viễn Đông”. Y luôn luôn nhắc tới việc cần liên hệ với Mỹ, cần tranh thủ sự giúp đỡ

của Mỹ và Tưởng về mọi mặt. Nguyễn Tường Tam đề nghị tổ chức ngay một phái đoàn thân thiện sang Trùng Khánh để thắt chặt tình thân hữu Hoa - Việt. Chắc chắn đây là ý của quan thầy y. Vĩnh Thụy khi đó là người đứng đầu Ngoại giao ủy viên hội, có nhiệm vụ đề đạt ý kiến với Chính phủ về công tác ngoại giao, tán thành đề nghị của Tam. Vĩnh Thụy ngỏ ý muốn được đi Trùng Khánh. Bọn Tưởng ở Hà Nội cũng gợi ý với ta nên để Vĩnh Thụy đi. Về sau ta được biết là khi đó Mácsan đang có mặt ở Trùng Khánh. Có thể là đế quốc Mỹ đã nhìn thấy ở Vĩnh Thụy con bài một ngày kia chúng sẽ dùng tới. Việc cử một phái đoàn đi Trùng Khánh trước mắt cũng có tác dụng hòa hoãn mâu thuẫn giữa ta với bọn Tưởng. Chính phủ ta đồng ý. Đây là một thử thách rất nghiêm trọng đối với Vĩnh Thụy. Ông ta đã có được một câu nói hay hồi tháng 8 năm ngoái: “Thà làm công dân một nước tự do còn hơn làm vua của một nước nô lệ”. Mai đây, ông ta sẽ lại đứng trước hai ngã đường: tiếp tục đi với nhân dân hay trở lại cuộc đời hại dân, hại nước? Trước khi quân Pháp đến Hà Nội thì Vĩnh Thụy rời Thủ đô để sang Trung Hoa trên một chiếc máy bay của Mỹ. Chặng đường ngắn ngủi đi với nhân dân của ông vua cuối cùng triều Nguyễn đã kết thúc. Sau ngày cuộc kháng chiến toàn quốc nổ ra ít lâu, Bác cử người sang Hồng Công gặp Vĩnh Thụy, mời y trở về nước tham gia kháng chiến. Vĩnh Thụy chối từ. Đầu tháng 12-1948, Vĩnh Thụy thuê một chiếc máy bay Catalina về Vịnh Hạ Long để gặp Bôlaéc, người thay Đácgiănggiơ giữ chức cao ủy của Pháp tại Đông Dương. Cuộc mặc cả của Vĩnh Thụy với “ông chủ cũ” để trở lại cuộc đời bù nhìn nô lệ bắt đầu.

V

Một tuần sau khi bản Hiệp định sơ bộ được ký tại Hà Nội, Bộ tổng tham mưu quân đội Quốc dân Đảng Tưởng Giới Thạch mới đi đến thỏa thuận để quân Pháp thay thế quân Tưởng làm nhiệm vụ tiếp phòng tại miền Bắc Đông Dương. Bản thỏa ước này được công bố ngày 13-3 ở Trùng Khánh. Thời hạn Tưởng rút quân sẽ bắt đầu từ ngày 15-3 và kết thúc ngày 31-3-1946. Về mặt pháp lý, hai chục vạn quân Tưởng đã không còn cơ gì để tiếp tục ở lại trên miền Bắc Đông Dương.

Tại Hà Nội, lần đầu tiên từ sau khi quân Tưởng vào, các chiến sĩ tự vệ thành mang vũ khí nay mới lại xuất hiện. Ở các đầu phố hôm trước chỉ có những tên lính Tưởng của Quân đoàn 53, đội mũ sắt in hình mặt trời trắng có đường viền răng cưa, đứng gác trong ụ cát. Hôm nay, có thêm những anh tự vệ đội mũ calô gắn phù hiệu vuông nền đỏ sao vàng, đứng giữ trật tự, tư thế đàng hoàng, súng cầm tay, lựu đạn giắt ngang hông. Hình ảnh đó nói lên một sự đổi thay. Thành phố đã có một sắc thái mới, một khí thế mới.

Ngày 18-3, 1.200 binh lính Pháp được phép đến Hà Nội

chuẩn bị thay thế quân Tưởng. Phía ta và Pháp đều ra thông cáo yêu cầu nhân dân Việt Nam và người Pháp phải có thái độ bình tĩnh, tránh để xảy ra những hành động đáng tiếc.

Dọc đường quân Pháp đi qua, đồng bào và các lực lượng vũ trang ta chuẩn bị sẵn sàng, đề phòng trường hợp bất trắc.

Theo quy định của ta, mỗi đoàn xe Pháp đều phải cấm cờ Việt Nam và có sĩ quan liên lạc của ta đi kèm. Súng gắn trên xe phải bọc vải kín. Khi tới Hà Nội, các xe phải đi vào từng tốp một.

Hai trăm chiếc xe nhà binh Pháp rời cảng Hải Phòng từ buổi sớm, nhưng mãi đến gần trưa những chiếc xe đầu tiên mới tới đầu cầu Long Biên. Đoàn xe quân sự Pháp với nhiều xe bọc thép có sĩ quan liên lạc ta đi kèm, vẫn bị chặn lại trước những cây tre chắn đường ở các trạm gác của dân quân ta.

Ở những phố quân Pháp kéo qua, nhà nào nhà ấy cửa đóng kín. Trên đường, không có ai ngoài những đồng chí công an giao cảnh ở các ngã ba và những chiến sĩ tự vệ đứng gác. Đập vào mắt đoàn quân viễn chinh là những băng vải căng ngang đường mang những khẩu hiệu: “Nước Việt Nam của người Việt Nam”, “Nam Bộ là đất Việt Nam”... bằng chữ Việt và chữ Pháp. Một số kiều dân Pháp tụ tập dọc đường Tràng Thi không làm thay đổi không khí lạnh nhạt của cả thành phố giống như người chủ nhà đang ngoảnh đi trước người khách mà mình không muốn tiếp.

Năm giờ chiều hôm đó, Lơcléc dẫn đầu một phái đoàn gồm có: Xanhtơny, Pinhông, Xalăng, Valuy tới Bắc Bộ phủ. Lơcléc nhanh nhẩu bước lên bậc thềm, chào Chủ tịch Hồ Chí Minh và tươi cười mở đầu cuộc nói chuyện bằng câu:

- Thưa Chủ tịch, người Việt Nam và người Pháp chúng ta bây giờ đã trở thành những người bạn.

Bác mời Lơcléc cùng ngồi trên chiếc ghế dài ở phòng khách. Viên Tổng Chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp nâng cốc chúc mừng sức khỏe Chủ tịch Hồ Chí Minh. Lơcléc bày tỏ lòng mong muốn cuộc đàm phán chính thức giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Pháp sớm mở ngày nào hay ngày ấy để hai dân tộc Việt Nam và Pháp có thể cộng tác mưu hòa bình và cùng hưởng hạnh phúc.

Vài hôm sau, để biểu lộ tinh thần hợp tác và thân thiện, Lơcléc đề nghị với ta cùng tổ chức một cuộc duyệt binh chung giữa quân đội Việt Nam và quân Pháp.

Một tiểu đoàn Vệ quốc quân với đầy đủ trang bị được điều từ ngoại thành vào. Bộ đội ta mặc dầu chưa có nhiều thời giờ tập về đội ngũ, đã tỏ ra rất tề chỉnh và hùng dũng. Các chiến sĩ mặc đồng phục màu lá cây, đi giày da, vác súng cắm lưỡi lê trên. Cán bộ chỉ huy đeo kiếm dài dẫn đầu đơn vị của mình. Đoàn quân rầm rập tiến bước vừa đi vừa hát. Những lời ca trầm hùng được cất lên từ những con tim hùng hực ngọn lửa cách mạng đã gây nên một sự xúc động mạnh mẽ. Người Pháp lần đầu nhìn thấy một đơn vị chính quy của ta, đã có cặp mắt vị nể.

Sau buổi duyệt binh, bộ đội ta đi một vòng trên các

phố lớn trước khi quay về doanh trại. Từ lâu, đồng bào Hà Nội lại mới thấy một đoàn Vệ quốc quân với đầy đủ vũ khí xuất hiện giữa Thủ đô. Người đi đường dừng bước, người trong nhà đổ ra đứng chật hai bên hè phố. Tiếng hò reo hân hoan nổi lên suốt dọc đường đoàn quân diễu qua.

VI

Trong tháng 3, quân Tưởng vẫn chưa chịu rút. Một số lớn quân Nhật chưa được hồi hương. Lại có thêm mấy ngàn quân Pháp. Quân Pháp gồm những tên mới sang, chiêu mộ ở nhiều nước: Pháp, Đức, các nước Bắc Phi và những lính Pháp ở đây từ trước, bị Nhật bắt hồi ngày mùng 9-3-1945 vừa được thả ra và trang bị lại. Trên các đường phố Hà Nội, quân lính nước ngoài đông hơn hồi cách mạng mới thành công.

Nhưng tình hình cũng đã khác với khi quân Tưởng mới kéo vào.

Trước kia, bộ đội ta phải chuyển ra đóng ở ngoại thành. Muốn chuyển chở một vài chục khẩu súng qua thành phố, anh em ta phải đặt trong xe bò phủ chiếu lên trên. Bây giờ từng đơn vị Vệ quốc quân với đầy đủ trang bị đã có thể tiến ngang tiến bước trên khắp các đường phố Thủ đô. Các chiến sĩ Vệ quốc quân canh gác tại những cơ quan trong thành phố, trước đây đã có lúc được lệnh tạm lui vào trong hàng rào, bây giờ đang hoàng cầm vũ khí đứng trước công sở mà không bị quân Tưởng đến gây chuyện. Ngoài những trạm gác của quân Tưởng, xuất hiện

thêm nhiều trạm gác mới của bộ đội ta và những trạm hỗn hợp, bộ đội ta cùng gác với lính Pháp. Các chiến sĩ tự vệ thành mang vũ khí có mặt ở khắp nơi, sẵn sàng làm nhiệm vụ giữ nhà, giữ nước, bảo vệ nhân dân.

Quân Tưởng tuy chưa công khai thừa nhận ta nhưng qua việc ký Hiệp định sơ bộ giữa Chính phủ ta và Chính phủ Pháp, chúng buộc phải coi ta là một nước có chủ quyền. Chúng không thể can thiệp vào công việc trị an của ta như ngày trước. Chúng cũng biết là chúng sắp khăn gói ra đi. Còn bọn lính Pháp thì đã hiểu rõ Việt Nam không còn là thuộc địa của chúng, chúng không thể muốn làm gì thì làm.

Tình hình tuy căng hơn vì sự có mặt của quân Pháp, nhưng không khí lại dễ thở hơn. Quân địch đông hơn trước nhưng không còn kẻ nào dám phủ nhận chủ quyền của ta.

Qua những người đến gặp ta trong những cuộc họp bàn về việc tổ chức tiếp phòng quân Tưởng, Locléc đã nhấn là y sẽ tôn trọng những lời cam kết và mong Chính phủ Việt Nam cũng làm như vậy. Một lần gặp tôi, Locléc ngỏ ý muốn biết thái độ của dân chúng Việt Nam đối với người Pháp ra sao. Tôi hỏi lại:

- Chúng ta đều là những quân nhân, ông có muốn nghe nói thẳng không?

- Có chứ! - Locléc đáp.

- Các ông miêng nói hòa bình nhưng hành động của các ông thì lại giống hành động của những kẻ đi xâm lược. Đó là dư luận của dân chúng Việt Nam đối với các ông.

Locléc rời Hà Nội ngày 23-3.

Quyền chỉ huy quân Pháp ở miền Bắc Đông Dương được trao cho Valuy.

Từ ngày quân Pháp tới Hà Nội, giữa ta và Pháp chưa xảy ra những vụ va chạm lớn. Quân Tưởng còn ở đây, Pháp buộc phải dè dặt. Chúng ta cũng thấy cần lợi dụng mâu thuẫn tại chỗ giữa Tưởng và Pháp lúc này, một mặt tìm cách đẩy quân Tưởng đi cho nhanh, một mặt đòi Pháp phải thực hiện đúng những điều chúng đã cam kết.

Đột nhiên, sáng 27 tháng 3, mấy ngày sau khi Lơcléc rời Hà Nội, Pháp cho một phân đội xông vào Sở Tài chính Việt Nam. Binh lính Pháp cắt cờ Việt Nam đi và ngăn không cho các nhân viên của sở vào làm việc. Công sở này nằm tại một ngã tư xung yếu trên con đường từ cổng thành chạy ra phủ toàn quyền cũ. Sau này, ta biết là Valuy đã được lệnh của Sài Gòn cho binh lính Pháp chiếm ngôi nhà để làm dinh cơ cho viên cao ủy khi ra Hà Nội.

Đây là vụ khiêu khích đầu tiên.

Các sĩ quan của ta trong Ủy ban liên lạc kịch liệt phản đối việc làm của Pháp, đòi phải mở ngay cuộc điều tra tại chỗ. Tôi đã gặp Valuy phản kháng hành động vi phạm chủ quyền của ta, đòi quân Pháp rút ngay, trả lại việc canh gác cho bộ đội Việt Nam.

Ngày 29-3, trên toàn miền Bắc, đồng bào phần nộ bãi công, bãi chợ, không hợp tác với Pháp. Bà con Hoa kiều cũng hưởng ứng. Chợ không họp. Các nhà buôn, hàng ăn đều đóng cửa. Tại Hà Nội, ở các phố Tràng Tiền, Triệu Quang Phục... nơi có nhiều hiệu buôn, tiệm ăn và giải khát của Pháp kiều, những người bỏ việc đứng tụ tập đầy đường. Khẩu hiệu bất hợp tác với Pháp dán đầy trên

cánh cửa. Bọn nhân viên của Sở quân nhu Pháp đi mua thực phẩm đều phải quay xe về không. Lính Pháp được phép đi chơi phố, đứng ngơ ngác trên vỉa hè. Chúng nhận thấy thái độ của người dân ta từ trước đối với chúng vốn lạnh nhạt, giờ đây lại trở nên quyết liệt.

Sự phản kháng kiên quyết của ta làm cho Pháp phải tính toán lại. Chúng phải trao trả ta Sở Tài chính. Cờ Việt Nam lại được treo lên. Các nhân viên của sở trở lại làm việc bình thường. Riêng về mặt canh gác tại đây, chúng vẫn ngoan cố đòi tổ chức một bộ phận hỗn hợp mỗi bên mười hai người.

Đồng bào Thủ đô và bà con Hoa kiều đã bất hợp tác với Pháp cho tới khi Ủy ban hành chính Hà Nội ra thông cáo yêu cầu mọi người tiếp tục buôn bán như thường lệ.

Đại biểu của quân đội ta và quân đội Pháp gặp nhau bàn bạc việc thi hành Hiệp định sơ bộ mồng 6 tháng 3 về mặt quân sự. Phía Pháp cử tướng Xalăng và tướng Valuy. Tôi và Vũ Hồng Khanh với danh nghĩa Chủ tịch và Phó Chủ tịch Quân sự ủy viên hội, thay mặt cho phía Việt Nam. Sau nhiều buổi họp kéo dài, hai bên đi đến một bản hiệp định tạm thời vào ngày mồng 3-4.

Theo hiệp định này, binh lính Pháp làm nhiệm vụ tiếp phòng phải là người Pháp, những binh lính không phải là người nguyên quán Pháp chỉ được dùng vào việc canh gác tù binh Nhật. Điều kiện này do ta đưa ra nhằm gạt bỏ lê dương ra ngoài quân tiếp phòng.

Bộ đội Việt Nam làm nhiệm vụ tiếp phòng là một bộ phận của quân đội Việt Nam. Quân tiếp phòng Việt Nam

có Bộ tư lệnh của mình, trực tiếp nhận mệnh lệnh của Bộ tham mưu quân đội Việt Nam và do Bộ tham mưu quân đội Việt Nam quản lý.

Quân Pháp sẽ cùng quân đội Việt Nam tới làm nhiệm vụ tiếp phòng quân Tưởng tại Hà Nội, Nam Định, Huế, Đà Nẵng... và một số địa điểm ở biên giới. Ở những nơi khác như Thái Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa, Đồng Hới, Quảng Trị... quân Pháp sẽ tiếp phòng quân Tưởng về danh nghĩa rồi trao trả lại cho quân đội Việt Nam.

Kế hoạch di chuyển của các đội quân tiếp phòng Việt Nam và Pháp phải được thảo luận và quyết định thống nhất giữa Bộ tư lệnh quân tiếp phòng của hai bên. Kế hoạch này phải được trình Chính phủ Việt Nam ít nhất là bốn mươi tám giờ trước khi thi hành. Các xe nhà binh dùng vào việc tiếp tế cho quân tiếp phòng chỉ được đem theo nhiều nhất mỗi xe là bốn người có khí giới; tổng số người mang vũ khí trong một đoàn xe không được quá con số sáu mươi.

Một Ủy ban liên lạc và kiểm soát trung ương Việt - Pháp được thành lập tại Thủ đô Hà Nội để kiểm soát việc thi hành. Nếu cần, thì sẽ thành lập thêm những ủy ban tương tự tại địa phương.

Hai bên thỏa thuận phải một Ủy ban đình chiến vào Nam Trung Bộ.

Cuộc thảo luận về thể thức thực hiện đình chiến tại Nam Bộ diễn ra rất căng trong nhiều phiên họp. Đại biểu ta kịch liệt phản kháng những cuộc tiến công trái phép của quân Pháp ở Nam Bộ. Ta đòi phải cử một Ủy ban đình

chiến vào Nam Bộ để thi hành điều khoản III của Hiệp định sơ bộ. Xalăng lần tránh yêu cầu chính đáng của ta, viện lý do vấn đề đình chiến thuộc thẩm quyền của hai chính phủ. Lý do này bị ta bác bỏ. Do thái độ tiêu cực của phía Pháp, cuộc thảo luận đã không đạt được kết quả.

Ở nhiều nơi Pháp tới đóng quân cũng xảy ra những cuộc va chạm.

Tại Hải Phòng, ngày 11-4, Pháp ngang nhiên kéo quân tới chiếm nhiều ngôi nhà của một số cơ quan. Đồng bào Hải Phòng lập tức bãi công, bãi chợ để phản đối. Đại biểu ta trong Ủy ban liên lạc Việt - Pháp can thiệp mạnh mẽ. Pháp buộc phải rút khỏi những nơi chúng đã lấn chiếm trái phép. Mấy ngày sau, giữa lúc nhân dân Hải Phòng đang tổ chức mít tinh, thì có tin Pháp tự tiện điều năm trăm quân lên Hà Nội mà không báo cho ta biết. Cùng lúc đó, một số binh lính Pháp kéo tới phá trụ sở Đảng Dân chủ ở cầu Hạ Lý. Cuộc mít tinh lập tức biến thành một cuộc tuần hành thị uy. Hàng vạn đồng bào kéo đi trên các đường phố dưới trời mưa, hét vang những lời phản đối phẫn nộ. Ngày hôm sau, toàn thành lại tổng bãi công, bãi chợ để phản đối Pháp. Thành phố vắng tanh. Các hiệu buôn đều đóng cửa. Xe khách xếp hàng trên bến. Phà không sang sông. Pháp lo sợ, đưa nhiều xe bọc thép ra các đầu phố đề phòng. Cuối cùng, phía Pháp đã phải nhận lỗi. Cuối tháng 4, cũng tại Hải Phòng, đã xảy ra một cuộc xung đột giữa quân Pháp và các lực lượng tự vệ. Pháp dùng xe tăng, xe bọc thép tiến công vào phố Trần Hưng Đạo, phố Ga và đại lộ Hồ Chí Minh. Tự vệ ta đánh trả

rất mạnh. Ty Liên kiểm Việt - Pháp ở Hải Phòng phải mất nhiều giờ mới khôi phục lại trật tự.

Trung tuần tháng Tư, anh Hoàng Quốc Việt dẫn đầu một phái đoàn cùng với một số sĩ quan Pháp đáp máy bay vào Nha Trang để thực hiện việc đình chiến. Tại đây, Pháp gọi những quan lại, hào lý cũ ra làm việc cho chúng. Ai không nghe thì chúng khủng bố. Chúng đang có âm mưu khôi phục chế độ bảo hộ khắp vùng tạm bị chiếm ở miền Nam Trung Bộ. Phái đoàn ta đã nhiều lần phản kháng với nhà cầm quyền Pháp ở đây. Sau 7 ngày làm việc không kết quả vì thái độ ngoan cố của Pháp, đoàn ta bỏ ra về.

VII

Hạ tuần tháng 3, Đácgiăngliơ ngỏ ý muốn có cuộc gặp gỡ với Chủ tịch Hồ Chí Minh để bàn về quan hệ giữa hai nước. Nơi gặp do y đề nghị là Vịnh Hạ Long, trên một chiếc tuần dương hạm của Pháp.

Vừa mới tuần trước, báo *Cứu quốc* đã có bài bình luận phê phán gay gắt những luận điệu thực dân của Đácgiăngliơ. Lập trường của viên cao ủy đã bộc lộ khá rõ. Vậy y có chuyện gì thực sự muốn giải quyết với ta? Tại sao địa điểm gặp gỡ không phải ở Hà Nội hay Sài Gòn mà lại là trên một chiến hạm nằm ngoài biển?... Toàn bộ hoạt động của Đácgiăngliơ từ khi sang Đông Dương đến giờ, nhất là sau ngày mùng 6 tháng 3, khiến cho Bác và các anh phải cân nhắc. Nhưng dù sao, bản Hiệp định sơ bộ cũng vừa được Hội đồng Chính phủ Pháp phê chuẩn. Việc ký kết hiệp định này đã có tiếng vang trên thế giới. Nhiều báo chí nước ngoài coi đây là một cách điều giải tốt cho những cuộc xung đột hiện nay giữa các nước thuộc địa và các nước có thuộc địa. Điều quan trọng là: làm hậu thuẫn cho cuộc gặp gỡ này còn có hàng chục triệu nhân dân ta ở cả hai miền Nam, Bắc. Bác cũng thấy nên gặp viên cao ủy để đòi tiến hành ngay cuộc

dàm phán chính thức, và phải họp tại Pari, nơi bọn phản động Pháp ở Đông Dương khó bề bưng bít dư luận. Bác nhận lời mời của viên đô đốc.

Sáng 24-3, Bác ra xe với chiếc mũ chống nắng rộng vành và cây gậy Người thường dùng hằng ngày. Đi theo Bác có anh Hoàng Minh Giám và Nguyễn Tường Tam. Xanh tơn đón Chủ tịch Hồ Chí Minh ở sân bay Gia Lâm với một chiếc thủy phi cơ của Pháp.

Khoảng mười giờ sáng, máy bay tới Vịnh Hạ Long. Chiếc Catalina đáp nhẹ nhàng xuống mặt biển. Viên đô đốc cao ủy cùng với Lơléc đã đứng đợi trên tuần dương hạm Êmin Béc tanh.

Cuộc đón tiếp diễn ra rất long trọng.

Những loạt súng chào nổ vang. Chủ khách bắt tay nhau. Đắcgiăngliơ giới thiệu những quan khách ra đón Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bác giới thiệu những người đi theo. Chiếc chiến hạm mở máy ra khơi. Một tiệc rượu được tổ chức trên tàu. Viên đô đốc nâng cốc nói:

- Cuộc hội kiến này là một cuộc hội kiến đầu tiên để thắt chặt tình thân thiện giữa nước Pháp và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tôi xin chúc mừng sức khỏe của Chủ tịch và chúc nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cường thịnh.

Đắcgiăngliơ đã nhấn mạnh đây là cuộc hội kiến đầu tiên. Ý có ý tự cho mình mới là người thay mặt nước Pháp tại Đông Dương chứ không phải là Lơléc, người đã gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Hà Nội.

Đáp lời viên đô đốc, Bác nói rất thẳng thắn:

- Sở dĩ có cuộc hội kiến này cũng là vì có ngày mồng 6 tháng 3 năm 1946. Về phần Chính phủ Việt Nam, chúng tôi đã thi hành đúng bản Hiệp định sơ bộ rồi. Còn về phần nước Pháp, chúng tôi mong ngài cũng nên thành thực để đi đến thể hiện tình thân thiện giữa nước Việt Nam và nước Pháp.

Đácgiăngliơ mời Chủ tịch Hồ Chí Minh duyệt hạm đội. Chiếc chiến hạm chạy lướt trước những con tàu có nhiều khẩu pháo lớn ghéch cao nòng, đứng sắp thành hàng dài trên mặt biển. Sau đó, nó bắt đầu thả neo. Chủ tịch Hồ Chí Minh buông quai mũ chống chiếc gậy tre đứng cùng Đácgiăngliơ trên boong duyệt hạm đội Pháp. Những con tàu lần lượt đi qua. Thủy binh Pháp hô vang những tiếng “huara” chào mừng vị Chủ tịch của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Về cuộc hội kiến này, có người cho rằng Đácgiăngliơ phải gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh vì bị Lơcléc thúc ép, vì Chính phủ Pháp chỉ thị cho y cần mở một cuộc đàm phán trừ bì tại Việt Nam trước khi tiến hành đàm phán chính thức. Có người lại nói đó là một mưu mô của viên cao ủy nhằm kéo dài thời gian. Chính Đácgiăngliơ đã gợi ý cho Chính phủ Pháp là cần có một hội nghị trừ bì ở Đà Lạt. Đácgiăngliơ lo rằng tình hình chính trị không ổn định tại nước Pháp lúc đó sẽ dẫn tới những sự nhượng bộ quá đáng với Việt Minh. Y vẫn hy vọng trong một thời gian Đờ Gôn sẽ trở lại nắm chính quyền. Và trước mắt, y chưa kịp nặn xong những tên bù nhìn cho nước “Nam Kỳ tự trị”... Nhân cuộc hội kiến lần này, Đácgiăngliơ mượn cơ chào mừng Chủ tịch Hồ Chí Minh, đem hạm đội của y ra diễu võ giương oai.

Duyệt hạm đội xong, Chủ tịch Hồ Chí Minh và viên cao ủy bắt đầu trao đổi ý kiến.

Bác đòi mở ngay cuộc đàm phán tại Thủ đô nước Pháp. Đácgiăngliơ không muốn họp sớm mà cũng không muốn họp ở Pari. Viên cao ủy nói Chính phủ Pháp chưa nắm được tình hình nên phải có một cuộc họp trừ bị tại chỗ. Y đề nghị địa điểm họp hội nghị trừ bị là Đà Lạt, vì Đà Lạt sau này có thể trở thành thủ đô của liên bang Đông Dương. Bác thấy rõ viên cao ủy muốn trì hoãn cuộc đàm phán chính thức. Người nói một cuộc họp trừ bị như vậy không thật cần thiết. Đácgiăngliơ vẫn giữ ý kiến là chừng nào Chính phủ Pháp còn chưa nắm được các vấn đề thì chưa thể có cuộc đàm phán chính thức.

Về địa điểm và ngày giờ mở cuộc đàm phán chính thức cũng phải trao đổi ý kiến khá lâu. Bác đòi họp ở Pari. Locléc và Xalăng ủng hộ ý kiến này với lý do: họp ở Thủ đô Pháp sẽ tránh được sự phá rối của các phần tử cực đoan (họ muốn nói bọn Quốc dân Đảng). Cuối cùng, Đácgiăngliơ phải chấp nhận. Ngày phái đoàn Việt Nam qua Pháp mở cuộc đàm phán chính thức được ấn định vào hạ tuần tháng 5. Bác cũng đồng ý là sẽ có một cuộc đàm phán trừ bị tại Đà Lạt. Nhưng Bác đặt điều kiện với phía Pháp là những người dự cuộc đàm phán này phải do Chính phủ Pháp cử từ bên nước sang. Hai bên thỏa thuận: Vào trung tuần tháng 4, cùng lúc phái bộ Pháp sang Việt Nam dự hội nghị đàm phán trừ bị, phía Việt Nam sẽ cử một phái đoàn Quốc hội đi thăm thiện chí Quốc hội và nhân dân Pháp.

Theo lời Xalăng thuật lại sau này, thì cuộc gặp gỡ tại

Vịnh Hạ Long đã dẫn đến một sự đổ vỡ không thể dàn xếp được giữa viên Tổng Chỉ huy quân đội viễn chinh và viên cao ủy Pháp.

Chiều hôm đó, Xalăng đang ngắm nước ngắm trời ở boong tàu phía sau, bỗng có người gọi vào gặp đô đốc cao ủy. Đácgiăngliơ ngồi trong cabin mặt tái nhợt, đang run lên vì tức giận. Viên đô đốc nói với Xalăng: “Tướng Lơcléc vừa có một hành vi khiếm nhã đối với tôi, tôi yêu cầu ông hãy làm cho ông ấy trở về với lẽ phải. Nhiều tuần qua, ông ấy tha hồ mà trò chuyện với ông Hồ Chí Minh, rõ ràng bây giờ là đến lượt tôi. Tôi không muốn chạy theo một cuộc Hội nghị “Muyních” ở Đông Dương, không thể đi hết từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác. Nếu tôi nhận Pari thì ông Hồ sẽ đòi thêm nữa...”. Xalăng quay ra tìm Lơcléc và thuật lại câu chuyện. Ngay chiều hôm đó, Lơcléc bỏ về Sài Gòn.

Trên máy bay trở về Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói với Xalăng: “Nếu đô đốc muốn đem tàu bè ra để lung lạc tôi thì ông ta đã lầm to. Những tàu đó không thể nào đi ngược các dòng sông của chúng tôi”.

VIII

Ngày 11-3, Bác gửi thư cho đồng bào Nam Bộ nói về việc Chính phủ Pháp đã thừa nhận nước ta là một quốc gia tự do. Bác viết: “Ấy cũng là nhờ ở sự tranh đấu anh dũng của tất cả đồng bào toàn quốc, nhất là đồng bào Nam Bộ và Nam Trung Bộ và của hết thầy anh em chiến sĩ khắp các mặt trận trong sáu tháng nay”¹. Người đã chỉ ra là cuộc đàm phán sẽ tạo “những điều kiện chính trị mà chúng ta phải biết lợi dụng để đạt tới các mục đích Việt Nam hoàn toàn độc lập”².

Sau này, tại Đại hội lần thứ II của Đảng năm 1951, trong Báo cáo chính trị, Người có nhắc đến việc ký Hiệp định mong 6 tháng 3 và nói là chính đồng bào và các đảng viên ở Nam Bộ đã nhận thấy làm như thế là đúng.

Quả vậy, đối với đồng bào Nam Bộ và Nam Trung Bộ, bản hiệp định đã đem lại một niềm tin. Những người đang chiến đấu với bọn cướp nước thấy rõ thắng lợi lớn khi Chính phủ Pháp buộc phải công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do. Đồng bào càng phấn khởi trước việc toàn bộ

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 228.

quân Tưởng sẽ phải rút về nước. Có những người đã nói: “Chỉ bằng một chữ ký, Cụ Hồ đã xua đi khỏi đất nước gần hai chục vạn quân của Tưởng Giới Thạch”. Bản hiệp định đã tạo ra một thời cơ mới cho đồng bào trong cuộc đấu tranh sẽ còn phải tiếp tục lâu dài.

Ở đây, chính kẻ địch lại hoang mang, bối rối trước bản hiệp định vừa ký kết. Những tên quan cai trị cũ và bọn tay sai xôn xao, tức tối trước từng câu, từng chữ trong bản hiệp định. Chúng đưa ra nhiều câu hỏi: Vì sao lại gọi “nhà cầm quyền Hà Nội” là Chính phủ Việt Nam? Tại sao Chính phủ Pháp lại chính thức thừa nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do? Tại sao Chính phủ Pháp lại cam kết sẽ thừa nhận quyết định của một cuộc trưng cầu ý dân về việc hợp nhất ba kỳ?... Đối với chúng, Nam Bộ chỉ là một thuộc địa của Pháp.

Trong cuộc họp hội đồng tư vấn ngày 12 tháng 3, Xêđin, ủy viên Cộng hòa Pháp tại Nam Kỳ đã giải thích: “Hiệp định mong 6 tháng 3 chỉ là một bản hiệp định tại địa phương giữa nhà cầm quyền Hà Nội với ủy viên Cộng hòa Pháp tại Bắc Bộ. Nếu có nói đến một Chính phủ Việt Nam chẳng qua chỉ vì phép lịch sự, chứ không hề có ý thừa nhận một chính phủ duy nhất cho cả Bắc, Trung, Nam. Rồi đây, Nam Kỳ cũng sẽ có chính phủ, có nghị viện, có quân đội, có tài chính riêng, có mọi quyền lợi như các nước khác trong liên bang...”.

Những lời nói đó của Xêđin đã phản ánh thái độ và ý đồ của Đácgiăngliơ. Ngày 8-3, khi Valuy nhân danh tướng Lơcléc đến thông báo cho viên cao ủy bản Hiệp định

mồng 6 tháng 3 vừa được ký kết, Đácgiăngliơ đã nói ngay: “Tôi ngạc nhiên, thực vậy tướng quân ạ, tôi ngạc nhiên là nước Pháp có một đội quân viễn chinh đẹp đường kia mà những vị chỉ huy thì chỉ thích điều đình không muốn đánh...”.

Sự chống đối của bọn phản động ở Sài Gòn đối với tinh thần và lời văn của bản hiệp định đã được chính kẻ thay mặt cao nhất cho nước Pháp tại Đông Dương chủ trương và khuyến khích. Đáng lẽ phải thi hành hiệp định bằng cách ngừng xung đột, mở cuộc trưng cầu ý dân theo như các điều khoản đã ký kết thì Đácgiăngliơ lại đốc thúc thành lập càng sớm càng hay một “chính phủ Nam Kỳ tự trị”, thực hiện chủ trương tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam.

Sau ngày ký hiệp định, tại một số nơi như ở Ninh Thuận, Bình Thuận, quân Pháp vờ bắt liên lạc với bộ đội ta để bàn việc đình chiến, rồi bất thần đem quân đánh úp. Có lần, vì mất cảnh giác, một đơn vị của ta đã bị thiệt hại.

Đối với lực lượng vũ trang ta, Bộ chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp đưa ra những yêu cầu rất ngang ngược. Chúng đòi các đơn vị Nam tiến của ta phải rút về miền Bắc, bộ đội ta ở Nam Bộ phải tập trung vũ khí nộp cho chúng, rồi trở về quê quán của mình.

Bộ mặt bội ước của kẻ địch tại miền Nam đã lộ rõ. Đồng bào và các chiến sĩ ta ghi nhớ lời Chủ tịch Hồ Chí Minh là cần phải đứng vững trên vị trí chiến đấu của mình. Chúng ta lập tức quật lại mọi hành động phản bội của bọn xâm lược.

Với việc điều Sư đoàn bộ binh thuộc địa số 9 và Binh

đoàn xe bọc thép ra Bắc, Pháp chỉ còn lại ở miền Nam, Sư đoàn bộ binh thuộc địa số 3. Quân Pháp đã ít hơn trước lại bị phân chia ra nhiều nơi. Bộ máy ngục quyền mới được phục hồi còn rất non yếu.

Đồng bào ta từ miền đồng bằng đến miền rừng núi đã cùng một lúc nổi dậy như nước vỡ bờ, quét sạch từng mảng hội tề, lập lại chính quyền cách mạng. Nhân dân sôi nổi đứng lên với mọi thứ vũ khí có trong tay, cùng bộ đội đánh địch. Hàng loạt đồn bốt bị tiêu diệt, bao vây hoặc bức rút. Nhiều đường giao thông thủy, bộ quan trọng của địch bị đánh phá, cắt đứt. Bộ đội kết hợp với cán bộ địa phương, tổ chức ra các đội vũ trang tuyên truyền. Lực lượng vũ trang ta nhanh chóng đi sâu vào vùng tạm bị chiếm. Mỗi lần bộ đội diệt tề là nhân dân lập tức nổi trống mõ, kéo đến nhà việc, bắt hội tề nhận tội và trả lại những tiền của đã bị chúng tước đoạt. Trong khoảng một thời gian ngắn, những vùng rộng lớn ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ đã thoát khỏi sự kiểm soát của quân địch. Toàn miền Nam đã có một khí thế chiến đấu mới.

Chiến tranh du kích phát triển rộng rãi. Mít tinh, biểu tình nổi lên rầm rộ khắp nơi.

Với trang bị còn thô sơ, một cách đánh khá phổ biến của quân và dân Nam Bộ là dùng mưu mẹo để diệt địch.

Bốt Kinh Sáng ở huyện Cái Bè, nằm bên một dòng kênh... Bọn lính thường xuyên kiểm soát thuyền bè qua lại. Giữa ban ngày, một đơn vị nhỏ của ta đóng giả những người lái buôn chèo thuyền đi ngang. Bọn lính xuống bến, bắt thuyền ghé vào bờ để kiểm soát. Anh em mời chúng

xuống thuyền, rồi dùng mã tấu và dao găm tiêu diệt. Sau đó, anh em xông lên tiêu diệt nốt những tên trong bốt.

Ở huyện Cao Lãn, tỉnh Sa Đéc, một trung đội lính ngự đóng bốt ở gần chợ. Các phiên chợ, bọn lính thường kéo vào kiểm chác. Một buổi sáng, bọn lính vừa đi khỏi, bộ đội ta ập vào bốt. Những tên ở nhà vội nộp súng xin hàng. Đồng bào đang mua bán nghe tiếng súng nổ, bỏ chạy. Khi thấy im tiếng súng, mọi người quay về; hàng hóa, tiền bạc vút lại giữa chợ không hề suy sụp. Bộ đội mang chiến lợi phẩm và giải tù binh đi ngang. Đồng bào hết sức khen ngợi.

Ở nhiều nơi, phụ nữ cũng tham gia diệt địch giữa chợ. Có chị lấy nơm chụp vào đầu lính địch rồi cướp súng.

Bọn ngự quân, ngự quyền đã đứng trước một tình hình mới. Lực lượng cách mạng mỗi ngày một lớn mạnh. Với Hiệp định mong 6 tháng 3, Chính phủ Pháp đã phải thừa nhận chấm dứt chế độ thực dân. Rồi đây, cuộc trưng cầu ý dân, số phận tay sai bán nước, hại dân của chúng sẽ ra sao. Điều kinh hãi trước mắt là lưỡi lê của binh lính Pháp đã trở thành bất lực, không che chở nổi cho chúng. Con đường tốt đối với chúng lúc này là con đường quay trở về với nhân dân. Nhiều tề và nhân viên ngự quyền đi tìm cán bộ ta nộp triện và sổ sách, xin chịu tội. Lính ngự từng người, từng tốp mang súng ra hàng. Có những người xin làm nội ứng để tiêu diệt đồn bốt.

Tại Sài Gòn và các vùng đô thị dấy lên một phong trào đấu tranh chính trị sôi nổi. Đồng bào ta tổ chức mít tinh, biểu tình, đình công phản đối những hành động phá hoại

hiệp định của Pháp. Báo chí công khai vạch trần trò hề “đòi tự trị” do thực dân Pháp giật dây, lên án bọn phản bội Tổ quốc câu kết với địch trong âm mưu chia cắt đất nước.

Hoạt động vũ trang được tiến hành ngay cả giữa thành phố Sài Gòn. Ngày 8-4, một tổ công tác đặc biệt của ta vượt sông vào phá nổ kho đạn lớn của địch. Một trung đội lính Pháp gác tại đây bị tiêu diệt. Bốn ngàn tấn đạn bị phá hủy. Tiếng nổ rung chuyển cả thành phố. Nhà của cơ quan Tổng Chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp, trong đó có buồng làm việc của Lơcléc, cũng bị hư hại nặng.

Đoàn đàm phán của Pháp đi dự Hội nghị trù bị Đà Lạt vừa tới Sài Gòn. Chiều hôm đó, Lơcléc thết tiệc đoàn. Mác Ăngđrê, trưởng đoàn, tỏ vẻ bất bình vì vụ nổ kho đạn buổi sáng. Y nói với Lơcléc:

- Tôi nghĩ rằng những người chịu trách nhiệm về vụ nổ này sẽ phải bị trừng trị về sự thiếu cẩn mật của họ.

Lơcléc cúi kính đáp:

- Người duy nhất chịu trách nhiệm ở đây là tôi.

Phải chăng viên tướng bốn sao này đã thấy lời mình nói một tháng trước đây: “Nam Bộ đã bình định xong” là một nhận xét hoàn toàn sai lầm. Mọi việc đối với y đều phải làm lại từ đầu.

IX

Bản thỏa ước Hoa - Pháp ký ngày 13-3 ở Trùng Khánh đã ấn định việc thay quân giữa Pháp và Tưởng sẽ bắt đầu từ 15-3 và kết thúc vào 31-3-1946.

Chiều 18 tháng 3, sau khi tới Hà Nội, Locléc đến phủ toàn quyền cũ, gặp Lư Hán. Những người cùng đi thuật lại khi viên Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh sôi nổi ca ngợi tình thân thiện Pháp - Hoa, thì Lư Hán chỉ đáp lại bằng một câu lạnh nhạt: “Chúng tôi thi hành mệnh lệnh của Tưởng thống chế”.

Bọn lính mặc quần áo xám thuộc Quân đoàn 53 vẫn đắp thêm những bao cát vào công sự ở các ngã ba, ngã tư. Trong khi bọn quân cảnh Pháp đội mũ sắt sơn trắng thỉnh thoảng lại phóng một chiếc mô tô qua đường Tràng Thi để nhắc nhở sự có mặt của chúng, thì Lư Hán cũng tung những toán cảnh bị mặc quần áo vàng, mang súng “pooc hooc” báng gỗ, đi lang thang trên hè phố. Lính Tưởng nhìn lính Pháp bằng cặp mắt găm ghè của những kẻ đang ăn bị kẻ khác đến tranh phần.

Ngày 31-3, thời hạn rút quân cuối cùng của quân đội

Tướng đã đến. Cuộc xung đột đầu tiên giữa quân Tưởng và quân Pháp nổ ra. Nguyên nhân rất giản đơn. Máy tên lính Pháp quýt tiền đi xe, bị người kéo xe níu áo lại bắt phải trả. Đòi bên co kéo nhau, quân Tưởng đứng gác ở gần đó nổ súng vào tốp lính Pháp. Lính Pháp bắn trả. Tiếng súng lập tức nổ ran.

Cuộc dàn xếp chưa xong thì ngày hôm sau, mồng 1-4, lại xảy ra việc hai chiếc ô-tô, một của quân Tưởng, một của Pháp chẳng may va phải nhau. Quân Tưởng nổ súng luôn. Các tướng tá Pháp ở Hà Nội cố nhịn nhục, tìm cách dàn xếp cho qua chuyện.

Trong những cuộc va chạm này, đồng bào và các lực lượng vũ trang của ta tỏ ra rất bình tĩnh và có kỷ luật. Thái độ của ta là không can thiệp, mặc cho chúng va chạm nhau và đi dàn xếp với nhau.

Tình hình giữa quân Tưởng và quân Pháp trở nên căng thẳng. Cuộc xung đột dường như lúc nào cũng sắp xảy ra. Lính Tưởng chỉ chờ có cơ hội là nổ súng.

Bọn tay sai của Tưởng ngoài việc tuyên truyền chống lại Hiệp định sơ bộ, còn tổ chức bắt cóc, thủ tiêu những tên lính Pháp đi lẻ để cướp súng lấy tiền. Nhưng mục đích chính của chúng là muốn tạo nên một tình hình lộn xộn, đẩy ta và Pháp đến chỗ xung đột với nhau. Nhờ có những hoạt động của Ủy ban liên lạc và kiểm soát Việt - Pháp nên phần lớn những vụ khiêu khích do bọn phá hoại gây ra trong quan hệ giữa ta và Pháp đã giải quyết được.

Cuộc xung đột lớn nhất giữa quân Tưởng và quân

Pháp xảy ra vào ngày 21-4. Cũng giống như lần trước, nó đã bắt đầu bằng một sự việc nhỏ: hai chiếc ô tô của Tưởng và của Pháp húc phải nhau trước cửa hàng bán hoa ở ngã tư Tràng Tiền. Chiếc xe của quân Tưởng bẹp mũ. Một số lính Tưởng ngồi trên xe bị thương. Quân Tưởng nổ súng rồi quân Pháp bắn lại. Tiếp theo tiếng súng ở Tràng Tiền là những tiếng súng ở nhà thủy tạ Bờ Hồ, phố Hàng Da, đường Cột Cờ, phố Mai Hắc Đế. Cuộc nổ súng kéo dài hơn một giờ đồng hồ. Cùng với tiếng súng trường, súng liên thanh nổ ran trong thành phố, có xen cả tiếng đại bác. Hơn 5 giờ chiều, hai bên mới tạm dàn xếp. Pháp và Tưởng đều có hàng chục tên lính chết và bị thương.

Quân Tưởng tại đây đang cố tìm ra một cái cớ để dây dưa ở lại. Cái cớ đó chúng không tìm được ở những vụ va chạm giữa ta và Pháp thì chúng tạo ra bằng những cuộc xung đột nhỏ giữa chúng với Pháp.

Nhưng tình hình bên Trung Hoa lại có rất nhiều biến chuyển mới không lợi cho Tưởng Giới Thạch. Cuối tháng 3, Hồng quân Trung Quốc mở cuộc tiến công lớn ở Đông Tam Tỉnh, tiến quân vào thủ phủ của Hắc Long Giang. Đã đến lúc Bộ Tổng tham mưu quân đội Tưởng dù tiếc rẻ đến mấy, cũng không thể cứ trùng trìng để mãi hai chục vạn quân ở bên này.

Trung tuần tháng 4, tướng Goăng, Tổng Tham mưu trưởng quân đội Pháp tới Trùng Khánh. Chính phủ Pháp trao nhiệm vụ cho Goăng đi thuyết phục Tưởng về việc thi hành bản thỏa ước ngày 13-3. Goăng đến vào lúc

chính quyền Tưởng Giới Thạch đang đòi đô về Nam Kinh. Y phải đuổi theo và chờ đợi nhiều ngày. Cuối cùng, Goăng đã gặp Bạch Sùng Hy và Vương Thế Kiệt. Nhà cầm quyền Quốc dân Đảng Trung Hoa đồng ý sẽ rút quân khỏi miền Bắc Đông Dương trong một thời gian ngắn nhất. Cuối tháng 4, Lư Hán được triệu tập về Nam Kinh nhận chỉ thị rút quân từ Đông Dương về để đưa lên miền Đông Bắc Trung Hoa.

Nhưng cũng phải đến trung tuần tháng 5, Lư Hán mới cho quân rút khỏi Thanh Hóa. Và một tháng sau đó, vào trung tuần tháng 6, quân đội Tưởng mới bắt đầu rời Hà Nội.

Rõ ràng là chúng rất lưu luyến cái dải đất ở phương Nam, nơi chúng có thể sống sung túc, yên ổn, tránh khỏi bị trừng phạt trong một cuộc chiến tranh chống lại nhân dân Trung Quốc. Chúng cố vơ vét đem theo những gì chúng có thể vơ vét được. Có những tên lính Tưởng phá cả cầu thang gác nơi chúng ở, lấy gỗ đem ra chợ bán.

Cuộc rút quân của chúng kéo dài và chỉ hoàn toàn kết thúc vào ngày 18-9 năm đó. So với thời hạn ký kết giữa Pháp và Tưởng về việc rút quân thì Tưởng đã dây dưa ở lại gần sáu tháng. Ngày này mùa thu năm trước, chúng ào ạt kéo vào nước ta, cho bọn tay sai cướp chính quyền ở các thị xã trên dọc đường chúng đi qua. Chúng tưởng rằng cơ hội của chúng đã tới. Chính phủ Trùng Khánh vẫn nhớ lời hứa của cố Tổng thống Mỹ Rudoven là sẽ dành cho chúng cái bán đảo màu mỡ này sau khi chiến tranh thế giới kết thúc. Tất cả những ảo vọng về một thiên đường mới đã tan

tành. Trận gió mùa thu năm đó đã xua hết chúng khỏi đất nước ta như xua đi những xác lá khô.

Đẩy ra khỏi đất nước 18 vạn tên chống cộng khét tiếng là tàn bạo, cùng với những mưu đồ đen tối, hiểm độc, cách mạng đã gạt đi một kẻ thù hết sức nguy hiểm, đã trút đi một gánh nặng về cả vật chất lẫn tinh thần.

X

“Chương trình của Chính phủ ta là làm thế nào toàn quốc cho đồng bào ai cũng có ăn, có mặc, có học”. Trong thư gửi cho anh chị em giáo viên bình dân học vụ đầu tháng 5 năm đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh một lần nữa nhắc lại điều này. Mục tiêu cao cả của cách mạng cuối cùng là để giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, là để mang lại cho nhân dân một đời sống vật chất ấm no, đầy đủ, một đời sống tinh thần tốt đẹp, phong phú. Có độc lập, tự do, lại có ấm no, hạnh phúc. Lý tưởng cách mạng đối với Người không phải là những gì xa xôi, trừu tượng mà là những cái rất gần gũi, cụ thể gắn liền với đời sống hàng ngày của quần chúng nhân dân.

Với Hiệp định mong 6 tháng 3, trước mắt lại có thêm một thời gian hòa hoãn ở miền Bắc. Trong khi tiến hành cuộc đấu tranh đòi phía Pháp phải thi hành những điều khoản đã ký kết, mọi mặt công tác xây dựng đất nước vẫn tiếp tục một cách khẩn trương.

“Tăng gia sản xuất” và “Chống nạn mù chữ” vẫn là những khẩu hiệu lớn mà Bác đề ra.

Lời Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi tăng gia sản xuất để chống giặc đói vào cuối năm trước đang phát huy tác

dụng to lớn. Để thúc đẩy sản xuất và tạo thêm điều kiện làm ăn dễ dàng cho nông dân nghèo. Chính phủ đã ban hành thông tư giảm tô 25%.

Bác hết sức chăm lo đến việc chống giặc đốt. Nạn mù chữ còn là một di sản nặng nề do chế độ thực dân để lại. Theo lời kêu gọi của Bác, gần chục vạn giáo viên bình dân học vụ và hàng triệu đồng bào đang lao vào trận đánh để đẩy lui giặc đốt.

Bác không những quan tâm một cách đặc biệt đến việc mở mang hiểu biết cho người dân một cách độc lập mà còn đặt vào đó những tình cảm thiết tha. Nha Bình dân học vụ gửi tới Bác cuốn *Phương pháp và cách thức dạy vỡ lòng chữ quốc ngữ*. Bác xem rồi tự tay viết vào đầu cuốn sách: “Anh chị em giáo viên bình dân học vụ cố gắng đọc kỹ sách này, rồi tận tâm dạy đồng bào thất học, làm cho nạn mù chữ chóng hết. Thế là làm tròn một nhiệm vụ thiêng liêng của mình đối với Tổ quốc”. Tối 13-4, Bác đến thăm một lớp học ở phố Hàng Trống. Bàn học là những cánh cửa kê tạm. Giáo viên, một người trẻ tuổi đeo kính trắng đang cầm phấn viết mấy chữ mẫu trên tấm bảng đen. Người học thuộc nhiều lứa tuổi, ăn mặc khác nhau. Những mái đầu cặm cụi. Mái tóc bạc phơ của một cụ già vận áo dài ta bên bộ tóc đen nhánh của một chú bé mặc quần cộc. Bác đứng chống cây gậy tre nhìn quang cảnh này tỏ vẻ rất xúc động. Bác khuyến khích mọi người và nói: “Cả người dạy và người học đều là những chiến sĩ trên mặt trận chống giặc đốt”. Trong thư gửi các giáo viên bình dân học vụ, Người viết: “Tôi mong rằng trong một thời gian rất ngắn, lòng

hăng hái và sự nỗ lực của anh chị em sẽ có kết quả rất vẻ vang, đồng bào ta ai cũng biết đọc, biết viết. Cái vinh dự đó thì tượng đồng, bia đá nào cũng không bằng”¹.

Trong tình hình khẩn trương lúc đó, để bảo vệ những thành quả của cách mạng, chống lại giặc ngoài, thù trong, Đảng ta chủ trương: ra sức xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, củng cố quốc phòng, tiếp tục vũ trang cho quần chúng cách mạng, tích cực xây dựng Quân đội nhân dân.

Lực lượng tự vệ đã phát triển tới một số lượng rất đông, giăng thành một mạng lưới dày khắp các nơi, nhất là ở các thành phố, thị xã có quân Pháp đóng. Tự vệ giữ vai trò nòng cốt trong cuộc đấu tranh của nhân dân chống lại các hành động khiêu khích, vi phạm hiệp định của quân đội Pháp. Binh lính Pháp bắt đầu e ngại những “Việt Minh đeo phù hiệu vương”. Tại Hà Nội, Trường Cán bộ tự vệ Hồ Chí Minh mở tiếp khóa II trong tháng 4.

Với việc thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, quân đội ta đã có những điều kiện để phát triển nhanh chóng. Chỉ thị của Thường vụ Trung ương Đảng ngày 9-3 nêu ra: Cần đặc biệt chú ý đào tạo cán bộ chính trị và quân sự để lãnh đạo phong trào mới.

Tháng 3-1946, Đảng mở Trường Quân chính Bắc Sơn. Tháng 5, Bộ Quốc phòng khai giảng Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn. Tháng 6, Ủy ban kháng chiến miền Nam mở Trường Lục quân trung học Quảng Ngãi. Các trung đoàn cũng tổ chức trường quân chính bổ túc và đào tạo cán bộ trung đội, tiểu đội.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 556.

Nội dung giáo dục chính trị có: tình hình nhiệm vụ, chính sách Việt Minh, cộng sản sơ giải, sơ lược về duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, công tác chính trị trong quân đội cách mạng. Trường Quân chính Bắc Sơn được các đồng chí Trung ương tới trực tiếp giảng các bài chủ yếu.

Về quân sự, các trường huấn luyện chiến thuật du kích và động tác đội ngũ, động tác chiến đấu từ cá nhân lên tới đại đội. Chiến thuật du kích học theo tài liệu: “Cách đánh du kích” được soạn từ hồi đánh Nhật ở chiến khu. Về cách đánh chính quy, vì chưa có kinh nghiệm, còn phải học góp nhặt chiến thuật của nước này, nước khác.

Ngày 22-5-1946, Bác lên Sơn Tây dự lễ khai giảng Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn. Tự vệ, thanh niên của tỉnh ra đón Bác, đứng dàn suốt dọc đường.

Trên chiếc sân rộng của nhà trường, học sinh quân mặc quân phục kaki đồng màu, tập hợp chờ nghe Chủ tịch Hồ Chí Minh huấn thị.

Sau khi căn dặn các học viên phải thực thà đoàn kết, cố gắng học tập, hết sức tôn trọng kỷ luật, Bác nói: “Trung với nước, hiếu với dân là một bổn phận thiêng liêng, một trách nhiệm nặng nề nhưng cũng là vinh dự của người chiến sĩ trong đạo quân quốc gia đầu tiên của nước ta...”.

“*Trung với nước, hiếu với dân*”, câu nói của Người giờ đây đã trở thành lịch sử. Ngay từ những ngày còn thơ ấu, quân đội ta đã được Người chỉ rõ ranh giới rạch ròi giữa những quân đội cũ đã từng xuất hiện trong quá khứ và quân đội mới của cách mạng. Lời nói lịch sử đó được thêu thành những chữ vàng trên lá quân kỳ dẫn đường các chiến sĩ ta

tiến lên hoàn thành mọi nhiệm vụ vẻ vang, trăm trận đánh trăm trận thắng.

Từ những ngày cuối tháng 11-1945, tình hình rất căng thẳng, các hoạt động của Đảng tạm rút vào bí mật, Bác đã nêu ý kiến với Thường vụ là đồng thời với việc chăm lo củng cố và mở rộng Mặt trận Việt Minh, cần tổ chức một Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi để thu hút tất cả những tầng lớp và những cá nhân đến lúc đó còn đứng ngoài Việt Minh. Tư tưởng đoàn kết mọi lực lượng có thể đoàn kết được để chống lại kẻ thù là một tư tưởng lớn, xuyên suốt quá trình hoạt động cách mạng của Người.

Bác đề nghị đặt tên cho tổ chức mới này là Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam. Mục tiêu hoạt động của hội là: độc lập, thống nhất, dân chủ, phú cường. Tất cả mọi người Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, thành phần xã hội đều có thể tham gia vào hội. Các đảng phái đấu tranh cho độc lập và dân chủ đều đứng trong Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam. Về cách gọi tên hội, Bác nói có thể gọi tắt là Liên Việt cho dễ nhớ, cũng như trước đây ta đã gọi Việt Nam độc lập đồng minh hội là Việt Minh.

Ngày 29-5, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam chính thức tuyên bố thành lập. Chủ tịch Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch danh dự. Ban Chấp hành hội do cụ Huỳnh Thúc Kháng làm Chủ tịch, Bác Tôn làm Phó Chủ tịch. Các đoàn thể chính trị tham gia Liên Việt gồm có: Việt Minh, Đảng Dân chủ, Việt Nam Cách mệnh Đồng minh và Việt Nam Quốc dân Đảng. Các đoàn thể tôn giáo, công đoàn

cũng đứng trong hội. Ngoài ra, còn có nhiều cá nhân yêu nước trước đây chưa ở đoàn thể nào, giờ cũng vào Liên Việt. Mặt trận thống nhất dân tộc được mở rộng theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ đó đã ngày càng phát huy tác dụng to lớn trong sự nghiệp đấu tranh cho độc lập và dân chủ của nhân dân ta.

XI

Mấy ngày sau cuộc gặp gỡ giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đácgiăngliơ trên Vịnh Hạ Long, đầu tháng 4, hãng thông tấn Roitoz tung tin: Đácgiăngliơ được cử làm người cầm đầu phái đoàn đàm phán với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa... Thành phần của phái đoàn này gồm có đại diện của các bộ: Kinh tế, Tài chính, Quốc phòng và Bộ Thuộc địa...

Nếu tin này đúng thì đây là một âm mưu của bọn phản động Pháp. Đácgiăngliơ là tín đồ trung thành của chủ nghĩa thực dân cũ xấu xa nhất. Cuộc đàm phán giữa chúng ta với y sẽ không thể nào dẫn tới kết quả tốt. Việc chúng đưa đại biểu Bộ Thuộc địa vào trong phái đoàn có hàm ý: Việt Nam vẫn bị coi như một thuộc địa của Pháp.

Báo chí ta lập tức lên tiếng tố cáo đây là thủ đoạn của bọn phản động nhằm phá hoại Hiệp định sơ bộ. Chúng ta đòi cuộc đàm phán chính thức cần được tiến hành ở Pari theo nguyên tắc bình đẳng. Người Pháp phải từ bỏ ý định cử vào trong phái đoàn một đại biểu của Bộ Thuộc địa. Người có quyền thay mặt cho Chính phủ Pháp trong cuộc nói chuyện với nước Việt Nam đã tự giải phóng phải là

người của Bộ Ngoại giao Pháp... Tin của hãng Roitor không được xác nhận, cũng không bị cải chính.

Bác và các anh bàn việc tổ chức các phái đoàn đi Pháp và đi Đà Lạt. Phái đoàn Quốc hội đi thăm hữu nghị Quốc hội và nhân dân Pháp do anh Đồng làm trưởng đoàn. Tôi được chỉ định làm phó trưởng đoàn trong phái đoàn Chính phủ tới Đà Lạt để dự cuộc đàm phán trù bị.

Đoàn này do Nguyễn Tường Tam, Bộ trưởng Ngoại giao trong Chính phủ liên hiệp làm trưởng đoàn.

Ngày 16-4, hai phái đoàn cùng lên đường một lúc. Phái đoàn đi Đà Lạt khởi hành từ Bắc Bộ phủ lúc 6 giờ sáng. Bác có mặt từ sớm để tiễn đưa đoàn. Một lần nữa, Bác nhắc chúng tôi: “Cần đặt vấn đề Nam Bộ và vấn đề đình chiến lên đầu chương trình nghị sự”. Bác bắt tay từng người trước khi ra đi.

Trời mưa lâm thâm. Phố xá còn yên tĩnh, vì đồng bào được báo giờ lên đường của hai phái đoàn quá muộn nên không kịp đi tiễn. Từ mấy ngày hôm trước, khắp nơi đã tổ chức những cuộc mít tinh lớn để ủng hộ các phái đoàn sắp sửa lên đường.

Một số nhà báo kéo đến phỏng vấn phái đoàn về triển vọng của cuộc đàm phán. Thực khó trả lời. Mọi câu trả lời còn ở phía trước. Ta muốn đi đến một giải pháp chính trị với Pháp nếu Pháp thành thật thi hành những điều đã cam kết, tôn trọng những quyền cơ bản của nước Việt Nam tự do. Nhưng sự thành công của cuộc đàm phán không chỉ tùy thuộc vào ta mà còn ở cả đối phương. Cuộc đấu tranh giữa hai lực lượng tiến bộ và phản động tại

Đông Dương và tại nước Pháp đang diễn ra gay gắt. Những dấu hiệu đầu tiên không hứa hẹn gì nhiều. Đã có tin phái đoàn đàm phán của Pháp do Mác Ăngđrê làm trưởng đoàn. Chính phủ Pháp đã chịu làm theo yêu cầu của ta cử những người thay mặt từ nước Pháp sang. Nhưng Mác Ăngđrê lại là người của nhà băng, một người thuộc phong trào Cộng hòa bình dân. Phong trào này vốn là đảng Thiên chúa giáo Pháp trước kia. Cầm đầu phong trào là những đại biểu của giới tư bản lũng đoạn có liên hệ với Mỹ và Tòa thánh Vatican. Với một người đối thoại như vậy, không thể trông đợi hội nghị sẽ diễn ra một cách thuận buồm xuôi gió. Còn về phía ta, thành phần phái đoàn đàm phán không thuần nhất. Nguyễn Tường Tam, tháng trước đã không chịu ký tên vào bản Hiệp định sơ bộ. Đến giờ phút chót, Vũ Hồng Khanh phải ký thay. Ngoài ra, một số đại biểu Nam Bộ, tên đã được công bố trong danh sách phái đoàn, nhưng vào giờ phút lên đường vẫn chưa có mặt.

7 giờ, máy bay cất cánh. Từ trên cao nhìn xuống, dưới các tầng mây, lúc là màu xanh ngọc lấp lánh của biển với những gợn sóng trắng, lúc là màu xanh lá cây rậm rì của núi rừng Trường Sơn trùng điệp. Có lúc là một dòng sông vàng rực ánh mặt trời, quanh co lượn khúc. Người xưa nói: non sông gấm vóc. Đó chính là hình ảnh đất nước của ta hiện ra dưới cánh bay.

Ngày hôm đó, chúng tôi chỉ tới được Pắc Xế. Chiếc Đakôta dừng lại đây để lấy xăng, nhưng khi sắp cất cánh đi tiếp thì máy móc trục trặc. Đoàn phải ở lại chờ máy bay

dự bị ở Sài Gòn lên thay. Chúng tôi đi dạo quanh các phố, vào thăm một ngôi chùa cổ, rồi ra bờ sông Mê Công. Dòng sông rộng, đò quán phù sa chia đôi hai nước Lào, Thái Lan, ở cả đôi bờ đều là những dải đất bằng phẳng. Việt kiều trong thành phố nghe tin phái đoàn Chính phủ qua, kéo đến thăm rất đông. Những cuộc gặp gỡ không chờ đợi, rất cảm động.

Ngày hôm sau, máy bay bay tiếp đến Đà Lạt. Xuống sân bay, thấy thời tiết khác hẳn. Khi chúng tôi ở Pắc Xế, trời nóng bức. Không khí ở đây thì mát lạnh như một ngày cuối thu. Đà Lạt là một nơi nghỉ mát, một thành phố du lịch dành cho người Pháp và người Việt Nam thuộc giới gọi là “thượng lưu”. Khắp nơi đều thấy những biệt thự lớn, nhỏ, những khách sạn, những con đường để dạo chơi ngắm cảnh. Chung quanh thành phố là những đồi thông nối tiếp. Một thành phố xinh đẹp.

Đoàn ta ở khách sạn Lang Biang. Khách sạn này trông ra một cái hồ đẹp, yên tĩnh, có những hàng cây bao quanh. Bên kia hồ là núi.

Ngày 18-4, hồi 9 giờ sáng, phía Pháp cử người tới báo với ta: 10 giờ 15 phút, Đácgiăngliơ sẽ gặp các trưởng đoàn của hai phía tại dinh thự của y, sau đó viên cao ủy sẽ gặp cả hai đoàn để giới thiệu phái đoàn Pháp và trưởng đoàn mới được chỉ định là Mác Ăngđrê. Việc này phía Pháp không hề bàn bạc trước với ta. Viên đô đốc đã chơi lối trịch thượng. Y muốn lấy danh nghĩa cao ủy Pháp để tiếp hai đoàn đại biểu trong một dinh thự của Liên bang Đông Dương. Người Pháp còn nói thêm, sau khi các đoàn đại biểu gặp nhau thì cao ủy sẽ khai mạc ngay phiên họp toàn

thể đầu tiên. Việc này cũng do phía Pháp tự ý định ra. Lẽ tất nhiên, chúng ta không thể tán thành.

Để đáp lại, chúng ta cử đồng chí thư ký của phái đoàn sang báo với phía Pháp là trưởng đoàn đại biểu Việt Nam đề nghị gặp Đácgiăngliơ để thương lượng về những vấn đề do phía Pháp vừa nêu ra.

10 giờ, phái đoàn Pháp đã có đủ mặt tại dinh thự của Đácgiăngliơ. Phóng viên các báo cũng kéo tới đông. Tất cả cứ ngồi đó đợi ta đến 11 giờ trưa. Đoàn ta kiên quyết bác bỏ cuộc gặp mặt trịch thượng của viên đô đốc. Không khí trở nên căng thẳng.

Phía Pháp thấy khó xử, bèn nghĩ ra một cách giải quyết cho đỡ bẽ mặt là mời đoàn ta tới dự một bữa tiệc. Thế là cuộc gặp gỡ đầu tiên của hai phái đoàn và ông cao ủy diễn ra quanh bàn ăn. Đácgiăngliơ hết cơ hội lấy danh nghĩa cao ủy để khai mạc hội nghị.

Tôi gặp Đácgiăngliơ lần đầu. Ông thấy tu phá giới này có cặp mắt nhỏ sắc sảo, tinh ranh nằm dưới vầng trán đầy nếp nhăn, và đôi môi mỏng dính. Ngồi với y một lát đã thấy ngay y là một con người từng trải và xảo quyệt, tự phụ và nhỏ nhen. Một con người như vậy chỉ có thể là con người của dĩ vãng, của chính sách thực dân.

Đácgiăngliơ tự khoe là đã biết nhiều về chúng tôi. Y hỏi thăm tôi về gia đình, về những năm hoạt động bí mật, về thời kỳ Nhật khủng bố và hẹn sẽ còn gặp để nói chuyện nhiều. Y rủ tôi chủ nhật tới sẽ cùng đi trèo núi. Hai bên cũng đề cập đến tương lai cuộc bang giao Việt - Pháp. Tôi nói: “Thế nào cũng còn gặp nhiều khó khăn nhưng đó là những khó khăn để mà vượt qua. Chúng ta

sẽ vượt qua những khó khăn đó nếu có được sự cố gắng của cả hai bên”.

Trong câu chuyện, Đácgiăngliơ nói có người đã gọi y là “con người của im lặng và khổ hạnh”. Chắc viên cao ủy muốn khoe mình vốn là một nhà chân tu. Thực ra, y là một chính khách nham hiểm hơn là một kẻ tu hành.

Qua cuộc gặp này, hai bên thỏa thuận sẽ họp phiên toàn thể vào ngày hôm sau. Phiên khai mạc sẽ do người của phái đoàn Việt Nam làm chủ tọa. Đây là sự nhượng bộ đầu tiên của Pháp. Nhưng sự nhượng bộ này hoàn toàn không có ý nghĩa là những khó khăn đã giảm bớt, đôi bên đã nhích lại gần nhau.

Hội nghị đàm phán trù bị giữa Việt Nam và Pháp họp phiên toàn thể đầu tiên vào sáng ngày 19-4 tại Trường trung học Yécxanh. Trong đoàn Pháp có mặt nhiều viên quan cai trị cũ như: Métxme, Bútckê, Pinhông... Một số người đã tới Đông Dương từ hồi đầu Cách mạng Tháng Tám. Riêng Métxme, được thả dù xuống miền Bắc hồi tháng 9-1945, bị dân quân ta bắt nhưng sau đó đã trốn thoát.

Ngày 20-4, tiểu ban chính trị họp. Chúng tôi đòi phải ghi ngay vào chương trình nghị sự vấn đề thực hiện một không khí chính trị thuận tiện cho cuộc đàm phán, và vấn đề đình chiến tại Nam Bộ. Phía Pháp bắt đầu có những luận điệu quanh co. Họ lẩn tránh yêu cầu của ta bằng cách nói những vấn đề này vượt quá thẩm quyền của hai phái đoàn. Ta đã viện những cơ sở pháp lý trong Hiệp định sơ bộ mong 6 tháng 3 và những lẽ phải thông thường

buộc Pháp phải nhận. Tranh cãi hồi lâu, Pháp nhượng bộ một phần. Họ đồng ý ghi vấn đề: “Thực hiện một không khí chính trị thuận tiện cho cuộc đàm phán”. Ta đòi phải ghi cả vấn đề đình chiến tại Nam Bộ.

Trong giờ giải lao, người Pháp bàn bạc với nhau. Khi cuộc họp tiếp tục, Pinhông, cố vấn chính trị của đoàn Pháp, lại nói là họ không có đủ quyền hạn để xét vấn đề đình chiến tại Nam Bộ. Chúng tôi hỏi lại Pinhông:

- Ông hãy cho biết phái đoàn Pháp có đủ quyền hạn để thảo luận những vấn đề ghi trong Hiệp định mồng 6 tháng 3 không?

Pinhông đáp lại một cách miễn cưỡng:

- Có.

- Vậy trong Hiệp định phải chăng là đã ghi: “Hai chính phủ lập tức quyết định mọi phương sách cần thiết để đình chỉ cuộc xung đột”?

Người Pháp bị đẩy vào một thế lúng túng. Chờ đến hết giờ làm việc buổi sáng, họ vẫn chưa tìm ra cách trả lời. Vấn đề đành để gác lại.

Buổi chiều, tôi đi dạo một lát trên bờ suối Cam Ly. Đã có thể thấy rõ thái độ phản động của người Pháp. Không thể trông đợi gì nhiều ở cuộc đàm phán này. Dù sao, cuộc thương lượng giữa ta và Pháp vẫn còn tiếp tục... Đường đi ngập lá thông. Bên bờ suối, nhiều hoa sim dại. Thành phố yên tĩnh, không khí trong lành, phong cảnh lại đẹp. Đà Lạt thật là một thắng cảnh của đất nước ta. Chỉ muốn đi mãi trên con đường có gió mát và tiếng thông reo. Trời sắp tối, tôi quay về khách sạn. Ngồi vào bàn làm việc vừa

ghi chép được một chút thì có tiếng gõ cửa gấp. Tôi chưa kịp đứng dậy, cửa đã mở. Một đồng chí ngó đầu vào, nói vội vàng:

- Mời anh lên phòng trên, anh Thạch tới rồi!

Đồng chí Phạm Ngọc Thạch đang chiến đấu tại Nam Bộ. Tên anh đã được công bố trong danh sách của phái đoàn, nhưng chúng tôi vẫn nghĩ là anh sẽ không có mặt trong cuộc đàm phán. Không hiểu anh Thạch đã tìm cách nào tới được đây đúng vào lúc cuộc họp bắt đầu. Bọn Pháp cũng chưa biết anh tới.

Chỉ một lát, cả đoàn, trừ Nguyễn Tường Tam, đều kéo đến. Người anh Thạch đen sạm, gầy, nhưng rắn rỏi. Chúng tôi ôm chầm lấy anh. Mừng rỡ, cảm động. Giọng nói của anh còn mang khí thế chiến đấu của Nam Bộ. Anh Thạch kể lại chuyến đi từ Sài Gòn lên. Một cuộc đi mạo hiểm. Anh nói về tình hình Nam Bộ, những gương hy sinh dũng cảm của chiến sĩ và đồng bào. Chúng tôi hàn huyên với nhau đến rất khuya.

Ngày hôm sau, anh Thạch bị bọn Pháp bắt trước khách sạn *Parc*. Đoàn ta phản kháng mạnh mẽ. Chính phủ ta đã lên tiếng phản đối việc làm trái phép của Pháp. Đồng bào ở nhiều nơi họp mít tinh đòi Pháp phải trả lại tự do cho anh Thạch. Nhưng anh Thạch chỉ được chúng thả ra sau khi cuộc đàm phán kết thúc.

XII

Hội nghị đã tiến hành khẩn trương. Ngoài những phiên họp toàn thể, những phiên họp ở các tiểu ban, còn có nhiều cuộc trao đổi ngoài hành lang. Mác Ăngđrê, Métxme, Buốcgoanh... đôi khi có cả Đácgiăngliơ cũng dự vào những cuộc trao đổi ý kiến không chính thức này. Tuy vậy, trên tất cả các vấn đề được đặt ra, cuộc đàm phán hầu như không tiến triển.

Đoàn ta đã giữ được sự nhất trí trong tất cả các buổi thảo luận. Riêng Nguyễn Tường Tam đã lẩn tránh phần lớn các phiên họp, và cũng ít tham gia vào các cuộc bàn bạc trong đoàn.

Vấn đề đình chiến dây dưa nhiều buổi. Không khí hội nghị trở nên nặng nề. Phía Pháp biết rằng nhất định đoàn ta sẽ không bỏ qua. Chúng ta đã nêu lên vấn đề đình chiến tại Nam Bộ một cách kiên quyết, và có lý lẽ. Người Pháp tỏ ra khó xử, bối rối, Buốcgoanh, một chuyên viên kinh tế ở Đông Dương, phải thốt ra: “Vấn đề đó gây phiền toái cho chúng tôi ghê quá! Họ (ý muốn chỉ chúng ta) rất có lý”. Một vài người Pháp cũng có ý nghĩ như Buốcgoanh.

Sau mấy phiên họp, người dân ở Đà Lạt bắt đầu bàn tán xôn xao về những lập luận vô lý của phía Pháp. Ngay

trong phái đoàn Pháp cũng có người nói thẳng với chúng ta: “Các ông có những nhà biện chứng đáng gờm”.

Phía Pháp không viện được lý lẽ gì để bác bỏ yêu cầu của ta, nhưng vẫn không chịu ghi vấn đề này vào chương trình nghị sự. Rõ ràng là Pháp không muốn đình chiến tại Nam Bộ.

Một câu hỏi được đặt ra trong đoàn ta: Nên tiếp tục cuộc đàm phán hay nên cắt đứt?

Ngày 23-4, hai phái đoàn họp phiên toàn thể. Đoàn ta lại đưa ra vấn đề đình chiến ở Nam Bộ ra trước cuộc họp. Người Pháp có một nhượng bộ. Họ đề nghị thành lập một ủy ban hỗn hợp hạn chế, gồm những người không có chân trong hai phái đoàn hiện nay, để thực hiện ngừng bắn ở Nam Bộ đồng thời giải quyết những vấn đề có tính cấp bách khác. Ủy ban này lúc đầu sẽ đóng ở Đà Lạt, sau đó sẽ đóng ở Hà Nội.

Ta biết đây là một cách trì hoãn. Tuy nhiên, cũng do sự nhượng bộ này của phía Pháp mà các phiên họp vẫn được tiếp tục.

Cuối tháng 4, tướng Goăng, Tổng Tham mưu trưởng quân đội Pháp trên đường từ Nam Kinh trở về Pari, ghé thăm Hội nghị Đà Lạt. Trong cuộc gặp Goăng khoảng hai mươi phút, tôi đã nói thẳng:

- Người Pháp phải thực hiện đình chiến ở Nam Bộ theo đúng tinh thần của bản Hiệp định sơ bộ. Nếu không, nhân dân Việt Nam sẽ tiếp tục chiến đấu đến cùng. Tôi muốn nói với ông điều này với tư cách là một người kháng chiến.

Ngoài những cuộc tranh luận gay gắt tại tiểu ban chính trị, ở tất cả các tiểu ban quân sự, kinh tế, văn hóa đều có những cuộc tranh cãi giằng co.

Về kinh tế, ta chủ trương giữ vững những quyền lợi kinh tế.

Muốn cho cuộc bỏ phiếu được hợp pháp, công bằng, ta chủ trương bảo đảm tự do cho những người bỏ phiếu. Ta đề nghị một chế độ chấp chính tạm thời của một hội đồng ba mươi người ở Nam Bộ. Hội đồng bầu lên ủy ban chấp hành, có nhiệm vụ trong một thời gian ngắn thực hiện đình chiến triệt để, thả hết tù chính trị, đình chỉ hết khủng bố, làm cho các tổ chức chính trị của nhân dân được hoạt động tự do. Phía Pháp trả lời một cách mơ hồ là sẽ bảo đảm tự do cho cuộc trưng cầu dân ý ở Nam Bộ; họ không đồng ý để người Việt Nam tham gia vào việc chấp chính hiện thời ở Nam Bộ.

Lập trường của ta và của Pháp rõ ràng là khác xa nhau. Những người thay mặt cho nước Pháp mới tới dự cuộc đàm phán đã tỏ ra rất lạc hậu trước tình hình đã đổi thay tận gốc trên bán đảo này. Họ vẫn còn mang nặng tư tưởng chủ nghĩa thực dân cổ truyền của đế quốc Pháp. Trưởng đoàn của Pháp Mác Ăngđrê ngày càng bộc lộ bản chất phản động. Có lần trong một bữa tiệc, y đã nói: “Với Việt Nam, người Pháp đã tỏ ra rất rộng rãi; Pháp nhượng bộ như thế là đã quá lắm rồi, không thể cứ nhượng bộ mãi, không thể theo truyền thống Muyních”.

Cũng vào những ngày đầu tháng 5 này, tại Pháp, bản dự thảo hiến pháp mới đã bị bác bỏ trong cuộc trưng cầu ý

dân. Đây lại là một khó khăn lớn nữa đối với phong trào đấu tranh cho các quyền dân chủ ở nước Pháp. Phái hữu đã giành được một thắng lợi. Bọn phản động Pháp ở thuộc địa sẽ ngóc đầu dậy. Cuộc đấu tranh của chúng ta sẽ gặp nhiều khó khăn.

Ngày 10-5, lại họp phiên họp toàn thể. Đoàn ta tiếp tục nêu lên chủ trương của mình về việc thực hiện trưng cầu ý dân tại Nam Bộ. Các đại biểu Pháp vẫn giữ thái độ ngoan cố. Chúng ta đã nói thẳng với họ là một số người Pháp có âm mưu tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam, âm mưu đó không thể dung thứ, nhất định sẽ thất bại. Sau một cuộc tranh luận gay go, cả đoàn ta đứng dậy bỏ phòng họp.

Đêm hôm đó, sau buổi hội ý trong đoàn, tôi thức khuya. Nhìn ra cửa sổ, trời tối đen. Không còn nhận ra đâu là hồ, đâu là núi. Những quả đồi thông xinh đẹp, những cánh rừng hoang vu của cao nguyên Lang Biang chìm trong bóng đêm. Cuộc chiến đấu của đồng bào ta, của các chiến sĩ du kích trên những mỏm núi cao, những khu rừng rậm nơi xa kia đang tiếp tục và sẽ còn phải tiếp tục. Từ hôm đi đến giờ, chúng tôi vẫn thường xuyên báo cáo tình hình hội nghị với Bác và các anh. Báo chí và đài phát thanh của ta đã phản ánh kịp thời cuộc đấu tranh của phái đoàn ta tại hội nghị. Bác và các anh ở nhà theo dõi rất sát diễn biến của cuộc đàm phán. Trong phiên họp sáng nay, tôi đã nói với phái đoàn Pháp: “Các chiến sĩ Việt Nam đã trải qua nhiều khó khăn trong cuộc chiến đấu giành tự do cho Tổ quốc, chỉ có thể chấp nhận hòa bình trong công bằng và danh dự... Nhân danh một dân tộc đã

có hàng ngàn năm tôi luyện trong lao động và đấu tranh, tôi khẳng định với các ông rằng: Ngày nào Nam Bộ còn bị tách khỏi Việt Nam thì ngày ấy mỗi người dân Việt Nam còn không ngừng dốc hết nghị lực của mình vào cuộc đấu tranh để đưa Nam Bộ trở về trong lòng Tổ quốc. Nếu tiếng nói của chúng tôi không được đáp lại, bản Hiệp định không được tôn trọng thì chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm về tất cả những gì xảy ra trong tương lai... Lịch sử sẽ chứng minh lời nói của chúng tôi là đúng...". Chúng ta đã nói với người Pháp những điều cần nói. Nhưng người Pháp vẫn giữ nguyên lập trường thực dân của họ. Ta đã đánh giá thêm được sức chống đối quyết liệt của bọn phản động. Qua cuộc đàm phán này, càng thấm thía một điều: Trong đấu tranh chính nghĩa đòi độc lập, tự do cho đất nước, ngoại giao nhất thiết phải dựa trên lực lượng của nhân dân. Mỗi người dân Việt Nam cần phải có đầy đủ nghị lực và quyết tâm bồi bổ thực lực của mình. Dân tộc ta phải mạnh. Đất nước ta phải mạnh. Công việc ngoại giao phải bắt đầu từ đó. Lại nhớ lời Bác nói hôm trước: "Thực lực như cái chiêng, ngoại giao như cái tiếng; chiêng có to tiếng mới lớn"...

Phiên họp sáng nay đã trở thành phiên họp cuối cùng của Hội nghị Đà Lạt. Dù sao cuộc đàm phán này cũng chỉ mới là một cuộc đàm phán tại chỗ có tính cách trừ bị. Sợi dây liên lạc giữa ta với Pháp chưa hoàn toàn bị cắt đứt.

XIII

Chúng tôi ở Đà Lạt về tới Hà Nội ngày 13-5. Phái đoàn Quốc hội của ta đi thăm Quốc hội và nhân dân Pháp vẫn chưa về. Một tuần sau khi phái đoàn Quốc hội ta rời Hà Nội, các hãng thông tấn Sài Gòn đưa tin: “Một phái bộ Nam Kỳ đã lên đường qua Pháp để gặp Chính phủ Pháp báo cáo tình hình và xin cho Nam Kỳ được tự trị”. Nhóm người này do Nguyễn Văn Xuân cầm đầu. Đây lại là một thủ đoạn mới nữa của viên cao ủy.

Ngày 18-5, báo *Cứu quốc* xuất bản ở Thủ đô có bài *Cụ Hồ Chí Minh với dân tộc Việt Nam*.

Bài báo viết:

"Ngày 19 tháng 5 này, năm mươi sáu năm trước đây (1890) đã ra đời một con người: Hồ Chí Minh.

Bằng bàn tay khéo léo và quả quyết, chính Ông đã khai sinh, đã nuôi nấng nhiều đoàn thể cách mạng Việt Nam. Tinh thần hoạt động của hầu hết các chiến sĩ Việt Nam đều do bàn tay tài tình của Ông hun đúc...".

Bài báo đã nói tới những cống hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng, ca ngợi Người là linh hồn, là hiện thân của cách mạng Việt Nam và nêu ý nghĩa lớn của ngày 19-5.

Lần đầu tiên, toàn dân tộc Việt Nam được biết ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người đã có công lớn đổi đời cho cuộc sống của nhân dân ta. Chúng ta chuẩn bị tổ chức kỷ niệm ngày sinh của Người. Anh em đều biết ý Bác nên đã làm thật đơn giản.

Cũng ngày hôm đó, Đácgiăngliơ tới Hà Nội. Đây là lần đầu tiên, viên cao ủy Pháp đến Thủ đô nước ta. Mục đích của cuộc viếng thăm này cũng mờ ám như những mưu đồ của y. Trong cuộc gặp gỡ ở Vịnh Hạ Long, viên cao ủy thỏa thuận với Chủ tịch Hồ Chí Minh muộn nhất vào ngày 31-5, phái đoàn đàm phán chính thức của Chính phủ ta sẽ lên đường sang Pháp. Ngày 31-5 sắp tới. Tình hình chính trị tại nước Pháp còn bê bối. Các đảng phái đang lao vào cuộc vận động tranh cử. Chức chủ tịch Chính phủ lâm thời Pháp trong thời gian tới chưa biết vào tay ai. Đácgiăngliơ không muốn để phái đoàn của Chính phủ Việt Nam tới đàm phán ở nước Pháp trong một tình hình như vậy. Mặt khác, các vai tuồng của Xêđin chưa sẵn sàng để diễn trò “Nam Kỳ tự trị”. Chính phủ Pháp cũng chưa chính thức phê chuẩn giải pháp chính trị của viên cao ủy ở Nam Kỳ. Do những lẽ đó, Đácgiăngliơ muốn đề nghị với Chủ tịch Hồ Chí Minh hoãn ngày lên đường của phái đoàn Chính phủ ta qua Pháp. Y còn gian ngoan định nhân chuyến ra Hà Nội này, đánh tiếng trước với ta về việc “nước Nam Kỳ tự trị” sắp thành lập nay mai...

6 giờ chiều hôm đó, Đácgiăngliơ cùng tướng Valuy và Crêpanh đến Bắc Bộ phủ để chào Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Cụ Huỳnh, cụ Tố và một vài anh em chúng tôi cùng dự

buổi tiếp khách với Bác. Khi nâng cốc chào mừng viên cao ủy, Bác nói:

- Thủ đô của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới lấy làm sung sướng được đón tiếp người thay mặt nước Pháp. Sau cuộc hội thương tại Vịnh Hạ Long, hội nghị trừ bị tại Đà Lạt và cuộc giao hảo của phái đoàn Quốc hội Việt Nam với Quốc hội Pháp tại Pari, hôm nay, với việc ngài đến thăm Hà Nội, cuộc bang giao Việt - Pháp chắc chắn sẽ có bước phát triển mới.

Đácgiăngliơ đáp lại với một thái độ rất nhã nhặn:

- Ngày mai là lễ sinh nhật của Chủ tịch, tôi xin chúc mừng Chủ tịch trường thọ, và tôi tin rằng từ đây tình thân thiện của nước Pháp và nước Việt Nam sẽ càng ngày càng chặt chẽ thêm và càng thân mật hơn nữa.

Sáng ngày 19-5, các đồng chí trong Thường vụ và trong Chính phủ tới chúc thọ Bác. Đây cũng là một dịp hiếm hoi mà chúng tôi được quây quần đông đủ bên Bác vào đúng ngày sinh của Người. Trong một bài thơ tưởng niệm Người làm hồi đầu xuân năm 1970, anh Tố Hữu có viết:

Chắc như thường lệ, Người đi vắng

Để mọi lời ca tặng nước non...

Bác thường vắng nhà trong những dịp kỷ niệm ngày sinh của Người.

Bác đã cố gắng từ chối, cố gắng gạt bỏ những vinh quang mà mọi người dành cho riêng Bác. Người không thích nói về những việc làm của mình và cũng không thích nghe ca ngợi công lao của Người.

Tiếng trống ếch rộn ràng trước cửa Bắc Bộ phủ. Các cháu đã tới. Bác Hồ ra đón các cháu vào. Hơn 10 em bé gái, trai thay mặt cho toàn thể thiếu nhi nội, ngoại thành đến chúc thọ Bác. Trong các em, có em hàng ngày vẫn phải đi bán báo, có em là trẻ mồ côi ở trường trẻ con mồ côi Hàng Bột. Các em đua nhau gắn huy hiệu măng mọc thẳng lên áo Bác, tặng Bác những chữ “i”, “t” tượng trưng cho phong trào bình dân học vụ, những tập sách nhỏ in điều lệ và bài hát của Hội nhi đồng cứu quốc.

Quà của Bác Hồ cho các cháu bé năm đó là một cây bách tán. Bác trồng cái cây nhỏ lá rất xanh, trồng trong chậu nói:

- Bác có cây này tặng các cháu. Mai sau cái cây này sẽ mọc một trăm cái tán. Các cháu về chăm cho cây lớn, cây tốt thế là các cháu yêu Bác lắm đấy!

Các em vui mừng hát một bài cảm ơn Bác. Khi các em vừa khênh chậu cây bách tán đi ra thì một đoàn hơn năm chục anh, chị bước vào phòng. Các anh đều mặc quần áo kaki, các chị vận quần áo bà ba đen. Đây là những người thay mặt cho miền Nam đang chiến đấu tới chúc thọ Bác.

Sau khi nghe lời chúc mừng của các anh, các chị, Bác nói:

- Tôi xin cảm ơn các anh, các chị Nam Bộ đã đến chúc thọ tôi. Thật ra, các báo ở đây đã làm to cái ngày sinh của tôi, chứ tuổi năm mươi sáu chưa có gì đáng được chúc thọ, cũng hãy còn như là thanh niên cả, mà trước các anh, các chị, trước cảnh êm vui ở Bắc đây, tôi thật lấy làm xấu hổ vì trong Nam chưa được thái bình.

Hai giọt lệ chảy trên gò má Bác. Các anh, chị Nam Bộ đều rung nước mắt.

Lát sau, Ban vận động trung ương đời sống mới vừa được thành lập tháng trước theo sắc lệnh của Chính phủ, đến chúc thọ Bác. Nhân được gặp Bác, các đại biểu đề nghị Bác nêu ra cho cuộc vận động một khẩu hiệu. Bác nói:

- Các chú muốn có một khẩu hiệu ư! “Cần kiệm liêm chính”, “Chí công vô tư”. Khẩu hiệu đó!

Một đại biểu thưa với Bác khẩu hiệu này đã quen thuộc, xin Bác một khẩu hiệu mới cho hợp với cuộc vận động đời sống mới.

Bác cười rồi nói:

- Hằng ngày ta phải ăn cơm, uống nước, phải thở khí trời mà sống. Những việc đó, ngày xưa ông cha ta phải làm, bây giờ chúng ta phải làm, con cháu ta sau này cũng phải làm. Vậy ăn cơm, uống nước và thở khí trời để đem lại cuộc sống cho con người thì đó là những việc không khi nào trở thành cũ cả. “Cần kiệm liêm chính”, “Chí công vô tư” đối với đời sống mới cũng như vậy.

Cũng ngày hôm đó, một phóng viên của hãng thông tấn Pháp AFP tới xin phỏng vấn Bác về cuộc hội nghị đã bị đứt quãng ở Đà Lạt. Bác trả lời:

- Đại biểu của hai nước đã nói rõ lập trường của mình một cách trung thực, thẳng thắn đôi khi đến tận nhẫn. Đó là một phương pháp hay. Vì nhờ vậy, bây giờ chúng ta hiểu nhau hơn trước. Về một vài điều, hai bên đã thỏa thuận. Vẫn còn có những sự bất đồng ý kiến. Nhưng cuộc hội nghị vừa qua chỉ là một cuộc hội nghị trừ bị. Nhiệm vụ của hội nghị ở Pari là phê chuẩn những thỏa thuận đã

thực hiện ở Đà Lạt và dung hòa các quan điểm xung đột nhau. Các cuộc xung đột ý kiến không đến nỗi không giải quyết được. Hai dân tộc phải thỏa thuận với nhau để thực hiện một cuộc hợp tác thân thiện. Chúng ta sẽ đặt một nền tảng vững chắc cho cuộc đàm phán sau này.

Trước những hoạt động phá hoại của bọn phản động Pháp, Người vẫn tìm mọi cách ngăn chặn để nếu không tránh được một cuộc chiến tranh thì ít nhất cũng kéo dài được thời gian hòa hoãn.

Suốt mấy ngày ở Hà Nội, Đácgiăngliơ ra sức trình bày với Chủ tịch Hồ Chí Minh là nên lui lại một thời gian nữa ngày lên đường của phái đoàn Việt Nam đi sang Pháp để mở cuộc đàm phán chính thức. Đácgiăngliơ cố chứng minh rằng sở dĩ phải làm như vậy chính là vì lợi ích của cuộc đàm phán và của nước Việt Nam. Trong câu chuyện, Đácgiăngliơ đã khéo đả động tới một “khó khăn” hiện tại là y “không thể cứ tiếp tục cản trở nguyện vọng đòi tự trị của người dân Nam Kỳ”. Y muốn biện bạch trước cho việc làm phản bội của mình nay mai đối với bản Hiệp định mong 6 tháng 3.

Tất cả những lời lẽ khôn khéo không che đậy được những mưu mô và những việc làm xấu xa đã quá lộ liễu của y. Chúng ta biết rõ một ngày chậm đi đến cuộc đàm phán chính thức là thêm một ngày cho Đácgiăngliơ và bọn phản động tại Đông Dương thực hiện chính sách “việc đã rồi”. Bác kiên quyết đòi viên cao ủy phải để nguyên thời hạn lên đường của phái đoàn Việt Nam như đã thỏa thuận từ trước tại Vịnh Hạ Long: chậm nhất là vào cuối tháng 5-1946.

Công việc thuyết khách làm không xong, ngày 22-5, Đắcgiăngliơ thất vọng trở về Sài Gòn.

Các báo tại Hà Nội đưa tin: Ngày 31-5, phái đoàn Việt Nam sẽ lên đường đi Pháp dự cuộc đàm phán chính thức.

Thời giờ đối với viên cao ủy không còn nhiều. Mọi cố gắng của bọn phản động ở Sài Gòn là phải kịp đưa lên sân khấu tấn trò “Nam Kỳ tự trị” trước khi phái đoàn đàm phán của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đặt chân lên đất Pháp.

XIV

Bọn đế quốc phải che giấu bộ mặt xấu xa của chúng trước loài người bằng cách giăng khắp nơi một tấm màn dối trá. Khi diện tích thuộc địa Pháp đã rộng tới gần hai mươi lần nước Pháp, Clê măng xô, Bộ trưởng Bộ Chiến tranh, một chính khách có tên tuổi, vẫn ra sức chứng minh với thế giới nước Pháp không phải là một đế quốc. Tổng thống Poăngcarê thì tự nhận Pháp là cường quốc thực dân số 1 biết cách thực dân. Việc bòn rút người dân thuộc địa tới xương tủy, đầu độc họ bằng rượu và thuốc phiện, kìm hãm họ trong tối tăm, qua lời nói của các nhà thực dân, đã trở thành một sự nghiệp hết sức nhân đạo: khai hóa và đem lại văn minh cho các dân tộc chậm tiến.

Bọn thực dân và bọn quan cai trị ở thuộc địa thi hành "chính sách của loài đà điểu"¹, ra sức vơ vét với một lòng tham không đáy, trực tiếp nhúng tay vào vô vàn tội ác, đã quay lại lừa dối đồng bào mình và đôi lúc lừa dối cả những kẻ cầm quyền ở chính quốc. Trong những năm ở nước ngoài, Bác đã thấy rõ điều đó. Đành rằng người dân Pháp

1. Lời của Bác đã dùng, dựa theo ngôn ngữ Pháp: "dạ dày của loài đà điểu", để chỉ lòng tham không đáy của đế quốc Pháp.

không hiểu gì về việc làm của những kẻ thay mặt cho nước Pháp ở nơi xa xôi, nhưng ngay cả nhiều người trong Chính phủ Pháp nhiều khi cũng chỉ hiểu về việc làm của bọn này một cách mơ hồ. Bác đã nhận xét là “giai cấp vô sản ở cả hai đảng đều không hiểu biết lẫn nhau, nên đã xảy ra những thành kiến” và “chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa tư bản không bỏ lỡ dịp lợi dụng sự nghi kỵ lẫn nhau đó... để ngăn cản việc tuyên truyền và để chia rẽ những lực lượng đáng lẽ phải đoàn kết lại”. Đối với Người, chủ nghĩa đế quốc là “con đỉ hai vòi”, một vòi ở các nước thuộc địa, một vòi ở chính quốc; muốn tiêu diệt chủ nghĩa đế quốc ta phải cắt cả hai cái vòi của nó.

Vì muốn xé toang tấm màn dối trá của chủ nghĩa đế quốc, nên từ lâu nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc đã trở thành nhà báo, nhà diễn thuyết, có khi thành cả người viết kịch. Riêng về mặt báo chí, Bác đã có những hoạt động phong phú và độc đáo. Những bài báo sắc bén viết bằng chữ Pháp của Người đã lột trần lớp phấn son dày cộm của chủ nghĩa thực dân. Nhưng bọn thống trị với mọi phương tiện tuyên truyền hiện đại trong tay và những mảnh khóc xảo quyệt vẫn không ngừng tung ra vô vàn điều dối trá.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đế quốc Pháp đã tung ra luận điệu: người Pháp trở lại Đông Dương để giải phóng cho dân ở đây thoát khỏi ách nô lệ của phát xít Nhật. Bọn thực dân còn dựng đứng lên rằng chính Việt Minh là một tổ chức của những kẻ phiến loạn làm tay sai cho phát xít Nhật. Phái đoàn Quốc hội ta vừa ở Pháp về,

cũng cho biết không riêng nhiều người Pháp chưa hiểu ta, mà ngay cả nhiều kiều bào ta ở Pháp cũng chỉ hiểu một cách sơ sài về tình hình nước nhà.

Trong hoạt động cách mạng, Bác luôn luôn chỉ rõ phải dựa vào sức mình là chính, nhưng đồng thời, Người cũng rất chú ý giành lấy sự đồng tình, giúp đỡ của bạn bè. Người đặt lòng tin sâu sắc ở nhân dân nước mình và Người rất tin vào nhân dân lao động các nước. Ngay sau ngày cách mạng thành công, Bác thường nhắc cần làm thế nào cho nhân dân các nước hiểu cách mạng Việt Nam và ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của ta. Bác đã gặp hầu hết những nhà báo nước ngoài tới thăm Hà Nội. Những nhà báo đã được gặp Bác đều tỏ ra rất cảm phục, và qua Người, họ hiểu chúng ta hơn.

Với việc ký Hiệp định sơ bộ, Bác đã nhìn thấy một cơ hội mà ta cần hết sức tranh thủ để mở rộng sự tuyên truyền quốc tế. Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương ngày 3-3 còn nêu ra: “Liên lạc mật thiết ngay với Đảng Cộng sản Pháp để thực hiện sự hành động chung giữa ta và các đồng chí Pháp”¹. Trong những năm nước Pháp bị chiếm đóng, những người cộng sản Pháp đã dẫn đầu phong trào nhân dân chiến đấu chống bọn phát xít Đức để giải phóng đất nước. Đảng Cộng sản Pháp đã có uy tín lớn trong quần chúng. Mặc dầu vấp phải sức chống trả mạnh mẽ của lực lượng phản động, cuộc đấu tranh cho dân chủ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 46.

và tiến bộ ở nước Pháp đang giành được nhiều thắng lợi. Bác hiểu rõ phong trào đấu tranh của nhân dân Pháp có liên quan mật thiết với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của ta.

Vì những lý do trên, Thường vụ đã nhận thấy cần đòi Pháp mở đàm phán chính thức ở Pari. Cuộc đàm phán mở tại Pari chắc chắn sẽ giành được sự đồng tình ủng hộ của dư luận tiến bộ Pháp, sẽ đỡ được sự gây rối của một số tên thực dân và bọn quan cai trị mà quyền lợi gắn liền với chế độ thuộc địa. Dù cho cuộc đàm phán không đạt được kết quả mong muốn thì cũng là một dịp để có thêm nhiều người hiểu cách mạng Việt Nam. Điều đó sẽ có lợi cho cuộc đấu tranh lâu dài của ta về sau này.

Tuy nhiên, chọn Pari làm nơi mở đàm phán, ta cũng có những khó khăn. Nhiều đồng chí lãnh đạo phải đi xa trong cùng một thời gian. Cuộc đàm phán chắc sẽ kéo dài trong khi tình hình ở nhà có thể xảy ra những đột biến. Bác đã trao đổi với các anh về việc Bác có nên đi Pháp trong dịp đàm phán này không. Trước đây, Bác đã có lần bị bọn phản động Pháp kết án tử hình. Trong trường hợp cuộc điều đình gặp khó khăn, nếu Pháp trở mặt, thì không phải không đáng ngại. Sau khi cân nhắc, Bác và các anh nhất trí, Bác sẽ cùng đi với phái đoàn.

Đoàn đại biểu của ta do anh Phạm Văn Đồng làm trưởng đoàn gồm các anh: Hoàng Minh Giám, Phan Anh, Tạ Quang Bửu, Nguyễn Văn Huyền, Trịnh Văn Bính... Nguyễn Tường Tam có tên trong phái đoàn nhưng cuối cùng y cáo bệnh không đi. Mấy ngày sau, Quốc dân Đảng

giải thích Tam làm như vậy là để tỏ thái độ không đồng tình của chúng với việc thương lượng giữa ta và Pháp.

Bác cùng đi nhưng không ở trong phái đoàn. Bác tới nước Pháp với tư cách là thượng khách do Chính phủ Pháp mời.

Ngày lên đường của Bác và phái đoàn đã tới.

30 tháng 5. Dưới trời mưa tầm tã, năm vạn đồng bào Thủ đô đội ngũ chỉnh tề, kéo tới Việt Nam học xá dự cuộc mít tinh. Mọi người giương cao những khẩu hiệu: “*Việt Nam hoàn toàn tự chủ*”, “*Nam Bộ là đất Việt Nam*”, “*Đất nước Việt Nam toàn vẹn*”, “*Ủng hộ Hồ Chủ tịch*”, “*Ủng hộ phái bộ*”, “*Gửi lời chào nhân dân Pháp*”...

Lần đầu, trong một chuyến Người đi xa, đồng bào đến tiễn đưa Người.

7 giờ 30, Bác và phái đoàn tới. Cùng dự mít tinh hôm đó có Xalăng, người đã được cao ủy Pháp chỉ định đi theo Bác trong cuộc hành trình. Bác nói:

- Theo mệnh lệnh của Chính phủ và ý chí của quốc dân, tôi cùng đoàn đại biểu sẽ đi Pari để mở cuộc đàm phán chính thức... Cả đời tôi chỉ có một mục đích là phấn đấu cho quyền lợi của Tổ quốc và hạnh phúc của quốc dân. Những khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo, là vì mục đích đó. Đến lúc nhờ quốc dân đoàn kết tranh được chính quyền, ủy thác cho tôi gánh việc chung, tôi lo lắng đêm ngày, nhẩn nhục cố gắng, cũng vì mục đích đó. Bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, tôi cũng chỉ theo đuổi một mục đích là làm cho ích nước, lợi dân. Lần này, tôi xin hứa với đồng bào rằng: Tôi cùng

anh em đại biểu sẽ gắng làm cho khỏi phụ lòng tin cậy của quốc dân...

Bác đề ra bốn điều cần làm để giúp cho cuộc đấu tranh ngoại giao thắng lợi:

- Một là, đoàn kết chặt chẽ, tránh mọi sự chia rẽ.

- Hai là, ra sức cần kiệm cho khỏi nạn đói khó.

- Ba là, ra sức giữ gìn trật tự, tuyệt đối tuân theo mệnh lệnh của Chính phủ.

- Bốn là, đối với các kiều dân nước ngoài phải tử tế, ôn hòa.

Suốt buổi chiều và đêm hôm đó, những đoàn xe từ các ngã đường nối đuôi nhau chạy vào Hà Nội. Các tỉnh cử đại biểu về Thủ đô tiễn Bác và phái đoàn Chính phủ sớm hôm sau lên đường. Mỗi xe đều mang ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh và khẩu hiệu.

Sáng 31, Bác dậy rất sớm. Người viết một bức thư gửi đồng bào Nam Bộ:

“... Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam.

Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi!

Tôi khuyên đồng bào đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi. Năm ngón tay cũng có ngón vắn ngón dài. Nhưng vắn dài đều họp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ.

Có như thế mới thành đại đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc chắn sẽ vẻ vang”¹.

Các anh trong phái đoàn đến Bắc Bộ phủ với trang phục tề chỉnh. Bác ở buồng bên đi ra, vẫn bộ quần áo vải vàng thường ngày, chỉ khác một chút là bữa đó Bác đi một đôi giày da màu đen.

Từ mờ sáng, đồng bào mang theo cờ, ảnh nườm nượp kéo sang Gia Lâm. Cờ bay đỏ cầu Long Biên. Thời tiết vẫn xấu. Bầu trời mây phủ kín dường như cũng chia sẻ nỗi lòng của người dân đất nước sáng nay tiễn Bác đi.

Sân bay đông nghịt người. Chủ tịch Hồ Chí Minh đi một vòng chào các đại biểu và đồng bào. Đồng bào vẫy cờ, vỗ tay hoan hô và chen lấn nhau ra phía trước để được nhìn rõ Người trước khi ra đi.

Sắp đến giờ lên máy bay, Bác tới nắm tay cụ Huỳnh nói:

- Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải đi xa ít lâu, ở nhà trăm sự khó khăn nhờ cậy ở cụ cùng với anh em giải quyết cho. Mong cụ “dĩ bất biến ứng vạn biến” (lấy cái không thay đổi để đối phó với muôn sự thay đổi).

Cụ Huỳnh rất cảm động, cầm tay Bác hồi lâu. Bác đã ủy nhiệm cụ Huỳnh làm quyền Chủ tịch nước trong thời gian Bác đi vắng.

Bỗng Bác gọi các đại biểu trong phái đoàn lại. Các anh tới đứng vây quanh Người. Một phút im lặng trang nghiêm. Bác nói:

- Anh em chúng ta mang trọng trách ra đi, đứng trước

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 246-247.

mặt quốc dân đồng bào đây, chúng ta phải hứa dù gặp gian nan thế nào, chúng ta cũng phải nhất trí đoàn kết để làm tròn nhiệm vụ đối với Tổ quốc.

Các anh cùng giơ tay hô to: Xin thề!

Đất nước tiền Người ra đi gửi gắm vào Người một niềm tin toàn vẹn.

Hai chiếc máy bay quân sự chở phái đoàn nối nhau rời sân bay, khuất dần vào nền trời đầy mây.

Riêng chúng tôi hôm ấy còn có thêm một nỗi lo lắng mà không ai dám nói ra. Hồi đó luôn luôn xảy ra những tai nạn máy bay. Duy Tân khi được Pháp đưa về nước cũng bị tai nạn máy bay ở dọc đường.

Dường như Bác hiểu rõ nỗi lo âu canh cánh của đồng bào và chúng tôi nên qua mỗi chặng đường Bác lại gửi điện về. Bức điện đầu tiên của Bác đề ngày 2 tháng 6 năm 1946, khi Bác tới Ấn Độ. Bác viết: “Chúng tôi đã đến Cancútta, được bình yên cả, sau một đêm nghỉ ở Pêgu (Rănggun). Hôm thứ, chúng tôi sẽ lại lên đường. Chúng tôi nhờ Chính phủ cảm ơn đồng bào ta và các bạn người Pháp đã tiễn chúng tôi ở Gia Lâm. Tôi gửi những cái hôn cho các cháu...”¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 282.

XV

Hồi tháng 4, Tổng Tham mưu trưởng Pháp là Goăng trên đường đi Trùng Khánh, dừng chân ở Cancútta. Đácgiăngliơ ngầm cử người đem thư cho Goăng yêu cầu triệu hồi Locléc với lý do là viên Tổng Chỉ huy không chịu tuân lệnh cấp trên. Vì có đề nghị này, Goăng đã phải quyết định điều Locléc về làm Tổng Thanh tra quân đội Pháp ở Bắc Phi. Thế là viên đô đốc đã gạt xong đối thủ chủ yếu của mình tại Đông Dương để có toàn quyền hành động.

Tuy bọn phản động Pháp ở Sài Gòn đã tìm mọi cách để trì hoãn cuộc hành trình, nhưng hai chiếc máy bay chở Bác và phái đoàn đã ở trên đường bay tới Thủ đô nước Pháp. Thời giờ đối với viên cao ủy đã trở nên cấp bách. Y chỉ còn cách tiếp tục chính sách “việc đã rồi”. Đácgiăngliơ không đợi Chính phủ Pháp trả lời, đưa ngay lên sân khấu tấn tuồng “Nam Kỳ tự trị” mà Xêđin đã chuẩn bị rất vội vàng.

Mồng 1-6, chỉ một ngày sau hôm Bác lên đường, cái gọi là “chính phủ lâm thời của nước cộng hòa Nam Kỳ” ra mắt tại Sài Gòn, đứng đầu là đốc tờ Thịnh. Để tạo nên sự lẫn lộn trắng đen, cũng có một hiệp định ký giữa người

thay mặt nước Pháp với người thay mặt "cộng hòa Nam Kỳ". Trong bản hiệp định này, viên cao ủy đã cho sao lại gần như nguyên văn điều khoản I của Hiệp định sơ bộ tháng 6 năm 1954: "Chính phủ Pháp công nhận nước cộng hòa Nam Kỳ là một quốc gia tự do có chính phủ của mình, nghị viện của mình, quân đội của mình, tài chính của mình và là một bộ phận trong Liên bang Đông Dương và trong khối Liên hiệp Pháp". Bản hiệp định này cũng được kèm theo một bản phụ khoản. Nếu có điều không thể che giấu được bộ mặt tay sai của cái "chính phủ lâm thời nước cộng hòa Nam Kỳ" thì đó là ở chỗ nó có một viên cố vấn người Pháp là Xêđin, được tuyên bố công khai là người chịu trách nhiệm về sự an ninh bên trong và bên ngoài của nước "cộng hòa".

Thường vụ nhận thấy rõ ràng là bọn phản động Pháp ở Đông Dương đang trắng trợn đẩy mạnh những hoạt động phá hoại nhằm gây trở ngại cho cuộc đàm phán, nhất là trong khi tình hình nước Pháp không ổn định về mặt chính trị. Cuộc đấu tranh trong những ngày sắp tới chắc chắn sẽ diễn ra rất phức tạp. Chúng ta càng phải hết sức cảnh giác.

Ta đã biết là Đácgiăngliơ sẽ không chịu dừng lại ở đây.

Buổi sáng ngày 21-6, tôi đang làm việc tại Bắc Bộ phủ thì có người vào báo Valuy đến yêu cầu cho gặp.

Valuy bước vào, giơ tay chào theo kiểu nhà binh rồi nói luôn:

- Tôi là một người lính có nhiệm vụ phải chấp hành mệnh lệnh của cấp trên. Tôi tới để chuyển giao cho Chính phủ Việt Nam một bức công hàm.

Tôi đã nhiều lần gặp và làm việc với Valuy trong những cuộc họp bàn về quân sự. Valuy là một con người thâm độc nhưng bề ngoài lúc nào cũng tỏ ra hòa nhã, cởi mở, lịch thiệp. Trong bữa tiệc đưa Bác lên đường, Valuy đã đưa con gái mới từ Pháp sang, tôi để giới thiệu. Hôm đó, y tự nhận mình đã già rồi và vui vẻ nói: “Chúng ta hãy để những người trẻ tuổi cùng ngồi với nhau”.

Thái độ của Valuy lần này hơi khác thường. Cảm thấy đây lại là một chuyện khiêu khích, tôi nói:

- Ông hãy đưa bức công hàm cho tôi.

Valuy trao tôi phong thư rồi vẫn đứng chờ. Tôi mở thư ra xem. Đó là một bức công hàm gửi cụ quyền Chủ tịch Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, lời lẽ rất vắn tắt: “Ông cao ủy Pháp ở Đông Dương, đô đốc Đácgiăngliơ đã ra lệnh cho quân đội Pháp chiếm đóng cao nguyên Mọi¹ như ông đã nói với Chủ tịch Hồ Chí Minh khi ông ở Hà Nội”.

Valuy dường như chăm chú theo dõi thái độ của tôi khi xem thư. Đây lại là một bước xâm lược mới của lão thầy tu phá giới nham hiểm. Tôi nói với Valuy:

- Nếu ông chỉ tới để làm nhiệm vụ của cấp trên giao, thì công việc của ông đã xong.

Valuy ra về.

Tối hôm đó, chúng ta được tin 4 giờ sáng, Pháp đã bắt thần điều quân lên đánh Tu Bông gần Đèo Cả. Máy bay của chúng bay rất thấp, bắn phá. 10 giờ, chúng đổ quân vào Đại Lãnh. Gặp sức kháng cự mạnh của ta, địch đã phải rút lui.

1. Tức Tây Nguyên.

Ngày hôm sau, 22-6, Pháp đưa quân đánh các vị trí của ta ở Củng Sơn, bị ta đánh trả, địch lại rút lui.

Ngày 23-6, quân Pháp đánh úp bộ đội ta ở Pleimedden trên đường từ Plâyku sang Campuchia.

Chiến sự đã lan rộng tại Tây Nguyên.

Mưu mô lấn chiếm vùng Tây Nguyên của Đắcgiăngliô để chuẩn bị tiếp tục cho ra đời một “nước cộng hòa Tây Kỳ” đã rõ ràng. Các lực lượng vũ trang của ta ở Tây Nguyên đã được lệnh kiên quyết đánh trả mọi hành động kẻ cướp của quân đội Pháp. Cụ quyền Chủ tịch gửi công hàm bác bỏ luận điệu xảo trá của Pháp và kiên quyết phản đối việc làm trái phép của chúng. Bức công hàm viết: “Hồ Chủ tịch không bao giờ được người Pháp cho biết trước là người Pháp sẽ chiếm đóng miền Tây Nguyên và Chủ tịch cũng không hề bao giờ, bằng bất cứ cách nào, lại đồng ý cho một sự chiếm đóng như vậy”.

Cũng trong thời gian này, ngày 25-6 tại Hà Nội, xảy ra vụ Pháp cho quân chiếm giữ phủ toàn quyền cũ.

Từ trước khi Tưởng rút quân khỏi đây, chúng ta và phía Pháp đã nhiều lần trao đổi về việc tiếp quản khu vực này. Valuy thỏa thuận với ta là sẽ chờ quyết định của cuộc đàm phán chính thức tại Pari. Nhưng khi Lư Hán vừa rời phủ toàn quyền cũ, thì lập tức phía Pháp điều quân đội tới đóng. Ta phản kháng với Valuy. Valuy chối quanh, nói rằng đó chỉ là một bộ phận tới để làm công việc bảo quản.

Pháp lấn chiếm phủ toàn quyền cũ đã gây nên một sự phẫn nộ lớn trong nhân dân.

“Không thể để cho bọn phản động Pháp, thực dân Pháp được đăng chân lên đăng đầu, phải chặn tay chúng lại”,

ngày 27-6, các đảng phái, các đoàn thể kêu gọi đồng bào tổng bãi công, bãi chợ ở Hà Nội, Hải Phòng và các nơi có mặt quân Pháp. Chính phủ ta đồng ý để nhân dân tỏ thái độ phản đối với việc làm trái phép của quân đội Pháp. Riêng các công sở và các ngành điện, nước được lệnh tiếp tục làm việc.

Ngày phản đối Pháp đã diễn ra cùng một lúc trên tất cả các nơi có quân Pháp đóng. Thái độ kiên quyết của Chính phủ và nhân dân ta làm cho phía Pháp lo ngại. Valuy buộc phải tuyên bố quân Pháp tới phủ toàn quyền cũ chỉ là để nhận bàn giao khi quân đội Tưởng rút đi, sau thời gian này, phủ toàn quyền sẽ do quân đội đôi bên cùng canh gác cho tới khi có quyết định tại cuộc đàm phán chính thức ở Pari.

XVI

Tháng 7 năm đó, nhân ngày kỷ niệm cách mạng Pháp 14-7, Bộ Chỉ huy quân đội Pháp đề nghị với ta tổ chức duyệt binh trên các đường phố lớn ở Hà Nội.

Ta chưa trả lời thì ngày 11-7, Thường vụ được các đồng chí ở Nha Công an báo cáo: Bọn phản động Việt Nam Quốc dân Đảng đang chuẩn bị những hành động khiêu khích rất nghiêm trọng. Chúng dự định sẽ cho tay chân phục sẵn dọc đường quân Pháp điếu qua, bắn súng, ném lựu đạn vào binh lính Pháp. Chúng kiếm cớ cho Pháp gây sự với ta, rồi tung truyền đơn hô hào lật đổ chính quyền và đứng ra bắt tay với Pháp. Hiện chúng đang in truyền đơn, sửa soạn vũ khí và ráo riết chuẩn bị.

Chúng ta đã biết bọn Quốc dân Đảng bên ngoài điên cuồng công kích những cuộc điều đình giữa ta và Pháp nhưng bên trong thì vẫn tìm mọi cách để bắt tay với Pháp. Chúng đã có liên hệ với Pháp từ lâu. Còn phía Pháp đã tiến hành đàm phán thương lượng với ta, nhưng vẫn nuôi những ý đồ đen tối. Trong bọn phản động Pháp không phải không có những kẻ mưu toan dùng bọn Việt gian để tính những chuyện phiêu lưu...

Các đồng chí công an đã được chỉ thị theo dõi thật chặt chẽ mọi hoạt động của bọn phản cách mạng.

Tổ chức Việt Nam Quốc dân Đảng hồi đó vốn là sự cấu kết của hai nhóm phản động. Một nhóm do Vũ Hồng Khanh cầm đầu; bọn này ra nước ngoài từ lâu, được quan thầy Tưởng nuôi dưỡng, không có liên hệ gì với trong nước. Một nhóm thuộc bọn Đại Việt thân Nhật tổ chức từ năm 1939, trong đó có Nguyễn Tường Tam, Chu Bá Phượng... Vào khoảng đầu năm 1945, nhóm Đại Việt biết là Nhật sắp thua nên kéo sang Vân Nam tìm gặp Vũ Hồng Khanh. Chúng hợp nhất lại dưới chiêu bài Việt Nam Quốc dân Đảng để dễ bề làm ăn với Quốc dân Đảng Tưởng Giới Thạch. Những tên cầm đầu Đại Việt tuy đi theo bọn tay sai của Tưởng, nhưng vẫn coi thường bọn này. Chúng chỉ tạm tìm chỗ ẩn núp để khỏi bị truy tố về tội thân phát xít Nhật, và vẫn có những mưu đồ riêng. Khi Lư Hán rút quân, cánh thân Tưởng theo chân quan thầy chạy ra nước ngoài. Cánh Đại Việt phần lớn vẫn ở lại trong nước. Chúng nằm chờ cơ hội, rắp tâm thay thầy đổi chủ. Âm mưu mới do bọn này chủ trương.

Sau khi đã nắm được rõ âm mưu của bọn phản động, Thường vụ chủ trương: một mặt, lấy lý do an ninh khước từ cuộc diễu binh của Pháp; một mặt, chỉ thị cho Nha Công an nhanh chóng hành động, dập tắt từ trong trứng những mưu đồ của bọn phản cách mạng.

Mở sáng ngày 12-7, một đơn vị công an xung phong bất thần vào khám trụ sở Việt Nam Quốc dân Đảng tại số nhà 132 phố Minh Khai. Bọn phản động bị bắt tại chỗ

cùng với những tang vật: một chiếc máy in và những đồng truyền đơn còn chưa ráo mực.

7 giờ sáng, Sở Công an Bắc Bộ cùng một lúc khám xét nhiều trụ sở của Việt Nam Quốc dân Đảng ở Hà Nội. Tại ba trụ sở của chúng ở hồ Thiên Quang, bọn phản động dùng trung liên chống lại. Tự vệ chiến đấu hợp sức với công an đặt hỏa lực từ các nhà chung quanh, uy hiếp, buộc chúng phải đầu hàng.

Tại căn nhà số 7 phố Ôn Như Hầu¹, ta tìm thấy một nơi làm giấy bạc giả và một căn buồng có nhiều dụng cụ tra tấn như máy phát điện, kìm, búa... cùng với những vết máu trên tường. Công an ta đào ở vườn sau lên bảy xác chết. Có những xác chết bị chặt thành nhiều khúc. Hai người bị bắt cóc để đòi tiền chuộc, được cứu thoát vào đúng lúc chúng sắp đem thủ tiêu.

Anh em kể lại khi đang khám xét khu nhà này thì một tên mặc quần soóc, đeo kiếm Nhật bước vào. Hắn làm bộ lớn tiếng tự xưng là một lãnh tụ của Việt Nam Quốc dân Đảng, có chân trong Quốc hội, không ai được quyền xâm phạm. Một người bị bắt cóc đã chỉ vào mặt tên này, nói chính hắn hôm qua đã kê gươm vào cổ mình, bắt viết thư về nhà đòi đem tiền chuộc.

Đồng bào nghe tin đào được nhiều xác chết, kéo tới xem rất đông. Có người nhận ra người trong gia đình đã bị mất tích. Thật khó mà tưởng tượng ra hết những nguyên nhân đã dẫn bọn phản động tới chỗ giết người. Ngoài

1. Nay là phố Nguyễn Gia Thiều.

những cán bộ của ta bị chúng bắt nhằm thủ tiêu, còn có những chị phụ nữ đi ngang cửa bị chúng kéo vào hầm hiếp, móc túi lấy hết tiền, rồi giết chết. Có người kéo xe cho chúng đi dạo mát, nửa đêm về tới đây thì bị chúng giết đi để khỏi phải trả tiền thuê.

6 giờ sáng hôm sau, công an ta tiếp tục khám những trụ sở của Việt Nam Quốc dân Đảng ở đường Quán Thánh. Khu vực này nằm sát nơi Pháp đóng quân. Bọn phản động tin rằng sẽ được Pháp che chở. Khi anh em ta tới, chúng dựa vào những bức tường dày, dùng trung liên và tiểu liên chống lại. Cuộc chiến đấu kéo dài. Hai giờ sau, Pháp đưa xe bọc thép đến để uy hiếp lực lượng an ninh ta. Đại biểu ta tại Ủy ban liên kiểm lập tức tới can thiệp. Quân Pháp đành phải rút xe bọc thép về thành. Anh em ta xông vào nhà, thu được nhiều tài liệu mà chúng chưa kịp thủ tiêu.

Tại trụ sở trung ương Việt Nam Quốc dân Đảng ở phố Đỗ Hữu Vị (nay là phố Cửa Bắc), ta còn tìm được thêm nhiều xác đàn ông, đàn bà và cả những tử thi của binh lính Pháp. Bọn phản động đã giết những tên lính Pháp này để tạo ra những chuyện rắc rối giữa Pháp với chính quyền ta. Trong số tài liệu tịch thu, chúng ta tìm được một bản kế hoạch ám sát và bắt cóc. Bọn Quốc dân Đảng đã định tiến hành một đợt ám sát các sĩ quan, binh lính Pháp và bắt cóc phụ nữ, trẻ con Pháp ở ngay tại nội thành. Công việc này được trao cho một nhóm đặc vụ thực hiện trong khoảng thời gian từ mồng 10 đến 11-7.

Cụ Huỳnh cùng chúng tôi tới xem căn nhà của Việt Nam Quốc dân Đảng tại phố Ôn Như Hầu.

Vài ngày sau, mấy người trong Việt Nam Quốc dân Đảng kéo tới Bắc Bộ phủ, xin gặp cụ quyền Chủ tịch để thanh minh cho đường lối cách mạng của đảng mình. Khi cán bộ vào báo cáo, cụ Huỳnh hỏi ngay:

- Chúng nó đâu?

Và cụ đứng dậy, chống batoong đi ra. Vừa nhìn thấy bọn họ ở cầu thang, cụ chỉ gậy vào mặt quát to:

- Đồ kẻ cướp! Đồ vô lại! Quốc gia dân tộc gì chúng mày!

Và cụ quay lưng lại, chống gậy trở về nơi làm việc.

Sau vụ Ôn Như Hầu, những người ngây thơ nhất về chính trị, từ trước đến nay vẫn còn ít nhiều tin vào các luận điệu tuyên truyền bịp bợm của bọn Việt Nam Quốc dân Đảng, cũng đều tỉnh ngộ.

Ngày 16-7, trong cuộc họp với các nhà báo, cụ Huỳnh nhân danh quyền Chủ tịch Chính phủ tuyên bố:

- Đoàn kết là cần... để xây dựng nên dân chủ cộng hòa, nhưng không thể vin vào “đoàn kết” mà làm những điều phi pháp. Tôi khuyên mọi đảng phái, mọi phần tử quốc dân đoàn kết. Nhưng cũng vì quyền lợi của quốc gia, tôi phải đem ra trước pháp luật những kẻ làm điều phi pháp. Những đảng viên Việt Nam Quốc dân Đảng chân chính, được bảo đảm sự tự do hoạt động trong vòng pháp luật. Pháp luật là pháp luật chung... Những kẻ bất cóc, tống tiền, ám sát thì phải đem ra pháp luật nghiêm trị. Và mười điều trong Quốc lệnh mà Cụ Hồ và cụ Nguyễn (Hải Thần) đã cùng ký có nói đến những trường hợp này, nay tôi chỉ theo đó mà thi hành. Đây không phải là vấn đề đảng phái. Việc khám xét vừa rồi là việc phải làm để bảo vệ trị an...

XVII

Từ ngày Bác lên đường đi Pháp, trong các cuộc họp và hội ý của Thường vụ, anh Nhân và các anh thường xuyên trao đổi về tình hình cuộc đàm phán tại Pháp và tình hình trong nước mỗi ngày càng khẩn trương. Sự liên lạc của Bác và phái đoàn với chúng tôi ở nhà đều phải qua tay người Pháp. Các điện của Bác gửi về đều đến rất chậm. Có bức điện đề ngày 5 đến ngày 15 chúng tôi mới nhận được. Đó là những khoảng thời gian căng thẳng. Ta đã nhiều lần phản kháng với Pháp về chuyện này. Do đó, chúng tôi thường phải theo dõi tình hình qua các đài phát thanh, các báo chí Pháp và phương Tây, những bản thông cáo chung rất vắn tắt về các phiên họp. Qua những tài liệu Bác còn để lại và các câu chuyện của một số đồng chí có may mắn được đi theo Người, chúng tôi giới thiệu sau đây một phần những hoạt động nhiều mặt, rất phong phú của Người cũng như những diễn biến chính tại cuộc đàm phán. Mong rằng sau này, khi có dịp, các anh sẽ kể lại đầy đủ hơn với chúng ta.

Bác trở lại con đường Người đã ra đi cách đây ba mươi lăm năm. Từ đó đến nay, dòng thác cách mạng không

ngừng tuôn chảy. Người thanh niên Việt Nam mất nước, trên con tàu Latútso Trêvin đã trở thành vị Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 31-5, vì thời tiết xấu, các máy bay chở Chủ tịch Hồ Chí Minh và phái đoàn ta dừng lại ở Miến Điện. Hôm đó, Bác nghỉ lại ở Pegu, một trường bay gần Rănggun.

Ngày 1-6, máy bay đến Cancútta. Đại biểu toàn quyền Anh và lãnh sự Pháp ra sân bay đón chào Người, đưa Người về khách sạn lớn Phương Đông (*The Great Eastern Hotel*), khách sạn lớn nhất của tỉnh, Chủ tịch Hồ Chí Minh nghỉ lại Cancútta hai ngày. Kiêu bào ta ở khắp nơi tại Ấn Độ nô nức kéo tới xin được gặp Bác, có những người đã phải đi xa hàng ngàn kilômét. Nhiều chị khi ra về đã khóc.

Ngày 4-6, Chủ tịch Hồ Chí Minh tới Agra. Bác cùng các anh trong phái đoàn đi thăm những thắng cảnh nổi tiếng của thành phố.

Ngày 5-6, Bác tới Karagna. Viên tổng đốc ở đây nói rằng ông đã được Chính phủ Anh ở Luân Đôn cho biết Chủ tịch Hồ Chí Minh sắp đi qua và chỉ thị cho ông đón Cụ Chủ tịch.

Ngày 6-6, Bác tới Habagna, thuộc Irắc. Thời tiết tại đây nóng đến nỗi cây cỏ không mọc được. Người ta phải làm những cây cỏ bằng kẽm, sơn màu xanh biếc để nhìn cho dịu mắt.

Ngày 7-6, trên đường đi Lơ Ke¹, máy bay lượn một

1. Nay là Cairô.

vòng trên Giêrusalem để Chủ tịch Hồ Chí Minh xem kinh đô cổ của xứ Paléx-tin. Đoàn nghỉ lại Lơ Ke ba ngày. Người Ai Cập đang đấu tranh đòi quân đội Anh rút đi. Thành phố đẹp đẽ, phong quang, trên bến dưới thuyền, nhưng không khí có vẻ căng thẳng. Tại đây, Bác nhận được một bức điện từ Pari gửi tới: “Mời Hồ Chủ tịch đến Biarít nghỉ tạm, chờ Chính phủ Pháp thành lập xong sẽ đón Người về Pari”.

Ngày 11-6, máy bay từ Lơ Ke bay tới Bítkra thuộc Angiêri.

Ngày 12-6, máy bay hạ cánh xuống Biarít. Đây là một nơi nghỉ mát phong cảnh rất đẹp, trên bờ biển phía tây nước Pháp, gần Tây Ban Nha. Tại sân bay chỉ có những người thay mặt chính quyền địa phương ra đón, vì khi đó Chính phủ Pháp đã từ chức, chỉ còn ở lại để xử lý những công việc hằng ngày. Chủ tịch Hồ Chí Minh về nghỉ tại khách sạn Céc-lô-tông. Người ở lại đây trong khi đoàn đàm phán của ta tiếp tục đi thẳng tới Pari.

Ngày hôm sau, kiều bào ta từ nhiều nơi trên nước Pháp kéo tới Biarít chào Chủ tịch Hồ Chí Minh. Có người đưa theo cả vợ con. Nhiều đồng bào quyền tiền nhờ phái đoàn chuyển về giúp nước. Điện chào mừng Chủ tịch Hồ Chí Minh của kiều bào từ khắp các nơi gửi về tới tấp, từ Anh, từ Mỹ, từ Tân Calêđôni...

Nhiều đoàn thể chính trị tại nước Pháp tới Biarít gặp Bác như Đảng Cộng sản Pháp, Tổng Công hội Pháp, Hội Pháp - Việt vừa được thành lập cách đó mấy hôm... Bác gặp lại trong đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Pháp một số đồng chí đã cùng hoạt động trước đây. Bác đã nói cho đoàn

rõ những chính sách của Đảng ta trong tình hình phức tạp mấy năm qua và những chủ trương hiện nay.

Báo chí Pháp bắt đầu đưa những tin tức về Việt Nam và bàn tán về cuộc đàm phán Việt - Pháp.

Trong những ngày ở Biarít, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú ý tìm hiểu tình hình xã hội Pháp lúc đó.

Đời sống của người dân Pháp gần hai năm sau khi chiến tranh kết thúc, còn rất khó khăn. Khẩu phần bánh mì hằng ngày là 300 gam. Mỗi người một tuần mới có 100 gam thịt, cả tháng mới có 50 gam bơ... Những người làm việc trong khách sạn nói với Bác, từ lúc chiến tranh đến giờ, họ chỉ mua được một bộ quần áo và một đôi giày. Người lao động Pháp đang đấu tranh quyết liệt đòi tăng lương 25%...

Mười ngày sau khi Bác tới Biarít, Chính phủ Pháp mới thành lập xong. Chúc Chủ tịch Chính phủ lâm thời đã chuyển sang tay Bidôn, một thủ lĩnh của phong trào Cộng hòa bình dân. Mutê vẫn giữ chức Bộ trưởng Bộ nước Pháp ở hải ngoại và phụ trách những vấn đề thuộc khối Liên hiệp Pháp.

Ngày 22-6, Chính phủ Pháp mời Bác tới Pari.

Máy bay chở Chủ tịch Hồ Chí Minh mang cờ Việt Nam và cờ Pháp. Lá cờ đỏ sao vàng xuất hiện lần đầu tiên trên bầu trời của nước Pháp.

Tới Pari, máy bay lượn một vòng quanh thành phố. Từ trên máy bay nhìn xuống, Bác đã nhận ra chiếc tháp sắt Épphen, lăng vua Napôlêông với cái nóc tròn màu kim nhũ, nhà thờ đạo Xacơ Cơ trên đỉnh gò Môngmác, cửa Khải Hoàn với nhiều con đường châu lại. Người đã lặng lẽ

dời khỏi thành phố rất quen thuộc này vào một ngày mùa hè năm 1923. Pari vẫn còn nguyên vẹn. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, nước Pháp đã tuyên bố Thủ đô của mình là một thành phố bỏ ngõ.

Người ra đón Chủ tịch Hồ Chí Minh trên sân bay Lơ Buốcgiê rất đông. Một lá cờ đỏ sao vàng lớn phấp phới trên cột cờ cao nhất của sân bay. Xen lẫn với cờ ba sắc, rất nhiều cờ đỏ sao vàng.

Máy bay vừa đỗ xuống, Bộ trưởng Bộ nước Pháp ở hải ngoại, Vụ trưởng lễ tân thay mặt cho Chính phủ Pháp, các tướng lĩnh thuộc hải, lục, không quân Pháp ra đón Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa Người vào ga. Qua việc nước Pháp cử Bộ trưởng Bộ nước Pháp ở hải ngoại ra đón Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta có thể thấy được một phần thái độ của những nhà cầm quyền mới đối với vấn đề Việt Nam. Tuy nhiên, mọi thứ lễ nghi vẫn được tiến hành trọng thể. Thảm nhung đỏ trải từ nhà ga ra đến xe hơi. Đại biểu các đảng phái, các đoàn thể quân chúng Pháp, kiêu bào ta đứng đầy trên thảm ùa lại hoan nghênh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đại biểu của phụ nữ Pháp mang hoa tới tặng Chủ tịch Hồ Chí Minh và ôm hôn Người.

Quốc thiều Việt Nam và quốc thiều Pháp nổi lên. Nhiều kiêu bào ta ra đón Bác tại sân bay đã không cầm được nước mắt khi nghe quốc thiều của ta lần đầu vang lên trên đất Pháp. Chủ tịch Hồ Chí Minh và đại biểu Chính phủ Pháp đứng chào cờ rồi đi duyệt đội danh dự. Hàng ngàn người thuộc đủ các tầng lớp nhân dân Pari tung hoa, vẫy chào, hò reo hoan hô Người. Khi đi tới chỗ của đại biểu các đoàn thể Việt kiều gồm những người thay

mặt cho công nhân, sinh viên, trí thức..., Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dừng lại rất lâu, chuyện trò thăm hỏi nhiều người, quên cả các quan chức Pháp đang đi theo phía sau. Những chiếc máy ảnh và máy quay phim hướng vào vị nguyên thủ quốc gia tới Thủ đô Pháp với bộ quần áo vải thô màu vàng giản dị.

Một phóng viên của hãng thông tấn Pháp đưa ghi âm lại, xin Chủ tịch Hồ Chí Minh nói mấy lời với dân chúng Pháp. Người nói: “Cảm ơn Chính phủ và dân chúng Pháp tiếp đón tôi một cách long trọng. Mong sau này hai dân tộc Việt và Pháp cộng tác một cách bình đẳng, thật thà và thân thiết”.

Đoàn xe hơi và mô tô đưa Chủ tịch Hồ Chí Minh về khách sạn Roayan Môngxô, một khách sạn lớn ở gần phủ tổng thống Pháp. Suốt dọc đường, những người dân Thủ đô Pháp vẫy cờ, vẫy khăn, hoan hô chào đón Người.

XVIII

Mười một ngày sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đến Pari, Chính phủ Pháp làm lễ tiếp đón chính thức. Sự chậm trễ này là một dấu hiệu không thuận lợi đối với cuộc đàm phán.

Đến đây, chúng ta hãy nhìn lại tình hình chung của nước Pháp vào thời kỳ đó.

Chính quyền nước Pháp, từ nhiều năm, vẫn nằm trong tay một nhóm tư bản giữ vị trí độc quyền trong các ngành ngân hàng, kỹ nghệ và thương mại, chủ yếu là bọn trùm tư bản tài chính.

Trước đây, Lênin đã từng nhận xét: “Khác với chủ nghĩa đế quốc thực dân Anh, chủ nghĩa đế quốc Pháp có thể gọi là chủ nghĩa đế quốc cho vay nặng lãi”.

Những chính sách cổ truyền của Pháp là chú trọng đầu tư ngày càng nhiều tư bản ra nước ngoài để lấy lãi, bao vây thị trường Pháp và các nước thuộc địa bởi một hàng rào thuế quan rất chặt chẽ, ngăn hàng hóa các nước tư bản khác vào để cạnh tranh. Cách khai thác thuộc địa của Pháp là vơ vét tài nguyên ở các nước phụ thuộc đưa về chính quốc, bóc lột người bản xứ bằng đồng lương rẻ mạt

và thuế khóa nặng nề. Chúng chủ trương duy trì nền kinh tế của các thuộc địa trong tình trạng lạc hậu.

Giới đại tư bản Pháp vốn có tiếng là già đời, nhiều thủ đoạn, máu lạnh. Trước khi Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, thái độ chính trị của giới cầm quyền Pháp là ủng hộ phát xít Đức và Ý. Thấy ở chủ nghĩa phát xít con đường đàn áp người dân lao động Pháp vốn rất giàu tinh thần đấu tranh cách mạng, chúng tán thành việc Hítler và Mút-xô-ly-ni can thiệp vào Tây Ban Nha; giúp phát xít Phrăng-cô đàn áp phong trào cộng hòa. Cùng với giai cấp tư sản Anh, chúng tính chuyện dùng bọn phát xít để tiêu diệt Liên Xô. Nhà cầm quyền Pháp đã để mặc cho Đức chiếm các nước Áo, Tiệp Khắc, Ba Lan với âm mưu hướng bọn phát xít về phía đông. Nhưng trước khi tiến xa hơn nữa về phía đông, phát xít Đức đã quay lại phía sau, ngốn nước Pháp trong vài tuần lễ.

Trong những năm Đức chiếm đóng, bọn đại tư sản Pháp giữ thái độ hai mặt. Một mặt, chúng bắt tay chặt chẽ với phát xít Đức, giúp cho Hítler tiếp tục chiến tranh xâm lược châu Âu; một mặt, chúng bắt tay với Anh, Mỹ, chờ đón thời cơ khi Đồng minh thắng trận. Người tổ chức lãnh đạo nhân dân Pháp kiên quyết chống lại phát xít Đức xâm lược là Đảng Cộng sản Pháp. Không những chính quyền tay sai Visi giúp bọn phát xít đàn áp những người du kích, mà cả Đờ Gôn cũng tìm cách kiềm chế phong trào kháng chiến tại nước Pháp.

Sau đại chiến, Pháp tuy đứng trong hàng ngũ Đồng minh chiến thắng, nhưng thực tế là một nước đã từng

thua trận, kiệt quệ vì bị chiếm đóng. Giai cấp tư sản Pháp suy yếu, ảnh hưởng chính trị giảm sút. Sản xuất công nghiệp giảm nhiều so với trước chiến tranh. Các thiết bị từ lâu không được cải tiến, trở nên lạc hậu. Còn quân đội Pháp, như lời một nhà bình luận chính trị Pháp, đã trở thành “một cái bào thai nằm trong quân đội Mỹ”. Thị trường Pháp ở châu Âu thu hẹp vì một số nước thoát ra ngoài quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản. Bọn đại tư bản Pháp mất nhiều nhà máy, hầm mỏ, nhà băng tại các nước Tiệp Khắc, Ba Lan... Trong khi đó, Đảng Cộng sản được bồi dưỡng thêm sau nhiều năm chiến đấu chống phát xít Đức, có uy tín lớn trong nhân dân. Lực lượng dân chủ đang phát triển không ngừng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đã trở thành mối lo âu chủ yếu của bọn đại tư bản. Đó cũng là mối lo của các đế quốc Anh, Mỹ trước tình hình mới ở châu Âu.

Đờ Gôn, người luôn luôn tự nhận là đứng trên các đảng phái, và cũng thường được nhiều báo chí tư sản tuyên truyền như vậy, thực ra chính là người đại diện quyền lợi của bọn tư bản tài phiệt. Dựa vào lưỡi lê của hàng chục vạn quân Mỹ và Anh trên đất Pháp, Đờ Gôn đã giải giáp lực lượng vũ trang cách mạng đã được tổ chức để chiến đấu chống phát xít Đức trong thời kỳ Pháp bị chiếm đóng. Mọi cố gắng của ông ta đều nhằm tiêu diệt thể chế dân chủ, dựng lên một chế độ độc tài. Đảng Cộng sản Pháp đang ra sức lãnh đạo cuộc đấu tranh của những người lao động để bảo vệ lợi ích kinh tế và các quyền tự do dân chủ. Cuộc đấu tranh giữa họ và bọn tư bản độc quyền thất thế đang tìm mọi cách trở dậy diễn ra rất gay gắt.

Tháng 10-1945, Đờ Gôn buộc phải tổ chức tổng tuyển cử bầu ra quốc hội lập hiến. Quốc hội này có nhiệm vụ dự thảo hiến pháp của nền Cộng hòa thứ tư. Một chính phủ lâm thời được thành lập do Đờ Gôn làm chủ tịch. Các thành phần chủ yếu của chính phủ này thuộc ba tổ chức chính trị lớn nhất tại Pháp: Phong trào Cộng hòa bình dân, Đảng Cộng sản và Đảng Xã hội.

Đầu năm 1946, Đờ Gôn đột ngột xin từ chức. Y định gây nên một sự rối loạn về chính trị tại nước Pháp, tạo cơ hội trở lại cầm quyền với chế độ độc tài. Một chính phủ lâm thời được thành lập do Phêlich Goăng, người của Đảng Xã hội làm chủ tịch. Chính phủ này đã chuẩn y bản Hiệp định sơ bộ ký giữa Pháp và Việt Nam. Đảng Cộng sản Pháp chủ trương nắm lấy cơ hội này liên minh với Đảng Xã hội, tổ chức một chính phủ gồm những người cộng sản và xã hội, gạt phái hữu thân Đờ Gôn ra ngoài. Việc này đã trở thành khả năng thực tế vì hai đảng chiếm đa số ghế trong Chính phủ Pháp. Nhưng những người cầm đầu Đảng Xã hội đã từ chối đề nghị này.

Tháng 3-1946, Chính phủ Goăng cử Lêông Blom, một lãnh tụ Đảng Xã hội sang Oasinhton để vay tiền. Sau mười một tuần lễ đàm phán, Mỹ thỏa thuận cho Pháp vay 650 triệu đôla với điều kiện Pháp phải phá bỏ hàng rào quan thuế cổ truyền để cho hàng hóa Mỹ ủa vào đất Pháp. Dư luận rộng rãi còn cho rằng Mỹ đã đòi Pháp hứa phải gạt những nghị sĩ cộng sản ra khỏi chính phủ trong vòng một thời gian ngắn. Để chống lại nhân dân Pháp, cứu vãn nền thống trị suy yếu của chúng, bọn tư bản tài phiệt chọn

con đường dựa vào Mỹ, một đế quốc làm giàu trong Chiến tranh thế giới thứ hai, đã trở thành tên đế quốc đầu sỏ.

Tháng 5-1946, bản dự thảo hiến pháp đầu tiên được đưa ra trong một cuộc trưng cầu ý dân. Đây là một bản hiến pháp dân chủ có chứa đựng nhiều điểm tiến bộ. Trước ngày dân chúng bày tỏ ý kiến, Đờ Gôn mặc dù đã tuyên bố rút lui khỏi vũ đài chính trị, đã lên tiếng đả kích bản hiến pháp. Do cuộc vận động ráo riết của lực lượng phản động cùng với áp lực của Đờ Gôn, bản hiến pháp này đã bị bác bỏ. Chính phủ Goăng đơ. Người dân Pháp lại phải tiến hành một cuộc tuyển cử mới để bầu ra một quốc hội lập hiến khác.

Trong một cuộc bầu cử đầu tháng 6, Đảng Cộng sản Pháp vẫn giữ một vị trí vững vàng. Đảng Xã hội do thái độ ngả nghiêng mất đi khá nhiều phiếu. Nhưng điều đáng chú ý là phong trào Cộng hòa bình dân, chịu nhiều ảnh hưởng của Đờ Gôn cũng giành thêm được một số ghế. Do đó, chức Chủ tịch Chính phủ lâm thời Cộng hòa Pháp rơi vào tay Bidôn, một người cầm đầu phong trào Cộng hòa bình dân, đã từng cộng tác nhiều năm với Đờ Gôn trong cương vị Bộ trưởng Ngoại giao. Chính phủ này mặc dù còn có một số đảng viên Đảng Cộng sản tham gia, đã thiên về phía hữu với chiều hướng ngày càng lệ thuộc vào Mỹ. Nhà cầm quyền mới của nước Pháp đang tìm mọi cách để phá hoại Hiệp định sơ bộ mồng 6 tháng 3, không thực hiện những cam kết giữa Pháp với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, những điều mà bọn tư bản tài phiệt cho là rất nguy hiểm, có thể dẫn tới sự suy sụp của cả đế quốc Pháp...

Tuy vậy, chương trình tiếp đón Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn được tổ chức theo những nghi thức trọng thể.

11 giờ sáng ngày 2-7, Bộ trưởng Bộ Lễ tân và các quan chức cao cấp của Pháp đến khách sạn Roayan Môngxô đón Chủ tịch Hồ Chí Minh tới dự tiệc chiêu đãi của Chính phủ Pháp.

Một đoàn xe hơi, xe mô tô hộ tống Người trên những con đường cấm xe cộ không được qua lại.

Lâu đài Matinhông treo cờ đỏ sao vàng và cờ ba sắc. Đội nhạc binh cử quốc thiều Việt Nam và quốc thiều Pháp. Chủ tịch Hồ Chí Minh duyệt đội danh dự trước khi vào nhà. Chủ tịch Bidôn ra đón, đưa Người vào giới thiệu với các bộ trưởng trong chính phủ đã tề tựu đông đủ.

Trước tiệc chiêu đãi, Chủ tịch Chính phủ Pháp đọc lời chào mừng:

- Thưa Chủ tịch.

Thay mặt dân chúng Pháp, tôi rất sung sướng được tiếp vị Chủ tịch của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tôi tiếc rằng những việc ngoài ý muốn chúng tôi đã làm chậm trễ cuộc tiếp rước mà chúng tôi định dành cho Ngài, ngay từ khi Ngài mới đặt chân đến đất Pháp. Sự có mặt của Ngài ở đây đã làm cho dân Pháp thỏa mãn vô cùng. Sự có mặt ấy chứng thực tình thân thiện cổ truyền giữa hai dân tộc. Tình thân thiện ấy tuy có lúc bị mờ tối đi, nhưng nó phải trở lại mạnh mẽ hơn và thành thực hơn...

Bidôn ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có “những lời lẽ nhã nhặn và mạn mà rất thích hợp với sự tiếp rước mà Pari và nước Pháp muốn dành cho những nước bạn”, ca

ngợi khối Liên hiệp Pháp là “một sáng tạo đặc biệt và rất nhân đạo”. Y nói đến “khung cảnh nên thơ và oanh liệt” của lâu đài Phôngtennơblô, nơi phái đoàn Việt Nam và phái đoàn Pháp sẽ gặp nhau. Y nhắc tới sự gặp nhau của Khổng giáo và triết học phương Tây, tới những quan niệm mới mẻ về những quan hệ giữa người tự do, đến lễ tiến hóa và lý tưởng của loài người, v.v..

Trước những lời lẽ hào nhoáng, trừu tượng, không chứa đựng một điều gì cụ thể của Chủ tịch Chính phủ Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đáp lại:

- Sự tiếp đón ân cần của nhân dân và Chính phủ Pháp làm cho tôi rất cảm kích... Pari thành phố bất hủ đã tìm ra những lý tưởng bất hủ của cách mạng 1789, Pari vẫn trung thành với lý tưởng của mình trong cuộc đổ máu giữa khối dân chủ và khối phát xít... Chắc hẳn nhiều khó khăn đang chờ đợi ở Hội nghị Phôngtennơblô là hội nghị có nhiệm vụ đặt nền móng cho sự giao thiệp giữa nước Pháp và nước Việt Nam mới. Nhưng sự thành thật và sự tin cậy lẫn nhau sẽ san phẳng được hết thảy những trở ngại. Triết lý phương Đông và triết lý phương Tây đều tán thành một nguyên tắc đạo đức: “Chớ làm cho người những điều mà mình không muốn người làm cho mình”. Tôi tin rằng trong những điều kiện ấy, hội nghị sắp tới sẽ đi tới những kết quả tốt đẹp...

Ngày mùng 3, Chủ tịch Hồ Chí Minh tới đặt vòng hoa tại mộ Người chiến sĩ vô danh ở cửa Khải Hoàn. Cùng ngày, Bác đến thăm cung điện Vécxây. Mùa hè năm 1919, Người đã có mặt ở đây khi các nước Đồng minh

đang họp để ký hòa ước kết thúc Chiến tranh thế giới thứ nhất; Người đã đưa kiến nghị đòi cho nước Việt Nam được độc lập.

Ngày mồng 4, Chủ tịch Hồ Chí Minh tới viếng đài liệt sĩ trên đồi Valêriêng. Đây là nơi nhiều chiến sĩ du kích Pháp đã bị quân Đức mang xử bắn trong những năm kháng chiến. Đứng trên đồi Valêriêng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tỏ vẻ rất xúc động. Chúng ta có thể hiểu được tình cảm của Người lúc đó qua những dòng bút ký sau đây: “Trông thấy nghĩa sĩ Pháp vì độc lập tự do mà bị người Đức tàn sát, lại nhớ đến những nghĩa sĩ Việt, cũng vì độc lập tự do mà bị người khác tàn sát, khiến cho người ta thêm nỗi cảm động ngậm ngùi. Quyền độc lập tự do ở nước nào cũng vậy, đều do xương máu của những nghĩa sĩ, và đoàn kết của toàn quốc dân mà xây dựng nên. Vậy nên những người chân chính ham chuộng độc lập, tự do của nước mình thì phải kính trọng độc lập, tự do của dân tộc khác”¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 404-405.

XIX

Cuộc đàm phán chính thức giữa hai phái đoàn Việt Nam và phái đoàn Pháp chỉ bắt đầu vào ngày 6-7 tại lâu đài Phôngtennoblô, cách Pari 60 kilômét.

Đácgiăngliơ vội vã trở về nước trước khi Chủ tịch Hồ Chí Minh tới Thủ đô Pháp một tuần lễ.

Với việc Chính phủ Goăng đố, Bidôn vừa lên cầm quyền, Đácgiăngliơ cảm thấy đã có cơ hội thuận lợi để thực hiện đường lối chính trị của Đờ Gôn đối với các thuộc địa. Y đã chạy chọt khắp nơi, xin gặp những người lãnh đạo mới trong chính phủ để tranh thủ sự đồng tình của họ đối với những việc y làm ở Đông Dương. Đácgiăngliơ đã yêu cầu nhà cầm quyền Pháp cử y làm người khai mạc cuộc đàm phán tại Phôngtennoblô. Viên cao ủy muốn chứng tỏ quyền lực của mình không những chỉ có ở Đông Dương mà còn ở cả Thủ đô nước Pháp. Phái đoàn ta đã kiên quyết phản đối, không đồng ý để cho Đácgiăngliơ tới khai mạc hội nghị, một việc trước đây viên cao ủy đã không làm được tại Đà Lạt. Nhà cầm quyền Pháp e ngại phía ta có thể vì thế mà khước từ cuộc nói chuyện. Họ cũng nhận thấy làm như vậy không có lợi với dư luận trong khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đang ở Pari với tư cách là

thượng khách của Chính phủ Pháp. Họ dành khuyên viên cao ủy tốt nhất là hãy tạm lánh đi. Sau đó, Đácgiăngliơ hậm hực trở về Sài Gòn.

Mãi tới mùng 5-7, một ngày trước phiên khai mạc, Chính phủ Pháp mới chỉ định xong danh sách những người tham dự cuộc đàm phán. Cẩm đầu đoàn Pháp vẫn là Mác Ăngđrê, trưởng đoàn đàm phán Pháp tại Hội nghị trù bị Đà Lạt. Thành phần của đoàn phần lớn gồm những nhân vật cũ, đã có mặt tại Đà Lạt: Métxme, Pinhông, Tôren, Gônông... Thêm một nhân viên quân sự tham gia phái đoàn cạnh tướng Xalăng, đô đốc Bácgiô. Viên đô đốc này vốn là một người tin cẩn của Đờ Gôn. Để hạn chế bớt những lời chỉ trích, Chính phủ Pháp đã đưa thêm vào phái đoàn ba nghị sĩ thuộc ba đảng chính trong Chính phủ là Đảng Cộng sản Pháp, Đảng Xã hội và Cộng hòa bình dân. Đại diện cho Đảng Xã hội là giáo sư Pôn Rivê, một người có tư tưởng tiến bộ. Sau khi dự cuộc trao đổi riêng của đoàn để chuẩn bị cho phiên khai mạc, vị giáo sư này đã xin rút lui. Ông nói là không muốn trở thành đồng lõa với những kẻ định phản bội lại các điều khoản mà người thay mặt nước Pháp đã ký kết ngày mùng 6 tháng 3 năm 1946. Theo lời thú nhận của chính Mác Ăngđrê sau này thì trước khi đến Phôngtennoblô, y đã được Biđôn chỉ thị: “giành cho được mọi sự bảo đảm để cho trên lĩnh vực đối ngoại Việt Nam không thể trở thành một quân cờ mới trong ván cờ xôviết”.

10 giờ sáng, đoàn đàm phán của ta và đoàn Pháp bước vào sân danh dự của lâu đài Phôngtennoblô.

Lâu đài Phongtennoblô treo cờ Việt Nam và cờ Pháp.

Mác Ăngđrê đọc diễn văn khai mạc, chào mừng các vị khách thay mặt cho nước Việt Nam và cầu chúc hội nghị đạt được kết quả tốt đẹp. Chiến thuật của đoàn Pháp là dùng những lời lẽ chung chung, không đề cập đến một điều gì cụ thể.

Trong lời đáp, anh Phạm Văn Đồng đã nói:

“... Trong lúc nhân dân Việt Nam ra sức chống Nhật thì Chính phủ Visi bán Đông Dương cho kẻ thù. Tháng 8 năm 1945, nhân dân Việt Nam đã nổi dậy giành chính quyền, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Từ ngày đó, nước Việt Nam đã là một nước độc lập... Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch, nhân dân Việt Nam đã bắt tay vào công việc kiến thiết Tổ quốc trong hòa bình...”.

Đoàn ta đã vạch rõ chính vì việc Pháp đưa quân đội viễn chinh đến Việt Nam nên đã làm cho chiến tranh lại bùng nổ. Sau đó nước Pháp đã ký Hiệp định mong 6 tháng 3 với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa...

“Nhưng hiệp ước này, nước Pháp có tôn trọng nó hay không? Chính là với sự phiến lòng sâu sắc mà chúng tôi phải nói với các ngài rằng, một số điều khoản đình chiến của bản hiệp định đã không được các nhà chức trách Pháp ở Việt Nam thi hành...”.

Đoàn ta đã tố cáo Pháp tiếp tục chiến tranh ở miền Nam, đưa quân lấn chiếm vùng Tây Nguyên, có nhiều hành động bạo lực ở miền Bắc, rõ ràng nhất mới đây là hành động chiếm dinh toàn quyền cũ tại Hà Nội. Đặc biệt, Đoàn ta phản kháng kịch liệt âm mưu chia cắt Tổ quốc

Việt Nam, việc nhà chức trách Pháp ở Sài Gòn vừa cho ra đời một “nước Nam Kỳ tự trị” và tuyên bố thừa nhận cái gọi là “chính phủ lâm thời” của nó. Cuối cùng đoàn ta nói thẳng:

“Hiệp định ngày mồng 6 tháng 3 không phải là để cho quân đội Pháp bình yên kéo vào miền Bắc Việt Nam và chính sách “việc đã rồi” của người Pháp ở Đông Dương không thể làm dễ dàng cho cuộc thương lượng...”.

Lời phát biểu đanh thép của đoàn ta đã nói lên sự thật về tình hình Việt Nam và gây nên một chấn động lớn. Bọn phản động kêu đó là những lời lẽ không ngoại giao, không thân thiện. Những người tiến bộ thấy thái độ của đoàn ta một mặt tỏ rõ quyết tâm bảo vệ nền độc lập dân tộc và sự thống nhất Tổ quốc của mình, một mặt vẫn muốn đi tới giải quyết tốt mối quan hệ giữa Việt Nam và nước Pháp.

Phải mất mấy ngày sau, đôi bên mới thỏa thuận được nội dung chương trình nghị sự gồm các điểm chính:

- Vị trí của Việt Nam trong Liên hiệp Pháp và các mối quan hệ của nước Việt Nam với các nước ngoài.

- Thống nhất ba kỳ bằng hiệp thương và trưng cầu ý dân.

- Soạn thảo hiệp ước giữa Pháp và Việt Nam.

Ngoài tiểu ban chương trình nghị sự, hội nghị lập ra các ban chính trị, quân sự, kinh tế tài chính, văn hóa để thảo luận.

Qua các cuộc thảo luận, phái đoàn Pháp đã để lộ rõ chính sách của Pháp đối với các lãnh thổ hải ngoại. Tuy về

tên gọi hoặc về hình thức tổ chức có ít nhiều thay đổi, chính sách đó về thực chất vẫn là duy trì chế độ thuộc địa cũ, ở Đông Dương thì đặt nhân dân ba nước trên bán đảo này dưới sự thống trị của một thứ chính phủ liên bang, đứng đầu là một viên toàn quyền.

Trước những vấn đề cấp thiết do ta đưa ra như: đình chiến tại Nam Bộ, thời hạn và cách thức tổ chức trưng cầu ý dân tại Nam Bộ..., đoàn Pháp đều tìm mọi cách lẩn tránh. Hội nghị giã chân tại chỗ nhiều ngày. Có buổi, một nửa số đại biểu của đoàn Pháp không tới dự.

XX

Chủ tịch Hồ Chí Minh không dự cuộc đàm phán ở Phôngtenoblô. Với tư cách là thượng khách của Chính phủ Pháp, Người ở lại Pari.

Bác làm việc gần như không nghỉ. Theo lời các anh trong phái đoàn kể lại, nhiều ngày Bác làm việc tới mười bốn tiếng đồng hồ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gặp và nói chuyện với hầu hết các đoàn thể chính trị lớn tại nước Pháp. Ba đảng lớn đang cầm quyền đều cử những người thay mặt tới gặp Người. Đoàn đại biểu của Đảng Cộng sản Pháp khi đó có năm mươi vạn đảng viên, gồm những đồng chí lãnh đạo quan trọng: đồng chí Tôrê (khi đó là Phó Chủ tịch Chính phủ Pháp), đồng chí Duyclô, đồng chí Casanh, đồng chí Biu... Nhiều đồng chí đã quen biết Bác từ những năm hai mươi, ba mươi trước đây tại Đại hội Tua, tại Mátxcơva, tại những cuộc họp của Quốc tế Cộng sản. Bác đã gặp nhiều tổ chức quần chúng quốc tế như Tổng Liên đoàn lao động thế giới, Liên đoàn thanh niên dân chủ thế giới, Liên đoàn phụ nữ thế giới. Người đã giới thiệu những hoạt động của công nhân, thanh niên và phụ nữ Việt Nam. Các đoàn thể quần chúng này đều tuyên bố kết nạp các tổ chức của lao

động, thanh niên và phụ nữ Việt Nam làm thành viên của mình. Nhiều thanh niên các nước được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh hồi đó đã gọi Người bằng hai tiếng đầy kính yêu: Bác Hồ.

Bác đã gặp rất nhiều nhân vật tai mắt ở Pari, những nhà hoạt động chính trị, những nhà kinh tế, tài chính, những quân nhân, những nhà trí thức lớn, trong đó có nhiều nhà báo, nhà văn như: Luy Aragông, Ilya Erenbua, Ana Xêgốc, Enxa Triôlê, Risa Blốc, Pie Emmanuyen...

Bác đã nhận thấy điều quan trọng lúc này là làm cho mọi người hiểu biết về nước Việt Nam, về phong trào cách mạng và nguyện vọng độc lập, thống nhất chính đáng của nhân dân ta. Công việc đó không thể chỉ làm trong một ngày, một tháng. Những người thay mặt cho nước Việt Nam mới đã có mặt ở Pari. Nhưng làm được cho mọi người hiểu đúng những vấn đề cấp bách và những nguyện vọng chính đáng của nhân dân ta thật không dễ dàng trong khi bọn phản động không ngừng tung ra những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có một ảnh hưởng lớn đối với giới báo chí Pari. Phóng viên của báo *Chiến đấu (Combat)* đã kể lại cuộc gặp Người như sau:

“Cụ Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tiếp tôi một cách giản dị, cử chỉ của Cụ bao giờ cũng giản dị như vậy. Cụ là một người đã có tuổi. Một cặp mắt tinh anh và hiền hậu. Nét mặt hiền lành nhưng có vẻ kiên quyết. Một bộ râu đen lại làm cho vẻ mặt Cụ thêm Á Đông. Cụ mặc một bộ quân phục, không có trang

sức gì cả, làm cho người ta nghĩ đến những người của Cách mạng Tháng Mười. Cụ nói thông thả, rất thạo tiếng Pháp, biết cả mọi cái nhuần nhuyễn của nó. Giọng nói rõ ràng, minh bạch, không trau chuốt, không kiêu cách. Chung quanh Cụ có những người thanh niên thông minh và yêu nước. Cụ mang vững trên vai cả vận mệnh của một dân tộc mà Cụ là đại biểu những đức tính đặc biệt của dân tộc đó...”.

Một số người viết báo xưa nay hay xuyên tạc cuộc đấu tranh của ta, qua đôi lần gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã có những bài đúng đắn hơn.

Sau này, một nhà báo Pháp đã viết: “Vì ông (Hồ Chủ tịch) sử dụng tài khéo léo, tài hùng biện trử tình và uy tín của mình, nên lời nói của ông vang mạnh và bay xa. Một số báo tán thưởng ông, một số khác chỉ trích ông. Nhưng toàn thế giới đều nói đến ông”.

Hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh mà các nhà báo thường tả lại một cách rất giống nhau: cặp mắt sáng, vầng trán rộng, chòm râu thưa, bộ quần áo vải thô cùng với những cử chỉ giản dị của Người, đã chinh phục tình cảm và để lại những nét sâu đậm trong lòng người dân Pháp. Hồi này, có đồng bào Việt kiều nhận thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh từ ngày tới nước Pháp, chỉ mặc một bộ quần áo vải xuề xoàng, đã vội hỏi thăm kích thước, định đi may biểu Người một bộ quần áo mới cho hợp với thời trang và cương vị của Người. Nhưng Bác biết kịp và ngăn không cho làm.

Nhà cầm quyền Pháp không thể kiếm cớ gì ngăn cản những cuộc tiếp xúc giữa một vị thượng khách của Chính

phủ với các đoàn thể chính trị, với những người tai mắt và giới báo chí.

Một tuần sau khi Hội nghị Phôngtennoblô khai mạc, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho tổ chức họp báo tại Pari. Chủ tịch Chính phủ Pháp Bidôn muốn bưng bít vấn đề Việt Nam, nên đã viện lý do cần chọn một nơi yên tĩnh cho cuộc nói chuyện để đưa hội nghị rời xa Thủ đô Pháp 60 kilômét. Các nhà báo, nhà quay phim, nhà chụp ảnh không tìm được gì trước những hàng rào của cung cấm Phôngtennoblô, kéo tới rất đông.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra sáu điểm trong lập trường đàm phán của Việt Nam:

1. Việt Nam đòi quyền độc lập. Độc lập nhưng không phải là hoàn toàn tuyệt giao với Pháp, mà ở trong Liên hiệp Pháp, vì như thế lợi cho cả hai nước. Về mặt kinh tế và văn hóa, Việt Nam vui lòng cộng tác với Pháp.

2. Việt Nam quyết không chịu có một chính phủ liên bang.

3. Nam Bộ là một bộ phận của nước Việt Nam, không ai có quyền chia rẽ, không lực lượng nào có thể chia rẽ.

4. Việt Nam sẽ bảo hộ tài sản của người Pháp. Nhưng người Pháp phải tuân theo luật lao động của Việt Nam và Việt Nam giữ lại quyền mua lại những tài sản có quan hệ đến quốc phòng.

5. Nếu cần đến cố vấn, thì Việt Nam sẽ dùng người Pháp trước.

6. Việt Nam có quyền phái đại sứ và lãnh sự đi các nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói:

- Về phần chúng tôi, chúng tôi rất thật thà. Chúng tôi

mong rằng, người khác cũng thật thà với chúng tôi. Chúng tôi quyết không chịu hạ thấp chúng tôi. Mà chúng tôi cũng không muốn hạ thấp nước Pháp. Chúng tôi không muốn đẩy người Pháp ra khỏi Việt Nam. Nhưng chúng tôi muốn nói với họ: các người hãy phải đến nước chúng tôi những người biết yêu chuộng chúng tôi... Chỉ có lòng tin cậy lẫn nhau và sự cộng tác thật thà, bình đẳng, thì mới đi đến kết quả thân thiện giữa hai nước.

Trong khi cuộc đàm phán tại Phôngtenoblô còn bị bung bít, thì những lời tuyên bố của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa vấn đề ra trước ánh sáng. Giới báo chí bàn tán rất sôi nổi. Phần lớn các báo nhận xét lời phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh là đúng đắn và chân thành. Một tờ báo viết: “Những lời nói đó tỏ ra rằng Hồ Chủ tịch và Chính phủ Việt Nam quyết tâm dàn xếp mọi quan hệ Việt - Pháp bằng cách hiểu nhau với lòng hữu ái giữa hai dân tộc”. Dư luận tiến bộ Pháp đứng về phía ta. Họ phê phán những luận điệu khiêu khích của một vài tờ báo phản động.

Qua hơn nửa tháng trời, cuộc đàm phán tại Phôngtenoblô vẫn không tiến triển. Ngày 23-7, các báo ở Pari bỗng đưa tin: Cao ủy Pháp tại Đông Dương Đácgiăngliơ triệu tập một hội nghị liên bang ở Đà Lạt vào ngày 1-8. Thành phần hội nghị này gồm các đại biểu của Lào, Campuchia, Nam Kỳ, Nam Trung Kỳ và Tây Nguyên... Với thành phần hội nghị đã công bố, Đácgiăngliơ không những muốn tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam, mà còn muốn chia Việt Nam ra thêm thành nhiều “nước”, nhiều vùng khác nhau. Ngay sáng hôm đó, đoàn ta đưa ra tại Hội nghị Phôngtenoblô lời phản kháng kịch liệt. Người Pháp lại

lẩn tránh vấn đề bằng cách nói sẽ chuyển lời phản kháng đó lên Chính phủ của họ.

Do hành động của viên cao ủy với sự cố ý làm lơ của Chính phủ Pháp, tình hình hội nghị vốn đã căng thẳng càng trở nên bế tắc.

Trưa ngày 26-7, Chủ tịch Hồ Chí Minh tới thăm Phongtennoblô. Đoàn Việt Nam và đoàn Pháp cùng đại diện chính quyền và nhân dân địa phương mang hoa ra đón Người. Sau bữa tiệc chào mừng của những người đứng đầu quận, ông giám đốc cung Phongtennoblô đưa Chủ tịch Hồ Chí Minh đi xem tòa lâu đài với kiểu kiến trúc thời xưa rất xa hoa, tráng lệ. Thăm lâu đài xong, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói muốn ra dạo chơi ngoài rừng; ông giám đốc dẫn Người đi.

Ở rừng Phongtennoblô về, Bác hỏi tình hình hội nghị, trao đổi ý kiến với các anh trong đoàn đàm phán của ta.

Hội nghị đã thật sự bế tắc. Những người thay mặt cho Chính phủ Pháp tại cuộc đàm phán, theo chỉ thị của nhà cầm quyền, đã ra mặt trốn tránh việc thực hiện hiệp định, viện lý do không thể tạo ra một tiền lệ cho những thuộc địa khác của nước Pháp chống lại chính quốc. Họ vẫn bám lấy những tư tưởng phản động lỗi thời về vấn đề thuộc địa. Chế độ mà họ muốn thiết lập ở Đông Dương không khác mấy với cái chế độ mà người Pháp vẫn áp dụng tại đây trước Chiến tranh thế giới thứ hai.

Chiều hôm đó, Bác trở về Pari.

Chính phủ Pháp vẫn im lặng trước lời phản kháng của phái đoàn ta về việc Đácgiăngliơ triệu tập cái gọi là “hội nghị liên bang” ở Đà Lạt ngày 1-8. Đúng ngày

mồng 1-8, đoàn ta tuyên bố cần đình chỉ phiên họp cho tới khi lời phản kháng của ta được giải quyết thỏa đáng. Đoàn đàm phán của ta rời lâu đài Phôngtennoblô và không bao giờ quay trở lại đây nữa.

Thời kỳ của những lời chúc tụng và hứa hẹn hào nhoáng đã qua.

Hội đồng liên bộ Pháp về vấn đề Đông Dương họp dưới quyền chủ tọa của Bidôn từ ngày 10 đến 12-8 để bàn về cuộc đàm phán đã bị bỏ dở. Trước ngày đó, Varen, một viên toàn quyền cũ ở Đông Dương, Quốc vụ khanh của Chính phủ Bidôn, mới được bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng liên bộ về Đông Dương, đưa ra một lời tuyên bố với báo chí:

“Nền Đệ tam cộng hòa đã sáng tạo được ở phía bên kia biển cả một sự nghiệp tráng lệ làm vinh hiển cho thiên tài nước Pháp. Chúng ta sắp từ bỏ và phá hoại sự nghiệp này chăng? Làm như vậy đối với người Pháp sẽ là một thảm họa không sao cứu chữa được. Chúng tôi và một số người hoàn toàn thông hiểu điều mà chính mình đang nói và sẽ làm mọi việc để tránh cho được thảm họa đó”.

Ít ngày sau, chính Đờ Gôn cũng lên tiếng. Trong khi công kích bản dự thảo hiến pháp sắp được đưa ra để trưng cầu ý dân, Đờ Gôn đã chỉ trích mạnh mẽ quy chế về Liên hiệp Pháp được ghi trong bản dự thảo. Ông ta cho rằng nguyên tắc “tự quyết tự do” chỉ có thể đưa các lãnh thổ của Pháp ở hải ngoại đến chỗ rối loạn, phân liệt và cuối cùng rơi vào sự thống trị của nước ngoài.

Mọi cuộc họp hành, bàn bạc, trao đổi suốt cả tháng 8 đã không giúp cho Hội nghị Phôngtennoblô họp trở lại.

XXI

Đầu tháng 8, các hãng thông tấn Pháp đưa tin không chính thức Chủ tịch Hồ Chí Minh sắp lên đường về nước. Tin này được đưa ra đồng thời với tin phái đoàn ta tuyên bố ngừng họp Hội nghị Phôngtennoblô. Chiều hướng cuộc đàm phán đã rõ ràng là không tốt.

Cũng trong những ngày này, quân Pháp liên tiếp gây những vụ khiêu khích trên dọc đường Hà Nội - Lạng Sơn. Theo thỏa thuận giữa đôi bên, quân đội Pháp được lên Lạng Sơn tiếp phòng quân Tưởng rút đi. Thử thách về việc tiếp tế cho quân Pháp ở những nơi xa Hà Nội, đã được đề ra rõ ràng. Nhưng các toán quân Pháp đi làm việc tiếp tế cứ liên tiếp vi phạm những quy định. Chúng thường không chịu mang theo giấy phép. Chúng đưa theo trong đoàn tiếp tế cả những xe bọc thép. Và chúng luôn luôn gây chuyện với các trạm gác của bộ đội ta trên dọc đường.

Ngày mùng 1-8, một chiếc xe vận tải nhà binh Pháp từ Lạng Sơn chạy về Hà Nội. Trạm gác của ta ở Cầu Đống hỏi giấy. Bọn Pháp nói không mang theo. Các đồng chí gác yêu cầu chúng dừng lại, và điện báo cáo về Ủy ban liên kiểm Việt - Pháp trung ương. Nhưng bọn Pháp cứ cho xe

chạy qua cầu. Anh em ta thối còi bắt dừng lại. Bọn Pháp nổ súng làm cho năm chiến sĩ Vệ quốc quân cùng với hai người dân bị trúng đạn. Bộ đội ta bắn trả. Chiếc xe lao vọt qua cầu, phóng về phía Gia Lâm.

Chúng ta biết rõ bọn phản động Pháp ở Đông Dương đang cố tạo nên những chuyện rắc rối để phá vỡ cuộc đàm phán vốn đã gặp rất nhiều khó khăn tại Phôngtennoblô. Vấn đề quan trọng lúc này là Bắc và phái đoàn ta đang còn ở ngay trên đất Pháp. Trước những hành động khiêu khích của quân Pháp, ta một mặt kiên quyết đối phó, một mặt cố gắng tìm cách dàn xếp. Tuy nhiên, nhân dân ta căm thù giặc Pháp từ lâu, trước những hành động khiêu khích của binh lính Pháp, thường chống lại ngay, nhất là khi kẻ địch đã gây ra thiệt hại tới sinh mệnh và tài sản của đồng bào.

Hai hôm sau vụ khiêu khích ở Cầu Đuống, ngày 3-8, một đoàn 20 chiếc xe của Pháp chạy từ Hà Nội lên Lạng Sơn. Qua cầu Đuống, lính Pháp chĩa súng bắn lung tung trên dọc đường. Cách Bắc Ninh 2 kilômét, chúng bắn vào một trạm gác của ta. Một chiến sĩ Vệ quốc quân hy sinh. Đoàn xe tiếp tục chạy vào thị xã Bắc Ninh, vừa chạy vừa nổ súng. Bộ đội và tự vệ ta bắn trả. Cuộc xung đột kéo dài từ 7 giờ 30 sáng đến trưa.

Bộ Chỉ huy Pháp ở Hà Nội không những không cùng ta tìm cách giải quyết mà còn điều thêm một đoàn quân tiếp viện có nhiều xe bọc thép đi kèm. Dọc đường, lính Pháp bắn cháy nhiều nhà ở Cầu Đuống, Yên Viên, Từ Sơn. 10 giờ sáng, bọn này tới Bắc Ninh làm cho cuộc xung đột

càng mở rộng. Buổi chiều, Ủy ban liên kiểm Việt - Pháp trung ương tới can thiệp không có kết quả.

Mồng 4-8, viên quan tư người Pháp chỉ huy cuộc hành quân yêu cầu chính quyền ta ở Bắc Ninh để quân Pháp vào đóng ở trại lính khố xanh cũ. Ta bác bỏ đòi hỏi vô lý đó. Vài giờ sau, bốn chiếc máy bay Pháp tới ném bom vào trong thành và những nhà dân. Quân đội Pháp vẫn không chịu rút khỏi thị xã.

Ngày mồng 6, Crêpanh, Ủy viên Cộng hòa Pháp ở miền Bắc, được ủy quyền thay Xanhtoni đã về Pháp, tới Bắc Bộ phủ gặp chúng tôi. Y phản kháng ta đã gây nhiều thiệt hại về sinh mạng cho binh lính Pháp ở Bắc Ninh. Chúng ta nói: Vụ xung đột này xảy ra là do sự khiêu khích của quân đội Pháp. Phía Việt Nam đã đồng ý cử một ủy ban hỗn hợp đến điều tra tại chỗ để giải quyết. Việc rắc rối kéo dài là vì quân đội Pháp không chịu rút khỏi thị xã Bắc Ninh, vi phạm nghiêm trọng những điều đã ký kết trong hiệp định.

Crêpanh nói:

- Nếu các ông cứ để cho những hành động như thế này tiếp tục thì nhất định sẽ đánh nhau thôi.

Câu nói của y có vẻ là một lời dọa dẫm. Tôi đáp lại:

- Các ông biết rất rõ nguyên nhân của các vụ xung đột loại này, kẻ chịu trách nhiệm chính là quân đội Pháp. Chúng tôi đã nhiều lần tỏ rõ thiện chí. Các ông muốn hòa bình thì sẽ có hòa bình, muốn chiến tranh thì sẽ có chiến tranh.

Trước thái độ kiên quyết của ta, Crêpanh đuối dục, nói

qua chuyện khác. Y nghĩ ý muốn chuyển giúp ta một số gạo từ Nam Bộ ra.

Cuộc xung đột ở Bắc Ninh lập tức được Đácgiăngliô xuyên tạc và khuếch đại, báo cáo về Pari như một sự biến gây nhiều tổn thất cho quân đội Pháp, “liên can đến trách nhiệm của Chính phủ Việt Nam”.

Vài ngày sau, những vụ khiêu khích mới lại nổ ra dọc biên giới Việt - Hoa. Mồng 10-8, quân Pháp vô cớ tấn công bộ đội ta ở Tiên Yên, Đầm Hà. Ngày 13, chúng đưa bọn thổ phỉ về đóng tại Lạng Sơn. Chúng khiêu khích đồng bào ta ở Vịnh Hạ Long và vùng ven biển Hòn Gai. Cùng thời gian, lại có tin quân Pháp từ Sơn La tiến xuống phía nam. Không lâu trước đó, Đácgiăngliô đã đề lộ ý muốn lập ngay tại miền Bắc một “nước cộng hòa Nùng Thái”, cùng một kiểu với “nước cộng hòa Tây Kỳ” ở Tây Nguyên. Những hoạt động của địch cùng lúc xảy ra chạy dài theo biên giới, từ vùng biển đến miền núi, từ Đông sang Tây, nói lên âm mưu này đang bắt đầu.

Ngày 18-7, Lơcléc, viên tướng Pháp tỏ ra ít nhiều thức thời trong vấn đề Việt Nam, đã về Pháp. Người được Chính phủ Pháp chỉ định thay thế Lơcléc là Valuy. Trung tuần tháng Tám, Valuy rời Hà Nội. Cho đến lúc đó, mặc dù những vụ khiêu khích của quân Pháp đã liên tiếp nổ ra, Valuy vẫn giữ một thái độ mềm mỏng. Tới Sài Gòn, y còn điện ra cảm ơn ta về cuộc tiễn đưa và chúc tình giao hảo thân thiện giữa nước Việt Nam và nước Pháp.

Ngày 17-8, người thay Valuy ở miền Bắc đáp máy bay tới Hà Nội. Đó là Moóclicie. Viên trung tướng này đã có mặt

nhiều năm ở Bắc Kỳ thời Pháp thuộc, sau đó trở về Pháp tham gia kháng chiến chống phát xít Đức. Ông ta đã có ít nhiều thành tích trong thời kỳ quân Đồng minh giải phóng nước Pháp.

Tôi gặp Moóclie ở sân bay. Viên tướng tỏ vẻ cảm kích về sự có mặt của đại biểu Chính phủ Việt Nam. Moóclie nói trước khi rời nước Pháp, ông ta đã có vinh hạnh được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh, và có đem theo một thư giới thiệu của Người gửi cho chúng tôi; ông ta đến Việt Nam với tinh thần của nước Pháp mới và rất tán thành công cuộc giải phóng Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo. Ông ngỏ ý tin tưởng cuộc đàm phán Phôngtennoblô sẽ đạt kết quả mỹ mãn.

Qua các cuộc tiếp xúc với chúng tôi, viên tướng già này luôn nói đến sự mong muốn làm cho quan hệ giữa Pháp và Việt Nam ngày càng tốt lên. Ông ta hay tự giới thiệu mình có nhiều tình cảm với người dân Việt Nam và rất hiểu những đức tính của họ. Để chứng minh điều đó, có lần nói chuyện với tôi, ông ta ca ngợi những người “lính tập” Việt Nam trong quân đội thuộc địa ngày trước, và hết lời khen một người đã giúp việc cho mình, đó là một anh “bếp” nấu nướng rất khéo và thực thà (!). Vài tháng sau Moóclie là người liên tiếp trao cho ta những tờ tối hậu thư. Đã có thời gian, Moóclie được gọi bằng danh hiệu “viên tướng của những bức tối hậu thư”. Chính trong thời kỳ Moóclie làm ủy viên Cộng hòa Pháp kiêm chỉ huy quân đội Pháp ở miền Bắc Đông Dương, đã nổ ra vụ xung đột ở Hải Phòng, và sau đó, chiến tranh lan rộng ra cả nước ta.

Ngày nay, chúng ta đã có những tài liệu để hiểu về viên tướng này hơn. Một bản báo cáo của Moóclie về các cuộc xung đột tại Hải Phòng và Hà Nội, viết hồi tháng 1-1947, đã được công bố gần đây trên các sách báo của người Pháp. Qua bản báo cáo đó, có thể thấy mặc dù trong cách nhìn và nếp nghĩ của Moóclie còn nặng hơi hướng của những “ông Tây” ở thuộc địa lâu năm, viên tướng này vẫn là một người Pháp có thiện chí, muốn hòa bình. Trong cương vị công tác của mình, ông ta đã cố tìm cách ngăn bọn thực dân chủ chiến ở Đông Dương làm nổ ra cuộc chiến tranh rộng lớn. Cũng chính vì lý do đó mà Moóclie đã bị triệu hồi về Pháp và bị “treo giò” một thời gian dài. Ông ta chỉ được thăng cấp và trao nhiệm vụ thích đáng khi Chính phủ Pháp đã nhận ra sai lầm vì theo đuổi đường lối chiến tranh ở Đông Dương.

Cuối tháng 8, vụ rắc rối về thuế quan đầu tiên nổ ra ở Hải Phòng. Như đã nói ở trên, người Pháp rất chú trọng đến hàng rào thuế quan tại nước Pháp và các nước phụ thuộc. Vấn đề này đã được đoàn đại biểu Pháp đặt ra tại các cuộc hội nghị Đà Lạt và Phôngtennoblô. Những quan điểm trái ngược của đôi bên chưa đi đến chỗ giải quyết. Sự có mặt của quân Pháp tại một cửa biển ở miền Bắc đã cho phép chúng có điều kiện tính chuyện lấn ta trong vấn đề thuế quan.

Ở Hải Phòng, những người buôn bán nước ngoài đem hàng vào, theo thường lệ, vẫn đóng thuế cho Nha Thương chính của ta. Do sự can thiệp của quân Pháp, một số nhà buôn vin vào Hiệp ước Hoa - Pháp đã quy định Hải Phòng

là một cảng tự do để trốn nộp thuế. Trong tháng 8, ta giữ lại một ngoại kiều mang theo một số tiền Pháp mới, chưa được phép lưu hành, và tịch thu của y một trăm hòm thuốc lá lậu thuế. Ngày 15-8, quân Pháp can thiệp, đòi ta phải thả người bị giữ, trả lại số tiền và thuốc lá tịch thu. Bộ chỉ huy quân đội Pháp ở Hải Phòng báo cho chính quyền ta tại đây: “Hải Phòng là một cửa biển liên bang, chỉ người Pháp mới có quyền kiểm soát thuế quan. Quân đội Pháp sẽ không để yên những vụ tịch thu, khám xét người nước ngoài. Nếu những việc trên cứ tiếp tục xảy ra thì quân đội Pháp sẽ can thiệp bằng quân sự”. Đương nhiên, ta không thể chấp nhận đòi hỏi vô lý của chúng, vì chưa hề có một sự thỏa thuận nào giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Pháp về thuế quan liên bang.

Mấy hôm sau, chiếc tàu Hải Âu của Sở thuế quan Hải Phòng đang làm nhiệm vụ ở cảng, thì bị một chiếc tàu binh Pháp áp vào. Lính Pháp nhảy sang tàu ta, xô xát với các nhân viên thuế quan. Sau đó, chúng cướp luôn tàu và đưa người của ta đi.

Chiều 29-8, viên đại tá Đépơ ở Hải Phòng, huy động xe tăng, xe bọc thép và binh lính tới bao vây Nha Thương chính và trạm công an ở cảng. Chúng bắt một số cảnh binh của ta, đoạt hàng ở Nha Thương chính, rồi cho quân chiếm đóng luôn cả hai nơi này. Ta điều bộ đội tới. Hai bên bắn nhau. Ty liên kiểm Việt - Pháp Hải Phòng đến dàn xếp. Ta kiên quyết đòi Pháp phải thả những người bị bắt và rút khỏi các nơi chúng đã chiếm giữ trái phép.

Nhiều cuộc biểu tình phản đối Pháp nổi lên ở Hải Phòng.

Bọn Pháp khùng bố đồng bào ta quanh những vùng chúng đóng quân. Người già và trẻ em bắt đầu tản cư khỏi thành phố. Những cuộc đấu tranh của ta vẫn tiếp tục. Gần nửa tháng sau, Đépbrơ mới chịu trả lại ta những người chúng đã bắt và rút quân khỏi Nha thương chính và trạm công an cảng.

Tuy nhiên, đây mới chỉ là vụ xung đột nhỏ đầu tiên về vấn đề thuế quan.

XXII

Mồng 2-9-1946.

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa đầy một tuổi.

Những người dân đầu tiên xây dựng nền cộng hòa dân chủ tự tay trang điểm nhà cửa, đường phố chào mừng năm thứ hai của chế độ mới. Phố xá chìm ngập trong biển cờ và hoa. Đâu đâu cũng thấy cờ, ảnh Bác Hồ, đèn lồng, dây hoa và cổng chào.

Ngày này mùa thu năm trước, cách mạng vừa thành công. Đêm dài thế kỷ của người nô lệ chấm dứt. Bác Hồ về trong ánh bình minh rạng rỡ của đất nước, mở đầu kỷ nguyên mới của độc lập, tự do. Một năm đã trôi qua với bao nhiêu biến cố lịch sử. Một năm đã nói lên sức sống của chế độ dân chủ cộng hòa, nói lên tài chèo lái của người đã đưa con thuyền Tổ quốc vượt qua bao nhiêu ghềnh thác hiểm nghèo. Hôm nay, những người chủ mới của đất nước đã hiểu mình là ai, hiểu rõ trách nhiệm của mình, biết rõ khả năng của mình... Con đường cách mạng trước mắt còn dài và lắm gian nan. Nhưng ngọn lửa của hy vọng và niềm tin ngày càng rực sáng.

Ngày kỷ niệm Quốc khánh đầu tiên đến trong lúc Bác Hồ

đi xa. Những lời Người dặn lại trước lúc lên đường đã được toàn dân ra sức thực hiện. Cuộc đàm phán giữa ta và Pháp đang trải qua những giờ phút rất khó khăn. Sắp đến ngày lễ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi điện về nhắc nhở đồng bào hết sức tránh va chạm với người Pháp, để tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc nói chuyện hiện nay giữa các đoàn đại biểu.

7 giờ sáng, một hồi còi dài vang lên. Cả Thủ đô quay mặt về phương Nam, hướng về phần đất nước đang chiến đấu. Một phút im lặng để tưởng nhớ những người đã hy sinh vì nền độc lập và thống nhất của Tổ quốc. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa tròn một tuổi thì miền Nam của đất nước cũng sắp trải qua một năm chiến đấu. Ngày đầu khó khăn đã qua. Cuộc rút lui tạm thời trước sự tấn công ồ ạt của kẻ thù chấm dứt. Cả miền Nam đã lớn lên sau một năm chiến đấu, vùng dậy quật trả kẻ địch; chúng ngày càng có thêm nhiều sơ hở vì mở rộng phạm vi chiếm đóng và chia sẻ lực lượng kéo ra Bắc. Đoàn quân viễn chinh địch, lúc đầu, từ Sài Gòn tỏa về các đô thị rồi lan ra vùng nông thôn. Bây giờ, chúng đang bị đẩy lùi khỏi vùng nông thôn rộng lớn về các đô thị, đến tận Sài Gòn. Địch đã phải thú nhận chúng không kiểm soát được gì ngoài tầm súng những tên lính gác. Áo vụng của một số viên chỉ huy quân sự Pháp về một cuộc đánh nhanh thắng nhanh tan vỡ. Miền Nam đã biết cách đánh địch, đang làm quân viễn chinh Pháp sa lầy vào một cuộc chiến tranh lâu dài.

Mở đầu ngày vui lớn hôm nay, cả nước hướng về miền Nam, biết ơn miền Nam một năm qua đã chứng minh sức mạnh của chế độ mới, sức mạnh không thể nào khuất phục được của cả một dân tộc đã thức tỉnh, cầm vũ khí nhất tề đứng lên chiến đấu cho độc lập, tự do. Mở đầu cho ngày vui lớn này, cả nước đang hứa giữ trọn lời thề sắt son, chiến đấu đến cùng để bảo vệ nền độc lập, thống nhất của Tổ quốc.

Dứt hồi còi, những dòng người trên các đường phố lại cuộn cuộn đổ về phía hồ Hoàn Kiếm, nơi sáng nay sẽ có một cuộc duyệt binh nhân ngày Quốc khánh. Một lễ đài lớn đã được dựng lên tại vườn hoa Chí Linh. Năm ngoái, trên lễ đài ngày 2-9, ở Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Chính phủ ra mắt đồng bào. Người dân lần đầu được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh và những người lãnh đạo mới. Chính phủ còn là Chính phủ lâm thời, khách khứa nước ngoài hôm đó chưa có ai. Năm nay, thay mặt Chủ tịch Hồ Chí Minh trên lễ đài là cụ quyền Chủ tịch Huỳnh Thúc Kháng, cùng với các bộ trưởng trong Chính phủ do toàn dân bầu ra, đã trở thành quen thuộc với đồng bào. Ngoài ra, còn có các đại biểu Anh, Mỹ, Hoa, Pháp... Moóclie cùng với một số võ quan Pháp đến dự lễ. Ban tổ chức dẫn họ vào vị trí đã quy định như những người khách nước ngoài khác. Ủy viên Cộng hòa Pháp ở miền Bắc Đông Dương, một người đã sống qua nhiều năm trong thời kỳ hoàng kim của chế độ thực dân, không tỏ vẻ khó chịu.

Sau khi nghe Nhật lệnh của Quân ủy hội gửi bộ đội và dân quân, tự vệ, các lực lượng vũ trang bắt đầu cuộc biểu dương lực lượng.

Từ ngày thành lập chế độ cộng hòa, đây là lần thứ hai có một cuộc duyệt binh lớn. Mồng 2-9 năm ngoái, trước lễ đài, một chi đội Quân giải phóng vừa ở chiến khu về, cầm trong tay các vũ khí chiến lợi phẩm đủ loại, đứng sấp hàng sẵn từ trước. Một cuộc diễu binh lúc đó chưa thể tổ chức được. Các chiến sĩ đã trải qua nhiều trận đánh, nhưng chưa có dịp làm quen với điều lệnh đội ngũ. Năm nay, cùng với cuộc duyệt binh, lần đầu ta tổ chức diễu binh. Một trung đoàn Quân đội quốc gia Việt Nam trang bị tề chỉnh, quần áo màu xanh lá cây, mũ calô gắn sao vàng, chân đi giày da, súng trên vai, hiên ngang rầm rập diễu qua lễ đài trong nhịp kèn mạnh mẽ của đội nhạc binh. Đi đầu mỗi đơn vị là sĩ quan chỉ huy đeo kiếm dài, đội trưởng sát cánh bên chính trị viên.

Chỉ sau một năm vừa xây dựng vừa đánh giặc, quân đội ta đang báo cáo với chính quyền mới, báo cáo với đồng bào mình đã lớn lên vượt bậc, sẵn sàng đi vào một cuộc chiến đấu lâu dài nếu kẻ thù mở rộng chiến tranh. Thực ra, bộ đội ta ngày hôm đó chỉ mang toàn vũ khí nhẹ. Ngoài súng trường, mỗi đại đội có từ một tới hai khẩu tiểu liên. Và đây đã là cố gắng cao nhất của ban tổ chức cuộc duyệt binh. Sự ra mắt của một trung đoàn quân chính quy hôm nay cũng giống như sự xuất hiện kịp thời của một chi đội Quân giải phóng ở Hà Nội sau ngày cách mạng vừa thành công. Nó có những ý nghĩa đặc biệt khi những tên lê dương mũ đỏ đang gõ giày đinh trên vỉa hè và những xe bọc thép của Sư đoàn thiết giáp số 2 hàng ngày nghiền xích sắt trên các đường phố Hà Nội.

Và đây cũng là lời báo cáo của quân đội ta trước khi bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc trường kỳ. Cuộc điều binh lần thứ hai tại Thủ đô chỉ được tổ chức chín năm sau đó, khi trận đánh cuối cùng với quân đội viễn chinh Pháp kết thúc thắng lợi tại Điện Biên Phủ.

Buổi chiều là cuộc mít tinh lớn. Các đoàn người với những rùng cò, biểu ngữ đã nối theo nhau về Quảng trường Nhà hát Lớn thành phố. Những chiếc xe hoa mọi hình dáng, mọi màu sắc xuất hiện, biến quảng trường thành một vườn hoa. Năm mươi vạn đồng bào miền xuôi, miền ngược đến đây hôm nay để nghe chính quyền mới kiểm điểm những gì đã làm được sau một năm đoạn tuyệt với chế độ cũ, xây dựng cuộc sống mới.

Bản báo cáo của Chính phủ cũng là sự kiểm điểm kết quả một năm toàn dân thực hiện ba nhiệm vụ lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra: *Chống giặc đói, chống giặc dốt, chống giặc ngoại xâm* để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng.

Chính quyền mới hôm nay đã có thể nêu ra trước nhân dân nhiều điều khá cụ thể.

Chính sách bắt nộp thóc lúa của Pháp - Nhật đã cướp không của nhân dân ta hàng chục vạn tấn thóc, gây ra nạn đói khủng khiếp. Cách mạng thành công khi nước sông Hồng lên tới 12 mét 60, một mức nước cao trước đó chưa từng thấy. Nạn lụt tháng 8 lại cướp thêm của đồng bào ta ở miền Bắc 40 vạn tấn thóc nữa. Diện tích trồng lúa thu hẹp nhiều vì việc Nhật bắt trồng đay và thầu dầu.

Công thương nghiệp hoàn toàn đình đốn. Thủ công nghiệp phá sản.

Chính quyền mới thành lập khi ngân khố Đông Dương còn 1.230.000 đồng thì một nửa là tiền hào giấy nát. Mùa thuế trực thu đã qua. Thuế quan trước kia chiếm phần lớn tổng thu của toàn Đông Dương thì nay gần như không còn gì vì thương nghiệp đình trệ. Trong khi đó, giá trị của một đồng bạc Đông Dương trước kia là 500 đồng tiền đồng Thanh Hóa¹ nay chỉ còn 10 đồng. Tháng 11, Ngân hàng Đông Dương của người Pháp đã không chịu ứng tiền trước cho Chính phủ ta, còn hủy bỏ giá trị của đồng bạc 500 đồng một cách bất hợp pháp. Cộng thêm vào khó khăn đó là việc lưu hành tiền quan kim của quân Tưởng không có kiểm soát.

Nhân dân ta đứng trước một nạn đói trầm trọng, lại phải nuôi thêm gần hai chục vạn quân Tưởng và sáu vạn quân Nhật.

Đó là tình hình kinh tế tài chính của ta vào những ngày đầu xây dựng chế độ mới. Giữa lúc đó, trên miền Bắc, bọn Việt gian phản động dựa vào lưỡi lê của quân Tưởng lăm le lật đổ chính quyền cách mạng; tại miền Nam đất nước, cuộc xâm lăng của đế quốc Pháp bắt đầu.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chính phủ, đồng bào ta đã xây đắp, bổ trợ thêm cho những con đê dài hàng trăm kilômét, đẩy lùi nạn lụt.

Lời kêu gọi tăng gia sản xuất chống giặc đói của

1. Có trước thời Pháp thuộc, chủ yếu lưu hành ở một số tỉnh từ Thanh Hoá trở vào. Từ khi Nhật chiếm nước ta được coi là đồng tiền có giá trị ổn định nhất. Tháng 4-1948, Chính phủ ta đã ra Sắc lệnh 167/SL, bãi bỏ việc lưu hành.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đem lại những kết quả diệu kỳ. Diện tích trồng lúa mở rộng gấp rưỡi. Diện tích trồng khoai tăng gấp ba, số khoai thu hoạch tăng gấp năm. Diện tích trồng ngô tăng gấp năm, số ngô thu hoạch tăng gấp bốn. Tháng 7 năm nay, giá gạo tại Bắc Bộ từ bảy trăm đồng trước đây, đã hạ xuống hai trăm đồng một tạ. Cách mạng đã chiến thắng nạn đói: một kỳ công của chế độ dân chủ cộng hòa ngay từ những ngày đầu xây dựng.

Với sự sửa đổi thuế khóa cho nhẹ và công bằng, với sự kêu gọi lòng hy sinh của anh em viên chức và bộ đội, với việc lạc quyền và gần đây, với việc cho lưu hành giấy bạc Việt Nam, chính quyền ta đã có thể trang trải được các món chi tiêu, đặc biệt là những chi tiêu to lớn về quốc phòng.

Về giáo dục, cuộc chiến đấu chống giặc đói đã đạt được một kết quả chưa từng thấy. Tám vạn giáo viên nam nữ không lấy tiền lương, phụ trách sáu vạn lớp học, đã giúp cho một triệu rưỡi người thoát khỏi nạn mù chữ.

Cuộc đấu tranh chống giặc ngoài thù trong đã được tiến hành một cách rất quyết liệt và giành được những thắng lợi to lớn. Hai chục vạn quân Tưởng bị đẩy lùi về nước. Những mưu đồ đen tối của bọn tay sai phản động đã tan vỡ hoàn toàn. Tại miền Nam, quân dân ta càng đánh càng mạnh, đã làm thất bại âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của địch. Chính quyền cách mạng vẫn đứng vững tại hai mươi tỉnh trong số hai mươi một tỉnh ở Nam Bộ.

Nền dân chủ cộng hòa đã được củng cố. Chính quyền mới trong một năm đầy khó khăn và biến động, đã tổ chức thành công cuộc tổng tuyển cử đầu tiên trong lịch sử của

đất nước, đã triệu tập Quốc hội, thành lập Chính phủ chính thức của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Bản Hiến pháp dân chủ đầu tiên trong lịch sử của đất nước đã được khởi thảo xong chỉ còn chờ Quốc hội thảo luận và thông qua. Hầu hết các ủy ban hành chính và hội đồng nhân dân từ xã đến tỉnh ở Trung và Bắc Bộ đã bầu lại chính thức. Nhân dân được hưởng các quyền tự do, dân chủ. Báo chí ở Trung và Bắc Bộ trước cách mạng chỉ có trên hai mươi tờ, nay đã tăng lên tới một trăm hai mươi tờ. Hơn mười triệu người đã gia nhập các đoàn thể và tổ chức cứu quốc.

Không phải là với một niềm vui bình thường mà mọi người dân hôm nay, mặc những bộ quần áo đẹp nhất của mình, đến dự ngày hội lớn kỷ niệm một năm thành lập nền cộng hòa dân chủ.

Sau buổi mít tinh là cuộc tuần hành của 50 vạn đồng bào kéo dài trên 5 kilômét. Chiếc xe hoa của Tổng bộ Việt Minh với lá cờ đỏ sao vàng dựng nước vĩ đại dẫn đầu. Một chiếc xe hoa mang mô hình đài Độc lập năm trước, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh lần đầu ra mắt quốc dân, đọc bản Tuyên ngôn lịch sử. Trên xe hoa của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam là mô hình trái đất, nói lên phong trào rộng lớn của giai cấp công nhân và lao động toàn thế giới. Một chiếc xe hoa có con chim vàng đang rộng đôi cánh, tượng trưng hình ảnh chế độ mới đang đà phát triển. Rất nhiều xe hoa mang khẩu hiệu: *“Hoan nghênh Việt Minh, biết ơn Mặt trận đã giải phóng dân tộc, dựng nên độc lập cho đất nước”*. Trời đang nắng bỗng đổ mưa.

Nhưng những rừng người mang theo cờ, biểu ngữ, ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh và hoa, không kể nắng mưa, vẫn cuồn cuộn kéo đi mang niềm vui bất tận đến các đường phố của Thủ đô cũng đầy cờ, hoa và ảnh Bác Hồ.

Trời tối, cả thành phố bừng lên một màu hồng với hàng vạn chiếc đèn lồng treo trước mỗi hiên nhà. Một đoàn thanh niên của Thủ đô giương cao cây đuốc tượng trưng cho ngọn lửa cách mạng chạy quanh Hồ Gươm giữa những tiếng hò reo hoan hô. Đồng bào bày tiệc liên hoan ngay trên hè phố. Những người ở tỉnh xa về, đi ngang đường, được mời vào dự bữa cơm vui. Cả Thủ đô biến thành một phòng tiệc liên hoan khổng lồ vẫn không chứa hết được niềm vui lớn của dân tộc trong ngày kỷ niệm Quốc khánh đầu tiên. Những cuộc biểu diễn văn nghệ tại các khu phố: hòa nhạc, ca múa, diễn kịch, tuồng, cải lương... kéo dài đến rất khuya.

Như khi ăn trái chín nhớ đến kẻ trồng cây, uống nước ngọt nhớ người xây giếng, trong niềm vui lớn hôm nay, mỗi người không thể không nghĩ tới cội nguồn hạnh phúc của mình. Đó chính là những lúc mà hình ảnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh lại hiện ra, một hình ảnh đậm đà màu sắc dân tộc, giản dị và đầm ấm, mộc mạc mà sáng tươi. Trong ngày vui lớn này, Người còn đang ở phương xa bận rộn với muôn ngàn nỗi lo toan vì dân tộc, vì đất nước.

XXIII

Từ cuối tháng 8, báo chí phương Tây đã đưa tin Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi cho Pháp một bức công hàm. Sau đó, lại có tin Mutê và Varen tuyên bố: “Hội nghị Phôngtenoblô có thể họp lại”.

Nhưng đầu tháng 9, cuộc họp vẫn chưa tiếp tục được vì quan điểm giữa ta và Pháp còn có nhiều chỗ rất xa nhau. Điều này đã được xác nhận qua bức công hàm của Chính phủ Pháp trả lời công hàm của Chủ tịch Hồ Chí Minh ít ngày sau đó: “Những sự khác nhau quá sâu xa giữa hai quan điểm về những vấn đề căn bản làm cho hội nghị không họp được vì có họp lại cũng không đi đến kết quả nào”.

Trường hợp mà chúng tôi vẫn thường lo ngại đã tới. Nếu đôi bên không đi đến thỏa thuận, bọn phản động Pháp tất nhiên biết rõ chiều hướng sự việc sẽ xảy ra ở Đông Dương, chắc sẽ gây khó khăn cho Bác và phái đoàn ta khi trở về. Nhưng chúng tôi vẫn nghĩ là Bác sẽ tìm ra một cách giải quyết.

Mấy ngày sau, tin tức đến dồn dập. Ngày 10, báo chí Pháp đưa tin Chủ tịch Hồ Chí Minh và phái đoàn sửa

soạn về nước vào ngày 14-9. Ngày 12 và 13 có tin phái đoàn Việt Nam và phái đoàn Pháp đang nghiên cứu để ký một bản hiệp định đại cương. Nhưng hôm sau, 14-9, các hãng thông tấn Pháp đều nói phái đoàn ta gồm mười lăm người đã đi cảng Tulông từ ngày 13 để xuống tàu về nước. Đồng thời cũng có tin Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 14 sẽ rời Pari trở về Việt Nam bằng một chiến hạm của Pháp. Như vậy, bản hiệp định đại cương mà chúng tôi dự đoán là một việc làm để hòa hoãn của phái đoàn ta trước khi về, sẽ không có.

Ngày 15, theo tin cuối cùng của hãng thông tấn Pháp thì một bản hiệp định giữa nước Việt Nam và nước Pháp đã được ký kết vào đêm thứ bảy 14-9, và sáng thứ hai, 16-9..., Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ rời Pari. Tuy nội dung hiệp định chưa được công bố nhưng chúng tôi đều cảm thấy phần nào nhẹ nhõm.

Vài ngày sau, báo *Người du kích (Franc - Tireur)* đăng một bài tường thuật về việc ký Tạm ước 14 tháng 9. Bài báo viết đại khái như sau:

Cuộc tiếp xúc giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và ông Mutê đêm 14-9 đã diễn ra rất gay go. Những khó khăn lớn đều do vấn đề Nam Bộ. Mỗi lần Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu yêu cầu hai bên Việt Nam và Pháp cùng tham gia vào việc dàn xếp vấn đề Nam Bộ thì người thay mặt cho Chính phủ Pháp trả lời: “Như vậy là một điều vi phạm tới chủ quyền của nước Pháp, không thể nhận được”. Mutê tỏ vẻ rất kiên quyết. Ông nói: “Ngài ký cho, nếu không là tan vỡ”. Đáp lời ông Mutê, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc lại, Người đã

quyết lên đường về nước vào 8 giờ sáng thứ hai, rồi đứng dậy ra về. Chủ tịch Hồ Chí Minh và ông Bộ trưởng lạnh lùng chia tay nhau lúc 11 giờ đêm.

Tình hình đã trở nên rất căng thẳng. Các nhân viên cùng đi với Chủ tịch Hồ Chí Minh đều cho rằng bản hiệp định sẽ không được ký kết.

Ở nhà ông Mutê trở về, Chủ tịch Hồ Chí Minh vào phòng riêng suy nghĩ. Hồi 12 giờ rưỡi đêm, khi tất cả các nhân viên đã yên giấc thì Người và ông Mutê lại gặp nhau. Người lại kiên quyết nêu lên vấn đề Nam Bộ. Người đã giải thích cho ông Mutê bằng cái giọng dễ cảm kích của Người. Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt ra nhiều câu hỏi:

- Tại sao Chính phủ Pháp lại không nhận cho các đại biểu Chính phủ Việt Nam cộng tác trong việc tổ chức đình chiến ở Nam Bộ?

Và nguyên tắc sẽ có một đại diện Việt Nam bên cạnh ông Đácgiăngliơ đã được thỏa thuận. Người lại hỏi:

- Như vậy thì tại sao lại không thể đồng ý được là người đại diện ấy có nhiệm vụ cộng tác để thi hành bản tạm ước?

Điểm này cũng đi đến thỏa thuận.

- Nhưng người đại biểu ấy rồi đây có quyền đi đến Nam Bộ hay không?

Ông Mutê im lặng. Nhưng về một mặt khác, ông Mutê đã thỏa thuận là người Việt Nam có quyền tự do đi lại ở Nam Bộ và quân đội Việt Nam sẽ vẫn ở Nam Bộ. Tuy vậy, việc định rõ sự đi lại của người đại diện Việt Nam bên đô đốc Đácgiăngliơ vẫn chưa giải quyết dứt khoát. Nhưng cuối cùng đôi bên đi đến ký kết bản tạm ước...

Chúng tôi đọc bài báo này qua bản tin của một hãng thông tấn Pháp, chưa hiểu thực hư thế nào. Sau đó hai ngày, bản tạm ước được công bố. Những điều báo *Người du kích* đã đưa không có gì trái với nội dung. Nhưng tình hình ký kết đã diễn biến ra sao thì phải tới khi Bác và các anh về nói lại mới rõ. Cuộc đàm phán giữa ta và Pháp đã trải qua những ngày hết sức căng thẳng. Và cũng như lần ký Hiệp định sơ bộ nửa năm trước đây, Bác đã đi tới quyết định vào những giây phút cuối cùng.

Cuộc đấu tranh cho tự do, dân chủ ở Pháp đang còn gặp rất nhiều khó khăn. Trước mỗi thắng lợi mới của lực lượng dân chủ thì sự trỗi dậy của bọn phản động càng mạnh. Bọn tư bản tài phiệt trước sau vẫn không hề buông lỏng bộ máy chính quyền. Ngay sau khi Đờ Gôn từ chức, chúng vẫn nắm chắc các vị trí chủ chốt trong Chính phủ Pháp. Với việc Bidôn lên cầm quyền trong tháng 6 vừa qua, quyền thống trị của chúng càng được củng cố. Riêng về vấn đề các lãnh thổ của Pháp ở hải ngoại thì tất cả các chính phủ kế tiếp đều chưa hề nêu lên một sửa đổi gì trong chính sách của Pháp ngoài những điều Đờ Gôn đã tuyên bố ngày 24-3 tại Bradavin. Đặc biệt, Hội đồng liên bộ về Đông Dương, từ trước tới nay, vẫn nằm trong tay các phần tử tán thành chính sách của Đờ Gôn đối với các thuộc địa, như là Bidôn, Misolê..., rồi gần đây là Varen. Đó cũng chính là chỗ dựa của Đácgiăngliơ sau khi Đờ Gôn rút lui khỏi Chính phủ.

Tình hình đó nói lên tại sao cuộc đàm phán giữa ta và Pháp trước đây tại Đà Lạt đã không giải quyết được gì, tới

Hội nghị Phôngtennoblô càng bế tắc. Trong một hoàn cảnh như vậy, Bác đã ký bản Tạm ước 14-9, một bản “*Modus vivendi*” (Tiếng latin, có nghĩa là một sự thỏa thuận tạm thời giữa hai bên đang có tranh chấp). Các điều khoản của bản tạm ước đúng như tên gọi của nó chỉ có tính cách tạm thời. Nó không đề ra những quyết định có tính nguyên tắc. Những quyết định này đôi bên đồng ý sẽ tiếp tục bàn vào đầu năm 1947 giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Pháp. Một điều quan trọng là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đòi được ghi vào trong văn bản: “Pháp cam kết thi hành những quyền tự do dân chủ ở Nam Bộ, sẽ đình chỉ mọi hành động võ lực”.

XXIV

Ngày 16-9-1946, chiếc chiến hạm Đuymông Đuyécvin chuẩn bị rời cảng Tulông sang Đông Dương. Viên chỉ huy bỗng được lệnh chuyển ngay tất cả những người đi tàu và hàng lên bờ để nhận nhiệm vụ mới.

Chính phủ Pháp đã quyết định dùng chiếc tàu này đưa Chủ tịch Hồ Chí Minh về nước. Cùng đi với Bác, ngoài những đồng chí phục vụ còn mấy anh em Việt kiều.

Sáng ngày 18-9, chiếc chiến hạm nhỏ neo chạy ra Địa Trung Hải.

Lá cờ đỏ sao vàng bay phấp phới trên chiến hạm Pháp, còn lạ mắt đối với người dân ở các nước châu Phi.

Tàu qua kênh đào Xuyê rồi vào Biển Đỏ. Nhiều hải cảng trên dọc đường bắn súng chào vị nguyên thủ quốc gia đầu tiên của nước Việt Nam tự do.

Bác thăm Gibuti theo lời mời của viên toàn quyền Pháp đã được Chính phủ Pháp báo trước chuẩn bị đón tiếp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tàu ghé cảng Côlômbô nằm giữa Ấn Độ Dương. Bác lên bờ thăm Xâylan một ngày. Cụ Găngđi và ông Nêru cử người thay mặt tới Thủ đô Xâylan gặp Bác, trao tặng Bác lá cờ của Quốc hội Ấn Độ. Tháng trước, nhân

dân Ấn Độ vừa mừng kỷ niệm lần thứ bảy mươi bảy ngày sinh của Cụ Găngđi, Bác đã gửi điện chúc Cụ sống hai lần bảy mươi bảy tuổi.

Chiếc chiến hạm chạy khá chậm. Dường như người Pháp muốn kéo dài thời gian đi đường của Bác. Có nơi tàu ghé vào nghỉ hàng mấy ngày để “bảo quản”. Nó tiến hành cả những cuộc bắn tập trên biển, gọi là “tập vượt thường kỳ”. Trước việc trì hoãn này, Bác vẫn giữ thái độ bình thản, ung dung.

Các thủy thủ trên tàu đều ngạc nhiên vì sự giản dị lạ lùng của vị Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Người đi thăm nước Pháp không đem theo hành lý. Người chỉ có hai bộ quần áo thay đổi và Người nói là mình tự giặt lấy. Những thủy thủ Pháp phục vụ Chủ tịch Hồ Chí Minh thấy Người hầu như không bao giờ sai bảo gì mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh bỏ nhiều thời giờ để trò chuyện với các sĩ quan và binh lính trên tàu, thăm hỏi hoàn cảnh gia đình từng người. Qua các câu chuyện của Người, họ hiểu biết thêm về cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Việt Nam hơn.

Suốt thời gian ở trên tàu, gần như là ngày nào cũng vậy, Bác dành ba buổi, sáng, chiều và tối để nói chuyện với anh em Việt kiều. Có người sau này nghĩ lại, mới nhận ra trong thời gian đó mình đã được dự một lớp học đặc biệt do chính Chủ tịch Hồ Chí Minh hướng dẫn.

“Học viên” có bốn người. Anh em đều là trí thức sống xa đất nước từ lâu. Đây là những người may mắn nhất trong số rất đông kiều bào ở Pháp đã bày tỏ nguyện vọng

được theo Bác và phái đoàn trở về phục vụ Tổ quốc. Bài giảng là những câu chuyện. Tàu qua xứ nào, Bác nói chuyện về xứ ấy. Tàu tới Gibuti, Bác nói về sự bóc lột của thực dân Pháp ở châu Phi, về đời sống của người da đen và cuộc đấu tranh của họ. Tàu tới Côlômbô, Bác nói về những chính sách khác nhau đối với thuộc địa của thực dân Pháp và thực dân Anh, về phong trào đấu tranh đòi giải phóng của nhân dân Xâylan. Tàu qua biển Ấn Độ, Bác nói về sự đồng lõa của đế quốc Anh và đế quốc Pháp trong việc đàn áp cuộc đấu tranh giành độc lập của người Ấn Độ. Ở một vài nơi, Bác nói cách mạng tại đây hiện thời chưa mạnh lắm, nhưng tương lai nhất định sẽ phải mạnh. Ngày nào Bác cũng nói về cuộc đấu tranh giành độc lập ở nước nhà. Bác kể rất nhiều chuyện về Cách mạng Tháng Tám. Bác nêu gương những người lao động nghèo khổ đi theo cách mạng được tôi luyện và trưởng thành trong đấu tranh, đã trở nên những cán bộ xuất sắc, lập nên sự nghiệp vẻ vang.

Bác không chỉ chú ý đến sự hiểu biết mà còn săn sóc cả sinh hoạt, tác phong của anh em. Ở tàu, không có việc gì làm, mọi người hay dậy muộn. Sáng sớm, Bác đến, tất cả còn nằm. Bác hỏi thăm đêm qua ngủ thế nào. Từ đó, cứ tảng sáng là mọi người gọi nhau dậy. Bác hay nhắc chú ý làm công tác quần chúng. Việc này đối với anh em rất mới. Mọi người đều cảm thấy khó. Bác dẫn anh em đi gặp gỡ thủy thủ. Bác nói chuyện với họ để mọi người rút kinh nghiệm rồi theo cách đó mà làm.

Một hôm, Bác hỏi anh Phạm Quang Lê:

- Chú về nhà sẽ có cơ hội phục vụ tốt, song sẽ phải chịu khổ, chịu khó nhiều, có chịu nổi không?

- Thưa Bác chịu nổi.

- Có thể có kháng chiến. Cơ sở vật chất của ta còn khó khăn rất lớn, có quyết tâm giải quyết nổi không?

- Thưa Bác, cháu quyết tâm.

Mấy tháng sau, anh Lễ trở thành Cục trưởng Cục Quân giới của quân đội ta.

Trước khi tàu ghé bến Hải Phòng, lớp học đã hoàn thành.

Những người trí thức lâu năm xa Tổ quốc, xa phong trào cách mạng trong nước, đều cảm thấy mình bớt bỏ ngỡ nhiều, đều mong muốn bắt tay vào làm việc ngay.

Đúng một tháng sau khi rời cảng Tulông, chiếc chiến hạm Đuymông Đuyécvin đi vào vùng biển miền Trung Việt Nam. Đácgiăngliơ, viên thủy sư đô đốc, lại tổ chức lần thứ hai một cuộc đón tiếp Chủ tịch Hồ Chí Minh trên biển.

Tàu Đuymông Đuyécvin ghé vào vịnh Cam Ranh. Đácgiăngliơ và cả Moóclicie mới từ Hà Nội vào, đã có mặt trên tuần dương hạm Xápphrơn (*Suffren*) để đón Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhiều nhà báo cũng được mời đến đây.

Thủy thủ Pháp đứng xếp hàng trên boong hô “huara!” nhiều lần khi Chủ tịch Hồ Chí Minh bước lên tàu. Viên thủy sư đô đốc tiến lại chào Người. Chủ tịch Hồ Chí Minh duyệt đội hải quân danh dự, rồi vào dự tiệc chiêu đãi.

Đácgiăngliơ nâng cốc rượu chúc mừng sức khỏe của Chủ tịch Hồ Chí Minh, rồi hỏi thăm Người về hành trình, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói:

- Xin lỗi đô đốc, tôi nói tiếng Pháp không thạo nhưng tôi chắc lời tôi nói rất thành thật. Tôi đặt hy vọng vào cuộc hội đàm sắp tới. Dân chúng Pháp đã hiểu chúng tôi nhiều,

kể cả giới báo chí. Cũng có một vài tờ báo công kích tôi nhưng điều đó cũng chẳng làm hại gì cho tôi.

Chủ tịch Hồ Chí Minh trao đổi với viên cao ủy trong hai giờ liền về việc thi hành Tạm ước 14 tháng 9. Người đã yêu cầu Đácgiăngliơ tổ chức ngay những ủy ban hỗn hợp để giải quyết vấn đề xung đột tại Nam Bộ như trong điều khoản của tạm ước đã quy định. Đácgiăngliơ thỏa thuận với Người về việc cử một đại biểu của Chính phủ Việt Nam cạnh viên cao ủy.

Sau cuộc nói chuyện, Chủ tịch Hồ Chí Minh và viên cao ủy cùng gặp các nhà báo. Chủ tịch Hồ Chí Minh khuyên các báo hãy góp phần vào việc làm ngừng những cuộc xung đột hiện nay và thi hành các điều đã được thỏa thuận trong tạm ước để chuẩn bị tốt cho cuộc đàm phán sẽ tiếp tục vào tháng 1 năm sau.

Sau lời phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh với các nhà báo, viên cao ủy tươi cười nói bằng một giọng ngọt ngào: “Tôi tin rằng đã có một bước tiến thật sự trên con đường hợp tác”.

XXV

Phái đoàn đàm phán của ta rời cảng Tulông trước Bác hai hôm, đã về đến Hải Phòng vào ngày mồng 5 tháng 10. Chúng tôi ở nhà đã biết được rõ hơn tình hình cuộc đàm phán. Sự sốt ruột của mọi người càng tăng khi thấy mười ngày sau, chiếc chiến hạm Đuymông Đuyécvin vẫn còn chậm chạp trên Ấn Độ Dương. Tin con tàu đưa Bác trở về đã đi vào bờ biển Việt Nam và chẳng còn bao lâu nữa sẽ cập bến Hải Phòng, làm vợi nỗi lo âu trong lòng mỗi người. Cả nước rộn ràng lên trong niềm vui sướng.

Đoàn đại biểu Chính phủ và các đoàn thể xuống Hải Phòng đón Bác từ chiều ngày 19. Cùng đi với chúng tôi còn có viên đại diện của tướng Moóclie, ủy viên Cộng hòa Pháp tại miền Bắc Đông Dương. Dọc đường 5, các thành phố, thị trấn, làng mạc đâu đâu cũng đỏ rực màu cờ.

Các đồng chí ở Hải Phòng đã chuẩn bị đón Bác khá chu đáo. Trong chương trình nghi lễ có phần của bộ đội. Một đơn vị quân đội Pháp tham gia lễ đón tiếp dưới quyền chỉ huy của ta. Toàn bộ lực lượng vũ trang tại Hải Phòng được huy động để làm nhiệm vụ giữ trật tự và đề phòng mọi chuyện bất trắc.

Chiều 20 tháng 10, khi chúng tôi ra bến, đồng bào Hải Phòng, Kiến An và các vùng quê chung quanh đã đứng kín hai bên dọc các phố Phạm Hồng Thái, Hồ Chí Minh, Trần Phú. Tụ vệ và công an sắp thành hàng rào suốt dọc đường.

4 giờ chiều, tàu chạy vào Bến Ngự. Lá cờ đỏ sao vàng bay phấp phới bên lá cờ ba sắc trên cột tàu cao chót vót. Con tàu rúc một hồi còi dài. Chưa bao giờ ở bến cảng này lại có một hồi còi tàu làm rung động trái tim của hàng chục vạn con người như chiều hôm ấy.

Đồng chí Thứ trưởng Bộ Nội vụ, đồng chí Chủ tịch thành phố, viên đại tá Đépơ, chỉ huy quân đội Pháp ở Hải Phòng xuống tàu chào Bác và báo cáo về lễ đón tiếp. Hình dáng quen thuộc của Bác với bộ quần áo kaki bạc trắng hiện ra trên cầu tàu. Bác kia rồi! Tiếng hò reo, tiếng hô “Hồ Chủ tịch muôn năm!” lập tức rền vang.

Hồi còi Nhà hát lớn Hải Phòng đồng loạt cất lên, báo tin vui đi khắp thành phố giờ phút Bác rời cầu tàu, đặt chân lên đất cảng. Sau những ngày dài trên biển, nước da Bác đỏ thắm. Bác có vẻ khỏe. Bác tươi cười gật đầu chào đoàn đại biểu Chính phủ và các tỉnh đứng chờ Người.

Quốc thiều Việt Nam và quốc thiều Pháp nổi lên. Bác dự lễ chào cờ rồi đi duyệt đội danh dự. Các chiến sĩ ta giản dị trong bộ quân phục xanh, đầu đội mũ calô, súng cầm lưỡi lê, cùng với những sĩ quan mũ gắn sao vàng, tay cầm gươm tuốt trần đã có vinh dự được chuyển tới Bác lời chào mừng của đất nước hôm nay được gặp lại Người. Sau đó, Bác đi tới chỗ quân đội Pháp. Theo tiếng hô của một sĩ quan Việt Nam, đội danh dự Pháp mặc lễ phục trắng hạ ngang lá cờ ba sắc để chào Người.

Phần nghi lễ đã xong, Bác quay lại Bến Ngự cảm ơn các đoàn đại biểu, nhận bó hoa của nhân dân Hải Phòng và ôm hôn hai em thiếu nhi chạy tới đón Bác.

Tiếng reo hò nổi lên như sấm rền trên suốt các đường phố xe Bác đi qua. Nhiều người trào nước mắt khi nhìn thấy Bác.

Bác về Ủy ban hành chính thành phố. Sau bữa cơm chiều Bác kể lại vắn tắt cho anh em chúng tôi nghe về cuộc hành trình. Thái độ của Bác bình dị, thanh thản như thường khi Bác ở nhà ngồi nói chuyện với chúng tôi sau mỗi bữa cơm. Bác hỏi thăm sức khỏe của các anh và tình hình ở nhà. Vì Bác mới đi về nên chương trình tối đó là để Bác nghỉ ngơi, không có tiếp khách, Bác đang ngồi với chúng tôi trên gác thì một đồng chí cán bộ trong Ủy ban lên báo cáo, có một cụ già hỏng mắt nhất định xin được lên gặp Bác. Bác nói với đồng chí cán bộ mời ông cụ lên. Trời hôm đó không lạnh, nhưng ông cụ mặc một bộ quần áo dạ lạt mạt, giống như một bộ lễ phục nhà binh. Vừa nhìn thấy ông cụ, Bác vội đứng lên ra đón, dắt ông cụ lại ngồi xuống ghế. Cụ già ba mươi lăm năm trước đã có thời gian cùng làm việc với Bác dưới tàu biển. Hôm nay được tin Bác trở về, qua Hải Phòng, cụ mặc lại bộ quần áo hồi còn làm việc dưới tàu và bắt đưa cháu dẫn tới để gặp Người. Ông cụ vừa nói: “Thưa Hồ Chủ tịch...” thì Bác ngắt lời: “Cứ gọi tôi là Ba như trước”. Bác ngồi với ông cụ hồi lâu. Ông cụ cảm động quá hâu như không nói được gì.

5 giờ sáng ngày hôm sau, Bác đi dạo một vòng quanh thành phố. Trở về, Bác tiếp khách. Khách tới rất đông. Đại biểu các đoàn thể, đảng phái từ Hà Nội xuống. Đại biểu

các cơ quan, đoàn thể ở Hải Phòng. Đại biểu của các tỉnh Kiến An, Hòn Gai, Quảng Yên, Thái Bình, Nam Định, Bắc Ninh... Một cụ phụ lão tặng Bác một bức thư trên có bốn chữ “Nhất ngôn hưng bang”. Một cụ khác tặng Bác cây gậy làm bằng một trăm đốt xương của một con trăn.

10 giờ sáng, chuyến tàu đặc biệt đưa Bác về Hà Nội bắt đầu chuyển bánh.

Suốt dọc đường xe lửa, chỗ nào cũng có đồng bào đứng đón. Mỗi ga là một cuộc mít tinh với rừng người, rừng cờ và biểu ngữ: “*Hồ Chủ tịch muôn năm!*”, “*Cách mạng thành công muôn năm!*”, “*Nam Bắc thống nhất!*”... Nơi nào cũng thấy cổng chào. Tàu dừng lại ở thị xã Hải Dương. Đồng bào Hải Dương tổ chức một cuộc mít tinh lớn ngay tại sân ga để đón Bác. Trên đoạn đường sắt dài một trăm kilômét, con tàu đặc biệt đã chạy mất 5 giờ đồng hồ. Bác đứng suốt thời gian đó, bên cửa sổ mở rộng, vẫy chào mọi người.

Hà Nội lại có một ngày mùa thu rất đẹp. nắng vàng rực rỡ. Cờ bay đỏ thắm trên những mái nhà rêu phủ và những lùm cây xanh ngắt. Hơn 3 giờ chiều, đoàn tàu nổi một hồi còi dài khi bắt đầu chạy qua cầu Long Biên. Các cụ phụ lão đã bày hương án trên cầu. Chiếc lư trầm bốc khói nghi ngút. Bác chấp tay đáp lễ mấy cụ già tóc bạc phơ, mặc áo thụng lam, đứng kính cẩn chào Người.

15 giờ 30, tàu đến ga Hàng Cỏ. Cả Hà Nội hôm nay nghỉ việc để đi đón Người. Cụ Huỳnh dẫn đầu đoàn đại biểu Chính phủ, Quốc hội và các đoàn thể đứng đón Bác trên sân ga. Đồng bào đứng kín trước cửa ga và trên dọc

hai bên đường về Bắc Bộ phủ. Nổi lên giữa rừng người là những chiến sĩ mang quân phục màu lá cây, đội nhạc binh với những chiếc kèn đồng, các cô thanh nữ mặc theo kiểu “đời sống mới”, áo trắng, váy xanh.

Moóclie mới từ Cam Ranh trở về, đã có mặt ở sân ga. Bộ Chỉ huy Pháp cũng cử tới một đội danh dự và một đội nhạc binh.

Bác dự lễ đón mừng ở ga rồi lên xe trở về Bắc Bộ phủ. Đoàn xe chạy trên những con đường đầy cổng chào. Hà Nội thay mặt cả nước hò reo, vẫy cờ, tung hoa đón chào Người.

Cả nước đang trào lên một niềm vui. Niềm vui đó cũng rạng rỡ trên khuôn mặt của Người. Người đã bình an, mạnh khỏe trở về! Có bàn tay chèo lái của Người, con thuyền Tổ quốc sẽ vững vàng lướt tới bất chấp mọi phong ba! Nắng vàng rực rỡ hơn. Màu cờ tươi thắm hơn. Những lùm cây xanh hơn. Vòm trời cao rộng hơn.

Bác gặp anh Nhân và đông đủ các đồng chí Thường vụ tại Bắc Bộ phủ. Hôm nay vì cuộc đấu tranh đang diễn biến phức tạp nên có những đồng chí lãnh đạo còn chưa ra hoạt động công khai. Đã gần bốn tháng nay, chúng tôi lại mới có dịp quây quần chung quanh Bác, Bác ân cần thăm hỏi trò chuyện với từng người.

Chỉ trong chốc lát, đồng bào đã dồn đến trước Bắc Bộ phủ. Bác ra đứng bên cửa sổ, vẫy chào đồng bào. Người kéo đến mỗi lúc càng đông. Các em thiếu nhi diễu qua, đánh trống, hô to: “Bác Hồ đã về! Bác Hồ đã về!”. Tiếng hô của các em hay chính là lời đất nước vang vọng trong ngày vui lớn đón Người về.

Ngày 23 tháng 10, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời tuyên bố với quốc dân:

“... Tôi qua Pháp, đáp lại thịnh tình của Chính phủ Pháp đã mời tôi, mục đích cốt để giải quyết vấn đề Việt Nam độc lập, cùng Trung, Nam, Bắc thống nhất. Vì hoàn cảnh hiện thời ở nước Pháp, mà hai vấn đề chưa giải quyết được, còn phải chờ. Nhưng không trước thì sau, tôi dám quyết rằng: Việt Nam nhất định độc lập, Trung Nam Bắc nhất định thống nhất...”¹.

Người đã nói với đồng bào Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ:

“Trung, Nam, Bắc, đều là đất nước Việt Nam.

Chúng ta đều chung một tổ tiên dòng họ, đều là ruột thịt anh em. Nước có Trung, Nam, Bắc cũng như một nhà có ba anh em...

Không ai có thể chia rẽ con một nhà..., thì cũng không ai có thể chia rẽ nước Việt Nam ta...

Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên. Tôi trân trọng hứa với đồng bào rằng: Với quyết tâm của đồng bào, với quyết tâm của toàn thể nhân dân, Nam Bộ nhất định trở lại cùng thân ái chung trong lòng Tổ quốc...”².

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 468, 469-470.

XXVI

Kể từ ngày Hiệp định sơ bộ mồng 6 tháng 3 được ký kết, hơn bảy tháng đã qua. Tiếng súng xâm lăng trên đất nước ta chưa lúc nào ngừng nổ. Lợi dụng tình hình chính trị rối ren tại chính quốc, dựa vào các thế lực tài phiệt có quyền lợi ở thuộc địa, những phần tử “gôlít” tại Đông Dương, đứng đầu là Đácgiăngliơ, tiếp tục thực hiện mưu đồ xâm lược, theo đuổi chính sách “việc đã rồi”. Đácgiăngliơ đã vi phạm nghiêm trọng nhiều điều khoản của Hiệp định mồng 6 tháng 3; và chưa bao giờ vì vậy mà y bị Chính phủ Pháp khiển trách, ngay cả sau khi Đờ Gôn rời khỏi vũ đài chính trị. Chắc chẳng khó khăn gì mà viên thầy tu phá giới xảo quyệt lại không nhận thấy mọi hoạt động của mình tại Đông Dương không hề đi ngược lại chủ trương của những nhà cầm quyền mới tại Pháp. Y đã tìm được một sự đảm bảo vững vàng tại Hội đồng liên bộ về Đông Dương dưới quyền điều khiển của Bidôn.

Trên miền Bắc, sau khi Tưởng rút quân, Đácgiăngliơ bắt đầu thực hiện chính sách “tằm ăn lá”, lấn chiếm từng bước lãnh thổ của ta. Y ra sức củng cố và mở rộng những địa bàn đứng chân, đồng thời ráo riết tìm kiếm bọn phản

động tay chân cũ ở các địa phương, mưu toan lập nên những khu vực tự trị để hình thành thế vây ép lực lượng cách mạng, tạo thời cơ lật đổ chính quyền ta. Tại miền Nam, Đắcgiănggiơ tiếp tục mở rộng chiến tranh xâm lược... Y công khai phủ nhận các điều khoản nói về Nam Bộ trong bản hiệp định, trắng trợn tuyên bố Nam Bộ về mặt pháp lý vẫn là một thuộc địa của Pháp. Y đã ra lệnh cho Nyô, chỉ huy quân đội viễn chinh ở miền Nam Đông Dương, phải tìm mọi cách đánh phá chính quyền cách mạng, đàn áp dân chúng, nhanh chóng lập lại bộ máy cai trị thực dân theo kiểu trước năm 1939.

Trong thời gian qua, chúng ta một mặt đã đấu tranh đòi đối phương phải tôn trọng hiệp định, ngăn chặn kẻ địch thực hiện âm mưu gặm dần, một mặt kiên quyết giáng trả mọi hành động xâm lược của chúng. Vừa tranh thủ hòa hoãn, vừa chiến đấu kiên quyết, chúng ta đã chú trọng củng cố và phát triển lực lượng về mọi mặt, sẵn sàng đối phó với mọi tình thế.

Cuộc nổi dậy liên tục và rộng khắp của nhân dân miền Nam trong những tháng qua đã làm cho cục diện chính trị, quân sự tại Nam Bộ và Nam Trung Bộ thay đổi.

Kháng chiến vẫn tiếp tục tại miền Nam.

Tại Nam Bộ, lực lượng vũ trang của ta phát triển rất nhanh. Trong tháng 5, tháng 6 và tháng 7, ta đã xây dựng thêm nhiều chi đội mới. Cũng như ở miền Bắc, bộ đội Nam Bộ phần lớn là nông dân. Riêng tại miền Đông Nam Bộ, nơi có nhiều xí nghiệp và đồn điền cao su, anh em công nhân tham gia bộ đội rất đông. Có chi đội như chi đội 13,

toàn thể cán bộ, chiến sĩ đều là công nhân. Cán bộ các chi đội phần lớn là cán bộ chính trị được các đảng bộ cử ra để nắm lực lượng vũ trang. Một số đồng chí đã hoạt động từ hồi Nam Kỳ khởi nghĩa năm 1940.

Nam Bộ ít rừng núi, không có nhiều địa thế hiểm trở. Nhưng Đảng ta đã chỉ ra từ đầu: Địa thế thuận lợi là quan trọng nhưng điều căn bản là lòng người. Vì được nhân dân ủng hộ, biết dựa chắc vào dân nên các lực lượng vũ trang của ta có thể đứng vững trên mọi địa bàn hoạt động và ngày càng lớn mạnh về tổ chức, trang bị. Với phương châm đoạt súng giặc giết giặc, nhiều đơn vị đã thay đổi hầu hết các vũ khí lúc ban đầu.

Kháng chiến đã có những căn cứ lớn nằm trên nhiều tỉnh như Chiến khu Đ, Đồng Tháp Mười, rừng U Minh. Các tỉnh đều có những căn cứ vừa và nhỏ, chạy dài trên hai, ba huyện hoặc năm, sáu xã. Ở nhiều vùng, những căn cứ lớn, nhỏ liên hoàn với nhau. Sài Gòn trở thành nơi cung cấp cho các chiến khu từ vũ khí, thuốc nổ, máy móc, thuốc men, dụng cụ y tế đến những công nhân kỹ thuật, nhân viên y tế, bác sĩ. Lực lượng vũ trang ta vẫn thường xuyên có mặt ngay tại đây. Đồng bào đô thị tổ chức ra những hội đờ đầu từng đơn vị bộ đội. Các chiến khu, các trung đoàn đều xây dựng xưởng quân giới.

Tại các tỉnh cực Nam Trung Bộ, với những đơn vị tăng cường thêm từ vùng tự do Khu V, Khu VI vào hồi tháng 7, chúng ta thành lập một số trung đoàn.

Ở Tây Nguyên, trung đoàn chủ lực đầu tiên hoạt động ở đây, đã có một tiểu đoàn gồm toàn anh em các dân tộc thiểu số: Tiểu đoàn N'Trang Lớn.

Nhiều căn cứ du kích nhỏ mọc lên ở vùng nông thôn đồng bằng và vùng rừng núi các tỉnh cực Nam Trung Bộ.

Các lực lượng vũ trang của ta đẩy mạnh chiến tranh du kích khắp nơi. Bộ đội phối hợp cùng du kích, tự vệ tập kích, phục kích, chống giặc càn quét, tiêu hao, tiêu diệt địch, giữ gìn người và của của ta, mở rộng vùng giải phóng. Lực lượng vũ trang ta khống chế nhiều đường giao thông chiến lược, đột nhập vào các đô thị, các trung tâm quân sự, chính trị, kinh tế của địch.

Chiến tranh du kích phát triển mạnh buộc địch đối phó ở khắp các nơi. Quân địch phải tuần tiễu ngày đêm chung quanh những căn cứ đóng rải rác. Lực lượng quân cơ động của địch không nhiều, phải chuyển từ vùng này qua vùng khác trong những cuộc càn quét liên miên để làm công việc “bình định” một cách vô hiệu quả.

Cách đánh địch của các lực lượng vũ trang ta cũng dần dần phát triển. Nhiều đơn vị đã có kinh nghiệm đánh các đồn bốt nhỏ bằng lối tập kích bất ngờ, phục kích địch trên bộ, trên sông. Chúng ta tiến lên đánh bại những trận càn quét lớn và chặn đứng nhiều cuộc tấn công của địch ra vùng tự do.

Tại Nam Bộ, ngày 26-9, địch kéo 2.000 quân có máy bay, xe tăng, xe bọc thép yểm hộ, mở trận càn ở Đức Hòa. Bộ đội và du kích chặn đánh địch suốt một ngày, từ sáng đến tối, phá hàng chục xe tăng, xe vận tải, giết nhiều địch, thu nhiều súng và bắn rơi một máy bay (phải chăng đây là chiếc máy bay đầu tiên của địch bị bắn rơi bằng súng bộ binh trên chiến trường Việt Nam?). Tại Vĩnh Lộc,

địch định vây bắt một bộ phận của chi đội 12. Ta biết trước, lặn lẽ rút ra ngoài. Chờ địch vào rồi, ta bao vây lại, đánh địch, làm cho chúng thiệt hại nặng nề. Tại miền cực Nam Trung Bộ, bộ đội cùng nhân dân ta bẻ gãy các trận tấn công của giặc ở Đèo Cả, An Khê và Kon Tum. Tiếp đó, ta mở nhiều đợt tấn công vào các hệ thống đồn bốt địch mới lập nên; đáng kể là các trận vùng Kim Bơ Rai, trận Vạn Giã. Ở Tây Nguyên, chiến tranh du kích bước đầu phát triển.

Có thể nói là cuộc kháng chiến ở miền Nam đã bắt đầu chuyển sang một thời kỳ mới.

Ngày 13-9, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ban hành Sắc lệnh số 182 quyết định cải tổ Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam để lãnh đạo cuộc kháng chiến tại Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Hơn một tuần sau, ngày 22-9, Ủy ban kháng chiến lâm thời Nam Bộ thành lập và là chính quyền hợp pháp duy nhất tại miền Nam Việt Nam. Ủy ban tuyên bố sẵn sàng thành thật thi hành những điều khoản trong Tạm ước 14-9 mới được ký kết giữa Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Pháp.

Với bản Tạm ước 14-9, Chính phủ Pháp đã cam kết sẽ thực hiện đình chiến, thực hiện những quyền tự do, dân chủ tại Nam Bộ và mở cuộc trưng cầu ý dân ngay sau khi có điều kiện. Cũng giống như Hiệp định sơ bộ tháng 6 tháng 3 trước đây, bản tạm ước này một lần nữa lại gây những hoang mang lớn trong hàng ngũ bọn Việt gian làm tay sai cho địch. Phong trào đấu tranh chính trị từ sau

ngày mồng 6 tháng 3 vốn đã mạnh, giờ lại có thêm điều kiện mới để phát triển. Báo chí mở những đợt công kích dữ dội vào bọn chính phủ bù nhìn. Hàng trăm trí thức, trong đó nhiều người có tên tuổi, hô hào đánh đổ Nguyễn Văn Thinh. Cuộc đấu tranh mạnh mẽ đến nỗi không đầy hai tháng sau đó, Nguyễn Văn Thinh phải tự thắt cổ kết liễu đời mình. Pháp và tay sai hoảng hốt trước cao trào đấu tranh chính trị tại các đô thị, vội ra lệnh cấm tất cả những cuộc rước xách, hội họp, biểu tình.

Đồng thời với phong trào đấu tranh chính trị, các lực lượng vũ trang ta ở miền Nam mở một đợt tấn công ở khắp mọi nơi. Nhiều mảng tề ngụy rộng lớn bị quét sạch. Thêm nhiều tề và ngụy binh bỏ hàng ngũ địch chạy ra đầu hàng cách mạng. Cuộc vận động binh lính người Âu đã có những kết quả tốt. Tại Thủ Đức, Gia Định, ta đã tổ chức được một đại đội gồm các hàng binh Âu - Phi. Ở Hóc Môn, có lần cả một tiểu đội người Âu cùng kéo ra hàng ta.

Trong cuộc gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh tại vịnh Cam Ranh, Đắcgiăngliơ tất nhiên không đả động tới những hoạt động phá hoại điên cuồng Hiệp định mồng 6 tháng 3 và Tạm ước 14-9 của quân đội Pháp, nhưng y đã nói: “Sự khủng bố (tức là những hoạt động diệt tề trừ gian của ta) đã tăng gia lên một mức ghê gớm tại Nam Kỳ từ sau ngày ký tạm ước”. Viên cao ủy đã thú nhận sự lo lắng của y trước cuộc tấn công mới của đồng bào miền Nam.

Tuy vậy, đúng ngày 30-10, theo thỏa thuận giữa đôi bên về đình chiến, Bộ Quốc phòng ta đã ra lệnh cho quân dân ta ở miền Nam ngừng bắn. Mệnh lệnh đã được thi

hành nghiêm chỉnh tại khắp Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ. Một lần nữa kẻ địch lại bị bất ngờ và hoang mang. Chúng đã thấy chính quyền tại miền Nam hiện thời nằm trong tay ai. Điều mà chúng vẫn rêu rao “Hà Nội không kiểm soát được gì ở Nam Bộ” nếu không phải là bịp bợm thì cũng là mù quáng.

XXVII

Sau khi về nước, Bác đã cùng Thường vụ điểm lại tình hình đấu tranh của nhân dân ta về mọi mặt quân sự, chính trị, ngoại giao trong cả thời gian qua.

Những hành động phá hoại hiệp định có hệ thống của bọn cầm đầu quân đội viễn chinh Pháp tại Đông Dương, tiếp tục chiến tranh xâm lược ở miền Nam, đẩy mạnh lấn chiếm trên miền Bắc, rõ ràng là được sự đồng tình, khuyến khích của nhà cầm quyền Pháp. Cuộc điều đình giữa ta và Pháp đã bế tắc chính vì bọn đại tư bản Pháp chưa từ bỏ tham vọng duy trì quyền thống trị của chúng trước đây tại các nước thuộc địa và phụ thuộc. Chiều hướng chính trị hiện nay tại nước Pháp càng tạo thêm điều kiện cho bọn phản động ở Đông Dương mở rộng chiến tranh. Nhưng ta vẫn thấy cần tranh thủ mọi khả năng để duy trì sự hòa hoãn. Bọn tư bản tài phiệt Pháp đang gặp phải nhiều khó khăn. Cuộc đấu tranh của các lực lượng dân chủ tại Pháp còn tiếp diễn. Tình hình chính trị ở nước Pháp vẫn chưa ổn định. Chính phủ Pháp hiện nay còn là một chính phủ lâm thời. Bản tạm ước ký kết giữa ta và Pháp vừa qua tuy không chứa đựng những quyết định có

tính nguyên tắc, nhưng đã buộc Pháp một lần nữa phải khẳng định lại tinh thần “hòa giải và hợp tác” của Hiệp định mồng 6 tháng 3 trước đây, phải cam kết thực hiện những quyền tự do, dân chủ ở miền Nam và hứa sẽ cùng với chúng ta ấn định thời gian và thể thức cuộc trưng cầu ý dân tại Nam Bộ.

Ta chủ trương kiên trì đấu tranh buộc kẻ địch phải tôn trọng và thực hiện những điều chúng đã cam kết, đồng thời kiên quyết đánh trả mọi hành động phá hoại, lấn chiếm của chúng. Chúng ta đã động viên đông đảo nhân dân ráo riết xây dựng và phát triển lực lượng của ta về chính trị, quân sự, kinh tế, luôn luôn theo dõi sát âm mưu của địch, sẵn sàng đối phó với mọi tình thế, kể cả trường hợp địch mở rộng chiến tranh ra cả nước.

Vấn đề triệu tập Quốc hội được đặt ra khẩn trương.

Rất nhiều sự kiện quan trọng đã xảy ra từ sau cuộc họp hồi đầu tháng 3 đến giờ. Nhiều hoạt động của Chính phủ cần được báo cáo trước Quốc hội. Bản Hiến pháp dân chủ đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được khởi thảo xong, đang chờ Quốc hội họp để thông qua. Chính phủ liên hiệp kháng chiến thành lập đầu tháng 3 đã được tổ chức ra trong một hoàn cảnh đặc biệt. Thành phần của Chính phủ đã đáp ứng yêu cầu lúc đó, nhưng một số người có chân trong Chính phủ không hề được nhân dân bầu ra. Sau khi quân Tưởng rút, nhiều phần tử Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội bỏ chạy theo quan thầy, đã để lại trong Chính phủ và Quốc hội những chỗ trống. Hơn bảy tháng qua,

tình hình đất nước thay đổi nhiều. Bác và Thường vụ nhận thấy đã đến lúc phải có một chính phủ mạnh, đủ uy tín, năng lực để làm tròn nhiệm vụ lãnh đạo quốc dân trước tình hình mới.

Quốc hội họp vào sáng ngày 28-10 tại Nhà hát Lớn của thành phố.

Sự sắp xếp chỗ ngồi trong phiên họp lần này hơi khác với phiên trước. Phòng họp chia làm ba khu: tả, hữu và giữa. Ngồi đầu phía tả, là nhóm mácxít gồm một số đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương lúc bấy giờ đã hoạt động công khai. Rồi đến những đại biểu Đảng Xã hội đeo ca vát đỏ và những đại biểu thuộc Đảng Dân chủ. Ngồi ở hàng giữa là những người không đảng phái đã tham gia Mặt trận Việt Minh. Bên cánh hữu, là những đại biểu của Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội. Việt Nam Quốc dân Đảng ngồi ở đầu cùng phía hữu. Số bảy mươi ghế dành cho các tổ chức này trong kỳ họp Đại hội đầu tiên, nay đã để trống gần một nửa.

Khách nước ngoài gồm các lãnh sự Anh, Mỹ, Hoa, người thay mặt cho tướng Moóclie cùng ngồi với các nhà báo trong các lô dành riêng ở tầng hai.

Chương trình làm việc gồm có:

1. Nghe báo cáo của Ban Thường trực Quốc hội và Chính phủ.
2. Thảo luận và thông qua dự thảo Hiến pháp.
3. Thành lập Chính phủ mới.

Bác Tôn, đại biểu của Nam Bộ, được bầu làm Trưởng đoàn Chủ tịch của Đại hội.

Đại biểu của tỉnh Rạch Giá, đồng chí Nguyễn Văn Tạo, lên diễn đàn thay mặt Nam Bộ chào mừng Đại hội. Anh nhắc tới các đại biểu của miền Nam hôm nay vắng mặt: Luật sư Thái Văn Lung đã bị địch tra tấn chết trong Khám lớn Sài Gòn, kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát và nhiều nhà yêu nước khác đang còn bị giam cầm tại địa ngục Côn Đảo. Khi đồng chí Tạo bước xuống diễn đàn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng dậy ôm hôn anh. Những giọt nước mắt chảy ròng trên gò má của Người.

Đại biểu Nam Bộ đề nghị toàn thể Quốc hội bày tỏ lòng tín nhiệm và ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh. *Người công dân thứ nhất* đã sáng suốt đưa nước nhà ra khỏi vòng nô lệ. Toàn thể các đại biểu đứng lên vỗ tay hoan hô hồi lâu.

Đại hội nghe báo cáo của Chính phủ về những công việc đã làm từ ngày thành lập, trong đó có cuộc đàm phán giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Pháp tại Fontenay-le-Comte và việc ký Tạm ước 14-9.

Ngày 31, các đại biểu chất vấn Chính phủ. Có 88 câu hỏi nêu lên thuộc các vấn đề quốc phòng, ngoại giao, kinh tế, tài chính, tư pháp, nội vụ. Những câu hỏi được chuyển tới các Bộ hữu quan. Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ trả lời về chính sách ngoại giao của Chính phủ, việc ký Tạm ước 14-9, việc Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh tự ý bỏ đi.

Người nói:

- Về chính sách ngoại giao của Chính phủ và bản Tạm ước ký kết ngày 14-9... trong các báo cáo trước đã nói

nhiều... Tóm lại, đối với các nước dân chủ, hết sức gây thiện cảm. Các nước ấy tuy chưa công khai thừa nhận ta, nhưng rất có thiện cảm với ta. Còn về ngoại giao với Pháp thì từ khi ký kết Hiệp định mong 6 tháng 3, qua các Hội nghị Đà Lạt và Phôngtenoblô đến Tạm ước 14-9, Chính phủ quyết tâm giữ vững nền độc lập và thống nhất của Việt Nam, đồng thời cộng tác thật thà và thân thiện với Pháp. Cố nhiên, người Pháp cũng phải cộng tác lại với chúng ta trên nguyên tắc bình đẳng...

Người nói tiếp:

- Tạm ước này có ảnh hưởng đến các hiệp ước ký sau không?... Trong xã hội loài người, cái gì mà không có ảnh hưởng tới cái khác. Tuy vậy, những sự điều đình sau đây không thể vì bản tạm ước này mà bị ràng bó. Bản tạm ước này, tùy theo sự thi hành thế nào, sẽ tạo điều kiện đầy cho những cuộc điều đình sau chóng đạt tới kết quả...

Người chuyển qua vấn đề khác.

- Về ông Phó Chủ tịch Nguyễn Hải Thần, ông Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Tường Tam và về ông Phó Chủ tịch Quân ủy hội Vũ Hồng Khanh... Các ông ấy không có mặt ở đây... Lúc nước nhà đương gặp bước khó khăn, quốc dân tin ở người nào trao cho người ấy công việc lớn mà các ông ấy lại bỏ đi thì các ông ấy phải hỏi lương tâm thế nào? Những người đã bỏ việc đi kia, họ không muốn gánh việc nước nhà hoặc họ cũng không đủ năng lực mà gánh vác! Nay chúng ta không có họ ở đây, chúng ta cũng cứ gánh vác được như thường.

Tiếng vỗ tay nổi lên, Bác lại nói tiếp.

- Nhưng nếu các anh em ấy biết nghĩ lại, đối không nổi với lương tâm, với đồng bào, với Tổ quốc mà trở về, thì chúng ta vẫn hoan nghênh.

Trước khi bước xuống, Người lại nói với các đại biểu:

- Nếu trong Chính phủ có những người khác lầm lẫn, thì lỗi ấy tôi xin chịu; xin gánh vác và xin lỗi với đồng bào.

Buổi chiều và buổi tối, các bộ trả lời những điều Đại hội đã hỏi. Nhưng khi các bộ đã giải đáp xong, nhiều đại biểu vẫn tiếp tục chất vấn. Chờ mọi người nêu hết những câu hỏi, một lần nữa, Chủ tịch Hồ Chí Minh lên thay mặt Chính phủ để trả lời. Vẫn bằng những lời lẽ giản dị, ôn tồn, Người nói:

- Về vấn đề quốc kỳ, Chính phủ không bao giờ dám đòi thay đổi quốc kỳ. Có một vài người trong Chính phủ đề nghị việc ấy, nên Chính phủ phải đệ qua Thường trực Quốc hội xét. Tình thế từ ngày ấy đến giờ biến chuyển nhiều, lá cờ đỏ sao vàng đã nhuộm bao nhiêu máu chiến sĩ Việt Nam ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, đã đi từ Á sang Âu, lại từ Âu sang Á, tới đâu cũng được chào kính cẩn.

Đôi mắt sáng rực, bằng giọng nói nhấn mạnh, Người tiếp:

- Bây giờ thì trừ hai mươi lăm triệu đồng bào ra còn không ai có quyền gì mà đòi thay đổi quốc kỳ.

Cả hội trường vang lên tiếng vỗ tay, Bác nói tiếp:

- Về vấn đề liêm khiết của Chính phủ thì Chính phủ hiện thời đã cố gắng liêm khiết lắm. Nhưng trong Chính phủ từ Hồ Chí Minh cho đến những người làm việc ở các ủy ban làng đông lắm... Dù sao Chính phủ đã hết sức làm

gương. Và nếu làm gương không xong thì sẽ dùng pháp luật mà trị những kẻ ăn hối lộ, đã trị, đương trị và sẽ trị cho kỳ hết.

Tiếng vỗ tay hoan nghênh lại nổi lên.

- Còn có đại biểu nói rằng bản Tạm ước 14-9 là bất bình đẳng thì Chính phủ không dám nhận như thế. Với bản tạm ước ấy, mỗi bên đều nhân nhượng ít nhiều, ta bảo đảm cho Pháp một phần những quyền lợi kinh tế và văn hóa ở đây thì Pháp cũng phải bảo đảm thi hành tự do dân chủ ở Nam Bộ và thả các nhà ái quốc bị bắt bớ. Còn nói Pháp có thành thật thi hành tạm ước hay không thì ta cần hiểu rằng Pháp cũng có người tốt, có người xấu. Tôi có thể nói quyết rằng nhân dân Pháp bây giờ đa số tán thành ta độc lập và thống nhất lãnh thổ...

Bằng lời nói thật giản dị nhưng cũng thật sáng rõ, khúc chiết, chặt chẽ, Bác tiếp tục trả lời tất cả những vấn đề các đại biểu đã nêu ra. Người nói xong, không ai hỏi gì thêm. Cuộc chất vấn Chính phủ kết thúc vào đúng nửa đêm.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ tuyên bố xin từ chức, trao quyền lại cho Quốc hội. Quốc hội chấp thuận đề nghị từ chức của Chính phủ, và sau đó, nhất trí ủy nhiệm Người đứng ra lập Chính phủ mới.

Bác trở lại diễn đàn cảm ơn sự tín nhiệm của Quốc hội rồi nói:

- Lần này là lần thứ hai Quốc hội giao phó cho tôi phụ trách lập chính phủ. Việt Nam chưa được độc lập, chưa được thống nhất thì bất kỳ Quốc hội ủy cho tôi hay cho ai

cũng phải gắng mà làm. Tôi xin nhận. Giờ tôi xin tuyên bố trước Quốc hội, trước quốc dân và trước thế giới rằng: Hồ Chí Minh, không phải là kẻ tham quyền cố vị, mong được “thăng quan phát tài”. Chính phủ sau đây phải là một Chính phủ toàn dân đoàn kết và tập hợp nhân tài không phân đảng phái... Tuy trong quyết nghị của Quốc hội không nêu lên hai chữ liêm khiết, tôi cũng xin tuyên bố trước Quốc hội, trước quốc dân và trước thế giới: Chính phủ sau đây phải là một Chính phủ liêm khiết. Theo nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ sau đây phải là một Chính phủ biết làm việc, gan góc, quyết tâm đi vào mục đích vừa kiến thiết vừa tranh thủ độc lập, thống nhất cho nước nhà. Anh em trong Chính phủ mới sẽ dựa vào sức của Quốc hội và quốc dân, dầu nguy hiểm mấy, cũng đi vào mục đích mà quốc dân và Quốc hội trao cho.

1 giờ đêm hôm đó, buổi họp này mới kết thúc.

Từ ngày 1-11, Đại hội bắt đầu thảo luận về bản dự thảo Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Những cuộc tranh luận diễn ra sôi nổi.

Chiều mùng 2-11, Đại hội được Chủ tịch Hồ Chí Minh báo tin đã lập xong Chính phủ.

5 giờ chiều, Chủ tịch Hồ Chí Minh tới Đại hội. Người bước lên diễn đàn giữa những tiếng hoan hô. Người nói:

- Chính phủ này tuy chưa được mười phần như ý nguyện của Quốc hội đã vạch ra. Chính phủ mới gồm đủ nhân tài Trung - Nam - Bắc tham gia. Cụ Huỳnh vì tuổi già sức yếu xin rút lui nhưng do lời tôi đề nghị đã vui lòng ở lại tham gia thêm một nhiệm kỳ nữa.

Quốc hội đón bản danh sách Chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày bằng những tràng vỗ tay kéo dài. Báo cáo tiếp chương trình làm việc của Chính phủ.

Toàn thể Đại hội bỏ phiếu tán thành Chính phủ mới. Không đầy bảy tuần sau đó, do chính sách xâm lược của kẻ thù, chiến tranh đã lan rộng trên cả nước. Chính phủ đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh thành lập đầu tháng 11 là Chính phủ sẽ đảm đương lãnh đạo quốc dân trong cuộc kháng chiến toàn quốc kéo dài suốt tám năm sau này.

Quốc hội tiếp tục thảo luận bản dự thảo Hiến pháp. Ngày mồng 8-11-1946, bằng 240 phiếu thuận đối với hai phiếu chống, Quốc hội đã chuẩn y Hiến pháp chính thức của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trong buổi kết thúc cuộc họp của Quốc hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói về bản Hiến pháp mới:

“Sau khi nước nhà mới tự do được 14 tháng, đã làm thành được bản Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử nước nhà... Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới biết dân tộc Việt Nam đã có đủ mọi quyền tự do. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới: phụ nữ Việt Nam đã được đứng ngang hàng với đàn ông để được hưởng chung mọi quyền tự do của một công dân. Hiến pháp đó đã nêu một tinh thần đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc Việt Nam...”¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 491.

XXVIII

Trong Tạm ước 14-9, Chính phủ Pháp đã nhận thi hành những điều chỉnh sau đây tại Nam Bộ:

1. Thả những người Việt Nam bị bắt vì chính trị và vì kháng chiến.

2. Người Việt Nam ở Nam Bộ được hưởng các quyền tự do dân chủ như là tổ chức, hội họp, viết báo, đi lại...

3. Hai bên chấm dứt xung đột.

Ngày 26-10, Quân ủy hội của ta gửi thư cho Tổng Chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp đề nghị quân đội Việt Nam và quân đội Pháp sẽ cùng ngừng bắn vào 0 giờ ngày 30 tháng 10. Vài ngày sau, Valuy trả lời đã hạ lệnh cho quân đội Pháp ở miền Nam ngừng bắn vào đúng thời gian ta đã đề ra.

Đầu tháng 11, Đácgiăngliơ tuyên bố với các báo chí ở Sài Gòn, các cuộc xung đột đã đình chỉ từ 0 giờ ngày 30 tháng 10. Y nói đã trả tự do cho hơn hai trăm “tù chính trị”, hồ sơ của những người khác đang được tiếp tục xét và y đã phái tướng Nyô ra Hà Nội gặp Chính phủ Việt Nam, bàn việc thành lập một ủy ban quân sự Việt - Pháp. Đácgiăngliơ gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh một bức thư xác nhận lại những điều trên.

Ngày 4-11, Moóclie đưa Nyô đến chào Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Bắc Bộ phủ. Cùng tiếp khách với Bác có tôi và đồng chí Thứ trưởng Bộ Nội vụ. Nyô được giới thiệu là Trưởng phái đoàn quân sự Pháp do cao ủy chỉ định. Bác và chúng tôi đã thỏa thuận với Moóclie sẽ thành lập ngay ủy ban quân sự hỗn hợp và tiến hành gấp những cuộc trao đổi nhằm thực hiện và kiểm soát đình chiến ở Nam Bộ.

Nhưng đồng thời với việc Nyô ra Bắc, có tin quân Pháp lại nổ súng ở nhiều nơi tại Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Các lực lượng vũ trang ta buộc phải có hành động tự vệ.

Ngày 7-11, Ủy ban quân sự Việt - Pháp họp phiên đầu tiên tại Phòng thương mại cũ. Nyô cầm đầu phái đoàn Pháp. Phía ta đã lên án những hành động vi phạm lệnh ngừng bắn của Pháp, tố cáo quân đội Pháp ở miền Nam không những đã không ngừng những hoạt động khủng bố mà lại còn tiếp tục với một quy mô ngày càng rộng lớn. Ta chủ trương ổn định tình hình bằng cách đưa vào Nam Bộ và Nam Trung Bộ một ủy ban đình chiến hỗn hợp. Nyô khước từ. Ta nêu tiếp việc cử người đại diện Chính phủ Việt Nam bên viên cao ủy như tạm ước đã quy định; việc này cũng đã được thỏa thuận giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và cao ủy Pháp trong cuộc trao đổi tại vịnh Cam Ranh. Nyô nói vấn đề đó vượt quá thẩm quyền của y. Cuộc họp không giải quyết được gì. Hai bên đồng ý sẽ bàn tiếp vào những ngày sau.

Cũng ngày hôm đó, Chính phủ ta nhận được thư của Đácgiăngliơ. Viên cao ủy phản kháng về việc có một ủy ban hành chính lâm thời của ta ở miền Nam Việt Nam.

Y cho đó là một điều không hợp với tinh thần Tạm ước 14-9, những hoạt động của ủy ban này có thể phương hại đến sự thi hành tạm ước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh trả lời viên cao ủy:

“Ủy ban hành chính lâm thời Nam Bộ thành lập từ tháng 8-1945, dưới quyền chỉ huy của Chính phủ trung ương và vẫn tiếp tục làm việc tới ngày nay. Ủy ban đó lại đã từng giao thiệp chính thức với các nhà cầm quyền quân sự Đồng minh và Pháp hồi tháng 10 năm ngoái.

Việc ở Nam Bộ vừa có một quân đội chiếm đóng, vừa có các cơ quan hành chính và quân sự Việt Nam đã được bản Hiệp định sơ bộ mồng 6 tháng 3 và bản Tạm ước 14 tháng 9 công nhận. Theo các bản thỏa hiệp đó thì tình hình Nam Bộ phải để nguyên cho đến ngày trưng cầu dân ý.

... những sự hoạt động của Ủy ban hành chính lâm thời Nam Bộ cũng như các cơ quan quân sự Việt Nam, chỉ là để đi đến sự thi hành triệt để các điều khoản về chính trị và quân sự của khoản 9 trong bản tạm ước nói về Nam Bộ và chỉ có thể giúp cho chính sách hợp tác thân thiện mà cả hai chính phủ ta đều mong muốn có thể thực hiện dễ dàng”.

Ngày 12-11, Moóclie chuyển cho ta một thông điệp của Đácgiăngliơ. Theo viên cao ủy thì Nam Bộ là đất của Pháp, chính thể Nam Bộ chỉ Nghị viện Pháp mới có thể quyết định thay đổi được bằng cách duyệt y kết quả cuộc trưng cầu ý dân. Ủy ban hành chính Nam Bộ là một tổ chức bất hợp pháp mà hồi tháng 10-1945, Xêđin đã phải

giao thiệp vì muốn tránh đổ máu. Chính phủ Việt Nam thi hành những thỏa hiệp đã ký thì phải ngừng ngay những hành động kia hoặc là phủ nhận những hành động đó.

Trước những luận điệu trắng trợn của viên cao ủy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi cho Đácgiăngliơ một bản thông điệp lời lẽ vấn tắt:

“Chính phủ Việt Nam nhắc lại cho ông cao ủy Pháp biết ủy ban hành chính đó không vượt ra ngoài phạm vi Điều 9 của bản Tạm ước 14-9-1946 mà mục đích chỉ là để theo đuổi việc lập lại cho Nam Bộ một nền hòa bình theo công lý và bền vững mặc dầu gặp trở lực khó khăn thế nào và bất cứ ở đâu lại.

Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tin rằng muốn thực hiện nền hòa bình hằng mong ước đó cho hai dân tộc thì những phương pháp vũ lực không những hoàn toàn vô ích mà chỉ đe dọa đưa đến chỗ đình chỉ việc thi hành tạm ước và trách nhiệm đó Chính phủ Việt Nam hoàn toàn không nhận”.

Thái độ của những người cầm quyền Pháp tại Đông Dương đối với việc thi hành tạm ước đã bộc lộ khá rõ ràng.

Theo tài liệu của những người viết sử Pháp ghi lại sau này thì vào đầu tháng 11, Đácgiăngliơ đã có những ngày rất bận rộn. Viên cao ủy phải chuẩn bị để đối phó với một tình hình có thể bất lợi cho y nếu các lực lượng dân chủ tiến bộ Pháp giành được thắng lợi trong cuộc tuyển cử sắp tới. Vào trường hợp đó, những chính sách của Đờ Gôn chỉ có thể tiếp tục bằng cách làm nổ ra tại Đông Dương một

cuộc chiến tranh rộng lớn. Y gặp gỡ lần lượt tất cả các quan chức hành chính và quân sự ở Sài Gòn để khẳng định: Chỉ có một tình thế quân sự mới cho phép ngăn chặn được sự bại hoại của tình hình có lợi cho Hà Nội.

Người tiếp thụ đầy đủ ý đồ của viên cao ủy là Valuy. Valuy đã viết trong chỉ thị mật gửi cho cấp dưới của mình: “Những mưu toan thỏa hiệp đáng kính không còn thích hợp nữa rồi mà phải cần đến một “bài học khắc nghiệt””. Ngày 21-11, khi Valuy báo cho ta biết y đã hạ lệnh cho quân đội Pháp tại Nam Bộ ngừng bắn thì cũng là lúc y chỉ thị cho Đépbr ở Hải Phòng phải thực hiện quyền kiểm soát thành phố này và làm tê liệt sự phản kháng của ta tại đây.

XXIX

Ngày 11-11, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi cho Chính phủ Bidôn lời phản kháng kiên quyết về việc Pháp đơn phương tổ chức phòng thuế quan và kiểm soát ngoại thương tại Hải Phòng.

Trước khi tạm ước được ký kết, ngày 10 tháng 9, từ Sài Gòn, Đắcgiăngliơ đã ra lệnh cho Moóclic phải thiết lập quyền kiểm soát thuế quan trong khu vực Hải Phòng kể từ ngày 15-10 trở đi.

Trong cuộc đàm phán tại Phôngtennoblô, Pháp đã nhiều lần nêu lên vấn đề thuế quan. Vấn đề này cũng được Mutê nêu ra trong những cuộc trao đổi với Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Pari. Thuế quan vốn trước kia chiếm tỉ lệ rất lớn trong tổng thu nhập của toàn Đông Dương. Bác đã nói với Mutê đó không phải là một vấn đề không thể giải quyết được bằng thương lượng. Cuộc trao đổi giữa Bác và người thay mặt cho Chính phủ Pháp đã dẫn đến Điều 6 trong bản tạm ước:

“- Nước Việt Nam cùng với các nước trong Liên bang hợp thành một quan thuế đồng minh... Một ủy ban dung hợp quan thuế và ngoại thương sẽ nghiên cứu những

phương sách thi hành cần thiết và sắp đặt việc tổ chức quan thuế Đông Dương...”¹.

Điều khoản này lập tức bị nhà cầm quyền Pháp ở Sài Gòn xuyên tạc. Chúng tuyên bố là nước Việt Nam đã thừa nhận tính chất liên bang của những vấn đề thuế quan. Ủy ban dung hợp sẽ chỉ có nhiệm vụ ấn định những thể thức kiểm soát việc trao đổi và phân tích các khoản thuế thu được. Ngày 14-10, một tháng sau khi bản tạm ước được ký kết, bọn Pháp ở Sài Gòn lại cho ra một bản thông tri nhắc lại quyết định ngày 10-9 của viên cao ủy về thuế quan sẽ có hiệu lực từ ngày 15-10. Bất chấp các điều khoản của bản tạm ước, phía Pháp tự ý đơn phương quy định nhiều thứ hàng của ta như: than, quặng, xi măng, kim khí, gỗ, ngũ cốc, muối, giấy, v.v. nếu đem xuất cảng đều phải được phép của chúng. Việc làm của chúng hết sức thô bạo. Hồi đó Bác chưa về, cụ Huỳnh nhân danh quyền Chủ tịch đã gửi cho Pháp một lời kháng nghị kịch liệt. Trong cuộc gặp tại vịnh Cam Ranh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao đổi với Đácgiăngliơ về vấn đề thuế quan. Người cho rằng chuyện này có thể giải quyết với những ủy ban dung hợp đã đề ra trong tạm ước. Người thấy cần họp ngay các ủy ban này tại Hà Nội. Đácgiăngliơ đòi họp ở Đà Lạt để kéo chuyện này vào khuôn khổ các vấn đề liên bang. Cuối cùng, Đácgiăngliơ phải đồng ý sẽ họp ở Hà Nội. Nhưng từ đó, các ủy ban này chưa họp được lần nào.

Biết bọn phản động ở Sài Gòn mưu toan gây ra một

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr. 589.

việc đã rồi, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi cho Chính phủ Bidôn lời phản kháng ngày 11-11. Nhận được bản thông điệp này, Moóclie chuyển về Sài Gòn. Nhưng nó đã bị giữ lại ở Sài Gòn một thời gian. Lời phản kháng của Chính phủ ta chỉ được chuyển về Pháp vào ngày 26-11. Sự chậm trễ này không phải là vô tình. Cuộc gây hấn ở Hải Phòng đã xảy ra sáu ngày trước đó.

Sự việc bắt đầu từ một cuộc va chạm nhỏ.

Sáng 20-11, một chiếc canô của người Trung Hoa có giấy phép của Sở thuế quan Việt Nam, chở xăng vào bến Cửa Cấm Hải Phòng. Quân Pháp kéo xuống canô lục soát, giữ canô lại, tuyên bố tịch thu số xăng trong đó, lấy cớ là hàng lậu thuế. Hành động này vi phạm chủ quyền của ta. Nhân viên công an trật tự của ta tới can thiệp. Như chỉ chờ có một cơ hội, quân Pháp nổ súng. Một đồng chí công an hy sinh. Các chiến sĩ tự vệ của ta ở gần đó bắn trả. Cuộc xung đột bắt đầu.

11 giờ trưa, một đơn vị xe bọc thép của quân đội Pháp tiến đánh vào khu vực nhà ga. Địa điểm này cách xa nơi có chuyện rắc rối về thuế quan buổi sớm. Quân Pháp gặp sức kháng cự của các lực lượng tự vệ. Tiếng súng bắt đầu nổ ra khắp thành phố.

Những vụ xô xát giữa quân đội Pháp và các lực lượng tự vệ ta không phải mới xảy ra lần đầu ở Hải Phòng. Mọi lần, Ty liên kiểm Việt - Pháp đều dàn xếp được một cách ổn thỏa. Nhưng lần này, khi nhân viên liên kiểm tới, viên đại tá Đépơ, chỉ huy quân đội Pháp ở Hải Phòng, tỏ một thái độ rất ngang ngược. Y đòi ta phải thả hết những lính Pháp bị bắt, đòi triệt bỏ các trạm công an và phá hết

những chướng ngại vật ở các phố; áo xước hơn nữa, y đòi các lực lượng vũ trang của ta phải rút khỏi các vị trí ở phố Hoa kiều.

Buổi trưa, Đépơ gửi một tối hậu thư đòi ta phải thi hành những điều kiện y đề ra trước lúc 14 giờ. Ta trả lời đồng ý thả năm binh lính Pháp bị bắt trong cuộc xung đột sáng nay, nhưng Pháp cũng phải trả lại ta mười người chúng đã bắt cóc từ mấy ngày hôm trước. Những yêu cầu vô lý khác của Đépơ bị ta bác bỏ.

2 giờ chiều, quân Pháp lại tiến công. Lần này, chúng huy động lực lượng lớn. Quân đội Pháp có xe tăng trợ lực, tiến đánh vào Nhà hát Lớn ở trung tâm thành phố. Các chiến sĩ tự vệ giữ Nhà hát Lớn Hải Phòng đã chiến đấu rất anh dũng, đánh bật nhiều đợt xung phong của quân địch có xe bọc thép yểm hộ.

Bọn Pháp vu cho ta đã bắn chết Camoăng, Trưởng ty liên kiểm của Pháp, để cự tuyệt mọi cuộc điều đình. Viên thiếu tá này từ trước tới nay vẫn tỏ ra có tinh thần hiểu biết.

Tại Hà Nội, chúng tôi được tin về cuộc xung đột này ngay sau khi mới xảy ra. Đại diện ta ở Ủy ban liên kiểm trung ương đã yêu cầu Bộ Chỉ huy quân đội Pháp can thiệp, tránh để cuộc xung đột lan rộng. Người Pháp tỏ vẻ ngạc nhiên, nói ta không nên quan trọng hóa sự việc này và cuộc xung đột sẽ không thể nào lan rộng. Nhưng chiều hôm đó, cuộc xung đột tại Hải Phòng đã thực sự lan rộng.

Để tạo điều kiện cho cuộc dàn xếp, 3 giờ chiều hôm đó, Bộ Quốc phòng ta một mặt điều thêm lực lượng bộ đội ở vùng chung quanh về tăng viện cho Hải Phòng, một mặt ra lệnh cho bộ đội chỉ nên có những hoạt động tự vệ.

Buổi chiều, Moóclie cử viên Đại tá Lami đến gặp ta. Lami là người phụ trách vấn đề chính trị của quân đội Pháp. Đồng chí trưởng phái đoàn quân sự của ta gặp Lami bàn việc đình chỉ xung đột ở Hải Phòng. Đôi bên đi tới một bản thỏa thuận gồm các điều: Ngừng bắn ngay. Bộ đội Việt Nam và quân đội Pháp phải trở về vị trí cũ trước cuộc xung đột. Một ủy ban hỗn hợp được thành lập do đồng chí Hoàng Hữu Nam và Lami cầm đầu sẽ có mặt vào sáng hôm sau ở Hải Phòng.

Moóclie tán thành những thỏa thuận này và thông báo những quyết định trong đó cho Đépơ.

8 giờ tối hôm đó, các đồng chí ở Hải Phòng báo cáo là bộ đội ta đã ngừng nổ súng. Nhưng quân đội Pháp vẫn không chịu ngừng bắn. Chúng dùng cả đại bác ở Cát Bi. Tiếng súng nổ rải rác suốt đêm.

Sáng ngày 21, phái đoàn hỗn hợp Việt - Pháp dùng ô tô ray xuống Hải Phòng. Đến cây số 0, lính Pháp báo hiệu cho xe dừng lại vì đường không đi được. Đoàn phải dùng xe ô tô đi từ Thượng Lý vào thành phố. Cả Hải Phòng sặc mùi thuốc súng. Tiếng súng vẫn nổ ở nhiều nơi. Phái đoàn tới cơ quan chỉ huy của Đépơ và nhận thấy đúng là lệnh ngừng bắn vẫn chưa được chấp hành. Đoàn thấy cần phải thực hiện ngừng bắn ngay và cho quân đội của hai bên rút về vị trí cũ.

Đại diện của ta tới cơ quan Thành ủy, được biết bộ đội và tự vệ của ta đã nghiêm chỉnh thực hiện lệnh ngừng bắn từ tối hôm trước. Những tên lính Pháp bị ta bắt đã được trao trả lại cho phía Pháp. Chúng ta gọi điện báo cho Lami biết.

Mãi tới 2 giờ chiều, tiếng súng trong thành phố mới tạm ngừng. Nhưng Đépơ không chịu cho quân đội trở về các vị trí cũ trước khi xảy ra xung đột. Hắn nói không thể thi hành mọi mệnh lệnh của cấp trên ở Hà Nội vì Hà Nội không nắm được tình hình. Quân đội Pháp không thể rời bỏ những nơi mà họ đã phải đổ máu mới giành được. Người thay mặt cho Moóclie không thuyết phục được viên đại tá. Thái độ ương ngạnh của hắn đối với mệnh lệnh của cấp trên có phần khó hiểu.

Trong khi chờ đợi những chỉ thị mới của Chính phủ, đại diện của ta trao đổi với Lami và thỏa thuận về một số điểm cụ thể:

1. Cấm ngặt đôi bên không vì bất cứ một lý do nào mà nổ súng.
2. Quân đội Pháp đưa hết xe bọc thép về trại.
3. Hạn chế sự đi lại ban đêm.
4. Tổ chức một lực lượng quân đội hỗn hợp làm nhiệm vụ canh gác tại nhà ga Hải Phòng để bảo đảm giao thông như cũ.

Đépơ từ chối thi hành điểm thứ tư. Hắn còn đòi để quân đội Pháp chiếm Nhà hát lớn Hải Phòng và bộ đội ta phải rút khỏi khu phố người Âu đã ở ngày trước. Đại diện của ta bác bỏ yêu cầu đó. Cuối cùng hai bên chỉ thỏa thuận được ai hiện ở đâu cứ ở đó, không được di chuyển vị trí hoặc có hành động khiêu khích.

Tuy vậy, từ chiều ngày 21, tiếng súng ở Hải Phòng đã ngừng.

Chiều ngày 22 phái đoàn hỗn hợp trở về Hà Nội để báo

cáo tình hình. Dọc đường, Lami nói với ta là người Pháp muốn dàn xếp.

Cũng trong ngày 20-11, giữa lúc cuộc xung đột nổ ra ở Hải Phòng thì Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp Đờ la Saria, người được Sài Gòn cử ra để bàn về vấn đề thuế quan. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ý kiến là ủy ban hỗn hợp về thuế quan và ngoại thương cần họp ngay tại Hà Nội. Saria đã chuyển gấp đề nghị này về Sài Gòn.

XXX

Tình hình Hải Phòng có chiều hướng đi tới chỗ dàn xếp.

Đột nhiên, 7 giờ sáng ngày 23-11, Đépơ gửi cho Ủy ban hành chính Hải Phòng một bức tối hậu thư. Hấn đòi quân đội Việt Nam phải rút ngay khỏi phố Hoa kiều, khu phố người Âu ở trước kia và đòi tước vũ khí của các đội tự vệ tại khu phố Lạc Viên (khu Bả), nơi chúng đã bị đánh những đòn đau. Hấn đòi những yêu cầu này phải được thi hành trước 9 giờ, nếu không, quân đội Pháp sẽ tấn công. Những yêu sách này đều bị ta bác bỏ. Pháp gia hạn thêm bốn mươi lăm phút.

Đúng 9 giờ 45, trọng pháo của quân Pháp nổ. Quân Pháp với sự yểm trợ của xe tăng và xe bọc thép tấn công vào khu phố Hoa kiều. Máy bay của chúng giội bom xuống thành phố và thị xã Kiến An. Bộ đội và tự vệ nấp sau những chiến lũy làm bằng giường, tủ, bàn ghế ở các đầu phố, bắn vào quân địch. Những chai cháy, những trái lựu đạn từ trên tầng gác, trên sân thượng ném xuống các xe bọc thép. Cuộc chiến đấu diễn ra ở từng góc phố, từng khu nhà.

Tại Hà Nội, 9 giờ sáng ngày 23, đồng chí trưởng đoàn

quân sự của ta tới Bộ Chỉ huy quân đội Pháp đòi gặp Moóclie. Moóclie lánh mặt, cử viên đại tá chỉ huy quân đội Pháp ở Hà Nội ra tiếp. Ta yêu cầu y giải thích về bức tối hậu thư của Đépơ sáng nay ở Hải Phòng. Viên đại tá nói bức thư đó đã được cấp trên ở Sài Gòn chuẩn y. Viên đại tá nói thêm, nếu phía Việt Nam không thuận thì quân đội Pháp ở Hải Phòng được phép dùng vũ lực. Bộ chỉ huy quân đội Pháp ở Hà Nội đã đột ngột thay đổi thái độ.

Theo những tài liệu đã được công bố sau này, chúng ta biết sự việc xảy ra như sau: Từ chiều ngày 21, Valuy ở Sài Gòn đã chỉ thị cho Đépơ cần lợi dụng tình hình hiện tại để mở rộng phạm vi chiếm đóng của quân đội Pháp ở Hải Phòng. Với chỉ thị này, Đépơ đã kiên quyết bác bỏ những điều Moóclie ở Hà Nội đã thỏa thuận với người đại diện của ta. Ngày 22, Valuy chỉ thị cho chính Moóclie đòi các lực lượng vũ trang của ta phải hoàn toàn rút khỏi thành phố Hải Phòng. Moóclie nhận thấy yêu cầu này là một “tối hậu thư”, có thể dẫn đến một cuộc xung đột lớn. Moóclie không truyền đạt điều đó cho Chính phủ ta mà đề nghị Valuy cần cân nhắc kỹ những hậu quả do sự việc này có thể đem lại. Moóclie chưa biết là đồng thời với chỉ thị gửi cho mình, viên Tổng Chỉ huy mới của quân đội viễn chinh Pháp cũng trực tiếp ra lệnh cho Đépơ phải dùng mọi phương tiện có trong tay để làm chủ hoàn toàn thành phố Hải Phòng. Đácgiăngliơ đã trở về nước trước đó một tuần. Những việc làm của Valuy chỉ là sự thực hiện những chỉ thị chặt chẽ của viên cao ủy trước khi ra đi.

Trưa ngày 23, Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp kêu gọi trên Đài Tiếng nói Việt Nam:

“Tôi kêu gọi Đại tướng Valuy, Tổng Chỉ huy quân đội Pháp kiêm chức Thượng sứ, các tướng lĩnh Pháp ở Việt Nam phải lập tức đình chỉ việc đổ máu giữa người Pháp và người Việt.

Tôi kêu gọi toàn thể đồng bào phải trấn tĩnh, các bộ đội và tự vệ phải sẵn sàng bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc, bảo vệ tính mệnh, tài sản của ngoại kiều.

Chính phủ luôn luôn đứng sát với toàn thể đồng bào để giữ gìn đất nước.

Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!”¹.

Cuộc tấn công của quân Pháp ở Hải Phòng mang một tính chất tàn bạo. Binh lính Pháp được lệnh thiêu trụi những ngôi nhà mà chúng gặp phải sức kháng cự trên đường tiến quân. Nhưng trong ngày đầu chúng đã bị chặn lại, Đépơ phải cầu cứu đến cả sự chi viện của hải quân bằng trọng pháo.

3 giờ chiều, bộ đội ta mở đợt phản công, xung phong vào giành lại Nhà hát Lớn đã bị quân Pháp chiếm giữ trước đó mấy ngày. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt trên từng đường phố, từng ngõ ngách, từng ngôi nhà. Các đội tự vệ, đặc biệt là tự vệ khu Bãi đã chiến đấu rất dũng cảm.

Ngày 25 tháng 11, ta mở một trận tấn công lớn vào trường bay Cát Bi. Các chiến sĩ ta phá kho đạn, đốt kho xăng, hoàn toàn làm chủ sân bay.

Trận chiến đấu anh dũng tại Hải Phòng đã có tác

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 512.

dụng của một cuộc tổng diễn tập thực sự chuẩn bị cho trận đánh kéo dài nhiều ngày ở Thủ đô Hà Nội xảy ra sau đó một tháng. Ngày 28-11, bộ đội ta và các lực lượng tự vệ rút về tuyến chiến đấu mới bên ngoài thành phố. Ở một số nơi, nhiều ngày, sau khi các đội tự vệ đã rút đi, những toán tuần tiểu Pháp vẫn chưa dám lui tới.

Ngày 27-11, Moóclie gặp chúng tôi. Y truyền đạt yêu cầu của Bộ Tổng chỉ huy quân đội Pháp đòi chúng ta phải phá bỏ những vật chướng ngại trên các đường nối liền những đồn binh Pháp với nhau, bảo đảm cho quân đội Pháp được tự do đi lại trên đường Đồ Sơn - Hải Phòng. Moóclie nói tất cả những việc quân đội Pháp đã làm ở miền Bắc Đông Dương đều là những chỉ thị của cấp trên. Tôi nhớ lại lần Valuy đến gặp ta trao bản thông điệp báo tin quân Pháp bắt đầu đánh chiếm Tây Nguyên, y đã nói mình đến để thi hành một mệnh lệnh của cấp trên. Giờ đây, Moóclie lặp đúng lời của Valuy. Cấp trên của Valuy ngày ấy là Đácgiăngliơ. Cấp trên của Moóclie ngày nay lại chính là Valuy.

Sáng ngày 28, Moóclie gửi tới Bộ Quốc phòng một bản thông điệp với những lời lẽ y đã nói với chúng tôi hôm trước: “Hôm nay tôi xác nhận với ngài những điều kiện quân sự do Tổng chỉ huy Pháp đặt ra...” trong đó, Moóclie nêu ra vùng giới hạn những nơi quân Pháp đã chiếm đóng ở Hải Phòng bao gồm cả thành phố và một số khu lân cận. Y nhắc lại yêu cầu bảo đảm tự do đi lại cho quân đội Pháp trên những con đường nối liền các đồn binh và đường Hải Phòng - Đồ Sơn.

Tình hình đã trở nên nghiêm trọng. Để tranh thủ

thêm thời gian chuẩn bị cho bộ đội và đồng bào Hải Phòng, chúng ta đã trả lời vấn đề này là đề nghị của quân đội Pháp có tính chất rất quan trọng nên hai bên cần lập một ủy ban hỗn hợp để thảo luận.

Chiều hôm ấy, Moóclie gửi tiếp cho chúng ta một bức thông điệp khác, bức thông điệp thứ hai trong một ngày: “... Tôi xin báo để ngài biết rằng những điều kiện định trong thư ngày 28 tháng 11 của tôi là do những chỉ thị rất rõ ràng mà tôi đã nhận được. Vậy không thể lập ủy ban hỗn hợp xét những điều như ngài đề nghị, tôi cho rằng ủy ban đó lập ra vô ích trừ phi để định rõ những phương thức thi hành các điều kiện mà tôi đã đưa ra”.

Đáp lại những bản thông điệp cùng với yêu cầu mở rộng phạm vi chiếm đóng của quân đội Pháp, chúng ta đã ra lệnh cho bộ đội và dân quân tự vệ bao vây chặt chẽ địch trong thành phố Hải Phòng, phá hoại triệt để những con đường liên lạc giữa các đồn binh Pháp, đặc biệt là con đường từ Hải Phòng đi Đồ Sơn.

Trận Hải Phòng là trận đánh mở đầu cho một quy mô mới của cuộc chiến tranh cướp nước. Kẻ thù đã mở rộng chiến tranh xâm lược trên nửa phần phía nam của đất nước ra toàn cõi Việt Nam, đồng thời ra toàn bán đảo Đông Dương.

XXXI

Ở Pháp, trong tháng 10, cuộc đấu tranh giữa các lực lượng dân chủ, tiến bộ và bọn tư bản phản động tiếp tục diễn ra quyết liệt chung quanh việc thông qua hiến pháp của nền Cộng hòa thứ tư.

Bản dự thảo hiến pháp này so với bản dự thảo đã bị bác bỏ trong cuộc trưng cầu ý dân hồi tháng 5 là một bước thụt lùi. Tuy nhiên, nó vẫn còn chứa đựng nhiều điểm tiến bộ. Nó chủ trương quyền lập pháp thuộc về Quốc hội do dân chúng bầu ra bằng phổ thông đầu phiếu; các hội đồng cộng hòa do đại biểu của các hội đồng hàng xã, hàng quận cử ra chỉ có quyền tư vấn. Nó bảo đảm những quyền lợi mới về xã hội và kinh tế của người dân, quyền bình đẳng giữa đàn ông và đàn bà trên mọi lĩnh vực. Nó chống lại những cuộc chiến tranh cướp phá và sự đàn áp ở thuộc địa; nó cam kết tôn trọng quyền tự quyết của các dân tộc phụ thuộc. Nếu bản dự thảo này được thông qua thì vẫn có thể nói đây là hiến pháp dân chủ tư sản tiến bộ nhất từ khi nước Pháp thành lập chế độ cộng hòa.

Do đó, giai cấp tư sản Pháp tìm mọi cách chống lại việc thông qua hiến pháp. Chúng muốn kéo dài tình trạng

lâm thời. Một tình hình không ổn định sẽ tạo ra tâm lý lo lắng trong quần chúng, chứng minh sự bất lực của nền dân chủ, mở đường cho chúng dựng nên một chế độ độc tài. Đờ Gôn lại tiếp tục lên tiếng đả kích rất mạnh bản hiến pháp mới. Ông ta cho rằng quyền của Quốc hội được quy định quá to, quyền hành chính không còn gì, những nguyên tắc tự do về khối Liên hiệp Pháp sẽ dẫn đến sự tan vỡ của đế quốc Pháp. Thậm chí, ông ta còn nói: “Nếu bản hiến pháp được thừa nhận sẽ có nội loạn ngay”. Lời đe dọa của Đờ Gôn đã có ảnh hưởng đến các tầng lớp trung gian trong dân chúng Pháp.

Đảng Cộng sản Pháp chủ trương đẩy mạnh cuộc vận động quần chúng đấu tranh duy trì và bảo vệ thể chế dân chủ.

Ngày 23-10, bản hiến pháp được đưa ra trưng cầu ý dân. Gần một phần ba cử tri không đi bỏ phiếu. Tuy vậy, bản hiến pháp đã được thông qua: chín triệu năm mươi vạn phiếu thuận trên tám triệu mười vạn phiếu chống. Lực lượng dân chủ đã thắng một keo chặt vật.

Đa số cử tri Pháp ở các thuộc địa bỏ phiếu không tán thành bản dự thảo hiến pháp. Riêng ở Đông Dương, số cử tri Pháp theo Đờ Gôn chống lại hiến pháp mới rất đông. Cả Đông Dương chỉ có một ngàn bảy trăm linh một phiếu thuận đối lại với tám ngàn ba trăm mười ba phiếu chống. Điều này đã nói lên xu hướng chính trị phản động của những người Pháp ở thuộc địa nói chung và ở Đông Dương nói riêng.

Ngày 10-11, nước Pháp mở cuộc tổng tuyển cử để bầu ra Quốc hội. Nhiệm kỳ của Quốc hội này là năm năm. Đảng Cộng sản Pháp lại dẫn đầu số phiếu, giành thêm được 24 ghế. Đảng Xã hội mất 20 ghế. Thắng lợi của Đảng Cộng sản khá rõ rệt. Nhưng sự trỗi dậy của các lực lượng phản động cũng mạnh hơn trước. Nhiều tổ chức phản động như: Cộng hòa tự do, Liên minh tả đảng (hữu)... giành được thêm khá nhiều phiếu. Các lực lượng chính trị của nước Pháp đã tập trung thành hai khối đối lập.

Trước tình hình đó, vấn đề Đông Dương không những đã không bị lu mờ đi mà còn nổi lên thành một vấn đề quan trọng hàng đầu trong chính sách của Pháp. Các lực lượng tiến bộ chủ trương phải tôn trọng nguyên tắc dân chủ và tự quyết trong mối quan hệ với các nước liên kết, phải thay đổi chính sách bạo lực, đàn áp bằng chính sách “hòa giải và hợp tác”. Các lực lượng phản động cho rằng nếu nước Pháp muốn phục hồi sức mạnh và uy tín của mình trên trường quốc tế, thì phải giữ cho được các thuộc địa; do đó, cần áp dụng một đường lối cứng rắn để duy trì quyền thống trị của Pháp tại các lãnh thổ ở hải ngoại.

Điều đáng chú ý là bọn đại tư bản và những chính khách của chúng đang nắm giữ quyền hành ở nước Pháp, hầu như không hiểu biết gì về những sự biến đổi to lớn và sâu sắc đã diễn ra tại Đông Dương mấy năm qua. Chúng vẫn còn say sưa với giấc mộng vàng đế chế. Đông Dương về đất đai tuy chỉ chiếm một phần mười sáu toàn bộ diện tích thuộc địa Pháp, nhưng lại có một dân số bằng hai

phần năm tổng số dân của tất cả các thuộc địa của Pháp. Đó là nơi hàng năm đã cung cấp cho bọn tư bản độc quyền trên một tỷ phrăng tiền lời. Từ năm 1900 đến năm 1945, số tiền lãi của Ngân hàng Đông Dương đã tăng lên gấp 33 lần. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, Đông Dương là nơi được bọn tư bản độc quyền đầu tư nhiều nhất: trên năm mươi hai tỷ phrăng.

Bọn tư bản tài phiệt tin tưởng một cách mù quáng là với sự giúp đỡ tiền bạc và vũ khí của các nước đế quốc đồng minh, chúng sẽ không gặp khó khăn gì nhiều trong việc vãn hồi lại trật tự ở Đông Dương. Thái độ của Mỹ, Anh trong vấn đề Đông Dương đang có chiều hướng thuận lợi đối với Pháp. Sau khi hất cẳng Pháp ra khỏi Xiri và Libăng, Anh đã quay lại dàn hòa với Pháp, giúp đỡ quân Pháp trong bước đầu trở lại Đông Dương. Tại Mỹ, Rudoven chết; Truman lên cầm quyền đang tìm cách vỗ về Pháp; Đờ Gôn đã được mời sang Oasinhton. Chính phủ Pháp được cử người tham dự lễ đầu hàng của Nhật Bản, và sau đó là việc Mỹ cho Pháp vay tiền. Thực ra lúc này, Mỹ đang có âm mưu tìm cách nô dịch Pháp bằng kế hoạch viện trợ kinh tế Mácsan, nhằm biến nước Pháp thành một căn cứ chống cộng ở châu Âu. Riêng về vấn đề Đông Dương, Mỹ đã nhòm ngó dải đất ở Đông Nam Á này từ lâu. Mỹ đã nhiều lần công kích chính sách của Pháp tại Đông Dương, khi thì đòi Pháp phải mở rộng quyền hạn cho các nước ở đây, khi thì đòi quốc tế hóa bán đảo này trong năm mươi năm. Các đề nghị này bị Pháp phản đối, còn Anh thì không đồng tình. Mỹ đã tính chuyện dùng

Tưởng để hất cẳng Pháp, nhưng Tưởng bất lực. Lúc này, Mỹ muốn giúp Pháp đàn áp phong trào cách mạng ở Đông Dương trong khi Mỹ cần có thời gian để chuẩn bị một âm mưu lâu dài.

Bọn đại tư bản Pháp đã ngã theo con đường lệ thuộc vào Mỹ.

Sau cuộc tổng tuyển cử, Bidôn phải trao lại quyền của nội các cho Quốc hội. Bản hiến pháp đã được thông qua đến giữa tháng 1-1947 mới bắt đầu có hiệu lực. Trong khi chờ đợi thành lập Chính phủ chính thức, Quốc hội phải cử ra một Chính phủ lâm thời để điều khiển công việc. Các đảng phái chính trị lại lao vào chuẩn bị cho cuộc tranh giành chiếc ghế Chủ tịch Chính phủ lâm thời sẽ diễn ra vào thượng tuần tháng 12.

Trung tuần tháng 11, Đácgiăngliơ về Pháp. Bản Tạm ước 14-9 được Chính phủ Pháp thông qua về mặt nào đó đã giáng một đòn khá nặng vào chính sách của bọn thực dân phản động ở Đông Dương. Chính phủ Pháp đã nhắc lại sự tôn trọng đối với tinh thần và một số điều khoản của Hiệp định sơ bộ mong 6 tháng 3. Điều này đã làm cho bọn tay sai ở Sài Gòn một lần nữa hết sức hoang mang. Những việc diễn ra liên tiếp gần đây tại chính quốc: bản hiến pháp mới được thông qua, Đảng Cộng sản Pháp dẫn đầu số phiếu trong tổng tuyển cử... đã làm cho Đácgiăngliơ và bọn phản động ở Đông Dương lo lắng. Viên cao ủy đã bàn tính kỹ lưỡng công việc với Valuy trước khi rời Sài Gòn.

Trong khi chờ chính phủ mới thành lập, Chính phủ

Bidôn tuy đã từ chức nhưng vẫn còn ở lại để giải quyết công việc hằng ngày. Viên cao ủy vẫn tìm được những chỗ dựa cũ. Đácgiăngliơ đã sớm cảm thấy cái tâm trạng lo lắng trong giới cầm quyền về sự suy yếu và vai trò mờ nhạt của Pháp trên trường quốc tế. Phụ họa với luận điệu của những thế lực phản động Pháp, viên cao ủy cố làm cho nhiều người tin rằng Việt Minh đang tìm cách để tống cổ người Pháp ra khỏi Đông Dương; chỉ có một chính sách cứng rắn mới duy trì được đế quốc Pháp; một sự nhân nhượng với cộng sản ở Đông Dương, với Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ đe dọa cả khối Liên hiệp Pháp.

Vụ xung đột ở Hải Phòng đem lại cho Đácgiăngliơ một cơ hội tốt. Hành động xâm lược của Valuy được viên cao ủy trình bày như một bằng chứng về việc người Việt Nam đang dùng sức mạnh để đẩy người Pháp đi. Các báo chí phái hữu ở Pháp lập tức làm rùm beng. Chúng la ó: Quân đội viễn chinh Pháp lại một lần nữa là nạn nhân của một âm mưu Việt Minh! Cần phải có một chính sách cứng rắn thay thế cho chính sách thỏa hiệp, chính sách rút lui...

Ngày 23-11, Hội đồng liên bộ về Đông Dương, vẫn ở dưới quyền điều khiển của Varen, được triệu tập. Sau khi nghe viên cao ủy báo cáo, hội đồng quyết định khi cần có thể dùng đến sức mạnh để đối phó với sự vi phạm các thỏa hiệp. Đácgiăngliơ lập tức đánh điện báo tin cho Valuy là đường lối chính trị cứng rắn ở Đông Dương đã được Chính phủ và tất cả các đảng phái tán thành.

XXXII

Trong cuộc chiến đấu ở Hải Phòng, chúng ta đã lấy được một bản thông tri quan trọng của địch đề ngày mồng 10-4-1946. Các viên chỉ huy quân sự của Pháp đã được lệnh ngay sau khi tới đồn trú ở một địa phương, phải hoạch định một kế hoạch an ninh bao gồm việc bảo vệ nơi đóng quân và nhất là việc di chuyển quân trong khắp thành phố. Kế hoạch ban đầu này phải được nhanh chóng bổ sung bằng sự nghiên cứu một loạt biện pháp để chuyển hình thức từ một kế hoạch tấn công thuần túy quân sự thành “dàn cảnh của một cuộc đảo chính” (*scénario de coup d'Etat*). Các viên chỉ huy quân sự đã được chỉ thị phải thu thập những tài liệu về các cơ cấu tổ chức trong thành phố, điều tra, theo dõi thật chặt chẽ những người lãnh đạo của ta từ lý lịch, thói quen đến nơi ăn chốn ở, lập ra những đội biệt kích cải trang để khi có lệnh sẽ bắt thân bắt hoặc bí mật thủ tiêu các cán bộ của ta... Bản thông tri mật này đã bộc lộ dã tâm của bọn phản động Pháp và phơi bày ra ánh sáng những hành vi đen tối của chúng từ trước đến giờ.

Với việc Valuy cho quân đánh chiếm cảng Hải Phòng,

thành phố lớn thứ hai trên miền Bắc, cuộc xâm lăng của quân Pháp đã bước sang một thời kỳ mới. Những đám mây đen báo hiệu một cuộc chiến tranh rộng lớn đã hiện ra ở chân trời. Những ngày sau đó, sự việc diễn ra dồn dập, tác động tới nhau giống như một phản ứng dây chuyền.

Các nhà viết sử sau này sẽ đi sâu vào nghiên cứu các sự kiện, phân tích đầy đủ chủ trương và hành động của quân thù, nêu rõ đường lối sáng suốt cũng như những chỉ thị cụ thể, kịp thời của Đảng ta, tinh thần yêu nước cao độ và công cuộc chuẩn bị kháng chiến rộng lớn của nhân dân và quân đội ta. Tôi không có ý định làm thay công việc của người viết sử. Tôi chỉ điểm lại những diễn biến chính mà phần đông chúng ta đã biết, trên bối cảnh đó nói lên hoạt động của Bác trong tháng 12-1946, tháng cuối cùng của giai đoạn lịch sử trọng đại này.

Bản thông điệp Moóclie trao cho ta ngày 28-11, rõ ràng mang tính chất của một tối hậu thư. Những điều kiện quân sự mà Bộ Chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp nêu lên trong đó, ta không thể nào chấp nhận. Và Moóclie đã từ chối mọi cuộc dàn xếp.

Đầu tháng 12, Xanhtony tới Hà Nội. Y đến Bắc Bộ phủ chào Chủ tịch Hồ Chí Minh. Từ ngày Xanhtony về Pháp, chức ủy viên cộng hòa tại miền Bắc luôn luôn nằm trong tay bọn võ quan. Đắcgiăngliơ không muốn dùng những người trực tiếp liên quan đến việc ký kết Hiệp định mồng 6 tháng 3. Xanhtony trở lại Đông Dương là do một quyết định của Mutê hồi tháng 11. Trước khi đến Hà Nội, y đã bị lưu lại ở Sài Gòn một thời gian.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói là chúng ta nghiêm chỉnh

thực hiện những điều đã thoả thuận trong Tạm ước 14-9. Người đòi quân đội Pháp ở Hải Phòng và Lạng Sơn phải quay về vị trí của chúng trước ngày xảy ra xung đột. Xanhtony hứa báo cáo gấp về nước và sẽ chuyển cho ta sớm những quyết định mới của Chính phủ Pháp.

Quân Pháp bắt đầu đẩy mạnh những hoạt động khiêu khích tại Hà Nội. Bọn lính lê dương mũ đỏ kéo đi hàng bày trên phố Tràng Tiền. Chúng xông vào các hiệu buôn, cướp hàng hóa. Chúng xé báo, xé ảnh trưng bày tại Nhà thông tin. Có lần chúng giật cả một lá cờ Việt Nam treo trên tường. Lính tuần cảnh Pháp phóng mô tô bừa bãi giữa các phố đông. Chúng cố tình gây ra tai nạn và khiêu khích công an giao cảnh của ta. Một chiếc xe *jeép* đang chạy, bất thần dừng lại. Bọn lính Pháp đội mũ nổi đen nhảy xuống, lôi tuột một người đi đường lên xe. Chúng cho xe chạy vụt vào thành... Những vụ bắt cóc đã chấm dứt sau khi quân Tưởng rút khỏi miền Bắc, giờ được quân Pháp diển lại. Có tên lính Pháp còn đứng trên nhà gác, chĩa súng xuống, bắn vào tàu điện đang chạy qua. Vòng xích xe bọc thép của Pháp ngày đêm nghiền mặt đường. Đường như bất cứ lúc nào cũng có thể nổ ra xung đột.

Ngày 7-12, quân Pháp ở Hải Phòng tiến hành một cuộc tiến công mới để mở đường ra Đồ Sơn. Quân ta chặn đánh kịch liệt. Cuộc tấn công thất bại.

Ngày 8, Pháp tăng quân trái phép ở Hải Dương.

Ngày 9, Pháp đổ bộ trái phép 800 lính lê dương vào Đà Nẵng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi công hàm phản đối cho Đácgiăngliơ và Chính phủ Pháp.

Ngày 12, quân Pháp tiến công bộ đội ta ở Tiên Yên và Đình Lập. Tiếng súng đã lan rộng tại vùng Đông Bắc.

Ngày 13, một tuần dương hạm lớn của Pháp cập bến Đà Nẵng.

Ngày 14, Pháp đưa thêm 400 lính lê dương vào Hải Phòng.

Ngày 15, hãng AFP báo tin nhiều binh lính Pháp ở Angiêri đang được chuyển gấp về cảng Mácxây để xuống tàu sang Đông Dương...

Đảng ta đã nhận thấy với chiều hướng phát triển của tình hình hiện nay, một cuộc chiến tranh rộng lớn là khó tránh. Trong khi vẫn hết sức tranh thủ khả năng hòa hoãn, chúng ta đồng thời đẩy mạnh công tác chuẩn bị mọi mặt đã được tiến hành từ trước cho một cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện và trường kỳ.

Ngày mồng 7-12, phóng viên báo *Pari - Sài Gòn* tới phỏng vấn Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong khi trả lời, Người đã nói: “Đồng bào tôi và tôi thành thực muốn hòa bình. Chúng tôi không muốn chiến tranh. Tôi biết là nhân dân Pháp không muốn chiến tranh... Nhưng cuộc chiến tranh ấy, nếu người ta buộc chúng tôi phải làm thì chúng tôi sẽ làm... cuộc chiến đấu sẽ khốc hại, nhưng dân tộc Việt Nam đã sẵn sàng chịu đựng tất cả, chứ không chịu mất tự do”¹.

Trên cả nước, từ Bắc chí Nam, đã dấy lên một phong trào phản đối bọn phản động Pháp gây hấn tại Sơn La, Lạng Sơn, Hải Phòng, Kiến An... Tổng bộ Việt Minh thay mặt chín triệu hội viên, gửi thư ngỏ tới Chủ tịch Hồ Chí Minh

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 526.

và Chính phủ, yêu cầu Chính phủ kiên quyết bảo vệ chủ quyền, và tuyên bố sẵn sàng đem xương máu để giữ gìn từng tấc đất của ông cha. Các đoàn thể phụ nữ, thanh niên, giáo viên... đều ra hiệu triệu kêu gọi các hội viên hăng hái góp phần cùng toàn dân phá tan âm mưu xâm lược của quân đội Pháp.

Những khẩu hiệu: “*Toàn dân kháng chiến*”, “*Trường kỳ kháng chiến*”, “*Tích cực chuẩn bị kháng chiến*”, “*Kháng chiến là sống, không kháng chiến là chết*”... xuất hiện hàng ngày trên báo *Cứu quốc*. Các ủy ban bảo vệ với thành phần quân, dân, chính được tổ chức ở các khu, tỉnh, thành phố (những ủy ban này về sau trở thành ủy ban kháng chiến). Điện văn của nhân dân từ khắp nơi tới tấp gửi về Thủ đô, bày tỏ niềm tin tuyệt đối ở Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ, nguyện chiến đấu đến cùng để bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc.

Người già và trẻ em bắt đầu rời Hà Nội và những thành phố có quân Pháp đóng, đề phòng kẻ địch bắt thân mở cuộc tiến công.

Bộ đội ta lúc này đã phát triển khá rộng lớn. Vệ quốc đoàn được củng cố, chấn chỉnh về tổ chức, biên chế để trở thành Quân đội quốc gia của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đơn vị pháo binh đầu tiên đã thành lập.

Từ trung tuần tháng 10, Đảng ta đã triệu tập Hội nghị quân sự toàn quốc. Hội nghị đã đánh giá tình hình quân sự trên cả nước, đề ra nhiều nghị quyết quan trọng nhằm nâng cao chất lượng và tăng cường sức chiến đấu của lực lượng vũ trang.

Hệ thống tổ chức đảng trong quân đội được kiện toàn.

Từ trước, Trung ương đã lập ra Quân ủy Trung ương để lãnh đạo lực lượng vũ trang. Đồng thời với việc thành lập các chiến khu, các quân khu ủy được tổ chức. Nhiều đảng viên và cán bộ của Đảng được điều thêm vào quân đội.

Chế độ đội trưởng cùng chính trị viên phụ trách đơn vị được thực hiện trong toàn quân. Ở khu có chính trị ủy viên. Từ trung đoàn đến trung đội đều có chính trị viên. Hệ thống cơ quan công tác chính trị được kiện toàn từ trên xuống dưới. Sau đó một thời gian, anh Văn Tiến Dũng đã được chỉ định phụ trách công tác chính trị trong quân đội.

Đảng ta giữ vững quyền lãnh đạo tuyệt đối các lực lượng vũ trang và thực hiện sự lãnh đạo trực tiếp đối với quân đội. Các cấp ủy ở địa phương có trách nhiệm lãnh đạo các lực lượng vũ trang địa phương.

Hàng ngũ dân quân du kích được củng cố. Số lượng dân quân du kích lúc này đã phát triển khá đông, tới gần một triệu người. Công việc xây dựng làng kháng chiến được tiến hành khẩn trương.

Bộ đội và dân quân du kích luyện tập ngày đêm, ra sức nâng cao trình độ chiến đấu, sẵn sàng ứng phó với tình thế nếu chiến tranh sớm nổ ra.

Chúng ta đã kịp thời rút kinh nghiệm những trận đánh ở Nam Bộ, đặc biệt là cuộc chiến đấu mới đây tại Hải Phòng, Lạng Sơn để vạch ra một kế hoạch kháng chiến chung và chỉ đạo việc chuẩn bị kháng chiến ở các địa phương. Chúng ta cũng đã đề ra một kế hoạch phá hoại đường sá, cầu cống, “làm vườn không nhà trống”, quyết không để cho một thứ gì lọt vào tay quân địch nếu chúng mở rộng chiến tranh.

Nhiều nhà máy, xưởng cơ khí của thực dân Pháp trước đây được chuyển thành xưởng quân giới. Với tinh thần của những người chủ mới, anh em công nhân cùng với những cán bộ kỹ thuật phần lớn xuất thân từ các trường kỹ nghệ thực hành của Pháp, hăng say lao vào việc sửa chữa các loại súng và pháo hư hỏng. Chúng ta cũng bắt đầu sản xuất một số vũ khí cần thiết cho bộ binh, đạn, lựu đạn, mìn, bom ba càng...

Theo chỉ thị của Bác, căn cứ địa Việt Bắc vẫn được tiếp tục củng cố. Nhiều nhà máy, kho tàng của ta ở thành phố được đưa dần về vùng căn cứ. Bác trao nhiệm vụ cho anh Sao Đỏ¹ trở về Việt Bắc chuẩn bị mọi mặt cho việc di chuyển các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước khi cần.

Một hôm, sau cuộc họp của Hội đồng Chính phủ, khi mọi người đã ra về, Bác hỏi tôi:

- Nếu địch mở rộng chiến tranh trên miền Bắc, Hà Nội có thể giữ được bao lâu?

Tôi thưa với Bác:

- Có thể giữ được một tháng.

Bác lại hỏi:

- Các thành phố khác thì sao?

- Các thành phố khác thì ít khó khăn hơn.

- Còn vùng nông thôn?

- Vùng nông thôn nhất định ta giữ được.

Người suy nghĩ giây lát rồi nói:

- Ta lại trở về Tân Trào.

1. Tức đồng chí Nguyễn Lương Bằng.

XXXIII

Vấn đề chiến đấu bảo vệ Thủ đô được nêu ra gấp rút từ tháng 11, khi tình hình Hải Phòng đã trở nên căng thẳng. Trung ương quyết định thành lập Đảng ủy mặt trận Hà Nội, do anh Nguyễn Văn Trân làm bí thư; ủy viên có anh Đạo, anh Tiến... Anh Trần Quốc Hoàn được cử về làm phái viên chỉ đạo và trực tiếp tham gia Đảng ủy. Khu XI, tức khu Hà Nội, được thành lập. Anh Vương Thừa Vũ được chỉ định làm chỉ huy trưởng; anh Trần Độ là chính trị ủy viên.

Lực lượng quân Pháp tại đây gồm các đơn vị lính lê dương mới từ Pháp sang, đến Hà Nội sau ngày ký Hiệp định mong 6 tháng 3, và bọn lính lê dương ở thuộc địa bị Nhật cầm tù đã được quân Đồng minh giải phóng. Trang bị của chúng gồm nhiều vũ khí hiện đại của Mỹ. Địch còn có pháo nặng, xe tăng, xe bọc thép và máy bay.

Phần lớn quân Pháp đóng tại khu thành. Ngoài ra, chúng còn đóng tại nhà thương Đồn Thủy, phủ toàn quyền cũ, trường Bưởi (nay là trường Chu Văn An) và sân bay Gia Lâm. Theo điều tra của ta thì chúng còn bố trí một số quân ở khách sạn Métropôn. Ngôi nhà này ở ngay xế cửa

Bắc Bộ phủ. Bọn lính Pháp ở đây mặc giả thường dân. Theo sự thỏa thuận giữa đôi bên, với danh nghĩa quân tiếp phòng, quân Pháp còn có những đơn vị nhỏ gác chung với bộ đội ta ở nhiều nơi xung yếu như: cầu Long Biên, nhà ga, nhà máy điện, nhà máy nước, nhà băng Đông Dương... Tất cả các gia đình Pháp kiều với tổng số khoảng tám ngàn người, ở những khu phố người Âu cũ và rải rác trong thành phố, đều được quân đội Pháp phát súng đạn.

Cách bố trí quân của Pháp không dày đặc, vòng trong vòng ngoài như quân Tưởng trước đây. Nhưng nếu không đề phòng cẩn mật, khi trở mặt, chúng có thể bất thần đánh vào các cơ quan đầu não của ta và gây thiệt hại nặng cho bộ đội. Với sức cơ động của xe tăng, xe bọc thép, chúng có thể nhanh chóng bít các đường ra vào của Thủ đô và chia cắt thành phố ra nhiều khu vực để tiêu diệt dần lực lượng đề kháng.

Lực lượng ta ở Hà Nội lúc bấy giờ bao gồm các đơn vị bộ đội, các tổ chức tự vệ chiến đấu, tự vệ thành, các đội bảo vệ mới thành lập ở khắp các khu phố.

Bộ đội ta bố trí một bộ phận ở bên trong thành phố, một bộ phận ở ngoài. Số lượng bộ đội ở trong thành phố tuy không lớn lắm nhưng là những đơn vị đã được lựa chọn, trong đó có những đơn vị đã từng tham gia kháng Nhật ở chiến khu làm nòng cốt. Các cán bộ chỉ huy tiêu đoàn đều là những người đã được thử thách trong chiến đấu. Tuy vậy, số đông các chiến sĩ là những thanh niên nhập ngũ chưa lâu.

Bộ đội ta đóng tập trung ở Bắc Bộ phủ, trại Vệ quốc

đoàn trung ương và một số trọng điểm khác; ngoài ra, còn có những đơn vị phải phân tán để bảo vệ các cơ quan nhà nước, các công xưởng và canh gác chung với quân Pháp.

Trong thời gian qua, chúng ta đã có nhiều cố gắng nhằm tăng cường trang bị cho bộ đội. Tuy nhiên, trong tình hình chung, súng đạn vẫn còn thiếu thốn. Với số pháo thu được của Pháp và của Nhật, chúng ta đã tổ chức ra những đại đội pháo binh đầu tiên. Một số pháo cao xạ 75 ly được chuyển thành pháo mặt đất. Trước ngày nổ súng, quân giới cung cấp cho bộ đội được tám chục trái bom ba càng để phá xe tăng.

Lực lượng tự vệ của ta ở Hà Nội khá mạnh, gồm tự vệ chiến đấu, tự vệ thành, khoảng tám ngàn rưỡi người. Anh em có mặt ở khắp nơi trong thành phố, rất thông thạo đường đi lối lại và các ngõ ngách. Với tinh thần yêu nước nồng nàn, những người thanh niên, thuộc mọi tầng lớp này của thành phố, ngày đêm ra sức luyện tập, có tinh thần kỷ luật và tinh thần chiến đấu cao, được trang bị phần lớn bằng vũ khí do anh em tự mua sắm hoặc chế tạo, hăng hái học hỏi, cố tìm ra những cách đánh địch có hiệu lực tốt. Từ lâu, các chiến sĩ “sao vương” đã trở thành đối thủ đáng gờm của binh lính địch.

Việc xây dựng các trận địa chiến đấu ở Hà Nội chủ yếu do tự vệ cùng với nhân dân đảm nhiệm.

Quân và dân Hà Nội được trao nhiệm vụ nếu kẻ địch làm chiến tranh bùng nổ, thì phải tiêu hao một bộ phận quan trọng quân địch, chia cắt và bao vây chúng, tìm mọi cách giam chân địch trong một thời gian nhất định, tạo điều kiện cho hậu phương hoàn thành công việc chuẩn

bị và tổ chức lực lượng chuyển vào trạng thái thời chiến. Để đạt được mục đích đó, cần phải tiêu diệt từng bộ phận địch, lợi dụng địa hình thành phố mà chặn những bước tiến của chúng, gây tổn thất cho sinh lực của chúng, đồng thời giữ gìn và phát triển lực lượng của ta, giữ vững một số khu vực và vị trí then chốt, thực hiện cho được chủ trương phối hợp tác chiến giữa các đơn vị từ ngoài đánh vào, gây cho kẻ địch thế lúng túng vì phải đối phó cả hai mặt; do đó mà kéo dài cuộc chiến đấu giam chân kẻ địch.

Một kế hoạch chiến đấu bảo vệ Hà Nội đã được vạch ra khá cụ thể.

Thành bộ Việt Minh Hoàng Diệu hiệu triệu các hội viên và toàn thể đồng bào đoàn kết chặt chẽ hơn nữa, tích cực chuẩn bị hơn nữa để sẵn sàng đứng lên khi có lệnh. Các khu phố ở nội thành, các làng xã ở ngoại thành đều họp mít tinh ra quyết nghị đòi quân Pháp phải rút về các vị trí trước ngày 20 tháng 11, yêu cầu Chính phủ kiên quyết đối phó với cuộc xâm lăng của phản động Pháp, báo cáo với Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhân dân Hà Nội đã chuẩn bị để bảo vệ từng góc phố, từng ngôi nhà của Thủ đô.

Những lời hiệu triệu và kêu gọi chuẩn bị kháng chiến của Tổng bộ Việt Minh đưa ra hằng ngày trên báo *Cứu quốc* được toàn thể đồng bào Thủ đô sôi nổi hưởng ứng. Khẩu hiệu xuất hiện trên tường, trên cửa mỗi căn nhà: "*Thà chết không làm nô lệ!*", "*Chết vinh hơn sống nhục!*"... Người đã có súng rồi cố tìm thêm cho nhiều đạn. Người

chưa có súng thì kiếm lựu đạn, rèn giáo, mác, mã tấu... Hằng ngày, đồng bào kéo đến ủy ban khu phố đông nghịt, xin ghi tên vào các đội bảo vệ, cứu thương, hỏa thực (nấu ăn). Phụ nữ cắt bỏ những chiếc áo dài tha thướt, cắt tóc ngắn, mặc quần phục vác súng, đeo gươm tham gia các cuộc tuần tra canh gác. Theo lệnh của Ủy ban tản cư, người già và trẻ em phải rời khỏi Thủ đô. Nhưng nhiều cụ già vẫn đòi ở lại. Các cụ lập thành những nhóm phụ lão, đi khắp nơi động viên con cháu chuẩn bị chiến đấu. Các bà mẹ, các chị quyên bông, vải, len, sợi may chăn, đan áo gửi tới các chiến sĩ đang sẵn sàng diệt giặc. Người chở thóc gạo, kẻ mang thuốc men tấp nập kéo đến góp vào quỹ kháng chiến.

Cuộc chuẩn bị chiến đấu tại Liên khu I, nằm tiếp giáp với nơi Pháp đóng quân, đặc biệt sôi nổi. Ngày đêm vang lên khắp nơi tiếng búa, tiếng chòong cạm kích. Những con đường mới xuất hiện trong lòng các ngôi nhà với những bức tường đục xuyên thông. Sân thượng, bao lơn, cửa sổ trở thành những vị trí bắn. Tường nhà được khoét ra làm lỗ châu mai. Nền nhà được đào lên làm hố chiến đấu và nơi ẩn nấp. Các gia đình nhắm trước những đồ đạc để khi cần là tung ngay ra mặt đường, lập thành những chiến lũy cản địch. Đồng bào trong Liên khu chuẩn bị ba tháng lương ăn. Liên khu I được phân phối một nửa tổng số vũ khí của Hà Nội.

Đầu tháng 12, các đội quân quyết tử tổ chức lễ tuyên thệ, nhận vũ khí, sẵn sàng làm nhiệm vụ. Các chiến sĩ này sẽ ôm bom ba càng lao vào phá xe tăng, xe bọc thép địch.

Cơ quan nhà nước, kho tàng, các xí nghiệp như nhà bưu điện, nhà in giấy bạc, viện bào chế trung ương, các xưởng công binh... lần lượt bí mật chuyển ra ngoài. Những bệnh viện, quân y viện cũng được đưa ra vùng chung quanh.

Tuy vậy, ta vẫn chủ trương không tạo thêm cố cho chúng vin vào đó gây chuyện với ta. Việc xây đắp các chiến lũy chỉ làm vào những ngày tình hình đã trở nên khá gay go. Ngay cả đến khi đó, chúng ta cũng chỉ mới bí những con đường ra vào ở các khu phố quân đội Pháp không cần phải qua lại. Tuy nhiên, Bộ Chỉ huy quân đội Pháp đã phản ứng mạnh khi thấy những ụ đất với những cột gỗ, những thanh sắt tua tủa dựng lên ở nhiều nơi trong thành phố. Chúng đã nhiều lần gửi công văn phản kháng. Một bữa, Moóclie gặp đồng chí Chủ tịch Ủy ban hành chính Hà Nội, y hỏi mát:

- Ông thị trưởng, có phải các ông đang xúc tiến việc sửa sang các đường phố ở Thủ đô?

Đồng chí Chủ tịch đáp:

- Vâng. Vì xe xích của các ông đi lung tung quá!

Các cây to dọc hè phố đã được khoan lỗ đặt mìn. Công nhân xe lửa và xe điện chuẩn bị sẵn những toa xe khi cần sẽ đánh đổ bí kín nốt những con đường vẫn còn để chừa cho quân Pháp qua lại.

XXXIV

Trước tình hình rất nguy hiểm do bọn phản động Pháp ở Đông Dương gây nên, Bác đã tìm mọi cách để ngăn chặn bàn tay tội ác của chúng.

Ngày 6-12, Đài Tiếng nói Việt Nam phát đi lời Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi Quốc hội Pháp. Người nhắc lại một lần nữa sự mong muốn thành thật hợp tác của nhân dân Việt Nam với nhân dân Pháp. Chủ tịch Hồ Chí Minh tố cáo một số người Pháp ở Đông Dương đang phản lại tinh thần bản Tạm ước 14-9, theo đuổi chính sách dùng vũ lực. Người kêu gọi Quốc hội và Chính phủ Pháp ra lệnh cho nhà chức trách Pháp ở Việt Nam phải rút quân về các vị trí trước ngày 20-11 để có thể thực hiện các điều khoản của bản tạm ước, tránh một cuộc đổ máu vô ích.

Một tuần đã qua, lời kêu gọi khẩn thiết của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn không được đáp lại.

Ở Pháp đang diễn ra cuộc tranh đua gay gắt giữa các đảng phái để chiếm chiếc ghế Chủ tịch Chính phủ lâm thời.

Trong cuộc bỏ phiếu lần đầu ngày 4-12, đồng chí Tô-rê, ứng cử viên của Đảng Cộng sản Pháp dẫn đầu, nhưng không trúng cử vì chưa được quá nửa số phiếu. Lần bỏ

phiếu thứ hai cũng không có ứng cử viên nào giành được đủ số phiếu cần thiết. Đảng Cộng sản Pháp không đưa người ra tranh cử nữa, nhưng tuyên bố sẽ không tham gia một chính phủ nào do Cộng hòa bình dân cầm đầu.

Đảng Xã hội đưa Lêông Blom ra ứng cử. Trước ngày bỏ phiếu, Blom phát biểu chính kiến của mình về vấn đề Đông Dương: “Chỉ có một cách duy trì nền văn minh Pháp ở Đông Dương là thỏa hiệp thành thật trên lập trường độc lập với nhân dân Đông Dương (...), quyền định đoạt về vấn đề Việt Nam không phải ở các quân nhân và kiều dân Pháp ở Việt Nam mà phải ở trong tay Chính phủ Pari”. Ông Blom đòi Chính phủ Pháp phải được thành lập ngay để giải quyết vấn đề Việt Nam, Đảng Cộng sản Pháp tuyên bố: “Chúng tôi sẽ bỏ phiếu cho ông Blom nhưng không phải là sau này thái độ của chúng tôi nhất định là tán thành ông Blom”.

Ngày 13-12, Quốc hội Pháp bỏ phiếu lần thứ ba. Blom thắng cử, nhưng chỉ hơn Suman, ứng cử viên của Cộng hòa bình dân do bọn đại tư bản đưa ra, bảy phiếu.

Ngày 15, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi một bức thông điệp cho Chủ tịch mới của Chính phủ Pháp. Người nhắc lại lập trường cơ bản của chúng ta và đề ra một số điều cụ thể để giải quyết tình hình bế tắc trước mắt:

- Phía Việt Nam: Đưa dân chúng tản cư trở lại các thành phố, ngừng tiến hành những biện pháp phòng ngừa tự vệ, khôi phục lại tình trạng bình thường trên các trục đường giao thông Hà Nội - Hải Phòng và Hà Nội - Lạng Sơn.

- Phía Pháp: Đưa quân đội Pháp trở về những vị trí cũ trước ngày 20 tháng 11 tại Hải Phòng và Lạng Sơn, rút những viện binh đổ bộ trái phép vào Đà Nẵng, đình chỉ càn quét, khủng bố tại Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ.

- Cả đôi bên: Lập ngay những ủy ban đã dự kiến để thi hành tạm ước, ngừng công kích nhau trên đài và trên báo chí...

Nhưng bức điện này cũng như tất cả những bức điện khác của Người gửi Chính phủ Pháp đều bị Bộ chỉ huy quân đội viễn chinh giữ lại ở Sài Gòn một thời gian. Nó chỉ được chuyển về Pari mười một ngày sau, khi chiến tranh đã lan rộng.

Lêông Blom sẽ làm ăn ra sao để thực hiện những lời tuyên bố của mình về vấn đề Đông Dương?

Ngay sau khi Blom vừa trúng cử, một tờ báo phái hữu ở Pháp đã viết: “Thực tế sẽ vượt qua lý thuyết và ông Lêông Blom khi nắm quyền, sẽ không dám bỏ rơi Đông Dương cũng như Clêmăngxô mới lên cầm quyền cũng không dám bỏ rơi Maroc, trái với lý tưởng mà ông ta đã có”. Chúng ta cũng chẳng trông chờ gì ở Blom. Đảng Xã hội của ông ta đang ở trên đường đi ngược lại quyền lợi của người lao động Pháp... Blom tuy đôi lúc đã nói những lời tương đối tiến bộ đối với chính sách thuộc địa nhưng lại là một người *ra mắt* chống Đảng Cộng sản. Nửa năm trước đây, chính Blom đã được bọn đại tư bản cử đi Mỹ đàm phán để vay tiền.

Blom vấp phải sự phản đối từ nhiều phía trong việc thành lập Chính phủ mới. Đảng Cộng sản yêu cầu một số

điều chỉnh trong chương trình của ông ta. Các đảng phái hữu đòi ông ta phải có một đường lối chính trị cứng rắn đối với vấn đề khối Liên hiệp Pháp. Dự kiến phân chia các bộ của Blom bị Cộng hòa bình dân bác bỏ.

Sáng ngày 17, Blom đưa ra thông qua trước Quốc hội một Chính phủ với toàn bộ thành phần là người của Đảng Xã hội. Mutê vẫn giữ Bộ nước Pháp ở hải ngoại. Lần đầu tiên từ ngày Đờ Gôn tổ chức tuyển cử đến giờ, Đảng Cộng sản không có chân trong Chính phủ, mặc dù trong cuộc tổng tuyển cử vừa rồi, Đảng Cộng sản đã giành được số ghế nhiều nhất so với các chính đảng khác tại Quốc hội. Phải chăng những dư luận về chuyện mặc cả hồi tháng 3 giữa Blom với Mỹ không phải là không có căn cứ.

Có tin Đácgiăngliơ đã rời Pari để trở lại Sài Gòn. Y vẫn tiếp tục được trao nhiệm vụ làm cao ủy tại Đông Dương. Mutê tuyên bố: “Tôi có cảm giác là chưa bao giờ do đốc Đácgiăngliơ tỏ dấu hiệu bất đồng với tôi về chính sách mà chúng tôi vẫn thi hành để giải quyết vấn đề này...”.

Cái chính sách mà Mutê đã nói, một lần nữa được Đácgiăngliơ khẳng định lại trước đông đảo các nhà báo: “Phải cho dân Đông Dương biết rằng nước Pháp muốn có mặt ở Đông Dương. Nếu nước Pháp lưỡng lự hay trù trù thì sẽ mất lòng tin ấy. Chúng ta phải đánh dấu ý muốn bằng cách duy trì lực lượng của ta ở đó”. Viên cao ủy đã nhắc đến chủ trương “biểu dương lực lượng” của Lyôtây, một viên tướng của thực dân Pháp khét tiếng tàn bạo trong cuộc chiến tranh xâm lược ở Maroc.

Vẫn là những con người cũ và những chính sách cũ.

XXXV

Từ trung tuần tháng 12, sự khiêu khích của quân Pháp ở Hà Nội chuyển sang một bước mới.

Ngày 15-12, quân Pháp nổ súng ở nhiều nơi trong thành phố. Chúng bắn vào các chiến sĩ công an quận Tám tại vườn hoa Hàng Đậu. Chúng ném lựu đạn làm bị thương hai chiến sĩ Vệ quốc đoàn ở phố Hàm Long. Chúng khiêu khích anh em tự vệ ở phố Trần Quốc Toản, và cướp một chiếc xe tay ở đây mang về nhà thương Đồn Thủy.

Sáng ngày 17, máy bay thám thính của Pháp lượn suốt buổi trên bầu trời Hà Nội.

Mười giờ sáng, lần đầu, quân đội Pháp cho xe bọc thép tới phá những công sự của ta tại phố Lò Đúc. Chúng khuân những cột gỗ lên xe đưa đi. Người của Ty liên kiểm đến can thiệp. Lính Pháp trả lời chúng thi hành lệnh của cấp trên.

Cùng thời gian đó, tại đầu phố Hàng Bún, một chiếc xe nhà binh thả xuống một toán lính lê dương. Bọn này nhảy lên ụ đất, xả súng bắn vào đồng bào. Tự vệ của ta đánh trả. Lính Pháp kéo tới đông thêm, ùa vào những nhà dân, tàn sát đàn bà trẻ em. Hàng chục người chết và bị thương.

Có người bị lính Pháp dùng dao găm cửa cổ rồi để nằm thoi thóp trên vũng máu. Chúng bắt một số đàn bà đưa đi. Lát sau, những toán lê dương lại kéo tới phố Yên Ninh ở gần đó. Chúng lùng sục các nhà dân, bắn chết và làm bị thương thêm nhiều đồng bào.

Buổi trưa, Pháp dàn quân từ cổng thành đến cầu Long Biên. Chúng cho quân bao vây đồn công an quận Hai.

Tại nhà máy điện Yên Phụ, nơi một tổ canh gác hỗn hợp vừa được tổ chức cách đây vài ngày, một lính Pháp bắt thần quay súng bắn chết đồng chí bộ đội cùng đứng làm nhiệm vụ. Tất cả công nhân trong nhà máy lập tức rầm rộ biểu tình lên án hành động của quân Pháp.

Buổi chiều, quân Pháp bắn nhiều phát súng cối vào phố Hàng Bún. Bọn lính lê dương kéo đi từng toán trên đường phố, đập phá cửa kính nhiều ngôi nhà.

Bộ đội và các chiến sĩ tự vệ nghiêm chỉnh chấp hành lệnh chưa nổ súng. Anh em tiếp tục đắp thêm những vị trí phòng thủ, bình tĩnh theo dõi mọi hoạt động của địch.

Sau này, chúng ta được biết trong ngày 17, Valuy đột ngột từ Sài Gòn ra Hải Phòng gặp Đépbr. Mooclie và Xanhtony cũng được gọi xuống đó để nhận những chỉ thị mới.

Sáng ngày 18, cả buổi sáng, thành phố có vẻ yên tĩnh. Nhưng cán bộ của ta làm việc tại Ty liên kiểm Hà Nội không bị bận rộn vì những hồi chuông điện thoại khẩn cấp từ các nơi gọi về như ngày hôm trước. Cuối giờ làm việc, tổng viên đại úy Đờ Satiông, Trưởng ty liên kiểm của Pháp chuyển cho ta một lá thư. Lời lẽ trong thư như sau:

“Bộ Chỉ huy quân đội Pháp ở đây sẽ bắt buộc phải

dùng những phương tiện để bảo đảm sự an toàn của quân đội, của thường dân Pháp và của ngoại kiều. Vì vậy, Bộ Chỉ huy Pháp sẽ đem quân đến đóng ở Sở Tài chính và nhà viên giám đốc giao thông ở đường Pátkiê”¹.

“Những thứ gì có thể làm cản trở sự đi lại của quân đội Pháp sẽ phải phá hủy nếu không thì quân đội Pháp, sẽ tự phá lấy”.

Đây là bức tối hậu thư thứ nhất của quân Pháp ở Hà Nội.

Hai giờ sau, ngay giữa trưa, những xe ô tô chở binh lính Pháp có nhiều xe tăng và xe bọc thép đi kèm, kéo ra nhiều phố gần khu thành. Chúng bao vây khu Hồng Hà, Cửa Đông và phố Hàng Chiếu. Chúng dùng xe bọc thép phá chiến lũy và những hầm hố của ta ở phố Hàng Bún.

Buổi chiều vào cuối giờ làm việc, liên kiểm Pháp chuyển cho ta lá tối hậu thư thứ hai của Bộ Chỉ huy quân đội Pháp:

“Trong ngày 18 tháng 12 năm 1946, công an thành phố Hà Nội đã không làm tròn nhiệm vụ. Nếu tình trạng đó kéo dài thì quân đội Pháp sẽ tự mình đảm nhiệm việc trị an ở Hà Nội chậm nhất là vào sáng 20 tháng 12 năm 1946”.

Liên kiểm ta lập tức trả lời:

“Cái có bảo rằng công an Việt Nam không làm tròn nhiệm vụ là hoàn toàn vu khống. Quân đội Pháp không thể vin vào có ấy để phạm đến quyền trị an của chúng tôi, quyền tối cao của nước Việt Nam tự do”.

1. Tên đặt từ thời Pháp thuộc. Nay là đường Điện Biên Phủ.

Cũng vào những ngày đó, trong lúc máy bay trinh sát địch bắt đầu bay lượn trên bầu trời Hà Nội, tại một làng nằm bên một con sông nhỏ thuộc tỉnh Hà Đông, Trung ương Đảng ta đã có một cuộc hội nghị quan trọng để đánh giá tình hình và đề ra chủ trương mới.

Trước khi vào cuộc họp, Bác hỏi chúng tôi:

- Tình hình mùa màng năm nay ra sao? Dân có đói không?

Các anh đáp:

- Năm nay mưa nắng thuận, nhiều nơi được mùa lớn.

Dân no hơn năm ngoái.

Người có vẻ vui, hỏi tiếp:

- Nếu chiến tranh nổ ra, các chiến sĩ có đủ gạo ăn không?

- Các huyện quanh Hà Nội và các tỉnh đều đã lập kho lương thực để cung cấp cho bộ đội. Các làng đều có ủy ban tiếp tế.

- Công tác phá hoại giao thông đã làm đến đâu?

- Các đường lớn quanh Hà Nội đều được phá hoại, cơ giới của địch không thể đi được. Riêng những đường đê ta không phá mà chỉ đắp ụ nên phải có thêm thời gian.

Sau khi phân tích tình hình mọi mặt, Người nhận định:

- Âm mưu của Pháp mở rộng chiến tranh nay đã chuyển sang một bước mới. Thời kỳ hòa hoãn đã qua. Chúng ta đã nhân nhượng nhưng càng nhân nhượng thì kẻ địch càng lấn tới. Nhân dân ta không thể trở lại cuộc đời nô lệ một lần nữa. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta sẽ trường kỳ và gian khổ song nhất định sẽ thắng lợi...

Sáng sớm ngày 19, chúng ta nhận được một tối hậu thư nữa của Bộ Chỉ huy quân đội Pháp, bức tối hậu thư thứ ba trong vòng hai ngày. Những yêu cầu chúng đặt ra cho ta

là: - Phải tước vũ khí của tự vệ tại Hà Nội; - Phải đình chỉ mọi hoạt động chuẩn bị kháng chiến; - Phải trao cho quân đội Pháp việc duy trì an ninh trong thành phố.

So với những điều mà chúng đã nêu với chúng ta chiều hôm trước, quân Pháp đã tiến thêm một bước: đòi tước vũ khí lực lượng tự vệ của ta.

Những gì đã xảy ra ở Hải Phòng hồi hạ tuần tháng 11 đang diễn lại ở đây. Tại Hải Phòng, Đépơ cũng nêu ra cho ta một số điều kiện mà chúng biết là ta không thể nào chấp nhận được trước khi chúng mở cuộc tiến công chiếm đoạt thành phố.

Chủ tịch Hồ Chí Minh viết cho ủy viên Cộng hòa Pháp tại miền Bắc Đông Dương một lá thư ngắn:

“Những ngày vừa qua tình hình trở nên căng thẳng hơn. Thực là rất đáng tiếc. Trong khi chờ đợi quyết định của Pari, tôi mong rằng ông sẽ cùng ông Giám tìm một giải pháp để cải thiện bầu không khí hiện tại”.

Bác trao thư này cho anh Hoàng Minh Giám. Liên kiểm ta báo với liên kiểm Pháp: anh Giám yêu cầu gặp ủy viên Cộng hòa Pháp ngay chiều hôm đó. Xanhtony khước từ, nói phải đợi đến ngày hôm sau.

Ngày hôm sau, 20 tháng 12, là ngày Moóclie đã tuyên bố quân đội Pháp sẽ “hành động” nếu ta chưa trao quyền trị an cho chúng. Phải chăng là Pháp muốn từ chối mọi việc dàn xếp? Trong một bài trả lời phỏng vấn của báo *Pari - Sài Gòn* cách đó ít hôm, ủy viên Cộng hòa Pháp đã nói là Pháp đứng trên thế mạnh và sẽ bình tĩnh chờ đợi với cái thế của những kẻ mạnh. Từ nửa tháng nay, toàn thể binh lính

Pháp, trừ những tên được tung ra các phố để phá phách, khiêu khích, đều được lệnh cấm trại. Thời gian đang trôi đi rất nhanh. Chúng sẽ bắt đầu vào lúc nào? Ngày mai - hay sớm hơn nữa?

Chiều ngày 19, tôi cùng anh Trần Quốc Hoàn và anh Vương Thừa Vũ đi thăm bộ đội và nhân dân chuẩn bị chiến đấu.

Đọc phố Ô Chợ Dừa, nhiều nhà cửa đóng kín. Tàu điện vẫn chạy. Những toa tàu từ phía Hà Đông chạy về, khách vắng tanh. Một số cụ già và em nhỏ tiếp tục rời Hà Nội bằng xe tay. Trên xe, những gói quần áo, chăn màn chất đống trước, sau. Những người đi tản cư kia chắc không mấy ai nghĩ còn phải nhiều năm họ mới trở lại những đường phố thân yêu này. Máy anh tự vệ, người đeo trên vai một khẩu súng bắn chim, người giắt ở thắt lưng một trái lựu đạn lọ mực, đang đi kiểm tra lại những lỗ đặt mìn đục ở các thân cây.

Đến đầu Ô, chúng tôi phải trèo qua một ụ đất khá cao để vào trong phố Khâm Thiên. Khác với phố Ô Chợ Dừa vắng vẻ, đường phố Khâm Thiên đông vui tấp nập. Những nhóm tự vệ có xen một, hai đồng chí Vệ quốc quân, mũ calô gắn sao vàng, vừa đi vừa trao đổi. Từ trong ngõ, những chiếc xe bò chở đất đang tiếp tục được đẩy ra. Thanh niên trai, gái vừa đẩy xe vừa vui vẻ la hét mọi người tránh đường. Một số ngôi nhà ăn, giải khát vẫn còn mở cửa.

Chiến lũy ở đầu phố Khâm Thiên, phía nhà ga, rất nhộn nhịp. Thành đất đắp cao. Những thanh đường sắt đâm tua tua về phía trước. Hai anh tự vệ cầm súng đứng gác

trong công sự. Nhà dậu Sen ở trước mặt họ mấy chục mét, có quân Pháp đóng. Không xa đó là nhà ga, cũng có bọn Pháp. Các chiến sĩ tự vệ đóng những cọc gỗ và tiếp tục đắp đất vào chiến lũy. Những chị phụ nữ gánh đất và khuân thêm những phiến tà vẹt đến. Một tổ úy lạc đang hát để động viên họ. Từ phía nhà ga, thỉnh thoảng lại vọng đến tiếng rú của xe bọc thép.

Chúng tôi đến xem những vị trí bắn, rồi hỏi chuyện các đồng chí tự vệ. Anh em vui vẻ kể lại trưa nay, một chiếc háp trác của Pháp đến đây. Khi tên lái xe nhìn thấy những chiếc nôi đất úp trước chiến lũy của ta, nó đã phải cho xe lùi lại.

Lớp người trẻ tuổi này đang khẩn trương chuẩn bị cho một cuộc chiến đấu quyết liệt với kẻ thù, còn rất xa lạ với chiến tranh. Nhưng qua câu chuyện với anh em, tôi đã thấy mọi người đang đón nó với niềm lạc quan, tin tưởng. Họ chưa biết những gì sẽ đến với họ ngày mai. Nhưng nhìn vẻ mặt của họ, ta biết rồi đây họ sẽ vượt qua mọi thử thách.

Hoàng hôn xuống nhanh. Các đường phố im ắng lạ thường. Trời rét khô. Những ngôi nhà như thu mình lại đứng sưởi ấm dưới ánh điện màu vàng nhạt.

Bên ngoài, thành phố như có vẻ ngại tiết trời giá lạnh, đi ngủ sớm. Nhưng bên trong đang dấy lên những đợt sóng ngầm. Các chiến sĩ đều có mặt tại chiến lũy. Có tin báo cáo về, ở các tiệm ăn uống, giải khát và trên khắp các đường phố, đều không còn bóng một tên lính Pháp. Những xe bọc thép của địch đã tiến ra đứng chặn ở một số ngã đường...

XXXVI

Một tối mùa đông, *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ngày 19-12-1946 được Đài Tiếng nói Việt Nam truyền đi từ một địa điểm tạm thời, cách Hà Nội không xa, trên đường di chuyển về khu căn cứ.

“Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa.

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.

Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!

Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước.

Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!

Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!

Kháng chiến thắng lợi muôn năm!”¹.

Từ đêm hôm trước, đêm 19 tháng 12 lịch sử, chiến tranh đã lan rộng ra cả nước ta. Hơn một năm sau ngày Nam Bộ đứng lên kháng chiến, tiếp theo các cuộc chiến đấu của quân và dân ta ở Sơn La, Lạng Sơn, ở thành phố Cảng Hải Phòng, nay đến lượt quân và dân ta ở Hà Nội nổ súng đánh quân xâm lược. Nam Định, Hải Dương, Bắc Ninh, Bắc Giang, Huế, Đà Nẵng... cũng đã vùng dậy chiến đấu cứu nước diệt thù.

Cuộc kháng chiến toàn quốc đã bùng nổ.

*

* *

Ngày nay, tại Viện bảo tàng Cách mạng Việt Nam, chúng ta có thể đọc một bản bút tích của Chủ tịch Hồ Chí Minh với tiêu đề “*Công việc khẩn cấp bây giờ*” có ghi ngày mồng 5-11-1946. Với bản tài liệu quý giá này, chúng ta có thể biết, ngay sau khi ở Pháp trở về nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thấy nhân dân ta rất khó tránh một cuộc chiến tranh rộng lớn do đế quốc Pháp gây ra. Người đã tự tay vạch ra những điều cơ bản để đối phó với tình hình có

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 534.

thể đột biến, một kế hoạch vừa kháng chiến vừa kiến quốc.

Về cuộc trường kỳ kháng chiến, Người đã viết:

“Ta phải hiểu và phải cho dân hiểu rằng: Cuộc kháng chiến sẽ rất gay go cực khổ.

Dù địch thua đến 99%, nó cũng rán sức cắn lại. Vì nó thất bại ở Việt Nam, thì toàn bộ cơ nghiệp đế quốc nó sẽ tan hoang.

...

Khi chỉ có hai bàn tay trắng, với một số đồng chí bí mật, leo lói trong rừng, ta còn gây nên cơ sở kháng Nhật, kháng Pháp. Huống gì bây giờ, ta có quân đội, có nhân dân. Nam Bộ, địa thế khó, chuẩn bị kém, mà kháng chiến đã hơn một năm. Ta địa thế tốt, lực lượng nhiều hơn, nhất định kháng chiến được mấy năm, đến thắng lợi”¹.

*

* *

“Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới...”. Tất cả những cố gắng của Người cho đến những giờ phút cuối cùng, đã không ngăn chặn được bàn tay tội ác của kẻ thù. Ngọn lửa chiến tranh xâm lược đã lan rộng khắp đất nước ta.

“Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 484-485.

Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!...”.

Mùa đông năm ấy, năm mươi sáu tuổi, với cây gậy trúc và đôi dép cao su, Người lên đường đi kháng chiến, cuộc kháng chiến thần thánh lần thứ nhất.

“Cố rán sức qua khỏi mùa đông lạnh lẽo, thì ta sẽ gặp mùa xuân”¹.

Cả dân tộc ta đã đứng lên theo tiếng gọi của Người với một quyết tâm lớn, một khí thế mạnh, một tinh thần diệt thù cứu nước, hy sinh dũng cảm tuyệt vời, lập nên những chiến công lớn ngay trong những ngày mùa đông giá lạnh đầu tiên của cuộc kháng chiến toàn quốc.

Từ đó, dưới ngọn cờ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng, dân tộc ta đã vượt qua muôn vàn gian khổ trong suốt ba ngàn ngày đêm chiến đấu, càng đánh càng mạnh, càng thắng, tiến lên mãi trên con đường dẫn tới một mùa xuân của dân tộc, tới chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 4, tr. 484.

XXXVII

Tập bút ký này được viết từ mùa Xuân năm 1970, không lâu sau ngày Bác Hồ qua đời. Tôi đã không có điều kiện để hoàn thành sớm hơn.

Với những tư liệu thu thập được và sự đóng góp nhiệt tình của nhiều đồng chí, tôi đã cùng bạn đọc ôn lại những hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong một thời kỳ lịch sử, tuy ngắn nhưng rất quan trọng của cách mạng ta.

Những năm đầu của thế kỷ XX, người con ưu tú của dân tộc Việt Nam mang trái tim nồng cháy đi giữa đêm dày của chủ nghĩa đế quốc, tìm con đường cứu nước cứu giống nòi, đã nhìn thấy ánh sáng của vùng đông ở chân trời. Kỷ nguyên mới của loài người đã bắt đầu với Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại. Nguyễn Ái Quốc là người dân thuộc địa đã sớm tìm ra con đường cứu nước trong thời đại mới là con đường cách mạng vô sản, con đường của chủ nghĩa Lênin.

Hơn bốn chục năm đấu tranh cách mạng của ta đã chứng tỏ “Đường cách mệnh” Người đã lựa chọn cho dân tộc là con đường duy nhất đúng đắn để giành độc lập, tự do, hạnh phúc thực sự. Đó cũng là con đường giải phóng của biết bao dân tộc đang còn sống đọa đày dưới ách thực dân, đế quốc.

Bác Hồ là nhà yêu nước vĩ đại. Tình yêu nước thương nòi của Người sâu sắc, bao la, không thể lấy gì so sánh được. Bác đã cống hiến trọn cuộc đời mình cho sự nghiệp cứu nước, cứu dân.

Bác Hồ là Người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Tình yêu thương đồng bào của Bác gắn liền với tình yêu thương những người lao động, những người nghèo khổ. Sự nghiệp giải phóng dân tộc ở Bác không tách rời sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng loài người đang còn rên xiết vì những nỗi bất công trong một xã hội còn bóc lột, áp bức.

Bác Hồ là lãnh tụ của Đảng ta, của nhân dân ta. Những hoạt động cách mạng của Người trong sáu mươi năm đã chứng tỏ Bác là nhà chiến lược vô cùng sáng suốt, là con người của những bước ngoặt vĩ đại. Những quyết định của Người và của Đảng có tầm quan trọng lịch sử về chính trị cũng như về quân sự, đã đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác ngày càng to lớn, rực rỡ hơn.

Những cuộc tấn công vũ bão của Hồng quân Liên Xô, trên đường đuổi đánh bọn phát xít Đức đến tận sào huyệt cuối cùng của chúng, đã tạo điều kiện cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở nhiều nước Đông Âu khởi nghĩa giành chính quyền. Bọn đế quốc điên cuồng lên trước sự xuất hiện của hệ thống xã hội chủ nghĩa rộng lớn, trước bước phát triển của trào lưu cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chúng đã tính đến chuyện trang bị lại những đạo

quân phát xít bại trận, chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh thế giới mới nhằm tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản. Chiến tranh lạnh của phương Tây với phương Đông bắt đầu.

Vào lúc đó, Đảng ta mới mười lăm tuổi, với năm ngàn đảng viên, đã lãnh đạo toàn dân làm Cách mạng Tháng Tám thắng lợi, giành lấy chính quyền từ bọn phát xít Nhật và lũ tay sai, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á.

Lá cờ đỏ giải phóng dân tộc tung bay trên nước Việt Nam giải phóng, hiên ngang xuất hiện giữa vùng đất cấm mênh mông của chủ nghĩa đế quốc, trước đó còn chưa ai có thể xâm phạm. Cách mạng Việt Nam đã báo hiệu với năm châu sự sụp đổ của hệ thống thuộc địa, sự phát triển mới của dòng thác cách mạng giải phóng dân tộc. Đây không những là một sự thách thức mà còn là một mối đe dọa đối với chủ nghĩa đế quốc.

Những đạo quân đủ mọi màu da, những kẻ thù của độc lập, tự do của dân tộc cùng một lúc ùn ùn kéo tới, có mặt trên khắp đất nước ta. Mười tám vạn quân Tưởng, những tên lính chống cộng hèn hạ nhất, đóng dày đặc tại Thủ đô ta và các thành phố lớn, nhỏ trên miền Bắc. Chúng đã chuẩn bị cả một lũ tay sai nguy hiểm, rắp tâm lật đổ chính quyền cách mạng đang còn non trẻ. Đạo quân viễn chinh Pháp được đế quốc Mỹ trang bị, đế quốc Anh mở đường, bắt đầu cuộc xâm lăng, mưu chiếm lại miền Nam bằng một cuộc tấn công chớp nhoáng. Sáu vạn quân phát xít Nhật hung bạo, đã từng lật đổ chính quyền của thực

dân Pháp trên bán đảo này trong một đêm, vẫn còn nằm rải suốt từ Bắc chí Nam.

Có lẽ chưa bao giờ lời nói của Lênin có ý nghĩa như lúc này: “Giành chính quyền đã khó nhưng giữ chính quyền còn khó hơn”.

Vận mệnh của Tổ quốc từng ngày từng giờ bị đe dọa, có lúc như ngàn cân treo sợi tóc. Chỉ cần thiếu tỉnh táo một chút, chỉ cần chần chừ trong giây lát, cách mạng sẽ khó vượt qua được những giờ phút cực kỳ khó khăn. Đây chính là lúc mà tình thế đòi hỏi một sự lãnh đạo hết sức sáng suốt và vô cùng nhạy bén:

“Tấn công, thoái thủ nên thần tốc

Chân lẹ, tài cao ắt thắng người”¹.

Có Đảng, có Bác Hồ bấy giờ là một hồng phúc cho nhân dân ta, cách mạng ta.

Đường lối chính trị của Đảng và của Bác vừa cứng rắn về nguyên tắc vừa mềm dẻo về sách lược đã được thực tiễn lịch sử chứng minh là vô cùng đúng đắn. Đúng như đồng chí Lê Duẩn đã nói: “Lúc thì tạm hòa hoãn với Tưởng để rảnh tay đối phó với thực dân Pháp, lúc thì tạm hòa hoãn với Pháp để đuổi cổ quân Tưởng và quét sạch bọn phản động tay sai của Tưởng, giành thời gian củng cố lực lượng, chuẩn bị toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, điều mà Đảng đã biết chắc là không thể nào tránh khỏi. Những biện pháp cực kỳ sáng suốt đó đã được ghi vào lịch sử cách mạng nước ta như một mẫu

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 3, tr. 326.

mục tuyệt vời của sách lược Lêninnít về lợi dụng những mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ địch và về sự nhân nhượng có nguyên tắc”¹.

Nếu chế độ sở hữu của giai cấp tư sản đã có lúc “biến chúng từ chỗ là những bạn đồng minh trở thành những con dã thú đối với nhau”² thì ở đây, người cộng sản Hồ Chí Minh với trí tuệ của chủ nghĩa Mác - Lênin, với đạo đức, tác phong cao thượng đã làm cho những con thú hết sức hung dữ, độc ác có lúc trở thành những con vật có thể ở chung với người, và đôi khi sử dụng được chúng vào những việc đem lại lợi ích cho cách mạng. Do đó, Người đã bảo vệ được nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới sinh giữa bầy sói dữ, qua khỏi được thời kỳ trứng nước.

Nhờ có sự lãnh đạo của Đảng và của Người, cách mạng Việt Nam đã đứng vững trước những thử thách hiểm nghèo buổi đầu, tiến lên hoàn thành những nhiệm vụ trọng đại mà lịch sử đã trao cho nhân dân ta.

*

* *

Bọn đế quốc và những kẻ đại diện quyền lợi cho chúng ở chính quốc cũng như ở thuộc địa đã không muốn nhận thấy mà cũng không thể nhận thấy được những đổi thay tận gốc trên bán đảo này trong những năm Chiến tranh thế giới thứ hai.

1. Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975, tr. 33.

2. Trích bài của nhà văn Thụy Điển Phôn-xơ.

Đờ Gôn tưởng là đã “ban rất nhiều ơn mưa móc” cho nhân dân các nước Đông Dương với bản Tuyên ngôn ngày 24 tháng 3 năm 1945. Số đông chính khách, tướng lĩnh tư sản Pháp tin là có thể dùng sức mạnh quân sự để lập lại nền thống trị của chúng ở Đông Dương, chúng chủ trương cứu vãn địa vị suy yếu của Pháp trên trường quốc tế bằng cách cố duy trì các thuộc địa. Trong khi đông đảo nhân dân Pháp lên án chủ nghĩa thực dân, ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất chính đáng của nhân dân ta, thì trong hàng ngũ của bọn thực dân, những kẻ nhìn ra được phần nào tình hình mới ở đây, chủ trương bảo vệ quyền lợi của chúng bằng một cách khác, như Lơcléc, khi đó còn rất hiếm. Chỉ đến lúc đội quân viễn chinh Pháp đã hoàn toàn thất trận, Đờ Gôn mới chịu thú nhận là đối với vấn đề Đông Dương, trước đây, ông ta đã lầm.

Chủ nghĩa đế quốc tham lam, tàn bạo và mù quáng đã trở thành một vết nhơ mà loài người cần rửa sạch. Toàn thể dân tộc Việt Nam ta muôn người như một, quyết không để cho kẻ thù cướp nước ta một lần nữa. Mùa đông năm đó, Người đã nói lên nguyện vọng sâu xa và cũng là ý chí của cả dân tộc:

“Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!”.

Cuộc chiến đấu mà kẻ thù buộc chúng ta phải chấp

nhận cũng là cuộc chiến đấu đào mồ chôn chúng. Bài học thật đích đáng đã đến với đế quốc Pháp tám năm sau đó ở Điện Biên Phủ. Chúng ta đã chứng minh một chân lý mới của thời đại mới: “Một dân tộc dù nhỏ bé, khi đã có một đường lối đúng, quyết tâm cầm vũ khí đứng lên đánh trả bọn xâm lược, hoàn toàn có khả năng đánh bại cả những tên đế quốc hùng mạnh”.

Người thương lượng với nhà cầm quyền Pháp mùa thu năm 1946 tại Pari, đã trở thành “Người đánh đấm chủ nghĩa thực dân Pháp”.

Với chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, nhân dân ta đã giành lại được nửa nước. Miền Bắc giải phóng vững bước tiến lên trên con đường của chủ nghĩa xã hội, làm thành trì vững chắc của sự nghiệp cách mạng cả nước.

Đế quốc Pháp già nua bị loại ra ngoài vòng chiến. Giờ cáo chung của chủ nghĩa thực dân cũ đã điểm. Những trận đánh lâu dài và gian khổ giữa nhân dân ta với chủ nghĩa đế quốc chưa kết thúc. Đế quốc Mỹ, tên đế quốc đầu sỏ, vẫn quyết bám lấy miền Nam đất nước ta. Với tiềm lực kinh tế và quân sự khổng lồ, chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ, gian ngoan hơn và cũng bội phần tàn bạo hơn, còn chưa rút ra được bài học cần thiết. Cuộc chiến tranh trên bán đảo này bắt đầu bằng những loạt súng của bọn binh lính Pháp được quân đội Anh đưa ra khỏi các nhà tù của Nhật ở Sài Gòn, đã không chấm dứt với thất bại nhục nhã của quân đội viễn chinh Pháp; nó vẫn còn tiếp diễn trên một nửa đất nước của ta, và ngày nay, đã trở thành cuộc chiến tranh lớn nhất, quyết liệt nhất, kéo dài nhất kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Để thực hiện chiến lược toàn cầu của chúng, đế quốc Mỹ đã huy động cho cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam nước ta trên một triệu rưỡi quân Mỹ, chũm hầu và tay sai. Chúng muốn dập tắt phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ngày càng sôi sục ở đây, đang thổi luồng gió mạnh vào ngọn lửa đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân dã bùng cháy ở khắp nơi, đe dọa làm sụp đổ toàn bộ cơ đồ của bọn đế quốc. Chúng đã huy động tới đây những phương tiện giết người hiện đại nhất của thế giới phương Tây. Chúng đã trút xuống bán đảo này một số lượng bom đạn lớn hơn số bom đạn chúng đã ném xuống các chiến trường trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Những tên rợ "hung nô" của thế kỷ này đã tiến hành trên đất nước ta một cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo nhất trong lịch sử loài người.

Lời hịch chống Mỹ của Chủ tịch Hồ Chí Minh lại vang dậy núi sông: "Chúng có thể đưa 50 vạn quân, 1 triệu quân hoặc nhiều hơn nữa để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam. Chúng có thể dùng hàng nghìn máy bay, tăng cường đánh phá miền Bắc... Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do..."¹.

Đáp lại lời kêu gọi của Người và của Đảng, toàn quân và dân ta không sợ gian khổ, không ngại hy sinh, nêu cao

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 131.

tinh thần chiến đấu anh dũng tuyệt vời, quyết tâm thực hiện lời dạy của Người: “Hễ còn một tấc đất trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi”.

Miền Nam đi trước về sau, bền bỉ kiên cường, xứng đáng với danh hiệu “Thành đồng của Tổ quốc”, càng đánh càng mạnh, càng thắng, đã làm cho đạo quân xâm lược được trang bị đến tận răng, ngày càng lún sâu trong vũng lầy của cuộc chiến tranh tội lỗi. Từ trong ngọn lửa chiến đấu trường kỳ quyết liệt, chính quyền cách mạng ở miền Nam đã ra đời, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đang làm nhiệm vụ lịch sử lãnh đạo quân và dân ta đánh đuổi đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Miền Bắc đứng vững trước những trận mưa bom, đánh tan tác bọn giặc trời đến gây tội ác, dóc lòng dóc sức chi viện miền Nam, tiếp tục tiến lên từng bước vững chắc trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta đã liên tiếp đánh bại những chiến lược chiến tranh cướp nước của kẻ thù. Những đạo quân xâm lược thừa thãi đạn bom của đế quốc Mỹ chắc chắn sẽ không tránh khỏi số phận bi thảm đã dành cho những đội quân xâm lược trên đất nước này.

** * **

Hơn bốn chục năm đấu tranh cách mạng của nhân dân ta từ ngày có Đảng sẽ mãi mãi được khắc bằng những chữ vàng chói lọi trong lịch sử đất tranh oanh liệt hàng ngàn năm dựng nước và chiến đấu giữ nước của

dân tộc ta. Sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của Đảng ta và nhân dân ta đã vượt lên trên ý nghĩa của một cuộc chiến đấu chống xâm lược ở một nước vì nó chứng minh những chân lý mới của thời đại mới.

Trong sự nghiệp vĩ đại đó hiện lên hình ảnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh hùng vĩ mà giản dị, thiêng liêng mà gần gũi, rực rỡ mà thuần khiết như ánh ban mai.

Khoảng thời gian ngắn từ ngày Cách mạng Tháng Tám thành công năm 1945 đến ngày toàn quốc kháng chiến 19 tháng 12 năm 1946 là một thời kỳ rất quan trọng trong lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng ta, của nhân dân ta. Chỉ riêng trong những năm tháng không thể nào quên đó, chúng ta có thể thấy được một hình ảnh khá trọn vẹn của Bác Hồ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người con ưu tú nhất của Tổ quốc Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà chiến lược vĩ đại đã đưa con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua biết bao bão táp phong ba, đi đến những bến bờ thắng lợi.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là con người mới Việt Nam. Bác là lãnh tụ, là người thầy, là đồng chí. Ở Bác tập trung những phẩm chất, đạo đức của con người mới của một xã hội mới vừa bắt đầu hình thành.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là con người của thời đại mới.

Với Đảng, với Chủ tịch Hồ Chí Minh, một thế hệ đã ra đời: Thế hệ Hồ Chí Minh.

Thế hệ đó đã đảm đương nhiệm vụ làm người chiến sĩ

xung kích chiến đấu cho một kỷ nguyên mới của đất nước, của loài người: kỷ nguyên của độc lập, tự do, của chủ nghĩa xã hội.

Thế hệ đó được rèn luyện theo gương Bác Hồ vĩ đại, đang không ngừng tiến lên thực hiện lý tưởng của Người, của Đảng là: "xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới".

Thế hệ đó đang tiếp tục đi lên theo tiếng gọi của Người.

"Tiến lên!

Toàn thắng ắt về ta!".

Mùa xuân 1972

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
- TỪ NHÂN DÂN MÀ RA	7
- NHỮNG NĂM THÁNG KHÔNG THỂ NÀO QUÊN	243
• Phần thứ nhất	247
• Phần thứ hai	415

Ch u trách nhi m xu t b n

GIÁM C - T NG BIÊN T P

GS. TS. PH M MINH TU N

Ch u trách nhi m n i dung

Y VIÊN H I NG BIÊN T P - XU T B N

TS. VÕ V N BÉ

Biên t p n i dung: TS. HOÀNG M NH TH NG

V PH NG HÀ

TR N PHAN BÍCH LI U

V bìa:

PH M DUY THÁI

Ch b n vi tính:

LÂM TH H NG

S a b n in:

PHÒNG BIÊN T P K THU T

c sách m u:

V PH NG HÀ

VI T HÀ

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội, ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222
Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Lưu Văn Lợi - Nguyễn Anh Vũ (Đồng chủ biên)

TIẾP XÚC BÍ MẬT VIỆT NAM - HOA KỲ TRƯỚC HỘI NGHỊ PARI

Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước

HỘI NGHỊ PARI - CÁNH CỬA ĐẾN HOÀ BÌNH

Daniel Ellsberg

HỒ SƠ MẬT LẬU NĂM GÓC VÀ HỒI ỨC VỀ CHIẾN TRANH VIỆT NAM

(Sách tham khảo)

ISBN 978-604-57-4063-7



Giá: 143.000đ